

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo	6
1.2. Thông tin chung	6
1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hạ Long	6
1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Sư phạm	7
1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	8
1.5.1. Mục tiêu chung	8
1.5.2. Mục tiêu cụ thể	8
1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	9
1.6.1. Kiến thức	9
1.6.2. Kỹ năng	9
1.6.3. Phẩm chất đạo đức	10
1.6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	10
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học	12
1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	13
1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh	13
1.8.2. Quá trình đào tạo	13
1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp	13
1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập:	13
1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp	13
1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp	14
1.9.3. Học trải nghiệm	14
1.9.4. Dạy học tương tác	15
1.9.5. Tự học	15
1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá	16
1.10.1. Các phương pháp đánh giá	16
1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá	20
1.11. Hệ thống tính điểm	30
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	30
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy	30
2.2. Danh sách các học phần	2
2.3. Tiến trình đề xuất học tập	6
2.4. Mô tả nội dung học phần	8
2.4.1. Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)	8
2.4.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)	8
2.4.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)	9
2.4.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)	9
2.4.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	9

2.4.6. Pháp luật đại cương (3 tín chỉ)	9
2.4.7. Tiếng Anh 1 (2 tín chỉ)	9
2.4.8. Tiếng Anh 2 (2 tín chỉ)	9
2.4.9. Tiếng Anh 3 (2 tín chỉ)	9
2.4.10. Tiếng Anh 4 (3 tín chỉ)	10
2.4.11. Tin học ứng dụng (3 TC)	10
2.4.12. Giáo dục thể chất 1 (1 tín chỉ)	10
2.4.13. Giáo dục thể chất 2 (2 tín chỉ)	10
IV. Giáo dục Quốc phòng – An Ninh	11
2.4.14. Cơ sở Văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)	12
2.4.15. Logic học đại cương (2 tín chỉ)	12
2.4.16. Soạn thảo văn bản (2 tín chỉ)	12
2.4.17. Tâm lí học đại cương (2 tín chỉ)	12
2.4.18. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)	12
2.4.19. Nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)	13
2.4.20. Mĩ thuật cơ bản (2 tín chỉ)	13
2.4.21. Âm nhạc cơ bản (2 tín chỉ)	13
2.4.22. Sinh lí học trẻ em (2 tín chỉ)	13
2.4.23. Văn học thiếu nhi (2 tín chỉ)	13
2.4.24. Tiếng Việt thực hành trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)	13
2.4.25. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo (2 tín chỉ)	14
2.4.26. Giáo dục gia đình (2 tín chỉ)	14
2.4.27. Đàn Oorgan (2 tín chỉ)	14
2.4.28. Tâm lí học mầm non (3 tín chỉ)	14
2.4.29. Giáo dục học mầm non (3 tín chỉ)	14
2.4.30. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	14
2.4.31. Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non (2 tín chỉ)	15
2.4.32 Phòng bệnh và Đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	15
2.4.33. Vệ sinh - Dinh dưỡng trẻ em (3 tín chỉ)	15
2.4.34. Chương trình và Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3 tín chỉ)	15
2.4.35. Quản lí và đánh giá trong giáo dục mầm non (3 tín chỉ)	15
2.4.36. Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)	16
2.4.37. Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn học (3 tín chỉ)	16
2.4.38. Toán và Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán (3 tín chỉ)	16
2.4.39. Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh (3 tín chỉ)	16
2.4.40. Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)	16
2.4.41. Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)	16

2.4.42. Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)	17
2.4.43. Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ (3 tín chỉ)	17
2.4.44. Ứng dụng trong công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non (1 tín chỉ)	17
2.4.45. Một số mô hình giáo dục mầm non trên thế giới (2 tín chỉ)	17
2.4.46. Tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm (2 tín chỉ)	17
2.4.47. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non (2 tín chỉ)	18
2.4.48. Phát triển năng lực đọc – viết cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	18
2.4.49. Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	18
2.4.50. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	18
2.4.51. Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm (2 tín chỉ)	18
2.4. 52. Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non (2 tín chỉ)	19
2.4. 53. Giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	19
2.4.54. Ứng dụng phương pháp dạy học dự án (Project-Method) trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)	19
2.4.55. Tổ chức hoạt động giáo dục Stem trong trường mầm non (2 tín chỉ)	19
2.4.56. Ứng dụng phương pháp Montessori trong tổ chức hoạt động giáo dục trong trường Mầm non (2 tín chỉ)	19
2.4.57. Thực hành sự phạm thường xuyên 1 (THSPTX1) (2 tín chỉ)	19
2.4.58. Thực hành sự phạm thường xuyên 2 (THSPTX2) (2 tín chỉ)	20
2.4.59. Thực hành sự phạm thường xuyên 3 (THSPTX3) (2 tín chỉ)	20
2.4.60. Thực hành sự phạm thường xuyên 4 (THSPTX4) (2 tín chỉ)	20
2.4.61. Thực tập sự phạm 1 (2 tín chỉ)	20
2.4.62. Thực tập sự phạm 2 (5 tín chỉ)	20
2.4.63. Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	20
2.4.64. Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non (2 tín chỉ)	21
2.4.65. Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ trẻ (2 tín chỉ)	21
2.4.66. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục mầm non	21
2.5. Đề cương chi tiết học phần	22
2.5.1. Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)	22
2.5.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)	37
2.5.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)	51
2.5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)	68
2.5.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	89
2.5.6. Pháp luật đại cương (3 tín chỉ)	105

2.5.7. Tiếng Anh 1 (2 tín chỉ)	122
2.5.8. Tiếng Anh 2 (2 tín chỉ)	128
2.5.9. Tiếng Anh 3 (2 tín chỉ)	133
2.5.10. Tiếng Anh 4 (2 tín chỉ)	138
2.5.11. Tin học ứng dụng	144
2.5.12. Giáo dục thể chất 1 (thể dục)	160
2.5.13. Giáo dục thể chất 2 (bóng bàn)	170
IV. Giáo dục Quốc phòng An ninh	181
GDQP – AN 1.	181
GDQP – AN 2.	192
GDQP – AN 3.	201
GDQP – AN 4.	210
2.5.14. Cơ sở Văn hóa Việt Nam	217
2.5.15. Logic học đại cương	226
2.5.1.16. Soạn thảo văn bản	237
2.5.17. Tâm lý học đại cương	237
2.5.18. Giáo dục học đại cương	266
2.5.19. NCKH trong GDMN	279
2.5.20. Mĩ thuật cơ bản	297
2.5.21. Âm nhạc cơ bản	313
2.5.22. Sinh lý trẻ em	325
2.5.23. Văn học thiếu nhi	340
2.5.24. Tiếng Việt thực hành trong GDMN	358
2.5.25. Quản lí HCNN & QLNGĐT	375
2.5.26. Giáo dục gia đình (2 tín chỉ)	389
2.5.27. Đàn Oocgan (2 tín chỉ)	400
2.5.28. Tâm lý học mầm non (3 tín chỉ)	415
2.5.29. Giáo dục học mầm non (3 tín chỉ)	428
2.5.30. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	445
2.5.31. Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non (2 tín chỉ) ..	459
2.5.32. Phòng bệnh và ĐBAT cho trẻ MN	476
2.5.33. Vệ sinh Dinh dưỡng	490
2.5.34. Chương trình và TCTH chương trình GDMN	509
2.5.35. Quản lí và đánh giá trong GDMN	525
2.5.36. Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	543
2.5.37. Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	566
2.5.38. Toán và Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán	585
2.5.39. Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	600
2.5.40. Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	616

2.5.41. Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	632
2.5.42. Tổ chức hoạt động Âm nhạc	651
2.5.43. Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ (3 tín chỉ)	666
2.5.44. Ứng dụng trong công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non (1 tín chỉ)	684
2.5.45. Một số mô hình giáo dục mầm non trên thế giới (2 tín chỉ)	696
2.5.46. Tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm (2 tín chỉ)	712
2.5.47. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non (2 tín chỉ)	725
2.5.48. Phát triển năng lực đọc – viết cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	741
2.5.49. Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	753
2.5.50. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	767
2.5.51. Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm (2 tín chỉ)	784
2.5. 52. Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non (2 tín chỉ)	798
2.5. 53. Giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	811
2.5.54. Ứng dụng phương pháp dạy học dự án (Project-Method) trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)	827
2.5.55. Tổ chức hoạt động giáo dục Stem trong trường mầm non (2 tín chỉ)	841
2.5.56. Ứng dụng phương pháp Montessori trong tổ chức hoạt động giáo dục trong trường Mầm non (2 tín chỉ)	859
2.5.57. Thực hành sự phạm thường xuyên 1 (THSPTX1) (2 tín chỉ)	877
2.5.58. Thực hành sự phạm thường xuyên 2 (THSPTX2) (2 tín chỉ)	890
2.5.59. Thực hành sự phạm thường xuyên 3 (THSPTX3) (2 tín chỉ)	904
2.5.60. Thực hành sự phạm thường xuyên 4 (THSPTX4) (2 tín chỉ)	918
2.5.61. Thực tập sự phạm 1 (2 tín chỉ)	931
2.5.62. Thực tập sự phạm 2 (5 tín chỉ)	935
2.5.63. Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)	939
2.5.64. Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non (2 tín chỉ)	962
2.5.65. Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ trẻ (2 tín chỉ)	977
2.5.66. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục mầm non	996

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHL ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục mầm non (GDMN) trình độ đại học của Trường Đại học Hạ Long (ĐHHL) được ban hành và sử dụng để đào tạo cử nhân ngành GDMN từ năm 2021. CTĐT được thiết kế 124 tín chỉ bao gồm khối kiến thức đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, được sắp xếp khoa học, hợp lý để đảm bảo trong 04 năm học sinh viên được tiếp nhận đầy đủ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp. Trường Đại học Hạ Long có đầy đủ điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, nghiên cứu.

1.2. Thông tin chung

Các thông tin chung về CTĐT được trình bày ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1. Thông tin chung về CTĐT

Nội dung	
Tên gọi:	Giáo dục mầm non
Mã ngành	7140201
Bậc:	Đại học
Loại bằng:	Cử nhân
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	04 năm
Số tín chỉ:	124
Đơn vị quản lý:	Khoa Sư phạm
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Website:	uhl.edu.vn

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hạ Long

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Quảng Ninh và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Hạ Long trở thành một trong những cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng có uy tín, đặc biệt có vị thế hàng đầu trong cả nước về đào tạo nhân lực thuộc lĩnh vực du lịch và ngôn ngữ.

Triết lí giáo dục: "Học đi đôi với hành, học để làm người, học để thành công"

Tư tưởng có tính chất kim chi nam, định hướng mọi hành động, hoạt động giáo dục của Nhà trường là: "Học đi đôi với hành, học để làm người, học để thành công". Triết lí này là quan niệm nền tảng mà đội ngũ cán bộ, giảng viên, người lao động và đội ngũ sinh viên cần tuân theo để đạt mục tiêu đào tạo, để người học đạt chuẩn đầu ra của ngành học, sau khi tốt nghiệp thành công trong cuộc sống; để Nhà trường hoàn thành sứ mạng được giao, đạt được tầm nhìn mong muốn, tạo lập được các giá trị cốt lõi: Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.

Giá trị cốt lõi: “Chất lượng, Sáng tạo, Nhân văn”.

Những giá trị được Trường Đại học Hạ Long xây dựng, bảo vệ và phát triển trở thành nền tảng định hướng mọi hoạt động là:

Chất lượng (CV1): Trường Đại học Hạ Long luôn đặt chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học lên hàng đầu trong mọi hoạt động xây dựng và phát triển của Nhà trường. Mọi sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường đều phục vụ cho xã hội hiệu quả, vì lợi ích cộng đồng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

Sáng tạo (CV2): Động lực phát triển của Nhà trường là đổi mới, sáng tạo dựa trên kế thừa những thành quả đã đạt được, tiếp thu tri thức, kinh nghiệm của nhân loại, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp. Các thành viên của Nhà trường được khuyến khích theo đuổi các ý tưởng mới, liên tục khám phá, đổi mới, tạo lập sản phẩm mới, giá trị mới đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

Nhân văn (CV3): Các giá trị của Nhà trường được tạo lập trên nguyên tắc tôn trọng con người, tôn trọng các cá nhân và tôn trọng sự khác biệt, tinh thần sẻ chia và hợp tác cùng phát triển.

1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Sư phạm

Tầm nhìn

Khoa Sư phạm phấn đấu trở thành địa chỉ đào tạo, nghiên cứu và tư vấn có uy tín về khoa học GDMN nói riêng và các ngành sư phạm nói chung; có năng lực cạnh tranh, hội nhập trong nước và khu vực.

Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng ngành Giáo dục Mầm non và các ngành sư phạm khác; tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh và cả nước.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1.5.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành GDMN đáp ứng được yêu cầu đổi mới của GDMN trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Có đủ sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng; có kiến thức về khoa học Giáo dục Mầm non. Có kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện tốt chương trình GDMN. Có năng lực nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn Giáo dục Mầm non, đáp ứng được sự phát triển của GDMN, chủ động trong giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc.

1.5.2. Mục tiêu cụ thể

1.5.2.1. Kiến thức

- PO1: Có hiểu biết căn bản về khoa học cơ bản để vận dụng linh hoạt, có hiệu quả vào thực tiễn GDMN và cuộc sống.
- PO2: Có kiến thức cơ sở ngành (đặc điểm phát triển tâm lý, sinh lý của trẻ em, âm nhạc, tạo hình, v.v.) để vận dụng sáng tạo trong GDMN.
- PO3: Có kiến thức về chương trình và phát triển chương trình GDMN, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non, để thực hiện sáng tạo chương trình GDMN đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.5.2.2. Kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng của ngành GDMN.

- PO4: Quan sát, phân tích, đánh giá đúng sự phát triển của trẻ (đặc điểm cá nhân, đặc điểm phát triển về tâm lý, sinh lý, nhân cách trẻ).
- PO5: Phân tích, đánh giá, phát triển được chương trình GDMN; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình GDMN phù hợp với từng độ tuổi cũng như thực tế địa phương.
- PO6: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu khoa học, phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn, vận dụng các kết quả nghiên cứu vào hoạt động nghề nghiệp.
- PO7: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp với học sinh, phụ huynh và các bên liên quan trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; có kỹ năng tư vấn, hợp tác, hỗ trợ đồng nghiệp, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.
- PO8: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong lĩnh vực Giáo dục mầm non (tiếng Anh đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương; Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ

bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).

1.5.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PO9: Yêu Tổ quốc, thấm nhuần thế giới quan Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Có đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật, có trách nhiệm công dân, thực hiện nghiêm túc Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- PO10: Chủ động, độc lập, linh hoạt, hợp tác, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

1.6.1. Kiến thức

- PLO1: Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức cơ bản về chính trị – xã hội, pháp luật, chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam vào thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.

- PLO2: Vận dụng có hiệu quả kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và các mô hình, phương pháp GDMN tiên tiến vào việc xây dựng, tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ.

- PLO3: Tổ chức thực hiện được chương trình GDMN theo hướng tích hợp có hiệu quả cho trẻ ở các đối tượng khác nhau, bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt ở tất cả các nhóm tuổi, các loại hình trường, lớp mầm non.

1.6.2. Kỹ năng

1.6.2.1. Kỹ năng cứng

- PLO4: Đánh giá, điều chỉnh được các loại kế hoạch các hoạt động chăm sóc - giáo dục cho trẻ mầm non.

- PLO5: Quản lý và giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ.

- PLO6: Giao tiếp, ứng xử phù hợp với học sinh, phụ huynh và các bên liên quan trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; tư vấn, hỗ trợ, vận động gia đình, cộng đồng phối hợp chăm sóc - giáo dục trẻ có hiệu quả.

1.6.2.2. Chuẩn ngoại ngữ, tin học

- PLO7: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, tổ chức được một số hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh cho trẻ mầm non, tiếng Anh đạt chuẩn năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

- PLO8: Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng CNTT vào việc thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.6.3. Phẩm chất đạo đức

- PLO9: Yêu trẻ, yêu nghề, giữ gìn phẩm chất danh dự nhà giáo, nỗ lực vượt khó trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp; có trách nhiệm công dân, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

1.6.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO10: Tự học, tự nghiên cứu, tiếp cận được xu thế phát triển của ngành GDMN trong khu vực và trên thế giới hiệu quả; rèn luyện để hoàn thiện bản thân, nâng cao trình độ, có thể tiếp tục học ở bậc học cao hơn; có khả năng làm việc độc lập, theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; chủ động, tích cực chia sẻ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp với đồng nghiệp và cộng đồng; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể trong các hoạt động.

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được thể hiện trong bảng 1.2.

Bảng 1.2 Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1	x						x	x		
PO2		x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO3		x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO4			x	x	x	x				
PO5			x	x	x	x			x	
PO6									x	
PO7					x	x				
PO8							x			
PO9	x							x		
PO10										x

Bảng 1.3. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia

TT	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm

	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO1		x	x												
PLO2	x			x	x										
PLO3	x			x											
PLO4	x			x	x				x						x
PLO5						x									
PLO6							x	x	x	x			x	x	
PLO7			x								x				
PLO8	x	x													
PLO9								x				x			
PL10												x	x		x

Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học
(Trích từ Bảng mô tả Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết GDMN sâu, rộng.	KN1: Có kỹ năng giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến GDMN.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm hiệu quả trong môi trường làm việc có sự vận động, thay đổi; dám chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản	KN2: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi	TCTN2: Hướng dẫn, giám

về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vững vàng.	ng nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	sát được người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng tốt yêu cầu công việc.	KN3: Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng được các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN3: Tự định hướng, đưa ra được kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể đáp ứng tốt yêu cầu công việc.	KN4: Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn vững vàng.	KN5: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp chuyên môn tới người khác; chuyển tải, phổ biến được kiến thức, kỹ năng trong thực các nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Năng lực tiếng Anh đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.	

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học có năng lực thực hiện công việc ở các vị trí việc làm sau:

Giáo viên tại các cơ sở Giáo dục Mầm non;

Cán bộ quản lý ở các cơ sở GDMN;

Chuyên viên GDMN ở các phòng Giáo dục, Sở GD&ĐT;

Nghiên cứu viên tại các trung tâm, viện nghiên cứu, các cơ sở ứng dụng khoa học thuộc lĩnh vực về khoa học GDMN;

Chuyên viên phụ trách, tư vấn, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non tại các cơ quan và tổ chức xã hội;

Tiếp tục tham gia học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

Ngoài các tiêu chí chung do Bộ GD&ĐT ban hành, Nhà trường còn có các tiêu chí cụ thể được quy định tại Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Hạ Long.

1.8.2. Quá trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Thời gian đào tạo trong 04 năm. Mỗi năm học gồm hai học kì chính, mỗi học kì có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kì chính, còn có học kì hè để sinh viên học lại, học bù hoặc học vượt. Học kì hè có 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

Tích lũy đủ số tín chỉ và số môn học của CTĐT;

Điểm trung bình chung tích lũy từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4);

Đạt chuẩn ngoại ngữ, công nghệ thông tin theo quy định của Trường.

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập:

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một vấn đề mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm phương pháp giải thích cụ thể bao gồm:

1.9.1.1. Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)

Giải thích cụ thể là phương pháp, trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp sinh viên đạt được mục tiêu bài học.

1.9.1.2. Thuyết giảng (Lecture)

Giảng viên thuyết trình, diễn giảng và giải thích các nội dung trong bài giảng; Sinh viên nghe giảng và ghi chép để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

Ngoài các phương pháp trên, có thể sử dụng thêm các phương pháp khác phù hợp với mục tiêu, nội dung học phần như : Trực quan, Kể chuyện...

1.9.1.3. Trực quan (Intuitive)

Là phương pháp sử dụng những phương tiện trực quan, phương tiện kỹ thuật dạy học trước, trong và sau khi nắm tài liệu mới trong khi ôn tập, củng cố, hệ thống hoá và kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp: Dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy trực tiếp nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

1.9.2.1. Câu hỏi gợi mở (Inquiry)

Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài tập, vấn đề đặt ra.

1.9.2.2. Giải quyết vấn đề (Problem Solving)

Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng và hình thành năng lực mới thông qua giải quyết vấn đề.

1.9.2.3. Học theo tình huống (Case Study)

Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Với phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay các thách thức trong thực tế và yêu

cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm, qua quan sát thực tế và cảm nhận, qua thực hành.

Các phương pháp dạy học theo chiến lược này gồm: thực tế (Field Trip), thực hành, thực tập, và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team).

1.9.3.1. Thực tế, thực hành, thực tập (Field Trip)

Thông qua các hoạt động thực tế, thực hành, thực tập, sinh viên hiểu được môi trường làm việc, công việc thực tế của trường mầm non; củng cố kiến thức, hình thành kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp và văn hóa làm việc. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

1.9.3.2. Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các nhóm nghiên cứu giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo trong giáo dục mầm non. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn sau khi tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu học tập. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp theo chiến lược này gồm có: thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning)

1.9.4.1. Thảo luận (Discussion)

Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

1.9.4.2. Học nhóm (Peer Learning)

Sinh viên được tổ chức thành các nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo, thuyết trình, tập giảng trước các nhóm và giảng viên.

1.9.5. Tự học

Tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua các bài tập,

thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn.

Phương pháp học này chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment)

Bài tập ở nhà (Work Assignment):

Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ trong thời gian tự học với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung, kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu. Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLOs, thể hiện trong Bảng 1.4.

Bảng 1.4 Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học

Chiến lược và phương pháp dạy học		PLOs										Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Dạy trực tiếp											
1	Giải thích cụ thể	x	x	x	x	x	x	x	x			
2	Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x			
II	Dạy gián tiếp											
3	Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x					
4	Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
5	Học tình huống	x	x	x	x	x	x		x	x		
III	Học trải nghiệm											
6	Thực tế, thực hành, thực tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
7	Nhóm nghiên cứu giảng dạy	x	x	x	x	x	x			x		
IV	Dạy học tương tác											
8	Thảo luận	x	x	x	x	x			x		x	
9	Học nhóm	x	x	x	x	x						
V	Tự học											
10	Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x	x			x		

1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá

1.10.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học. Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các

bên liên quan gồm người dạy, người học và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Chương trình đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (on going/formative assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (summative assessment).

Trong đánh giá theo tiến trình hoặc đánh giá tổng kết/ định kì, tùy theo mục đích, yêu cầu của loại bài kiểm tra, đánh giá mà giảng viên có thể sử dụng hoặc không sử dụng các rubrics - các bảng đánh giá theo tiêu chí. Rubric là công cụ đánh giá chỉ rõ các tiêu chí đạt được trên tất cả các nhiệm vụ của sinh viên, từ nhiệm vụ trình bày bằng văn bản đến nhiệm vụ trình bày bằng miệng và nhiệm vụ trực quan, qua đó, đưa ra các đánh giá định lượng hoặc định tính khách quan, công bằng.

1.10.1.1. Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá tiến trình gồm: Đánh giá chuyên cần (attendance check), đánh giá bài tập (work assignment), đánh giá thuyết trình (oral presentation), đánh giá thực hành (project attendance), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assesment), báo cáo; kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), kiểm tra viết (written exam).

a. Đánh giá chuyên cần (attendance check): Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Quyết định số 686/QĐ-ĐHHL ngày 26/8/2016 v/v Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 324/QĐ-ĐHHL ngày 26/5/2019 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngày ban hành kèm theo số 686/QĐ-ĐHHL ngày 26/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long.

b. Đánh giá bài tập (work assignment): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể như Rubric 3.

c. Đánh giá thuyết trình (oral presentation): Sinh viên được yêu cầu giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học theo nhóm hoặc cá nhân và trình bày kết quả. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được kiến thức, phát triển kỹ năng

giao tiếp, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.

d. Đánh giá thực hành (project attendance): Sinh viên được yêu cầu thực hành cá nhân hoặc làm việc nhóm. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 2.

e. Đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.

g. Báo cáo (written report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.

h. Kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam): Phương pháp đánh giá này sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời được thiết kế sẵn.

Kiểm tra viết (written exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

1.10.1.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kì, và đánh giá cuối học kì.

Các phương pháp đánh giá tổng kết/định kì gồm: Kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), đánh giá vấn đáp (oral exam), báo cáo (written report), đánh giá thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assesment) và thực hành (practices assignment).

a. Kiểm tra viết (written exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh

[illegible]

5	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x		
7	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	x	x	x		x	x	x	x		
8	Báo cáo (Written Report)									x	
II Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)											
1	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x				x	
2	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	x	x	x				x			
3	Đánh giá vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x		x	x		x		
4	Báo cáo (Written Report)						x	x		x	x
5	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)								x	x	x
6	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)						x		x	x	x
7	Đánh giá thực hành (Project Attendance)		x	x	x	x	x	x	x	x	

1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, CTĐT đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng học phần để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

Đánh giá chuyên cần (attendace check)

Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Thông tư 08/2021/TT-Bộ GDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Quy chế đào tạo trình độ đại học của trường ĐHHL

Rubric 1. Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq$ 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq$ 75% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

Rubric 2. Đánh giá thực hành (project attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ (<50%), kết quả sai, trình tự các bước không hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/ tập giảng	Không thuyết minh/ thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng, logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp	15%

	cấu trúc, nội dung không đúng.	sai sót	đúng, ghi chú đầy đủ.	Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn	

Rubric 3. Đánh giá bài tập (work assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu về thể thức nhưng còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu, cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Rubric 4. Đánh giá thuyết trình (oral presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung tương đối phù hợp với yêu cầu, nhưng hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung khá phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	Nội dung rất phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu.	25%
Thuyết trình	Bố cục 3 phần không rõ ràng, Trình bày không đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bố cục chưa rõ ràng, Bài trình bày đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng, Bài trình bày đầy đủ. thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, đã có sự tương tác với người nghe. Người nghe hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng, bài trình bày đầy đủ. thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói lưu loát, tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu nội dung trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng, bài trình bày đầy đủ. thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói lưu loát, truyền cảm thu hút sự chú ý của người nghe. Người nghe dễ hiểu nội dung trình bày và kịp theo dõi nội dung trình bày.	25%

Rubric 5. Đánh giá vấn đáp (oral exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp hợp tác. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp hợp tác, nhẹ nhàng, hòa nhã. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe.	Thái độ giao tiếp hợp tác, nhẹ nhàng, hòa nhã. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, phù hợp, dễ hiểu, tự tin. Giọng nói lưu loát, vừa phải, rõ ràng, dễ nghe.	Thái độ giao tiếp hợp tác, nhẹ nhàng, hòa nhã. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, phù hợp, dễ hiểu, rất tự tin. Giọng nói lưu loát, vừa phải, rõ ràng, thu hút, có tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời đúng trọng tâm, rõ ràng, đúng, đủ, ngắn gọn. Thể hiện sự tự tin hiểu biết trong câu trả lời, nhưng lập luận giải thích một số nội dung chưa thuyết phục.	Các câu trả lời đúng trọng tâm, rõ ràng, đúng, đủ, ngắn gọn. Thể hiện sự tự tin hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích hoàn toàn thuyết phục.	80%

Rubric 6. Đánh giá báo cáo (written report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nội dung kiến thức	Không có hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung chưa đầy đủ theo yêu cầu. còn một số nội dung chưa xác, chính xác, còn nhầm lẫn.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nội dung chưa chính xác, nhầm lẫn.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, chính xác, trình tự hợp lý. Giải thích chưa cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, chính xác, trình tự hợp lý. Giải thích cụ thể, rõ ràng, thuyết phục.	60%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung	Trình tự trình bày không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu chưa phù hợp với nội dung. Trình bày còn một số lỗi chính tả, ghi chú chưa đầy đủ.	Trình tự trình bày nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu khá phù hợp với nội dung. Trình bày còn một số lỗi chính tả, ghi chú chưa đầy đủ.	Trình tự trình bày nội dung phù hợp theo yêu cầu, nội dung, cấu trúc rõ ràng, logic. Hình vẽ, bảng biểu phù hợp với nội dung. Không có lỗi chính tả trong trình bày, ghi chú đầy đủ.	Trình tự trình bày nội dung phù hợp theo yêu cầu, nội dung cấu trúc rõ ràng, logic. Hình vẽ, bảng biểu phù hợp. Ghi chú đầy đủ, không có lỗi chính tả. Nội dung, hình ảnh trình chiếu phù hợp với nội dung trình bày.	20%
Sản phẩm báo cáo	Không có hoặc thiếu sản phẩm, không đúng nội dung.	Đầy đủ nội dung nhưng cấu trúc chưa hợp lý. Ghi chú không được thể hiện rõ ràng, đầy đủ. Còn một số hoặc không rõ ràng, thiếu một số phần	Đầy đủ nội dung. Cấu trúc khá hợp lý. Ghi chú được thể hiện rõ ràng, đầy đủ. Còn một số lỗi về trình bày.	Đầy đủ nội dung. Cấu trúc hợp lý. Ghi chú được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, vẫn còn một số ít lỗi trình bày.	Đầy đủ nội dung. Cấu trúc rất hợp lý. Ghi chú được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, không còn lỗi trình bày.	20%

		trên sản phẩm.				

Rubric 7. Đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Có sự làm việc nhóm, nhưng trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, rõ ràng.	Có sự làm việc nhóm, mỗi thành viên có trách nhiệm và nhiệm vụ công việc riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Có sự làm việc nhóm, mỗi thành viên có trách nhiệm và nhiệm vụ công việc riêng rõ ràng, phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Có sự làm việc nhóm, mỗi thành viên có trách nhiệm và nhiệm vụ công việc riêng rõ ràng, phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	40%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	20%
Thảo luận	Không tham gia thảo luận nhóm.	Ít khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	20%

Phối hợp nhóm	Không phối hợp, hợp tác với nhóm.	Ít khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Thỉnh thoảng hợp tác, phối hợp với nhóm. Có sự tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Thường xuyên hợp tác, phối hợp với nhóm; tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Luôn luôn hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

1.11. Hệ thống tính điểm

Hệ thống tính điểm được xác định trong Quy chế đào tạo của Trường Đại học Hạ Long.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Chương trình giảng dạy được chia thành 2 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được thể hiện trong

Bảng 2.1 Các khối kiến thức và số tín chỉ

Stt	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	27	25	2
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	97	87	10
	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	18	16	2
	<i>Kiến thức ngành</i>	56	48	8
	<i>Thực hành, thực tập và tốt nghiệp</i>	23	23	0
Tổng		124		

Trong đó:

Khối kiến thức giáo dục đại cương có tổng 27 tín chỉ, bao gồm các học phần lý luận Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học xã hội, nhân văn – nghệ thuật, ngoại ngữ, khoa học tự nhiên, Tiếng Việt thực hành, Soạn thảo văn bản, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Logic,... với mục đích giúp sinh viên có viên kiến thức nền tảng đầy đủ về cơ sở khoa học, cần thiết cho các học phần khác trong khối kiến thức chuyên ngành.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có tổng 97 tín chỉ, bao gồm các khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế KLTN. Trong đó:

+ Kiến thức cơ sở ngành có 18 tín chỉ (16 tín chỉ bắt buộc, 2 tín chỉ tự chọn), gồm các học phần với mục tiêu giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục mầm non.

Kiến thức ngành có 56 tín chỉ (48 tín chỉ bắt buộc, 8 tín chỉ tự chọn), gồm các học phần với nội dung giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ ở các cơ sở mầm non.

+ Thực hành, thực tập và tốt nghiệp có 23 tín chỉ, bao gồm các học phần với nội dung giúp sinh viên hình thành phẩm chất, năng lực, kỹ năng cần thiết của người giáo viên mầm non.

Các khối kiến thức được thiết kế đảm bảo cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 2.2.

Ma trận của các khối kiến thức và chuẩn đầu ra của CTĐT được thể hiện trong Bảng 2.2.

Bảng 2.2 Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Stt	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỉ lệ	PLOs									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Kiến thức giáo dục đại cương	27	21.7%	H	L	L	L	L	L	H	M	M	M
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
	1.1. Kiến thức cơ sở ngành	18	14.5 %	L	H	M	L	M	M		M	H	M
	1.2. Kiến thức ngành (bao gồm cả chuyên ngành)	56	45.2%	L	H	H	H	H	M	L	M	M	M
	1.3. Thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp	23	18.5%	L	H	H	H	H	H	L	M	M	M
Tổng		124											

Chú thích: H– Cao, M – Trung bình, L – Thấp

2.2. Danh sách các học phần

Stt	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại TC		Số tiết	Tín chỉ	
				LT	TH		BB	TC
A		Khối kiến thức giáo dục đại cương	27	18	9	540		
A1		Bắt buộc	25	16	9	510		
I		Lý luận chính trị - Pháp luật	14	14	0	210		
1	CB601001	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	45	BB	
2	CB601002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	30	BB	
3	CB601003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	30	BB	
4	CB601004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	30	BB	

5	CB601005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	30	BB	
6	CB601007	Pháp luật đại cương	3	3	0	45	BB	
II		Ngoại ngữ - Tin học	11	2	9	300		
7	NN602131	Tiếng Anh 1	2	0	2	60	BB	
8	NN602132	Tiếng Anh 2	2	0	2	60	BB	
9	NN602133	Tiếng Anh 3	2	0	2	60	BB	
10	NN602134	Tiếng Anh 4	2	0	2	60	BB	
11	IT601001	Tin học ứng dụng	3	2	1	60	BB	
III		Giáo dục thể chất	3*	0	3*	90*		
12	CB601022	Giáo dục thể chất 1	1*	0	1*	30*		
13	CB601023	Giáo dục thể chất 2	2*	0	2*	60*		
IV	CB601024	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8*	0	8*	165*		
A2		Tự chọn (Chọn 1 trong 3 HP)	2	2	0	30		
14	VH602005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	30		TC
15	CB608006	Lôgic học đại cương	2	2	0	30		TC
16	SP601033	Soạn thảo văn bản	2	1	1	45		TC
B		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	97	47	50	2550		
I		Kiến thức cơ sở ngành	18	11	7	375		
I.1		Các HP bắt buộc	16	9	7	345		
17	SP620001	Tâm lí học đại cương	2	2	0	30	BB	
18	SP620002	Giáo dục học đại cương	2	2	0	30	BB	
19	SP620003	Nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non	2	1	1	45	BB	
20	SP620004	Mỹ thuật cơ bản	2	0	2	60	BB	
21	SP620005	Âm nhạc cơ bản	2	0	2	60	BB	
22	SP620006	Sinh lí học trẻ em	2	2	0	30	BB	
23	SP620007	Văn học thiếu nhi	2	1	1	45	BB	
24	SP620008	Tiếng Việt thực hành trong giáo dục mầm non	2	1	1	45	BB	
I.2		HP tự chọn (Chọn 1 HP trong các 3 HP)	2	2	0	30		TC
25	SP520030	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	2	2	0	30		TC
26	SP620010	Giáo dục gia đình	2	2	0	30		TC
27	SP620011	Đàn Organ	2	0	2	60		TC
II		Kiến thức chuyên ngành	56	36	20	1140		
II.1		Các HP bắt buộc	48	32	16	960		
28	SP620013	Tâm lí học mầm non	3	3	0	45	BB	

29	SP620014	Giáo dục học mầm non	3	2	1	60	BB	
30	SP620015	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	1	1	45	BB	
31	SP620016	Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non	2	1	1	45	BB	
32	SP620017	Phòng bệnh và Đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	1	1	45	BB	
33	SP620018	Vệ sinh - Dinh dưỡng trẻ em	3	3	0	45	BB	
34	SP620019	Chương trình và Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	3	2	1	60	BB	
35	SP620020	Quản lý và đánh giá trong giáo dục mầm non	3	2	1	60	BB	
36	SP620021	Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	2	1	60	BB	
37	SP620022	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	2	1	60	BB	
38	SP620023	Toán và Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán	3	2	1	60	BB	
39	SP620024	Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	2	1	60	BB	
40	SP620025	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	3	2	1	60	BB	
41	SP620026	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	2	1	60	BB	
42	SP620027	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	2	1	60	BB	
43	SP620028	Tổ chức hoạt động giáo dục Thể chất cho trẻ	3	2	1	60	BB	
44	SP620029	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	1	0	1	30	BB	
45	SP620030	Một số mô hình giáo dục mầm non trên thế giới	2	1	1	45	BB	
II.2		<i>HP tự chọn (Chọn 8 TC trong các nhóm sau)</i>	8	4	4	180		
(i)		<i>HP tự chọn nhóm 1 (Chọn 1 HP trong 4 HP)</i>	2	1	1	45		

46	SP620031	Tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.	2	2	0	30		TC
47	SP620032	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2	1	1	45		TC
48	SP620033	Phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non	2	1	1	45		TC
49	SP620034	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non	2	1	1	45		TC
(ii)		<i>HP tự chọn nhóm 2 (Chọn 1 HP trong 4 HP)</i>	2	1	1	45		
50	SP620035	Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non	2	1	1	45		TC
51	SP620036	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.	2	1	1	45		TC
52	SP620037	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	2	1	1	45		TC
53	SP620038	Giáo dục kĩ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non	2	1	1	45		TC
(iii)		<i>HP tự chọn nhóm 3 (Chọn 2 HP trong 3 HP)</i>	4	2	2	90		
54	SP620039	Ứng dụng phương pháp dạy học dự án (Project-Method) trong giáo dục mầm non	2	1	1	45		TC
55	SP620040	Tổ chức hoạt động giáo dục Stem trong trường mầm non	2	1	1	45		TC
56	SP620041	Ứng dụng phương pháp Montessori trong tổ chức hoạt động giáo dục trong trường Mầm non	2	1	1	45		
III		<i>Thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp</i>	15	0	15	675		
57	SP620043	Thực hành sư phạm thường xuyên 1	2	0	2	90		
58	SP620044	Thực hành sư phạm thường xuyên 2	2	0	2	90		
59	SP620045	Thực hành sư phạm thường xuyên 3	2	0	2	90		

60	SP620046	Thực hành sư phạm thường xuyên 4	2	0	2	90		
61	SP620047	Thực tập sư phạm 1	2	0	2	90		
62	SP620048	Thực tập sư phạm 2	5	0	5	225		
IV		Khóa luận tốt nghiệp	8	0	8	360		
		Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	8	5	3	165		
63	SP620049	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non	2	1	1	45	BB	
64	SP620050	Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non	2	1	1	45	BB	
65	SP620051	Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ trẻ	2	1	1	45	BB	
66	SP620052	Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục mầm non	2	2	0	30	BB	
		Tổng khối lượng toàn khóa:	124	65	59	3090		

2.3. Tiến trình đề xuất học tập

Kì học	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại TC		Điều kiện
				LT	TH	
1	NN602131	Tiếng Anh 1	2	0	2	-Tiên quyết (0) -Song hành (1) - Học trước(2)
	CB601022	Giáo dục thể chất 1	1*	0	1*	
	SP620001	Tâm lý học đại cương	2	2	0	
	SP620002	Giáo dục học đại cương	2	2	0	
	SP620004	Mỹ thuật cơ bản	2	0	2	
	SP620005	Âm nhạc cơ bản	2	0	2	
	SP620006	Sinh lý học trẻ em	2	2	0	
	SP620007	Văn học thiếu nhi	2	1	1	
	SP620008	Tiếng Việt thực hành trong giáo dục mầm non	2	1	1	
TS tín chỉ trong học kỳ 1			16	8	8	
2	NN602132	Tiếng Anh 2	2	0	2	NN602131(1)
	IT601001	Tin học ứng dụng	3	2	1	
	CB601023	Giáo dục thể chất 2	2*	0	2*	
	SP620013	Tâm lý học mầm non	3	3	0	SP620001 (2)

	SP620014	Giáo dục học mầm non	3	2	1	SP620002 (2)
	SP620043	Thực hành sư phạm thường xuyên 1	2	0	2	
		Tự chọn 1 mục A2	2	2	0	
TS tín chỉ trong học kỳ 2			15	9	6	
3	CB601001	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
	CB601007	Pháp luật đại cương	3	3	0	
	NN602133	Tiếng Anh 3	2	0	2	NN602132(1)
	SP620003	Nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non	2	1	1	SP620001 (2) SP620002 (2) SP620014 (2) SP620014 (2)
	SP620015	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	1	1	SP620014 (2)
	SP620018	Vệ sinh - Dinh dưỡng trẻ em	3	3	0	PS6220006 (2)
	SP620027	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	2	1	
TS tín chỉ trong học kỳ 3			18	13	5	
4	CB601002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	CB601001(2)
	NN602134	Tiếng Anh 4	2	0	2	NN602133(1)
	SP620021	Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	2	1	SP620008(2)
	SP620025	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	3	2	1	PS6220014 (2)
	SP620026	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	2	1	SP620004 (2)
	SP620044	Thực hành sư phạm thường xuyên 2	2	0	2	PS6220043 (2)
TS tín chỉ trong học kỳ 4			15	8	7	
5	CB601003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	CB601002(2)
	SP620022	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	2	1	SP620007(2)
	SP620023	Toán và Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán	3	2	1	
	SP620024	Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ	3	2	1	PS6220014 (2)
	SP620045	Thực hành sư phạm thường xuyên 3	2	0	2	PS6220044 (2)
		Tự chọn mục I.2	2	2	0	
TS tín chỉ trong học kỳ 5			15	10	5	
6	CB601004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	CB601003(2)
	SP620016	Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non	2	1	1	PS6220014 (2)
	SP620017	Phòng bệnh và Đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	1	1	PS6220006 (2)

	SP620019	Chương trình và Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	3	2	1	PS6220044 (2)
	SP620028	Tổ chức hoạt động giáo dục Thể chất cho trẻ	3	2	1	SP620005 (2)
	SP620030	Một số mô hình giáo dục mầm non trên thế giới	2	1	1	
	SP620046	Thực hành sư phạm thường xuyên 4	2	0	2	PS6220045 (2)
TS tín chỉ trong học kỳ 6			16	9	7	
7	CB601005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	CB601004(2)
	SP620020	Quản lý và đánh giá trong giáo dục mầm non	3	2	1	PS6220045 (2)
	SP620029	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	1	0	1	INT1001 (1)
		Tự chọn nhóm 1 mục (i)	2	1	1	
		Tự chọn nhóm 2 mục (ii)	2	1	1	
		Tự chọn nhóm 3 mục (iii)	2	1	1	
		Tự chọn nhóm 3 mục (iii)	2	1	1	
TS tín chỉ trong học kỳ 7			14	8	6	
		Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	8			
	SP620048	Thực tập sư phạm 2	5	0	5	SP620047 (2)
TS tín chỉ trong học kỳ			13	0	13	

2.4. Mô tả nội dung học phần

A. Khối kiến thức giáo dục đại cương

I. Lí luận – Chính trị

2.4.1. Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)

Người học có kiến thức, kỹ năng căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. Hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề trong đời sống. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin.

2.4.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về Kinh tế chính trị Mác-Lênin; có kỹ năng vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn; tin tưởng vào con đường phát triển kinh tế-xã hội của đất nước; có thái độ đấu tranh chống lại các hiện tượng tiêu cực trong phát triển kinh tế-xã hội.

2.4.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản, hệ thống về Chủ nghĩa xã hội khoa học; có kỹ năng vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn; có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định, tích cực đấu tranh chống các quan điểm sai trái và các biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.

2.4.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Người học có những kiến thức mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; hình thành niềm tin, lập trường, lý tưởng cách mạng, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành, biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

2.4.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần người học có kiến thức cơ bản, hệ thống về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; biết vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn; hình thành lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định về con đường và mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện sai trái, đi ngược lại những quan điểm, đường lối của Đảng, lợi ích của dân tộc.

2.4.6. Pháp luật đại cương (3 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật Việt Nam; nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và các vấn đề pháp luật thực định có liên quan.

II. Ngoại ngữ - Tin học

2.4.7. Tiếng Anh 1 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể như tự giới thiệu bản thân và người khác; trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè; giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

2.4.8. Tiếng Anh 2 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các cấu trúc quen thuộc thường nhật; từ vựng cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp với những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác; trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè; giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói tương đối chậm chậm và rõ ràng.

2.4.9. Tiếng Anh 3 (2 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và phát triển kỹ năng ở trình độ tiền trung cấp. Kết thúc học phần, người học có kiến thức về cách diễn đạt các thông tin cá nhân và nhu cầu cụ thể; có vốn từ thuộc các tình huống quen

thuộc cụ thể; dùng được các cách diễn đạt, cấu trúc câu cố định, phương tiện liên kết câu đơn giản; nắm được kiến thức cơ bản về và có thể phát âm tương đối rõ các âm trong hệ thống âm vị tiếng Anh; phát âm đúng trọng âm trong các từ đa âm tiết được giới thiệu trong chương trình học.

2.4.10. Tiếng Anh 4 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và phát triển kỹ năng ở trình độ tiền trung cấp. Kết thúc học phần, người học có kiến thức về cách diễn đạt các thông tin cá nhân và nhu cầu cụ thể; có vốn từ thuộc các tình huống quen thuộc cụ thể; dùng được các cách diễn đạt, cấu trúc câu cố định, phương tiện liên kết câu đơn giản; nắm được kiến thức cơ bản về và có thể phát âm tương đối rõ các âm trong hệ thống âm vị tiếng Anh; phát âm đúng trọng âm trong các từ đa âm tiết được giới thiệu trong chương trình học.

2.4.11. Tin học ứng dụng (3 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin (CNTT), tập trung vào hệ điều hành, các phần mềm tin học văn phòng thông dụng (Soạn thảo văn bản, bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu). Cung cấp các thao tác cơ bản và một số kỹ thuật nâng cao của phần mềm tin học văn phòng thông dụng. Ngoài ra, học phần cũng trang bị một số kiến thức về Internet, cách sử dụng trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Bên cạnh đó, học phần này cũng giới thiệu và rèn luyện kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động nghề nghiệp phù hợp ngành đào tạo của sinh viên. Từ đó, sinh viên có khả năng sử dụng máy tính phục vụ việc học tập, nghiên cứu và những công việc cần ứng dụng CNTT trong nghề nghiệp sau này.

III. Giáo dục thể chất

2.4.12. Giáo dục thể chất 1 (1 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ thuật của các bài tập thể dục tay không, thể dục với vòng, thể dục với gậy, kỹ thuật cơ bản của các môn Điền kinh như chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình.

2.4.13. Giáo dục thể chất 2 (2 tín chỉ)

- Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lý thuyết Bóng đá và nắm được Luật Bóng đá cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá, biết vận dụng các kiến thức môn Bóng đá để rèn luyện bản thân.

- Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lý thuyết Cầu lông và nắm được Luật Cầu lông cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông, biết vận dụng các kiến thức môn cầu lông để rèn luyện bản thân.

- Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lý thuyết Bóng bàn và nắm được Luật Bóng bàn cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn, biết vận dụng các kiến thức môn Bóng bàn để rèn luyện bản thân.

- Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức cơ bản về lý thuyết Đá cầu, nhảy dây; nắm được các kỹ thuật cơ bản của môn Đá cầu, nhảy dây. Biết vận dụng các kiến thức môn Đá cầu, nhảy dây để rèn luyện bản thân.

IV. Giáo dục Quốc phòng – An Ninh

1. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học và những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, kết hợp kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Sinh viên xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu học phần, môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Nắm vững các nội dung đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam; vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn. Có ý thức cao trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

2. Công tác quốc phòng, an ninh

- Học phần này cung cấp các kiến thức: Những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

3. Quân sự chung

- Nhằm huấn luyện cho sinh viên nắm chắc cách thức bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, những hiểu biết cơ bản về các quân binh chủng trong Quân Đội, góp phần nâng cao nhận thức xây dựng lòng tự hào về truyền thống Quân Đội anh hùng.

Làm cơ sở vận dụng vào trong học tập, công tác tại đơn vị đúng theo nề nếp, chế độ quy định.

4. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách sử dụng lựu đạn và biết cách phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao. Nắm vững và thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

2.4.14. Cơ sở Văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về văn hoá, văn hóa Việt Nam, định vị văn hóa Việt Nam, các thành tố văn hóa Việt Nam; xác định được bản sắc văn hoá Việt Nam trong sự giao thoa văn hoá với các nước trong khu vực, đặc biệt với văn hoá Trung Hoa, văn hóa phương Tây trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá.

2.4.15. Logic học đại cương (2 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về các hình thức và quy luật của tư duy. Trên cơ sở đó người học có thói quen tư duy, lập luận chặt chẽ; hình thành các kỹ năng cơ bản trong học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.

2.4.16. Soạn thảo văn bản (2 tín chỉ)

Người học có kiến thức về các loại văn bản được sử dụng hàng ngày trong công việc và trong cuộc sống; có kỹ năng sử dụng tiếng Việt và kỹ năng soạn thảo các loại văn bản, đặc biệt là các văn bản hành chính (VBHC) thông dụng; đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng về người lao động có kỹ năng sử dụng tiếng Việt và kỹ năng soạn thảo văn bản.

B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.4.17. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người, hoạt động giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lý, hoạt động nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách, qua đó giúp người học có khả năng nhận biết, giải thích các hiện tượng tâm lý, các quá trình nhận thức của con người

2.4.18. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người, hoạt động giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lý, hoạt động nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách, qua đó giúp người học có

khả năng nhận biết, giải thích các hiện tượng tâm lý, các quá trình nhận thức của con người

2.4.19. Nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm, thuật ngữ, phương pháp nghiên cứu khoa học; các kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành một công trình nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học, qua đó người học có thể thực hiện hoạt động nghiên cứu các vấn đề khác nhau trong thực tiễn giáo dục mầm non hiện nay.

2.4.20. Mỹ thuật cơ bản (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về mỹ thuật, những đặc điểm đặc trưng của các thể loại tạo hình và mối liên hệ của nó trong cuộc sống, phương pháp thực hành các bài tập tạo hình theo mẫu, trang trí, theo đề tài, tập nặn và tạo dáng bằng các chất liệu khác nhau. Thông qua các bài tập rèn kỹ năng thực hành sáng tạo của từng thể loại mỹ thuật ở mức độ đơn giản, hình thành cảm thụ thẩm mỹ gắn với đời sống. Giới thiệu nội dung, chương trình và phương pháp thực hành các bài tập mỹ thuật mầm non.

2.4.21. Âm nhạc cơ bản (2 tín chỉ)

Học phần Âm nhạc cơ bản trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non những kiến thức cơ bản về nhạc lý, kỹ năng đọc xướng âm các điệu thức trưởng, điệu thức thứ phạm vi đến một dấu hoá.

2.4.22. Sinh lý học trẻ em (2 tín chỉ)

Học phần gồm 9 chương, trang bị cho người học (NH) những kiến thức cơ bản về cấu tạo, đặc điểm sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể trẻ, các yếu tố ảnh hưởng đến các giai đoạn phát triển thể chất trẻ em. Qua đó, giúp NH có kỹ năng trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

2.4.23. Văn học thiếu nhi (2 tín chỉ)

Học phần Văn học thiếu nhi thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học và được cụ thể hoá trong 3 chương: Chương 1. Văn học dân gian Việt Nam cho thiếu nhi, Chương 2. Văn học viết Việt Nam cho thiếu nhi, Chương 3. Văn học thiếu nhi nước ngoài.

2.4.24. Tiếng Việt thực hành trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về chính tả, ngữ âm, từ, câu, đoạn văn và văn bản, các lỗi thường gặp khi viết chính tả, phát âm, dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn và văn bản; kỹ năng nhận diện và chữa lỗi, đặt câu, viết đoạn văn và văn bản theo yêu cầu.

2.4.25. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, những quy định về văn bản luật và dưới luật đang sử dụng trong hoạt động quản lý bậc học mầm non. Trên cơ sở những kiến thức lý luận được học, người học có kỹ năng xây dựng những kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với những quy định quy phạm pháp luật của ngành giáo dục trong thực tiễn sau này với vai trò là giáo viên dạy Mầm non.

2.4.26. Giáo dục gia đình (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp các kiến thức lý luận về giáo dục gia đình, từ các khái niệm cho tới phương pháp giáo dục gia đình cho trẻ em từ sơ sinh đến lứa tuổi THPT; mối quan hệ của gia đình, nhà trường và xã hội, trên cơ sở đó, người học có thể xây dựng được những biện pháp phối kết hợp với gia đình nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em trong độ tuổi mầm non.

2.4.27. Đàn Organ (2 tín chỉ)

Học phần đàn Organ tập trung vào việc luyện tập và biểu diễn các bài hát dành trong chương trình Âm nhạc mầm non trên đàn Organ. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách chọn tiết tấu, sử dụng hợp âm phù hợp và phát triển kỹ năng đệm hát sao cho sinh động, đúng nhịp và dễ tiếp cận với trẻ em. Môn học góp phần rèn luyện khả năng cảm thụ âm nhạc, kỹ năng sư phạm và năng lực trình bày ca khúc một cách linh hoạt, sáng tạo trong môi trường giáo dục âm nhạc Mầm non.

2.4.28. Tâm lý học mầm non (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức lý luận cơ bản về sự phát triển tâm lý trẻ mầm non ở các giai đoạn lứa tuổi khác nhau, những đặc điểm của hoạt động chủ đạo trong mỗi lứa tuổi; Qua đó người học biết vận dụng những kiến thức tâm lý trẻ mầm non vào thực tiễn dạy học và giáo dục trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

2.4.29. Giáo dục học mầm non (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống những vấn đề lý luận chung về giáo dục mầm non, các nội dung, nguyên tắc, phương pháp tổ chức các hoạt động cơ bản, tổ chức cuộc sống của trẻ mầm non và hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; qua những kiến thức lý luận này, người học có thể vận dụng vào trong hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non sau này.

2.4.30. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về lý luận và phương pháp tổ chức các dạng hoạt động vui chơi của trẻ em. Qua đó, người học có thể thiết kế, tổ chức các dạng hoạt động vui chơi khác nhau phù hợp với đặc điểm phát triển từng lứa tuổi của trẻ trong trường mầm non.

2.4.31. Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non (2 tín chỉ)

Học phần Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non gồm 3 chương. Chương 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Chương 2 cung cấp những kiến thức chuyên sâu về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non. Chương 3 cung cấp các kiến thức về hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non hòa nhập.

2.4.32 Phòng bệnh và Đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non gồm 4 chương. Chương 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về bệnh truyền nhiễm, một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Chương 2 cung cấp những kiến thức về bệnh thuộc hệ tiêu hóa, hô hấp, dinh dưỡng và chuyển hóa, bệnh về răng, mắt, da. Chương 3 cung cấp các kiến thức về một số tai nạn thường gặp ở trẻ em và giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ. Chương 4 cung cấp các kiến thức cơ bản về thuốc và cách dùng thuốc cho trẻ em.

2.4.33. Vệ sinh - Dinh dưỡng trẻ em (3 tín chỉ)

Học phần gồm hai phần: Vệ sinh và dinh dưỡng.

- Phần Vệ sinh bao gồm: chương 1. Cung cấp những kiến thức cơ bản về vệ sinh học; chương 2. Cung cấp kiến thức về vệ sinh chăm sóc trẻ, theo dõi quản lý sức khỏe của trẻ; chương 3. Cung cấp kiến thức về vệ sinh môi trường và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong các cơ sở Mầm non.

- Phần Dinh dưỡng gồm: chương 1. Cung cấp kiến thức về dinh dưỡng đại cương; chương 2. Phương pháp nuôi dưỡng, chế biến một số món ăn phù hợp cho trẻ mầm non; tầm quan trọng của công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em theo nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu; chương 3. Giáo dục dinh dưỡng- sức khỏe theo hướng tích hợp trong các cơ sở Mầm non.

2.4.34. Chương trình và Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3 tín chỉ)

Học phần gồm 6 chương cung cấp những nội dung cơ bản về: chương trình giáo dục mầm non; phát triển chương trình giáo dục mầm non; những nội dung cơ bản về tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện phát triển chương trình, hình thành kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.

2.4.35. Quản lý và đánh giá trong giáo dục mầm non (3 tín chỉ)

Học phần gồm những vấn đề cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý giáo dục mầm non nói riêng; công tác đánh giá trong giáo dục mầm non (đánh giá CSGDMN, chuẩn NNGVMN, đánh giá trẻ,...), Qua đó, giúp người học hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng quản lý nhóm/ lớp, kỹ năng đánh giá trong giáo dục mầm non.

2.4.36. Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; giáo dục chuẩn mực ngữ âm; phát triển vốn từ; dạy trẻ nói đúng ngữ pháp; phát triển lời nói mạch lạc và giáo dục phát triển tiền đọc viết cho trẻ mầm non; kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ trong chương trình giáo dục mầm non.

2.4.37. Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn học (3 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức khoa học về phương pháp, hình thức và cách thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học (LQTPVH) ở trường Mầm non; có năng lực thiết kế, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch tổ chức các hoạt động cho trẻ LQTPVH ở trường Mầm non.

2.4.38. Toán và Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những khái niệm toán học cơ bản làm cơ sở cho nội dung tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán; những lý luận cơ bản về vai trò, nhiệm vụ của việc hình thành các biểu tượng toán, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, cách lập kế hoạch và tổ chức hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ trong giáo dục mầm non. Qua đó, giúp người học hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tổ chức các hoạt động làm quen với toán ở mầm non.

2.4.39. Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh (3 tín chỉ)

Học phần Tổ chức hoạt động cho trẻ KPKH về MTXQ gồm 3 chương. Chương 1 cung cấp cho sinh viên về tự nhiên, xã hội, vai trò, mục đích, nhiệm vụ, đặc điểm nhận thức, nội dung của hoạt động về môi trường xung quanh. Chương 2 cung cấp những kiến thức về phương pháp, học tập, các phương tiện cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Chương 3 cung cấp kiến thức về cách lập kế hoạch, đánh giá sau khi tổ chức hoạt động.

2.4.40. Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)

Học phần Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non gồm 3 chương. Chương 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về nghệ thuật múa, hệ thống các động tác múa cơ bản và một số điệu nhảy. Chương 2 cung cấp những kiến thức về nghệ thuật biên đạo, thực hành biên đạo động tác múa cho một số bài hát trong chương trình mầm non. Chương 3 cung cấp các kiến thức về phương pháp dạy trẻ múa và vận động theo nhạc, hướng dẫn thiết kế, tổ chức hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc.

2.4.41. Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về mỹ thuật, những đặc điểm đặc trưng của các thể loại tạo hình và mối liên hệ của nó trong cuộc sống, phương pháp thực hành các bài tập tạo hình theo mẫu, trang trí, theo đề tài, tập nặn và tạo dáng bằng

các chất liệu khác nhau Thông qua các bài tập rèn kỹ năng thực hành sáng tạo của từng thể loại mỹ thuật ở mức độ đơn giản, hình thành cảm thụ thẩm mỹ gắn với đời sống. Giới thiệu nội dung, chương trình và phương pháp thực hành các bài tập mỹ thuật mầm non.

2.4.42. Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non (3 tín chỉ)

Học phần Tổ chức hoạt động Âm nhạc trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non những kiến thức cơ bản về phương pháp âm nhạc, kỹ năng hát, đọc nhạc, thiết kế và tổ chức các hoạt động âm nhạc cho học sinh Mầm non. Sinh viên được rèn luyện khả năng thiết kế bài dạy, vận dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ và giáo dục cảm xúc cho học sinh Mầm non.

2.4.43. Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ (3 tín chỉ)

Học phần gồm 4 chương: Chương 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức về tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; chương 2 trang bị cho sinh viên nội dung các bài tập giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; chương 3 và chương 4 trang bị những nguyên tắc, phương pháp và hướng dẫn SV các hình thức tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non thông qua các hoạt động (hoạt động học thể dục sang, giờ học thể dục, thể dục chống mệt mỏi, trò chơi vận động, dạo chơi, tham quan, hội thể dục thể thao và tổ chức các hoạt động thể chất trong thời gian tự hoạt động của trẻ...) Qua đó, giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại các cơ sở mầm non.

2.4.44. Ứng dụng trong công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non (1 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận về ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non; một số phần mềm thiết kế bài giảng điện tử trong giáo dục mầm non; một số phần mềm ứng dụng trong giáo dục mầm non.

2.4.45. Một số mô hình giáo dục mầm non trên thế giới (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học có kiến thức về: Xu hướng phát triển giáo dục mầm non trong khu vực và trên thế giới; Một số mô hình GDMN của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Qua đó, giúp người học hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá, vận dụng phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến trong khu vực và trên thế giới vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.4.46. Tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm (2 tín chỉ)

Học phần gồm 3 chương, chương 1 cung cấp cơ sở lý luận của việc phát triển vận động theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm; chương 2-3 cung cấp các kiến thức về nội dung, hình thức, phương pháp và cách thiết kế môi trường để tổ chức,

đánh giá và điều chỉnh các hoạt động phát triển vận động theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tại các cơ sở GDMN.

2.4.47. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết chung về: Kiến thức chung về giáo dục tích hợp và giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non; Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động theo chủ đề cho trẻ ở cơ sở GDMN. Qua đó, giúp người học có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ.

2.4.48. Phát triển năng lực đọc – viết cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần “Phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non” thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn dành cho sinh viên Giáo dục Mầm non. Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát liên quan đến lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và được cụ thể hoá nội dung trong 3 chương: Chương 1. Những vấn đề lý luận về việc phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non; Chương 2. Các hình thức, phương pháp phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non; Chương 3. Tổ chức các hoạt động phát triển năng lực đọc – viết cho trẻ mầm non.

2.4.49. Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức lý luận cơ bản về các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non; nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non. Qua đó, giúp người học hình thành kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

2.4.50. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Vai trò kỹ năng sống đối với đời sống con người; Phân loại kỹ năng sống; Sự cần thiết giáo dục kỹ năng sống; đặc điểm, nội dung và nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống của trẻ mầm non; Phương pháp, hình thức, quy trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Qua đó, giúp người học có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

2.4.51. Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho SV kiến thức lý luận cơ bản về xây dựng môi trường giáo dục; kiến thức về xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm. Qua đó, giúp người học hình thành kỹ năng thiết kế môi trường giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.

2.4. 52. Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non; Qua đó, người học có kỹ năng phát hiện và lựa chọn phương pháp, thực hiện hoạt động trị liệu phù hợp cho trẻ mầm non

2.4. 53. Giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về xâm hại trẻ em; lý luận về kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em. Qua đó người học có khả năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mẫu giáo.

2.4.54. Ứng dụng phương pháp dạy học dự án (Project-Method) trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)

Học phần gồm 3 chương, chương 1 cung cấp những kiến thức chung về phương pháp dạy học theo dự án, chương 2 giới thiệu quy trình triển khai dạy học theo dự án tại cơ sở giáo dục mầm non, từ khâu lựa chọn chủ đề, xây dựng kế hoạch đến tổ chức, đánh giá và điều chỉnh hoạt động, chương 3 tập trung phát triển kỹ năng thực hành cho sinh viên trong việc thiết kế, tổ chức và xử lý tình huống sư phạm khi áp dụng phương pháp dạy học theo dự án tại cơ sở GDMN.

2.4.55. Tổ chức hoạt động giáo dục Stem trong trường mầm non (2 tín chỉ)

Học phần gồm 3 chương: chương 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động giáo dục Stem; chương 2, 3 cung cấp các kiến thức về đặc trưng, nguyên tắc, quy trình, các mức độ, điều kiện vận dụng thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục ứng dụng STEM trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non tại các cơ sở GDMN.

2.4.56. Ứng dụng phương pháp Montessori trong tổ chức hoạt động giáo dục trong trường Mầm non (2 tín chỉ)

Học phần gồm 3 chương, chương 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp giáo dục Montessori, đặc điểm, ý nghĩa, triết lý nền tảng, sự phát triển của trẻ, các luận điểm, các lĩnh vực; chương 2 cung cấp về các nguyên tắc sư phạm và các lĩnh vực cơ bản của phương pháp Montessori; chương 3 gồm các nguyên tắc vận dụng, thiết kế giáo cụ và kế hoạch giáo dục trẻ mầm non theo phương pháp Montessori. Qua đó, hình thành, phát triển kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục theo phương pháp Montessori cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.

2.4.57. Thực hành sư phạm thường xuyên 1 (THSPTX1) (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức thực tiễn về các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ trong trường mầm non. Củng cố và bước đầu vận dụng các kiến thức đã học về Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sinh lý trẻ em vào công tác chăm sóc trẻ trong trường mầm non; làm quen với chế độ sinh hoạt, với các hoạt động

chăm sóc trẻ Mầm non. Học phần này được tổ chức vào học kì 2, tại Trường Thực hành Sư phạm, Trường Đại học Hạ Long.

2.4.58. Thực hành sư phạm thường xuyên 2 (THSPTX2) (2 tín chỉ)

Học phần thực hành sư phạm thường xuyên 2 gồm 2 tuần thực tế tại cơ sở GDMN. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tiễn về các hoạt động ở cơ sở GDMN. Giúp sinh viên nhận biết các hoạt động trong trường mầm non; thực hiện các hoạt động chủ nhiệm lớp; hình thành các kỹ năng chăm sóc trẻ tại các cơ sở GDMN.

2.4.59. Thực hành sư phạm thường xuyên 3 (THSPTX3) (2 tín chỉ)

Học phần thực hành sư phạm thường xuyên 3 gồm 2 tuần thực tế tại cơ sở GDMN. Học phần cung cấp cho người học kiến thức thực tế về các hoạt động CSGD trẻ trong trường mầm non. Giúp người học thực hiện các hoạt động CSGD trẻ; hình thành các kỹ năng CSGD trẻ.

2.4.60. Thực hành sư phạm thường xuyên 4 (THSPTX4) (2 tín chỉ)

Học phần Thực hành sư phạm thường xuyên 4 gồm 2 tuần thực tế tại cơ sở Giáo dục Mầm non cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tiễn về trường, nhóm lớp; củng cố kiến thức, kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ, hoạt động lễ, hội tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.4.61. Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ)

Trong học phần này, SV tiếp tục thực hành, củng cố, khắc sâu các kiến thức, kỹ năng tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ, ứng dụng CNTT trong GDMN. Được thực tập dự giờ các hoạt động chăm sóc – giáo dục, lễ hội, trải nghiệm cho trẻ, đồng thời rèn luyện kỹ năng quan sát, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. Tập nghiên cứu khoa học.

2.4.62. Thực tập sư phạm 2 (5 tín chỉ)

Thực tập Sư phạm 2 nhằm nâng cao nhận thức về nhiệm vụ, quyền hạn, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non; vận dụng những kiến thức, kỹ năng sư phạm vào thực tiễn công tác chăm sóc - giáo dục trẻ một cách chủ động, linh hoạt; rèn luyện các kỹ năng xây dựng các loại kế hoạch; quản lý nhóm lớp và đánh giá trẻ, đánh giá các hoạt động tại cơ sở GDMN; có trách nhiệm và tình cảm nghề nghiệp cao. Tập nghiên cứu khoa học.

Khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

2.4.63. Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

Học phần gồm 3 chương, chương 1 và 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non; chương 3 hướng dẫn cách tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non thông qua các hoạt động (hoạt động vui chơi, hoạt

động học, hoạt động lao động, hoạt động tham quan, hoạt động lễ hội, hoạt động giao lưu). Qua đó, giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.

2.4.64. Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non (2 tín chỉ)

Học phần gồm 4 chương: Chương 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, đồng thời nhận diện các vấn đề suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường hiện nay; Chương 2 cung cấp kiến thức về cơ sở khoa học của giáo dục bảo vệ môi trường, vai trò và yêu cầu của giáo dục bảo vệ môi trường trong giáo dục mầm non; Chương 3 tập trung vào việc hướng dẫn thiết kế, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường. Chương 4. Tổ chức hoạt động GDBVMT cho trẻ ở cơ sở mầm non theo hướng tích hợp trong các hoạt động giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non.

2.4.65. Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ trẻ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Lí luận chung về kỹ năng giao tiếp, ứng xử; Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ/người chăm sóc trẻ; Thực hành giao tiếp tích cực và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non. Qua đó giúp người học nhận diện, điều chỉnh, xử lý được các tình huống giao tiếp, ứng xử phù hợp tại cơ sở giáo dục mầm non.

2.4.66. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục mầm non

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có các kiến thức về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp của GVMN, thực hiện tốt các quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp của GVMN.

2.5. Đề cương chi tiết học phần

A. Khối kiến thức giáo dục đại cương

I. Lí luận – Chính trị

2.5.1. Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Đại học và CDSP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601001
1.2. Tên học phần:	Triết học Mác - Lênin
1.3. Tên tiếng Anh:	Philosophy of Marxism and Leninism
1.4. Số tín chỉ:	3
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành:	0 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	TS Nguyễn Thu Thủy
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Nguyễn Chí Đông, Ths Nguyễn Thanh Hoa
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung :

- Người học có kiến thức, kỹ năng căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. Hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề trong đời sống. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về triết học như: những nguyên lý, quy luật, các cặp phạm trù của Triết học Mác – Lênin.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO2: Có kĩ năng vận dụng các kiến thức triết học vào giải thích sự vận động của tự nhiên, xã hội, tư duy con người trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- CO3: Vận dụng những tri thức đã học vào việc xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước ta hiện nay.

- CO4: Phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước đám đông, cộng tác, làm việc nhóm.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; có thái độ đúng đắn, có ý thức trách nhiệm góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- CO6: Biết đấu tranh với những hành vi sai trái, sống thiếu trách nhiệm, thực dụng, vô cảm với lợi ích của cộng đồng, dân tộc

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phầnⁱ

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Lí giải được vị trí của triết học trong kết cấu 3 bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác -Lênin.	CO1
CLO2	Phân tích được nội dung các nguyên lý, phạm trù, quy luật, vai trò của thực tiễn trong đời sống xã hội.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO3	Hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp biện chứng trong việc giải thích và cải tạo thế giới hiện thực.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
CLO4	Vận dụng các quy luật tự nhiên và quy luật xã hội vào giải thích sự biến đổi của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.	CO1,CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	I								M	
CLO2	I	I	I			I			M	I
CLO3	I	I	I	I	I	I			M	R
CLO4	R	R	R	I	I	I			M	R
Tổng hợp học phần	I	I	I	I	I	I			M	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Bản thảo)

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2009), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] Website

- <http://philosophy.vass.gov.vn/>

- <http://dangcongsan.vn/>

- <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php>

- <http://www.tapchicongsan.org.vn/>

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chương 1: triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội	3 LT	- Lí giải được khái niệm triết học, vấn đề cơ bản của triết học, vai trò của triết học trong đời sống xã hội hiện nay.	CLO1	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.1 – 52 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					luận trên lớp.
2	<i>Thảo luận chương 1</i> Câu 1: Bằng lý luận và thực tiễn, anh (chị) hãy phân tích sức sống của triết học Mác – Lênin trong xã hội hiện đại ngày nay? Câu 2: Tại sao lại khẳng định rằng sự ra đời của triết học Mác là cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử triết học? Chương 2: chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất	2TL 1LT	- Phân tích được sự thống nhất giữa tính mở, tính phát triển của triết học Mác -Lênin - Giải thích được Mác và Ăngghen đã khắc phục tính chất trực quan, siêu hình của chủ nghĩa duy vật cũ, khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của phép biện chứng duy tâm, sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng; đồng thời mở rộng quan điểm duy vật biện chứng vào nghiên cứu	CLO1, CLO2, CLO3	- GV giao câu hỏi thảo luận. SV chuẩn bị tài liệu [1], [2], [3] trên sự hướng dẫn của GV. - GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, nhận xét, thảo luận trên lớp; GV kết luận nội dung. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.53 – 67 và các tài liệu tham khảo khác.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			lịch sử xã hội, sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử. - Phân tích được phạm trù vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất		
3	Chương 2: chủ nghĩa duy vật biện chứng (tiếp theo) 2.1. Vật chất và ý thức (tiếp) 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất, kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	3LT	- Phân tích nguồn gốc ra đời của ý thức, kết cấu của ý thức. Sự tác động biện chứng giữa vật chất và ý thức. - Vận dụng cấp phạm trù này vào thực tiễn cuộc sống.	CLO2, CLO3, CLO4	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.68 – 83 và các tài liệu tham khảo khác.
4	Chương 2: chủ nghĩa duy vật biện chứng (tiếp theo) 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật	3LT	- Phân tích sự khác biệt 2 phương pháp nhận thức sự vật: biện chứng – siêu hình. - Phân tích được nội dung của 2 nguyên lý cơ bản.	CLO1, CLO2, CLO3	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.83 – 97 và các tài liệu tham khảo khác.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
5	Chương 2: chủ nghĩa duy vật biện chứng (tiếp theo) 2.2. Phép biện chứng duy vật(tiếp) 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật	3LT	- Lí giải được được nội dung của các cấp phạm trù cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. - Vận dụng nội dung các cấp phạm trù này vào giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.	CLO1, CLO2, CLO3	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.97 – 109 và các tài liệu tham khảo khác.
6	Chương 2: chủ nghĩa duy vật biện chứng (tiếp theo) 2.3. Lý luận nhận thức 2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức 2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn với nhận thức	3LT	- Phân tích được thực tiễn và vai trò của thực tiễn. - Đánh giá được vai trò của thực tiễn trong việc xây dựng con đường đi lên CNXH của Đảng ta.	CLO1, CLO2, CLO4	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.109 – 120 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà.
7	Chương 2: chủ nghĩa duy vật biện chứng (tiếp theo) 2.3.4. Các giai đoạn của quá trình nhận	2LT	- Phân tích được các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - GV giao nhiệm vụ

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>thức</i> 2.3.5. <i>Tính chất của chân lý</i> Thảo luận chương 2 Câu 1: Phân tích mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, ý nghĩa phương pháp luận? Nghiên cứu vấn đề này anh (chị) rút ra ý nghĩa gì đối với bản thân trong quá trình học tập hiện nay và quá trình công tác sau này?	1 TL	thức. - Giải thích được khái niệm vật chất, ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, biết rút ra ý nghĩa phương pháp luận từ vấn đề này. Liên hệ mối quan hệ này với thực tiễn cuộc sống của bản thân hiện nay.		và tổ chức thảo luận. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.120 – 124 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV kết luận, chấm điểm cho các nhóm.
8	Thảo luận chương 2 (tiếp) Câu 2: Phân tích cơ sở lí luận của quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể? Nghiên cứu vấn đề này, anh (chị) rút ra ý nghĩa gì đối với bản thân trong quá trình học tập hiện nay và quá trình công tác sau này?	3 TL	- Phân tích nội dung nguyên lý mối liên hệ phổ biến, rút ra ý nghĩa phương pháp luận. Sinh viên biết vận dụng linh hoạt nguyên lý này vào việc học tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV giao nhiệm vụ và tổ chức thảo luận. - SV chuẩn bị tài liệu [1], [2], [3]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV kết luận, chấm điểm cho các nhóm.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Câu 3: Hãy chứng minh câu nói của V.I.Lênin: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức hiện thực khách quan”? Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này trong quá trình đổi mới đất nước ta hiện nay?		hiện nay và công tác sau này. - Giải thích được quan điểm của Lênin về con đường biện chứng của nhận thức chân lý: từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lí tính, từ nhận thức lí tính trở về thực tiễn. Liên hệ với công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.		
9	Kiểm tra điều kiện lần 1 Chương 3: chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản	1KT 2LT	- Lí giải được vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. - Phân tích tính quyết định của quy luật	CLO1, CLO3, CLO4	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.126 –135 và các tài liệu tham khảo khác.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>xuất</i>		quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất		
10	Chương 3: chủ nghĩa duy vật lịch sử (tiếp theo) <i>3.1.3 Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i> <i>3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên</i>	3 LT	- Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Liên hệ tới cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng ở Việt Nam hiện nay.	CLO1, CLO3, CLO4	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.135 – 146 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà.
11	Chương 3: chủ nghĩa duy vật lịch sử (tiếp theo) 3.2. Giai cấp và dân tộc <i>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</i> <i>3.2.2. Dân tộc</i> <i>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại</i> 3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội <i>3.3.1. Nhà nước</i> <i>3.3.2. Cách mạng xã hội</i>	3LT	- Phân tích được nguồn gốc ra đời của giai cấp, nhà nước, vai trò của đấu tranh giai cấp cách mạng xã hội trong việc thúc đẩy xã hội phát triển.	CLO1, CLO3, CLO4	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.147 – 189 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
12	Chương 3: chủ nghĩa duy vật lịch sử (tiếp theo) 3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội	3LT	- Phân tích được vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.	CLO1, CLO3, CLO4	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.189 – 203 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà.
13	Chương 3: chủ nghĩa duy vật lịch sử (tiếp theo) 3.5. Triết học về con người 3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	3LT	- Chứng minh tính đúng đắn của triết học Mác – Lênin trong quan niệm con người là thực thể thống nhất giữa 2 mặt sinh học và xã hội. - Phân tích mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, vai trò của QCND, lãnh tụ.	CLO1, CLO3, CLO4	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu [1], tr.203 – 223 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà.
14	Thảo luận chương 3 Câu 1: Phân tích quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực	3TL	- Phân tích được khái niệm lực lượng sản	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV giao câu hỏi thảo luận, SV chuẩn bị, tiến hành các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	lượng sản xuất. Thực trạng của lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay? Câu 2: Phân tích tính độc lập tương đối của ý thức xã hội so với tồn tại xã hội. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này đối với việc xây dựng nền văn hoá mới ở nước ta hiện nay?		xuất, quan hệ sản xuất, mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Biết liên hệ tới lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay. - Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Liên hệ với việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta hiện nay.		GV. - SV chuẩn bị tài liệu [1], [2], [3]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
15	Thảo luận chương 3 Câu 3. Hãy chứng minh câu nói của C.Mác: “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất	2TL 1KT	- Phân tích bản chất con người do các quan hệ xã hội tạo nên. Nhấn mạnh đến vai trò của	CLO3, CLO4,	- GV giao câu hỏi thảo luận, SV chuẩn bị, tiến hành các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của GV. - SV chuẩn bị tài liệu [1], [2], [3]; lập dàn ý ở nhà (theo

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”. Kiểm tra điều kiện lần 2		các quan hệ XH (gia đình – nhà trường...) ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân cách, phẩm chất đạo đức con người.		nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV kết luận, chấm điểm cho các nhóm.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến			CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	GV theo dõi chuyên cần và ý thức tham gia các hoạt động học tập của SV
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Có kiến thức triết học để giải thích sự vận động của sự vật, hiện tượng trong lĩnh vực tự nhiên (tuần 9)	50%		CO1, CLO2, CLO3, CLO4,	- GV giao vấn đề ôn tập, SV chuẩn bị nội dung ôn tập. - Kiểm tra viết trên lớp. GV chấm bài căn cứ vào kiến thức, kỹ năng, thái độ học tập

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
						của SV.
		Phân tích được nguồn gốc sự thay đổi của các hình thái kinh tế - xã hội, sự ra đời của giai cấp, nhà nước, bản chất của con người (tuần 15)	50%		CO1, CLO3, CLO4,	- GV giao vấn đề ôn tập, SV chuẩn bị nội dung ôn tập. - Kiểm tra viết trên lớp. GV chấm bài căn cứ vào kiểm thức, kỹ năng, thái độ học tập của SV.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: thi tự luận			CO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV giao nội dung ôn tập, SV chuẩn bị đề cương ôn tập. - Bài thi viết.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Sinh viên cần đi đầy đủ các buổi học (số tiết nghỉ không vượt quá 20% tổng số tiết học), tích cực trên lớp, trao đổi, thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên, ý thức tự học, thực hiện nhiệm vụ học tập giảng viên giao sau mỗi giờ lên lớp.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra lần 1

- Nội dung: mối quan hệ biện chứng giữa vật chất – ý thức, hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù, ba quy luật, vai trò của thực tiễn, hai giai đoạn của quá trình nhận thức.

- Hình thức: Bài kiểm tra tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ khái niệm (định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao.	(5.0) 2.5 1.0 0,5

		- Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Biết đưa vấn đề liên hệ vào thực tiễn cuộc sống	1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ khái niệm (định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Biết đưa vấn đề liên hệ vào thực tiễn cuộc sống	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra lần 2

- Nội dung: biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội, nhà nước và cách mạng xã hội, bản chất con người theo quan điểm mác-xít.

- Hình thức: Bài kiểm tra tự luận.

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ khái niệm (định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Biết đưa vấn đề liên hệ vào thực tiễn cuộc sống	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ khái niệm (định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Biết đưa vấn đề liên hệ vào thực tiễn cuộc	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0

	sống	
Tổng điểm		10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: kiến thức chương 2, chương 3
- Hình thức: Bài thi tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ khái niệm (định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Biết đưa vấn đề liên hệ vào thực tiễn cuộc sống	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ khái niệm (định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Biết đưa vấn đề liên hệ vào thực tiễn cuộc sống	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Nguyễn Lâm Sung

Võ Thị Thu Hằng

2.5.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, CĐSP

Ngành: Chung cho các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601002
1.2. Tên học phần:	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
1.3. Tên tiếng Anh:	Political economics of Marxism and Leninism
1.4. Số tín chỉ:	02LT
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	0 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Đoàn Thị Tâm

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Võ Thị Thu Hằng Th.S Vũ Thị Minh Nguyệt Th.S Nguyễn Thị Thanh Hoa
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Triết học Mác – Lênin
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về Kinh tế chính trị Mác-Lênin; có kỹ năng vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn; tin tưởng vào con đường phát triển kinh tế-xã hội của đất nước; có thái độ đấu tranh chống lại các hiện tượng tiêu cực trong phát triển kinh tế-xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về Kinh tế chính trị Mác-Lênin - một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO2: Có thể giải thích được một số vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.

- CO3: Có kỹ năng, tư duy của bản thân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có tính chủ động, khả năng làm việc độc lập và nâng cao bản lĩnh chính trị.

- CO5: Có thái độ tích cực đấu tranh chống lại những mặt trái của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được các khái niệm, phạm trù cơ bản của Kinh tế chính trị Mác-Lênin	CO1

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO2	Chứng minh được các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa vẫn có giá trị lí luận và thực tiễn to lớn trong giai đoạn hiện nay.	CO1;CO2
CLO3	Phân tích được các vấn đề kinh tế cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	CO1;CO2
CLO4	Hình thành tư duy kinh tế hiện đại.	CO3;CO4
CLO5	Vận dụng các kiến thức đã học để luận giải được một số vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.	CO3;CO4;CO5

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	I	I				M			I	M
CLO2	M	I				M			M	M
CLO3	M	M				M			M	R
CLO4	R	M				R			R	R
CLO5	R	M				M			M	R
Tổng hợp học phần	R	M				M			M	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Bản thảo).

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Hoàng Xuân Nghĩa (2013), *Một số vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Trần Bình Trọng (2010), Giáo trình *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[6] Một số Website:

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

<https://kinhtevadubao.vn/>

<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/>

<http://baoquangninh.com.vn/>

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
1	<i>Giới thiệu học phần (*)</i> <i>Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> <i>1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> <i>1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> <i>1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>	2 LT	- Trình bày sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu KTCT Mác -Lênin. - Trên cơ sở lĩnh hội những tri thức đã học sinh viên biết được phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của môn học đối với bản thân khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.	CLO1	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr7-20 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
2	<i>Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</i> <i>2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và và</i>	2 LT	- Trình bày, phân tích được các phạm trù cơ bản về hàng hóa, tiền tệ, giá cả, quy luật giá trị, tính hai	CLO1 CLO3 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên

	<i>hàng hóa</i>		mặt của lao động sản xuất hàng hóa, thị trường, cơ chế thị trường và các quy luật của thị trường. - Hình thành tư duy và kỹ năng thực hiện hành vi kinh tế phù hợp khi bản thân tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.		cứu tài liệu [1] tr21-35 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
3	<i>2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</i>	2 LT	- Trình bày, phân tích được các phạm trù cơ bản về hàng hóa, tiền tệ, giá cả, quy luật giá trị, tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa, thị trường, cơ chế thị trường và các quy luật của thị trường. - Hình thành tư duy và kỹ năng thực hiện hành vi kinh tế phù hợp khi bản thân tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.	CLO1 CLO3 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr35-52 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
4	Thảo luận: 1. Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa. Cho ví dụ minh họa. Với tư cách là người sản xuất, em hãy cho biết trách nhiệm của mình đối với người tiêu dùng, với xã hội.	1 TL 1 LT	- Phân tích được khái niệm hàng hóa, hai thuộc tính của hàng hóa, đưa ra được trách nhiệm của người sản xuất và người tiêu dùng đối với	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr21-52 và các tài liệu

	2. Với tư cách là người tiêu dùng, từ kinh nghiệm thực tế của bản thân theo em cần phải làm gì để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong nền kinh tế thị trường Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư		xã hội trong nền kinh tế thị trường. - Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện. - Có trách nhiệm khi tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội. - Trình bày, phân tích các phạm trù như hàng hóa sức lao động, tư bản, giá trị thặng dư, tỷ suất giá trị thặng dư,... trong học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác.		tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
5	3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư	2 LT	- Trình bày, phân tích các phạm trù như hàng hóa sức lao động, tư bản, giá trị thặng dư, tỷ suất giá trị thặng dư,... trong học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác. - Hình thành kỹ năng biết tự bảo vệ lợi ích chính đáng của mình khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội trong bối cảnh xã hội hiện đại.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr53-66 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
6	3.2. Tích lũy tư bản	2	- Trình bày, phân	CLO1	- Giảng viên tổ chức

	3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	LT	tích các phạm trù như hàng hóa sức lao động, tư bản, giá trị thặng dư, tỷ suất giá trị thặng dư,... trong học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác. - Hình thành kỹ năng biết tự bảo vệ lợi ích chính đáng của mình khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội trong bối cảnh xã hội hiện đại.	CLO3	các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr66-77 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
7	Thảo luận chương 3 1. Sức lao động trở thành hàng hóa trong những điều kiện nào? Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động. Người lao động có vai trò như thế nào đối với hoạt động của doanh nghiệp? 2. Với tư cách là người lao động, theo anh (chị) cần làm gì để thực hiện tốt mối quan hệ lợi ích giữa người lao động với người sử dụng lao động?	2 TL	- Phân tích được khái niệm hàng hóa sức lao động, hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động. - Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện. - Thấy được trách nhiệm và quyền lợi của người lao động khi tham gia vào hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr53-79 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
8	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1. Quan hệ giữa cạnh	2 LT	- Phân tích được mối quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền, bản chất của độc quyền và	CLO1 CLO3 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học.

	tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường		độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường. - Vận dụng những tri thức đó sinh viên hiểu được bối cảnh nền kinh tế thế giới đang có những đặc trưng mới và hình thành được tư duy thích ứng với bối cảnh thế giới luôn có nhiều thách thức.		- Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr80-95 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
9	4.2.2. Lý luận của V.I. Lênin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản 4.2.2.1. Nguyên nhân ra đời và phát triển của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản 4.2.2.2. Bản chất của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản 4.2.2.3. Những biểu hiện chủ yếu của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản 4.2.2.4. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản	2 LT	- Phân tích được mối quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền, bản chất của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường. - Vận dụng những tri thức đó sinh viên hiểu được bối cảnh nền kinh tế thế giới đang có những đặc trưng mới và hình thành được tư duy thích ứng với bối cảnh thế giới luôn có nhiều thách thức.	CLO2 CLO3 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr95-104 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
10	Bài kiểm tra số 1 Thảo luận chương 4: 1. Phân tích mối quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong chủ nghĩa tư	2 TL	- Phân tích được các biểu hiện của cạnh tranh trong CNTB độc quyền; các tác động của	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học.

	bản độc quyền. Theo anh (chị) cần làm gì để thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh? 2. Phân tích vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản.		độc quyền đối với nền kinh tế. - Vận dụng các tri thức đó để giải thích một số vấn đề trong CNTB độc quyền. - Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện.		- Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr80-106 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
11	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	2 LT	- Phân tích được khái niệm, tính tất yếu, đặc trưng và nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. - Vận dụng các tri thức đó vào thực tiễn khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.	CLO1 CLO3	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr107-140 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
12	Thảo luận chương 5: 1. Phân tích sự giống và khác nhau giữa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với các nền kinh tế thị trường trên thế giới. Cho ví dụ minh họa. 2. Là một công dân, theo anh (chị) cần làm gì để góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường	2 TL	- Phân tích được các đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN, từ đó so sánh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với các nền kinh tế thị trường trên thế giới.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr107-140 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung

	định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện hài hòa các quan hệ lợi ích trong sự phát triển ở Việt Nam hiện nay?		- Trên cơ sở đó thấy được trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.		bài học.
13	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam	2 LT	- Phân tích được khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tính tất yếu và nội dung của CNH, HĐH ở Việt Nam. - Phân tích được khái niệm, tính tất yếu và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. - Vận dụng các tri thức đó vào thực tiễn khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.	CLO1 CLO3 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr141-167 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
14	6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam Thảo luận: 1. Trình bày lịch sử phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp. Từ đó làm rõ những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của xã hội loài người. Là sinh viên anh (chị) có trách nhiệm như thế nào để góp phần vào việc thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp	1 LT 1 TL	- Phân tích được khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tính tất yếu và nội dung của CNH, HĐH ở Việt Nam. - Phân tích được khái niệm, tính tất yếu và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. - Vận dụng các tri thức đó vào thực	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr167-184 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.

	hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay		tiền khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.		
15	Thảo luận chương 6 2. Phân tích làm rõ những tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của Việt Nam. Theo anh (chị) Việt Nam cần phải thích ứng với những tác động đó như thế nào? Kiểm tra số 2	1TL 1KT	- Phân tích được các tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam. - Trên cơ sở đó thấy được trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. - Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr141-184 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến			CLO 4	GV theo dõi chuyên cần và ý thức tham gia các hoạt động học tập của SV để đánh giá.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Cạnh tranh và độc quyền trong chủ nghĩa tư	50%		CLO 2 CLO3 CLO5	SV chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm ở

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		bản; Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản (tuần 10)				nhà theo yêu cầu, hướng dẫn của GV và thuyết trình trên lớp. GV chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng và mức độ tham gia hoạt động nhóm của mỗi của SV.
		Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa; Hàng hóa sức lao động; Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam (tuần 15)				CLO 2 CLO3 CLO5 SV làm bài kiểm tra tự luận trên lớp theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. GV chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng làm bài của SV
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: tự luận			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO5	SV làm bài thi tự luận. GV sẽ chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng làm bài của SV

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Dự học đầy đủ, đúng giờ
- Hoàn thành tốt bài tập cá nhân/tuần
- Tích cực phát biểu ý kiến, tham gia hoạt động nhóm

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài số 1:

- Nội dung: Cạnh tranh và độc quyền trong chủ nghĩa tư bản; Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

- Hình thức: chuẩn bị bài thảo luận và thuyết trình trên lớp theo nhóm
- Thời gian: 50 phút

* Bài số 2:

- Nội dung: Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa; Hàng hóa sức lao động; Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam

- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng hoặc thuyết trình to, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn (Bài số 1) - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng hoặc thuyết trình to, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn (Bài số 1) - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Sản xuất hàng hoá. Hàng hoá và 2 thuộc tính của hàng hoá; Quy luật giá trị; Hàng hoá sức lao động; Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư (tuyệt đối và tương đối); Nguyên nhân hình thành và tác động của độc quyền; Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản; Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Tính tất yếu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam; Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam.

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Võ Thị Thu Hằng

Đoàn Thị Tâm

2.5.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, CĐSP

Ngành: Chung cho các ngành

1. Thông tin chung về HP

1.1. Mã học phần:	CB601003
1.2. Tên học phần:	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1.3. Tên tiếng Anh:	Scientific socialism
1.4. Số tín chỉ:	02 LT
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Võ Thị Thu Hằng
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Đoàn Thị Tâm Th.S Nguyễn Thị Thanh Hoa Th.S Vũ Thị Minh Nguyệt
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản, hệ thống về Chủ nghĩa xã hội khoa học; có kỹ năng vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn; có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định, tích cực đấu tranh chống các quan điểm sai trái và các biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức:**

- CO1: Có kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học - một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.

2.2.2. Về kỹ năng:

- CO2: Có khả năng vận dụng các tri thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

- CO3: Vận dụng những tri thức đã học vào việc xây dựng được kế hoạch học tập, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Nâng cao tính chủ động, tự tin, khả năng làm việc độc lập và bản lĩnh chính trị.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Chủ nghĩa xã hội khoa học” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được các khái niệm, phạm trù của Chủ nghĩa xã hội khoa học.	CO1
CLO2	Phân tích được nội dung các vấn đề chính trị - xã hội cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.	CO1, CO2
CLO3	Liên hệ được với thực tiễn chính trị - xã hội trong nước và quốc tế.	CO3
CLO4	Phát triển được các kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, thuyết trình, phản biện...	CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	I	I				M			I	M
CLO2	R	I				M			M	M
CLO3	R	I				M			M	R
CLO4	M	R				R			R	R
Tổng hợp học phần	R	I				M			M	R

5. Học liệu:

Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, (Bản thảo).

Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Các website:

<https://vtv.vn/>

<http://dangcongsan.vn/>

<http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php>

<http://www.tapchicongsan.org.vn/>

<http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii>

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chương 1: Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2. Các giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 LT	- Trình bày sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH. - Luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu; phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực. - Hình thành thái độ tích cực với việc học	CLO1	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 7 - 26 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.

			tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới đất nước.		
2	1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân	2 LT	- Trình bày sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKH. - Luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu; phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực. - Hình thành thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới đất nước. - Phân tích quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. - Vận dụng các quan điểm đó vào việc	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 7 - 26 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 27 - 47 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận

			phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam, trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay. - Xây dựng và củng cố niềm tin khoa học; lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam.		trên lớp.
3	2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam	2 LT	- Phân tích quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. - Vận dụng các quan điểm đó vào việc phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam, trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay. - Xây dựng và củng cố niềm tin khoa học; lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã	CLO1 CLO2 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 27 - 47 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.

			hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam.		
4	Thảo luận chương 2 1. Phân tích nội dung và điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin? 2. Phân tích đặc điểm và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?	2 TL	- Phân tích quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. - Vận dụng các quan điểm đó vào việc phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam, trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay. - Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện...	CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 27 - 47 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
5	Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.1. Chủ nghĩa xã hội 3.2. Thời kỳ quá độ lên CNXH	2 LT	- Trình bày, phân tích những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH, TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể của nước ta. - Vận dụng những tri thức đó vào phân tích những vấn đề cơ bản về CNXH và con đường đi lên	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 48 - 67 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.

			CNXH ở Việt Nam. - Hình thành niềm tin vào chế độ XHCN, vào đường lối đổi mới theo định hướng XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.		
6	3.3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam Thảo luận chương 3: 1. Phân tích điều kiện ra đời và những đặc trưng của CNXH. Liên hệ với thực tiễn Việt Nam? 2. Phân tích luận điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN?	1 LT 1 TL	- Trình bày, phân tích những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH, TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể của nước ta. - Vận dụng những tri thức đó vào phân tích những vấn đề cơ bản về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. - Hình thành niềm tin vào chế độ XHCN, vào đường lối đổi mới theo định hướng XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 48 - 67 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 48 - 67 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
7	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước XHCN 4.1. Dân chủ và dân	2 LT	- Giải thích, chứng minh bản chất của nền dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV

	chủ XHCN 4.2. Nhà nước XHCN 4.3. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam		nói chung, ở Việt Nam nói riêng. - Vận dụng lý luận về dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN vào việc phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan, trước hết là trong công việc, nhiệm vụ của cá nhân. - Khẳng định bản chất tiến bộ của nền dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN; phê phán những quan điểm sai trái phủ nhận tính chất tiến bộ của nền dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng.		tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 68 - 88 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
8	Thảo luận chương 4: 1. Phân tích khái niệm, bản chất của dân chủ XHCN? Liên hệ trách nhiệm của cá nhân trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ XHCN, nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay?	1 TL 1 LT	- Giải thích, chứng minh bản chất của nền dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng. - Vận dụng lý luận về dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN vào việc phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan, trước hết là trong công việc, nhiệm vụ của cá nhân. - Khẳng định bản chất tiến bộ của nền dân chủ XHCN, Nhà	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 68 - 88 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.

	Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội		nước XHCN; phê phán những quan điểm sai trái phủ nhận tính chất tiến bộ của nền dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng. - Trình bày, phân tích cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH. - Nhận diện những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp và nội dung liên minh giai cấp ở nước ta trong TKQĐ lên CNXH - Nhận thức về tầm quan trọng, sự cần thiết phải góp sức tăng cường xây dựng khối liên minh giai cấp, tầng lớp vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng XHCN		GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 89 - 104 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
9	5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.3. Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở	2 LT	- Trình bày, phân tích cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH. - Nhận diện những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp	CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 89 - 104 và các tài liệu tham khảo

	Việt Nam		và nội dung liên minh giai cấp ở nước ta trong TKQĐ lên CNXH - Nhận thức về tầm quan trọng, sự cần thiết phải góp sức tăng cường xây dựng khối liên minh giai cấp, tầng lớp vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng XHCN		khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
10	Thảo luận chương 5: 1. Phân tích cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH và liên hệ ở Việt Nam? 2. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Là một sinh viên, anh (chị) cần làm gì để góp phần củng cố khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở nước ta?	2 TL	- Trình bày, phân tích cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH. - Nhận diện những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp và nội dung liên minh giai cấp ở nước ta trong TKQĐ lên CNXH - Nhận thức về tầm quan trọng, sự cần thiết phải góp sức tăng cường xây dựng khối liên minh giai cấp, tầng lớp vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng XHCN	CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 89 - 104 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
11	Chương 6: Vấn đề dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá	2 LT	Trình bày, phân tích quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các

	độ lên CNXH 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH 6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH		Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo. - Rèn luyện kỹ năng tư duy và năng lực vận dụng những nội dung đã học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. - Nhận diện tính khoa học trong quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo của chủ nghĩa Mác – Lênin.		hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 105 - 127 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
12	6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	2 LT	- Rèn luyện kỹ năng tư duy và năng lực vận dụng những nội dung đã học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. - Xác định trách nhiệm của bản thân góp phần tuyên truyền và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước.	CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 105 - 127 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
13	Thảo luận chương 6: 1. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn	2 TL	Trình bày, phân tích quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo.	CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận.

	đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng XHCN. Sinh viên Việt Nam cần làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước? 2. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN. Liên hệ với tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay?		- Rèn luyện kỹ năng tư duy và năng lực vận dụng những nội dung đã học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. - Nhận diện tính khoa học trong quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo của chủ nghĩa Mác – Lênin, của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó xác định trách nhiệm của bản thân góp phần tuyên truyền và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước.		- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 105 - 127 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
14	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2 LT	- Trình bày, giải thích quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay. - Hình thành kỹ năng, phương pháp khoa học trong nghiên cứu những	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 128 - 143 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.

			vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề gia đình và xây dựng gia đình, từ đó có những nhận thức mới, độc lập về vấn đề này. Hình thành thái độ và hành vi đúng đắn trong xây dựng gia đình, xây dựng mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội		
15	Thảo luận chương 7: 1. Phân tích khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình, cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH? 2. Phân tích sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH, phương hướng bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH? Kiểm tra bài số 2	1TL 1KT	Trình bày, giải thích quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay. - Hình thành kỹ năng, phương pháp khoa học trong nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề gia đình và xây dựng gia đình, từ đó có những nhận thức mới, độc lập về vấn đề này. Hình thành thái độ và hành vi đúng đắn trong xây dựng gia	CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 128 - 143 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.

			đình, xây dựng mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội		

8. Đánh giá HP

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến			CLO 4	GV theo dõi chuyên cần và ý thức tham gia các hoạt động học tập của SV để đánh giá.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Nội dung và điều kiện khách quan quy định sử mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Nội dung và nguyên tắc xây dựng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN (tuần 10)	50%		CLO1 CLO 2 CLO3	SV chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm ở nhà theo yêu cầu, hướng dẫn của GV và thuyết trình trên lớp. GV chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng và mức độ tham gia hoạt động nhóm của mỗi SV.
		Nội dung Cương lĩnh dân tộc; tôn	50%		CLO 2 CLO3	SV làm bài kiểm tra tự luận trên lớp theo yêu cầu và

		giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH (tuần 15)				hướng dẫn của GV. GV chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng làm bài của SV
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: tự luận			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	SV làm bài thi tự luận. GV sẽ chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng làm bài của SV theo biểu điểm cụ thể.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Dự học đầy đủ, đúng giờ
- Hoàn thành tốt bài tập cá nhân/tuần
- Tích cực phát biểu ý kiến, tham gia hoạt động nhóm

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung:

* Bài số 1: Nội dung và điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Nội dung và nguyên tắc xây dựng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN

- Hình thức: chuẩn bị bài thảo luận và thuyết trình trên lớp theo nhóm
- Thời gian: 100 phút

* Bài số 2: Nội dung Cương lĩnh dân tộc; tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết	(5.0) 2.5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		- Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng hoặc thuyết trình to, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn (Bài số 1) - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng hoặc thuyết trình to, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn (Bài số 1) - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nội dung và điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Nội dung và nguyên tắc xây dựng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN; vấn đề dân tộc và Cương lĩnh dân tộc; tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ.	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		- Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ. - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Võ Thị Thu Hằng

Võ Thị Thu Hằng

2.5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, CDSP

Ngành: Chung cho các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601004
1.2. Tên học phần:	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1.3. Tên tiếng Anh:	Ho Chi Minh Ideology
1.4. Số tín chỉ:	02 (2LT)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Bùi Thị Minh Huệ (0961092329)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Chính (0971535266) ThS. Nguyễn Thị Thanh Hòa (0936690668) ThS. Bùi Thị Thúy Hằng (0987397340)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Người học có những kiến thức mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; hình thành niềm tin, lập trường, lý tưởng cách mạng, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành, biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

2.2. Mục tiêu cụ thể**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức cơ bản về hệ thống quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO2: Có kĩ năng thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, luận giải về nội dung những quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh.

- CO3: Có kĩ năng vận dụng những quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có lập trường, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- CO5: Tích cực và chủ động trong việc học tập, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được nội dung cơ bản những quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh.	CO1
CLO2	Phân tích, luận giải được nội dung, ý nghĩa những quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh.	CO1, CO2
CLO3	Vận dụng được những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào quá trình học tập, rèn luyện.	CO3, CO4, CO5
CLO4	Đấu tranh, phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh.	CO3, CO4

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I				M			I	M
CLO 2	R	I				M			M	M
CLO 3	M	I				M			M	M
CLO 4	R	R				R			R	R
Tổng hợp học phần	R	I				M			M	M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình chính

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh nhà Tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	* Giới thiệu học phần Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1 Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2 Đối tượng nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3.2.Các phương pháp cụ thể	1 LT 1 TL	- Trình bày được khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh; đối tượng nghiên cứu của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh - Phân tích được một số nguyên tắc phương pháp luận trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. - Vận dụng được các phương pháp cụ thể trong học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh - Trình bày, phân tích được ý nghĩa thiết thực của việc học tập môn học Tư	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 5-18 và các tài liệu tham khảo khác; chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nghe giảng, nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh Thảo luận chương I 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? Qua nhận thức nội hàm khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh, hãy đưa ra nhận xét về quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Hãy phân tích giá trị, ý nghĩa của việc học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên trong giai đoạn hiện nay.		tưởng Hồ Chí Minh. - Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, phân tích được nội hàm khái niệm; nhận xét được quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh. - Phân tích được giá trị, ý nghĩa của việc học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh.		luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 5-18, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, kết luận.
2	Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1 Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1.1 Cơ sở thực tiễn 2.1.1.1 Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	2LT	- Trình bày được bối cảnh lịch sử Việt Nam và những sự kiện thế giới tác động đến việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh. - Trình bày, phân tích, được nội dung những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. - Trình bày và phân	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], tr:19-28, tài liệu [8], tr:52-80 hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr:22-28, tài liệu [8], tr:52-67;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.1.1.2 Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX <i>2.1.2 Cơ sở lý luận</i> 2.1.2.1 Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam 2.1.2.2 Tinh hoa văn hóa nhân loại 2.1.2.3 Chủ nghĩa Mác-Lênin <i>2.1.3 Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</i> 2.1.3.1 Phẩm chất Hồ Chí Minh 2.1.3.2 Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận		tích được sự tiếp thu có chọn lọc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về những giá trị tinh hoa văn hóa nhân loại. - Phân tích được vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với việc hình thành bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh. - Trình bày được những phẩm chất đạo đức, tài năng của chủ tịch Hồ Chí Minh.		chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nghe giảng, nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận. kết luận.
3	2.2 Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh <i>2.2.1 Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới</i> <i>2.2.2 Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc</i>	2 LT	- Trình bày được tiểu sử bản thân, gia đình, truyền thống cách mạng của quê hương CT Hồ Chí Minh. - Trình bày được quá trình chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm thấy con đường cứu nước. - Phân tích và chứng minh được đây là giai đoạn có	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], tr: 28-36, tài liệu [8] tr: 23-50, máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 28-36, tài liệu

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản</i> 2.2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 2.2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo 2.2.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9 -1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3.1 Đối với cách mạng Việt Nam 2.3.2 Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại		ý nghĩa “vạch đường đi” cho cách mạng Việt Nam. - Luận giải được thử thách mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc phải đối mặt và nỗ lực vượt qua trong giai đoạn này. - Trình bày nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong tiến trình cách mạng Việt Nam. - Trình bày và phân tích được giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nền độc lập, dân chủ, hòa bình của cách mạng Việt Nam và với sự phát triển của nhân loại.		[8], tr: 23-50 và các tài liệu tham khảo khác; chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
4	Thảo luận chương 2 1. Hãy phân tích những cơ sở góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, yếu tố nào có ý nghĩa quyết định đến việc hình thành bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh? Tại sao? 2. Hãy phân tích những nhân tố tác động đến việc hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước của chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành. 3. Trong những giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, giai đoạn nào có ý nghĩa “<i>tìm đường</i>”, giai đoạn nào có ý nghĩa “<i>vạch đường đi</i>” cho dân tộc Việt Nam? Hãy chứng minh.	2 TL	- Phân tích được những cơ sở (thực tiễn, lý luận) góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. - Phân tích được những nhân tố tác động đến việc hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước của chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành. - Lý giải tiền đề có ý nghĩa quyết định đến việc hình thành bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh. - Trình bày khái quát, chứng minh và lập luận đúng được các giai đoạn có ý nghĩa lịch sử tương ứng.	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], [3], [7], [8], máy tính và projector để tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 5-18, các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp những vấn đề SV chưa rõ, kết luận.
5	Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	2LT	- Trình bày và phân	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	3.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1 Vấn đề độc lập dân tộc 3.1.1.1 Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc 3.1.1.2 Độc lập, tự do phải gắn liền cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân. 3.1.1.3 Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để. 3.1.1.4 Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. 3.1.2 Về cách mạng giải phóng dân tộc 3.1.2.1 Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 3.1.2.2 Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản		tích được nội dung của vấn đề độc lập dân tộc. - Vận dụng quan điểm độc lập dân tộc để khẳng định chủ quyền biển Đông trong giai đoạn hiện nay. - Đấu tranh, phê phán hành động sai trái của Trung Quốc xâm phạm các quần đảo trên vùng biển Đông của Tổ quốc. - Giải thích nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn con đường cách mạng vô sản. - Phân tích được vai trò lãnh đạo, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Phân tích, giải thích được lực lượng của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc. - Giải thích và chứng minh được nội dung luận điểm sáng tạo này. - Giải thích và chứng minh được nội dung luận điểm		liệu [1], [2], [3], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 42-53; tham khảo thêm các tài liệu [2], [3], chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nghe giảng, nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, giải đáp thắc mắc, bổ sung, kết luận.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	lãnh đạo. 3.1.2.3 Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh công nông làm nền tảng. 3.1.2.4 Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. 3.1.2.5 Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng		sáng tạo này.		
6	Chương 3 (Tiếp) 3.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.1.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.1.2 Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một vấn đề tất yếu khách quan 3.2.1.3 Một số đặc	2 LT	- Trình bày khái niệm “chủ nghĩa xã hội” theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. - Phân tích con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là vấn đề hợp quy luật. - Trình bày và phân tích nội dung các đặc trưng về chủ	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 42-53; 62-70,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	trung cơ bản của chủ nghĩa xã hội 3.2.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2.1 Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2.2 Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3.1 Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ thời kỳ quá độ 3.2.3.2 Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ 3.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.4 Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt		nghĩa xã hội theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. - Trình bày được những mục tiêu cụ thể trong các lĩnh vực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Phân tích được những động lực cụ thể trong việc xây dựng CNXH ở Việt Nam. - Trình bày được tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ thời kỳ quá độ - Trình bày được nội dung những nguyên tắc xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ. - Trình bày và phân tích, lý giải được mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. - Vận dụng nội dung quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lý giải những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.		tham khảo thêm các tài liệu [2], [3], chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nghe giảng, nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, giải đáp thắc mắc, bổ sung, kết luận.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>Nam giai đoạn hiện nay</i>				
7	Thảo luận Chương 3 1. Tại sao theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản? 2. Bằng lý luận và thực tiễn hãy chứng minh quan điểm: Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. 3. Hãy phân tích những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của CT Hồ Chí Minh.	2 TL	- Giải thích và phân tích, chứng minh được lý do cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản. - Giải thích được các thuật ngữ: cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng vô sản ở chính quốc, chứng minh được quan điểm trên. - Trình bày và phân tích được 4 đặc trưng bản chất tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], [8], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [8], và các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
8	Kiểm tra 01 Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, vì nhân dân 4.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1 Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2 Đảng phải trong sạch, vững mạnh	1KT 1LT	- Trình bày và phân tích được cơ sở ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam dựa trên 3 yếu tố: Chủ nghĩa Mác-Lênin + PTCN + PTYN - Trình bày và phân tích được những nội dung cơ bản về “Đảng là đạo đức, là văn minh” và những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng.	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 72-82, nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận.
9	4.1.3 Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên 4.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.2.1 Nhà nước dân chủ 4.2.1.1 Bản chất giai cấp của nhà nước 4.2.1.2 Nhà nước của nhân dân 4.2.1.3 Nhà nước do nhân dân	2 LT	- Trình bày được những yêu cầu chủ yếu đối với cán bộ, đảng viên - Giải thích được các khái niệm: nhà nước dân chủ, nhà nước pháp quyền. - Trình bày và phân tích được nội dung những quan điểm của CT Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước dân chủ, nhà nước pháp quyền, nhà	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 83-91, chuẩn bị các nhiệm vụ học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	4.2.1.4 Nhà nước vì nhân dân 4.2.2 Nhà nước pháp quyền 4.2.2.1 Nhà nước hợp hiến, hợp pháp 4.2.2.2 Nhà nước thượng tôn pháp luật 4.2.2.3 Pháp quyền nhân nghĩa		nước trong sạch, vững mạnh.		tập dưới sự hướng dẫn của GV; nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận
10	4.2.3 Nhà nước trong sạch, vững mạnh 4.3 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước Thảo luận chương 4 1. Hãy phân tích quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng là đạo đức, Đảng là văn minh” 2. Phân tích những điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền?	1 LT 1 TL	- Vận dụng những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước để lý giải những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.	CLO1 CLO2	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 91-96, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV - GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu tài liệu [1], trình bày ý kiến, chia nhóm thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV, đại diện các nhóm thuyết trình, báo cáo, tranh luận. - GV lắng nghe, kết luận.
11	Chương 5 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc	2 LT		CLO1 CLO2	

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	và đoàn kết quốc tế 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc <i>5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc</i> 5.1.1.1 Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược quyết định thành công của cách mạng 5.1.1.2 Đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam <i>5.1.2 Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc</i> <i>5.1.3 Điều kiện xây dựng của khối đại đoàn kết dân tộc</i> <i>5.1.4 Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất</i> <i>5.1.5 Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất</i>		- Trình bày và phân tích được đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng. - Giải thích được tại sao đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam. - Trình bày và phân tích được những nội dung cơ bản về lực lượng, điều kiện, hình thức tổ chức, phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo quan điểm của CT Hồ Chí Minh.		- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 99-107, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nghe giảng, nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, kết luận.
12	5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế	1 LT	- Giải thích rõ 2 khái niệm và lý do	CLO1 CLO2 CLO3	- SV nghiên cứu

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>5.2.1 Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế</i> 5.2.1.1 Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng 5.2.1.2 Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại <i>5.2.2 Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức</i> <i>5.2.3 Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</i> 5.3 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay Thảo luận chương 5 1. Tại sao nói đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng?	1 TL	cần thiết phải kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; - Phân tích mối quan hệ, lợi ích gắn bó giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; - Chỉ rõ được những lực lượng mà cách mạng Việt Nam cần thực hiện để đoàn kết quốc tế; nguyên tắc đoàn kết quốc tế. - Vận dụng được những nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay; - Giải thích được vấn đề đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng; Phân tích được những điều kiện để thực hiện đại đoàn kết dân tộc. - Phân tích được sự cần thiết phải đoàn		trước tài liệu [1], tr: 101-117, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nghe giảng, nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận. - GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác, trình bày ý kiến, chia nhóm thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV, đại diện các nhóm thuyết trình, báo cáo, tranh luận. - GV lắng nghe, giải đáp thắc mắc,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Theo CT Hồ Chí Minh, để thực hiện đại đoàn kết dân tộc cần phải có những điều kiện nào? 2. Phân tích quan điểm của CT Hồ Chí Minh về sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.		kết quốc tế và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; liên hệ bản thân trong nhận thức về vấn đề này.		kết luận.
13	Chương 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người 6.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa <i>6.1.1 Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</i> 6.1.1.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1.2 Quan niệm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác <i>6.1.2 Quan điểm</i>	2 LT	- Trình bày và phân tích được khái niệm văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh; văn hóa có mối quan hệ với chính trị, kinh tế, xã hội; về việc giữ gìn và tiếp thu văn hóa nhân loại. - Phân tích được quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa. - Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới qua các thời kỳ	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], [3], [5], [8], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 119-125, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nghe giảng, nêu ý kiến cá nhân,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa</i> 6.1.3 Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới 6.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1 Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng		- Trình bày và phân tích được vai trò và sức mạnh của đạo đức.		hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận.
14	6.2.2 Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.2.1 Trung với nước, hiếu với dân 6.2.2.2 Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư 6.2.2.3 Thương yêu con người, sống có tình nghĩa 6.2.2.4 Tinh thần quốc tế trong sáng 6.2.3 Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh	2 LT	- Trình bày và phân tích nội dung 4 chuẩn mực đạo đức cách mạng - Liên hệ với bản thân trong việc thực hành những phẩm chất đạo đức đó theo quan điểm của CT Hồ Chí Minh - Trình bày và phân tích được nội dung các nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng. - Trình bày quan niệm của Hồ Chí Minh về con người. - Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò quyết định của con	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], [3], [4], [7], [8], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 139-150, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nghe giảng, nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	về con người 6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người” 6.3.3 Quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4 Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh		người trong sự nghiệp cách mạng, về chiến lược ”trồng người”, nội dung, phương pháp về xây dựng con người. - Trình bày được nội dung những quan điểm chỉ đạo của Đảng ta về xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong giai đoạn hiện nay.		- GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận.
15	Thảo luận Chương 6 1. Hãy phân tích quan điểm của CT Hồ Chí Minh về tính chất của nền văn hóa mới. Em sẽ làm gì để góp phần xây dựng nền văn hóa của dân tộc ta trong giai đoạn hiện nay? 2. Hãy phân tích quan điểm của CT Hồ Chí Minh về nội dung những chuẩn mực đạo đức cách mạng. Liên hệ bản thân trong việc học tập, rèn luyện theo tư tưởng, đạo	1 TL 1 KT	- Phân tích và chứng minh được tính chất của nền văn hóa mới bao gồm 3 đặc điểm: dân tộc, khoa học, đại chúng. - Liên hệ bản thân trong việc xây dựng, bảo vệ và phát triển nền văn hóa. - Phân tích và chứng minh được nội dung những chuẩn mực đạo đức cách mạng theo quan điểm của CT Hồ Chí Minh. - Liên hệ bản thân trong việc học tập, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức và	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], [3], [4], [7], [8], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], các tài liệu tham khảo khác, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nghe giảng, nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	đức và phong cách của CT Hồ Chí Minh. Bài kiểm tra số 02		phong cách của CT Hồ Chí Minh.		nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, giải đáp thắc mắc, kết luận.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức, thái độ tham gia học tập của SV: đi học đầy đủ, đúng giờ, chuẩn bị bài và tích cực chia sẻ ý kiến, xây dựng bài			CLO3	GV theo dõi chuyên cần và ý thức tham gia các hoạt động học tập của SV để đánh giá.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra số 01 (tuần 8)	50%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV làm bài kiểm tra theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. GV sẽ chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng làm bài của SV.
		Bài kiểm tra số 02 (tuần 15)	50%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV làm bài kiểm tra theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. GV sẽ chấm điểm căn cứ vào

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
						kiến thức, kĩ năng làm bài của SV.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi tự luận			CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV làm bài thi tự luận. GV sẽ chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kĩ năng làm bài của SV

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thời gian tham dự học tập trên lớp	Sinh viên đi học đầy đủ, tối thiểu 80% số giờ học ý thuyết	3
2	Thái độ học tập	Tích cực, trao đổi, thảo luận, chủ động và trách nhiệm khi thực hiện các hoạt động theo nhóm và hoạt động cá nhân dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	3
3	Ý thức tự học, hoàn thành nhiệm vụ học tập	Hoàn thành tất cả các nhiệm vụ học tập trên lớp và nhiệm vụ tự học được giao (thể hiện trong vở tự học)	4
Tổng điểm			10

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung:

* Bài số 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

* Bài số 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm

1	<u>Câu 1</u>	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết. - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng.	(5.0) 3.0 1.0 1,0
2	<u>Câu 2</u>	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết. - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Theo nội dung ôn tập học phần
- Hình thức: Bài viết tự luận
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung yêu cầu của đề thi. - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung yêu cầu của đề thi. - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý,	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0

		sạch đẹp, văn phong trong sáng. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Võ Thị Thu Hằng

Bùi Thị Minh Huệ

2.5.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, CĐSP

Ngành: Chung cho các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601005
1.2. Tên học phần:	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
1.3. Tên tiếng Anh:	History of Vietnamese Communist Party
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	1.Ths Nguyễn Thị Thanh Hòa, 0936690668 2.Ths Bùi Thị Thúy Hằng, 0987397340
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	3.Ths Bùi Thị Minh Huệ, 0961092329
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần học trước:	Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư

	trưởng Hồ Chí Minh
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần người học có kiến thức cơ bản, hệ thống về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; biết vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn; hình thành lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định về con đường và mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện sai trái, đi ngược lại những quan điểm, đường lối của Đảng, lợi ích của dân tộc.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản, hệ thống về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO2: Có kỹ năng phân tích sự kiện, đánh giá ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi, những kinh nghiệm lịch sử và bài học trong quá trình lãnh đạo của Đảng.
- CO3: Vận dụng kiến thức lịch sử Đảng vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Tích cực và có trách nhiệm thực hiện theo đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được hệ thống nội dung quan điểm, chủ trương của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam	CO1
CLO2	Phân tích, luận giải được chủ trương của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam	CO1, CO2
CLO3	Nhận thức được những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước	CO3, CO4
CLO4	Vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng vào quá trình học tập, rèn luyện.	CO3, CO4

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I				M			I	M
CLO 2	R	I				M			M	M
CLO 3	M	I				M			M	M
CLO 4	R	R				R			R	R
Tổng hợp học phần	R	I				M			M	M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019): *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Sử dụng trong các trường đại học – hệ không chuyên lý luận chính trị) (*Tài liệu dùng tập huấn giảng dạy năm 2019*)

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Tập I), Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Tập II), Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Tập III), Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, phần II (Đại hội X, XI, XII)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. Website: <http://www.cpv.org.vn>

[8]. Website: <http://www.tapchicongsan.org.vn>

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: **30** tiết;
- Tổng số tuần học: **15** tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: **02** bài;
 - + Thi kết thúc học phần: **01** bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Giới thiệu học phần Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học 3.2. Các phương pháp cụ thể	2LT	-Trình bày được đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của môn học - Trình bày được các phương pháp nghiên cứu, học tập của môn học. - Vận dụng được các phương pháp cụ thể trong học tập, nghiên cứu môn học Lịch sử Đảng	CLO1 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr:2-12 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
2	Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo	2LT	- Trình bày được những điều kiện cần thiết dẫn tới	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức

	đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930) 1.1.1. Bối cảnh lịch sử 1.1.2 Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam		thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Phân tích vai trò của Nguyễn Ái Quốc với sự ra đời của Đảng - Trình bày nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên; Luận giải những giá trị lịch sử của Cương lĩnh đầu tiên với quá trình hình thành và phát triển đường lối cách mạng của Đảng 90 năm qua? - Trình bày ý nghĩa lịch sử thành lập Đảng		các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 13-30 và tài liệu [2]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
3	Chương 1 (tiếp) 1.2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng	2 LT	- Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng 1930-1935 và phong trào dân chủ 1936-1939 - Phân tích, đánh giá chủ trương chiến lược mới của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện chủ trương 1939-1945. - Luận giải được tính chất, ý	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 30-58 và tài liệu tham khảo [2]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.

	<i>Tháng Tám năm 1945</i>		nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945		
4	Thảo luận chương 1 Câu 1. Phân tích nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (2/1930)? Câu 2. Hãy làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)? Anh, chị sẽ làm gì để góp phần bảo vệ thành quả của cách mạng tháng Tám năm 1945?	2TL	Phân tích được nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên được Hội nghị thành lập Đảng. - Luận giải được vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc 1930-1945. - Nâng cao nhận thức, hiểu biết vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. - Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện...	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận
5	Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng,	2LT	- Phân tích được tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo đấu tranh bảo vệ chính quyền giai đoạn 1945 – 1946	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 59-75 và tài liệu

	kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946 2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950		- Phân tích nội dung đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950		tham khảo [3]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
6	2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ 2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 2.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954-1965)	2LT	- Phân tích nội dung Đại hội hội II của Đảng và Chính cương của Đảng 2/1951); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi từ năm 1951-1954 - Trình bày ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp - Phân tích sự phát triển đường lối và quá trình lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền giữa đoạn 1954-1960; 1961-1965	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 75-97 và tài liệu tham khảo [3]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
7	2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-	2LT	- Trình bày nội dung đường lối	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và

	1975 2.2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975		kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng (NQTU 11, 12 năm 1965) - Phân tích quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 196-1975 - Phân tích được ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975	CLO3	projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], Tr: 97-113 và tài liệu tham khảo [3]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
8	Thảo luận chương 2 Câu 1. Phân tích quá trình Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ 1945-1954? Câu 2. Phân tích sự phát triển đường lối và khái quát quá trình chỉ đạo thực hiện của Đảng trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)? Anh (chị) cần phải làm gì để góp phần bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay?	2TL	- Phân tích đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ 1945-1954. - Phân tích sự phát triển đường lối và khái quát quá trình chỉ đạo thực hiện của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). - Nâng cao nhận thức thực tiễn lịch sử giai đoạn Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng	CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận

			chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975 - Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện...		
9	Thảo luận chương 2 Câu 3. Đánh giá những thành tựu và hạn chế của Đảng trong lãnh đạo cách mạng XHCN ở miền Bắc (1954-1975)? Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018) 3.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975- 1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981	1TL 1LT	Đánh giá những thành quả xây dựng CNXH ở miền Bắc 1954- 1975. - Nâng cao nhận thức thực tiễn lịch sử giai đoạn Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975 - Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện... - Trình bày nội dung Hội nghị lần thứ 24 (khóa III) tháng 8/1975 - Phân tích nội dung Đại hội IV của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng - Trình bày khái quát diễn biến, kết quả chiến	CLO2 CLO3 CLO4 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], Tr: 114-121 và tài liệu tham khảo [4]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi

			tranh biên giới Tây Nam năm 1978 và biên giới phía Bắc năm 1979		nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
10	3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội 1986-1996	2LT	-Trình bày nội dung Đại hội V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế -Phân tích nội dung Đại hội VI, VII và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, VII - Vận dụng những kiến thức đó vào luận giải những vấn đề cơ bản về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], Tr: 121-139 và tài liệu tham khảo [4], [5], [7]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
11	3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018	2LT	Trình bày được những nội dung cơ bản của Đại hội Đại hội VIII, IX, X và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, IX, X - Vận dụng kiến thức đã học để chủ động, tích cực nhận thức những vấn đề chính trị, kinh	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 139-166 và tài liệu tham khảo [6];[7] lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng,

			tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước		báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
12	3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm công cuộc đổi mới	2LT	- Phân tích nội dung Đại hội Đảng lần thứ XI, XII và quá trình thực hiện Nghị quyết các Đại hội - Đánh giá những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm công cuộc đổi mới. Lấy dẫn chứng minh họa. - Vận dụng kiến thức đã học để chủ động, tích cực nhận thức những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 166-203 và tài liệu tham khảo [6], [7]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
13	Thảo luận chương 3 Câu 1. Phân tích vai trò tiên phong của Đảng trong quá trình tìm tòi và khảo nghiệm đường lối đổi mới toàn diện đất	2TL	- Phân tích nội dung đường lối Đại hội IV, VI - Phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới,	CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1] và các tài liệu tham

	nước giai đoạn (1975-1986). Câu 2. Phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế? Anh (chị) sẽ làm gì để góp phần xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay?		công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế - Liên hệ trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay - Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện...		khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận
14	Câu 3. Hãy trình bày những thành tựu, hạn chế trong quá trình Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước giai đoạn 1986-2018. Lấy dẫn chứng minh họa?	2TL	- Trình bày những thành tựu, hạn chế trong sự nghiệp đổi mới (1986-2018). - Chủ động, tích cực nhận thức những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và NN - Liên hệ trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay - Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản	CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến			CLO4	GV theo dõi chuyên cần và ý thức tham gia các hoạt động học tập của SV để đánh giá.
A2. Đánh giá	30%	Nội dung: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt	50%		CLO1 CLO2 CLO3	SV chuẩn bị bài thảo luận theo nhóm ở nhà theo yêu cầu, hướng dẫn của GV và

định kỳ		Nam; Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) (tuần 10)			CLO4	thuyết trình trên lớp. GV chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng và mức độ tham gia hoạt động nhóm của mỗi SV.
		Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018) (tuần 15)	50%		CLO1 CLO2 CLO3	SV làm bài kiểm tra tự luận trên lớp theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. GV chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng làm bài của SV
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: tự luận			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	SV làm bài thi tự luận. GV sẽ chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng làm bài của SV

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Số buổi đi học đầy đủ.
- Tích cực trên lớp, trao đổi, thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
- Ý thức tự học, thực hiện nhiệm vụ học tập giảng viên giao thực hiện sau giờ lên lớp.

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thời gian tham dự học tập trên lớp	Sinh viên đi học đầy đủ, tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết	3
2	Thái độ học tập	Tích cực, chủ động và trách nhiệm khi thực hiện các hoạt động theo nhóm và hoạt động cá nhân dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	3
3	Ý thức tự học, hoàn	Hoàn thành tất cả các nhiệm vụ học tập trên	4

	thành nhiệm vụ học tập	lớp và nhiệm vụ tự học được giao (thể hiện trong vở tự học)	
Tổng điểm			10

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung:

Bài số 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).

- Hình thức: Chuẩn bị bài thảo luận và thuyết trình trên lớp

- Thời gian:

Bài số 2: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết. - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng.	(5.0) 3.0 1.0 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết. - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0.5 1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Theo nội dung ôn tập học phần
- Hình thức: Bài viết tự luận
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung yêu cầu của đề thi. - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	(5.0) 2.5 1.0 0.5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung yêu cầu của đề thi. - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	(5.0) 2.5 1.0 0.5 1.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Võ Thị Thu Hằng

Nguyễn T.T Hòa

2.5.6. Pháp luật đại cương (3 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Chung các ngành

1. Thông tin chung về HP

1.1. Mã học phần:	CB601007
1.2. Tên học phần:	Pháp luật đại cương
1.3. Tên tiếng Anh:	Fundamentals of Laws
1.4. Số tín chỉ:	03
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Bùi Văn Lợi; 0866334299
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Nguyễn Thị Ngọc Oanh (0953382898); Th.S Dương Thị Hồng Nhung (0904024818)
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức cơ về nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật Việt Nam; nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và các vấn đề pháp luật thực định có liên quan.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức:**

- CO1: Sinh viên có khả năng phân tích được những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật Việt Nam;
- CO2: Sinh viên có thể trình bày được những vấn đề lý luận chung (đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh) và những chế định cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật.

2.2.2. Về kỹ năng:

CO3: Sinh viên có khả năng phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; vận dụng những kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong quá trình học tập, lao động, sinh hoạt; có khả năng tự học và nghiên cứu luật.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Có ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân và thái độ tôn trọng, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Pháp luật đại cương” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được các vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam, liên hệ thực tiễn.	CO1, CO2
CLO2	Phân biệt được các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	CO2
CLO3	Phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật chuyên ngành	CO2, CO3
CLO4	Vận dụng các quy định của một số ngành luật để giải quyết những tình huống pháp lý thực tiễn.	CO2, CO3
CLO5	Tôn trọng pháp luật; tích cực đấu tranh với hành vi vi phạm pháp luật; có khả năng tự học và nghiên cứu luật.	CO3, CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	M				R				
CLO 2		M				M				
CLO 3	R	M				M				M
CLO 4	R	M				M				M
CLO 5	R	M				M				M
Tổng hợp học phần	R	M				M				M

5. Học liệu:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bùi Văn Lợi	2018	Tập bài giảng Pháp luật đại cương.	ĐH Hạ Long
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Mai Hồng Quý	2014	Giáo trình Pháp luật đại cương dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành luật.	NXB trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
3	Lê Minh Toàn	2012	Giáo trình pháp luật đại cương.	NXB Chính trị Quốc gia
4	Nguyễn Hợp Toàn	2014	Giáo trình pháp luật đại cương.	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
5	Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật	Hiện hành	Hiến pháp 2013, Luật HS, Luật LĐ, Luật DS, ... và các văn bản hướng dẫn.	http://vbpl.vn/Pages/portal.aspx

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**Bảng 3. Kế hoạch dạy học**

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (LT/TH/T)	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động của GV	Hoạt động học của SV(*)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	Giới thiệu học phần (*)					
1	Chương I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1.1. Nguồn gốc, bản chất,	2 LT, 1 TL	1. Trình bày được những vấn đề lý luận về nguồn gốc,	CLO1, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3],	- SV nghiên cứu trước tài

	đặc trưng, chức năng, hình thức 1.2. Nhà nước CHXHCNVN 1.2.1. Bản chất, đặc trưng		khái niệm, bản chất, chức năng, hình thức NN 2. Liên hệ để xác định được nguồn gốc, bản chất, bộ máy của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.		máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	liệu [1], [2], [3] và các tài liệu tham khảo khác.
2	Chương I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1.2.2. Bộ máy nhà nước Chương II. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT 2.1. Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng 2.2. Quy phạm pháp luật 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.2.2. Các bộ phận trong quy phạm pháp luật	2 LT, 1 BT	1. Xác định được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước VN 2. Trình bày được những vấn đề lý luận về nguồn gốc, khái niệm, bản chất, đặc trưng của PL 3. Trình bày được những vấn đề lý luận về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật.	CLO1, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2], [3] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên

						lớp.
3	2.3. Quan hệ pháp luật 2.3.1. Khái niệm, đặc điểm 2.3.2. Cấu trúc của quan hệ pháp luật 2.4. Vi phạm pháp luật 2.4.1. Khái niệm, dấu hiệu	2 LT 1 BT	2. Trình bày được những vấn đề lý luận về nguồn gốc, khái niệm, bản chất, đặc trưng của PL 3. Trình bày được những vấn đề lý luận về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật.	CLO1, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
4	2.4.2. Các yếu tố cấu thành 2.4.3. Các loại vi phạm pháp luật 2.5. Trách nhiệm pháp lý 2.5.1. Khái niệm 2.5. 2. Đặc điểm	2 LT, 1 BT	2. Trình bày được những vấn đề lý luận về nguồn gốc, khái niệm, bản chất, đặc trưng của PL 3. Nắm được những vấn đề lý luận về quy phạm pháp	CLO1, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3] và các tài liệu tham khảo khác.

			luật, quan hệ pháp luật.		dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	- SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
5	Chương III. LUẬT HIẾN PHÁP 3.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013(chế độ chính trị, KT; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân;	2 LT, 1TL	Sau khi hoàn thành chương trình chương học, người học có thể trình bày: 1. Những vấn đề lý luận chung: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, định nghĩa, nguồn của Luật Hiến pháp 2. Những chế định cơ bản trong luật hiến pháp như: chế độ chính trị, chế độ kinh tế, chính sách văn hóa – xã hội, an ninh – quốc phòng, địa vị pháp lý của	CLO2, CLO3, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2] ,[3], [4] máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[4] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo

			công dân, ...			luyện trên lớp.
6	Chương IV. LUẬT HÀNH CHÍNH 4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 4.2. 2. Quy chế pháp lý đối với cán bộ, công chức, viên chức 4.3. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính Kiểm tra	2 LT KT	Sau khi hoàn thành chương trình chương học, người học có thể: Trình bày những vấn đề lý luận chung: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, định nghĩa, nguồn của Luật hành chính Phân biệt được cán bộ, công chức, viên chức. Xác định được một hành vi có bị coi là vi phạm hành chính hay không và việc xử lý các vi phạm hành chính được pháp luật quy định như thế nào	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], [4] máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[4] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
7	CHƯƠNG V LUẬT DÂN SỰ 5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 5.2. Quyền sở hữu 5.3. Hợp đồng dân sự	2 LT 1 BT	Sau khi hoàn thành chương trình chương học, người học có thể hiểu: Những vấn đề lý luận chung:	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], [4] máy tính và projector	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[4]

			đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, định nghĩa; Những chế định cơ bản trong luật dân sự: tài sản và quyền sở hữu, giao dịch dân sự, trách nhiệm dân sự, thừa kế		để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
8	CHƯƠNG V LUẬT DÂN SỰ 5.4. Quyền thừa kế (khái niệm, quy định chung về thừa kế, các loại thừa kế)	1 LT 2 BT	Sau khi hoàn thành chương trình chương học, người học có thể trình bày: Những vấn đề lý luận chung: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, định nghĩa, nguồn của Luật dân sự Những chế định cơ bản trong luật dân	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], [4] máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[4] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi

			sự: tài sản và quyền sở hữu, giao dịch dân sự, trách nhiệm dân sự, thừa kế			nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
9	CHƯƠNG VI LUẬT HÌNH SỰ 6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 6.2. Tội phạm (khái niệm, dấu hiệu, phân loại)	2 LT 1 BT	Sau khi hoàn thành chương trình chương học, người học có thể hiểu: Những vấn đề lý luận chung: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, định nghĩa, nguồn của Luật hình sự Các quy định pháp luật về tội phạm và hình phạt	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], [4] máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[4] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.

10	CHƯƠNG VI LUẬT HÌNH SỰ 6.2. Tội phạm (khái niệm, dấu hiệu, phân loại) 6.3. Hình phạt	2 LT 1 BT	Sau khi hoàn thành chương trình chương học, người học có thể trình bày: Những vấn đề lý luận chung: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, định nghĩa, nguồn của Luật hình sự Các quy định pháp luật về tội phạm và hình phạt	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], [4] máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[4] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
11	CHƯƠNG VII LUẬT LAO ĐỘNG 7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 7.2. Hợp đồng lao động	2 LT 1 TL	Sau khi hoàn thành chương trình chương học, người học có thể nêu: Những vấn đề lý luận chung: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, định	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], [4] máy tính và projector để tổ chức các hoạt động	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[4] và các tài liệu tham khảo

			nghĩa, nguồn của Luật Lao động Những chế định cơ bản của Luật lao động: hợp đồng lao động, bảo hiểm		dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
12	CHƯƠNG VII LUẬT LAO ĐỘNG 7.3. Bảo hiểm xã hội (Khái niệm, các loại, các chế độ BHXH)?	2 LT 1 BT	Sau khi hoàn thành chương trình chương học, người học có thể hiểu: Những vấn đề lý luận chung: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, định nghĩa, nguồn của Luật Lao động Những chế định cơ bản của Luật lao động: hợp đồng lao động, bảo hiểm	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], [4] máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[4] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe

						giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
13	CHƯƠNG VIII LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 7.2. Chế định kết hôn 7.3. Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng? 7.4. Chấm dứt hôn nhân	2 LT 1 BT	- SV xác định được các điều kiện kết hôn; ly hôn. - SV hiểu và ý thức được quyền và nghĩa vụ của vợ chồng	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3], [4] máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[4] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
14	CHƯƠNG IX LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 8.1. Khái niệm	2 LT 1 TL	Sau khi hoàn thành chương trình chương học, người học	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2], [3],	- SV nghiên cứu trước tài

	8.2. Các hành vi tham nhũng?		có thể hiểu và nắm được những vấn đề lý luận chung về tham nhũng; nắm được cấu thành các tội phạm về tham nhũng và nhận biết được các tội phạm về tham nhũng trong tình huống thực tế; hiểu và ý thức được trách nhiệm phòng, chống tham nhũng của công dân		[4] máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học sau buổi học	liệu [1], [2] [3],[4] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.
15	8.3. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng 8.4. Giải pháp phòng chống tham nhũng Kiểm tra	2LT, 1 KT	Sau khi hoàn thành chương trình chương học, người học có thể hiểu và nắm được những vấn đề lý luận chung về tham nhũng; nắm được cấu thành các tội phạm về tham nhũng và nhận biết được các	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], [2] ,[3], [4] máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học. - Hướng dẫn SV tự học	- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [4] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo

			tội phạm về tham nhũng trong tình huống thực tế; hiểu và ý thức được trách nhiệm phòng, chống tham nhũng của công dân		sau buổi học	nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.

8. Đánh giá HP

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 4. Kiểm tra – đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến			CLO2 CLO3 CLO4, CLO5	GV theo dõi chuyên cần và ý thức tham gia các hoạt động học tập của SV để đánh giá.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Đánh giá hiểu biết về bản chất, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật VN; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật	50%		CLO1, CLO2, CLO3	SV làm bài kiểm tra tự luận trên lớp theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. GV chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kĩ năng làm bài của SV

		Đánh giá hiểu biết về nội dung cơ bản của các ngành luật	50%		CLO2, CLO3, CLO4,	SV làm bài trên lớp. GV sẽ chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng làm bài của SV
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: tự luận			CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV làm bài thi tự luận. GV sẽ chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng làm bài của SV

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Sinh viên cần đi đầy đủ các buổi học (số tiết nghỉ không vượt quá 20% tổng số tiết học), tích cực trên lớp, trao đổi, thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên, ý thức tự học, thực hiện nhiệm vụ học tập giảng viên giao sau mỗi giờ lên lớp.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra lần 1

- Nội dung: Bản chất, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật VN; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ khái niệm(định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Biết đưa vấn đề liên hệ vào thực tiễn cuộc sống	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Phân tích và giải quyết đúng tình huống đặt ra - Viện dẫn đúng quy định của pháp luật - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng.	(5.0) 3.0 1.5 0,5
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra lần 2

- Nội dung: Nội dung cơ bản của các ngành luật

- Hình thức: Bài kiểm tra tự luận.
- Thời gian: 50 phút
- Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì: Như bài 1

Bảng 5.b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá thi viết

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Nội dung 1	Chương 1,2	3
2	Nội dung 2	Chương 3,4,6,7,8,9	4
3	Nội dung 3	Chương 5	4

Bài kiểm tra lần 2

- Nội dung: Nội dung cơ bản của các ngành luật
- Hình thức: Bài kiểm tra tự luận.
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng khái niệm(định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng. - Biết đưa vấn đề liên hệ vào thực tiễn cuộc sống	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Phân tích và giải quyết đúng tình huống đặt ra - Viện dẫn đúng quy định của pháp luật - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng.	(5.0) 3.0 1.5 0,5
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: kiến thức thuộc nội dung môn học
- Hình thức: Bài thi tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng, đủ khái niệm (định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao (hoặc liên hệ thực tiễn)	(3.0) 2.0 0.5 0.5

		- Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng.	
2	Câu 2	- Trình bày đúng, đủ khái niệm (định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao (hoặc liên hệ thực tiễn) - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng.	(4.0) 3.0 0.5 0.5
3	Câu 3	- Phân tích và giải quyết đúng tình huống đặt ra - Viện dẫn đúng quy định của pháp luật - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng	(3.0) 2.0 0.5 0.5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Võ Thu Hằng

Bùi Văn Lợi

II. Ngoại ngữ - Tin học

2.5.7. Tiếng Anh 1 (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành: Chung các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	NN629035
1.2. Tên học phần:	Tiếng Anh 1
1.3. Tên tiếng Anh:	English (Elementary 1)
1.4. Số tín chỉ:	02 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	15 tuần/ 15 buổi/ 4 tiết/buổi
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Ngoại ngữ
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể như tự giới thiệu bản thân và người khác; trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè; giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

3. Mục tiêu học phần

Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại. Sinh viên trả lời được những câu hỏi đơn giản, khởi đầu và trả lời những câu

lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực quan tâm và về những chủ đề quen thuộc; có khả năng nhận diện các từ, nhóm từ quen thuộc và các câu đơn giản liên quan đến bản thân, gia đình và môi trường xung quanh; có thể hiểu các văn bản rất ngắn và đơn giản trên quảng cáo, thông báo và viết được những cụm từ hoặc những câu đơn giản và những văn bản, biểu mẫu ngắn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO1	Có thể theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu thập và xử lý thông tin.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, vấn đáp
CLO2	Có thể đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề ratas quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp học hoặc nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO3	Có thể hiểu các đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè. Có thể viết những cụm từ, những câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết).	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1			I		I					
CLO2			I		I					
CLO3			I		I					
CLO4						I				I
Tổng hợp học phần			I		I	I				I

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Eales, F., & Oakes, S. (2011). *Speakout: Elementary*. Pearson Education.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Annette Capel, and Wendy Sharp, *Ket Objective*. Cambridge university Press, 2002 (2003).

- [3] Official examination papers from ESOL examinations (2008). *Key English Test Extra*. Cambridge University Press
- [4] Official examination papers from ESOL examinations (2004). *Cambridge Key English Test 1*. Cambridge University Press
- [4] Collins A2+ Listening, Collins, 2014
- [5] Collins A2+ Speaking, Collins, 2014

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần học;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra giữa kì: 1 bài
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Topic: Travel Nice to meet you 1.2. Travel light	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2
2	Topic: Travel Can I have a coffee? Fawty towers	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2 CLO5
3	Topic: Lifestyle 2.1. Join us! 2.2. High flyers	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2 CLO3 CLO5
4	Topic: Lifestyle 2.3. What time does it start? 2.4. A visit to Panama	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO2, CLO3
5	Topic: People 3.1. Big happy families 3.2. Read friends?	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO2, CLO3 CLO4 CLO5
6	Topic: People	5	Individual	CLO1,

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
	3.3. Are you free tonight? 3.4. Diwali celebrations		Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO2 CLO4 CLO5
7	Progress test	5		CLO1, CLO2 CLO5
8	Topic: Places 4.1. A place to stay 4.2. Around town	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	
9	Topic: Places 4.3. Can I help you? 4.4. Favourite places	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2, CLO3
10	Topic: Food 5.1. My fridge 5.2. A lifetime in numbers	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO2, CLO3
11	Topic: Food 5.3. Are you ready to order? 5.4. Beach barbeque		Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	
12	Topic: The Past 6.1. In their past 6.2. Time twins	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2, CLO3
13	Topic: The Past 6.3. What do you do? 6.4. Nelson Mandela	5	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2, CLO3
14	Test orientation Listening	5	Individuals Whole-class discussion	CLO1, CLO2, CLO3
15	Test Orientation SPeaking	5	Individuals Whole-class discussion	CLO1, CLO2, CLO3

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần: Bảng điểm danh, hồ sơ học tập				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
	Bài thi đánh giá năng lực Đọc và Viết	Bài kiểm tra Đọc Viết	CLO1, CLO2, CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Bài thi đánh giá năng lực Nghe và Nói	Bài thi Nghe Nói	CLO1, CLO2, CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 \cdot 10\% + A2 \cdot 30\% + A3 \cdot 60\%)$: 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần:

Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Sinh viên làm bài kiểm tra trên Đề thi đánh giá năng lực-Đề thi chung áp dụng cho Khối không chuyên, kỹ năng Đọc, Viết theo định dạng bài thi Bậc 2 (Nội bộ).

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Đọc – Viết	56	70'	trọng số lần lượt 70%-30% Điểm tối đa: 100 (quy về thang 10, tỉ lệ 1:10)

9.2.3. Bài thi kết thúc học kỳ

Sinh viên thi 2 kỹ năng Nghe, Nói, định dạng bài thi Bậc 2 mô phỏng (Nội bộ)

Trọng số các kỹ năng trong bảng dưới đây:

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Nghe	25	35'	Trọng số 50%

Nói	3 phần	10-12'lượt	Trọng số 50% Điểm tối đa 2 KN: 100 Quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Hằng

TS. Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Văn Anh

Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại; có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực quan tâm và về những chủ đề quen thuộc; có khả năng nhận diện các từ, nhóm từ quen thuộc và các câu đơn giản liên quan đến bản thân, gia đình và môi trường xung quanh; có thể hiểu các văn bản rất ngắn và đơn giản trên quảng cáo, thông báo; viết được những cụm từ hoặc những câu đơn giản và những văn bản, biểu mẫu ngắn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Có thể theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu thập và xử lý thông tin.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, vấn đáp
CLO2	Có thể đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề ratas quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp học hoặc nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO3	Có thể hiểu các đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè. Có thể viết những cụm từ, những câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết).	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1			I		I					
CLO2			I		I					
CLO3			I		I					
CLO4						I				I
Tổng hợp học phần			I		I	I				I

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Eales, F., & Oakes, S. (2011). *Speakout: Elementary*. Pearson Education.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Annette Capel, and Wendy Sharp, *Ket Objective*. Cambridge university Press, 2002 (2003).

[3] Official examination papers from ESOL examinations (2008). *Key English Test Extra*. Cambridge University Press

[4] Official examination papers from ESOL examinations (2004). *Cambridge Key English Test 1*. Cambridge University Press

[4] Collins A2+ Listening, Collins, 2014

[5] Collins A2+ Speaking, Collins, 2014

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần học;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra giữa kì: 1 bài
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Topic: Holidays Travel partners The longest ride bike	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
2	Topic: Holidays Can you tell me the way? Hongkong	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
3	Topic: Now 8.1. Having a great time 8.2. What a difference!	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
4	Topic: Now 8.3. What do you recommend? 8.4. Changing trends	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
5	Topic: Transport 9.1. City bikes 9.2. Free ride	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
6	Topic: Transport 9.3. Sorry I'm late 9.4. Airport	5	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
7	Progress test	5		

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
8	Topic: Plans 10.1. Life's a lottery 10.2. Survive	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
9	Topic: Plans 10.3. Let's do something new 10.4. Wide weather	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
10	Topic: Health 11.1. I don't feel well 11.2. One thing at a time	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
11	Topic: Health 11.3. Help! 11.4. Fat or Sugar?		Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
12	Topic: Experiences 12.1. The experiences 12.2. Afraid of nothing	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
13	Topic: Experiences 12.3. Hello, I've got a problem 12.4. Shark therapy	5	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
14	Test orientation Listening	5	Individuals Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
15	Test Orientation Speaking	5	Individuals Whole-class discussion	CLO3 CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần: Bảng điểm danh, hồ sơ học tập				10%

A2. Đánh giá định kì				30%
	Bài thi đánh giá năng lực Đọc và Viết	Bài kiểm tra Đọc Viết	CLO1, CLO2, CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Bài thi đánh giá năng lực Nghe và Nói	Bài thi Nghe Nói	CLO1, CLO2, CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1*10% + A2*30% + A3*60): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.*

9.2.2. Kiểm tra định kì

Sinh viên làm bài kiểm tra trên Đề thi đánh giá năng lực-Đề thi chung áp dụng cho Khối không chuyên, kĩ năng Đọc, Viết theo định dạng bài thi Bậc 2 (Nội bộ).

Kĩ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Đọc – Viết	56	70'	trọng số lần lượt 70%-30% Điểm tối đa: 100 (quy về thang 10, tỉ lệ 1:10)

9.2.3. Bài thi kết thúc học kỳ

Sinh viên thi 2 kĩ năng Nghe, Nói, định dạng bài thi Bậc 2 mô phỏng (Nội bộ)

Trọng số các kĩ năng trong bảng dưới đây:

Kĩ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Nghe	25	35'	Trọng số 50%
Nói	3 phần	10-12'lượt	Trọng số 50% Điểm tối đa 2 KN: 100 Quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Hằng

TS. Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Văn Anh

2.5.9. Tiếng Anh 3 (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA NGOẠI NGỮ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Trình độ đào tạo: Cử nhân****Ngành: Chung các ngành****1. Thông tin chung về học phần**

1.1. Mã học phần:	NN629037
1.2. Tên học phần:	Tiếng Anh 3
1.3. Tên tiếng Anh:	English (Elementary 3)
1.4. Số tín chỉ:	02 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	15 tuần/ 15 buổi/ 4 tiết/buổi
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Ngoại ngữ
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Tiếng Anh 2
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và phát triển kỹ năng ở trình độ tiền trung cấp. Kết thúc học phần, người học có kiến thức về cách diễn đạt các thông tin cá nhân và nhu cầu cụ thể; có vốn từ thuộc các tình huống quen thuộc cụ thể; dùng được các cách diễn đạt, cấu trúc câu cố định, phương tiện liên kết câu đơn giản; nắm được kiến thức cơ bản về và có thể phát âm tương đối rõ các âm trong hệ thống âm vị tiếng Anh; phát âm đúng trọng âm trong các từ đa âm tiết được giới thiệu trong chương trình học.

3. Mục tiêu học phần

Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể đọc hiểu và nắm được ý chính của đa dạng thể loại văn bản như thư, thông báo, bài báo ngắn về chủ đề gần gũi; nghe hiểu được ý chính của các bài nói thuộc nhiều chủ đề với nội dung quen thuộc và giọng nói rõ ràng ở tốc độ vừa phải; có thể giao tiếp trôi chảy, trao đổi về các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, đưa ra quan điểm cá nhân về các chủ đề thuộc lĩnh vực yêu thích; có thể viết thư hay email gửi cho bạn bè người thân với bố cục rõ ràng và sử dụng chính xác các liên từ nối cơ bản.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Có khả năng nghe hiểu, đọc hiểu được các nhóm từ và từ vựng thường dùng về những chủ đề liên quan trực tiếp như gia đình, mua sắm, nơi ở, nghề nghiệp và những chủ đề khác như khoa học, công nghệ, ngôn ngữ, giao tiếp ... Có thể hiểu ý chính trong thông báo ngắn, đơn giản và rõ ràng.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, vấn đáp
CLO2	Có khả năng giao tiếp được trong các tình huống đơn giản hằng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi sinh sống, giao tiếp đơn giản tuy không duy trì được cuộc hội thoại. Có thể viết tin nhắn hoặc thư đơn giản, ngắn gọn thuộc phạm vi nhu cầu cấp thiết.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO3	Sử dụng được các cụm từ và các câu đã học để mô tả một cách đơn giản về gia đình và những người khác, về điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại hoặc gần đây. Có thể viết một số cụm từ hoặc câu đơn giản nối với nhau bằng những liên từ đơn giản như: và, nhưng, bởi vì ...	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kĩ năng nghe, nói, đọc, viết).	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1			R		I					
CLO2			R		R					
CLO3			R		I					
CLO4						R				I
Tổng hợp học phần			R		I	R				I

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Clare, A., & Wilson, J. J. (2011). *Speakout*. Pre-intermediate/Students book. Pearson/Logman.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Cambridge ESOL. (2003). *Cambridge Preliminary English Tests (1-7)*. Cambridge University Press.

[3] Short, J. (2014). *Get ready for IELTS listening Pre-intermediate A2+*.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần học;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra giữa kì: 1 bài
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Topic: Life Feeling good? 1.2. True love	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
2	Topic: Life 1.3. Nice day, isn't it? 1.4. Someone Special	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
3	Topic: Work 2.1. The company 4U? 2.2. A risky business	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
4	Topic: Work 2.3. I like working outside 2.4. Dream Commuters	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
5	Topic: Time out 3.1. Free in NYC 3.2. Relax!	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
6	Topic: Time out 3.3. Can I take a message? 3.4. Rio de Janeiro	4	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
7+8	Review + Test Orientation (Reading and Writing)	4		

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
	Progress test			
9	Topic: Great minds 4.1. Hidden talent 4.2. Schools of thought	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
10	Topic: Great minds 4.3. What should I do? 4.4. Inventions	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
11	Topic: Travel 5.1. Fantastic film trips 5.2. Travel tips	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
12	Topic: Travel 5.3. You can't miss it 5.4. Full circle	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
13	Topic: Fitness 6.1. Keeping fit 6.2. The future of food	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
14	Topic: Fitness 6.3. How are you feeling? 6.4. Monitor me	4	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
15	Review Test Orientation (Listening and Speaking)	4	Individuals Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần: Bảng điểm danh, hồ sơ học tập				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
	Bài thi đánh giá năng lực Đọc và Viết	Bài kiểm	CLO1,	

		tra Đọc Viết	CLO2, CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Bài thi đánh giá năng lực Nghe và Nói	Bài thi Nghe Nói	CLO1, CLO2, CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1*10% + A2*30% + A3*60): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.*

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Ở bài kiểm tra định kỳ, sinh viên làm bài thi đánh giá 2 kỹ năng Đọc (mô phỏng định dạng PET) và Viết (email).

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Đọc	25	35'	75%
Viết	1	30'	25%
Tổng			Điểm tối đa 100, quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

9.2.3. Bài thi kết thúc học kỳ

Ở bài thi kết thúc học phần, sinh viên làm bài thi đánh giá 2 kỹ năng Nghe và Nói mô phỏng theo định dạng IELTS.

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Nghe	20	25'	50%
Nói	3 phần	10-12'lượt	50%
Tổng			Điểm tối đa 100, quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Hằng

TS. Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Văn Anh

2.5.10. Tiếng Anh 4 (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành: Chung các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	NN629038
1.2. Tên học phần:	Tiếng Anh 4
1.3. Tên tiếng Anh:	English (Elementary 4)
1.4. Số tín chỉ:	02 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	15 tuần/ 15 buổi/ 4 tiết/buổi
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Ngoại ngữ
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Tiếng Anh 3
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và phát triển kỹ năng ở trình độ tiền trung cấp. Kết thúc học phần, người học có kiến thức về cách diễn đạt các thông tin cá nhân và nhu cầu cụ thể; có vốn từ thuộc các tình huống quen thuộc cụ thể; dùng được các cách diễn đạt, cấu trúc câu cố định, phương tiện liên kết câu đơn giản; nắm được kiến thức cơ bản về và có thể phát âm tương đối rõ các âm trong hệ thống âm vị tiếng Anh; phát âm đúng trọng âm trong các từ đa âm tiết được giới thiệu trong chương trình học.

3. Mục tiêu học phần

Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể đọc hiểu và nắm được ý chính của đa dạng thể loại văn bản như thư, thông báo, bài báo ngắn về chủ đề gần gũi; nghe hiểu được ý chính của các bài nói thuộc nhiều chủ đề với nội dung quen thuộc và giọng nói rõ ràng ở tốc độ vừa phải; có thể giao tiếp trôi chảy, trao đổi về các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, đưa ra quan điểm cá nhân về các chủ đề thuộc lĩnh vực

yêu thích; có thể viết thư hay email gửi cho bạn bè người thân với bố cục rõ ràng và sử dụng chính xác các liên từ nối cơ bản.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO1	Có khả năng nghe hiểu, đọc hiểu được các nhóm từ và từ vựng thường dùng về những chủ đề liên quan trực tiếp như gia đình, mua sắm, nơi ở, nghề nghiệp và những chủ đề khác như khoa học, công nghệ, ngôn ngữ, giao tiếp ... Có thể hiểu ý chính trong thông báo ngắn, đơn giản và rõ ràng.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, vấn đáp
CLO2	Có khả năng giao tiếp được trong các tình huống đơn giản hàng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi sinh sống, giao tiếp đơn giản tuy không duy trì được cuộc hội thoại. Có thể viết tin nhắn hoặc thư đơn giản, ngắn gọn thuộc phạm vi nhu cầu cấp thiết.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO3	Sử dụng được các cụm từ và các câu đã học để mô tả một cách đơn giản về gia đình và những người khác, về điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại hoặc gần đây. Có thể viết một số cụm từ hoặc câu đơn giản nối với nhau bằng những liên từ đơn giản như: và, nhưng, bởi vì ...	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kĩ năng nghe, nói, đọc, viết).	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1			R		I					
CLO2			R		R					
CLO3			R		I					
CLO4						R				I
Tổng hợp học phần			R		I	R				I

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Clare, A., & Wilson, J. J. (2011). *Speakout*. Pre-intermediate/Students book. Pearson/Logman.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Cambridge ESOL. (2003). *Cambridge Preliminary English Tests (1-7)*. Cambridge University Press.

[3] Short, J. (2014). *Get ready for IELTS listening Pre-intermediate A2+*.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần học;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra giữa kì: 1 bài
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Topic: Changes Living the dream The great impostor	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
2	Topic: Changes Can you tell me? A Greek Adventure	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
3	Topic: Money 8.1. Treasure hunt 8.2. Pay me more!	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
4	Topic: Money 8.3. I'm just looking 8.4. soleRebels	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
5	Topic: Nature 9.1. Green living 9.2. Into the wild	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
6	Topic: Nature 9.3. It could be because...	4	Individual Pair-work Group-work	CLO3 CLO4

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
	9.4. The northern Lights		Whole-class discussion	
7+8	Review + Test Orientation (Reading and Writing) Progress test	4		
9	Topic: Society 10.1. Top cities 10.2. Crime and punishment	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
10	Topic: Society 10.3. There's a problem 10.4. Mary's meals	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
11	Topic: Technology 11.1. Keeping in touch 11.2. Make a difference	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
12	Topic: Technology 11.3. I totally disagree 11.4. Is TV bad for kids	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
13	Topic: Fame 12.1. Caught on film 12.2. A lucky break	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
14	Topic: Fame 12.3. What can I do for you? 12.4. Billion Dollar Man	4	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
15	Review Test Orientation (Speaking and	4	Individuals Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
	Listening)			

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần: Bảng điểm danh, hồ sơ học tập				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
	Bài thi đánh giá năng lực Đọc và Viết	Bài kiểm tra Đọc Viết	CLO1, CLO2, CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Bài thi đánh giá năng lực Nghe và Nói	Bài thi Nghe Nói	CLO1, CLO2, CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 \cdot 10\% + A2 \cdot 30\% + A3 \cdot 60\%): 10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Ở bài kiểm tra định kỳ, sinh viên làm bài thi đánh giá 2 kỹ năng Đọc (mô phỏng định dạng PET) và Viết (email).

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Đọc	25	35'	75%
Viết	1	30'	25%
Tổng			Điểm tối đa 100, quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

9.2.3. Bài thi kết thúc học kỳ

Ở bài thi kết thúc học phần, sinh viên làm bài thi đánh giá 2 kỹ năng Nghe và Nói mô phỏng theo định dạng IELTS.

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Nghe	20	25'	50%
Nói	3 phần	10-12'lượt	50%
Tổng			Điểm tối đa 100, quy về

		thang 10, tỉ lệ 1:10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Hằng

TS. Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Văn Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Khoa học máy tính

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	IT601001
1.2. Tên học phần:	Tin học ứng dụng
1.3. Tên tiếng Anh:	Application Informatics
1.4. Số tín chỉ:	3 tín chỉ
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 giờ (2 tín chỉ)
- Thực hành:	30 giờ (1 tín chỉ)
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Công nghệ thông tin
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Trịnh Thị Vân
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Khoa CNTT
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin (CNTT), tập trung vào hệ điều hành, các phần mềm tin học văn phòng thông dụng (Soạn thảo văn bản, bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu). Cung cấp các thao tác cơ bản và một số kỹ thuật nâng cao của phần mềm tin học văn phòng thông dụng. Ngoài ra, học phần cũng trang bị một số kiến thức về Internet, cách sử dụng trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Bên cạnh đó, học phần này cũng giới thiệu và rèn luyện kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động nghề nghiệp phù hợp ngành đào tạo của sinh viên. Từ đó, sinh viên có khả năng sử dụng máy tính phục vụ việc học tập, nghiên cứu và những công việc cần ứng dụng CNTT trong nghề nghiệp sau này.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức giải thích và lập luận để đặt và giải quyết vấn đề về hệ điều hành, Internet, cách sử dụng trình duyệt web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử, cách xem và chia sẻ thông tin trên mạng cục bộ để ứng dụng vào thực tế.

- CO2: Có kiến thức về một số kỹ thuật cơ bản và nâng cao của các phần mềm tin học văn phòng (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint).

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Sử dụng thành thạo các thao tác cơ bản với máy tính, biết cách sử dụng một số phần mềm thông dụng, trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin trên Internet và liên lạc qua thư điện tử để thực hiện những công việc cần ứng dụng CNTT, thành thạo các thao tác cơ bản và thực hiện được một số kỹ thuật nâng cao trên các phần mềm Soạn thảo văn bản, Bảng tính điện tử, Phần mềm trình chiếu.

- CO 4: Có kỹ năng thuyết trình, hoạt động nhóm

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 5: Tự học và phát triển kỹ năng phù hợp để có thể tham gia vào các dự án Công nghệ thông tin.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows trên máy tính.	CO1, CO4, CO5
CLO2	Sử dụng được các phần mềm tin học văn phòng thông dụng (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint) ở mức độ cơ bản và nâng cao.	CO2, CO3, CO4, CO5
CLO3	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm thông tin và liên lạc thư điện tử qua mạng Internet	CO1, CO3, CO4, CO5
CLO4	Sử dụng được mạng cục bộ (LAN) để khai thác và chia sẻ thông tin.	CO1, CO3, CO4, CO5
CLO5	Sử dụng CNTT trong hoạt động nghề nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo.	CO3, CO4, CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		I	R						I	R
CLO2		R	R							R
CLO3		I	I						R	I
CLO4		I	R						I	I

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO5										I
Tổng hợp học phần		R	R						R	R

5. Học liệu

5.1. Tài liệu chính

[1]. Trương Công Tuấn (2015), *Tin học văn phòng*, NXB văn hóa thông tin.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nhóm tác giả khoa CNTT, tài liệu giảng dạy học phần Tin học đại cương, trường Đại học Hạ Long (lưu hành nội bộ)

[2]. Nhóm tác giả trường Đại học CNTT&TT - Trường Đại học Thái Nguyên, tài liệu giảng dạy học phần Tin học đại cương.

[3]. Bùi Thế Tâm, (2016), *Giáo trình Tin học đại cương*. NXB thời đại.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4tiết/ buổi x 1buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài thi (30% trắc nghiệm khách quan+70% thực

hành trên máy tính).

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
1	CHƯƠNG 1: MÁY TÍNH CĂN BẢN 1.1. Khái quát về máy tính điện tử. 1.2. Phân loại máy tính. 1.3. Phần cứng máy tính. 1.4. Phần mềm máy tính. 1.5. Đơn vị lưu trữ thông tin. 1.6. Các hệ thống đếm trong tin học. 1.7. Một số kỹ thuật xử lý sự	4	Trình bày được khái niệm, vai trò, phân loại, đặc điểm của máy tính điện tử. Trình bày được các cách phân loại máy tính theo mục đích sử dụng. Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ, chức năng của phần cứng máy tính Trình bày được khái niệm,	CLO1 CLO3	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	cô máy tính căn bản. CHƯƠNG 2: HỆ ĐIỀU HÀNH 2.1. Tổng quan về hệ điều hành máy tính <i>2.1.1. Khái niệm hệ điều hành.</i> <i>2.1.2. Các hệ điều hành.</i> <i>2.1.3. Hệ điều hành mã nguồn mở.</i> 2.2. Hệ điều hành Microsoft windows <i>2.2.1. Desktop & Start Menu</i> <i>2.2.2. Windows Explorer - các thao tác đối với tập tin và thư mục</i> <i>2.2.3. Control panel - các tính năng để quản lý và cấu hình máy tính</i> <i>2.2.4. Cài đặt và gỡ bỏ ứng dụng</i>		nhiệm vụ, chức năng của phần mềm máy tính Trình bày được đơn vị lưu trữ thông tin trong máy tính, các hệ thống đếm trong tin học Liệt kê được một số kỹ thuật xử lý sự cố trong máy tính căn bản.		
2	CHƯƠNG 3: PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN 3.1. Làm quen với phần mềm soạn thảo văn bản <i>3.1.1. Giới thiệu một số phần mềm soạn thảo văn bản</i> - Khái niệm Phần mềm soạn thảo văn bản - Một số loại phần mềm soạn thảo văn bản và phiên bản thông dụng. <i>3.1.2. Khởi động và làm quen giao diện</i> <i>3.1.3. Các thao tác với tập tin văn bản</i>	4	Trình bày, giới thiệu được một số phần mềm soạn thảo văn bản. Trình bày được cách khởi động và làm quen với giao diện làm việc của Ms Word. Trình bày được các thao tác với tập tin văn bản	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện .

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
3	3.2. Một số kĩ thuật soạn thảo văn bản 3.2.1. <i>Chế độ gõ tiếng Việt và cách gõ văn bản</i> 3.2.2. <i>Các thao tác cơ bản trên ký tự</i> 3.2.3. <i>Định dạng trang in (Page Setup)</i> 3.2.4. <i>Định dạng ký tự (khối ký tự)</i> 3.2.6. <i>Định dạng khoảng cách dòng đoạn (Paragraph)</i> 3.2.7. <i>Định dạng tab (Tabs)</i> 3.2.8. <i>Kẻ khung và tô nền cho văn bản (Border and Shading)</i> 3.2.9. <i>Đánh dấu và đánh số đầu mục (Bullet and Numbering)</i> 3.2.10. <i>Tạo ký tự lớn đầu đoạn (Drop Cap)</i> 3.2.11. <i>Chèn ký tự, biểu tượng đặc biệt (Symbol)</i> 3.2.12. <i>Chèn công thức toán học (Equatation)</i>	4	Thực hiện được thành thạo cách thao tác cài đặt chế độ tiếng Việt, cách gõ tiếng Việt trên phần mềm,... Trình bày và vận dụng được các thao tác cơ bản trên ký tự. Trình bày được kĩ thuật định dạng định dạng trang in, xem tài liệu trước khi in và đặt lệnh in. Trình bày được kĩ thuật định dạng kí tự (khối ký tự). Trình bày định dạng khoảng cách dòng đoạn (Paragraph) Trình bày được định dạng tab (Tabs) Trình bày và vận dụng được kĩ thuật kẻ khung và tô nền cho văn bản (Border and Shading) Trình bày và vận dụng được kĩ thuật đánh dấu và đánh số đầu mục (Bullet and Numbering) Trình bày và vận dụng được kĩ thuật tạo ký tự lớn đầu đoạn (Drop Cap) Trình bày và vận dụng được kĩ thuật chèn ký tự, biểu tượng đặc biệt (Symbol)	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện .

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			Trình bày và vận dụng được kĩ thuật chèn công thức toán học (Equatation)		
4	3.3. Bảng biểu 3.3.1. Tạo bảng 3.3.2. Chọn ô, hàng, cột và toàn bảng 3.3.3. Di chuyển con trỏ trong bảng 3.3.4. Nhập dữ liệu vào bảng 3.3.5. Xóa bảng (hàng, cột) 3.3.6. Thay đổi chiều rộng cột 3.3.7. Thay đổi chiều cao hàng 3.3.8. Chèn thêm hàng, cột. 3.3.9. Trộn nhiều ô thành một ô 3.3.10. Một số thao tác khác - Sử dụng chú thích trong tài liệu - Kĩ thuật trộn thư. - Kĩ thuật tạo mục lục 3.4. Đồ họa 3.4.1. Kĩ thuật vẽ các khối hình trên văn bản 3.4.2. Tạo chữ nghệ thuật (WordArt) 3.4.3. Chèn hình ảnh vào văn bản	4	Trình bày và vận dụng được kĩ thuật tạo bảng Trình bày được cách chọn ô, hàng, cột và toàn bảng Trình bày và vận dụng được thao tác di chuyển con trỏ trong bảng Trình bày được cách nhập dữ liệu vào bảng Trình bày và vận dụng được các cách xóa bảng (hàng, cột). Trình bày và vận dụng được các cách thay đổi chiều rộng cột Trình bày và vận dụng được kĩ thuật thay đổi chiều cao hàng Trình bày và vận dụng được kĩ thuật chèn thêm hàng (cột) Trình bày và vận dụng được kĩ thuật trộn nhiều ô thành một ô Trình bày được một số thao tác nâng cao khác: kĩ thuật trộn thư, kĩ thuật tạo mục lục cho văn bản. Trình bày và vận dụng được các kĩ thuật vẽ các khối hình trên văn bản Trình bày và vận dụng được các bước tạo chữ	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện .

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			nghệ thuật (WordArt) Trình bày và vận dụng được các bước chèn hình ảnh vào văn bản		
5	3.5. Một số kiến thức cần ghi nhớ 3.6. Bài tập chương 2 <i>Bài kiểm tra số 1</i>	4	Ôn tập các thao tác cơ bản về soạn thảo văn bản. Giải thích và thực hành được các bài tập về soạn thảo văn bản từ cơ bản đến nâng cao	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện
6	CHƯƠNG 4: LẬP BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ 4.1. Làm quen với phần mềm lập bảng tính điện tử <i>4.1.1. Giới thiệu và làm quen giao diện của Microsoft Office Excel 2010</i> <i>4.1.2 Khởi động và đóng chương trình Excel 2010</i> <i>4.1.3 Thao tác với tập tin Excel</i> - Cách khởi động, thao tác với các đối tượng trên màn hình làm việc, thao tác với file bảng tính. - Các thao tác tạo mới, đổi tên, xóa trang tính. - Cách điều chỉnh kích thước dòng, cột, ô. - Thao tác sao chép/cắt - dán dữ liệu. - Cách tìm kiếm, thay thế dữ liệu.	4	Trình bày được một số phần mềm bảng tính điện tử; hiểu giao diện và cách làm việc của Ms Excel. Trình bày và vận dụng được cách khởi động và đóng chương trình Excel 2010 Trình bày và vận dụng được các thao tác với tập tin Excel	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Định dạng trang in.				
7	4.2. Thao tác cơ bản làm việc trên bảng tính <i>4.2.1. Các kiểu dữ liệu</i> - Các kiểu dữ liệu cơ bản (Text, Number, Date) - Cách định dạng dữ liệu. <i>4.2.2. Tính toán và xử lý dữ liệu.</i> - Cách lập công thức và sử dụng các phép toán. - Địa chỉ tuyệt đối và địa chỉ tương đối, cách sao chép công thức. <i>4.2.3. Định dạng dữ liệu</i> <i>4.2.4. Sắp xếp và lọc dữ liệu</i> - Sắp xếp dữ liệu - Lọc dữ liệu <i>4.2.5. Điền tự động</i>	4	Trình bày và phân tích được các kiểu dữ liệu trong bảng tính Trình bày và vận dụng được các cách chọn dữ liệu Trình bày và vận dụng được các cách định dạng dữ liệu. Trình bày và vận dụng được thao tác sắp xếp và lọc dữ liệu. Trình bày và vận dụng được thao tác điền dữ liệu tự động.	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện
8	<i>4.2.6. Tính toán theo địa chỉ</i> <i>4.2.7. Tính toán bằng hàm</i> - Các hàm thông dụng (Round, Count, Sum, Average, Max, Min, If, Countif, Sumif, Vlookup, Hlookup) <i>4.2.8. Biểu đồ</i> - Cách vẽ biểu đồ minh họa dữ liệu. - Cách chỉnh sửa biểu đồ. <i>4.2.9. Dàn trang và in</i> - Chế độ xem, chỉnh sửa bố cục trước khi in (Page Break Preview, Page Layout) - Cách thực hiện in 4.3. Một số kiến thức cần	4	Trình bày và vận dụng được phương pháp tính toán theo địa chỉ Trình bày và vận dụng được phương pháp tính toán bằng hàm Ôn tập về các thao tác cơ bản và các hàm về bảng tính điện tử	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	ghi nhớ				
9	4.4. Bài tập chương	4	Giải thích và thực hành được các bài tập về bảng tính điện tử từ cơ bản đến nâng cao.	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện
10	CHƯƠNG 5: PHẦN MỀM TRÌNH CHIẾU 5.1. Làm quen với phần mềm trình chiếu <i>5.1.1. Giới thiệu phần mềm trình chiếu</i> <i>5.1.2. Khởi động và đóng chương trình</i>	4	Trình bày được một số phần mềm trình chiếu; hiểu giao diện và cách làm việc của Ms Excel. Trình bày và vận dụng được cách khởi động và đóng chương trình PowerPoint 2010	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện.
11	5.2. Tạo một trình chiếu đơn giản <i>5.2.1. Tạo Slide mới và chọn kiểu bố trí nội dung</i> <i>5.2.2. Tạo nội dung cho các Slide</i> <i>5.2.3. Thay đổi kiểu hiển thị trong cửa sổ làm việc</i>	4	Thực hiện thành thạo các thao tác cơ bản trên Ms PowerPoint, cách tạo Slide mới và chọn kiểu bố trí nội dung. Trình bày và vận dụng được kĩ thuật tạo nội dung cho Slide. Thực hiện thành thạo được các thao tác cơ bản trên Ms PowerPoint, cách thay đổi kiểu hiển thị trong cửa sổ làm việc	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện .
12	5.3. Một số kĩ thuật trong thiết kế bài trình chiếu <i>5.3.1. Kĩ thuật chọn mẫu thiết kế (Design)</i>	4	Trình bày và vận dụng được các kĩ thuật chọn mẫu thiết kế. Trình bày và vận dụng	CLO2	GV trình bày, hướng

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	5.3.2. Thao tác với các đối tượng trên Slide: văn bản, hình ảnh, bảng biểu, đa phương tiện (multimedia) 5.3.3. Tạo và thiết kế Slide Master 5.3.4. Kỹ thuật sử dụng siêu liên kết (hyperlink) 5.3.5. Kỹ thuật đặt hiệu ứng cho Slide (Transitions) và hiệu ứng cho các đối tượng trên Slide (Animations).		được kỹ thuật sử dụng hình ảnh và màu nền cho Slide. Trình bày và vận dụng được kỹ thuật tạo và thiết kế Slide Master Trình bày và vận dụng được kỹ thuật sử dụng siêu liên kết (hyperlink) Trình bày và vận dụng được kỹ thuật đặt hiệu ứng cho Slide và hiệu ứng cho đối tượng trên Slide.		dẫn SV lắng nghe, thực hiện
13	5.4. Một số kỹ thuật nâng cao - Chỉnh sửa chi tiết các đối tượng đồ họa và đa phương tiện - Cách sử dụng các tùy chọn chi tiết của hiệu ứng đối tượng (Effect options) - Lựa chọn các thông số trình chiếu (Set up, Start slide Show) 5.5. Một số kiến thức cần ghi nhớ 5.6. Bài tập chương 5 Bài kiểm tra số 2	4	Ôn tập về các thao tác cơ bản và các hàm về bảng tính điện tử Giải thích và thực hành được các bài tập về bảng tính điện tử từ cơ bản đến nâng cao.	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện
14	CHƯƠNG 6: INTERNET 6.1. Giới thiệu trình duyệt Internet - Khái niệm mạng máy tính, Internet 6.2. Xem, lưu trữ và tìm kiếm thông tin trên Internet - Khái niệm siêu văn bản và	4	Trình bày được một số khái niệm cơ bản về Internet Sử dụng thành thạo trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin, liên lạc qua thư điện tử. Trình bày được khái niệm,	CLO3, CLO4	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	hệ thống World-Wide-Web - Một số trình duyệt web thông dụng, công cụ tìm kiếm thông tin trên web 6.3. Thư điện tử - Khái niệm thư điện tử (e-mail) - Cách soạn, gửi và nhận thư điện tử; gửi kèm tệp, chuyển tiếp, các thao tác quản lý thư điện tử. 6.4. Khai thác Internet phục vụ học tập 6.5. Mạng cục bộ - Khái niệm mạng cục bộ (LAN) - Cách xem, chia sẻ thông tin trong mạng cục bộ 6.5. Bài tập chương		các thao tác của thư điện tử. Trình bày được khái niệm, cách xem và chia sẻ dữ liệu trong mạng cục bộ, khai thác Internet phục vụ học tập Giải thích và thực hành được các bài tập về Internet từ cơ bản đến nâng cao.		.
15	CHỦ ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP ✓ Hệ cao đẳng: + Sự phạm (mầm non, tiểu học, trung học): Soạn thảo văn bản theo chuẩn Thông tư 01-BNV, sử dụng phần mềm trình chiếu để soạn bài giảng theo đúng chuyên ngành,... + Tin ứng dụng: Cài đặt phần mềm, điều chỉnh cấu hình hệ thống máy tính,... + Công tác xã hội: Sử dụng phần mềm để tạo các trò chơi, hoạt động quần chúng,... ✓ Hệ đại học:	4	Trình bày và vận dụng được các phần mềm tin học văn phòng và internet trong một số hoạt động đặc trưng của nghề nghiệp tương lai theo ngành đào tạo hệ cao đẳng Trình bày và vận dụng được các phần mềm tin học văn phòng và internet trong một số hoạt động đặc trưng của nghề nghiệp tương lai theo ngành đào tạo hệ đại học	CLO5	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	+ Ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ Nhật, ngôn ngữ Trung: Sử dụng phần mềm phiên dịch, dịch qua mạng,... + Khoa học máy tính: Cài đặt phần mềm, điều chỉnh cấu hình hệ thống máy tính,... + Quản lí văn hoá: Thiết kế trình chiếu cho một chương trình tổ chức sự kiện văn hóa-nghệ thuật, tìm kiếm thông tin về quản lí văn hóa,... + Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: Thiết kế bài trình chiếu giới thiệu Tour du lịch và một số hình thức quảng bá trên Internet. + Quản trị khách sạn: Sử dụng phần mềm quản lí khách sạn, quản lý các dịch vụ,.... + Nuôi trồng thủy sản: Sử dụng phần mềm quan sát hệ thống quan trắc và xử lý môi trường nước,... + Quản lý tài nguyên và môi trường: Sử dụng phần mềm giám sát hệ thống môi trường nông nghiệp và ngư nghiệp,...				

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức tham gia học tập				Theo dõi và đánh giá cả quá trình học tập.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Kiến thức về Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word)	50%		CLO1, CLO2	SV làm bài thực hành trên máy tính tại phòng máy, GV chấm điểm trên máy tính
		Kiến thức Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) Kiến thức về Phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint)	50%		CLO3, CLO4, CLO5	SV làm bài thực hành trên máy tính tại phòng máy, GV chấm điểm trên máy tính
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Trắc nghiệm khách quan (30%) - Thực hành trên máy tính (70%) +Kiến thức về Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word) +Kiến thức Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) +Kiến thức về Phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint)			CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,	Sinh viên làm bài thi lý thuyết theo tổ chức của phòng Khảo thí, giáo viên chấm điểm. SV làm bài trắc nghiệm trên Phiếu trả lời trắc nghiệm, GV chấm điểm. SV làm bài thực hành trên máy tính tại phòng máy, GV chấm điểm trên máy tính.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Đi học đầy đủ: 6 điểm (60%, nghỉ 3 tiết học không lý do trừ 1 điểm)
- Hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên: 2 điểm (20%)
- Tích cực phát biểu, thảo luận trên lớp: 1 điểm (10%)
- Tự học, chủ động tìm tòi kiến thức: 1 điểm (10%)

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra 1:

- Nội dung: Kiến thức về Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word)
- Thời gian: 50 phút
- Hình thức: Kiểm tra thực hành trên máy tính

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Soạn thảo một văn bản theo mẫu bằng Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word)	+ Nhập đúng chính tả và đủ nội dung.	1
		+ Định dạng trang (Khổ giấy A4, lề trang theo đề) + Định dạng ký tự: font, cỡ chữ, kiểu chữ + Định dạng đoạn văn bản (căn lề, độ giãn dòng và đoạn, độ lùi dòng đầu tiên hoặc cả đoạn theo mẫu, tạo dấu/đánh số tự động,...)	4
		+ Chia cột, tạo bảng đầu văn bản; Đặt Tab và căn chỉnh Alignment; Các kĩ thuật chèn (Shapes, Picture, Symbol, Drop Cap, TextBox, Equation...)	5
Tổng điểm			10

* Bài kiểm tra 2:

- Nội dung:
 - + Kiến thức Bảng tính điện tử (Microsoft Excel)
 - + Kiến thức về Phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint)
- Thời gian: 50 phút
- Hình thức: Kiểm tra thực hành trên máy tính

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	+ Lập bảng và tính toán theo yêu cầu bằng Microsoft Excel.	+ Nhập bảng tính theo đúng mẫu + Định dạng số liệu theo đúng mẫu	1
		+ Thực hành đúng và đủ các kĩ thuật tính toán trong Excel + Sử dụng hàm đúng, giải quyết đủ các yêu cầu của đề bài. + Hiện thị đúng kết quả và đủ nội dung theo yêu cầu, trình bày hợp lý	4
2	+ Tạo bài trình chiếu theo mẫu bằng Phần mềm Microsoft PowerPoint	+ Nhập bài trình chiếu theo đúng mẫu	1
		+ Thực hành đúng và đủ các kĩ thuật trong bài trình chiếu. + Sử dụng màu sắc cho các đối tượng trong bài trình chiếu phù hợp với chủ đề. + Thiết lập được các hiệu ứng hợp lý cho bài trình chiếu.	4
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức về quá trình phát triển phần mềm
- Hình thức: Trắc nghiệm khách quan (30%) + Thực hành trên máy tính (70%)
- Thời gian: Trắc nghiệm khách quan (30 phút) + Thực hành trên máy tính (45 phút)

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Trắc nghiệm khách quan (30 câu trắc nghiệm)	+ Đúng kiến thức, đủ yêu cầu	3
2	+ Soạn thảo một văn bản theo mẫu bằng Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word) + Lập bảng và tính toán theo yêu cầu bằng Microsoft Excel. + Tạo bài trình chiếu theo mẫu bằng Phần mềm Microsoft PowerPoint <i>Lưu ý: Mỗi mã đề sẽ lựa chọn 2 nội dung bất kỳ trong 3 nội dung trên.</i>	+ Soạn thảo văn bản: Nhập đúng chính tả và đủ nội dung; Thực hành đúng và đủ các kỹ thuật trong bài soạn thảo. + Bảng tính điện tử: Nhập bảng tính theo đúng mẫu; Thực hành đúng và đủ các kỹ thuật tính toán trong Excel + Bài trình chiếu: Nhập bài trình chiếu theo đúng mẫu;	7

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		Thực hành đúng và đủ các kỹ thuật trong bài trình chiếu	
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Lương Khắc Định

Trịnh Thị Vân

III. Giáo dục thể chất

2.5.12. Giáo dục thể chất 1 (thể dục)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học - Cao đẳng sư phạm

Ngành: Tất cả các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601022
1.2. Tên học phần:	Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)
1.3. Tên tiếng Anh:	Physical Education (Gymnastics)
1.4. Số tín chỉ:	1 (1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	2 tiết
- Thực hành:	28 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Phùng Đức Nhật
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phạm Văn Hoàng, ThS. Nguyễn Thế Anh, ThS. Nguyễn Văn Anh, ThS. Hoàng Thị Thanh Hà, Phạm Huy Công, Vũ Thị Hồng Định
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Giáo dục thể chất 1
- Học phần song hành:	Không có

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ thuật của các bài tập thể dục tay không, thể dục với vòng, thể dục với gậy, kỹ thuật cơ bản của các môn Điền kinh như chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO 1: Có kiến thức về GDTC trong các trường Đại học - Cao đẳng trước và sau cách mạng tháng 8 năm 1945 và hiện nay; mục đích, nhiệm vụ và các hình thức GDTC. Biết cách đề phòng chấn thương trong tập luyện TDTT.

- CO 2: Có kiến thức về tác dụng các bài thể dục tay không, thể dục với vòng, gậy, những kỹ thuật của bài tập.

- CO 3: Có kiến thức về tác dụng của luyện tập môn chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình, những kỹ thuật của bài tập.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO 4: Có kỹ năng thực hiện đúng kỹ thuật bài 9 động tác thể dục tay không, bài tập với vòng, bài tập với gậy và chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình; biết vận dụng kiến thức các môn học trong học phần vào rèn luyện thân thể.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 5: Nghiêm túc, tự giác, tích cực trong luyện tập; xây dựng ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO 1	Nắm được kiến thức về GDTC trong các trường Đại học - Cao đẳng trước và sau cách mạng tháng 8 năm 1945 và hiện nay; mục đích, nhiệm vụ và các hình thức GDTC. Biết cách đề phòng chấn thương trong tập luyện TDTT	CO 1 CO 5
CLO 2	Nắm được kiến thức về tác dụng các bài thể dục tay không, thể dục với vòng, gậy, những kỹ thuật của bài tập	CO 2 CO 5
CLO 3	Nắm được kiến thức về tác dụng của luyện tập môn chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình, những kỹ thuật của bài tập	CO 3 CO 5
CLO 4	Thực hiện đúng kỹ thuật bài 9 động tác thể dục tay không, bài tập với vòng, bài tập với gậy và chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình; biết vận dụng kiến thức các môn học trong học phần vào rèn luyện thân thể	CO 2 CO 3 CO 4 CO 5

4. Học liệu

4.1. Giáo trình

- [1]. Đàm Thị Hậu, Trương Thanh Bình, Nguyễn Văn Tri, (2007), *Giáo trình điền kinh*, NXB Thể dục thể thao.
- [2]. Lê Quang Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Thành, (2007), *Thể dục*, NXB Giáo dục, NXB Đại học sư phạm.

4.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Nguyễn Kim Minh - Nguyễn Trọng Hải - Trần Đồng Lâm - Đặng Ngọc Quang. 2004, *Giáo trình điền kinh*, NXB ĐHSPT.
- [4]. Nguyễn Ngọc Đông - Dương Nghiệp Chí - Nguyễn Thị Kim Cúc - Trần Phúc Phong, 1998, *Điền kinh và thể dục*. NXB thể dục thể thao.

5. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x 15 buổi = 30 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 1 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

6. Kế hoạch dạy học

Bảng 2. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Giới thiệu học phần Chương I: Lý thuyết chung (2 tiết) 1.1. Tóm tắt lịch sử PT TDTT 1.2. GDTC mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ và các hình thức GDTC. - Khái niệm GDTC - Mục đích của GDTC trong các trường Đại học	2 lý thuyết	- Nắm bắt được lịch sử phát triển của TDTT, GDTC trong các trường ĐH, CĐ. - Nắm được khái niệm, mục đích, nhiệm vụ, các hình thức GDTC - Nắm được các nguyên nhân, phương pháp phòng ngừa trong luyện tập TDTT	CLO 1	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Nhiệm vụ của giáo dục đào tạo - Các hình thức GDTC 1.3. Đề phòng chấn thương trong luyện tập TDTT - Nguyên nhân - Phương pháp phòng ngừa				
2	Chương II: Thể dục 2.1. Bài tập thể dục tay không 9 động tác	2 thực hành	- Biết được tác dụng bài thể dục tay không, biết bài tập thể dục tay không 9 động tác - Thuộc bài, tập đúng nhịp điệu, kỹ thuật chính xác	CLO 2 CLO 4	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập
3	2.2. Bài tập thể dục tay không 9 động tác (tiếp) Ôn tập bài tập thể dục tay không 9 động tác	2 thực hành	- Nắm bắt được bài tập thể dục tay không 9 động tác - Thuộc bài, tập đúng nhịp điệu, kỹ thuật chính xác	CLO 2 CLO 4	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập
4	2.3. Bài tập thể dục với gậy 32 động tác	2 thực hành	- Nắm được bài tập với gậy 32 động tác - Thuộc bài, tập	CLO 2 CLO 4	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			đúng nhịp điệu, kỹ thuật chính xác		để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập
5	2.4. Bài tập thể dục với gậy 32 động tác (tiếp) Ôn tập BT thể dục 32 động tác gậy	2 thực hành	- Nắm được bài tập với gậy 32 động tác - Thuộc bài, tập đúng nhịp điệu, kỹ thuật chính xác	CLO 2 CLO 4	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập
6	2.5. Bài tập thể dục với vòng 32 động tác	2 thực hành	- Nắm được bài tập với vòng 32 động tác - Thuộc bài, tập đúng nhịp điệu, kỹ thuật chính xác	CLO 2 CLO 4	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập
7	2.6. Bài tập thể dục với vòng 32 động	2 thực hành	- Nắm được bài tập với vòng – gậy 32	CLO 2 CLO 4	GV: chia nhóm để sinh viên tập

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	tác, Ôn tập Bài tập thể dục 32 động tác vòng		động tác - Thuộc bài, tập đúng nhịp điệu, kỹ thuật chính xác		luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập
8	2.7. Kiểm tra bài tập thể dục tay không 9 động tác, bài tập thể dục 32 động tác với gậy, bài tập thể dục 32 động tác với vòng - Kiểm tra: hình thức bốc thăm chọn lựa 1 trong 3 bài	2 thực hành	- Thực hiện tốt bài tập thể dục tay không 9 động tác, bài tập với gậy 32 động tác, bài tập với vòng 32 động tác - Thuộc bài, tập đúng nhịp điệu, kỹ thuật chính xác - Thực hiện kiểm tra đạt yêu cầu	CLO 2 CLO 4	GV: chia nhóm để sinh viên ôn tập SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập và kiểm tra
9	Chương III: Điền kinh 3.1. Chạy cự ly ngắn - Giới thiệu lịch sử phát triển, tác dụng chạy cự ly ngắn - Giới thiệu nguyên lý kỹ thuật - Kỹ thuật xuất phát thấp - Kỹ thuật chạy lao	2 thực hành	- Trình bày được lịch sử, tác dụng chạy cự ly ngắn - Nắm bắt được nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly ngắn - Thực hiện được kỹ thuật xuất phát thấp, kỹ thuật chạy lao	CLO 3 CLO 4	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập
10	3.2. Chạy cự ly ngắn (tiếp) - Kỹ thuật chạy giữa quãng - Kỹ thuật phối hợp tay, chân và toàn thân - Kỹ thuật đánh đích	2 thực hành	- Nắm bắt được kỹ thuật các giai đoạn trong chạy cự ly ngắn giữa quãng và đánh đích - Thực hiện được các giai đoạn của kỹ thuật chạy cự ly	CLO 3 CLO 4	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			ngắn		
11	3.3. Chạy cự ly ngắn (tiếp) - Hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật chạy cự ly ngắn	2 thực hành	Thực hiện tốt các giai đoạn của kỹ thuật chạy cự ly ngắn	CLO 3 CLO 4	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập
12	3.4. Ôn tập chạy cự ly ngắn	2 thực hành	- Đạt thành tích tốt nhất của mỗi sinh viên tham gia kiểm tra	CLO 3 CLO 4	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập
13	3.5. Chạy cự ly trung bình (800m nữ, 1500m nam) (6 tiết) - Giới thiệu lịch sử phát triển và tác dụng của tập luyện chạy cự ly trung bình - Các giai đoạn kỹ thuật: Kỹ thuật xuất phát cao - Kỹ thuật chạy đường vòng - Kỹ thuật chạy phối hợp với thở - Kỹ thuật về đích và đánh đích	2 thực hành	- Trình bày được lịch sử tác dụng của Chạy cự ly trung bình - Thực hiện được các giai đoạn của kỹ thuật	CLO 3 CLO 4	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập
14	3.6. Chạy cự ly trung bình (tiếp) - Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly trung bình - Kỹ thuật sau khi	2 thực hành	Thực hiện được các giai đoạn của kỹ thuật	CLO 3 CLO 4	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	về đích kết hợp với thở sâu nhịp nhàng				
15	3.7. Chạy cự ly trung bình (tiếp) - Hoàn thiện kĩ thuật chạy cự ly trung bình - Một số bài tập bổ trợ kĩ thuật chạy cự ly trung bình	2 thực hành	Thực hiện được các giai đoạn của kĩ thuật, các bài tập bổ trợ kĩ thuật	CLO 3 CLO 4	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập

7. Đánh giá học phần

7.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	- Theo dõi ý thức học tập của SV. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày nghỉ của SV.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Kiểm tra bài tập thể dục tay không 9 động tác, BT thể dục với gậy, BT thể dục với vòng (bốc thăm 1 trong 3 bài)			CLO 2 CLO 4	Đánh giá trực tiếp SV thực hiện theo hình thức thực hành

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Thực hiện bài tập thể dục tay không 9 động tác, BT thể dục với gậy, BT thể dục với vòng (bốc thăm 1 trong 3 bài)			CLO 2 CLO 4	Đánh giá trực tiếp SV thực hiện theo hình thức thực hành

7.2. Tiêu chí đánh giá

7.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 4. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm cho mỗi mục	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Thời gian dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi, tập bài tập thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực phát biểu, trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giáo viên	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức phát biểu, trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giáo viên	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

7.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: kiểm tra 1 trong 3 bài tập thể dục tay không 9 động tác, bài tập thể dục 32 động tác với gậy, bài tập thể dục 32 động tác với vòng
- Hình thức: thực hành, mỗi SV bốc thăm 1 trong 3 bài và thực hiện 1 lần
- Thời gian: 2 - 3 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Kiểm tra 1 trong 3 bài tập thể dục tay không 9 động tác, bài tập thể dục 32 động tác với gậy, bài tập thể dục 32 động tác với vòng	- Thực hiện đúng trình tự và tư thế các động tác trong bài tập.	5
		- Bài tập có tính nhịp điệu và thẩm mỹ cao, không có động tác thừa	5
Tổng điểm			10

7.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: thực hiện 1 trong 3 bài tập thể dục tay không 9 động tác, bài tập thể dục 32 động tác với gậy, bài tập thể dục 32 động tác với vòng
- Hình thức: thực hành, mỗi SV bốc thăm 1 trong 3 bài và thực hiện 1 lần
- Thời gian: 2 – 3 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

Đang ở: Trẻ em; lứa tuổi đánh giá bài tập kết thúc học phần			
STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Kiểm tra 1 trong 3 bài tập thể dục tay không 9 động tác, bài tập thể dục 32 động tác với gậy, bài tập thể dục 32 động tác với vòng	- Thực hiện đúng trình tự và tư thế các động tác trong bài tập.	5
		- Bài tập có tính nhịp điệu và thẩm mỹ cao, không có động tác thừa	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Phùng Đức Nhật

Nguyễn Lâm Sung

2.5.13. Giáo dục thể chất 2 (bóng bàn)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học - Cao đẳng sư phạm Ngành: Tất cả các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601023
1.2. Tên học phần:	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn)
1.3. Tên tiếng Anh:	Physical Education 2 (Table tennis)
1.4. Số tín chỉ:	2 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	4 tiết
- Thực hành:	56 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Hoàng Thị Thanh Hà
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phạm Văn Hoàng, ThS. Nguyễn Thế Anh, ThS. Nguyễn Văn Anh, ThS. Phùng Đức Nhật, Phạm Huy Công, Vũ Thị Hồng Định
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Giáo dục thể chất 1
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lý thuyết Bóng bàn và nắm được Luật Bóng bàn cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn, biết vận dụng các kiến thức môn Bóng bàn để rèn luyện bản thân.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO 1: Có kiến thức về khái niệm, lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập Bóng bàn; nắm được một số điều luật, cách thức tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài Bóng bàn.

- CO 2: Có kiến thức về một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO 3: Có kỹ năng thực hiện đúng một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn, biết vận dụng các kiến thức môn Bóng bàn vào rèn luyện thân thể.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 4: Nghiêm túc, tự giác, tích cực trong luyện tập; xây dựng ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO 1	Nắm được khái niệm, lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập Bóng bàn; nắm được một số điều luật, cách thức tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài Bóng bàn	CO 1, CO 3
CLO 2	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng các kiến thức môn Bóng bàn vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	CO 3, CO 4

4. Học liệu

4.1. Giáo trình

- [1]. Đào Ngọc Dũng, Tô Tiên Thành, Tô Thế Thợi (2012), *Giáo trình Bóng bàn*, Nxb Thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.
- [2]. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao (2016), *Luật thi đấu bóng bàn*, Nxb Thể dục thể thao.

4.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Nguyễn Danh Thái, Vũ Thành Sơn (1999), *Bóng bàn*, Nxb Thể dục thể thao,

5. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x 15 buổi = 60 tiết
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

6. Kế hoạch dạy học

Bảng 2. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
1	Giới thiệu học phần Chương 1. Lý thuyết (2 tiết) 1.1. Khái niệm môn bóng bàn 1.2. Đặc điểm, tác dụng của bóng bàn với sức khỏe người tập 1.3. Nguồn gốc và quá trình phát triển môn bóng bàn trên thế giới và Việt Nam 1.4. Nguyên lý cơ bản về đánh bóng bàn 1.5. Mấu chốt cơ bản khi đánh bóng 1.6. Khái niệm, phân loại kỹ thuật bóng bàn Chương 2. Kỹ thuật bóng bàn (52 tiết) 2.1. Giới thiệu và hướng dẫn cách cầm vợt, bài tập cảm giác bóng (2 tiết)	2 lý thuyết 2 thực hành	- Nắm được khái niệm môn bóng bàn, đặc điểm tác dụng của bóng bàn với sức khỏe người tập. - Nêu được nguồn gốc ra đời và quá trình phát triển môn bóng bàn trên thế giới và Việt Nam - Nắm được những nguyên lý cơ bản về đánh bóng bàn. - Nắm được những mấu chốt cơ bản khi đánh bóng - Nắm được kỹ thuật bóng bàn là gì, phân loại kỹ thuật bóng bàn. - Nắm được các cách cầm vợt, Thực hiện được các bài tập tăng bóng tại chỗ, bài tập tăng bóng vào tường	CLO 1 CLO 2	- GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung - SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV - GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. - SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập
2	2.2. Kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay cơ bản. Kỹ thuật vọt bóng thuận tay - Giới thiệu kỹ thuật	4 thực hành	- Nắm được kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay cơ bản. - Hiểu và thực hiện	CLO 2 CLO 3	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay cơ bản; các bài tập hỗ trợ. - Kỹ thuật vệt bóng thuận tay; các bài tập hỗ trợ. -Thể lực: Bài tập thể lực phát triển sức nhanh		được các bài tập hỗ trợ kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay cơ bản. - Hiểu và thực hiện được kỹ thuật vệt bóng thuận tay. - Hiểu và thực hiện được các bài tập hỗ trợ kỹ thuật vệt bóng thuận tay.		sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện
3	2.3. Giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay vào ô (45cm x 45cm) quy định cuối bàn. Kỹ thuật di chuyển trong đánh bóng bàn. Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay - Giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay vào ô (45cm x 45 cm) quy định cuối bàn - Kỹ thuật di chuyển trong đánh bóng bàn - Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay - Thể lực: Bài tập phát triển sức mạnh	4 thực hành	- Thực hiện được yêu cầu của kỹ thuật. - Hiểu và thực hiện được kỹ thuật di chuyển trong đánh bóng bàn. - Thực hiện được bài tập thể lực.	CLO 2 CLO 3	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận, trái tay. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện
4	2.4. Ôn tập kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay trái tay vào ô quy định. Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay. Giới thiệu Kỹ thuật	4 thực hành	- Thực hiện được kỹ thuật động tác theo yêu cầu. - Thực hiện được bài tập thể lực.	CLO 2 CLO 3	- GV: tổ chức tập luyện lại kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay cơ bản, vệt bóng thuận

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	vặt bóng trái tay cơ bản - Ôn tập kĩ thuật Giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay vào ô (45cm x 45 cm) quy định cuối bàn. - Ôn tập kĩ thuật vặt bóng thuận tay theo đường cơ bản. - Giới thiệu Kĩ thuật vặt bóng trái tay cơ bản. - Các bài tập bổ trợ - Thẻ lực: Bài tập thẻ lực chuyên môn				tay, phân tích, thị phạm kĩ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kĩ thuật vặt bóng thuận tay; kĩ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện - GV: phân tích, thị phạm kĩ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kĩ thuật vặt bóng trái tay. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.
5	2.5. Ôn tập Kĩ thuật vặt bóng thuận tay, trái tay cơ bản - Ôn tập Kĩ thuật vặt bóng thuận tay. - Ôn tập Kĩ thuật vặt bóng trái tay. - Bài tập thẻ lực phát triển sức mạnh tốc độ	4 thực hành	- Thực hiện được kĩ thuật động tác theo yêu cầu. - Thực hiện được bài tập thẻ lực.	CLO 2 CLO 3	- GV: phân tích, thị phạm kĩ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.
6	2.6. Ôn tập kĩ thuật vặt bóng thuận tay, trái tay	4 thực hành	- Thực hiện được kĩ thuật động tác		- GV: phân tích, thị phạm kĩ thuật,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	cơ bản. Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay - Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay, trái tay cơ bản - Giới thiệu Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay - Các bài tập bổ trợ		theo yêu cầu. - Hiểu nguyên lý kỹ thuật động tác và thực hiện được kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay. - Thực hiện được bài tập bổ trợ		chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.
7	2.7. Ôn tập kỹ thuật gò bóng thuận tay và trái tay. Giới thiệu kỹ thuật gò bóng phối hợp thuận tay, trái tay theo đường chéo cơ bản - Ôn tập Kỹ thuật gò bóng thuận tay. - Ôn tập Kỹ thuật gò bóng trái tay. - Gò bóng phối hợp thuận tay, trái tay theo đường chéo cơ bản - Bài tập thể lực phát triển khéo léo	4 thực hành	- Thực hiện tốt kỹ thuật gò bóng thuận tay và trái tay. - Thực hiện được kỹ thuật gò bóng phối hợp thuận tay, trái tay theo đường chéo cơ bản - Thực hiện được bài tập thể lực.	CLO 2 CLO 3	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.
8	2.8. Ôn tập kỹ thuật gò bóng thuận tay và trái tay. Giới thiệu kỹ thuật giao bóng xoáy xuống thuận, trái tay - Ôn tập kỹ thuật gò bóng thuận tay và trái tay - Giới thiệu kỹ thuật giao bóng xoáy xuống thuận, trái tay - Tập các bài tập bổ trợ - Bài tập Thể lực phát triển khéo léo	4 thực hành	- Thực hiện được kỹ thuật gò bóng thuận tay và trái tay. - Nắm được nguyên lý kỹ thuật giao bóng xoáy xuống thuận, trái tay. - Thực hiện được các bài tập bổ trợ.	CLO 2 CLO 3	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
9	2.9. Ôn tập kĩ thuật giao bóng xoáy xuống thuận tay và trái tay theo đường chéo, kĩ thuật gò bóng thuận tay và trái tay theo đường chéo, kĩ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay; Giới thiệu một số cách đỡ giao bóng cơ bản	4 thực hành	- Thực hiện được các kĩ thuật động tác - Thực hiện được các kĩ thuật động tác. Nắm được các cách đỡ giao bóng cơ bản.	CLO 2 CLO 3	- GV: phân tích, thị phạm kĩ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.
10	2.10. Kĩ thuật lúp bóng thuận, trái tay - Giới thiệu Kĩ thuật lúp bóng thuận, trái tay - Các bài tập bổ trợ	4 thực hành	- Nắm được nguyên lý kĩ thuật động tác. - Thực hiện được các bài tập bổ trợ.	CLO 2 CLO 3	- GV: phân tích, thị phạm kĩ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.
11	2.11. Ôn tập Kĩ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay theo đường chéo (2 tiết); Kiểm tra kĩ thuật vụt bóng thuận tay, trái tay theo đường chéo cơ bản (2 tiết)	4 thực hành	- Thực hiện được kĩ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay theo đường chéo. - Thực hiện đạt yêu cầu nội dung kiểm tra	CLO 2 CLO 3	- GV: phân tích, thị phạm kĩ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.
12	2.12. Kĩ thuật di chuyển phối hợp vụt bóng thuận tay từ 2 điểm vào 1 điểm. - Giới thiệu kĩ thuật di chuyển phối hợp vụt	4 thực hành	- Thực hiện được kĩ thuật động tác. - Thực hiện được các bài tập	CLO 2 CLO 3	- GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	bóng thuận tay từ 2 điểm vào 1 điểm - Các bài tập bổ trợ - Thẻ lực: Bài tập thẻ lực phát triển sức nhanh, khéo léo - Thi đấu tập.				theo yêu cầu tập luyện
13	2.13. Ôn tập kĩ thuật vọt bóng thuận tay, trái tay; kĩ thuật gò bóng thuận tay, trái tay theo nội dung thi - Thẻ lực: bài tập thẻ lực chuyên môn.	4 thực hành	- Thực hiện được các yêu cầu của kĩ thuật. - Thực hiện được các bài tập	CLO 2 CLO 3	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện
14	2.14. Ôn tập kĩ thuật vọt bóng thuận tay, trái tay; kĩ thuật gò bóng thuận tay, trái tay theo nội dung thi (2 tiết) - Thẻ lực: bài tập thẻ lực chuyên môn. Chương 3. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Ôn tập và kiểm tra (2 tiết) 3.1. Một số điều luật bóng bàn. Tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài bóng bàn	2 thực hành 2 lý thuyết	- Thực hiện được các yêu cầu của kĩ thuật. - Nắm được một số điều luật bóng bàn cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài trong bóng bàn.	CLO 1 CLO 2 CLO 3	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập; Hướng dẫn nghiên cứu tìm hiểu về nội dung bài học. GV tổ chức thi đấu để áp dụng các kĩ thuật và tìm hiểu các phương pháp trọng tài. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện
15	3.2. Ôn tập kĩ thuật vọt bóng thuận tay, trái tay; kĩ thuật gò bóng thuận tay, trái tay theo nội dung thi (2 tiết).	4 thực hành	- Thực hiện được các yêu cầu của kĩ thuật. - Thực hiện tốt các nội dung kiểm tra.	CLO 1 CLO 3	GV: Chia nhóm để sinh viên ôn tập luyện; Kiểm tra theo nhóm. SV: thực hiện

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Kiểm tra (2 tiết)				theo yêu cầu tập luyện và kiểm tra

7. Đánh giá học phần

7.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình học - Số lượng giờ lên lớp			CLO 3	- Theo dõi ý thức học tập của SV. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày nghỉ của SV.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	- Vụt bóng thuận tay đường chéo phải 10 lần/1 SV (điểm tối đa) - Vụt bóng trái tay đường chéo trái 10 lần /1 SV (điểm tối đa)	50%		CLO 2	Đánh giá trực tiếp SV thực hiện theo hình thức thực hành
		- Gò bóng thuận tay theo đường chéo phải 10 lần /1 SV (điểm tối đa) - Gò bóng trái tay theo đường chéo trái 10 lần /1 SV (điểm tối đa)	50%			
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Vụt bóng thuận, trái tay phối hợp 20 lần/1 SV (điểm tối đa) - Gò bóng thuận, trái tay phối hợp 20 lần/1 SV (điểm tối đa)			CLO 2	Đánh giá trực tiếp SV thực hiện theo hình thức thực hành

7.2. Tiêu chí đánh giá

7.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 4. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm cho mỗi mục	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Thời gian dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; tập luyện ngoại khóa sau giờ lên lớp, có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực phát biểu, trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giáo viên	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức phát biểu, trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giáo viên	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

7.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung:

+ Vụt bóng thuận tay đường chéo phải 10 lần/1 SV (điểm tối đa)

+ Vụt bóng trái tay đường chéo trái 10 lần /1 SV (điểm tối đa)

- Hình thức: thực hành, thực hiện theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ), mỗi SV thực hiện 2 lần, tính thành tích của lần thực hiện cao nhất.

- Thời gian: 3-5 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Vụt bóng thuận	- Thành tích: Số lần thực hiện kỹ thuật đạt yêu cầu	8

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	tay đường chéo phải 10 lần/1 SV; Vặt bóng trái tay đường chéo trái 10 lần /1 SV	- Kỹ thuật động tác: + Tư thế động tác đúng, di chuyển linh hoạt + Đường bóng ổn định, chính xác + Đường bóng đi có lực và cách lưới không cao hơn 20 cm theo chiều vuông góc với mặt bàn	2
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung:

+ Gò bóng thuận tay theo đường chéo phải 10 lần /1 SV (điểm tối đa)

+ Gò bóng trái tay theo đường chéo trái 10 lần /1 SV (điểm tối đa)

- Hình thức: thực hành, thực hiện theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ), mỗi SV thực hiện 2 lần, tính thành tích của lần thực hiện cao nhất.

- Thời gian: 3-5 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Gò bóng thuận tay đường chéo phải; Gò bóng trái tay đường chéo trái.	- Thành tích: Số lần thực hiện kỹ thuật đạt yêu cầu	8
		- Kỹ thuật động tác: + Tư thế động tác đúng, di chuyển linh hoạt + Đường bóng ổn định, chính xác + Đường bóng đi có lực và cách lưới không cao hơn 20 cm theo chiều vuông góc với mặt bàn	2
Tổng điểm			10

7.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung:

+ Vặt bóng thuận, trái tay phối hợp 20 lần/1 SV (điểm tối đa)

+ Gò bóng thuận, trái tay phối hợp 20 lần / 1 SV (điểm tối đa)

- Hình thức: thực hành, thực hiện theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ), mỗi SV thực hiện 2 lần, tính thành tích của lần thực hiện cao nhất.

- Thời gian: 3 - 5 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Vặt bóng thuận, trái tay phối hợp Gò bóng thuận, trái tay phối hợp	- Thành tích: Số lần thực hiện kỹ thuật đạt yêu cầu	8
		- Kỹ thuật động tác: + Tư thế động tác đúng, di chuyển linh hoạt + Đường bóng ổn định, chính xác	2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		+ Đường bóng đi có lực và cách lưới không cao hơn 20 cm theo chiều vuông góc với mặt bàn	
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Hoàng Thị Thanh Hà

IV. Giáo dục Quốc phòng An ninh

GDQP – AN 1.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, Cao đẳng sư phạm chính quy

Ngành: Dùng chung cho tất cả các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601024
1.2. Tên học phần:	GIAO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	3 (3LT)
1.5. Phân bố thời gian	45
- Lý thuyết:	37 tiết
- Thảo luận/Thực hành:	8 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Phạm Văn Hoàng
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Thế Anh, Phạm Huy Công, Nguyễn Duy Hưng, Hà Quang Khải, Đỗ Thị Khánh Linh, Lý Văn Thành,

	Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Đăng Khoa.
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học và những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, kết hợp kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Sinh viên xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu học phần, môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Nắm vững các nội dung đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam; vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

Có ý thức cao trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỉ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Giáo dục cho sinh viên hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học và những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

- CO2: Hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam vào công việc học tập và thực tiễn.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO3: Có khả năng nhận thức và đánh giá được những quan điểm của CN Mác Lê nin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, lực lượng vũ trang nhân dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc;

- CO4: Có kĩ năng phát hiện, phân tích vấn đề kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam Trên cơ sở đó vận dụng vào học tập và thực tiễn

- CO5: Xây dựng kĩ năng làm việc nhóm, nắm vững các nội dung đường lối quân sự của Đảng vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 6: Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kĩ năng nghề nghiệp.

- CO 7: Luôn xác định động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.

- CO 8: Có ý thức chủ động, tích cực trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối quân sự xây dựng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Nắm được những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh	CO 1, CO 3
CLO 2	Giáo dục cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống góp phần xây dựng nhà nước VN XHCN vững mạnh	CO 3, CO 4

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I								
CLO 2		I								
CLO 3		R							R	R
Tổng hợp học phần		I							R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 1	Năm 2012	Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng) NXB giáo dục Việt Nam	NXB giáo dục việt Nam
2	Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 2	Năm 2012	Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng) NXB giáo dục Việt Nam	NXB giáo dục việt Nam

5.2. Tài liệu tham khảo

- + Các văn kiện của Đảng; các tài liệu chính thống về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới.
- + Đảng cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991.
- + Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997...Thăm quan các Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.
- + Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận.
- + Bộ Tổng tham mưu, Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về Lực lượng dân quân tự vệ, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
- + Các văn bản hiện hành về giáo dục quốc phòng – an ninh cho học sinh, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
- + Chỉ thị 12 CT/Tw ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.
- + Pháp lệnh Động viên công nghiệp quốc phòng, 2003; Nghị định số 219/CP ngày 28/12/1961 của hội đồng chính phủ nay là CP); Nghị định Giáo dục quốc phòng – an ninh số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007.
- + Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2020

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45tiết;
- Tổng số tuần học: tuần;
- Phân bố: tiết/ buổi, buổi/ tuần = buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:

- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 1 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CĐR của bài học (5)	Hướng tới CLOs (6)	Hoạt động dạy - học (7)
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ thực hành			
(1)	(3)						
1	Bài 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC 1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu 1.3. Giới thiệu về môn học Giáo dục Quốc phòng – An ninh	2	2		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
2	Bài 2: QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC 2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh 2.2. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí	4	2	2	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Mình về quân đội 2.3. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh bảo vệ Tổ quốc						
3	Bài 3: XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 3.2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa 3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay	4	4		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
4	Bài 4: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. 4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. 4.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.	4	4		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
5	Bài 5: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM 5.1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ	4	4		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. 5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới. 5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân .						nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
6	Bài 6: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CUNG CỐ QUỐC PHÒNG – AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI 6.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam. 6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay. 6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ở Việt Nam hiện nay.	4	4		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài		GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
7	Bài 7: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM 7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta. 7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo. 7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc	6	4	2	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.						
8	Bài 8: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI 8.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. 8.2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia 8.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.	4	4		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
9	Bài 9: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG 9.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ 9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên 9.3. Động viên công nghiệp Quốc phòng	6	4	2	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
10	Bài 10: XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC 10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 10.2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 10.3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an	4	2	2	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	ninh Tổ quốc.						
11	Bài 11: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI 11.1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. 11.2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. 11.3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới. 11.4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. 11.5. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. 11.6. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.	3	3		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài		GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình học - Số lượng giờ lên lớp			CLO 3	- Thang điểm 10

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Viết bài tiểu luận			CLO 2	- Thang điểm 10
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Thi Lý thuyết			CLO 2	- Thang điểm 10

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Số buổi đi học đầy đủ: 3 điểm
- Tích cực trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên: 4 điểm
- Ý thức tự học thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, sau giờ lên lớp: 3 điểm

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ

- Nội dung:
 - + Viết bài tiểu luận
- Hình thức: Viết bài theo cá nhân
- Thời gian: 60 phút

Bảng 5.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Viết bài	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thi viết	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Ban Giám hiệu**Trưởng khoa****Trưởng bộ môn****Người soạn****Nguyễn Lâm Sung Phùng Đức Nhật Nguyễn Thế Anh**

GDQP – AN 2.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, Cao đẳng sư phạm chính quy

Ngành: Dùng chung cho tất cả các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601024
1.2. Tên học phần:	GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH (Công tác quốc phòng, an ninh)
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	2 (2LT)
1.5. Phân bố thời gian	30
- Lý thuyết:	22 tiết
- Thảo luận/Thực hành:	8 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Hà Quang Khải
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Thế Anh, Nguyễn Văn Anh, Phạm Huy Công, Phạm Văn Hoàng, , Đỗ Thị Khánh Linh, Nguyễn Duy Hưng, Lý Văn Thành, Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Đăng Khoa.
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Học phần này cung cấp các kiến thức: Những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng

lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO 1: Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, phòng chống địch tiến công hoà lực bằng vũ khí công nghệ cao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng

- CO 2: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

2.2.2. Về kĩ năng

- CO 3: Trang bị kĩ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 4:

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành nghiêm các yêu cầu của tổ chức lớp học và giáo viên.

+ Nghiêm túc tự giác tích cực trong học tập và rèn luyện.

+ Xây dựng được ý thức tự học, góp phần thiết thực cho công tác học tập sinh hoạt rèn luyện bản thân có kết quả tốt.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, phòng chống địch tiến công hoà lực bằng vũ khí công nghệ cao,	CO 1, CO 3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
	xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng	
CLO 2	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống góp phần xây dựng nhà nước VN XHCN vững mạnh	CO 3, CO 4

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I								
CLO 2		I								
CLO 3		R							R	R
Tổng hợp học phần		I							R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 1	Năm 2012	Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng) NXB giáo dục Việt Nam	NXB giáo dục việt Nam
2	Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 2	Năm 2012	Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng) NXB giáo dục Việt Nam	NXB giáo dục việt Nam

	Sách, giáo trình tham khảo			
3				

5.2. Tài liệu tham khảo

- + Các văn kiện của Đảng; các tài liệu chính thống về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới.
- + Đảng cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991.
- + Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997...Thăm quan các Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.
- + Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận.
- + Bộ Tổng tham mưu, Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về Lực lượng dân quân tự vệ, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
- + Các văn bản hiện hành về giáo dục quốc phòng – an ninh cho học sinh, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
- + Chỉ thị 12 CT/Tw ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.
- + Pháp lệnh Động viên công nghiệp quốc phòng, 2003; Nghị định số 219/CP ngày 28/12/1961 của hội đồng chính phủ nay là CP); Nghị định Giáo dục quốc phòng – an ninh số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007.
- + Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2020.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: tuần;
- Phân bố: tiết/ buổi; buổi/ tuần = buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 1 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	<i>Tổng số</i>	<i>Lý thuyết</i>	<i>Thảo luận</i>	(5)	(6)	(7)

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CDR của bài học	Hướng tối CLOs	Hoạt động dạy - học
		tiết	t	luận /thực hành			
1	Bài 1: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “ DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM 1.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá CNXH. 1.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. 1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, nhà nước ta. 1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay.	4	4		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
2	Bài 2: MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN	6	4	2	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CDR của bài học	Hướng tối CLOs	Hoạt động dạy - học
	TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM 2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc. 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo. 2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.						nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
3	Bài 3: PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 3.1. Những hiểu biết cơ bản về môi trường. 3.2. Những khó khăn vướng mắc 3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4	4		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
4	Bài 4: PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG 4.1. Khái niệm căn bản và cơ sở pháp lý về đảm bảo trật tự an toàn giao thông. 4.2. Nguyên nhân vi phạm trật tự an toàn	4	4		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CDR của bài học	Hướng tối CLOs	Hoạt động dạy - học
	giao thông 4.3. Giải Pháp Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.						
5	Bài 5: PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC 5.1. Một số hiểu biết chung 5.2. Phòng ngừa tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người 5.3. Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.	4	2	2	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV
6	Bài 6: AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG 6.1. nhận thức chung về an toàn thông tin, phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. 6.2. các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn	4	2	2	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	thông tin, phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. 6.3. Chủ thể, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng.						
7	Bài 7: AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG Ở VIỆT NAM 7.1. Khái niệm, đặc điểm, bối cảnh nảy sinh. 7.2. Nội dung. 7.3. Ứng phó các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.	4	2	2	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 2 CLO 3	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình học - Số lượng giờ lên lớp			CLO 3	- Thang điểm 10

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Viết bài tiểu luận			CLO 2	- Thang điểm 10
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Thi Lý thuyết			CLO 2	- Thang điểm 10

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Số buổi đi học đầy đủ: 3 điểm
- Tích cực trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên: 4 điểm
- Ý thức tự học thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, sau giờ lên lớp: 3 điểm

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ

- Nội dung:
 - + Viết bài tiểu luận
- Hình thức: Viết bài theo cá nhân
- Thời gian: 45 phút

Bảng 5.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Viết bài	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thi viết	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

Nguyễn Lâm Sung Phùng Đức Nhật Nguyễn Thế Anh

GDQP – AN 3.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Trình độ đào tạo: Đại học, Cao đẳng sư phạm chính quy****Ngành: Dành chung cho tất cả các ngành****1. Thông tin chung về học phần**

1.1. Mã học phần:	CB601024
1.2. Tên học phần:	GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH (Quân sự chung)
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	1 (1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	30
- Lý thuyết:	14 tiết
- Thực hành:	16 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Hà Quang Khải
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Thế Anh, Phạm Huy Công, Nguyễn Văn Anh, Phạm Văn Hoàng, Đỗ Thị Khánh Linh, Nguyễn Duy Hưng, Lý Văn Thành, Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Đăng Khoa.
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Công tác quốc phòng an ninh
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Nhằm huấn luyện cho sinh viên nắm chắc cách thức bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, những hiểu biết cơ bản về các quân binh chủng trong Quân Đội, góp phần nâng cao nhận thức xây dựng lòng tự hào về truyền thống Quân Đội anh hùng. Làm cơ sở vận dụng vào trong học tập, công tác tại đơn vị đúng theo nề nếp, chế độ quy định.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO 1: Huấn luyện cho sinh viên biết và thực hiện đúng chế độ sinh hoạt, học tập, công tác để vận dụng thực hiện đúng nền nếp, chế độ ngày, tuần đúng quy định, giáo dục và cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động thực tiễn của các đơn vị thuộc Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

- CO 2: Sinh viên có những hiểu biết về các nội dung cơ bản của quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam

2.2.2. Về kỹ năng

- CO 3: Vận dụng các kỹ năng cơ bản đã được học để trực tiếp giao lưu, học hỏi, sinh hoạt trong môi trường Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

- CO 4: Có khả năng nhận thức và bổ sung kiến thức về đặc thù của lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 5: Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

- CO 6: Luôn xác định động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.

- CO 7: Chấp hành tốt kỷ luật. Có ý thức chủ động, tích cực trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối quân sự xây dựng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động thực tiễn của các đơn vị thuộc Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	CO 1, CO 3
CLO 2	Sinh viên có những hiểu biết về các nội dung cơ bản của quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự.	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng những kiến thức đã học vào học tập, cuộc sống góp phần xây dựng nhà nước VN XHCN vững mạnh	CO 3, CO 4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I								
CLO 2		I								
CLO 3		R							R	R

Tổng hợp học phần		I							R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 1	Năm 2012	Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng) NXB giáo dục Việt Nam	NXB giáo dục Việt Nam
2	Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 2	Năm 2012	Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng) NXB giáo dục Việt Nam	NXB giáo dục Việt Nam
Sách, giáo trình tham khảo				
3				

5.2. Tài liệu tham khảo

- + Các văn kiện của Đảng; các tài liệu chính thống về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới.
- + Đảng cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991.
- + Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997...Thăm quan các Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.
- + Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận.
- + Bộ Tổng tham mưu, Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về Lực lượng dân quân tự vệ, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
- + Các văn bản hiện hành về giáo dục quốc phòng – an ninh cho học sinh, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
- + Chỉ thị 12 CT/Tw ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.
- + Pháp lệnh Động viên công nghiệp quốc phòng, 2003; Nghị định số 219/CP ngày 28/12/1961 của hội đồng chính phủ nay là CP); Nghị định Giáo dục quốc phòng – an ninh số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007.

+ Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2020.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi; buổi/ tuần = buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 1 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuầ n	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	Tổng số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ thực hành	(5)	(6)	(7)
1	Bài 1: CHẾ ĐỘ SINH HOẠT, HỌC TẬP, CÔNG TÁC TRONG NGÀY, TRONG TUẦN 1.1. Phân phối thời gian. 1.2. Chế độ làm việc và sinh hoạt.	2	2		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các nội dung thực hành	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, giảng giải, phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên
2	Bài 2: CÁC CHẾ ĐỘ NẸN nếp CHÍNH QUY, BỐ TRÍ TRẬT TỰ	2	2		-Nắm được các	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, giảng

Tuần n	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	NỘI VỤ TRONG DOANH TRẠI 1.1. Cách sắp xếp nội vụ, gấp chăn màn. 1.2. Chế độ cách thức kiểm tra nội vụ.				nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các nội dung thực hành		giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên
3	Bài 3: HIỂU BIẾT CHUNG VỀ CÁC QUÂN BINH CHỦNG TRONG QUÂN ĐỘI 3.1. Quân chủng lục quân. 3.2. Quân chủng hải quân. 3.3. Quân chủng phòng không không quân. 3.4. Bộ đội biên phòng. 3.5. Quân khu	4	4		-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, giảng giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên
4	Bài 4: ĐIỀU LỆN TỪNG NGƯỜI CÓ SÚNG 4.1.VĐHL 1. Nghiêm nghị có súng. 4.2.VĐHL 2. Quay tại chỗ khi có súng tiểu liên AK.	4		4	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội dung SV:

Tuần n	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	4.3.VĐHL 3. Khám sung. 4.4.VĐHL 4. Đặt súng, lấy súngsúng tiểu liên AK47. 4.5.VĐHL 5. Giá súng, lấy súng				nội dung thực hành		Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên
5	Bài 5: ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ 5.1.VĐHL 1: Đội hình tiểu đội hàng dọc. 5.2.VĐHL 2: Đội hình tiểu đội hàng ngang. 5.3.VĐHL 3: Ra khỏi hàng về vị trí. 5.4. VĐHL 4: Giãn thu đội hình.	4		4	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các nội dung thực hành	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên
6	Bài 6: HIỂU BIẾT CHUNG VỀ BẢN ĐỒ ĐẠI HÌNH QUÂN SỰ 6.1.VĐHL 1. Bản đồ và cơ sở toán học của bản đồ. 6.2.VĐHL2. Phân loại bản đồ, đặc điểm, công dụng của bản đồ. 6.3.VĐHL3. Cách	4	2	2	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các nội dung thực hành	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe

Tuầ n	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	chia mảnh ghi số hiệu bản đồ. 6.4.VĐHL4. Nội dung chi tiết bản đồ. 6.5.VĐHL5. Chắp ghép dán gấp và bảo quản bản đồ quân sự. 6.6.VĐHL6. Sử dụng bản đồ. .						giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên
7	Bài 7: PHÒNG TRÁNH ĐỊCH TIẾN CÔNG HỎA LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO 7.1: Khái niệm đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh. 7.2. Một số biện pháp phòng chống địch tấn công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.	4	2	2	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các nội dung thực hành	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên
8	Bài 8: BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP 8.1. Điều lệ. 8.2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi. 8.3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn	6	2	4	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội dung SV:

Tuầ n	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	trưởng (đội trưởng). 8.4. Thủ tục khiếu nại. 8.5. Xác định thành tích xếp hạng. 8.6. Quy tắc thi đấu. 8.7. Cách tính thành tích.				nội dung thực hành		Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình học - Số lượng giờ lên lớp			CLO 3	- Thang điểm 10
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Thực hành			CLO 2	- Thang điểm 10
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Thi Thực hành			CLO 2	- Thang điểm 10

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Số buổi đi học đầy đủ: 3 điểm
- Tích cực trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên: 4 điểm
- Ý thức tự học thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, sau giờ lên lớp: 3 điểm

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

+ Thực hành.

- Hình thức: Từng cá nhân thực hiện nội dung thực hành theo yêu cầu của gv.

- Thời gian: 3-5 phút.

Bảng 5.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hành	Theo mức độ thực hiện	10
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hành	Theo mức độ thực hiện	10
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

Nguyễn Lâm Sung Phùng Đức Nhật Nguyễn Thế Anh

GDQP – AN 4.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Trình độ đào tạo: Đại học, Cao đẳng sư phạm chính quy****Ngành: Dùng chung cho tất cả các ngành****1. Thông tin chung về học phần**

1.1. Mã học phần:	CB601024
1.2. Tên học phần:	GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH (Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	2 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	60
- Lý thuyết:	4 tiết
- Thực hành:	56 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Nguyễn Duy Hưng
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Thế Anh, Phạm Huy Công, Phạm Văn Hoàng, Hà Quang Khải, Đỗ Thị Khánh Linh, Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Đăng Khoa. Lý Văn Thành
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Quân sự chung.
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kĩ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật

bộ binh; biết cách sử dụng lựu đạn và biết cách phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao. Nắm vững và thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức:

- CO1: Giáo dục và cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sử dụng lựu đạn, thực hành bắn súng tiểu liên AK, huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh, hành động của từng người chiến đấu trong công sự, ngoài công sự

- CO2 : Những kiến thức cơ bản về kỹ năng quân sự, nghiên cứu các bài thực hành sát với thực tế, biết các thao tác kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu, ứng dụng các kỹ thuật cần thiết góp phần đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

2.2.2. Về kỹ năng:

- CO 3: Thực hiện một số kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu; biết vận dụng các kỹ năng quân sự trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng

- CO 4: Nắm vững và sử dụng thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, lựu đạn.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 5: Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành nghiêm các yêu cầu của tổ chức lớp học và giáo viên.

- CO 6: Nghiêm túc tự giác tích cực trong học tập và rèn luyện, đảm bảo an toàn người và vũ khí trang bị..

- CO 7: Xây dựng được ý thức tự học, góp phần thiết thực cho công tác học tập sinh hoạt rèn luyện bản thân có kết quả tốt.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Sinh viên có kiến thức chung về quân sự phổ thông, sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; các tư thế vận động cơ bản trên chiến trường.	CO 1, CO 3
CLO 2	Thực hiện tốt cá kỹ năng sử dụng súng tiểu liên AK, súng trường CKC, lựu đạn.	CO 3, CO 4,
CLO 3	Vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống góp phần xây dựng nhà nước VN XHCN vững mạnh.	CO 5, CO 6

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

CLO 1		I								
CLO 2		I								
CLO 3		R							R	R
Tổng hợp học phần		I							R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 1	Năm 2012	Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng) NXB giáo dục Việt Nam	NXB giáo dục việt Nam
2	Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 2	Năm 2012	Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng) NXB giáo dục Việt Nam	NXB giáo dục việt Nam
Sách, giáo trình tham khảo				
3				

5.2. Tài liệu tham khảo

- + Các văn kiện của Đảng; các tài liệu chính thống về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới.
- + Đảng cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991.
- + Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997...Thăm quan các Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.
- + Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận.
- + Bộ Tổng tham mưu, Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về Lực lượng dân quân tự vệ, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
- + Các văn bản hiện hành về giáo dục quốc phòng – an ninh cho học sinh, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
- + Chỉ thị 12 CT/Tw ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.
- + Pháp lệnh Động viên công nghiệp quốc phòng, 2003; Nghị định số 219/CP ngày 28/12/1961 của hội đồng chính phủ nay là CP); Nghị định Giáo dục quốc phòng – an ninh số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007.

+ Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2020

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: tuần;
- Phân bố: tiết/ buổi; buổi/ tuần = buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 1 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	Tổng số tiết	Lý thuyế t	Thả o luận /thự c hàn h	(5)	(6)	(7)
1							
	Bài 1: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK 1.1. Ngắm bắn 1.2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn sung tiểu liên AK 1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng sung tiểu liên AK	24	2	22	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các nội dung thực hành	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải, phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
2	Bài 2: TÍNH NĂNG, CẤU TẠO VÀ CÁCH SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI LỰU ĐẠN THƯỜNG DÙNG, NÉM LỰU ĐẠN BÀI 1 2. 1. Tính năng chiến đấu, đặc điểm số liệu, cấu tạo, nguyên lý gây nổ của các loại Lựu đạn 2. 2. Kiểm tra giữ gìn và chuẩn bị lựu đạn. 2. 3. Các tư thế động tác ném lựu đạn xa trúng đích.	8	2	6	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các nội dung thực hành	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên
3	Bài 3: TỪNG NGƯỜI TRONG CHIẾN ĐẤU TIẾN CÔNG 1.1. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật. 1.2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ. 1.3. Thực hành chiến đấu.	16		16	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các nội dung thực hành	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên
4	Bài 4: TỪNG NGƯỜI TRONG CHIẾN ĐẤU PHÒNG NGỰ 4.1. Đặc điểm tiến công của địch.	8		8	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các nội	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết (4)			CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	4.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật. 4.3. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ. 4.4. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu.				dung thực hành		dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên
5	Bài 5: TỪNG NGƯỜI LÀM NHIỆM VỤ CANH GÁC (CẢNH GIỚI) 5.1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ. 5.2: Hành động của chiến sỹ thực hành canh gác. 5.3: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ.	4		4	-Nắm được các nội dung chính, trọng tâm của bài - Thực hiện được các nội dung thực hành	CLO 1 CLO 2	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải, phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình học - Số lượng giờ lên lớp			CLO 3	- Thang điểm 10
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Thực hành			CLO 2	- Thang điểm 10

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Thi Thực hành			CLO 2	- Thang điểm 10

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Số buổi đi học đầy đủ: 3 điểm.
- Tích cực trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên: 4 điểm.
- Ý thức tự học thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, sau giờ lên lớp: 3 điểm.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ

- Nội dung:
+ Thực hành.
- Hình thức: Từng cá nhân thực hiện nội dung thực hành theo yêu cầu của gv.
- Thời gian: 3-5 phút.

Bảng 5.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hành	Theo mức độ thực hiện	10
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hành	Theo mức độ thực hiện	10
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phùng Đức Nhật

Nguyễn Thế Anh

- ### 2.2.2. Về kĩ năng:

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Có ý thức nghiêm túc, vận dụng linh hoạt những kiến thức được trang bị.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Cơ sở văn hóa Việt Nam ” (CLOs)

Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được các nội dung lý luận cơ sở văn hoá Việt Nam, đặc biệt là về định vị, chủ thể và không gian văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam.	CO1
CLO2	Xác định được các thành tố tạo nên bản sắc văn hoá Việt Nam.	CO3, CO4, CO5, CO6
CLO3	Xác định được những biến đổi văn hóa, nguyên nhân biến đổi và định hướng công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dựa trên nền tảng kiến thức văn hoá truyền thống.	CO4, CO5, CO6
CLO4	Có tinh thần trách nhiệm, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc vận dụng các kiến thức được trang bị.	CO5, CO6

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 4.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1										
CLO 2						I			I	I
CLO 3	I		I			I				
CLO5	I								I	I
CLO6	I	I	I			I			I	I
Tổng hợp học phần	I	I	I			I			I	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh.

[3]. Trần Quốc Vượng (2012), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 02 tiết/ buổi x 15 buổi/ tuần = 30 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 02 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 01 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	(*) Giới thiệu học phần				
1	Chương 1. Tổng quan về văn hoá và văn hoá Việt Nam 1.1. Tổng quan về văn hóa 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Đặc trưng của văn hóa	2	Trình bày và phân tích khái niệm và đặc trưng của văn hóa	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Thuyết trình Phát vấn Giảng giải Thảo luận Giao nhiệm vụ học tập
2	1.1.3 Chức năng của văn hóa 1.1.4 Cấu trúc văn hóa 1.2.1. Loại hình văn hóa	2	Trình bày và phân tích được các chức năng của văn hóa và mối quan hệ giữa các chức năng Nhớ và hiểu được cấu trúc của văn hóa	CLO1 CLO2 CLO5	Báo cáo; trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập; Thảo luận, thuyết trình Giao nhiệm vụ học tập.
3	1.2.2 Định vị văn hóa Việt Nam	2	Trình bày và định vị được VHVN.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
				CLO5	SV); báo cáo, nhận xét, thảo luận trên lớp; GV chốt.
4	<i>1.2.3 Tiến trình văn hóa Việt Nam</i>	2	Trình bày và phát biểu được đặc điểm và thành tựu văn hóa Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử .	CLO1 CLO2 CLO3	
5-6	Chương 2: Văn hoá nhận thức 2.1 Tư tưởng xuất phát về bản chất của vũ trụ 2.2 Triết lý phương nam về cấu trúc không gian của vũ trụ 2.3. Triết lý phương Bắc về cấu trúc không gian của vũ trụ, mô hình tứ tượng, bát quái 2.4 Triết lý về thời gian của vũ trụ: Lịch âm dương và hệ đếm can chi 2.5. Nhận thức về con người	4	Trình bày và phát biểu các nội dung về tư tưởng xuất phát về bản chất vũ trụ, cấu trúc không gian của vũ trụ, triết lý về thời gian của vũ trụ, nhận thức về con người.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, nhận xét, thảo luận trên lớp; GV chốt.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
7-8	Chương 3. Văn hoá tổ chức đời sống cộng đồng: đời sống tập thể và cá nhân 3.1. Văn hóa tổ chức đời sống tập thể 3.1.1 Tổ chức nông thôn 3.1.2 Tổ chức quốc gia 3.1.3 Tổ chức đô thị	4	Trình bày và phân tích được các đặc trưng về tổ chức nông thôn, quốc gia và đô thị của người Việt	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	SV lập dàn ý ở nhà (cá nhân); lên lớp nêu CH cho GV và các bạn; SV và GV giải đáp thắc mắc
9-10	3.2. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 3.2.1 Tín ngưỡng 3.2.2 Phong tục *Bài kiểm tra thường xuyên số 1	4	Trình bày và phân tích đặc điểm và các loại hình tín ngưỡng, phong tục của người Việt.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	SV lập dàn ý ở nhà (cá nhân); lên lớp nêu CH cho GV và các bạn; SV và GV giải đáp thắc mắc
11-12	Chương 4. Văn hoá ứng xử với MTTN và MTXH 4.1. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên 4.1.1 Tận dụng môi trường tự nhiên: Âm thực 4.1.2 Đối phó với môi trường tự nhiên: Mặc và làm đẹp 4.1.3 Đối phó với môi trường tự nhiên: Ở và đi lại	4	Trình bày và phân tích được quan niệm và đặc trưng trong văn hóa ứng xử với MTXH của người Việt	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, nhận xét, thảo luận trên lớp; GV chốt. SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, nhận xét, thảo luận trên lớp; GV chốt.
13-15	4.2. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội 4.2.1 Văn hóa Chăm	6	- Trình bày được quá trình du	CLO1 CLO2 CLO3	SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết t	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	4.2.2 Phật giáo và văn hóa Việt Nam 4.2.3 Nho giáo và văn hóa Việt Nam 4.2.4 Đạo giáo và văn hóa Việt Nam 4.2.5 Phương Tây với văn hóa Việt Nam 4.2.6 Giữ gìn bản sắc Việt Nam trong thời kỳ hội nhập * Bài kiểm tra thường xuyên số 2		nhập, phát triển và ảnh hưởng của các tôn giáo và VHPT đối với VHVN -Trình bày được vai trò của văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa trong thời kỳ hội nhập.	CLO4 CLO5	nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, nhận xét, thảo luận trên lớp; GV chốt.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến			CLO 5	
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Đánh giá hiểu biết lý luận về văn hoá. (tuần 6)	50%		CLO 1 CLO 2 CLO 5	<i>SV làm bài kiểm tra viết. GV chấm điểm theo biểu điểm</i>
		Đánh giá năng lực nhận diện các đặc trưng văn hoá Việt Nam qua các thành tố văn hoá. (tuần 15)	50%		CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	<i>SV làm bài kiểm tra viết. GV chấm điểm theo biểu điểm</i>
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Tự luận			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	<i>SV thi trắc nghiệm GV chấm điểm theo biểu điểm</i>

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Điều kiện
10	. Số tiết nghỉ học (không kể có phép, o phép) = 0 . Số lần đi học muộn ≤ 5 phút = 0
9	. Tiêu chí nghỉ học như điểm 10; . Có đi học muộn 1, 2 lần ≤ 5 phút có lý do chính đáng
8	. Số tiết nghỉ học ≤ 1 đối với những học phần (HP) có khối lượng 2 tín . Số lần đi học muộn ≤ 1 lần ≤ 5 phút có lý do chính đáng
7	. Số tiết nghỉ học được tính như trường hợp điểm 8 . Số lần đi học muộn có thể nhiều hơn 1, 2 lần và có lý do chính đáng
6	. Số tiết nghỉ học ≤ 3 đối với HP có khối lượng 3 tín chỉ . Số lần đi học muộn ≤ 2 lần ≤ 5 phút có lý do chính đáng
5	. Số tiết nghỉ học tính như trường hợp điểm 6 . Số lần đi học muộn có thể nhiều hơn nhưng đều có lý do chính đáng
4, 3, 2, 1	. Số tiết nghỉ học ≤ 3 đối với học phần có khối lượng 3 tín chỉ . Mức độ gia giảm điểm phụ thuộc tần số đi học trễ và tinh thần thái độ học tập trong lớp.
0	. Số tiết nghỉ học vượt quá mức liên kể trên.
ĐHP = 0	. Số tiết nghỉ học $> 20\%$ TLHP

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Những nội dung đã được dạy học
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những nội dung đã được học	Mức độ hiểu và vận dụng vấn đề chắc chắn	2
2		Kiến thức vững vàng	2
3		Lập luận chặt chẽ	2
4		Trả lời đầy đủ và chính xác	2
5		Vận dụng tốt kiến thức lý luận đã học.	1
6		Bài làm trình bày rõ ràng, mạch lạc, chữ viết cẩn thận.	1
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Những nội dung đã được dạy học
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những nội dung đã được học	Mức độ hiểu và vận dụng vấn đề chắc chắn	2
2		Kiến thức vững vàng	2
3		Lập luận chặt chẽ	2
4		Trả lời đầy đủ và chính xác	2
5		Vận dụng tốt kiến thức lý luận đã học.	1
6		Trình bày rõ ràng, mạch lạc	1
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Ngô Hải Ninh

**Nguyễn Thị Thuỳ
Dương**

2.5.15. Logic học đại cương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, CĐSP Ngành: Chung cho các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB608006
1.2. Tên học phần:	Lôgic học đại cương
1.3. Tên tiếng Anh:	General Logic
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Đoàn Thị Tâm
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Nguyễn Thị Thanh Hoa
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Triết học Mác-Lênin
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về các hình thức và quy luật của tư duy. Trên cơ sở đó người học có thói quen tư duy, lập luận chặt chẽ; hình thành các kỹ năng cơ bản trong học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức cơ bản về các khái niệm, phán đoán và suy luận của Lôgic học đại cương.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO2: Có thể giải thích được các quy luật cơ bản của quá trình tư duy.

- CO3: Có kĩ năng tư duy logic; khả năng phán đoán, suy luận.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có tính chủ động, sáng tạo và khả năng làm việc độc lập.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được các khái niệm, phạm trù cơ bản của Logic học đại cương	CO1
CLO2	Chứng minh được các quy luật cơ bản của Logic học có giá trị trong đời sống thực tiễn.	CO1;CO2
CLO3	Phân tích được các nội dung cơ bản về các hình thức của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận; các quy luật cơ bản của tư duy; các thao tác logic như chứng minh và bác bỏ.	CO1;CO2
CLO4	Vận dụng các quy luật và hình thức của tư duy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả học tập và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.	CO3;CO4
CLO5	Phát triển các kĩ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, tự đánh giá, kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện.	CO3;CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	I	I				I				M
CLO2	R	I				M				M
CLO3	M	M				M				R
CLO4	R	M				R				R
CLO5	R	M				R				R
Tổng hợp học phần	R	M				R				R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Vương Tất Đạt, (2004), *Logic học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Giáo trình Logic học, (1998) *Trường đại học Luật Hà Nội*, Nxb Công an nhân dân.

[2]. Tô Duy Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, (1997), *Logic học*, NXB Đồng Nai.

[3]. Vương Tất Đạt, Bùi Văn Quân, Nguyễn Thị Vân Hà, (2006), *Phương pháp giải các bài tập của Logic học*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
1	(*) Giới thiệu học phần Chương 1: Đối tượng và ý nghĩa của Logic học <i>1.1. Quá trình nhận thức và hình thức của tư duy</i> <i>1.2. Khái niệm về hình thức logic và quy luật logic. Tính chân thực của tư tưởng và tính đúng đắn về hình thức của lập luận</i> <i>1.3. Logic học và ngôn ngữ</i> <i>1.4. Sự hình thành và phát triển của logic học</i> <i>1.5. Ý nghĩa của logic học</i>	2 LT	- Phân tích được đối tượng và ý nghĩa của logic học - Trên cơ sở đó, sinh viên biết được ý nghĩa của môn học đối với quá trình học tập và hoạt động thực tiễn.	CLO1	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
2	Chương 2: Khái niệm <i>2.1. Đặc trưng chung của khái niệm</i> <i>2.2. Hình thức ngôn ngữ biểu thị khái niệm</i> <i>2.3. Các phương pháp cơ bản thành lập khái niệm</i> <i>2.4. Kết cấu logic của khái niệm</i>	2 LT	- Phân tích được đặc trưng, kết cấu logic của khái niệm, phân biệt được các loại khái niệm, xác định được quan hệ giữa các khái niệm, các	CLO1 CLO3	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội

	2.5. Các loại khái niệm		thao tác logic đối với khái niệm. - Trên cơ sở tri thức đó sinh viên biết cách sử dụng các khái niệm một cách chính xác.		dung bài học.
3	2.6. Quan hệ giữa các khái niệm 2.7. Mở rộng và thu hẹp khái niệm 2.8. Định nghĩa khái niệm 2.9. Phân chia khái niệm	2 LT	Phân tích được đặc trưng, kết cấu logic của khái niệm, phân biệt được các loại khái niệm, xác định được quan hệ giữa các khái niệm, các thao tác logic đối với khái niệm. - Trên cơ sở tri thức đó sinh viên biết cách sử dụng các khái niệm một cách chính xác.	CLO1 CLO3	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
4	Bài tập chương 2	2 TL	- Hình thành kỹ năng sử dụng khái niệm chuẩn xác trong học tập và cuộc sống.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
5	Chương 3: Phán đoán	2 LT	- Phân tích được đặc trưng	CLO1 CLO3	Giảng viên tổ chức các hoạt

	3.1. Đặc trưng chung của phán đoán 3.2. Phán đoán đơn		của phán đoán, phân biệt được các loại phán đoán, xác định được tính chu diên và quan hệ giữa các phán đoán. - Hình thành kỹ năng tư duy ngắn gọn, sáng tạo.		động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
6	3.3. Phán đoán phức 3.3.1. Phán đoán liên kết 3.3.2. Phán đoán phân liệt	2 LT	- Phân tích được đặc trưng của phán đoán, phân biệt được các loại phán đoán, xác định được tính chu diên và quan hệ giữa các phán đoán. - Hình thành kỹ năng tư duy ngắn gọn, sáng tạo.	CLO1 CLO3	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
7	3.3.3. Phán đoán có điều kiện 3.3.4. Phán đoán tương đương Bài tập chương 3	1 LT 1 TL	- Phân tích được đặc trưng của phán đoán, phân biệt được các loại phán đoán, xác định được tính chu diên và quan hệ giữa các phán đoán. - Hình thành kỹ năng sử dụng phán đoán chuẩn xác	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.

			trong học tập và cuộc sống.		
8	Bài tập chương 3 Chương 4: Các quy luật cơ bản của lôgic học 4.1. Quy luật đồng nhất 4.2. Quy luật không mâu thuẫn	1 LT 1 TL	- Hình thành kỹ năng sử dụng phán đoán chuẩn xác trong học tập và cuộc sống. - Phân tích được nội dung các quy luật của quá trình tư duy. - Hình thành kỹ năng tư duy khoa học, sáng tạo trong học tập và cuộc sống.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
9	4.3. Quy luật loại trừ cái thứ ba 4.4. Quy luật lý do đầy đủ Bài tập chương 4 Kiểm tra số 1	1 LT 1 KT	- Hình thành kỹ năng sử dụng phán đoán chuẩn xác trong học tập và cuộc sống. - Phân tích được nội dung các quy luật của quá trình tư duy. - Hình thành kỹ năng tư duy khoa học, sáng tạo trong học tập và cuộc sống.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
10	Chương 5 : Suy luận 5.1. Đặc trưng chung của suy luận 5.2. Suy luận suy diễn	2 LT	- Phân tích được đặc trưng của suy luận, phân biệt các	CLO1 CLO3	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh

	trực tiếp 5.2.1. <i>Phép chuyển hóa</i> 5.2.2. <i>Phép đảo ngược</i> 5.2.3. <i>Phép đối lập vị ngữ</i>		loại suy luận, hiểu được các quy tắc trong suy luận, xây dựng được các suy luận. - Hình thành kỹ năng lập luận chính xác và khoa học.		viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
11	5.3. Suy luận suy diễn gián tiếp	2 LT	- Phân tích được đặc trưng của suy luận, phân biệt các loại suy luận, hiểu được các quy tắc trong suy luận, xây dựng được các suy luận. - Hình thành kỹ năng lập luận chính xác và khoa học.	CLO1 CLO3	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
12	5.4. Luận ba đoạn rút gọn (Luận hai đoạn) 5.5. Suy luận quy nạp	2 LT	- Phân tích được đặc trưng của suy luận, phân biệt các loại suy luận, hiểu được các quy tắc trong suy luận, xây dựng được các suy luận. - Hình thành kỹ năng lập luận chính xác và khoa học.	CLO1 CLO3	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
13	Bài tập chương 5	2 TL	- Rèn luyện kỹ năng lập luận,	CLO1 CLO2	Giảng viên tổ chức các hoạt

			tư duy khoa học trong học tập và cuộc sống.	CLO3 CLO4 CLO5	động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
14	Bài tập chương 5 Chương 6: Chứng minh và bác bỏ 6.1. Đặc trưng chung của chứng minh 6.2. Các phương pháp chứng minh	1 LT 1 TL	- Rèn luyện kỹ năng lập luận, tư duy khoa học trong học tập và cuộc sống. - Phân tích được đặc trưng của chứng minh và bác bỏ, các loại chứng minh và bác bỏ. - Hình thành các thao tác logic chứng minh và bác bỏ trong quá trình lập luận.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.
15	6.3. Bác bỏ 6.4. Các quy tắc của chứng minh và những sai lầm có thể phạm phải trong chứng minh và bác bỏ Kiểm tra số 2	1TL 1KT	- Phân tích được đặc trưng của chứng minh và bác bỏ, các loại chứng minh và bác bỏ. - Hình thành các thao tác logic chứng minh và bác bỏ trong quá trình lập luận.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Sinh viên chuẩn bị bài ở nhà, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến			CLO 4	GV theo dõi chuyên cần và ý thức tham gia các hoạt động học tập của SV để đánh giá.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Nội dung, đặc trưng, các loại khái niệm và phán đoán, các thao tác logic đối với khái niệm và phán đoán	50%		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	SV làm bài kiểm tra tự luận trên lớp theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. GV chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kĩ năng làm bài của SV
		Đặc trưng của suy luận, các loại suy luận, các nguyên tắc trong suy luận, các thao tác logic khi suy luận.	50%		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	SV làm bài kiểm tra tự luận trên lớp theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. GV chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kĩ năng làm bài của SV
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: tự luận			CLO1 CLO2 CLO3 CLO 4 CLO5	SV làm bài thi tự luận. GV sẽ chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kĩ năng làm bài của SV

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Dự học đầy đủ, đúng giờ
- Hoàn thành tốt bài tập cá nhân/tuần
- Tích cực phát biểu ý kiến, tham gia hoạt động nhóm

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Các loại khái niệm và phán đoán, các thao tác logic đối với khái niệm và phán đoán. Đặc trưng của suy luận, các loại suy luận, các nguyên tắc trong suy luận, các thao tác logic khi suy luận.

- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Lý thuyết	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(3.0) 1.5 1.0 0,5
2	Bài tập	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(7.0) 4.0 2.0 1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Khái niệm, phán đoán, suy luận (Lý thuyết, vận dụng làm bài tập)
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Lý thuyết	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(3.0) 1.5 1.0 0,5
2	Bài tập	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(7.0) 4.0 2.0 1.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Võ Thị Thu Hằng

Đoàn Thị Tâm

2.5.16. Soạn thảo văn bản

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học
Thông tin chung về học phần

Ngành: Các ngành

1.1. Mã học phần:	SP601033
1.2. Tên học phần:	Soạn thảo văn bản
1.3. Tên tiếng Anh:	Composing administrative documents
1.4. Số tín chỉ:	02 (1LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết.
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Gấm
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bùi Thị Lan Hương TS. Bé Thị Thu Huyền ThS. Nguyễn Hữu Tới ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lương ThS. Nguyễn Thị Minh Thái ThS. Hà Ngọc Yến
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Người học có kiến thức về các loại văn bản được sử dụng hàng ngày trong công việc và trong cuộc sống; có kỹ năng sử dụng tiếng Việt và kỹ năng soạn thảo các loại văn bản, đặc biệt là các văn bản hành chính (VBHC) thông dụng; đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng về người lao động có kỹ năng sử dụng tiếng Việt và kỹ năng soạn thảo văn bản.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức:**

- CO1: Có kiến thức về sử dụng tiếng Việt: chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu... trong giao tiếp và soạn thảo các loại văn bản nói chung, VBHC nói riêng.

- CO2: Có kiến thức về VBHC và các loại văn bản được sử dụng hàng ngày trong công việc và trong cuộc sống.

2.2.2. Về kỹ năng:

- CO3: Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp và soạn thảo văn bản.

- CO4: Có kỹ năng soạn thảo các loại văn bản theo phong cách chức năng và phương thức biểu đạt, soạn thảo VBHC đúng thể thức, đúng yêu cầu, phục vụ hiệu quả công tác được giao.

- CO5: Có kỹ năng cập nhật, sử dụng các loại văn bản pháp luật và VBHC hiện hành liên quan đến chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực chuyên môn để phục vụ công tác soạn thảo văn bản.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Có ý thức rèn luyện các kỹ năng tiếng Việt cơ bản và nâng cao để soạn thảo tốt các loại văn bản (đặc biệt là VBHC) trong thực tế sử dụng.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Sửa được một số lỗi thường gặp khi sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp và soạn thảo các loại văn bản.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
CLO2	Phân biệt được các loại văn bản theo đặc trưng phong cách và phương thức biểu đạt.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
CLO3	Soạn thảo văn bản hành chính đúng thể thức, đúng yêu cầu, phục vụ hiệu quả công tác được giao.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
CLO4	Nhận thức được tầm quan trọng của việc soạn thảo văn bản và sử dụng văn bản trong công việc và trong cuộc sống.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

4. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLOs) với CDR các Chương trình đào tạo (PLOs)

Bảng 2.1. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Ngôn ngữ Anh

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
CLO 1	I	I	I			I	I		I	I	I
CLO 2	I	I	I			I	I		I	I	I
CLO 3	I	I	I			I	I		R	I	I
CLO 4	R	R	R			R	R		R	R	R

Tổng hợp học phần	I	I	I			I	I		R	I	I

Bảng 2.2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I	I		I	I	I		I	I
CLO 2	I	R	I		R	R	I		I	I
CLO 3	I	R	I		R	R	R		I	I
CLO 4	R	R	R		R	R	R		R	R
Tổng hợp học phần	I	R	I		R	R	R		I	I

Bảng 2.3. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Ngôn ngữ Nhật Bản

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO 1	I	I		I		I	I	I	I	I		I	I	I	I
CLO 2	I	I		I		I	I	I	I	I		I	I	I	I
CLO 3	I	I		R		I	I	I	R	R		I	I	I	I
CLO 4	R	R		R		R	R	R	R	R		R	R	R	R
Tổng hợp học phần	I	I		R		I	I	I	I	R		I	I	I	I

Bảng 2.4. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1	I	I	I		I		I	I	I		I	I	I
CLO 2	I	I	I		I		I	I	I		I	I	I
CLO 3	I	I	I		I		I	I	R		I	I	I
CLO 4	R	R	R		R		R	R	R		R	R	R
Tổng hợp học phần	I	I	I		I		I	I	R		I	I	I

Bảng 2.5. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành QTDVDL&LH

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I	I	I	I	I	I		I	I
CLO 2	R	I	I	I	I	I	I		I	I
CLO 3	R	I	I	I	I	I	R		I	I
CLO 4	R	R	R	R	R	R	R		R	R
Tổng hợp học phần	R	I	I	I	I	I	R		I	I

Bảng 2.6. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Quản trị khách sạn

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

CLO 1	I	I	I	I	I	I	I	I		I	I
CLO 2	I	I	I	I	I	I	I	I		I	I
CLO 3	I	R	I	I	I	I	I	M		I	I
CLO 4	R	R	R	R	R	R	R	R		R	R
Tổng hợp học phần	I	R	I	I	I	I	I	R		I	I

Bảng 2.7. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành QTNH&DVAU

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I	I	I	I	I	I		I	I
CLO 2	R	I	I	I	R	R	I		I	I
CLO 3	R	I	R	I	R	R	I		I	I
CLO 4	R	R	R	R	R	R	R		R	R
Tổng hợp học phần	R	I	R	I	R	R	I		I	I

Bảng 2.8. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Quản lý văn hóa

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6a)	(6b)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I		I	I	I
CLO 2	I	R	R	R	R	I	R	I	R	R	I		I	I	I
CLO 3	I	A	R	R	R	I	R	I	R	R	R		I	I	I
CLO 4	R	M	R	R	R	R	R	R	R	R	R		R	R	R
Tổng hợp học phần	I	M	R	R	R	I	R	I	R	R	R		I	I	I

Bảng 2.9. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Nuôi trồng thủy sản

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	I	I			I	I		I	I		I	I
CLO 2	R	I			I	I		I	I		I	I
CLO 3	R	I			I	I		I	R		I	I
CLO 4	R	R			R	R		R	R		R	R
Tổng hợp học phần	R	I			I	I		I	I		I	I

Bảng 2.10. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	I	I	I	I	I	I	I	I	I		I	I
CLO 2	R	R	I	I	I	I	I	I	I		I	I
CLO 3	R	R	R	R	I	I	M	R	R		I	I
CLO 4	R	R	R	R	R	R	R	R	R		R	R
Tổng hợp học phần	R	R	R	R	I	I	R	R	I		I	I

Bảng 2.11. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Giáo dục tiểu học

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I	I	I	I	I	I		I	I
CLO 2	R	R	R	R	I	R	I		I	I
CLO 3	R	R	R	R	I	R	R		I	I
CLO 4	R	R	R	R	R	R	R		R	R
Tổng hợp học phần	R	R	R	R	I	R	R		I	I

Bảng 2.12. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Giáo dục mầm non

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I	I	I	I	I	I		I	I
CLO 2	R	R	R	R	I	R	I		I	I
CLO 3	R	R	R	R	I	R	R		I	I
CLO 4	R	R	R	R	R	R	R		R	R
Tổng hợp học phần	R	R	R	R	I	R	R		I	I

Bảng 2.13. Mối liên hệ giữa CLO với PLO ngành Văn học

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I	I	I	I	I	I		I	I
CLO 2	R	R	R	R	R	I	I		I	I
CLO 3	R	R	R	R	R	I	R		I	I
CLO 4	R	R	R	R	R	R	R		R	R
Tổng hợp học phần	R	R	R	R	R	I	R		I	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Tài liệu soạn thảo văn bản (lưu hành nội bộ).

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Diệp Quang Ban (2006), *Văn bản*, NXB Đại học Sư phạm.

[3]. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2004), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục.

[4]. Văn bản quy định hiện hành của Nhà nước về việc soạn thảo và ban hành VBHC.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 01 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

[illegible]

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	văn bản 1.4.4. Chỉnh sửa và hoàn thiện văn bản		- Hệ thống hóa được các bước soạn thảo văn bản. - Vận dụng lí thuyết về các bước soạn thảo văn bản vào làm các bài tập thực hành tương ứng.		- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 1.4. C1; - GV nhận xét, chốt kiến thức; Giao BTVN, hướng dẫn thực hiện NVHT C2 P1.
4-7	CHƯƠNG 2: MỘT SỐ KĨ NĂNG TIẾNG VIỆT TRONG SOẠN THẢO VĂN BẢN (TÍCH HỢP) 2.1. Kỹ năng chính tả 2.1.1. Các quy tắc chính tả tiếng Việt 2.1.2. Các lỗi chính tả thường gặp và cách chữa 2.2. Kỹ năng dùng từ 2.2.1. Những yêu cầu chung về dùng từ trong văn bản 2.2.2. Các lỗi dùng từ thường gặp và cách chữa 2.3. Kỹ năng đặt câu 2.3.1. Những yêu cầu chung về câu trong văn bản 2.3.2. Các lỗi về câu thường gặp và cách chữa	10T (3LT; 7TH) 1LT 2TH 1LT 2TH	- Trình bày được các quy tắc chính tả tiếng Việt (quy tắc chính) và những yêu cầu chung về dùng từ trong văn bản. - Liệt kê được các lỗi chính tả và lỗi dùng từ thường gặp trong hoạt động giao tiếp và soạn thảo văn bản. - Giải thích được nguyên nhân mắc lỗi. - Chữa được các lỗi chính tả và lỗi dùng từ thường gặp. - Trình bày	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần ôn tập kiến thức mục 1.4. C1; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 2.1. và mục 2.2. C2 P1; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện các NVHT liên quan mục 2.3. C2; - GV nhận xét,

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy- học
	2.4. Kỹ năng lập luận 2.4.1. Lập luận và các phương thức lập luận 2.4.2. Các lỗi về lập luận thường gặp và cách chữa Kiểm tra định kỳ: Bài kiểm tra số 01	1LT 2TH 1TH	được những yêu cầu chung về câu trong văn bản và các lỗi về câu thường gặp. - Phân tích được nguyên nhân mắc lỗi và chữa các lỗi về câu thường gặp. - Trình bày được các phương thức lập luận và các lỗi về lập luận thường gặp. - Chữa được các lỗi về lập luận. - Vận dụng các phương thức lập luận đã học vào soạn thảo văn bản. - Hiểu rõ nội dung, hình thức kiểm tra và làm bài kiểm tra đạt từ 4 điểm trở lên.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO1 CLO2	chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện các NVHT liên quan mục 2.4. C2 P1; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - GV giao BTVN và hướng dẫn thực hiện các NVHT C1. P2; - GV giao đề kiểm tra. - SV nghiêm túc làm bài.
7-9	PHẦN 2: VĂN BẢN HÀNH CHÍNH CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH	[26T] 6T (4LT; 2TH)	- Trình bày		- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự

[illegible]

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
			lỗi về thể thức VBHC. - Trình bày được quy trình soạn thảo và ban hành VBHC.		1.4. C1 P2; - GV nhận xét chốt kiến thức; Giao BTVN và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT C2. P2.
9-11	CHƯƠNG 2. NGÔN NGỮ VÀ VĂN PHONG HÀNH CHÍNH 2.1. Đặc điểm của văn phong hành chính 2.1.1. Lỗi trình bày trực tiếp, không thiên vị 2.1.2. Tính ngắn gọn, chính xác, đầy đủ thông tin 2.1.3. Tính rõ ràng và cụ thể của các quan điểm chính trị 2.1.4. Sự liên kết chặt chẽ giữa các phần, các câu trong một văn bản	6T (2LT; 4TH) 1LT 1TH	- Giải thích được các đặc điểm của văn phong hành chính (VPHC). - Làm được một số bài tập thực hành nhận diện và phân tích VPHC.	CLO3 CLO4	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 2.1. C2 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức;
	2.2. Sử dụng câu trong văn phong hành chính 2.2.1. Các loại câu thường gặp trong VBHC 2.2.2. Các loại câu không dùng trong VBHC	1LT 2TH	- Trình bày được các kiểu câu, các loại từ, thuật ngữ thường dùng trong VPHC. - Sử dụng được các loại từ, thuật ngữ, kiểu câu đặc trưng cho VPHC vào soạn thảo phần	CLO1 CLO3 CLO4	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 2.2. C2 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức;
	2.3. Sử dụng từ trong văn phong hành chính 2.3.1. Các loại từ và thuật ngữ thường dùng trong VBHC 2.3.2. Các loại từ, ngữ không dùng trong	1TH		CLO1 CLO3 CLO4	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN phần tự học, tự nghiên cứu mục

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	VBHC		nội dung VBHC. - Làm được các bài tập rèn kỹ năng dùng từ, đặt câu trong VPHC.		2.3. C2 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức, giao BTVN và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT C3 P2.
11-15	CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP SOẠN THẢO MỘT SỐ VBHC THÔNG DỤNG 3.1. Soạn thảo các VBHC cá biệt 3.1.1. Nghị quyết (NQ) 3.1.2. Quyết định (QĐ) 3.2. Soạn thảo một số VBHC thông thường 3.2.1. Thông báo (TB) 3.2.2. Kế hoạch (KH)	14T (3LT; 11T H) 1LT 1TH	- Giải thích được cách thức soạn thảo NQ và QĐ. - Làm được các bài tập thực hành soạn thảo NQ và QĐ cá biệt.	CLO3 CLO4	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 3.1. C3 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức;
	3.2.3. Báo cáo (BC) 3.2.4. Tờ trình (TTr) 3.2.5. Công văn Soạn thảo các loại VBHC thông thường nêu trên, gắn với thực tế đời sống.	1LT 2TH 1LT 2TH 5TH	- Giải thích được cách thức soạn thảo TB và KH. - Làm được các bài tập thực hành soạn thảo TB và KH gắn với các tình huống trong thực tế. - Trình bày và giải thích được cách thức soạn thảo BC, TTr và Công văn. - Làm được các bài tập thực hành soạn thảo BC, TTr và	CLO3 CLO4 CLO1 CLO3 CLO4	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 3.2. C3 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	Hướng dẫn ôn tập Kiểm tra định kỳ: Bài kiểm tra số 2	1TH	Công văn gắn với các tình huống trong thực tế. - Soạn thảo được các VBHC đã học gắn với thực tế đời sống. - Phát hiện được các lỗi thường gặp trong quá trình soạn thảo VBHC và chữa được các lỗi này. - Hiểu rõ nội dung, hình thức kiểm tra và làm bài kiểm tra đạt từ 4 điểm trở lên.	CLO3 CLO4	thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu về các loại VBHC đã học; - GV rút kinh nghiệm về việc soạn thảo VBHC; - GV giao đề bài; - SV nghiêm túc làm bài kiểm tra tự luận trên lớp.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức học tập; Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập.		X	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra định kỳ số 01: Văn bản và kỹ năng soạn	50%		CLO1 CLO2	SV làm bài kiểm tra theo yêu cầu và hướng dẫn của GV(*)

		thảo văn bản (tuần 7)				
		Bài kiểm tra định kỳ số 02: Văn bản hành chính (tuần 15)	50%		CLO3 CLO4	SV làm bài kiểm tra theo yêu cầu và hướng dẫn của GV ^(*) .
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ:			CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thực hiện theo lịch thi của Nhà trường.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực luyện tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Có ý thức luyện tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Học tập thụ động.	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp. * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực.	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra số 01

- Nội dung: Phần 1
- Hình thức: Tự luận^(*)
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 01

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chữa lỗi về dùng từ trong	- Theo đáp án chấm: Đúng ý, rõ ràng, sạch sẽ;	2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	văn bản	- Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	
2	Chữa lỗi về đặt câu trong văn bản	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
3	Soạn thảo đoạn văn, văn bản theo yêu cầu	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	5
Tổng điểm			10

** Ghi chú: Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn các hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như kiểm tra vấn đáp, kiểm tra theo nhóm... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.*

Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: Phần 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 02

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chữa lỗi về thể thức của VBHC hoặc viết đúng các thành phần thể thức theo yêu cầu	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
2	Soạn thảo hoàn chỉnh một VBHC theo yêu cầu	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	7
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Theo Đề cương ôn tập học phần
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: **90 phút**

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Văn bản và kỹ năng soạn thảo văn bản	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
2	Văn bản hành chính	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	7

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
Tổng			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Gấm

2.5.17. Tâm lý học đại cương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620001
1.2. Tên học phần:	Tâm lý học đại cương
1.3. Tên tiếng Anh:	General Psychology
1.4. Số tín chỉ:	2 (LT)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Vũ Thanh Hòa
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Thị Thương Trần Thị Kim Loan Trần Thị Hòa Nguyễn Thị Điệp
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung:**

Sau khi học xong học phần người học có kiến thức về các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người; những hiểu biết về quá trình nhận thức, quá trình hình thành và phát triển nhân cách; vận dụng kiến thức tâm lý vào cuộc sống và rèn luyện, tu dưỡng nhân cách bản thân.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người.

- CO2: Có kiến thức cơ bản về cơ sở tự nhiên-xã hội của tâm lý, về hoạt động nhận thức của con người; các yếu tố chi phối sự hình thành, phát triển nhân cách.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO3: Có khả năng giải thích được các hiện tượng tâm lý người.

- CO4: Có khả năng vận dụng những kiến thức tâm lý vào quá trình dạy học và giáo dục.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có ý thức tích cực, tự giác, thường xuyên trau dồi, vận dụng tri thức vào học tập và hoạt động nghề nghiệp; chủ động ứng dụng vào cuộc sống và rèn luyện nhân cách người giáo viên.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được bản chất hiện tượng tâm lý người	CO1, CO2
CLO2	Phân tích được các quá trình tâm lý	CO2, CO3
CLO3	Đánh giá được vai trò của các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.	CO2, CO3, CO4
CLO4	Vận dụng được tri thức Tâm lý học vào công tác giáo dục và trong cuộc sống.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	M	I	I	M	R			R	R
CLO 2		M	R	I	M	M			R	R
CLO 3	R	M	R	R	M	M			R	R
CLO 4		M	R	M	M	M			R	R
Tổng hợp học phần	R	M	R	R	M	M			R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1] Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên) (2015), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐH Sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu (2010), *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Lê Minh nguyệt (chủ biên), Vũ Thị Khánh Linh (2014), *Tình huống tâm lý giáo dục học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (2013), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐH Sư phạm.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1	<i>* Giới thiệu học phần</i> Chương 1. Tâm lý học là một khoa học 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học 1.2. Bản chất hiện tượng tâm lý người 1.3. Chức năng của tâm lý 1.4. Phân loại hiện tượng tâm lý 1.5. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý Thảo luận: Chứng minh "Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lý người có bản chất xã hội – lịch sử".	2	- Phân tích được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Tâm lý học. - Chứng minh được tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lý người có bản chất xã hội - lịch sử.	CLO1, CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
Tuần 2	Chương 2: Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý 2.1. Cơ sở tự nhiên của	2	- Phân tích được mối liên hệ giữa não và tâm lý;	CLO1, CLO4	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên;

	tâm lý 2.1.1. Não và tâm lí 2.1.2. Phản xạ có điều kiện và tâm lý 2.1.3. Hệ thống tín hiệu thứ hai và tâm lý 2.1.4. Quy luật hoạt động thần kinh cấp cao và tâm lí 2.2. Cơ sở xã hội của tâm lý con người 2.2.1. Hoạt động và tâm lý 2.2.2. Giao tiếp và tâm lý Thảo luận: Giải thích mối quan hệ giữa hoạt động, giao tiếp và tâm lí.		giữa phản xạ có điều kiện và tâm lí; giữa hệ thống tín hiệu thứ hai và tâm lí; - Trình bày được nội dung quy luật hoạt động thần kinh cấp cao và tâm lí; - Giải thích được mối quan hệ giữa hoạt động, giao tiếp và tâm lí.		- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
Tuần 3	Chương 3. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức 3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý 3.1.1. Sự nảy sinh và hình thành tâm lý về phương diện loài người 3.1.2. Sự phát triển tâm lý về phương diện cá thể 3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức 3.2.1. Bản chất và cấu trúc của ý thức Thảo luận: Giải thích sơ đồ tổng quát về sự hình thành và phát triển tâm lý người.	2	- Giải thích được sự phát triển tâm lí về phương diện cá thể con người, khái quát được các giai đoạn phát triển tâm lí theo lứa tuổi. - Trình bày được bản chất và cấu trúc của ý thức.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
Tuần 4	Tiếp chương 3 3.2.2. Sự hình thành và phát triển ý thức 3.2.3. Các cấp độ ý thức	2	- Giải thích được sự hình thành và phát triển ý thức;	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên;

	3.2.4. Chú ý- điều kiện của hoạt động có ý thức Thảo luận: Phân tích vai trò của hoạt động đối với quá trình hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.		- Phân tích được khái niệm, các thuộc tính cơ bản của chú ý; liệt kê được các loại chú ý.		- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
Tuần 5	Chương 4. Hoạt động nhận thức 4.1. Nhận thức cảm tính 4.1.1. Khái niệm cảm giác, tri giác 4.1.2. Các loại cảm giác, tri giác 4.1.3. Các quy luật cơ bản của cảm giác Thảo luận: Phân tích ý nghĩa của các loại cảm giác trong đời sống và hoạt động của con người.	2	- Trình bày được khái niệm cảm giác, tri giác. - Vận dụng các quy luật cảm giác trong đời sống.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
Tuần 6	Tiếp chương 4 4.1.4. Các thuộc tính cơ bản của tri giác 4.1.5. Vai trò của nhận thức cảm tính 4.1.6. Tính nhạy cảm và năng lực quan sát Thảo luận: Tìm và phân tích các ví dụ để minh họa việc ứng dụng quy	2	- Trình bày được các kiểu tri giác cơ bản và các điều kiện để quan sát tốt.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của

	luật của cảm giác, tri giác trong đời sống và trong hoạt động của con người.				sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
Tuần 7	Tiếp chương 4 4.2. Nhận thức lý tính 4.2.1. Tư duy 4.2.1.1. Khái niệm tư duy 4.2.1.2. Đặc điểm của tư duy 4.2.1.3. Các giai đoạn, thao tác của quá trình tư duy 4.2.1.4. Các loại tư duy 4.2.1.5. Trí tuệ, các phẩm chất cơ bản của trí tuệ Thảo luận: Tại sao tư duy lại được xếp vào mức độ nhận thức lý tính?	2	- Phân tích khái niệm, các đặc điểm của tư duy. - Liệt kê được các thao tác tư duy cơ bản và các giai đoạn của tư duy. - Trình bày được khái niệm trí tuệ và các phẩm chất cơ bản của trí tuệ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
Tuần 8	Tiếp chương 4 4.2.2. Tưởng tượng 4.2.2.1. Khái niệm về tưởng tượng 4.2.2.2. Các loại tưởng tượng 4.2.2.3. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng Thảo luận: Nêu những yêu cầu cơ bản trong dạy học và giáo dục nhằm phát triển trí tưởng tượng cho trẻ mẫu giáo.	2	- Phân tích được khái niệm tưởng tượng - Phân tích các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng - Liệt kê được các loại tưởng tượng và vận dụng trong giải quyết các tình huống.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt

					động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 9	Tiếp chương 4 4.2.3. Ngôn ngữ 4.2.3.1. Khái niệm về ngôn ngữ 4.2.3.2. Các chức năng cơ bản của ngôn ngữ 4.2.3.3. Các loại ngôn ngữ 4.2.3.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức Kiểm tra 1 tiết. (Bài kiểm tra số 1) - Hình thức tự luận - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1, 2, 3, 4.	2	- Trình bày được khái niệm, các chức năng của ngôn ngữ; liệt kê được các loại ngôn ngữ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Thực hiện bài kiểm tra số 1 theo quy định. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 10	Chương 5. Tình cảm và ý chí 5.1. Tình cảm 5.1.1. Định nghĩa tình cảm 5.1.2. Đặc điểm tình cảm 5.1.3. Các mức độ của đời sống tình cảm 5.1.4. Các qui luật của đời sống tình cảm Thảo luận: Tìm và phân tích các ví dụ trong đời sống và trong văn học để	2	- Phân tích được khái niệm tình cảm, xúc cảm; đặc điểm đặc trưng của tình cảm; các qui luật của đời sống tình cảm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều

	minh họa các quy luật của tình cảm.				khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 11	Tiếp chương 5 5.2. Ý chí 5.2.1. Khái niệm ý chí và các phẩm chất cơ bản của ý chí 5.2.2. Hành động ý chí và các giai đoạn của hành động ý chí 5.2.3. Hành động tự động hoá Thảo luận: Lấy ví dụ và phân tích để làm rõ các khâu của hành động ý chí.	2	- Trình bày được khái niệm ý chí; hành động ý chí. - So sánh kĩ xảo và thói quen, phân tích được qui luật hình thành kĩ xảo và liên hệ vận dụng trong thực tiễn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 12	Chương 6. Trí nhớ 6.1. Khái niệm về trí nhớ 6.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ 6.2.1. Quá trình ghi nhớ 6.2.2. Quá trình gìn giữ 6.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại 6.2.4. Sự quên 6.3. Các loại trí nhớ 6.4. Rèn luyện trí nhớ Thảo luận: Phân tích ý nghĩa của trí nhớ trong đời sống và trong dạy học.	2	- Phân tích được khái niệm và vai trò của trí nhớ; các quá trình cơ bản của trí nhớ và vận dụng trong thực tiễn. - Phân tích các phương pháp rèn luyện trí nhớ; liên hệ vận dụng trong	CLO2, CLO3, CLO4	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của

			thực tiễn.		sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 13	Chương 7. Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách 7.1. Khái niệm nhân cách 7.2. Các đặc điểm cơ bản của nhân cách 7.3. Cấu trúc tâm lí của nhân cách 7.4. Các thuộc tính cơ bản của nhân cách 7.4.1. Xu hướng 7.4.2. Tính cách 7.4.3. Năng lực 7.4.4. Khí chất Thảo luận: Phân tích mối quan hệ giữa năng lực với tư chất, năng lực với tri thức, kĩ năng, kĩ xảo.	2	- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của nhân cách	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 14	Tiếp chương 7 7.5. Sự hình thành và phát triển nhân cách 7.5.1. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách Thảo luận: Phân tích vai trò của các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.	2	- Đánh giá được vai trò của các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên;

					- Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 15	Tiếp chương 7 7.5.2. Sự hoàn thiện nhân cách Kiểm tra 1 tiết (Bài kiểm tra số 2) - Hình thức tự luận - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 5, 6, 7.	2	- Trình bày được khái niệm sự hoàn thiện nhân cách, đề xuất các biện pháp hoàn thiện nhân cách bản thân.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Thực hiện bài kiểm tra số 2 theo quy định. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Tổng kết nội dung, hướng dẫn ôn tập, đánh giá môn học. - Tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát		x	CLO 4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		biểu ý kiến				
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1, 2, 3, 4.	50%	x	CLO 1 CLO 2	Rubric đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.1)
		Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 5, 6, 7.	50%	x	CLO 2 CLO 3 CLO 4	Rubric đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.2)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ (theo ngân hàng đề thi)			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	SV thực hiện bài thi cuối kỳ theo quy định.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến

	80% số tiết trên lớp		70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Hình thức: Kiểm tra tự luận.
- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 - Bản chất hiện tượng tâm lý người; - Phân loại hiện tượng tâm lý; - Hoạt động, giao tiếp và tâm lí	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
	Câu 2 - Sự phát triển tâm lý về phương diện cá thể; - Chú ý- điều kiện của hoạt động có ý thức; - Khái niệm cảm giác, tri giác; - Các quy luật cơ bản của cảm giác; - Các thuộc tính cơ bản của tri giác; - Vai trò của nhận thức cảm tính. - Khái niệm, đặc điểm của tư duy; - Khái niệm về tưởng tượng; - Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Tổng điểm:		10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 - Định nghĩa tình cảm; - Các qui luật của đời sống tình cảm; - Khái niệm ý chí; Hành động ý chí và các giai đoạn của hành động ý chí; - Hành động tự động hoá; - Khái niệm về trí nhớ; - Các quá trình cơ bản của trí nhớ; - Rèn luyện trí nhớ.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
	Câu 2 - Khái niệm nhân cách; - Cấu trúc tâm lí của nhân cách; - Các thuộc tính cơ bản của nhân cách; - Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách; - Sự hoàn thiện nhân cách.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Tổng điểm:		10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: kiến thức, kĩ năng thuộc chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15.
- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi.

Bảng 7: Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (5 điểm) - Nội dung kiến thức, kĩ năng thuộc chương 1, 2, 3, 4. + Bản chất hiện tượng tâm lý người; + Hoạt động, giao tiếp và tâm lí + Các quy luật cơ bản của cảm giác; + Các thuộc tính cơ bản của tri giác; + Vai trò của nhận thức cảm tính. + Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng.	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	Câu 2 (5 điểm) - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 5, 6, 7. + Các qui luật của đời sống tình cảm; + Hành động tự động hoá; + Các quá trình cơ bản của trí nhớ; + Cấu trúc tâm lý của nhân cách; + Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách; + Sự hoàn thiện nhân cách.		
2	Tổng điểm:		10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Vũ Thanh Hòa

2.5.18. Giáo dục học đại cương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620002
1.2. Tên học phần:	Giáo dục học đại cương
1.3. Tên tiếng Anh:	General education
1.4. Số tín chỉ:	2 LT
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Nguyễn Thị Điệp
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Thị Thương Trần Thị Kim Loan Vũ Thanh Hòa Trần Thị Hòa
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Tâm lý học đại cương
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung:**

Người học có các kiến thức cơ bản về giáo dục học đại cương, trên cơ sở đó vận dụng kiến thức trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ Mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)ⁱⁱ**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức cơ bản về giáo dục học.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO2: Có khả năng giải thích các hiện tượng giáo dục.
- CO3: Có khả năng vận dụng kiến thức giải thích cơ sở khoa học sự phát triển giáo dục chung và phát triển giáo dục Mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có thái độ tích cực, độc lập, sáng tạo thực hiện các nhiệm vụ học tập; có tinh thần hợp tác trong học tập, nghiên cứu và vận dụng kiến thức vào cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phầnⁱⁱⁱ

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được các kiến thức cơ bản của giáo dục học.	CO1, CO4
CLO2	Vận dụng kiến thức nhận xét, đánh giá các hiện tượng giáo dục, các vấn đề giáo dục.	CO1, CO2, CO3, CO4.
CLO3	Lựa chọn các biện pháp tác động tích cực đến sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ Mầm non	CO1, CO2, CO3, CO4.
CLO4	Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng tri thức, kỹ năng đã học vào việc rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ.	CO1, CO2, CO3, CO4.

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	M	I	R	R	R			M	M
CLO 2	M	M	R	M	M	R			M	M
CLO 3	M	M	R	M	M	R		I	M	R
CLO4	M	M	R	R	M	R		I	M	M
Tổng hợp học phần	M	M	R	R	M	R		I	M	M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Phan Thanh Long (Chủ biên) (2011), *Những vấn đề chung của Giáo dục học*, NXB ĐH Sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phan Thị Hồng Vinh (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm.

[3] Phạm Viết Vượng (2012), *Giáo dục học*, NXB ĐH Sư phạm.

[4] Luật giáo dục 2019.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:

- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 02 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 01 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1	* Giới thiệu học phần Chương 1. Giáo dục học là một hiện tượng xã hội 1.1. Giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt 1.2. Tính chất của giáo dục 1.2.1. Tính phổ biến và vĩnh hằng của giáo dục 1.2.2. Tính quy định của xã hội đối với giáo dục 1.2.3. Tính lịch sử của giáo dục 1.2.4. Tính giai cấp của giáo dục 1.2.5. Tính nhân văn, đại chúng, quốc tế của giáo dục * Nhiệm vụ thảo luận - Chứng minh rằng giáo dục là một hiện tượng của đời sống xã hội. - Phân tích tính giai cấp của giáo dục thể hiện trong giai đoạn hiện nay? Các quan điểm thể hiện tính chất này?	2LT	- Giải thích được giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt; - Phân tích được tính chất của giáo dục.	CLO1, CLO2, CLO4.	- GV giới thiệu học phần - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học - SV: Thực hiện các nhiệm vụ học tập
Tuần 2	Chương 1 (tiếp theo) 1.3. Chức năng của giáo	2LT	- Phân tích được chức	CLO1, CLO2,	SV: - Báo cáo kết quả

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	dục 1.3.1. Chức năng kinh tế – sản xuất 1.3.2. Chức năng chính trị - xã hội 1.3.3. Chức năng văn hóa – tư tưởng * Nhiệm vụ thảo luận - Tìm hiểu chức năng giáo dục trong giáo dục mầm non hiện nay.		năng của giáo dục. - Phân tích được chức năng giáo dục trong thực tế giáo dục mầm non.	CLO4.	nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên
Tuần 3	Chương 1 (tiếp theo) 1.4. Xu thế phát triển giáo dục trên thế giới 1.5. Đổi mới giáo dục ở Việt Nam * Nhiệm vụ thảo luận - Tìm hiểu nội dung trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay.	2LT	- Phân tích được xu thế phát triển giáo dục trên thế giới - Đánh giá được những tác động của điều kiện kinh tế, xã hội tới giáo dục và định hướng phát triển giáo dục Việt Nam hiện nay	CLO1, CLO2, CLO4.	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.
Tuần 4	Chương 2. Giáo dục học là một khoa học 2.1. Đối tượng và nhiệm vụ của giáo dục học 2.1.1. Đối tượng 2.1.2. Nhiệm vụ 2.2. Hệ thống các khoa học giáo dục và một số khái niệm cơ bản của	2LT	- Phân tích được đối tượng và nhiệm vụ của giáo dục học - Xác định được vị trí, ý nghĩa của giáo dục mầm non	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	giáo dục học 2.2.1. Hệ thống các khoa học giáo dục * Nhiệm vụ thảo luận: Tìm hiểu vị trí, mối quan hệ của giáo dục học mầm non trong hệ thống các khoa học giáo dục.		trong hệ thống các khoa học giáo dục		- Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 5	Chương 2 (tiếp theo) 2.2.2. Các khái niệm cơ bản của giáo dục học - Giáo dục (nghĩa rộng) - Dạy học - Giáo dục (nghĩa hẹp) - Mục đích, mục tiêu giáo dục - Nội dung giáo dục - Phương pháp giáo dục - Nhà giáo và người học * Nhiệm vụ thảo luận: Phân tích mối quan hệ giữa dạy học và giáo dục?	2LT	- Giải thích được mối liên hệ giữa các khái niệm cơ bản của giáo dục học. - Phân tích được mối quan hệ giữa dạy học và giáo dục?	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.
Tuần 6	Chương 2 (tiếp theo) 2.3. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học 2.3.1. Phương pháp luận nghiên cứu giáo dục 2.3.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể * Nhiệm vụ thảo luận: Thiết kế phiếu quan sát trẻ mầm non trong hoạt động giáo dục cụ thể.	2LT	- Phân tích và khái quát hóa được hệ thống các phương pháp nghiên cứu trong giáo dục học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 7	Chương 3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách (6 tiết) 3.1. Khái niệm con người, nhân cách và sự phát triển nhân cách. 3.1.1. Con người 3.1.2. Nhân cách 3.1.3. Sự phát triển nhân cách 3.2. Nhân cách con người Việt Nam truyền thống và hiện đại. * Nhiệm vụ thảo luận: So sánh các đặc điểm nhân cách con người Việt Nam truyền thống và hiện đại.	2LT	- Phân tích khái niệm con người, sự phát triển người; nhân cách, sự phát triển nhân cách.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.
Tuần 8	Chương 3. (tiếp theo) 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách 3.3.1. Vai trò của di truyền đối với sự phát triển nhân cách 3.3.2. Vai trò của môi trường đối với sự phát triển nhân cách * Nhiệm vụ thảo luận: Tìm hiểu ảnh hưởng của gia đình đối với sự hình thành nhân cách của trẻ Mầm non.	2LT	- Giải thích được sự tác động của các yếu tố đến sự phát triển nhân cách. - Xây dựng được các giải pháp phát huy vai trò của các yếu tố đến sự phát triển nhân cách người học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 9	Chương 3. (tiếp theo) 3.3.3. Vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách 3.3.4. Vai trò quyết định của tính tích cực cá nhân trong hoạt động và giao tiếp đối với sự phát triển nhân cách. * Nhiệm vụ thảo luận - Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành và phát triển nhân cách qua các câu chuyện sưu tầm. * Kiểm tra 1 tiết bài số 1 - Nội dung kiểm tra thuộc chương 1, 2 và 3. - Hình thức: Tự luận	1LT 1KT	- Giải thích được sự tác động của các yếu tố đến sự phát triển nhân cách. - Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành và phát triển nhân cách qua các câu chuyện sưu tầm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học và bài kiểm tra 1 tiết SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học, thực hiện bài kiểm tra 1 tiết
Tuần 10	Chương 4. Mục đích, tính chất và nguyên lý giáo dục (6 tiết) 4.1. Mục đích, mục tiêu giáo dục 4.1.1 Mục đích giáo dục 4.1.2 Mục tiêu giáo dục 4.1.3 Mục đích giáo dục nước ta trong giai đoạn hiện nay 4.1.4 Những nhiệm vụ giáo dục nhằm thực hiện mục đích, mục tiêu giáo dục	2LT	- Phân tích được mục đích, mục tiêu giáo dục và những nhiệm vụ giáo dục nhằm thực hiện mục đích, mục tiêu giáo dục hiện nay - Khái quát được mục đích giáo dục của Việt Nam qua các thời kỳ lịch	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	* Nhiệm vụ thảo luận: Tìm hiểu mục đích giáo dục của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.		sử.		động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 11	Chương 4. (tiếp theo) 4.2. Tính chất của nền giáo dục Việt Nam 4.3. Nguyên lí giáo dục 4.3.1 Khái niệm nguyên lí giáo dục * Nhiệm vụ thảo luận: Tìm hiểu tính chất nền giáo dục nước ta qua các thời kỳ lịch sử.	2LT	- Phân tích được tính chất nền giáo dục Việt Nam và khái niệm nguyên tắc giáo dục - Tóm tắt được tính chất nền giáo dục nước ta qua các thời kỳ lịch sử.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.
Tuần 12	Chương 4. (tiếp theo) 4.3.2. Nội dung nguyên lí giáo dục 4.3.3. Nội dung phương hướng thực hiện nguyên lí giáo dục * Nhiệm vụ thảo luận: Phân tích nội dung nguyên lí giáo dục. Liên hệ thực tiễn giáo dục mầm non.	2LT	- Phân tích được nội dung và phương hướng thực hiện nguyên lí giáo dục - Liên hệ được việc thực hiện nguyên lí giáo dục trong thực tiễn giáo dục mầm non.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	- Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 13	Chương 5. Hệ thống giáo dục quốc dân 5.1. Khái niệm, nguyên tắc xây dựng và các	2LT	- Phân tích được khái niệm, nguyên tắc và các yếu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	- Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống giáo dục quốc dân 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Nguyên tắc xây dựng 5.1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống giáo dục quốc dân		tổ ảnh hưởng đến hệ thống giáo dục quốc dân.		- Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.
Tuần 14	Chương 5. (tiếp theo) 5.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam qua các thời kỳ 5.3. Giáo dục Mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân. * Nhiệm vụ thảo luận: Sơ đồ hóa hệ thống giáo dục Việt Nam qua các thời kỳ.	2LT	- Phân tích được hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. - Xác định vị trí của giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân. - Sơ đồ hóa được hệ thống giáo dục Việt Nam qua các thời kỳ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên
Tuần 15	Chương 5. (tiếp theo) 5.4. Định hướng và các giải pháp đổi mới, hoàn thiện hệ thống giáo dục nước ta. 5.4.1. Định hướng đổi mới, hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân. 5.4.2. Các giải pháp đổi mới, hoàn thiện hệ thống giáo dục nước ta. Kiểm tra 1 tiết bài số 2	1LT 1KT	- Phân tích được các định hướng và các giải pháp đổi mới, hoàn thiện hệ thống giáo dục Việt Nam	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Hướng dẫn ôn tập và bài kiểm tra 1 tiết SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Nội dung kiểm tra thuộc chương 4 và 5. - Hình thức: Tự luận				nhiệm vụ ôn tập, thực hiện bài kiểm tra 1 tiết

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO 4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Nội dung kiểm tra từ chương 1 đến chương 4	50%	x	CLO 1 CLO2 CLO3	Rubic đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.1)
		Nội dung kiểm tra từ chương 1 đến chương 4	50%	x	CLO 1 CLO 2 CLO3	Rubic đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.2)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ (theo ngân hàng đề thi)		R1	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	SV thực hiện bài thi cuối kỳ theo quy định

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100%	Tích cực học tập, trao	Thực hiện 100% các

	số tiết trên lớp	đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: khối lượng kiến thức, kỹ năng thuộc nội dung chương trình đã nghiên cứu.
- Hình thức: Tự luận
- Thời điểm thực hiện: tuần thứ 6 và tuần thứ 15
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Kiến thức thuộc chương 1,2 - Chứng minh giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt - Tính chất của giáo dục - Chức năng của giáo dục - Các khái niệm cơ bản của giáo dục.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Kiến thức thuộc chương 3 - Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Kiến thức thuộc chương 4 - Mục đích, mục tiêu giáo dục - Nguyên lí giáo dục	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Kiến thức thuộc chương 5 - Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức trong chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi

Bảng 7: Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Câu 1 (5 điểm) - Kiến thức chương 1, 2, 3 + Giáo dục là một hiện tượng xã hội + Giáo dục học là một khoa học + Giáo dục và sự phát triển nhân cách	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
	- Câu 2 (5 điểm) - Kiến thức chương 4, 5 + Mục đích, tính chất và nguyên lí giáo dục Việt Nam + Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam		
2	Tổng điểm		10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thị Diệp

2.5.19. NCKH trong GDMN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620003
1.2. Tên học phần:	Nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Scientific research in early childhood education
1.4. Số tín chỉ:	02 (1LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Nguyễn Thị Điệp
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Thị Thương Trần Thị Kim Loan Vũ Thanh Hòa Trần Thị Hòa
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Người học có các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản và thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục Mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức nền tảng về hoạt động nghiên cứu khoa học: biết sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học; biết xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học; biết cách thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học theo quy định;
- CO2: Có kiến thức về một số hình thức tổ chức nghiên cứu khoa học;

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học;
- CO4: Có khả năng tham gia hội đồng thẩm định, đánh giá, nghiệm thu đề cương, sản phẩm nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có năng lực tự chủ trong hoạt động học tập, nghiên cứu; có khả năng hợp tác với các thành viên trong nhóm học tập, nghiên cứu; chịu trách nhiệm về sản phẩm học tập, nghiên cứu; tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của bản thân và người khác.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu trong hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và học tập.	CO1, CO2, CO4, CO5
CLO2	Phân tích được logic tiến trình thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục	CO1, CO2, CO3
CLO3	Xây dựng được thuyết minh đề cương nghiên cứu khoa học giáo dục	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
CLO4	Viết được báo cáo tổng hợp cho một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
CLO5	Đánh giá được sản phẩm nghiên cứu khoa học giáo dục	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5.
CLO6	Viết được sáng kiến kinh nghiệm trong Giáo dục mầm non	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5.

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		M			R	I	I	R	M	A
CLO2	I	M			R	I	I	R	M	A
CLO3	I	M			R	I	I	R	M	A

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO4	I	M			R	I	I	M	M	A
CLO5	I	M			R	I	I	M	M	A
CLO6	I	M			R	I	I	M	M	A
Tổng hợp học phần	I	M			R	I	I	R	M	A

5. Học liệu

5.1. Giáo trình chính thức

[1] Nguyễn Ánh Tuyết – Đinh Văn Vang – Lê Kim Anh (2021), *Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục Mầm non*, NXB Đại học Sư phạm.

[2] Phạm Viết Vượng (2001), *Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Vũ Cao Đàm (2015), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và Kỹ thuật

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần;

- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: Sinh viên được chọn 1 trong các hình thức sau: Viết bài tiểu luận thay thế bài thi; viết 01 (một) bài báo khoa học được đăng trên trang web của trường Đại học Hạ Long hoặc trên các tạp chí chuyên ngành; thi kết thúc học phần với hình thức tự luận

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1. Khoa học và nghiên cứu khoa học 1.1. Khoa học 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.3. Một số hình thức tổ chức NCKH 1.4. Chức năng của	2LT 1TH	Trình bày được 1 số khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, các hình	CLO1	GV: - GV giới thiệu học phần - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	nghiên cứu khoa học * Nhiệm vụ thực hành - Sưu tầm các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục mầm non.		thức nghiên cứu khoa học.		học tập của người học. - Giao nhiệm vụ tự học Người học: Thực hiện các nhiệm vụ học tập
2	Chương 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non 2.1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2.1.1. Khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học 2.1.2. Đặc điểm phương pháp nghiên cứu khoa học 2.1.3. Phân loại phương pháp nghiên cứu khoa học 2.2. Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học 2.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết 2.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn 2.2.3. Nhóm phương pháp toán học. * Nhiệm vụ thực hành - Phân tích và nhận xét về phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non đã sưu tầm	2LT 1TH	- Phân tích được khái niệm, đặc điểm, quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu khoa học - Phân tích và vận dụng được các phương pháp nghiên cứu trong hoạt động nghiên cứu khoa học	CLO1 CLO4	Người học: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết trình; - Tổ chức cho người học. làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà.
3	Chương 2. (tiếp theo) 2.3. Các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non. 2.3.1. Quan sát sư phạm	1LT 2TH	- Thiết kế và đánh giá được phiếu quan sát, phiếu	CLO1 CLO4	Người học: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.3.2. Phương pháp trò chuyện 2.3.3. Phương pháp trắc nghiệm 2.3.4. Nghiên cứu tiểu sử trẻ em 2.3.5. Điều tra giáo dục * Nhiệm vụ thực hành - Xây dựng phiếu quan sát, phiếu phỏng vấn, phiếu điều tra cho đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non cụ thể. - Suu tầm và sử dụng các trắc nghiệm tâm lý cho trẻ mầm non - Tổ chức nghiên cứu tiểu sử của trẻ mầm non		phỏng vấn, phiếu điều tra. - Suu tầm và sử dụng được các trắc nghiệm tâm lý cho trẻ mầm non -Thực hiện và đánh giá được quy trình nghiên cứu tiểu sử trẻ mầm non		GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học. - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học.
4	Chương 2. (tiếp theo) 2.3.6. Phân tích và tổng kết kinh nghiệm giáo dục 2.3.7. Thực nghiệm sư phạm 2.3.8. Lấy ý kiến chuyên gia giáo dục 2.3.9. Phân tích và nghiên cứu sản phẩm hoạt động * Nhiệm vụ thực hành - Thiết kế thực nghiệm cho một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non cụ thể. - Thiết kế phiếu lấy ý kiến chuyên gia cho một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non cụ thể. - Phân tích và đánh giá	1LT 2TH	-Thực hiện và đánh giá được quy trình phân tích, tổng kết kinh nghiệm giáo dục trong nghiên cứu khoa học - Vận dụng và đánh giá được phương pháp thực nghiệm, lấy ý kiến chuyên gia	CLO1 CLO4	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học. - Giao nhiệm vụ tự học. NH: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	một số sản phẩm hoạt động của trẻ mầm non. - Từ một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể xác định các phương pháp nghiên cứu, mục đích sử dụng, nội dung, công cụ và cách thức thực hiện phương pháp nghiên cứu cho đề tài đó.		và nghiên cứu sản phẩm hoạt động trong nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non		
5	Chương 2. (tiếp theo) 2.4. Lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non. Bài kiểm tra 1 tiết số 1 - Nội dung kiểm tra thuộc kiến thức chương 1, 2.	2TH 1KT	-Lựa chọn, xây dựng và đánh giá được công cụ nghiên cứu cho đề tài tự chọn.	CLO1 CLO4	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học. - Giao nhiệm vụ tự học và bài kiểm tra 1 tiết NH: - Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học. - Thực hiện bài kiểm tra 1 tiết
6	Chương 3. Logic tiến trình một công trình nghiên cứu khoa học. 3.1. Giai đoạn chuẩn bị 3.1.1. Xác định vấn đề nghiên cứu 3.1.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu 3.1.2.1. Lí do chọn đề tài * Nhiệm vụ thực hành - Xác định một vấn đề	1LT 2TH	- Xác định và đánh giá được vấn đề nghiên cứu. - Xác định và đánh giá được lý do chọn đề tài, mục tiêu, khách	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	NH: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học - Tổ chức cho người học. làm bài tập trên lớp;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	nghiên cứu. Từ đó xác định tên đề tài nghiên cứu hoàn chỉnh phù hợp với chuyên ngành đào tạo. - Viết lí do chọn đề tài cho đề tài đã chọn		thể và đối tượng nghiên cứu		- Giao bài tập về nhà.
7	Chương 3. (tiếp theo) 3.1.2.2. Mục tiêu nghiên cứu 3.1.2.3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu 3.1.2.4. Giả thuyết khoa học 3.1.2.5. Nhiệm vụ nghiên cứu * Nhiệm vụ thực hành - Xác định mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và khách thể nghiên cứu, giả thuyết khoa học và nhiệm vụ nghiên cứu cho đề tài đã chọn.	1LT 2TH	- Xác định và đánh giá được mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và khách thể nghiên cứu, giả thuyết khoa học và nhiệm vụ nghiên cứu cho đề tài tự chọn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học. - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học. - Giao nhiệm vụ tự học.
8	Chương 3. (tiếp theo) 3.1.2.6. Phạm vi nghiên cứu. 3.1.2.7. Phương pháp nghiên cứu. 3.1.2.8. Đóng góp của đề tài. * Nhiệm vụ thực hành - Xác định phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, đóng góp và kết cấu nội dung của đề tài tự chọn	1LT 2TH	- Xác định và đánh giá được phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, đóng góp và của đề tài.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học. - Giao nhiệm vụ tự học. NH: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
9	Chương 3. (tiếp theo) 3.1.2.9. Cấu trúc nội dung của đề tài. 3.1.2.10. Kế hoạch và tiến độ nghiên cứu 3.1.2.11. Lập kế hoạch cá nhân 3.2. Giai đoạn thực hiện 3.2.1. Thu thập thông tin 3.2.2. Xử lý thông tin 3.2.3. Phân tích thông tin * Nhiệm vụ thực hành - Xác định kết cấu nội dung của đề tài - Lập kế hoạch nghiên cứu cho đề tài tự chọn - Thu thập, xử lý, phân tích thông tin cho đề tài nghiên cứu	1LT 2TH	- Xác định và đánh giá được cấu trúc cho đề tài tự chọn - Phân tích và lập được kế hoạch nghiên cứu - Trình bày được giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu khoa học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	NH: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà.
10	Chương 3. (tiếp theo) 3.2.4. Tổ chức thực nghiệm khoa học 3.3. Giai đoạn viết công trình công bố và trình bày kết quả nghiên cứu 3.3.1 Viết công trình 3.3.2 Trình bày kết quả nghiên cứu * Nhiệm vụ thực hành - Trình bày khâu tổ chức thực nghiệm khoa học cho đề tài tự chọn. - Trình bày các chương, mục của báo cáo khoa học; các trích dẫn; các sơ đồ, biểu đồ - Trình bày danh mục tài	1LT 2TH	- Phân tích được quy trình tổ chức thực nghiệm khoa học cho đề tài tự chọn - Trình bày và đánh giá được cách trình bày các chương, mục của báo cáo khoa học; các trích	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học. - Giao nhiệm vụ tự học. NH: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	liệu tham khảo		dẫn; các sơ đồ, biểu đồ; danh mục tài liệu tham khảo		
11	Chương 3. (tiếp theo) 3.4. Giai đoạn bảo vệ, nghiệm thu công trình. * Nhiệm vụ thực hành - Trình bày đề tài nghiên cứu khoa học tự chọn - Bảo vệ đề tài nghiên cứu khoa học tự chọn.	1LT 2TH	- Phân tích được giai đoạn bảo vệ và nghiệm thu công trình - Trình bày và bảo vệ được đề tài nghiên cứu khoa học tự chọn.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học. - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học. - Giao nhiệm vụ tự học.
12	Chương 4. Đánh giá công trình nghiên cứu khoa học 4.1. Các tiêu chí đánh giá công trình nghiên cứu khoa học. 4.2. Phương pháp đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học * Nhiệm vụ thực hành Đánh giá một sản phẩm nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non cụ thể.	1 LT 1TH 1 KT	- Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành đào tạo	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học. - Giao nhiệm vụ tự học và bài kiểm tra 1 tiết NH: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học, thực hiện bài

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Bài kiểm tra 1 tiết số 2 - Nội dung kiểm tra thuộc kiến thức chương 3,4.				kiểm tra 1 tiết
13	Chương 5. Sáng kiến kinh nghiệm trong Giáo dục mầm non 5.1. Sáng kiến kinh nghiệm và các loại hình sáng kiến, kinh nghiệm trong giáo dục mầm non 5.1.1. Khái niệm sáng kiến kinh nghiệm 5.1.2. Phân loại sáng kiến kinh nghiệm thường gặp trong lĩnh vực giáo dục mầm non. 5.1.3. Vai trò của sáng kiến kinh nghiệm trong giáo dục mầm non. 5.2. Những yêu cầu đối với sáng kiến kinh nghiệm trong GDMN 5.2.1. Những yêu cầu cơ bản của một sáng kiến kinh nghiệm giáo dục mầm non. 5.2.2. Yêu cầu về nội dung 5.2.3. Yêu cầu về sản phẩm và giá trị thực tiễn 5.2.4. Yêu cầu về hình thức thể hiện	3LT	- Phân tích được kiến thức cơ bản về sáng kiến kinh nghiệm trong Giáo dục mầm non. - Phân tích và đánh giá được khả năng đáp ứng các yêu cầu của các sáng kiến kinh nghiệm trong Giáo dục mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	NH: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà.
14	Chương 5. (tiếp theo) 5.3. Kỹ năng viết sáng kiến kinh nghiệm 5.3.1. Kỹ năng viết phần mở đầu	1LT 2TH	- Phân tích được kỹ năng viết sáng kiến kinh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	5.3.2.Kĩ năng viết phần nội dung 5.3.3.Kĩ năng viết phần kết luận và kiến nghị 5.3.4. Kĩ năng lập danh mục tài liệu tham khảo 5.3.5. Kĩ thuật trình bày bìa và nội dung của bản sáng kiến kinh nghiệm * Nhiệm vụ thực hành - Lựa chọn sáng kiến kinh nghiệm - Viết sáng kiến kinh nghiệm.		nghiệm - Viết và đánh giá được sáng kiến kinh nghiệm trong Giáo dục mầm non.	CLO6	GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học. - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học. - Giao nhiệm vụ tự học.
15	Chương 5. (tiếp theo) 5.4. Thực hành kĩ năng viết sáng kiến kinh nghiệm trong GDMN * Hướng dẫn ôn tập	3TH	- Tổ chức thực hiện và đánh giá được đề tài sáng kiến kinh nghiệm trong Giáo dục mầm non	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học. - Hướng dẫn ôn tập HV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ ôn tập.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia các hoạt động học tập đầy đủ, hoàn thành đúng		x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		hạn các nhiệm vụ tự học, tích cực phát biểu ý kiến			CLO5	
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Xác định vấn đề nghiên cứu, đề xuất các phương pháp nghiên cứu phù hợp với và phân tích lý do lựa chọn các phương pháp nghiên cứu đã đề xuất. (Thực hiện vào tuần 7)	50%	x	CLO 1	Rubric đánh giá bài kiểm tra số 1 (bảng 6.1)
		Xây dựng được thuyết minh đề cương nghiên cứu khoa học cho một đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành đào tạo (thực hiện vào tuần 14)	50%	x	CLO 1 CLO 2 CLO 4	Rubric đánh giá bài kiểm tra số 2 (bảng 6.2)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: SV được chọn 1 trong các hình thức sau: 1. Viết được tiểu luận là 1 báo cáo tổng hợp cho một đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành đào tạo (theo quy định số 205/QĐ – ĐHHL ban hành ngày 7/4/2017)		x	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	- Rubric đánh giá bài tiểu luận thay thế cho bài thi cuối kì. (bảng 7.1) - Theo quy định về chất lượng của tạp chí hoặc của phòng quản lý

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		2. Viết được 01 bài báo khoa học và được đăng trên trang tạp chí khoa học của trường Đại học Hạ Long hoặc các tạp chí quốc gia có chỉ số ISSN 3. Thi cuối kỳ: Hình thức tự luận				khoa học và hợp tác quốc tế - Rubric đánh giá bài thi cuối kì hình thức tự luận (bảng 7.2)

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số	Thái độ học tập không	Thực hiện ít hơn 50%

tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	tích cực	các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Trong bảng 4
- Hình thức: Kiểm tra tự luận
- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm cho bài kiểm tra số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Xác định vấn đề nghiên cứu	Vấn đề nghiên cứu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn.	1,0
2	Đề xuất được các phương pháp nghiên cứu	-Sinh viên cụ thể được từng phương pháp trong từng nhóm phương pháp nghiên cứu cùng với mục đích sử dụng phương pháp đó. -Các phương pháp nghiên cứu + Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết . Phương pháp A -> Mục đích sử dụng . Phương pháp B -> Mục đích sử dụng +Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn . Phương pháp A -> Mục đích sử dụng . Phương pháp B -> Mục đích sử dụng +Các phương pháp toán học . Phương pháp A -> Mục đích sử dụng . Phương pháp B -> Mục đích sử dụng -Các phương pháp lựa chọn phải phù hợp với vấn đề nghiên cứu, mục đích sử dụng phải mang tính thuyết phục. -Nếu sinh viên có sử dụng phương pháp điều tra, cần minh họa mẫu phiếu điều tra sẽ sử dụng.	3,0 3,0 1,0 2,0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm cho bài kiểm tra số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Tên đề tài	- Là một vấn đề có thật, đảm bảo tính lý luận, tính thực tiễn, tính đơn trị. - Xác định rõ ràng, chính xác, thể hiện thuật ngữ	1,0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		khoa học	
2	Thời gian thực hiện	- Xác định rõ mốc thời gian thực hiện từ ngày bắt đầu cho đến ngày kết thúc	0,25
3	Chủ nhiệm đề tài và thành viên tham gia	Viết rõ họ và tên của sinh viên	0,25
4	Đơn vị chủ trì	Viết tên khoa đào tạo hoặc trường Đại học Hạ Long	0,25
5	Cấp quản lý đề tài	Đơn vị cấp quản lý cao hơn đơn vị chủ trì	0,25
6	Mục tiêu của đề tài	Xác định chính xác, rõ ràng, khoa học	0,5
7	Tình trạng nghiên cứu	Xác định là đề tài mới hay kế thừa nghiên cứu của người khác	0,25
8	Tổng quan tình hình nghiên cứu	8.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu. vấn đề này đã được tác giả nào NC, mức độ thành công của các công trình NC trước đó. Tác giả sẽ tiếp thu, kế thừa gì? Tác giả phát hiện NC vấn đề gì mới 8.2. Luận giải về sự cần thiết tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài Luận giải được tính cấp thiết về mặt lý luận và thực tiễn phù hợp với nhiệm vụ nghiên cứu	1,0
9	Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài	- Tác giả là người nước ngoài: Xếp thứ tự ABC theo họ. - Tác giả là người Việt Nam: Xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ. - Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào văn T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào văn B, v.v...	1,0
10	Nội dung nghiên cứu của đề tài	Xác định rõ nội dung nghiên cứu chính của đề tài -Nghiên cứu lý luận -Nghiên cứu thực tiễn (thực trạng) - Đề xuất biện pháp/ thực nghiệm (nếu có) hoặc kết luận/ khuyến nghị	1,0
11	Các hoạt động	Chỉ ra được các hoạt động cụ thể sẽ cần phải làm để thực hiện được những nội dung nghiên cứu	1,0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	vụ nghiên cứu		
12	Cách tiếp cận vấn đề về phương pháp nghiên cứu, kĩ thuật sử dụng	Xây dựng rõ các nhóm phương pháp sẽ sử dụng và mục đích sử dụng các phương pháp cụ thể trong mỗi nhóm -Nhóm phương pháp nghiên cứu lí thuyết - Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn: quan sát, điều tra, thực nghiệm... (Nếu đề tài có sử dụng phương pháp điều tra, nội dung phiếu điều tra phải có ở phần phụ lục) - Phương pháp toán học	1,5
13	Kế hoạch thực hiện	-Theo mẫu	1,0
14	Sản phẩm chính của đề tài	Viết rõ là báo cáo tổng hợp	0,25
15	Hiệu quả của đề tài	Đề tài khi thành công sẽ được ứng dụng vào đâu, có tác dụng gì?	0,25
16	Nhu cầu kinh phí của đề tài.	Trình bày khái quát và ngắn gọn	0,25
Tổng cộng			10

8.2.3. *Thi kết thúc học phần*: SV thực hiện 1 trong các hình thức sau

- Bài tiểu luận

- Đăng ký viết 01 bài báo khoa học và được đăng trên trang web của trường Đại học Hạ Long hoặc các tạp chí quốc gia có chỉ số ISSN (sản phẩm là 1 bài báo khoa học đã được đăng theo yêu cầu của phòng quản lý khoa học và hợp tác quốc tế hoặc tòa soạn của tạp chí). Thời gian được tính bài báo thay thế: nộp sản phẩm về phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng sau 1 tuần khi kết thúc chương trình học.

- Thi cuối kỳ: Hình thức tự luận

**Bảng 7.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần
(Bài tập lớn)**

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Tên đề tài:	Tên đề tài rõ ràng, cụ thể, thể hiện được tính cấp thiết, tính thực tiễn, tính đơn trị	0,5
2	Mục lục, danh mục những chữ viết tắt	Trình bày đầy đủ, đúng quy định	0,5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	và danh mục bảng biểu		
3	Lí do chọn đề tài	Trình bày rõ lý do chọn đề tài trên cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu	1,0
4	Mục tiêu nghiên cứu	Xác định rõ ràng, khoa học, phù hợp với vấn đề nghiên cứu	0,5
5	Đối tượng và khách thể nghiên cứu	Xác định rõ ràng, chính xác, phù hợp với vấn đề nghiên cứu	0,5
6	Nhiệm vụ nghiên cứu	Các nhiệm vụ xác định phù hợp với vấn đề nghiên cứu	1,0
7	Phương pháp nghiên cứu:	Xác định được các PPNC theo từng nhóm, nêu được mục đích, lý do sử dụng từng phương pháp cụ thể. Nếu có sử dụng PP điều tra, phải có mẫu phiếu điều tra trong phụ lục	1,5
8	Bố cục của đề tài và cách trình bày	Trình bày đầy đủ, rõ ràng theo quy định	0,5
9	Xây dựng cơ sở lý luận của đề tài	Đề tài đã xây dựng được cơ sở lý luận phù hợp với vấn đề nghiên cứu. Nội dung cơ sở lý luận logic và khai thác được thông tin từ nguồn tài liệu tham khảo. Có phần tiểu kết.	1,5
10	Luận cứ thực tiễn và thực nghiệm (nếu có)	Đề tài đã xử lý được thông tin dựa trên các phương pháp nghiên cứu thực tiễn. Trình bày logic, chặt chẽ, có lý giải được ý nghĩa của các số liệu đã thu thập được. Có phần tiểu kết.	1,5
11	Kết luận và khuyến nghị	Rõ ràng, cụ thể, phù hợp với nội dung nghiên cứu	0,5
12	Tài liệu tham khảo và phụ lục	Tài liệu tham khảo lựa chọn phù hợp với vấn đề nghiên cứu. Trình bày theo đúng quy định.	0,5
Tổng cộng			10

**Bảng 7.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần
(Bài thi tự luận)**

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Câu 1. (2 điểm) - Kiến thức chương 1. + Khoa học và nghiên cứu khoa học + Chức năng của nghiên cứu khoa học	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
	- Câu 2. (4 điểm) - Kiến thức chương 2, 3,4 + Phương pháp nghiên cứu khoa học + Logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học + Đánh giá công trình nghiên cứu khoa học		
	Câu 3. (4 điểm) - Kiến thức chương 5: Sáng kiến kinh nghiệm trong Giáo dục mầm non - Kỹ năng nghiên cứu khoa học: Từ vấn đề thực tế cho trước, xác định đề tài nghiên cứu và các nội dung cụ thể của đề cương nghiên cứu.		
2	Tổng điểm		10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thị Diệp

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620004
1.2. Tên học phần:	Mĩ thuật cơ bản
1.3. Tên tiếng Anh:	General Art
1.4. Số tín chỉ:	2 (0 lí thuyết + 2 thực hành)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	14 tiết
- Thực hành:	46 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Hải Thanh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Thiên ThS. Lê Minh Đức
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung (CO)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về mỹ thuật, nghệ thuật tạo hình; nội dung, phương pháp thực hành các thể loại tạo hình theo mẫu, trang trí, theo đề tài, tập nặn và tạo dáng bằng các chất liệu khác nhau. Vận dụng vào các bài tập thực hành các thể loại tạo hình, từ đó hình thành kỹ năng tạo hình ban đầu. Tạo cơ sở để hình thành và phát triển cho sinh viên nhận thức thẩm mỹ, khả năng cảm nhận, đánh giá sản phẩm tạo hình, phát huy sự sáng tạo; giúp sinh viên có những định hướng thẩm mỹ đúng đắn trong việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non. Có khả năng tự học để đáp ứng nhu cầu thực tế công tác sau này.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO 1: Có hiểu biết cơ bản về mỹ thuật, nghệ thuật tạo hình;
- CO 2: Có hiểu biết về đặc điểm, nội dung, phương pháp: Vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn tạo dáng và cắt xé dán giấy màu.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO 3: Có khả năng thực hành các dạng tạo hình ở mức đơn giản: Vẽ, nặn, cắt xé dán giấy màu;
- CO 4: Có năng lực cảm thụ nghệ thuật tạo hình với các dạng hoạt động tạo hình trong giáo dục mầm non; có sáng tạo ở mức đơn giản.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 5: Có ý thức tự tìm hiểu, thực hành mỹ thuật và chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Nhận diện được ngôn ngữ và đặc điểm cơ bản các thể loại chính của vẽ mỹ thuật, nghệ thuật tạo hình; ở mức độ ban đầu.	CO 1; CO 2
CLO2	Phân tích được đặc điểm, nội dung, phương pháp tạo hình cơ bản của: Vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn tạo dáng, cắt xé dán giấy màu.	CO 2; CO 1 CO 3
CLO3	Vận dụng thực hành được các dạng bài tập tạo hình cơ bản: Vẽ, nặn, cắt xé dán giấy màu.	CO 3; CO2
CLO4	Sáng tạo, cảm thụ, đánh giá được bài tập trong học phần.	CO 3; CO 4
CLO5	Tự nghiên cứu, tìm hiểu, học tập về mỹ thuật; trung thực và trách nhiệm với nghề nghiệp.	CO 3; CO 5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I							
CLO 2		I	I							
CLO 3		R	I		I					I

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 4		I	I							
CLO5					I					R
Tổng hợp học phần		R	I		I					R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Ngô Bá Công (2018), *Giáo trình Mỹ thuật cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Đàm Luyện, 2007, *Bổ cục tập 1*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Tạ Phương Thảo, 2010, *Giáo trình trang trí*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[4]. Triệu Khắc Lễ (chủ biên), 2004 *Hình hoạ 1*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Triệu Khắc Lễ (chủ biên), 2005 *Hình hoạ 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết.
- Tổng số tuần học: 15 tuần.
- Phân bố: 4 tiết/ buổi .
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 4 bài thực hành;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài thực hành

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	(*) Giới thiệu học phần -Vị trí, vai trò ọc phần -Nội dung, hình thức, phương pháp học tập, kiểm tra	4 LT	- Mô tả được vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT. - Nhận diện được khái quát nội dung học phần, các hình thức, trọng số, biểu	CLO1, CLO2,	-GV: Giới thiệu, mô tả, phân tích.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.3.1. Bố cục 2.3.3. Vẽ hình 2.3.3. Vẽ đậm nhạt 2.4. Bài tập thực hành Bài tập 1: Vẽ đồ vật - Bố cục: Sắp xếp cân đối trong tờ giấy -Vẽ khung hình chung, riêng		pháp vẽ hình họa - Nhận xét được hình khối trong tự nhiên - Nhận xét được đặc điểm khối. - Xác định được bố cục và khung hình các khối, vẽ phác hình.		thực hành -GV: theo dõi, giúp đỡ SV
3	Bài tập 1: Vẽ đồ vật (tiếp) -Chỉnh sửa hình - Vẽ đậm nhạt - Diễn tả không gian -Củng cố Bài tập 2: Vẽ đồ vật, quả - Bố cục: Sắp xếp cân đối trong tờ giấy - Vẽ khung hình chung, riêng	2 TH 2 TH	- Hoàn thiện hình - Xác định được đậm nhạt trên vật mẫu, diễn tả đậm nhạt đen trắng -Hoàn thành bài vẽ - Nhận xét, đánh giá được bài vẽ - Nhận xét được đặc điểm đồ vật, quả. - Xác định được bố cục và khung hình đồ vật, vẽ phác hình của mẫu.	CLO 2; CLO 3; CLO 4;	-SV: Quan sát, thực hành vẽ -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV. -GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ. -GV: Giới thiệu, đặt mẫu, câu hỏi -SV: Quan sát mẫu, tìm hiểu nhận xét, thực hành vẽ.
4	Bài tập 2: Vẽ đồ vật, quả (tiếp) -Chỉnh sửa hình - Vẽ đậm nhạt - Diễn tả không gian -Nhận xét bài - Củng cố Chương 3: Vẽ trang trí	2 TH 2 LT	- Xác định được đậm nhạt trên đồ vật, diễn tả đậm nhạt đen trắng, không gian. -Hoàn thành bài vẽ - Nhận xét, đánh giá được bài vẽ - Trình bày được	CLO 3; CLO 2; CLO 4; CLO	-SV: Quan sát, thực hành vẽ -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV. -GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ. -GV: Giới thiệu, đưa yêu cầu

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
6	<i>Bài tập trang trí 3: Trang trí đường diềm</i> - Xác định nội dung - Bố cục - Phê mảg hình - Vẽ họa tiết.	2 TH	Vận dụng vào trang trí được đường diềm (hoàn thành màu)	2; CLO 4 CLO 5	nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ. -GV: Giới thiệu, đưa yêu cầu -SV: Quan sát, tìm hiểu, thực hành
7	<i>Bài tập trang trí 3: (tiếp)</i> - Vẽ màu sắc, đậm nhạt.	2 TH	Vận dụng vào trang trí được đường diềm (hoàn thành màu)	CLO 3, CLO 2; CLO 4 CLO 5	-SV: thực hành vẽ -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV. GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ.
	Bài kiểm tra 1: Trang trí đồ vật -Xác định nội dung - Bố cục - Phê mảg hình - Vẽ họa tiết.	2 TH	Vận dụng vào trang trí đồ vật (hoàn thành màu)	CLO 3,	-GV: Nêu yêu cầu -SV: Tìm hiểu, thực hành vẽ -GV theo dõi
8	<i>(tiếp)</i> - Vẽ màu sắc, đậm nhạt.	2 TH	Vận dụng vào trang trí đồ vật (hoàn thành màu)	CLO 3, CLO 2; CLO 4	-SV: Tìm hiểu, thực hành vẽ. -GV theo dõi.
	Chương 4: Vẽ tranh 4.1. Khái quát chung và yêu cầu về bố cục tranh 4.1.1. Khái quát chung 4.1.2. Yêu cầu về bố cục tranh 4.2. Phân loại tranh và chất liệu tranh 4.3. Phương pháp vẽ tranh	2 LT	-Trình bày được khái niệm, xác định được các dạng bố cục trong tranh đề tài -Nhận biết được các chất liệu, thể loại tranh. - Trình bày được các bước tiến hành bài vẽ tranh đề tài		-GV: Giới thiệu, đặt câu hỏi, phân tích qua hình ảnh. -SV: Quan sát, tìm hiểu, nhận xét. -GV cùng SV trao đổi, kết luận.
	4.4. Thực hành				

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
9	<i>Bài vẽ tranh 1: Chủ đề phong cảnh</i> - Tìm hiểu nội dung chủ đề -Tìm bố cục tranh - Tìm, sắp xếp hình ảnh (chính, phụ) -Chỉnh sửa hình ảnh -Tìm đậm nhạt, màu sắc - Hoàn thiện.	4 TH	Vận dụng chọn đề tài, vẽ được bài tranh đề phong cảnh (hoàn thành màu)	CLO 3, CLO 2; CLO 4; CLO 4; CLO 5	-GV: Giới thiệu, đặt câu hỏi, phân tích qua hình ảnh.. -SV: Quan sát, tìm hiểu, thực hành vẽ -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV. -GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ.
10	<i>Bài vẽ tranh 2: Chủ đề giao thông</i> - Tìm hiểu nội dung chủ đề -Tìm bố cục tranh - Tìm, sắp xếp hình ảnh (chính, phụ) -Chỉnh sửa hình ảnh -Tìm đậm nhạt, màu sắc - Thể hiện màu hoàn thiện.	4 TH	Vận dụng chọn đề tài, vẽ được bài tranh đề giao thông ở mức độ đơn giản.	CLO 3, CLO 2; CLO 4; CLO 4; CLO 5	-GV: Giới thiệu, đặt câu hỏi, phân tích qua hình ảnh.. -SV: Quan sát, tìm hiểu, thực hành vẽ -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV. -GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ.
11	<i>Bài vẽ tranh 3: Chủ đề gia đình, nhà trường</i> - Tìm hiểu nội dung chủ đề gia đình, nhà trường -Tìm bố cục tranh - Tìm, sắp xếp hình ảnh (chính, phụ) -Chỉnh sửa hình ảnh -Tìm đậm nhạt,	4 TH	Vận dụng chọn đề tài, vẽ được bài tranh đề gia đình, nhà trường (hoàn thành màu)	CLO 3, CLO 2; CLO 4; CLO 4; CLO 5	-GV: Giới thiệu, đặt câu hỏi, phân tích qua hình ảnh.. -SV: Quan sát, tìm hiểu, thực hành vẽ -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV. -GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	màu sắc - Hoàn thiện.				
12	Bài kiểm tra 2: Vẽ tranh chủ đề ngày Tết - Tìm hiểu nội dung - Tìm bố cục tranh - Tìm, sắp xếp hình ảnh (chính, phụ) - Chỉnh sửa hình ảnh - Tìm đậm nhạt, màu sắc	4 TH	Vận dụng chọn đề tài, vẽ được bài tranh đề Tết ở địa phương (hoàn thành màu)	CLO 3, CLO 2; CLO 4; CLO 4; CLO 5	-GV: Giới thiệu, đưa nội dung, yêu cầu -SV: Quan sát, tìm hiểu, thực hành vẽ -GV theo dõi.
13	Chương 5: Tạo hình nặn, cắt xé dán 5.1. Khái quát chung về tạo hình nặn, cắt xé dán <i>5.1.1. Tạo hình nặn và vai trò với nghệ thuật tạo hình</i> <i>5.1.2. Tạo hình cắt xé dán và vai trò với nghệ thuật tạo hình</i> 5.2. Phương pháp tạo hình nặn <i>5.2.1. Dụng cụ, vật liệu</i> <i>5.2.2. Các kĩ thuật nặn</i> <i>5.2.3. Phương pháp tiến hành</i> 5.3. Phương pháp	2 LT 2 TH	-Trình bày được vai trò, đặc điểm của tập nặn và cắt xé dán giấy - Trình bày được các dụng cụ, lí giải được kĩ thuật cơ bản các bước tiến hành của tập nặn và tạo dáng; -Trình bày được các dụng cụ, lí giải được kĩ thuật cơ bản các bước tiến hành của cắt xé dán giấy kĩ thuật cắt xé	CLO 2; CLO 3, CLO 4; CLO 4; CLO 5	-GV: Giới thiệu, đặt câu hỏi, phân tích qua hình ảnh. -SV: Quan sát, tìm hiểu, nhận xét. -GV cùng SV trao đổi, kết luận. -GV: Giới thiệu, đặt câu hỏi, phân tích qua hình ảnh, vật mẫu. -SV: Quan sát, tìm hiểu, thực hành nặn -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	tạo hình cắt xé dán 5.3.1. Dụng cụ, vật liệu 5.3.2. Các kỹ thuật cắt, xé dán 5.3.3. Phương pháp tiến hành 5.4. Thực hành Bài tập nặn: Chủ đề đồ vật, quả - Quan sát, nhận xét đặc điểm đối tượng - Lựa chọn đất nặn - Nặn khối lớn, nhỏ - Liên kết, ghép nối - Chỉnh sửa, tạo hình thêm chi tiết, hoàn thiện		dán giấy - Xác định được đặc điểm hình khối của một số quả, đồ vật đơn giản, - Vận dụng kỹ năng nặn quả, đồ vật đơn giản.		SV. -GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm bài.
14	Bài kiểm tra 3: Tập nặn chủ đề con vật, dáng người - Quan sát, nhận xét đặc điểm đối tượng - Lựa chọn đất nặn - Nặn khối lớn, nhỏ - Liên kết, ghép nối - Chỉnh sửa, tạo hình thêm chi tiết, hoàn thiện. Bài cắt dán: Chủ đề hình đối xứng - Tìm hiểu nội dung chủ đề, đặc điểm đồ vật. - Tìm bố cục - Lựa chọn giấy màu - Tìm và vẽ hình,	3 TH 1 TH	- Xác định được đặc điểm hình khối của một số con vật, dáng người đơn giản, - Vận dụng kỹ năng nặn được con vật, dáng người đơn giản. - Xác định được đặc điểm hình dáng của một số đối tượng đơn giản có tính đối xứng - Vận dụng kỹ năng thực hành cắt dán	CLO 3, CLO 2; CLO 4; CLO 4; CLO 5	-GV: Giới thiệu, đưa nội dung, yêu cầu. -SV: Quan sát, tìm hiểu, thực hành nặn -GV theo dõi. -GV: Giới thiệu, đặt câu hỏi, phân tích qua hình ảnh. -SV: Quan sát, tìm hiểu, thực hành cắt dán. -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	sắp xếp hình		hình đối xứng.		
15	<i>Bài cắt dán Chủ đề hình đối xứng: (tiếp)</i> -Dán hình ảnh -Thêm chi tiết, hoàn thiện. - Củng cố Bài kiểm tra 4: Xé dán Chủ đề mùa hè - Tìm hiểu nội dung chủ đề mùa hè -Tìm bố cục tranh -Tìm, sắp xếp hình ảnh (chính, phụ) -Chỉnh sửa hình ảnh - Lựa chọn giấy màu (đậm nhạt, màu sắc) -Xé dán các hình ảnh -Dán hình, thêm chi tiết thể hiện hoàn thiện.	1 TH 3 TH	-Hoàn thành bài cắt dán hình đối xứng. - Nhận xét , đánh giá được bài tập -Vận dụng kỹ năng thực hành xé dán hoàn thành bức tranh theo chủ đề mùa xuân.	CLO 3, CLO 2; CLO 4; CLO 4; CLO 5	-GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm bài. -GV: Giới thiệu, đưa nội dung, yêu cầu. -SV: Quan sát, tìm hiểu hiểu chủ đề, thực hành -GV theo dõi

Lưu ý: Học tại phòng chuyên môn mỹ thuật (Tuần 2-4 có bàn đặt mẫu, mẫu vẽ, vải phủ mẫu...)

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Số tiết dự lớp; - Tinh thần thái độ học tập trên lớp; - Ý thức tự học, tự nghiên cứu.	30% 30% 40%		CLO5	-Thống kê ngày học trên lớp của SV. -Theo dõi ý thức học tập của SV. -Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra 1: Trang trí đồ vật	25%		CLO2, CLO3; CLO4; CLO5	- Đánh giá bài kiểm tra thực hành.
		Bài kiểm tra 2: Vẽ tranh chủ đề ngày Tết, lễ hội	25%		CLO2, CLO3; CLO4; CLO5	- Đánh giá bài kiểm tra thực hành.
		Bài kiểm tra 3: Tập nặn con vật, hình dáng người	25%		CLO2, CLO3; CLO4; CLO5	- Đánh giá bài kiểm tra thực hành.
		Bài kiểm tra 4: Xé dán tranh chủ đề mùa hè	25%		CLO2, CLO3; CLO4; CLO5	- Đánh giá bài kiểm tra thực hành.
A3 Đánh giá cuối kì	60%	-Nội dung chủ đề -Bố cục, chất liệu -Hình ảnh, không gian -Màu sắc, đậm nhạt -Sáng tạo, tính thẩm mỹ	10% 20% 30% 30% 10%		CLO2, CLO3; CLO4; CLO5	Biểu điểm. Bài thực hành,

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0- 5.4	Điểm 5.5- 6.9	Điểm 7.0- 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, thực hành.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi, thực hành.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập; có ý thức chủ động chuẩn bị câu hỏi, nghiên cứu tài liệu, thực hành.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Kiến thức và các kỹ năng thực hành cơ bản của: Trang trí, vẽ tranh, tập nặn, cắt xé dán.
- Số lượng bài: 4 bài.
- Thời gian: Theo kế hoạch dạy học.

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ^{iv}

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ 1:

- Nội dung: Vẽ trang trí đồ vật, chương 3: Vẽ trang trí
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 4 tiết (theo kế hoạch dạy học)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung chủ đề	- Một đồ vật gần gũi trong cuộc sống.	1.0
2	Bố cục, chất liệu	- Bài vẽ có bố cục cân đối, hài hòa trong tờ giấy; Lựa chọn chất liệu phù hợp.	2.0
3	Hình ảnh, không gian	- Đồ vật có hình ảnh rõ ràng, có đặc điểm đặc trưng, các bộ phận rõ ràng, tỉ lệ tương ứng; có thể hiện không gian, theo đặc điểm tính năng của đồ vật.	3.0
4	Màu sắc, đậm nhạt	- Màu sắc có sự chọn lọc, kỹ năng phối hợp màu sắc và đậm nhạt hài hòa, phù hợp với đối tượng.	3.0
5	Sáng tạo, tính thẩm mỹ	- Sản phẩm tạo hình thể hiện sự thuận mắt; có nét riêng, mới.	1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6. 2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì 2:

- Nội dung: Vẽ tranh đề tài ngày Tết, chương 4: Vẽ tranh đề tài
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 4 tiết (theo kế hoạch dạy học)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung chủ đề	- Vẽ đúng nội dung chủ đề: Ngày Tết của quê hương.	1.0
2	Bố cục, chất liệu	- Bài vẽ có bố cục cân đối, hài hòa trong tờ giấy; Lựa chọn chất liệu phù hợp.	2.0
3	Hình ảnh, không gian	- Các hình ảnh rõ ràng, có đặc điểm cơ bản, đặc trưng của con người, cảnh vật; có kích thước, tỉ lệ tương ứng; có thể hiện không gian phù hợp với thực tế.	3.0
4	Màu sắc, đậm nhạt	- Màu sắc có sự chọn lọc, kỹ năng phối hợp màu sắc và đậm nhạt hài hòa, phù hợp với các hình ảnh ngày Tết.	3.0
5	Sáng tạo, tính thẩm mỹ	- Bài vẽ thể hiện sự thuận mắt, có không khí ngày Tết ; có nét riêng, mới.	1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6. 3. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì 3:

- Nội dung: Tập nặn chủ đề con vật và dáng người, chương 5: Tạo hình nặn, cắt xé dán
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 3 tiết (theo kế hoạch dạy học)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung chủ đề	- Nặn đúng nội dung chủ đề: Con vật và dáng người	1.0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
2	Bố cục, chất liệu	- Bài nặn có bố cục cân đối, hài hòa, lựa chọn chất liệu phù hợp.	2.0
3	Hình ảnh, khối	- Các hình ảnh rõ ràng, có đặc điểm cơ bản, đặc trưng của con người, con vật; có kích thước, tỉ lệ hình dáng tương ứng; có thể hiện khối không gian.	4.0
4	Màu sắc, đậm nhạt	- Màu sắc có sự chọn lọc, kĩ năng phối hợp màu sắc và đậm nhạt hài hòa, phù hợp với các bộ phận của đối tượng.	2.0
5	Sáng tạo, tính thẩm mỹ	- Bài nặn thể hiện sự thuận mắt, hình dáng sinh động; có nét riêng.	1.0
Tổng điểm			10.0

Bảng 6. 4. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì 4:

- Nội dung: Xé dán chủ đề mùa hè, chương 5: Tạo hình nặn, cắt xé dán
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 3 tiết (theo kế hoạch dạy học)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung chủ đề	- Tranh xé đúng nội dung chủ đề: Mùa hè	1.0
2	Bố cục, chất liệu	- Bài xé dán có bố cục cân đối, hài hòa trong tờ giấy; lựa chọn chất liệu giấy phù hợp.	2.0
3	Hình ảnh, không gian	- Các hình ảnh rõ ràng, có đặc điểm cơ bản, đặc trưng của con người, cảnh vật theo chủ đề; tỉ lệ tương ứng; có thể hiện không gian mùa hè.	3.0
4	Màu sắc, đậm nhạt	- Màu sắc có sự chọn lọc, kĩ năng lựa chọn phối hợp màu sắc và đậm nhạt của giấy màu hài hòa, phù hợp với các hình ảnh và không gian mùa hè.	3.0
5	Sáng tạo, tính thẩm mỹ	- Bài xé dán tranh thể hiện sự thuận mắt, có nét riêng, mới.	1.0
Tổng điểm			10.0

8.2.3. Thi kết thúc học phần

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần:

- Nội dung: Vẽ tranh theo đề tài sinh hoạt, chương 4: Vẽ tranh đề tài
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 90-120 phút

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung chủ đề	- Vẽ đúng nội dung chủ đề	1.0
2	Bố cục, chất liệu	- Bài vẽ đúng kích thước, có bố cục cân đối, hài hòa trong tờ giấy; Lựa chọn chất liệu vẽ phù hợp.	2.0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
3	Hình ảnh, không gian	- Các hình ảnh rõ ràng, có đặc điểm cơ bản, đặc trưng của con người, cảnh vật; có kích thước, tỉ lệ tương ứng; có thể hiện không gian phù hợp với thực tế chủ đề.	3.0
4	Màu sắc, đậm nhạt	- Màu sắc có sự chọn lọc, kĩ năng phối hợp màu sắc và đậm nhạt hài hòa, phù hợp với các hình ảnh của chủ đề.	3.0
5	Sáng tạo, tính thẩm mỹ	- Bài vẽ thể hiện sự thuận mắt, có nét riêng, mới.	1.0
Tổng điểm			10.0

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Lê Hải Thanh

2.5.21. Âm nhạc cơ bản

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Trình độ đào tạo: Đại học****Ngành: Giáo dục Mầm non****1. Thông tin chung về học phần**

1.1. Mã học phần:	SP620005
1.2. Tên học phần:	Âm nhạc cơ bản
1.3. Tên tiếng Anh:	Music
1.4. Số tín chỉ:	2 TH
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	12 tiết
- Thực hành:	48 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Liễu Quỳnh Như
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Phạm Trung Kiên Ths. Vũ Mạnh Hùng
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung (CO)**

Người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhạc lý phổ thông, đọc xướng âm điệu thức trưởng, điệu thức thứ và đọc xướng âm phạm vi đến 1 dấu hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Người học có kiến thức về lý thuyết âm nhạc cơ bản: Khái niệm về âm nhạc, các kí hiệu, cung, quãng, giọng điệu, hợp âm..
- CO2: Người học có kiến thức cơ bản về nhạc lý phổ thông, về đọc xướng âm ở 3 giọng trưởng : giọng C - dur, G - dur, F - dur.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kĩ năng đọc xướng âm giọng C - dur, G - dur, F - dur với tiết tấu đơn giản nốt trắng, đen, nhịp 2/4, 3/4, 4/4
- CO4: Có kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở Giáo dục mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- CO5: Có trách nhiệm, chủ động, linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc ở các cơ sở Giáo dục Mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được các khái niệm về âm nhạc; lí luận cơ bản về âm nhạc.	CO1
CLO2	Trình bày được những nội dung cơ bản về những vấn đề về lý thuyết âm nhạc, cách đọc xướng âm.	CO2
CLO3	Đọc chính xác các bài tập xướng âm.	CO3, CO4
CLO4	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở Giáo dục mầm non.	CO4
CLO5	Tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hợp tác, chia sẻ, kiên trì trong tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ tại các cơ sở Giáo dục mầm non.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		M	I		R				I	I
CLO 2		R	I						R	I
CLO 3		R	I		R				R	I
CLO 4		M	I	M	R	I			R	I
CLO 5		R	I	M	M	I			I	R
Tổng hợp học phần		M	I	M	R	I			R	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình chính thức:

[1]. Hoàng Long – Hoàng Lâm (2016), *Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[2]. Lê Anh Tuấn, (2012), *Thiết kế bài giảng âm nhạc 1* Nhà xuất bản Hà Nội.

[3]. Lê Anh Tuấn, (2013), *Thiết kế bài giảng âm nhạc 2* Nhà xuất bản Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Hà Thị Hoa, (2014), *Nhập môn Âm nhạc cổ truyền*, Nhà xuất bản Âm nhạc.

[2]. Lê Anh Tuấn, (2012), *Thiết kế bài giảng âm nhạc 3*, Nhà xuất bản Hà Nội.

[3]. Lê Anh Tuấn, (2012), *Thiết kế bài giảng âm nhạc 4*, Nhà xuất bản Hà Nội.

[4]. Lê Anh Tuấn, (2012), *Thiết kế bài giảng âm nhạc 5*, Nhà xuất bản Hà Nội.

[5] Vũ Mạnh Hùng, (2020), *Phương pháp giảng dạy âm nhạc ở tiểu học* - Đại học Hạ Long.

[6]. Phạm Tú Hương, (2004), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[7]. Nông Thị Ninh - Hồng Thao, (2012), *Âm nhạc dân gian một số dân tộc thiểu số phía Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc.

[8]. Phạm Thanh Vân - Nguyễn Hoàng Thông, (2011), *Giáo trình Đọc – Ghi nhạc tập 1*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[9]. Nhiều tác giả, (2011), *70 ca khúc thường dùng trong sinh hoạt Đoàn - Hội - Đội*, Nhà xuất bản Văn hoá thông tin.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 15 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: Thi thực hành vấn đáp.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1: Lý thuyết Âm nhạc cơ bản Bài 1: Âm thanh - Cao độ âm thanh 1.1. Khái niệm về âm thanh và âm nhạc 1.2. Hệ thống âm thanh - Kí hiệu âm thanh bằng chữ cái . 1.3. Các cách kí âm	2LT	- Giải thích được các khái niệm âm thanh âm nhạc	CLO 1, CLO5	- GV đặt câu hỏi - GV chốt vấn đề thông qua giải thích và trình chiếu nội dung.

	Bài 2: Trường độ âm thanh 2.1. Dấu Lặng 2.2. Dấu chấm chấm đôi 2.3. Dấu nổi , dấu luyến 2.4. Dấu ngân tự do. Bài 3: Nhịp & phách 3.1. Trọng âm, tiết nhịp, ô nhịp, vạch nhịp, số chỉ nhịp, nhịp lấy đà. 3.2. Các loại nhịp thông dụng (2/4 ;3/4 ; 3/8 và 4/4 ;6/8). 3.3. Dấu nhắc lại	2LT	- Giải thích được trường độ của âm thanh. - Giải thích được nhịp và phách.		- NH thực hiện theo hướng dẫn của GV
2	Bài 4: Dấu hóa – Hóa biểu 4.1. Cung ,nửa cung ,dấu hoá 4.2. Dấu hóa bất thường 4.3. Dấu hóa theo khóa (hóa biểu) Bài 5: Quãng. 5.1. Khái niệm về quãng 5.2. Các loại quãng: Giai điệu, hoà âm, quãng đơn, quãng thuận , quãng nghịch. 5.3. Thực hành xây dựng các quãng	2LT	- Giải thích được các loại dấu hóa và hóa biểu. -Xác định được dấu hóa, nửa cung và cung. - Giải thích được khái niệm về quãng	CLO 1, CLO5	- GV trình chiếu, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV
3	Bài 6: Điệu thức – giọng. 6.1. Khái niệm điệu thức . 6.2. Điệu thức trưởng, các giọng trưởng, các giọng trưởng có dấu thăng và dấu giáng, điệu trưởng hoà thanh ,điệu trưởng giai điệu 6.3. Điệu thức thứ, các	2LT	- Giải thích được khái niệm về điệu thức và giọng - Phân tích và so sánh	CLO 1, CLO5	- GV trình chiếu, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV

	giọng thứ có dấu thăng và dấu giáng điệu thứ hoà thanh ,điệu thứ giai điệu 6.4. Sơ lược về thang âm điệu thức trong âm nhạc dân gian Việt nam Bài 7: Quan hệ họ hàng giữa các giọng 7.1. Giọng song song 7.2. Giọng cùng tên 7.3. Chuyển giọng, chuyển điệu 7.4. Xác định giọng 7.5. Dịch giọng.	2LT	được sự giống và khác nhau của điệu thức trưởng và thứ - Giải thích được các giọng, cách xác định giọng, dịch giọng		
4	Bài 8: Sơ lược về hợp âm 8.1. Khái niệm về hợp âm 8.2. Hợp âm 3 8.3. Hợp âm bảy át. Bài 9: Các kí hiệu, các sắc thái trong biểu diễn âm nhạc 9.1. Các cách biểu diễn 9.2. Nhịp độ 9.3. Cường độ Ôn tập – Kiểm tra	2LT 2LT	- Giải thích được khái niệm về hợp âm. - Phân tích được các kí hiệu, sắc thái âm nhạc cơ bản	CLO 1, CLO5	- GV trình chiếu, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV
5	Chương 2: Xướng Âm Bài 1: Giọng C dur – Nhịp 2/4. 1.1. Đọc Gam. 1.2. Luyện tiết tấu. 1.3. Thực hành	4TH	- Đọc được gam Đô trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng được vào bài tập thực hành.	CLO2 CLO3 CLO4, CLO5	- GV trình chiếu, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.
6	Bài 2: Giọng C dur – Nhịp 2/4 (tiếp)	4TH	- Đọc được	CLO2 CLO3	- GV hướng dẫn, NH phân tích bài và

	2.1. Đọc Gam. 2.2. Luyện tiết tấu. 2.3. Thực hành		gam Đô trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào bài tập thực hành.	<i>CLO4,</i> <i>CLO5</i>	thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.
7	Bài 3: Giọng C dur – Nhịp 3/4. 3.1. Đọc Gam. 3.2. Luyện tiết tấu. 3.3. Thực hành	4TH	- Đọc được gam Đô trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào bài tập thực hành.	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4,</i> <i>CLO5</i>	- GV hướng dẫn, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.
8	Bài 4: Giọng C dur – Nhịp $\frac{3}{4}$ (tiếp) 4.1. Đọc Gam. 4.2. Luyện tiết tấu. 4.3. Thực hành	4TH	- Đọc được gam Đô trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào bài tập thực hành.	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4,</i> <i>CLO5</i>	- GV hướng dẫn, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.
9	Bài 5: Giọng G dur – Nhịp 2/4. 5.1. Đọc Gam. 5.2. Luyện tiết tấu. 5.3. Thực hành	4TH	- Đọc được gam Son trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào bài tập thực hành.	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4,</i> <i>CLO5</i>	- GV hướng dẫn, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.
10	Bài 6: Giọng G dur – Nhịp 2/4 (tiếp)	4TH	- Đọc được gam Son	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i>	- GV hướng dẫn, NH phân tích bài và

	6.1. Đọc Gam. 6.2. Luyện tiết tấu. 6.3. Thực hành		trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào được bài tập thực hành.	<i>CLO4</i> , <i>CLO5</i>	thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.
11	Bài 7: Giọng G dur – Nhịp 3/4. 7.1. Đọc Gam. 7.2. Luyện tiết tấu. 7.3. Thực hành	4TH	- Đọc được gam Son trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào được bài tập thực hành.	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i> , <i>CLO5</i>	- GV hướng dẫn, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.
12	Bài 8: Giọng Pha trưởng – Nhịp 2/4. 8.1. Đọc Gam. 8.2. Luyện tiết tấu. 8.3. Thực hành	4TH	- Đọc được gam pha trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào bài tập thực hành.	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i> , <i>CLO5</i>	- GV hướng dẫn, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.
13	Bài 9: Giọng Pha trưởng – Nhịp 2/4 (tiếp) 9.1. Đọc Gam. 9.2. Luyện tiết tấu. 9.3. Thực hành	4TH	- Đọc được gam pha trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào được bài tập thực hành.	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i> , <i>CLO5</i>	- GV hướng dẫn, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.
14	Bài 10: Giọng Pha trưởng – Nhịp 3/4	4TH	- Đọc được gam pha	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i>	- GV hướng dẫn, NH phân tích bài và

	10.1. Đọc Gam. 10.2. Luyện tiết tấu. 10.3. Thực hành		trường, luyện tiết tấu. Vận dụng vào được bài tập thực hành.	<i>CLO4,</i> <i>CLO5</i>	thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.
15	Bài 10: Giọng Pha trưởng – Nhịp 3/4 (tiếp) Ôn tập – Kiểm tra	2TH 2TH	- Đọc được gam pha trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào được bài tập thực hành.	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4,</i> <i>CLO5</i>	- GV hướng dẫn, NH phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. - NH chuẩn bị bài bài - Hướng dẫn NH đọc gam và xướng âm.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến			CLO 5	- Theo dõi ý thức học tập của NH, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày học của NH
A2. Đánh giá định kỳ	30%	- Những vấn đề cơ bản về âm nhạc, viết đoạn nhạc	40%		CLO 1 CLO5	<i>NH làm bài kiểm tra viết. GV chấm điểm theo biểu điểm</i>
			60%		CLO 2	<i>NH làm bài kiểm tra</i>

		- Đọc xướng âm			CLO 3 CLO 4 CLO 5	<i>bằng hình thức đọc xướng âm. GV chấm điểm theo biểu điểm</i>
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	- Những vấn đề cơ bản về âm nhạc - Đọc xướng âm	30% 70%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	<i>NH thi vấn đáp, thực hành. (Theo bộ đề thi)</i>

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

8.2.2. Kiểm tra định kỳ:

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: chương 1
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %
1	Những vấn đề cơ bản về âm nhạc	Theo đáp án: - Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng	20%

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %
		- Có liên hệ với thực tiễn	20%
2	Viết đoạn nhạc	Theo đáp án: - Viết chính xác hình nốt - Viết chính xác các âm hình tiết tấu, các dấu lặng, dấu nhắc lại, khung thay đổi. - Trình bày sạch, đẹp, rõ ràng.	20% 30% 10%

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chương 2.
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian:

STT	Nội dung	Trọng số %
1	Đọc gam	40
2	Đọc xướng âm	60

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA
Đọc đúng tên nốt nhạc	1
Đọc đúng cao độ nốt nhạc	2
Gõ phách, tiết tấu chính xác	2
Chính xác các trường độ của câu nhạc, nốt nhạc	2
Đọc to, rõ ràng	1
Đọc đúng sắc thái, tính chất của tác phẩm	2
Tổng số điểm	10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Toàn bộ nội dung học phần thuộc chương 1,2
- Hình thức: Thực hành – vấn đáp

Bảng 8. Tiêu chí đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Trọng số%
1	Những vấn đề cơ bản về âm nhạc	Theo đáp án: - Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng - Có liên hệ với thực tiễn	15% 15%

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Trọng số%
2	Đọc xướng âm	- Đọc đúng tên nốt nhạc - Đọc đúng cao độ nốt nhạc - Gõ phách, tiết tấu chính xác - Chính xác các trường độ của câu nhạc, nốt nhạc - Đọc to, rõ ràng - Đọc đúng sắc thái, tính chất của tác phẩm	10% 20% 10% 10% 10% 10%

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Quý Kim

Liều Quỳnh Như

2.5.22. Sinh lý trẻ em

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620006
1.2. Tên học phần:	Sinh lý trẻ em
1.3. Tên tiếng Anh:	Physiological of preschool children
1.4. Số tín chỉ:	2 LT
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	22 tiết
- Thực hành, thảo luận:	8 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Mến
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ngô Thị Hoàn
	Lê Thị Như Phương
	Hoàng Văn Hùng
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có kiến thức cơ bản về cấu tạo, đặc điểm sinh lý của các cơ quan ở trẻ em qua các giai đoạn phát triển và những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em; có kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phát triển thể chất cho trẻ.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức về sự phát triển của trẻ em qua các giai đoạn và những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ.

- CO2: Có kiến thức về đặc điểm giải phẫu và hoạt động sinh lý của các cơ quan ở người nói chung và trẻ em nói riêng.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp sự khác biệt về giải phẫu sinh lý giữa người lớn và trẻ em.

- CO4: Có kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phát triển thể chất cho trẻ.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp và cha mẹ, người chăm sóc trẻ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, NH có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được những đặc điểm về giải phẫu và hoạt động sinh lý của các hệ cơ quan ở người.	CO2
CLO2	Trình bày được những đặc điểm về sự phát triển của trẻ em qua các giai đoạn; đặc điểm giải phẫu sinh lý và hoạt động sinh lý của các hệ cơ quan ở trẻ em.	CO1, CO2
CLO3	So sánh được sự giống và khác nhau về giải phẫu và hoạt động sinh lý của các hệ cơ quan ở người lớn và trẻ em.	CO3, CO4
CLO4	Giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.	CO3, CO4
CLO5	NH tích cực, chủ động tự học; Chủ động, trách nhiệm, chia sẻ với đồng nghiệp và cha mẹ, người chăm sóc trẻ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CLO1		I	R		I	I			I	
CLO2		I	I	I	I	I			I	
CLO3		R		I	I	I			I	R
CLO4		R	R	R	I	I			I	
CLO5		I	I		I	I			I	R
Tổng hợp học phần		I	I	I	I	I			I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Tạ Thủy Lan, Trần Thị Loan (2017), Giáo trình *Sinh lý học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Mên (2015), *Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non*, Tài liệu lưu hành nội bộ Khoa Sư phạm, trường Đại học Hạ Long.

- [3]. Alice Roberts (2020), *Atlas giải phẫu cơ thể người: Hướng dẫn trực quan chính xác*, Nxb Dân Trí, Đông A.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01/VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).
- [5]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.
- [6]. Lê Thu Hương (Chủ biên, 2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi*, NXBGD.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết
- Tổng số tuần học: 15 tuần
- Phân bố: 2 tiết/buổi; 1 buổi/tuần; 15 buổi
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	<i>*Giới thiệu học phần</i> Chương 1: Tính quy luật về sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể. 1.1. Tính quy luật về sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể trẻ 1.1.1. Khái niệm về sinh trưởng và phát triển 1.1.2. Tính quy luật của sinh trưởng và phát triển 1.2. Gia tốc phát triển của cơ thể 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Gia tốc phát triển của cơ thể 1.2.3. Nguyên nhân của gia tốc phát triển	(3) 2LT	- Trình bày được khái niệm và các quy luật sinh trưởng và phát triển của cơ thể - Phân tích được nguyên nhân của gia tốc phát triển ở trẻ em hiện nay - Trình bày được các chỉ số phát triển thể lực	CLO2 CLO5 CLO2 CLO5 CLO2 CLO2 CLO3 CLO5	- GV: Hướng dẫn SV tự học - NH ghi chép nội dung tự học - GV: Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu - NH nghiên cứu tài liệu - GV: Hướng dẫn NH tự học - NH ghi chép nội dung tự học

	1.3. Những chỉ số phát triển thể lực 1.3.1. Chiều cao 1.3.2. Cân nặng 1.4. Đặc điểm các thời kỳ phát triển của cơ thể 1.4.1. Cơ sở của sự phân chia 1.4.2. Đặc điểm các thời kỳ phát triển của cơ thể		- Trình bày được đặc điểm phát triển của trẻ em qua các thời kỳ và biện pháp chăm sóc giáo dục		học - GV: + Tổ chức cho NH xemina - NH: + Xemina
2	1.4.2. Đặc điểm các thời kỳ phát triển của cơ thể Chương 2: Hệ thần kinh 2.1. Cấu tạo và chức phận của hệ thần kinh 2.1.1. Đại cương về cấu tạo và chức phận của hệ thần kinh 2.1.2. Sự phát triển hệ thần kinh ở trẻ em 2.2. Hoạt động phản xạ của hệ thần kinh 2.2.1. Một số khái niệm 2.2.2. Hoạt động phản xạ 2.3. Các quy luật của hoạt động thần kinh cấp cao	ITL (3) ILT	- Mô tả được sơ lược cấu tạo hệ thần kinh - Trình bày được cấu tạo và sự phát triển của hệ thần kinh ở trẻ em - Trình bày được khái niệm, cơ chế, điều kiện thành lập phản xạ có ĐK	CLO1 CLO2 CLO4 CLO1 CLO2	- GV: + Tổ chức cho NH xemina - NH: + Xinema - GV giao nhiệm vụ học tập ở nhà chương 2 - NH ghi chép - GV: + Trình chiếu + Đàm thoại gợi mở; + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả tự học - NH + Quan sát + Phản hồi tích cực + Báo cáo kết quả tự học - GV: Hướng dẫn NH tự học - NH ghi chép nội dung tự học
3	2.4. Các loại hình thần kinh	ITL ILT	- Phân biệt được các loại	CLO1 CLO2	- GV: + Tổ chức cho

	2.4.1. Các loại hình thần kinh 2.4.2. Vấn đề giáo dục trẻ có các loại hình thần kinh khác nhau 2.5. Đặc điểm hoạt động thần kinh cấp cao ở người 2.5.1. Tín hiệu và hệ thống tín hiệu 2.5.2. Sự hình thành hệ thống tín hiệu thứ hai trong quá trình phát triển cá thể của con người 2.6. Giác ngủ 2.6.1. Bản chất sinh lý của giấc ngủ 2.6.2. Ý nghĩa sinh học của giấc ngủ Thảo luận: - Biện pháp giáo dục trẻ tự kỷ - Biện pháp hình thành ngôn ngữ cho trẻ chậm nói		hình thần kinh và các biện pháp giáo dục - Giải thích được sự hình thành hệ thống tín hiệu thứ hai ở trẻ Trình bày được bản chất sinh lý của giấc ngủ	CLO4 CLO2 CLO4 CLO5 CLO2 CLO3	NH xemina - NH: + Xemina - GV: + Đàm thoại gợi mở - NH: + Phản hồi tích cực - GV giao nhiệm vụ học tập ở nhà chương 3 - NH ghi chép
4	Chương 3: Cơ quan phân tích 3.1 Đại cương về cơ quan phân tích 3.1.1. Cấu tạo 3.1.2 . Vai trò của cơ quan phân tích 3.2. Các cơ quan phân tích 3.2.1. Cơ quan phân tích thị giác 3.2.2. Cơ quan phân tích thính giác 3.2.3. Cơ quan phân tích vị giác	(2)	- Trình bày được cấu tạo và chức năng của một cơ quan phân tích - Mô tả được đặc điểm cơ quan phân tích ở trẻ từ đó có các biện pháp bảo vệ, vệ sinh	CLO1 CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	- GV hướng dẫn NH tự học - NH ghi chép nội dung tự học - GV: + Trình chiếu + Hướng dẫn NH báo cáo kết quả tự học - NH: + Quan sát + Báo cáo kết quả tự học

	3.2.4. Cơ quan phân tích khứu giác 3.2.5. Cơ quan phân tích xúc giác				- GV giao nhiệm vụ học tập ở nhà chương 4 - NH ghi chép
5	Chương 4: Hệ vận động 4.1. Hệ xương 4.1.1. Giới thiệu về bộ xương người 4.1.2. Sự phát triển của hệ xương 4.1.3. Sự phát triển bộ xương trẻ em 4.2. Hệ cơ 4.2.1. Giới thiệu hệ cơ 4.2.2. Sự phát triển của cơ ở trẻ em 4.2.3. Sự phát triển của các cử động 4.3. Sự phát triển tư thế 4.3.1. Các loại tư thế 4.3.2. Các biện pháp đề phòng sai lệch tư thế Thảo luận: - Sự phát triển của các cử động ở trẻ - Các tư thế không bình thường và tác hại của nó - Biện pháp đề phòng sai lệch tư thế	(2) 1LT 1TL	- Xác định được đặc điểm và sự phát triển bộ xương trẻ em - Trình bày được sự phát triển hệ cơ và các cử động ở trẻ - Vận dụng hướng dẫn các tư thế đúng cho trẻ trong các hoạt động và cách đề phòng sai lệch tư thế	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: + Trình chiếu + Hướng dẫn NH báo cáo kết quả tự học + Đàm thoại + Tổ chức cho NH xemina - NH: + Quan sát + Báo cáo kết quả tự học + Phản hồi tích cực + Xemina - GV giao nhiệm vụ học tập ở nhà chương 5 - NH ghi chép
6	Chương 5: Hệ tuần hoàn 5.1. Máu 5.1.1. Chức năng của máu 5.1.2. Thành phần của máu 5.1.3. Nhóm máu và cơ chế đông máu 5.1.4. Đặc điểm của máu theo lứa tuổi	(3) 2LT	- Xác định được các chức năng, thành phần, nhóm máu; đặc điểm máu của trẻ em - Trình bày được cấu tạo và	CLO1 CLO2 CLO1 CLO2 CLO4	- GV hướng dẫn NH tự học - NH ghi chép nội dung tự học - GV: + Trình chiếu

	5.2. Tuần hoàn 5.2.1. Tim		hoạt động của tim		+ Đàm thoại gợi mở - NH quan sát; phản hồi tích cực
7	5.2.2. Hệ mạch 5.2.3. Đặc điểm tuần hoàn trẻ em Kiểm tra bài số 1 - Các giai đoạn phát triển của trẻ - Cấu tạo của của một cơ quan (mắt, tai, tim,..) - Đặc điểm phát triển: hệ thần kinh, hệ thống tín hiệu thứ hai, bộ xương, hệ cơ trẻ em,..	1LT 1	- Phân biệt được các loại mạch và chức năng của chúng - So sánh được vòng tuần hoàn bao thai và vòng tuần hoàn sau khi sinh; đặc điểm của tim mạch trẻ em - Giải thích được cơ sở của các biện pháp chăm sóc trẻ trong mỗi giai đoạn - Mô tả được cấu tạo của một cơ quan - Trình bày được sự phát triển: hệ thần kinh, hệ thống tín hiệu thứ hai, bộ xương, hệ cơ trẻ em,..	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV hướng dẫn NH tự học - NH ghi chép nội dung tự học - GV: + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả tự học - NH báo cáo kết quả tự học - GV hướng dẫn NH ôn tập - NH ghi chép nội dung ôn tập GV: - Ra đề, đáp án - Tổ chức cho NH làm bài kiểm tra tự luận - Chấm bài theo tiêu chí NH: - Làm bài kiểm tra - GV giao nhiệm vụ học tập ở nhà chương 6 - NH ghi chép
8	Chương 6: Hệ hô hấp 6.1. Cấu tạo của cơ quan hô hấp	(3) 2LT	- Mô tả được cấu tạo của cơ	CLO1	- GV: + Trình chiếu

	6.1.1. Bộ phận dẫn khí 6.1.2. Bộ phận hô hấp 6.2. Hoạt động của cơ quan hô hấp 6.2.1. Cử động hô hấp 6.2.2. Sự điều hòa hô hấp 6.2.3. Sự trao đổi khí ở phổi và tế bào		quan hô hấp - Phân biệt được các cử động hô hấp - Trình bày được sự trao đổi khí ở phổi và tế bào		+ Đàm thoại gợi mở + Thuyết trình + Tổ chức cho NH thảo luận nhóm - NH: + Quan sát; phản hồi tích cực và ghi chép + Thảo luận nhóm
9	6.3. Đặc điểm hệ hô hấp ở trẻ 6.3.1. Đặc điểm cấu tạo cơ quan hô hấp trẻ em 6.3.2. Hoạt động của cơ quan hô hấp ở trẻ Thảo luận: - Sự khác nhau giữa cấu tạo cơ quan hô hấp trẻ em và người lớn - Giải thích một số hiện tượng khi trẻ bị bệnh đường hô hấp Chương 7: Hệ tiêu hóa 7.1. Cấu tạo và chức phận của cơ quan tiêu hóa 7.1.1. Cấu tạo và chức phận của cơ quan tiêu hóa 7.1.2. Cấu tạo và chức năng của cơ quan tiêu hóa trẻ em	ITL (3) ILT	- So sánh được đặc điểm cấu tạo và hoạt động của hệ hô hấp trẻ em và người lớn; giải thích được tại sao trẻ em hay bị bệnh đường hô hấp? - Mô tả được cấu tạo của các cơ quan tiêu hóa và giải thích được các đặc điểm thích nghi	CLO3 CLO4 CLO5 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV + Tổ chức cho NH xemina - NH: + Xemina - GV giao nhiệm vụ học tập ở nhà chương 7 - NH ghi chép - GV: + Trình chiếu + Đàm thoại gợi mở - NH quan sát; phản hồi tích cực
10	7.2. Sự tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa 7.2.1. Sự tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa 7.2.2. Đặc điểm tiêu hóa ở	ILT ILT	- Giải thích được sự tiêu hóa thức ăn và hấp thụ các chất dinh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: + Thuyết trình + Đàm thoại hệ thống hóa + Tổ chức cho

	trẻ em 7.3. Sự hấp thụ chất dinh dưỡng và thải bã 7.3.1. Sự hấp thụ chất dinh dưỡng và thải bã 7.3.2. Sự hấp thụ chất dinh dưỡng và thải bã ở trẻ em 7.4. Cơ sở sinh lý của việc ăn uống. Thảo luận: - Cơ sở khoa học của các biện pháp nuôi dưỡng trẻ - Cơ sở sinh lý của việc ăn uống.		đưỡng trong các đoạn của ống tiêu hóa Giải thích được cơ sở sinh lý của việc ăn uống.	CLO4 CLO5	NH xemina - NH lắng nghe, phản hồi tích cực + Xemina - GV giao nhiệm vụ học tập ở nhà chương 8 - NH ghi chép
11	Chương 8: Trao đổi chất và năng lượng 8.1. Khái niệm trao đổi chất và năng lượng 8.1.1. Khái niệm 8.1.2. Chức năng 8.2. Sự trao đổi chất 8.2.1. Sự trao đổi protein 8.2.2. Sự trao đổi lipit 8.2.3. Sự trao đổi glucit 8.2.4. Sự trao đổi nước 8.2.5. Sự trao đổi muối khoáng 8.2.6. Sự trao đổi vitamin	(3) 2LT	- Trình bày được khái niệm và chức năng của sự TĐC và NL - Giải thích được quá trình trao đổi Protein, lipit, glucit, vitamin, muối khoáng và nước		- GV hướng dẫn NH tự học - NH ghi chép nội dung tự học - GV: + Thuyết trình + Đàm thoại hệ thống hóa - NH lắng nghe, phản hồi tích cực
12	8.3. Sự trao đổi năng lượng 8.3.1. Trao đổi cơ bản 8.3.2. Nhu cầu năng lượng 8.3.3. Sự cân bằng năng lượng ở trẻ em Chương 9: Hệ bài tiết 9.1. Cơ quan bài tiết nước tiểu	1TL (3) 1LT	- Trình bày được nhu cầu năng lượng ở trẻ em - Mô tả được cấu tạo của cấu tạo thận - Giải thích	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: + Tổ chức cho NH xemina - NH: + Xemina - GV giao nhiệm vụ học tập ở nhà chương 9 - NH ghi chép - GV:

	9.1.1. Đại cương về cơ quan bài tiết nước tiểu		được sự hình thành và bài tiết nước tiểu ra ngoài cơ thể		+ Trình chiếu + Đàm thoại gợi mở + Tổ chức cho NH thảo luận -NH: + Quan sát; + Phản hồi tích cực và ghi chép + Thảo luận nhóm
13	9.1.2. Đặc điểm cấu tạo và chức phận cơ quan bài tiết nước tiểu ở trẻ em 9.2. Da 9.2.1. Cấu tạo và chức phận của da 9.2.2. Sự bài tiết mồ hôi qua da 9.2.3. Đặc điểm của da trẻ em	2LT	- So sánh được cấu tạo, chức phận của cơ quan bài tiết nước tiểu ở trẻ em và người lớn - Mô tả được cấu tạo của da - Trình bày được sự bài tiết mồ hôi qua da - So sánh được được đặc điểm của da trẻ em và người lớn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: + Tổ chức cho NH thảo luận - NH: + Thảo luận nhóm và báo cáo - GV: + Trình chiếu + Đàm thoại gợi mở -NH: + Quan sát; + Phản hồi tích cực - GV hướng dẫn NH ôn tập - NH ghi chép nội dung ôn tập
14	Kiểm tra - Cấu tạo của của một cơ quan như: phổi, ruột non, thận, da,... - Đặc điểm của phổi, ruột non,.. thích nghi với chức năng	1	- Trình bày được cấu tạo của của một cơ quan như: phổi, ruột non, thận, da,... - Phân tích được sự phù	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV: - Ra đề, đáp án - Tổ chức cho NH làm bài kiểm tra tự luận - Chấm bài theo tiêu chí

	- Hoạt động của một cơ quan như: Sự trao đổi khí, sự hình thành nước tiểu,... Thực hành: Chấm biểu đồ tăng trưởng theo dõi sự phát triển thể chất của trẻ 1.1. Tìm hiểu cấu tạo biểu đồ 1.2. Cách sử dụng biểu đồ	1TH	hợp về cấu tạo và chức năng của một cơ quan... - Trình bày được hoạt động của một cơ quan như: Sự trao đổi khí, sự hình thành nước tiểu,... - SV biết cách sử dụng biểu đồ để đánh giá sự PTTC của trẻ	CLO4 CLO5	NH: - Làm bài kiểm tra - GV hướng dẫn chuẩn bị bài thực hành - NH ghi chép - GV: + Trình chiếu + Đàm thoại gợi mở - NH quan sát; phản hồi tích cực và ghi chép
15	1.3. Thực hành	2TH	- Sử dụng thành thạo biểu đồ tăng trưởng	CLO4 CLO5	- NH thực hành chấm biểu đồ - GV quan sát, chỉnh sửa và nhận xét

*** Giới thiệu học phần:** Vị trí, vai trò học phần trong chương trình đào tạo; Mục tiêu (CO), chuẩn đầu ra (CLO), nội dung học phần; Các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm đánh giá; phương pháp học tập học phần; yêu cầu đối với người học; Cách sử dụng, theo dõi đề cương học phần.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO5	- Theo dõi ý thức học tập của NH (qua đóng góp ý kiến trong các buổi học) - Kiểm tra việc

						thực nhiệm vụ GV giao (kiểm tra vở tự học của NH). - Thống kê ngày học của NH.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	- Đánh giá kiến thức kỹ năng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ trong giai đoạn phát triển. - Cấu tạo của của một cơ quan (mắt, tai, tim). - Đặc điểm phát triển: hệ thần kinh, hệ thống tín hiệu thứ hai, bộ xương, hệ cơ trẻ em,..	50%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Kiểm tra tự luận
		- Cấu tạo của của một cơ quan như: phổi, ruột non, thận, da,... - Đặc điểm của phổi, ruột non, ... thích nghi với chức năng - Hoạt động của một cơ quan như: Sự trao đổi khí, sự hình thành nước tiểu,...	50%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Kiểm tra tự luận
A3. Đánh giá cuối kì	60%	- Đặc điểm và cách chăm sóc trẻ trong một giai đoạn. - Cấu tạo của của một cơ quan. - Hoạt động của của một cơ quan.	40% 30% 30%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thi tự luận

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định				
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 -	Điểm 5.5 -	Điểm	Điểm 8.5 -

		5.4	6.9	7.0 – 8,4	10
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV.	Thực hiện từ $\geq$ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện từ $\geq$ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập GV giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra số 1: Nội dung: Từ Chương 1 đến Chương 5

Bài kiểm tra số 2: Nội dung: Từ Chương 6 đến Chương 9

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Các giai đoạn phát triển của trẻ	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục	4.0

		trẻ.	
2	- Cấu tạo của của một cơ quan (mắt, tai, tim)	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.	3.0
3	- Đặc điểm phát triển: hệ thần kinh, hệ thống tín hiệu thứ hai, bộ xương, hệ cơ trẻ em,..	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.	3.0
Tổng			10.0

Bảng 6b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Cấu tạo của của một cơ quan như: phổi, ruột non, thận, da,...	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.	4.0
2	- Đặc điểm của phổi, ruột non,.. thích nghi với chức năng	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.	3.0
3	- Hoạt động của một cơ quan như: Sự trao đổi khí, sự hình thành nước tiểu,...	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.	3.0
Tổng			10.0

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Từ Chương 1 đến Chương 9
- Hình thức: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Các giai đoạn phát triển của trẻ - Hoạt động của hệ thần kinh - Cấu tạo và chức năng của một cơ quan phân tích	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.	4.0
2	- Cấu tạo của của một cơ quan	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác chăm sóc,	3.0

		nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.	
3	- Hoạt động của một hệ cơ quan	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.	3.0
Tổng			10.0

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Thị Mến

2.5.23. Văn học thiếu nhi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620007
1.2. Tên học phần:	Văn học thiếu nhi
1.3. Tên tiếng Anh:	Literature for children
1.4. Số tín chỉ:	2 (1 LT, 1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Hà Ngọc Yến
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bế Thị Thu Huyền ThS. Nguyễn Hữu Tới
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620008
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung (CO)

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có được kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi (VHTN) Việt Nam và VHTN nước ngoài; có năng lực tiếp nhận văn học; tích hợp được với các hoạt động giáo dục cho trẻ trong chương trình giáo dục Mầm non (CTGDMN).

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về VHTN Việt Nam (VHDG cho thiếu nhi và văn học viết cho thiếu nhi); một số tác phẩm, tác giả tiêu biểu của VHTN Việt Nam ở mầm non.
- CO2: Có kiến thức cơ bản về VHTN nước ngoài; một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của VHTN nước ngoài ở mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng phân tích, đánh giá tác phẩm VHTN Việt Nam và VHTN nước ngoài trong chương trình giáo dục Mầm non.

- CO4: Có kỹ năng tích hợp kiến thức VHTN vào hoạt động giáo dục cho trẻ ở mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có ý thức tự giác trau dồi kiến thức VHTN; chủ động, linh hoạt, sáng tạo tích hợp kiến thức VHTN vào hoạt động giáo dục trẻ ở mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần^v

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản của VHDG Việt Nam cho thiếu nhi và phân tích được một số tác phẩm/ trích đoạn tiêu biểu trong CTGDMN.	CO1, CO3, CO4, CO5
CLO2	Trình bày được kiến thức cơ bản của văn học viết Việt Nam cho thiếu nhi và phân tích được một số tác phẩm/ trích đoạn tiêu biểu trong CTGDMN.	CO1, CO3, CO4, CO5
CLO3	Trình bày được những kiến thức cơ bản của VHTN nước ngoài và phân tích được một số tác phẩm/ trích đoạn tiêu biểu trong CTGDMN.	CO2, CO3, CO4, CO5
CLO4	Tích hợp được linh hoạt, sáng tạo kiến thức VHTN vào hoạt động giáo dục trẻ; chủ động hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp và gia đình kiến thức về VHTN trong hoạt động giáo dục trẻ mầm non.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I,R,M,A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		R	R	I	I	R			I	M
CLO2		R	I	I	I	R			I	M
CLO3		M	I	I	I	R			I	M
CLO4		M	R	I	I	I			I	M

Tổng hợp học phần		M	R	I	I	R			I	M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

- [1]. Lã Thị Bắc Lý (2020), *Giáo trình Văn học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
 [2]. Nguyễn Bích Hà (2012), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb ĐHSP

5.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Tô Hoài (1998), *Đế Mèn phiêu lưu kí*, Nxb Giáo dục.
 [4]. Trần Đăng Khoa (1995), *Góc sân và khoảng trời*, Nxb Giáo dục.
 [5]. Lã Thị Bắc Lý (2018), *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
 [6]. Cao Đức Tiến (chủ biên, 2007), *Văn học*, Tài liệu đào tạo giáo viên, Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, Nxb Giáo dục - Nxb Đại học Sư phạm.
 [7]. Jacob, Wilhelm Grimm (Minh Đức dịch, 2012), *Truyện cổ Grim toàn tập*, Nxb Văn học, 2012.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết
- Tổng số tuần học: 15 tuần
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Giới thiệu học phần (*)		- Mô tả được vị trí, vai trò, nội dung, mục tiêu của học phần.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Giảng viên (GV) thuyết giảng, hướng dẫn NH tìm hiểu

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					chung về HP. - NH lắng nghe, trao đổi kết hợp tìm hiểu đề cương chi tiết (ĐCCT).
1	CHƯƠNG 1 VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM CHO THIẾU NHI	5 LT 9 TH 1 KT			
	1.1. Khái quát chung về VHDG <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Đặc trưng</i> <i>1.1.3. Phân loại</i> <i>1.1.4. Vai trò và giá trị của VHDG</i> 1.2. Một số thể loại VHDG với việc giáo dục thiếu nhi <i>1.2.1. Truyện dân gian</i> 1.2.1.1. Thần thoại 1.2.1.2. Truyền thuyết * Thực hành - Thống kê, phân loại tác phẩm VHDG cho thiếu nhi trong CTGDMN. - Tìm hiểu một số truyện thần thoại Việt Nam cho thiếu nhi ở mầm non.	2 LT 1 TH	- Trình bày được khái quát VHDG Việt Nam về: khái niệm, đặc trưng, vai trò và giá trị cơ bản; lý giải được khái niệm, đặc trưng, nội dung và nghệ thuật của truyện thần thoại, truyền thuyết Việt Nam. - Thống kê, phân loại, nhận xét được tác phẩm VHDG cho thiếu nhi trong CTGDMN hiện hành. - Phân tích, chứng minh được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục của	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ cá nhân và nhóm ở nhà của NH. - Giao nhiệm vụ NH nghiên cứu mục 1.1, 1.2. - Thuyết giảng, tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 1.1, 1.2.1.1, 1.2.1.2. - Giao nhiệm vụ về nhà mục 1.2.1 (tiếp). + NH: - Nghiên cứu tài liệu [2,3,4,5,6]. - Tiến hành thảo luận, báo cáo, phản hồi. - Thực hiện các nhiệm vụ học

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			một số truyện thần thoại Việt Nam ở mầm non và tích hợp được vào hoạt động đọc, kể, chuyển thể.		tập.
2	- Tìm hiểu một số truyện thần thoại, truyền thuyết Việt Nam cho thiếu nhi ở mầm non.	2 TH	- Phân tích, chứng minh được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục của một số truyện thần thoại, truyền thuyết Việt Nam ở mầm non và tích hợp được vào hoạt động đọc, kể, chuyển thể.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ cá nhân và nhóm ở nhà của NH. - Thuyết giảng, tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 1.2.1 (tiếp). - Giao nhiệm vụ về nhà mục 1.2.2.
	1.2.1.3. Cổ tích 1.2.1.4. Ngụ ngôn 1.2.1.5. Truyện cười	1 LT	- Trình bày được khái niệm, đặc trưng, nội dung và nghệ thuật của truyện cổ tích, ngụ ngôn và truyện cười Việt Nam.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	NH: - Nghiên cứu tài liệu [2,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi, bổ sung. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
3	* Thực hành - Tìm hiểu một số truyện cổ tích, ngụ ngôn và truyện cười Việt Nam cho thiếu nhi ở mầm non.	2 TH	- Phân biệt, phân tích được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục của một số truyện cổ tích, ngụ ngôn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Thuyết giảng, tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			và truyện cười Việt Nam ở mầm non và tích hợp được vào hoạt động đọc, kể, chuyển thể.		1.2.1 (tiếp), 1.2.2. - Giao nhiệm vụ về nhà mục 1.2.2 (tiếp). NH:
	1.2.2. Văn vần dân gian 1.2.2.1. Ca dao 1.2.2.2. Tục ngữ	1 LT	- Trình bày được khái niệm, đặc trưng, nội dung và nghệ thuật của ca dao, tục ngữ Việt Nam.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Nghiên cứu tài liệu [2,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi, bổ sung. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
4	* Thực hành - Tìm hiểu một số bài ca dao, tục ngữ Việt Nam cho thiếu nhi ở mầm non.	2 TH	- Phân biệt, phân tích được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục của một số bài ca dao, tục ngữ Việt Nam ở mầm non và tích hợp được vào hoạt động đọc diễn cảm, hát...	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Thuyết giảng, tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 1.2.2 (tiếp). - Giao nhiệm vụ về nhà mục 2.1 (tiếp), ôn tập, chuẩn bị kiểm tra bài số 1.
	1.2.2.3. Câu đố 1.2.2.4. Đồng dao	1 LT	- Trình bày được khái niệm, đặc trưng, nội dung và nghệ thuật của câu đố, đồng dao Việt Nam.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	NH: - Nghiên cứu tài liệu [2,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi, bổ sung. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
5	* Thực hành - Tìm hiểu một số bài	2 TH	- Phân biệt, phân	CLO1 CLO2	GV: - Tổ chức thực

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	câu đố, đồng dao Việt Nam cho thiếu nhi ở mầm non		tích được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục của một số bài câu đố, đồng dao Việt Nam ở mầm non và tích hợp được vào hoạt động đọc diễn cảm, hát...	CLO3 CLO4	hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 1.2.2 (tiếp). - Giao nhiệm vụ về nhà mục 2.1. NH: - Nghiên cứu tài liệu [2,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
	Kiểm tra bài số 1	1 TH	- Phân tích, chứng minh được đặc trưng, giá trị nội dung và nghệ thuật, vai trò giáo dục tác phẩm/ trích đoạn VHDG Việt Nam cho trẻ mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV tổ chức, hướng dẫn kiểm tra. - NH thực hiện làm bài kiểm tra.
6	CHƯƠNG 2 VĂN HỌC VIẾT VIỆT NAM CHO THIẾU NHI	7 LT 13 TH			
	2.1. Võ Quảng <i>2.1.1. Tiểu sử tác giả và tác phẩm viết về thiếu nhi</i> <i>2.1.2. Thơ Võ Quảng viết cho thiếu nhi</i> <i>2.1.3. Văn xuôi Võ Quảng viết cho thiếu nhi</i>	2 LT 1 TH	- Trình bày được cơ bản tiểu sử tác giả Võ Quảng; đặc điểm thơ và văn xuôi của Võ Quảng viết cho thiếu nhi; nghệ thuật đặc sắc thơ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ cá nhân và nhóm ở nhà của NH. - Thuyết giảng, tổ chức thực hành, báo cáo,

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.1.4. Nghệ thuật thơ văn Võ Quảng *Thực hành - Tìm hiểu thơ/ trích đoạn thơ của tác giả Võ Quảng ở mầm non		văn của tác giả Võ Quảng viết cho thiếu nhi. - Phân tích, chứng minh được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục một số bài thơ/ trích đoạn thơ của tác giả Võ Quảng ở mầm non và tích hợp được vào hoạt động đọc, hát..		thảo luận, chốt kiến thức mục 2.1. - Giao nhiệm vụ về nhà mục 2.1 (tiếp), 2.2. NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
7	- Tìm hiểu thơ/ trích đoạn thơ của tác giả Võ Quảng ở mầm non - Tìm hiểu một số truyện/ trích đoạn truyện của tác giả Võ Quảng.	3 TH	- Phân tích, chứng minh được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục một số bài thơ/ trích đoạn thơ và truyện/ trích đoạn truyện của tác giả Võ Quảng ở mầm non; tích hợp được vào hoạt động đọc, hát, kể, chuyển thể.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 2.1 (tiếp). - Giao nhiệm vụ về nhà mục 2.2. NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
8	2.2. Phạm Hồ 2.2.1. Tiểu sử tác giả và tác phẩm viết về thiếu nhi 2.2.2. Thơ Phạm Hồ viết cho thiếu nhi	2 LT 1 TH	- Trình bày được cơ bản tiểu sử tác giả Phạm Hồ; đặc điểm nội dung, nghệ thuật thơ và văn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Thuyết giảng, tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.2.3. Văn xuôi Phạm Hồ viết cho thiếu nhi * Thực hành - Tìm hiểu một số bài thơ/ trích đoạn thơ của tác giả Phạm Hồ ở mầm non		xuôi của tác giả Phạm Hồ viết cho thiếu nhi. - Phân tích, chứng minh được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục một số bài thơ/ trích đoạn thơ của tác giả Phạm Hồ ở mầm non; tích hợp được vào hoạt động đọc, hát...		2.2. - Giao nhiệm vụ về nhà mục 2.2 (tiếp), 2.3. NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
9	- Tìm hiểu một số bài thơ/ trích đoạn thơ của tác giả Phạm Hồ ở mầm non - Tìm hiểu một số truyện/ trích đoạn truyện của tác giả Phạm Hồ.	3 TH	- Phân tích, chứng minh được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục một số bài thơ/ trích đoạn thơ và truyện/ trích đoạn của tác giả Phạm Hồ ở mầm non; tích hợp được vào hoạt động đọc, kể, chuyển thể.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 2.2 (tiếp). - Giao nhiệm vụ về nhà mục 2.3. NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
10	2.3. Tô Hoài 2.3.1. Tiểu sử tác giả 2.3.2. Sáng tác cho thiếu nhi của Tô Hoài 2.3.3. Nghệ thuật	1 LT 2 TH	- Trình bày được cơ bản tiểu sử tác giả Tô Hoài; đánh giá được giá trị sáng tác của tác giả Tô	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Thuyết giảng, tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>truyện đồng thoại của Tô Hoài</i> 2.3.4. Tác phẩm “Đế Mèn phiêu lưu kí” * Thực hành - Tìm hiểu nhân vật Đế Mèn trong tác phẩm “Đế Mèn phiêu lưu kí” - Tìm hiểu một số truyện đồng thoại của tác giả Tô Hoài.		Hoài cho thiếu nhi; đặc điểm nghệ thuật truyện đồng thoại và tác phẩm “Đế Mèn phiêu lưu kí” của nhà văn Tô Hoài. - Phân tích, chứng minh được ý nghĩa giáo dục của nhân vật Đế Mèn trong tác phẩm “Đế Mèn phiêu lưu kí” cho trẻ mầm non. - Phân tích, chứng minh được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục một số truyện đồng thoại của Tô Hoài và tích hợp được vào hoạt động đọc, kể, chuyển thể.		2.3. - Giao nhiệm vụ về nhà mục 2.4. NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi, bổ sung trước lớp. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
11	2.4. Trần Đăng Khoa 2.4.1. Tiểu sử tác giả và tác phẩm viết về thiếu nhi	2 LT 1 TH	- Trình bày, đánh giá được cơ bản tiểu sử, các yếu tố ảnh hưởng sâu sắc đến sáng tác, phong cách nghệ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ cá nhân và nhóm ở nhà của NH. - Thuyết giảng,

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.4.2. Nội dung của thơ Trần Đăng Khoa 2.4.3. Đặc sắc về nghệ thuật của thơ Trần Đăng Khoa *Thực hành - Tìm hiểu một số bài thơ/ trích đoạn thơ của tác giả Trần Đăng Khoa ở mầm non		thuật thơ thiếu nhi của tác giả Trần Đăng Khoa. - Trình bày được giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ Trần Đăng Khoa. - Phân tích, chứng minh được giá trị nội dung, nghệ thuật và vai trò giáo dục một số bài thơ/ trích đoạn thơ của tác giả Trần Đăng Khoa ở mầm non; tích hợp được vào hoạt động đọc, hát...		tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 2.4. - Giao nhiệm vụ về nhà mục 2.4 (tiếp), 3.1. NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi, bổ sung trước lớp. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
12	- Tìm hiểu một số bài thơ/ trích đoạn thơ của tác giả Trần Đăng Khoa ở mầm non.	2 TH	- Phân tích, chứng minh được giá trị nội dung, nghệ thuật và vai trò giáo dục một số bài thơ/ trích đoạn thơ của tác giả Trần Đăng Khoa ở mầm non; tích hợp được vào hoạt động đọc, hát...	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Kiểm tra việc thực hiện các - Thuyết giảng, tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 2.4 (tiếp), 3.1. - Giao nhiệm vụ về nhà mục 3.1 (tiếp), 3.2. NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,3,4,5,6].
	CHƯƠNG 3 VĂN HỌC THIẾU	3 LT 6 TH			

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	NHI NƯỚC NGOÀI	1 KT			- Báo cáo, thảo luận, phản hồi, bổ sung trước lớp. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
	3.1. L.Tônxtôi <i>3.1.1. Tiểu sử tác giả và tác phẩm viết về thiếu nhi</i> <i>3.1.2. Nội dung và nghệ thuật tác phẩm “Kiến và chim bồ câu”</i>	1 LT	- Trình bày được cơ bản tiểu sử tác giả L.Tônxtôi; giá trị nội dung, nghệ thuật cơ bản của tác phẩm “Kiến và chim bồ câu” ở mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
13	* Thực hành - Tìm hiểu một số truyện/ trích đoạn truyện của L.Tônxtôi ở mầm non.	2 TH	- Phân tích, chứng minh được giá trị, đặc trưng, vai trò giáo dục của một số truyện/ trích đoạn truyện của L.Tônxtôi ở mầm non và tích hợp được vào hoạt động đọc, kể, chuyển thể.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Thuyết giảng, tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 3.1 (tiếp), 3.2. - Giao nhiệm vụ về nhà mục 3.2 (tiếp), 3.3. NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi, bổ sung trước lớp. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
	3.2. Andécxen <i>3.2.1. Tiểu sử tác giả và tác phẩm viết về thiếu nhi</i> <i>3.2.2. Nội dung và nghệ thuật tác phẩm “Bà Chúa Tuyết”</i>	1 LT	- Trình bày được cơ bản tiểu sử tác giả Andécxen; giá trị nội dung, nghệ thuật cơ bản của tác phẩm “Bà Chúa Tuyết”.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
14	* Thực hành - Tìm hiểu chương/ trích đoạn trong tác	2 TH	- Phân tích, chứng minh	CLO1 CLO2 CLO3	GV: - Thuyết giảng, tổ chức thực

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	phẩm “Bà Chúa Tuyệt”. - Tìm hiểu một số truyện/ trích đoạn trong tác phẩm “Truyện cổ Andécxen”.		được giá trị, đặc trung, vai trò giáo dục của một số truyện/ trích đoạn tác phẩm “Bà Chúa Tuyệt” và “Truyện cổ Andécxen” của Andécxen ở mầm non; tích hợp được vào hoạt động đọc, kể, chuyển thể.	CLO4	hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 3.2 (tiếp), 3.3. - Giao nhiệm vụ về nhà mục 3.3 (tiếp), ôn tập chuẩn bị kiểm tra bài số 2. NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo luận, phản hồi, bổ sung trước lớp. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
	3.3. Grim 3.3.1. Tiểu sử tác giả và tác phẩm viết về thiếu nhi 3.3.2. Nội dung và nghệ thuật tác phẩm “Truyện cổ Grim”	1 LT	- Trình bày được cơ bản tiểu sử tác giả Grim; giá trị nội dung, nghệ thuật cơ bản của tác phẩm “Truyện cổ Grim”.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
15	* Thực hành - Tìm hiểu một số truyện/ trích đoạn trong tác phẩm “Truyện cổ Grim”.	2 TH	- Phân tích, chứng minh được giá trị, đặc trung, vai trò giáo dục của một số truyện/ trích đoạn tác phẩm “Truyện cổ Grim” của Grim ở mầm non và tích hợp được vào hoạt động đọc, kể, chuyển thể.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức thực hành, báo cáo, thảo luận, chốt kiến thức mục 3.3 (tiếp). - Giao nhiệm vụ về nhà: ôn tập tất cả các chương chuẩn bị thi hết học phần. NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,3,4,5,6]. - Báo cáo, thảo

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					luận, phản hồi, bổ sung trước lớp. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
	Kiểm tra số 2	1	- Phân tích, chứng minh được giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa giáo dục tác phẩm/ trích đoạn VHTN nước ngoài ở mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV tổ chức, hướng dẫn kiểm tra. - NH thực hiện làm bài kiểm tra.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướn g tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Số buổi đi học đầy đủ. - Ý thức xây dựng bài. - Ý thức tự học.	30% 30% 40%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Theo dõi ý thức học tập của NH. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Điểm danh, thống kê ngày tham gia/ngỉ của NH.
A2	30%	- Kiến thức	Câu 1:		CLO1	

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
Đánh giá định kỳ		chương 1: VHDG Việt Nam cho thiếu nhi trong CTGDMN.	30% Câu 2: 70%		CLO2 CLO4	- Đánh giá bài kiểm tra tự luận trên giấy.
		- Kiến thức chương 2: Văn học viết Việt Nam cho thiếu nhi trong CTGDMN. - Kiến thức chương 3: VHTN nước ngoài trong CTGDMN.	Câu 1: 70% Câu 2: 30%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Đánh giá bài kiểm tra tự luận trên giấy.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Kiến thức chương 1: VHDG Việt Nam cho thiếu nhi trong CTGDMN. - Kiến thức chương 2: Văn học viết Việt Nam cho thiếu nhi trong CTGDMN. - Kiến thức chương 3: VHTN nước ngoài trong CTGDMN.	Câu 1: 30% Câu 2: 50% Câu 3: 20%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Đánh giá bài kiểm tra tự luận trên giấy.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định	Trọng

đánh giá	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	số
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, TL	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập GV giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: chương 1.
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1^{vi}

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: VHDG Việt Nam cho thiếu nhi (Chọn một trong các nội dung sau): - Khái quát giá trị, đặc trưng của VHDG và ý nghĩa giáo dục đối với trẻ mầm non. - Đặc trưng của truyện/ văn vần dân gian hoặc một thể loại VHDG và ý nghĩa giáo dục đối với trẻ mầm non.	Theo đáp án và biểu điểm.	3,0
2	Chương 1: VHDG Việt Nam cho thiếu nhi		7,0

	- Giá trị nội dung, nghệ thuật hoặc một đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm/ trích đoạn VHDG và ý nghĩa giáo dục đối với trẻ mầm non.	Theo đáp án và biểu điểm.	
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: chương 2,3.
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6c. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2^{viii}

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 3: Văn học viết Việt Nam cho thiếu nhi - Giá trị nội dung, nghệ thuật hoặc một đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm/ trích đoạn văn học viết Việt Nam cho thiếu nhi và ý nghĩa giáo dục đối với trẻ mầm non.	Theo đáp án và biểu điểm.	7,0
2	Chương 4: Văn học thiếu nhi nước ngoài - Tóm tắt, khái quát tác phẩm/ trích đoạn hoặc thống kê tác phẩm/ trích đoạn của tác giả VHTN nước ngoài có trong CTGDMN và ý nghĩa giáo dục đối với trẻ mầm non.	Theo đáp án và biểu điểm.	3,0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, chương 2, chương 3.
- Hình thức: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần^{vii}

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: VHDG Việt Nam cho thiếu nhi - Đặc trưng của một thể loại VHDG và ý nghĩa giáo dục của nó đối với trẻ mầm non.	Theo đáp án và biểu điểm.	3,0
2	Chương 2: Văn học viết Việt Nam cho thiếu nhi (Chọn một trong các nội dung sau): - Giá trị nội dung, nghệ thuật hoặc một đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm/ trích đoạn văn học viết Việt Nam cho thiếu nhi và ý nghĩa giáo dục đối với trẻ	Theo đáp án và biểu điểm.	5,0

	mầm non. - Ý kiến/ nhận định về tác giả, tác phẩm văn học viết Việt Nam cho thiếu nhi trong CTGDMN và ý nghĩa giáo dục đối với trẻ mầm non.		
3	Chương 3: Văn học thiếu nhi nước ngoài - Tóm tắt, khái quát tác phẩm/ trích đoạn hoặc thống kê tác phẩm/ trích đoạn của tác giả VHTN nước ngoài có trong CTGDMN và ý nghĩa giáo dục đối với trẻ mầm non.	Theo đáp án và biểu điểm.	2,0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

Hà Ngọc Yến

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn, tạo lập và tiếp nhận văn bản.

- CO2: Có kiến thức cơ bản về các lỗi thường gặp và cách sửa lỗi về phát âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn và văn bản.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng phát âm đúng, viết chính tả, dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn, tạo lập văn bản và tiếp nhận văn bản.

- CO4: Có kỹ năng nhận diện lỗi và sửa lỗi về phát âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn và tạo lập văn bản.

- CO5: Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, tạo lập và tiếp nhận văn bản vào các hoạt động giao tiếp, học tập và giáo dục trẻ mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Có ý thức nghiêm túc, tự giác trong việc rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt đạt hiệu quả; tích cực rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của người giáo viên mầm non; yêu quý và có ý thức giữ gìn, phát huy sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ năng phát âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, tạo lập và tiếp nhận văn bản.	CO1, CO2, CO3, CO5
CLO2	Vận dụng được các kiến thức về các thao tác rèn luyện từ, câu vào làm các bài tập lựa chọn và thay thế từ, đặt câu, mở rộng và rút gọn câu, chuyển đổi câu để hỗ trợ cho hoạt động giao tiếp và phát triển kỹ năng dùng từ, đặt câu cho trẻ mầm non.	CO1, CO3, CO5
CLO3	Sửa được các lỗi thường gặp về phát âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn, tạo lập văn bản trong giao tiếp, học tập và giáo dục trẻ mầm non.	CO2, CO4, CO5
CLO4	Viết được các đoạn văn, văn bản theo yêu cầu để hỗ trợ cho hoạt động giao tiếp, học tập và phát triển kỹ năng diễn đạt mạch lạc cho trẻ mầm non.	CO1, CO3, CO5
CLO5	Phân tích được nội dung, mục đích, đối tượng và cách thức	CO1, CO3,

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ năng phát âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, tạo lập và tiếp nhận văn bản.	CO1, CO2, CO3, CO5
CLO2	Vận dụng được các kiến thức về các thao tác rèn luyện từ, câu vào làm các bài tập lựa chọn và thay thế từ, đặt câu, mở rộng và rút gọn câu, chuyển đổi câu để hỗ trợ cho hoạt động giao tiếp và phát triển kỹ năng dùng từ, đặt câu cho trẻ mầm non.	CO1, CO3, CO5
	giao tiếp của văn bản nói chung, các tác phẩm văn học cho trẻ mầm non nói riêng; tóm tắt được các văn bản nói chung, các câu chuyện mầm non nói riêng thành dàn ý hoặc văn bản nhỏ.	CO5
CLO6	Tích cực rèn nghề; chủ động hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp; vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào các hoạt động học tập và rèn luyện nghiệp vụ của người giáo viên mầm non.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		M	I	I	I	I			I	M
CLO 2		M	R	R	R	M			I	M
CLO 3		M	R	R	R	M			R	M
CLO 4		M	R	R	R	M			R	M
CLO 5		M	R	R	R	M			R	M
CLO6		M	R	M	R	M			M	M
THHP		M	R	R	R	M			R	M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Lã Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga (2017), *Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành*, NXB. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

[3]. Hoàng Phê (chủ biên) (2006), *Từ điển tiếng Việt*, NXB. Đà Nẵng – Trung tâm từ điển học.

[4]. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (chủ biên, 2004), *Tiếng Việt thực hành Giáo trình Cao đẳng Sư phạm*, NXB. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Bùi Minh Toán (chủ biên, 2012), Lê A, Đỗ Việt Hùng; *Tiếng Việt thực hành*, NXB. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	(*) Giới thiệu học phần CHƯƠNG 1. KỸ NĂNG PHÁT ÂM 1.1. Khái niệm chính âm và yêu cầu luyện phát âm 1.1.1. Khái niệm chính âm 1.1.2. Yêu cầu của việc luyện phát âm 1.2. Giới thiệu hệ thống âm vị tiếng Việt 1.2.1. Phụ âm đầu 1.2.2. Âm đệm 1.2.3. Âm chính 1.2.4. Âm cuối	1LT - 2TH	- Mô tả được vị trí, vai trò, nội dung học phần. - Trình bày được khái niệm chính âm và các yêu cầu của việc luyện phát âm. - Trình bày được hệ thống âm vị trong tiếng Việt. - Vận dụng được các lỗi phát âm thường gặp	CLO6 CLO1, CLO3, CLO6. CLO3, CLO6.	- GV thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn NH tìm hiểu về học phần; - NH nghiên cứu tài liệu [1], [4], [5]; thực hiện các nhiệm vụ học tập (NVHT) 1.1 -1.4 theo hướng dẫn của GV; báo cáo nhiệm vụ, lắng nghe, ghi chép; - GV hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ 1.1-1.4, chốt kiến thức;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	1.2.5. Thanh điệu 1.3. Các lỗi phát âm thường gặp 1.3.1. Do lỗi của cơ quan phát âm 1.3.2. Do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương 1.3.3. Do hiểu sai nghĩa của từ 1.4. Thực hành 1.4.1. Luyện phát âm các âm vị tiếng Việt 1.4.2. Luyện phát âm các tiếng, từ, câu, đoạn văn chứa âm hay nhầm lẫn		vào phát âm và sửa lỗi phát âm trong học tập, giao tiếp. - Làm được các bài tập rèn kỹ năng luyện phát âm.		- NH thực hiện nhiệm vụ thực hành theo hướng dẫn của GV; lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm; - GV tổ chức thảo luận, nhận xét, chữa bài.
2	1.4.3. Tìm hiểu thực trạng lỗi phát âm thường gặp ở trẻ mầm non và đề xuất cách sửa 1.4.4. Luyện phát âm biểu cảm các tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non	3TH	- Chỉ ra được các lỗi phát âm thường gặp ở trẻ và đề xuất được cách sửa. - Đọc kể biểu cảm các bài thơ, câu truyện mầm non.	CLO3, CLO6.	- NH: thực hiện nhiệm vụ thực hành theo hướng dẫn của GV; lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm; - GV tổ chức thảo luận, nhận xét, chữa bài; hướng dẫn NVHT cho Chương 2.
3	CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG CHÍNH TẢ 2.1. Khái niệm chính tả 2.2. Một số quy tắc chính tả tiếng Việt 2.2.1. Quy tắc viết	1LT - 2TH	- Trình bày được khái niệm chính tả, các quy tắc chính tả tiếng Việt hiện hành. - Vận dụng	CLO1, CLO3, CLO6.	- NH tự nghiên cứu tài liệu [1], [3], [4], [5]; báo cáo, thảo luận phần tự học mục 2.1-2.3; lắng nghe, ghi chép; - GV hướng dẫn

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	các âm: phụ âm, nguyên âm, bán âm và thanh điệu 2.2.2. Quy tắc viết hoa 2.2.3. Quy tắc viết các từ ngữ, thuật ngữ tiếng nước ngoài 2.3. Các lỗi chính tả thường gặp 2.3.1. Do sai quy tắc chính tả tiếng Việt 2.3.2. Do ảnh hưởng cách phát âm địa phương 2.4. Thực hành - Sửa lỗi chính tả.		được các lỗi chính tả thường gặp vào viết chính tả và sửa lỗi chính tả trong học tập, giao tiếp. - Làm được các bài tập rèn kỹ năng chính tả.	CLO3, CLO6.	giao nhiệm vụ, nhận xét, chốt kiến thức; - NH báo cáo kết quả NVHT phần thực hành; - GV chữa bài, chốt kiến thức, giao bài tập về nhà (BTVN); hướng dẫn NVHT cho Chương 3.
4	CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG DÙNG TỪ 3.1. Những yêu cầu chung về việc dùng từ 3.1.1. Đúng âm thanh và hình thức cấu tạo 3.1.2. Đúng nghĩa 3.1.3. Đúng đặc điểm ngữ pháp 3.1.4. Đúng phong cách ngôn ngữ 3.1.5. Tránh dùng thừa từ, lặp từ, thiếu từ 3.1.6. Tránh dùng từ công thức, sáo rỗng 3.2. Một số thao tác	2LT - 1TH	- Trình bày được những yêu cầu chung về việc dùng từ. - Mô tả được các thao tác lựa chọn và sử dụng từ. - Vận dụng được các lỗi thường gặp về từ vào việc dùng từ và chữa lỗi dùng từ trong học tập, giao tiếp. - Làm được các bài tập rèn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6.	- NH tự nghiên cứu tài liệu [1], [2], [4], [5]; báo cáo, thảo luận phần tự học, tự nghiên cứu mục 3.1-3.3; - GV hướng dẫn giao nhiệm vụ, nhận xét, chốt kiến thức;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	lựa chọn và sử dụng từ 3.2.1. Xác định nội dung cần biểu đạt 3.2.2. Huy động các từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc những từ có khả năng diễn tả cùng một nội dung 3.2.3. Lựa chọn từ 3.2.4. Kiểm tra, hiệu chỉnh và thay thế từ nếu cần thiết 3.3. Các lỗi thường gặp trong việc dùng từ 3.3.1. Không đúng âm thanh và hình thức cấu tạo 3.3.2. Không đúng nghĩa 3.3.3. Không đúng đặc điểm ngữ pháp 3.3.4. Không đúng phong cách ngôn ngữ 3.3.5. Dùng thừa từ, lặp từ, thiếu từ 3.3.6. Dùng từ công thức, sáo rỗng 3.4. Thực hành 3.4.1. Lựa chọn từ		kĩ năng dùng từ.	CLO2, CLO3, CLO6.	- NH báo cáo kết quả NVHT phần thực hành; lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm - GV tổ chức thảo luận, nhận xét, chữa bài; chốt kiến thức; giao BTVN.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
5	3.4.2. Thay thế từ (hoặc cụm từ) cho trước 3.4.3. Chữa các lỗi thường gặp về dùng từ	3TH	- Làm được các bài tập thay thế và chữa lỗi dùng từ.	CLO2, CLO3, CLO6.	- NH: thực hiện nhiệm vụ thực hành theo hướng dẫn của GV; lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm; - GV tổ chức thảo luận, nhận xét, chữa bài.
6	3.4.4. Tìm hiểu thực trạng lỗi dùng từ thường gặp ở trẻ mầm non và đề xuất cách sửa CHƯƠNG 4. KĨ NĂNG ĐẶT CÂU 4.1. Những yêu cầu chung về câu trong văn bản 4.1.1. Đúng quy tắc ngữ pháp tiếng Việt 4.1.2. Đúng nội dung ngữ nghĩa 4.1.3. Được đánh dấu câu phù hợp 4.1.4. Có liên kết chặt chẽ với các câu khác trong văn bản 4.2. Một số thao tác rèn luyện về câu 4.2.1. Mở rộng và rút gọn câu 4.2.2. Tách và ghép câu 4.2.3. Thay đổi trật tự các thành phần câu	1TH 2LT	- Chỉ ra được các lỗi dùng từ thường gặp ở trẻ và đề xuất được cách sửa. - Trình bày được những yêu cầu chung về câu trong văn bản. - Mô tả được các thao tác rèn luyện về câu. - Vận dụng được những lỗi thường gặp về câu vào việc đặt câu và sửa lỗi đặt câu trong học tập, giao tiếp.	CLO2, CLO3, CLO6 CLO1, CLO2, CLO3, CLO6	- NH: thực hiện nhiệm vụ thực hành theo hướng dẫn của GV; lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm; - GV: tổ chức thảo luận, nhận xét, chữa bài; hướng dẫn NVHT cho Chương 4; - NH tự nghiên cứu tài liệu [1], [2], [4], [5]; báo cáo, thảo luận phản tự học, tự nghiên cứu mục 4.1-4.3; - GV nhận xét, chốt kiến thức;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	4.2.4. Chuyển đổi các kiểu câu 4.3. Các lỗi thường gặp trong việc đặt câu 4.3.1. Thiếu thành phần nòng cốt 4.3.2. Các thành phần câu không có quan hệ chặt chẽ, logic 4.3.3. Không phân định mạch lạc các thành phần câu 4.3.4. Sử dụng sai quan hệ từ 4.3.5. Sai về dấu câu				
7	4.4. Thực hành 4.4.1. Mở rộng và rút gọn câu 4.4.2. Chuyển đổi các kiểu câu 4.4.3. Đặt câu 4.4.4. Chữa các lỗi về đặt câu	3TH	- Làm được các bài tập về kỹ năng sử dụng câu, đặt câu và chữa lỗi câu.	CLO2, CLO3, CLO6.	- NH tự nghiên cứu tài liệu [1], [2], [4], [5], báo cáo kết quả NVHT phần thực hành; - GV chữa bài, chốt kiến thức.
8	4.4.5. Tìm hiểu thực trạng lỗi đặt câu thường gặp ở trẻ mầm non và đề xuất cách sửa Kiểm tra định kỳ: Kiểm tra số 01 - Rèn kỹ năng phát âm - Rèn kỹ năng chính tả	2TH 1KT	- Chỉ ra được các lỗi thường gặp về đặt câu ở trẻ và đề xuất được cách sửa. Phát âm biểu cảm một ngữ liệu trong chương trình Giáo dục mầm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6.	- NH thực hành làm bài tập theo yêu cầu; - GV chữa bài, chốt kiến thức; giao BTVN, hướng dẫn NVHT cho Chương 5; - GV phổ biến tiêu chí, biểu điểm, hình thức đánh giá cho nội dung thực hành;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Rèn kĩ năng dùng từ - Rèn kĩ năng đặt câu		non. - Nhận diện và chữa được lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu trong ngữ liệu.		giao đề bài kiểm tra tự luận; - NH nghiêm túc thực hiện theo yêu cầu của GV.
9	CHƯƠNG 5. KĨ NĂNG XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN 5.1. Khái niệm đoạn văn 5.2. Cấu trúc đoạn văn 5.2.1. Cấu trúc tối giản 5.2.2. Cấu trúc tổng phân hợp 5.2.3. Cấu trúc diễn dịch 5.2.4. Cấu trúc quy nạp 5.2.5. Cấu trúc móc xích 5.2.6. Cấu trúc song hành 5.3 Quy trình xây dựng đoạn văn 5.3.1. Hình thành tiểu chủ đề 5.3.2. Triển khai chủ đề thành các ý 5.3.3. Xây dựng đoạn văn	3LT	- Trình bày được khái niệm đoạn văn, các cấu trúc đoạn văn phổ biến. - Trình bày được quy trình xây dựng đoạn văn.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO6.	- NH tự nghiên cứu tài liệu [1], [2], [4], [5]; báo cáo, thảo luận phần tự học, tự nghiên cứu mục 5.1-5.3; - GV nhận xét, chốt kiến thức.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
10	5.4. Các lỗi thường gặp khi xây dựng đoạn văn 5.4.1. Lỗi về nội dung 5.4.2. Lỗi về hình thức 5.5. Thực hành 5.5.1. Viết đoạn văn theo yêu cầu 5.5.2. Chữa các lỗi về đoạn văn 5.5.3. Tìm hiểu về thực trạng lỗi đoạn văn thường gặp ở trẻ mầm non và đề xuất cách sửa	1LT - 2TH	- Vận dụng được các lỗi thường gặp về đoạn văn vào xây dựng và sửa các lỗi đoạn văn trong học tập và giao tiếp. - Làm được các bài tập rèn kỹ năng xây dựng đoạn văn.	CLO3, CLO4, CLO6.	- NH tự nghiên cứu tài liệu [1], [2], [4], [5], báo cáo kết quả NVHT phần thực hành; - GV chữa bài, chốt kiến thức; giao BTVN.
11	5.5.2. Chữa các lỗi về đoạn văn (tiếp) 5.5.3. Tìm hiểu về thực trạng lỗi đoạn văn thường gặp ở trẻ mầm non và đề xuất cách sửa	3TH	- Làm được các bài tập chữa lỗi đoạn văn. - Chỉ ra được các lỗi thường gặp về đoạn văn ở trẻ và đề xuất được cách sửa.	CLO3, CLO4, CLO6.	- NH báo cáo kết quả NVHT phần thực hành; - GV chữa bài, chốt kiến thức; giao BTVN, hướng dẫn NVHT cho Chương 6.
12	CHƯƠNG 6. KỸ NĂNG TẠO LẬP VÀ TIẾP NHẬN VĂN BẢN 6.1. Kỹ năng tạo lập văn bản 6.1.1. Những yêu cầu chung của một văn bản 6.1.2. Quy trình tạo	3LT	- Trình bày được những yêu cầu chung của một văn bản; quy trình tạo lập văn bản.	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6.	- NH tự nghiên cứu tài liệu [1], [2], [4], [5], báo cáo, thảo luận phần tự học, tự nghiên cứu mục 6.1; - GV nhận xét, chốt kiến thức; giao bài tập về nhà.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	lập văn bản				
13	6.2. Kỹ năng tiếp nhận văn bản 6.2.1. Phân tích văn bản 6.2.2. Tóm tắt văn bản 6.3. Thực hành 6.3.1. Tạo lập văn bản theo chủ đề/ tình huống	2LT - 1TH	- Trình bày được khái niệm phân tích văn bản, các nhân tố giao tiếp trong văn bản. - Trình bày được các yêu cầu của việc tóm tắt văn bản, các kiểu tóm tắt văn bản thường dùng.	CLO4, CLO5, CLO6.	- NH tự nghiên cứu tài liệu [1], [2], [4], [5], báo cáo, thảo luận phần tự học, tự nghiên cứu mục 6.2; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - NH báo cáo kết quả NVHT phần thực hành; - GV chữa bài, chốt kiến thức.
14	6.3.1. Tạo lập văn bản theo chủ đề/ tình huống (tiếp) 6.3.2. Tạo lập các câu chuyện theo đồ vật, đồ chơi; theo tranh ảnh; theo kinh nghiệm; theo trí tưởng tượng 6.3.3. Phân tích các nhân tố giao tiếp trong văn bản nói chung và các tác phẩm văn học cho trẻ mầm non	3TH	- Tạo lập được các câu chuyện theo đồ vật, đồ chơi, tranh ảnh, trí nhớ và sáng tạo; - Phân tích được các nhân tố giao tiếp trong văn bản.	CLO4, CLO5, CLO6.	- NH tự nghiên cứu tài liệu [1], [2], [4], [5], báo cáo kết quả NVHT phần thực hành; - GV chữa bài, chốt kiến thức.
15	6.3.3. Phân tích các nhân tố giao tiếp trong văn bản nói chung và các tác phẩm văn học cho trẻ mầm non. (tiếp)	2TH 1KT	- Phân tích được các nhân tố giao tiếp trong văn bản. - Tóm tắt được các văn bản,	CLO1, CLO3,	- NH tự nghiên cứu tài liệu [1], [2], [4], [5], báo cáo kết quả NVHT phần thực hành; - GV chữa bài, chốt

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	6.3.4. Tóm tắt các văn bản nói chung và các câu chuyện cho trẻ mầm non. Kiểm tra định kì: Bài kiểm tra số 02 - Rèn kĩ năng xây dựng đoạn văn. - Rèn kĩ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.		câu chuyện mầm non thành văn bản nhỏ. - Nhận diện và chữa được lỗi đoạn văn trong ngữ liệu. - Phân tích được, tóm tắt được văn bản trong ngữ liệu.	CLO4, CLO5, CLO6.	kiến thức, hướng dẫn ôn thi; - GV giao đề bài; - NH nghiêm túc làm bài kiểm tra tự luận trên lớp.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Dự lớp; - Ý thức học trên lớp; - Ý thức tự học.	30% 30% 40%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	- Theo dõi ý thức học tập của NH. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Điểm danh, thống kê ngày tham gia/ngỉ của NH.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	- Phát âm đúng/biểu cảm ngữ liệu cụ thể. - Sửa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu trong ngữ liệu cụ thể.	40%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO6	- Đánh giá bài kiểm tra tự luận trên giấy.

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		- Lựa chọn (hoặc thay thế) từ theo yêu cầu. - Đặt câu/ Mở rộng (rút gọn) hoặc chuyển đổi câu theo yêu cầu.				
		- Sửa lỗi đoạn văn/ Xây dựng đoạn văn. - Tạo lập văn bản. - Phân tích hoặc tóm tắt văn bản.	60%		CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	- Đánh giá bài kiểm tra tự luận trên giấy.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Sửa lỗi chính tả. - Sửa lỗi dùng từ/ Sửa lỗi đặt câu/ Lựa chọn hoặc thay thế từ/Đặt câu/ Mở rộng hoặc rút gọn hoặc chuyển đổi câu. - Chữa lỗi đoạn văn/ Xây dựng đoạn văn. - Tạo lập văn bản/ Tóm tắt và phân tích văn bản.	10% 20% 30% 40%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	- Đánh giá bài thi tự luận trên giấy.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	

Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, tích cực trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận TL	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập GV giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1- 4

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1(*). Kỹ năng phát âm Chương 2. Kỹ năng chính tả	- Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng.	4 3 1
2	Chương 3. Kỹ năng dùng từ	- Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng. * NH có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
3	Chương 4. Kỹ năng	- Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính	3

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	đặt câu	xác, rõ ràng. * NH có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	
Tổng điểm			10

(*) Riêng đối với Chương 1, GV sẽ kết hợp kiểm tra thông qua các giờ thực hành trên lớp. Lựa chọn hình thức kiểm tra nào, GV cần thông báo trước lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 5 - 6

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 6b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 5. Kỹ năng xây dựng đoạn văn.	- Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng. * NH có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
2	Chương 6. Kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản	- Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng. * NH có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	7
Tổng điểm			10

8.2.3. *Thi kết thúc học phần*

- Nội dung: Chương 2 - 6

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 2. Kỹ năng chính tả	- Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng.	1
2	Chương 3. Kỹ năng dùng từ Chương 4. Kỹ năng đặt câu	- Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng. * NH có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	2
3	Chương 5. Kỹ năng xây dựng đoạn	- Theo đáp án chấm: Trình bày	

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	văn	đủ ý, chính xác, rõ ràng. * NH có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
4	Chương 6. Kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản	- Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng. * NH có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	4
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường Bùi Thị Lan Hương Nguyễn Thị Ngọc Lương

2.5.25. Quản lý HCNN & QLNGĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP520030
1.2. Tên học phần:	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục – Đào tạo
1.3. Tên tiếng Anh:	Administrative management and education management
1.4. Số tín chỉ:	2
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	0 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Trần Thị Kim Loan
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Nguyễn Thị Thương Th.S Vũ Thanh Hòa Th.S Trần Thị Hòa Th.S Nguyễn Thị Diệp
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học các kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo, có khả năng vận dụng các kiến thức đó vào việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý giáo dục, đào tạo.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo.
- CO2: Có kiến thức cơ bản về quản lý ngành giáo dục mầm non

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Giải quyết được những vấn đề liên quan đến công tác quản lý hành chính trong nhà trường.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Thể hiện trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp giáo dục, nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được những nội dung cơ bản của quản lý hành chính nhà nước	CO1
CLO2	Phân tích được những văn bản pháp luật có liên quan đến quản lý ngành giáo dục và đào tạo	CO2
CLO3	Phân tích được những văn bản pháp luật có liên quan đến quản lý giáo dục mầm non	CO1, CO2, CO3
CLO4	Vận dụng kiến thức vào công tác quản lý hành chính trong nhà trường	CO1, CO2, CO3, CO4.

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I									
CLO2	I			M	I				R	M
CLO3	I			M		I		R		M
CLO 4	R	R		M						M
Tổng hợp học phần	I	R		M	I	I		R	R	M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thị Tính (chủ biên, 2015), *Giáo trình Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - đào tạo*, NXB ĐHTN.

[2]. Tài liệu Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo, Tập thể giảng viên Bộ môn Tâm lý - Giáo dục, trường Đại học Hạ Long tập hợp và biên soạn.

5.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011 – 2020.

[4]. Điều lệ trường mầm non 2020.

[5]. Luật Công chức năm 2008.

[6]. Luật Giáo dục năm 2020.

[7]. Luật Viên chức năm 2012.

[8]. Thông tư 19/2018 – BGDDT: Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non

[9]. Thông tư 01/2021/BGDDT Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

- <http://pbgdpl.moj.gov.vn>

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15tuần;
- Phân bố: 2 tiết/buổi x 1 buổi/tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, công chức, viên chức <i>4 tiết (3LT; 1TL)</i> 1.1. Những vấn đề cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước 1.1.1. Khái niệm quản lý hành	2LT	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về quản lý hành chính nhà nước.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	chính nhà nước 1.1.2. Những tính chất chủ yếu của nền hành chính nhà nước Việt Nam 1.1.3. Nội dung và qui trình chủ yếu của quản lí hành chính nhà nước 1.1.4. Công cụ (phương tiện), hình thức và phương pháp quản lí hành chính nhà nước 1.1.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lí hành chính nhà nước		- Sơ đồ hóa được các nội dung chủ yếu của quản lí hành chính nhà nước, quy trình của hoạt động QLNN - Hệ thống hóa được công cụ (phương tiện), hình thức và phương pháp quản lí hành chính nhà nước - Vận dụng vào quản lí ngành giáo dục, đào tạo và giáo viên mầm non.		viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 2	Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về quản lí hành chính nhà nước, công chức, viên chức (tiếp theo). 1.2. Công vụ, công chức, viên chức 1.2.1. Công vụ 1.2.2. Công chức, quyền lợi, nghĩa vụ của công chức 1.2.3. Viên chức, quyền lợi, nghĩa vụ của viên chức 1.2.4. Phân biệt công chức và viên chức 1.3. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giáo viên mầm non. Thảo luận - Phân tích các biện pháp cải	ILT ITL	Trình bày được khái niệm, nội dung và tính đặc thù của công vụ, công chức, các quyền lợi và nghĩa vụ công chức Trình bày được tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giáo viên Mầm non. Phân tích được các biện pháp cải cách quản lí hành chính tại địa	CLO1 CLO2 CLO3	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	cách về quản lý hành chính nhà nước tại địa phương. - Phân biệt công chức, viên chức?		phương.		nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 3	Chương 2. Quản lý hành chính nhà nước về giáo dục - đào tạo 4tiết(3LT;1TL) 2.1. Những vấn đề cơ bản của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Tính chất, đặc điểm và nguyên tắc quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 2.2. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo	2LT	Trình bày được những vấn đề cơ bản của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo Phân tích nội dung quản lý nhà nước về giáo dục- đào tạo	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 4	Chương 2. Quản lý hành chính nhà nước về giáo dục - đào tạo (tiếp theo) 2.3. Bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Nguyên tắc xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý. 2.3.3. Phương pháp xây dựng tổ chức quản lý 2.3.4. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về Giáo dục- đào tạo. Thảo luận	1LT 1TL	Phân tích bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Trình bày nguyên tắc, phương pháp và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục- đào tạo. Minh họa thực	CLO2, CLO3	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Nguyên tắc quản lý nhà nước về giáo dục- đào tạo. Ví dụ minh họa. - Sơ đồ hóa hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về Giáo dục - đào tạo.		tiền về nguyên tắc quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo. Hệ thống hóa các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo.		- Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 5	Chương 3. Đường lối, quan điểm của Đảng và nhà nước về Giáo dục và Đào tạo. <i>8 tiết (4LT;3 TL;1KT)</i> 3.1. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong giáo dục và đào tạo hiện nay 3.1.1. Tình hình giáo dục Việt Nam hiện nay 3.1.2. Bối cảnh và thời cơ, thách thức đối với giáo dục nước ta trong vài thập kỷ tới. 3.2. Những quan điểm chỉ đạo của Đảng về sự nghiệp đổi mới của giáo dục và đào tạo	2LT	Phân tích được bối cảnh thời cơ và thách thức đối với giáo dục nước ta trong vài thập kỷ tới. Phân tích những quan điểm chỉ đạo của Đảng về sự nghiệp đổi mới của Giáo dục và đào tạo.	CLO2, CLO3	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 6	Chương 3. Đường lối, quan điểm của Đảng và nhà nước về Giáo dục và Đào tạo. (tiếp theo) 3.3. Định hướng phát triển giáo dục - đào tạo thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa 3.3.1. Mục tiêu phát triển giáo dục.	2LT	Trình bày mục tiêu phát triển giáo dục Việt Nam	CLO2, CLO3, CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 7	Chương 3. Đường lối, quan điểm của Đảng và nhà nước về Giáo dục và Đào tạo. (tiếp theo) 3.3.2. Các giải pháp phát triển giáo dục. 3.4. Chính sách phát triển giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay 3.5. Nghị định 105/2020 – CP ngày 8/9/2020 qui định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Thảo luận - Đánh giá hiệu quả thực hiện các giải pháp trong chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2020. - Phân tích những điều kiện thuận lợi và những khó khăn đối với giáo dục Việt Nam giai đoạn tiếp theo.	2TL	Phân tích được các giải pháp phát triển giáo dục Việt Nam - Vận dụng giải pháp vào công tác giáo dục tại các trường mầm non hiện nay.	CLO2, CLO3, CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 8	Chương 3. Đường lối, quan điểm của Đảng và nhà nước về Giáo dục và Đào tạo. (tiếp theo)	1TL 1KT	Đánh giá hiệu quả thực hiện các giải pháp trong	CLO2, CLO3, CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Thảo luận - Liên hệ việc thực hiện các giải pháp trong chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2020. - Phân tích những điều kiện thuận lợi và những khó khăn đối với giáo dục Việt Nam giai đoạn hiện nay Bài kiểm tra số 1 - Hình thức: Tự luận - Kiến thức: chương 1 đến chương 3		chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2020. Phân tích được những điều kiện thuận lợi và những khó khăn đối với giáo dục Việt Nam giai đoạn tiếp theo.		dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 9	Chương 4. Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và trường chuẩn quốc gia <i>10 tiết (7LT;3TL)</i> 4.1. Luật Giáo dục và vận dụng trong quản lý trường học 4.1.1. Sự cần thiết ban hành Luật giáo dục. 4.1.2. Đặc điểm Luật giáo dục 4.1.3. Nội dung cơ bản của Luật giáo dục	2LT	Phân tích được sự cần thiết ban hành Luật giáo dục Trình bày được các đặc điểm cơ bản của Luật Trình bày được nội dung cơ bản của Luật giáo dục	CLO2, CLO3, CLO4	GV: - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 10	Chương 4. Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và trường chuẩn quốc gia (tiếp theo) 4.2. Điều lệ trường mầm non 4.2.1. Cấu trúc của Điều lệ nhà trường 4.2.2. Nội dung Điều lệ nhà	2LT	Nêu được cấu trúc của Điều lệ nhà trường Phân tích được nội dung cơ bản điều lệ nhà trường	CLO2, CLO3, CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức, điều khiển các

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	trường				hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 11	Chương 4. Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và trường chuẩn quốc gia (tiếp theo) 4.2.2. Nội dung Điều lệ nhà trường Thảo luận : - Xử lý các tình huống có liên quan đến các quy định của Luật Giáo dục.	1LT 1TL	Phân tích được nội dung cơ bản điều lệ nhà trường Giải thích được các nguyên nhân xử lý tình huống	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 12	Chương 4. Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và trường chuẩn quốc gia (tiếp theo) 4.3. Trường chuẩn quốc gia	1LT 1TL	Phân tích được nội dung cơ bản các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	mầm non. 4.3.1. Thông tin chung về quy chế 4.3.2. Các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mầm non Thảo luận : Sưu tầm hình ảnh, clip về trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; từ đó nhận xét các tiêu chuẩn đạt được của trường đó		mầm non		dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 13	Chương 4. . Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và trường chuẩn quốc gia (tiếp theo) 4.3.2. Các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mầm non Thảo luận - Xử lý các tình huống có liên quan đến các quy định của Điều lệ trường mầm non.	1LT 1TL	- Tóm tắt được tiêu chuẩn cơ bản trường chuẩn quốc gia	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 14	Chương 5. Đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non <i>4 tiết(3LT;1KT)</i> 5.1. Đánh giá giáo viên mầm	2LT	Phân tích được các quy định đánh giá, xếp	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	non, giáo viên phổ thông công lập 5.1.1. Nội dung đánh giá 5.1.2. Tiêu chuẩn đánh giá		loại giáo viên mầm non.		dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 15	Chương 5. Đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non (tiếp theo) 5.4. Đánh giá giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông công lập 5.4.1. Nội dung đánh giá 5.4.2. Tiêu chuẩn đánh giá Bài kiểm tra số 2. - Hình thức: Tự luận - Kiến thức: chương 4, chương 5	1LT 1KT	Phân tích được các quy định đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non.		GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới Đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra 1 Nội dung kiến thức chương 1 đến chương 3	50%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Theo rubric bài kiểm tra định kỳ (bảng 6.1)
		Bài kiểm tra 2 Nội dung kiến thức chương 4 đến chương 5	50%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Theo rubric bài kiểm tra định kỳ (bảng 6.2)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ		x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV thực hiện bài thi cuối kỳ theo quy định.

8.2. Tiêu chí đánh giá**8.2.1. Đánh giá chuyên cần****Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần**

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo

		hỏi.	viên giao.
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Khối kiến thức, kỹ năng thuộc chương trình đã nghiên cứu.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Những vấn đề cơ bản của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: - Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục - đào tạo - Các giải pháp phát triển giáo dục.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 - Luật giáo dục - Điều lệ trường mầm non	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2 - Xếp loại giáo viên mầm non	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Khôi kiến thức, kỹ năng của toàn bộ nội dung học phần.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần: căn cứ vào hướng dẫn chấm của từng đề thi cụ thể.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường Nguyễn Thị Thương Trần Thị Kim Loan

1.1. Mã học phần:	SP620010
1.2. Tên học phần:	Giáo dục gia đình

1.3. Tên tiếng Anh:	Family Education
1.4. Số tín chỉ:	02 (LT)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
-Kiểm tra	
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Trần Thị Kim Loan
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Nguyễn Thị Thương Th.S Trần Thị Hòa Th.S Nguyễn Thị Điệp Th.S Vũ Thanh Hòa
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Tâm lý học Mầm non
- Học phần song hành:	Giáo dục học Mầm non

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức, kỹ năng cơ bản về giáo dục gia đình, phương pháp giáo dục của gia đình trong quá trình giáo dục con nói chung và trẻ mầm non nói riêng.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về phương pháp giáo dục con cái ở các độ tuổi khác nhau.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO2: Vận dụng được các kiến thức của giáo dục học gia đình để giải thích các tình huống giáo dục cụ thể ở từng độ tuổi.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO3: Có thái độ đúng đắn, tinh thần trách nhiệm kết hợp giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội.

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được các chức năng cơ bản của giáo dục gia đình	CO1
CLO2	Vận dụng nội dung, phương pháp giáo dục gia đình theo từng độ tuổi	CO1, CO2
CLO3	Xây dựng được mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường hiệu quả	CO1, CO2, CO3
CLO4	Giải thích được các tình huống nảy sinh trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ trong gia đình	CO1, CO2, CO3

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1			I							
CLO 2		M	R	M	M	M		R	M	M
CLO 3		M	M	M	M	R		R	M	M
CLO 4		M	M	M	M	M				M
Tổng hợp học phần		M	M	M	M	M		R	M	M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Ngô Công Hoàn (2008). *Giáo trình giáo dục gia đình*. NXB Giáo dục.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Vũ Hồng Tiến (chủ biên, 2007) *Giáo trình giáo dục gia đình*, NXB giáo dục

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1. Lý luận chung về gia đình. <i>14 tiết (11LT, 2TL, 1KT)</i> 1.1. Khái niệm chung về gia đình 1.1.1. Định nghĩa gia đình 1.1.2. Gia đình là môi trường văn hóa gần nhất và sớm nhất đối với trẻ em 1.1.3. Các loại gia đình.	2LT	Phân tích được khái niệm gia đình. Trình bày các loại gia đình	<i>CLO1</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà. Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
Tuần 2	Chương 1. Lý luận chung về gia đình. (tiếp theo) 1.2. Các chức năng cơ bản của gia đình 1.2.1. Chức năng bảo tồn nòi giống và bảo tồn văn hóa dân tộc 1.2.2. Chức năng nuôi dưỡng con cái	2LT	Trình bày các chức năng cơ bản của gia đình	<i>CLO1</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà. Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
Tuần 3	Chương 1. Lý luận chung về gia đình. (tiếp theo) 1.2.3. Chức năng giáo dục con cái 1.2.4. Chức năng kinh tế	2LT	Trình bày các chức năng cơ bản của gia đình	<i>CLO1</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập

					về nhà. Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
Tuần 4	Chương 1. Lý luận chung về gia đình. (tiếp theo) 1.2.5. Chức năng chăm sóc người cao tuổi 1.2.6. Gia đình và quyền trẻ em	2LT	Trình bày các chức năng cơ bản của gia đình	<i>CLO1</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà. Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
Tuần 5	Chương 1. Lý luận chung về gia đình. (tiếp theo) 1.3. Các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình 1.3.1. Cha và mẹ 1.3.2. Cha, mẹ và con 1.3.3. Ông, bà và cháu	2LT	Phân tích các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình	<i>CLO1</i> <i>CLO4</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà. Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
Tuần 6	Chương 1. Lý luận chung về gia đình. (tiếp theo) 1.3.4. Anh, chị và em 1.3.5. Quan hệ với người giúp việc.	1LT 1TL	Phân tích các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình	<i>CLO1</i> <i>CLO4</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho SV làm bài tập

	Thảo luận So sánh các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình qua một số giai đoạn lịch sử.				trên lớp; - Giao bài tập về nhà. Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
Tuần 7	Chương 1. Lý luận chung về gia đình. (tiếp theo) Thảo luận: Xử lý, giải thích được các tình huống nảy sinh trong các mối quan hệ trong gia đình Liên hệ thực tiễn Kiểm tra 1 tiết số 1 - Hình thức: Tự luận - Nội dung: Kiến thức chương 1	1TL 1KT	Xử lý, giải thích được các tình huống nảy sinh trong các mối quan hệ trong gia đình Phân tích được các kiến thức cơ bản về gia đình; từ đó vận dụng giải thích được các tình huống nảy sinh trong các mối quan hệ trong gia đình	<i>CLO1</i> <i>CLO4</i>	GV: - Tổ chức thảo luận; SV: - Thảo luận - Làm bài tập trên lớp; - Thực hiện bài kiểm tra.
Tuần 8	Chương 2. Giáo dục con trong gia đình. <i>16 tiết (11LT; 4TL; 1KT)</i> 2.1. Mục tiêu giáo dục con trong gia đình 2.2. Giáo dục con chưa đến tuổi học tiểu học 2.2.1. Giáo dục con ở tuổi sơ sinh	2LT	Phân tích được mục tiêu giáo dục con trong gia đình	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà. SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
	Chương 2. Giáo dục	2LT	Phân tích nội		GV:

Tuần 9	con trong gia đình. (tiếp theo) 2.2.2. Giáo dục con tuổi hài nhi 2.2.3. Giáo dục con tuổi ấu nhi		dung, phương pháp giáo dục con tuổi hài nhi, ấu nhi.		- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà. SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
Tuần 10	Chương 2. Giáo dục con trong gia đình. (tiếp theo) 2.2.4. Giáo dục con tuổi mẫu giáo	2LT	Phân tích nội dung, phương pháp giáo dục con tuổi mẫu giáo		GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà. SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
Tuần 11	Chương 2. Giáo dục con trong gia đình. (tiếp theo) 2.3. Giáo dục con là học sinh 2.3.1. Giáo dục tuổi nhi đồng- học sinh tiểu học 2.3.2. Giáo dục con tuổi thiếu niên - học sinh THCS	2LT	Phân tích nội dung, phương pháp giáo dục con tuổi học sinh		GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà. Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập;

					- Thảo luận;
Tuần 12	Chương 2. Giáo dục con trong gia đình. (tiếp theo) 2.3.3. Giáo dục con tuổi thanh niên mới lớn- học sinh PTTH 2.4. Mối quan hệ của gia đình, nhà trường và xã hội	2LT	Phân tích nội dung, phương pháp giáo dục con tuổi học sinh THPT. Phân tích mối quan hệ gia đình, nhà trường, xã hội		GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà. Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
Tuần 13	Chương 2. Giáo dục con trong gia đình. (tiếp theo) 2.4.1. Quan hệ của gia đình với nhà trường 2.4.2. Quan hệ của gia đình với xã hội Thảo luận: - Đánh giá sự khác biệt giáo dục con trong gia đình ở các độ tuổi khác nhau	1LT 1TL	Phân tích mối quan hệ gia đình, nhà trường, xã hội Đánh giá sự khác biệt giáo dục con trong gia đình ở các độ tuổi khác nhau		GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà. Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;
Tuần 14	Chương 2. Giáo dục con trong gia đình. (tiếp theo) Thảo luận: - Đánh giá sự khác biệt giáo dục con trong gia đình ở các độ tuổi khác nhau - Mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội	2TL	Đánh giá sự khác biệt giáo dục con trong gia đình ở các độ tuổi khác nhau. Phân tích mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã		GV: - Tổ chức thảo luận - Giao bài tập về nhà. SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;

	Liên hệ thực tiễn		hội		
Tuần 15	Chương 2. Giáo dục con trong gia đình. (tiếp theo) Thảo luận: - Đánh giá sự khác biệt giáo dục con trong gia đình ở các độ tuổi khác nhau -Mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội Kiểm tra 1 tiết số 2 - Hình thức: Tự luận - Nội dung: Kiến thức chương 2	1TL 1KT	Đánh giá sự khác biệt giáo dục con trong gia đình ở các độ tuổi khác nhau. Phân tích mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội		GV: - Tổ chức thảo luận. Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - SV thực hiện bài kiểm tra

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO 4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra 1 Nội dung: Kiến thức chương 1	50%		CLO 1 CLO2 CLO3	Rubric đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.1)
		Bài kiểm tra 2 Nội dung: Kiến thức chương 2	50%		CLO 2 CLO3, CLO4	Rubric đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.2)
A3	60%	Bài thi cuối kỳ		R1	CLO 1	SV thực hiện

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
Đánh giá cuối kỳ		(theo ngân hàng đề thi)			CLO 2 CLO 3 CLO 4	bài thi cuối kỳ theo quy định

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Trong bảng 4
- Hình thức: Kiểm tra tự luận
- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Chức năng của gia đình	- Trình bày, phân tích rõ ràng, đúng vấn đề.	3.5
		- Trình bày logic, khoa học.	0.5
		- Liên hệ thực tiễn	1.0
2	Câu 2: Các mối quan hệ trong gia đình	- Trình bày, phân tích rõ ràng, đúng vấn đề.	3.5
		- Trình bày logic, khoa học.	0.5
		- Liên hệ thực tiễn	1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Giáo dục con lứa tuổi mẫu giáo	- Trình bày, phân tích rõ ràng, đúng vấn đề.	3.5
		- Trình bày logic, khoa học.	0.5
		- Liên hệ thực tiễn	1.0
2	Câu 2: Mối quan hệ của gia đình, nhà trường và xã hội trong vấn đề giáo dục trẻ em	- Trình bày, phân tích rõ ràng, đúng vấn đề.	3.5
		- Trình bày logic, khoa học.	0.5
		- Liên hệ thực tiễn	1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức giáo dục gia đình
- Hình thức: Bài thi tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng**Trưởng khoa****Trưởng bộ môn****Người biên soạn****Vũ Vương Trưởng****Nguyễn Thị Thương****Trần Thị Kim Loan**

1.1. Mã học phần:	SP620011
1.2. Tên học phần:	Đàn Organ
1.3. Tên tiếng Anh:	Electronic Organ
1.4. Số tín chỉ:	2 TH
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	12 tiết
- Thực hành:	48 tiết

- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Liễu Quỳnh Như
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Phạm Trung Kiên Ths. Vũ Mạnh Hùng
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Âm nhạc
- Học phần học trước:	Âm nhạc cơ bản, Tổ chức hoạt động âm nhạc
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung (CO)

Người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng đàn Organ. Đàn và đệm được các ca khúc trong chương trình giáo dục mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về đàn Organ : lịch sử, cấu trúc, các chức năng, tư thế chơi đàn và cách bảo quản đàn.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO2: Có kỹ năng sử dụng thành thạo các thao tác khi đàn và đệm các bài hát. Đệm các bài hát bằng tiết điệu và hợp âm. Đàn hai tay một số bài trong chủ đề của chương trình giáo dục Mầm non.

- CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở giáo dục mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có trách nhiệm, chủ động, linh hoạt trong tổ chức các hoạt động âm nhạc ở các cơ sở giáo dục Mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về đàn Organ : lịch sử, cấu trúc, các chức năng, tư thế chơi đàn và cách bảo quản đàn	CO1
CLO2	Sử dụng thành thạo các thao tác khi đàn và đệm các bài hát. Đệm các bài hát bằng tiết điệu và hợp âm. Đàn hai	CO2

	tay một số bài trong chủ đề của chương trình giáo dục Mầm non.	
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở giáo dục mầm non.	CO3
CLO4	Tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hợp tác, chia sẻ, kiên trì trong tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ tại các cơ sở GDMN.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau: ¹

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I	M	I					I
CLO 2		R	R	I	M				R	I
CLO 3		M	M	M		M			R	I
CLO 4		R		M		R			R	R
Tổng hợp học phần		R	M	M	M	R			R	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Cù Minh Nhật (2012), *Giúp giáo viên sử dụng tốt đàn phím điện tử trong thiết kế bài giảng lớp 2* Nxb Âm nhạc.

[2]. Cù Minh Nhật (2012), *Giúp giáo viên sử dụng tốt đàn phím điện tử trong thiết kế bài giảng lớp 5* Nxb Âm nhạc.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Patrích Moulou (2011), *1000 hợp âm cho đàn Organ*, Nxb Tổng hợp TPHCM.

[2]. Cù Minh Nhật (2011), *Piano thực hành phần cơ bản*, Nxb Âm nhạc.

[3]. Cù Minh Nhật (2009), *Tự học Organ điện tử*, Nxb Âm nhạc.

[4]. Cù Minh Nhật (2010), *Organ thực hành (134 bài hát mẫu giáo)*, Nxb Âm nhạc.

[5]. Cù Minh Nhật (2008), *Organ thực hành (80 bài hát hay trong sinh hoạt tập thể)*, Nxb Âm nhạc.

[6]. Hoàng Hoa (2009), *Tuyển tập các bản nhạc căn bản dành cho Piano Classic*, Nhà xuất bản Phương Đông.

6. Cấu trúc học phần:

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 15 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:

- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học:

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần Chương 1: Những vấn đề chung về đàn Organ 1.1. Vài nét lịch sử, vị trí và tác dụng của đàn Organ 1.2. Cấu trúc cơ bản của đàn Organ 1.3. Nhận biết vị trí các âm thanh và phạm vi từng tay trên hàng phím 1.4. Chức năng và cách sử dụng đàn Organ 1.5. Công tác bảo quản 1.6. Những tư thế khi đánh đàn Organ	4LT	- Giải thích được các tính năng, cấu trúc và cách sử dụng đàn. - Nhận biết được vị trí các âm thanh trên đàn. - Sử dụng thành thạo kỹ thuật cơ bản của tay phải và tay trái trên đàn	CLO1, CLO4	- GV: + trình chiếu, diễn giải và hướng dẫn cho NH. - NH: + lắng nghe, ghi nhớ và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV.
2	Chương 2: Một số kỹ năng cơ bản trên đàn Organ 2.1. Những bài luyện ngón cơ bản 2.1.1 Những bài luyện ngón dành cho 2 ngón 2.1.2 Những bài luyện ngón dành cho 3 ngón 2.1.3 Những bài luyện ngón dành cho 4 ngón	1TH 3TH	- Thực hiện được luyện ngón trên đàn organ trong kỹ thuật luyện ngón 2 ngón, 3 ngón, 4 ngón, 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV: + Tổ chức, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ thực hành. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Thực hành luyện tập,

					+ Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.
5	Một số ca khúc sử dụng với các tiết điệu thường dung trên đàn Organ Một số ca khúc sử dụng tiết điệu Disco, polka, March, Fox, Rock (nhịp 2/4 và 4/4) Một số ca khúc sử dụng tiết điệu Waltz (nhịp 3/4 và 3/8) Một số ca khúc sử dụng tiết điệu Latin: Cha cha cha, Rhumba, Bossanova	1LT 3TH	- Thực hiện được các tính năng trên đàn organ và lựa chọn tiết điệu phù hợp với bài hát.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV: + Tổ chức, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ thực hành. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. -NH: Thực hành luyện tập, lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.
6	Một số ca khúc sử dụng tiết điệu Disco, polka, March, Fox, Rock (nhịp 2/4 và 4/4)	1LT 3TH	-Thực hiện thành thạo các tính năng trên đàn organ và lựa chọn tiết điệu phù hợp với bài hát.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- NH: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm.

					+ Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.
7	3.3. Kỹ năng nâng cao Soạn hợp âm đệm cho bài dạy trẻ hát: C-dur, G-dur, F-dur	1LT 3TH	- Thực hiện được cách soạn hợp âm trên đàn những bài trong phạm vi của gam C- dur, G – dur, F- dur.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV: + Tổ chức, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ thực hành. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Thực hành luyện tập, lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.
8	Soạn hợp âm đệm cho bài hát cho trẻ nghe	1LT 3TH	- Đặt được các hợp âm đơn giản cho bài hát.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm.

					+ Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.
9	Cách viết câu đạo nhạc	1LT 3TH	- Thực hiện được cách soạn những câu đạo nhạc của những bài hát trong chương trình Âm nhạc mầm non.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.
10	Cách viết câu đạo nhạc(tiếp)	4TH	- Soạn những câu	CLO1, CLO2,	- GV: + Tổ chức,

			đạo nhạc của những bài hát trong chương trình Âm nhạc mầm non.	CLO3, CLO4	hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ thực hành. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Thực hành luyện tập, lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.
11	Ứng dụng đàn Organ trong giáo dục âm nhạc Ca hát Vận động theo nhạc	1LT 3TH	- Sử dụng được thành thạo trên đàn phím, có thể vừa hát, vừa đàn, vừa đệm các ca khúc, vừa đàn các bài hát cho trẻ nghe hoặc chơi những trò chơi âm nhạc trên đàn Organ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.
12	Nghe hát	1LT	- Sử dụng thành thạo	CLO1, CLO2,	- GV: + Giao nhiệm vụ

	Trò chơi âm nhạc Luyện tập	3H	trên đàn, có thể vừa hát, vừa đàn, vừa đệm các ca khúc, vừa đàn các bài hát cho trẻ nghe hoặc chơi những trò chơi âm nhạc trên đàn Organ.	CLO3, CLO4	vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.
13	3.4. Ứng dụng đàn Organ trong giáo dục âm nhạc (tiếp)	4TH	- Sử dụng thành thạo trên đàn, có thể vừa hát, vừa đàn, vừa đệm các ca khúc, vừa đàn các bài hát cho trẻ nghe hoặc chơi những trò chơi âm nhạc trên đàn Organ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV: + Tổ chức, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ thực hành. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Thực hành luyện tập, lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.
14	3.4. Ứng dụng đàn Organ	4TH	- Sử dụng	CLO1,	- GV:

	trong giáo dục âm nhạc (tiếp)		các kĩ thuật, các kĩ năng trên đàn phím điện tử vào những bài hát trong chương trình giáo dục mầm non	CLO2, CLO3, CLO4	+ Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.
15	Ứng dụng đàn Organ trong giáo dục âm nhạc (tiếp) Ôn tập – kiểm tra	4TH	- Sử dụng các kĩ thuật, các kĩ năng trên đàn phím điện tử vào những bài hát trong chương trình giáo dục mầm non	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Số tiết dự lớp; - Tinh thần thái độ học tập trên lớp; - Ý thức tự học, tự nghiên cứu.	40% 30% 30%		CLO1,2,3	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	- Những vấn đề cơ bản về đàn organ - Thực hành đàn một bài hát bắt buộc trong chương trình.	20% 30% 50%		CLO1 CLO2	Theo rubric (bảng 6.1)
		- Đàn một bài hát tự chọn nằm trong chương trình.			CLO2, CLO3, CLO4	Theo rubric (bảng 6.2)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Đàn một bản nhạc trên đàn Organ. - Đàn một bài hát tự chọn nằm trong chương trình.	50% 50%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	Theo rubric (bảng 7)

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	

Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Những vấn đề cơ bản về đàn Organ; Đàn một bản nhạc trên đàn Organ
- Hình thức: thực hành
- Thời gian:

Bảng 6.1. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những vấn đề cơ bản về đàn Organ	Theo đáp án: - Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng - Có liên hệ với thực tiễn	1,5 1,5
2	Đàn một bản nhạc trên đàn Organ	- Đánh chính xác nốt nhạc - Đánh chính xác giai điệu bài hát - Đánh tung tiết tấu, trường độ - Sử dụng âm đệm chính xác - Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm	1 1 1 1 2 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		- Sử dụng thành thạo các tính năng trên đàn Organ	

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Đàn một bài hát bắt buộc nằm trong chương trình; Đàn một bài hát tự chọn nằm trong chương trình.
- Hình thức: thực hành
- Thời gian:

Bảng 6.2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM
- Đánh chính xác nốt nhạc	2
- Đánh chính xác giai điệu bài hát	2
- Đánh tưng tiết tấu, trường độ	1
- Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm	1
- Sử dụng thành thạo các tính năng trên đàn Organ	1
- Phong thái biểu diễn, phong cách thể hiện đúng tính chất bài hát	1
- Sử dụng âm đệm chính xác	1
- Thể hiện tốt sắc thái, thể loại của bài hát	1
Tổng số điểm	10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Đàn một bản nhạc trên đàn Organ; Đàn 1 bài hát tự chọn nằm trong chương trình.
- Hình thức: thực hành
- Thời gian:

Bảng 7. Tiêu chí đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Đàn một bản nhạc trên đàn Organ.	- Đánh chính xác nốt nhạc - Đánh chính xác giai điệu bài hát - Đánh tưng tiết tấu, trường độ - Sử dụng âm đệm chính xác - Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm - Sử dụng thành thạo các tính	0,5 0,5 1 1 1 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		năng trên đàn Organ	
2	- Đàn 1 bài hát tự chọn nằm trong chương trình.	- Đánh chính xác nốt nhạc - Đánh chính xác giai điệu bài hát - Đánh từng tiết tấu, trường độ - Sử dụng âm đệm chính xác - Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm. - Sử dụng thành thạo các tính năng trên đàn Organ - Thể hiện tốt sắc thái, thể loại của bài hát - Phong thái biểu diễn, phong cách thể hiện đúng tính chất bài hát	0,5 0,5 1 1 1 1

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng Trưởng khoa

Trưởng bộ môn Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng Nguyễn Thị Quý Kim Liễu Quỳnh Như

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Mầm non**

1.1. Mã học phần:	SP620013
1.2. Tên học phần:	Tâm lý học mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Psychology of early childhood
1.4. Số tín chỉ:	03(LT)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Trần Thị Hòa
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Trần Thị Kim Loan Nguyễn Thị Thương Nguyễn Thị Diệp Vũ Thanh Hòa
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Tâm lý học đại cương
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung: Sau khi học xong học phần người học có các kiến thức về phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non. Trên cơ sở đó, người học có thể nghiên cứu vận dụng các kiến thức tâm lý học vào thực hiện hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Cos)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức về tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non

2.2.2. Về kĩ năng

- CO2: Có khả năng giải thích được những hiện tượng tâm lý ở trẻ em lứa tuổi mầm non và các biểu hiện của chúng trong các dạng hoạt động của trẻ.

- CO3: Có khả năng vận dụng những kiến thức tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non vào chăm sóc, giáo dục trẻ, góp phần hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách trẻ, chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp một.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có ý thức tích cực, tự giác, thường xuyên trau dồi, vận dụng tri thức vào học tập, nghề nghiệp; chủ động ứng dụng vào cuộc sống và rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức của con người mới.

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được các kiến thức về tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	CO1, CO2
CLO2	Giải thích được các hiện tượng và sự phát triển tâm lý trẻ em	CO2, CO3
CLO3	Vận dụng tri thức Tâm lý học mầm non vào công tác chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO4	Đánh giá được sự phát triển đời sống tâm lý của trẻ em.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO5	Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào việc rèn luyện năng lực nghề nghiệp của bản thân.	CO1, CO2, CO3, CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	M	M	I	R	R			R	R
CLO 2	I	M	R	M	M	R			R	M
CLO 3	I	R	R	M	M	R			R	M
CLO 4	I	M	M	R	M	M			R	M
CLO5	I	M	I	I	I	M			M	M
Tổng hợp học phần	I	M	M	M	M	R			R	M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1] Nguyễn Ánh Tuyết – Nguyễn Thị Như Mai (2020). *Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Giáo dục

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Dương Thị Diệu Hoa (Chủ biên)(2019). *Giáo trình tâm lý học phát triển*. NXB ĐH sư phạm.

[3] Trương Thị Khánh Hà (2015). *Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Lê Minh Nguyệt (chủ biên) (2014), *Tình huống Tâm lý học giáo dục*, NXB ĐH quốc gia.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1	<i>* Giới thiệu học phần</i> Chương 1. Những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Tâm lý học trẻ em 1.2. Phương pháp nghiên cứu của tâm lý học trẻ em Thảo luận: Phân tích tác dụng của phương pháp nghiên cứu sản phẩm và phương pháp đo lường xã hội trong nghiên cứu tâm lý trẻ em.	3LT	- Phân tích được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Tâm lý học trẻ em; các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em. - Vận dụng các phương pháp vào quá trình nghiên cứu tâm lý trẻ em;	CLO1, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 2	Tiếp chương 1 1.3. Quy luật phát triển tâm lý của trẻ em 1.3.1. Sự phát triển tâm lý của trẻ em 1.3.2. Những quy luật phát triển tâm lý của trẻ	3LT	- Phân tích được các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em. - Đánh giá tác	CLO1, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	em 1.3.3. Phân định thời kì phát triển theo lứa tuổi Thảo luận: Phân tích những quy luật phát triển tâm lý của trẻ em.		động của các yếu tố đến sự phát triển tâm lý trẻ em		hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 3	Chương 2. Đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ em trong năm đầu tiên 2.1. Giai đoạn phát triển của trẻ sơ sinh (từ lọt lòng đến 2 tháng) 2.1.1. Vai trò của các phản xạ không điều kiện 2.1.2. Tình trạng bất phân- cảm giác chưa phân định 2.1.3. Nhu cầu tiếp nhận các ấn tượng bên ngoài 2.1.4. Nhu cầu gắn bó với người khác Thảo luận: Phân tích nhu cầu gắn bó với người khác của trẻ em.	3LT	- Phân tích được các đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ sơ sinh - Giải thích được các hiện tượng tâm lý của trẻ sơ sinh - Vận dụng kiến thức vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ; - Đánh giá được sự phát triển tâm lý của trẻ em giai đoạn sơ sinh	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 4	Tiếp chương 2 2.2. Đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ hài nhi (2-15 tháng) 2.2.1. Giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là	3LT	- Phân tích được các đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi;	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	hoạt động chủ đạo của trẻ hải nhi 2.2.2. Sự phát triển vận động, hành động với đồ vật và định hướng vào môi trường xung quanh Thảo luận: Chứng minh rằng giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hải nhi.		- Giải thích được các hiện tượng tâm lí của trẻ hải nhi; - Vận dụng kiến thức vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ; - Đánh giá được sự phát triển tâm lí của trẻ em giai đoạn hải nhi.		- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 5	Tiếp chương 2 2.2.3. Hình thành những tiền đề của sự lĩnh hội ngôn ngữ Thảo luận: Quan sát đặc điểm ngôn ngữ của trẻ hải nhi và làm rõ vai trò của người lớn, từ đó rút ra kết luận sự phạm cần thiết.	3LT	- Vận dụng kiến thức vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ; - Đánh giá được sự phát triển tâm lí của trẻ em giai đoạn hải nhi.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 6	Chương 3. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi 3.1. Sự phát triển hoạt động của trẻ ấu nhi 3.1.1. Hoạt động với đồ	3LT	- Phân tích được các đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi;	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	vật là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi 3.1.2. Các loại hành động với đồ vật của trẻ ấu nhi 3.1.3. Đi theo tư thế thẳng đứng – hình thái vận động đặc trưng của con người Thảo luận: Chứng minh hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi là hoạt động với đồ vật.		- Giải thích được các hiện tượng tâm lý của trẻ ấu nhi. - Vận dụng kiến thức vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ ấu nhi.		- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 7	Tiếp chương 3 3.2. Sự phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật 3.2.1. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật 3.2.2. Sự phát triển trí tuệ của trẻ ấu nhi Thảo luận: Quan sát và phân tích sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ấu nhi.	3LT	- Phân tích được các đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi; - Giải thích được các hiện tượng tâm lý của trẻ ấu nhi. - Vận dụng kiến thức vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ ấu nhi.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 8	Tiếp chương 3 3.3. Xuất hiện tiền đề của sự hình thành nhân cách 3.3.1. Sự hình thành cấu tạo tâm lý bên trong 3.3.2. Sự xuất hiện tự ý thức	2LT 1KT	- Vận dụng kiến thức vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ; - Đánh giá được sự phát	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Hoàn thành bài kiểm tra số 1. GV:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	3.3.3. Nguyên vọng độc lập và khủng hoảng tuổi lên 3. Thảo luận: Giải quyết tình huống gắn với khủng hoảng tuổi lên 3. Kiểm tra 1 tiết số 1 - Hình thức: tự luận - Nội dung: từ chương 1 đến chương 3.		triển tâm lí của trẻ em giai đoạn ấu nhi.		- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 9	Chương 4. Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo (3-6 tuổi) 4.1. Hoạt động vui chơi 4.2. Các dạng hoạt động khác của trẻ mẫu giáo 4.2.1. Nảy sinh những yếu tố của hoạt động học tập 4.2.2. Những hình thức sơ đẳng của hoạt động lao động Thảo luận: Phân tích quá trình phát triển xã hội trẻ em trong sự phát triển của trẻ mẫu giáo?	3LT	- Lí giải nguyên nhân hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo; - Vận dụng kiến thức vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 10	Chương 5. Đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ mẫu giáo bé (3-4 tuổi) 5.1. Sự thay đổi hoạt động chủ đạo 5.2. Sự hình thành ý thức về bản thân Thảo luận: Phân tích biểu hiện của sự hình thành ý thức về bản thân	3LT	- Phân tích được sự thay đổi hoạt động chủ đạo của trẻ MG bé; - Giải thích được sự hình thành ý thức bản thân của trẻ MG bé.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	của trẻ mẫu giáo bé?		- Vận dụng kiến thức vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ;		trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần Tuần 11	Tiếp chương 5 5.3. Một bước ngoặt về tư duy 5.4. Sự xuất hiện động cơ hành vi Thảo luận: - Phân tích động cơ hành vi của trẻ mẫu giáo bé?	3LT	- Phân tích được sự phát triển tư duy của trẻ MN bé; - Lí giải được sự xuất hiện động cơ hành vi của trẻ MG bé; - Đánh giá được sự phát triển tâm lí của trẻ em giai đoạn mẫu giáo bé.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 12	Chương 6. Đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi) 6.1. Hoàn thiện hoạt động vui chơi và hình thành xã hội trẻ em 6.2. Giai đoạn phát triển mạnh tư duy trực quan hình tượng Thảo luận: Chứng minh rằng tuổi mẫu giáo nhỡ là giai đoạn phát triển mạnh về tư duy trực quan hình	3LT	- Phân tích được các đặc điểm phát triển về hoạt động vui chơi và phát triển tư duy của trẻ mẫu giáo nhỡ; - Vận dụng kiến thức vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ;	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	tượng?				
Tuần 13	Tiếp chương 6 6.3. Sự phát triển đời sống tình cảm 6.4. Sự phát triển động cơ hành vi và sự hình thành hệ thống thứ bậc Thảo luận: Phân tích sự khác biệt giữa động cơ hành vi của trẻ mẫu giáo nhỡ và mẫu giáo bé.	3LT	- Giải thích được sự phát triển tình cảm và sự hình thành hệ thống thứ bậc của trẻ MG nhỡ. - Đánh giá được sự phát triển tâm lý của trẻ em giai đoạn mẫu giáo nhỡ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
Tuần 14	Chương 7. Các đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi) 7.1. Hoàn thiện cấu trúc tâm lý người 7.1.1. Sự thành thạo tiếng mẹ đẻ trong sinh hoạt hàng ngày 7.1.2. Sự xác định ý thức bản ngã và tính chủ định trong hoạt động tâm lý 7.1.3. Xuất hiện kiểu tư duy trực quan mới- tư duy trực quan sơ đồ và những yếu tố của tư duy logic Thảo luận: Quan sát đặc điểm ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo lớn và rút ra kết luận sự phạm.	3LT	- Phân tích được sự hoàn thiện cấu trúc của trẻ MG lớn; - Vận dụng kiến thức vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ; - Đánh giá được sự phát triển tâm lý của trẻ em giai đoạn mẫu giáo lớn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Hoàn thành bài kiểm tra. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
Tuần 15	Tiếp chương 7 7.2. Tiến vào bước ngoặt 6 tuổi 7.2.1. Bước ngoặt 6 tuổi 7.2.2. Trình độ chuẩn bị sẵn sàng về mặt tâm lý cho trẻ đến trường phổ thông Thảo luận: Trình bày ý kiến về quan điểm: “Cho trẻ học trước chương trình lớp một là cách chuẩn bị tốt nhất giúp trẻ vào trường Tiểu học thuận lợi”? Kiểm tra 1 tiết số 2 - Hình thức: tự luận - Nội dung: từ chương 4 đến chương 7.	2LT 1KT	- Lí giải được vì sao cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; - Vận dụng kiến thức đã học vào việc xây dựng các hoạt động phù hợp chuẩn bị cho trẻ MG vào trường tiểu học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Hoàn thành bài kiểm tra số 2. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Hướng dẫn ôn tập, đánh giá môn học.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		X	CLO5	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra 1 (thực hiện vào tuần 8)	50%	X	CLO1, CLO2, CLO3,	Theo rubric (bảng 6.1)

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
					CLO4, CLO5	
		Bài kiểm tra 2 (thực hiện vào tuần 15)	50%	X	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Theo rubric (bảng 6.2)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ (theo ngân hàng đề thi)		X	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Theo rubric (bảng 7)

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80%	Thái độ học tập	Thực hiện ít hơn 50% các

	số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	không tích cực	nhiệm vụ học tập giảng viên giao

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: khối lượng kiến thức, kỹ năng thuộc nội dung chương trình đã nghiên cứu.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Rubic đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Nội dung: thuộc kiến thức, kỹ năng chương 1 hoặc chương 2 - Quy luật phát triển tâm lý trẻ em - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ sơ sinh - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Nội dung: thuộc kiến thức, kỹ năng chương 3 - Sự phát triển hoạt động của trẻ ấu nhi - Sự phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Rubic đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Nội dung: thuộc kiến thức, kỹ năng chương 4 hoặc chương 5 - Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo bé	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Nội dung thuộc kiến thức, kỹ năng chương 6 hoặc chương 7. - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỏ - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Toàn bộ khối kiến thức đã nghiên cứu trong chương trình.
- Hình thức: Bài thi tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Rubric đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1. (2 điểm) Nội dung: thuộc kiến thức, kĩ năng chương 1 hoặc chương 4 - Quy luật phát triển tâm lý trẻ em - Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
2	Câu 2 (4 điểm) Nội dung: thuộc kiến thức, kĩ năng chương 2 hoặc chương 3 - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ sơ sinh - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi		
3	Câu 3 (4 điểm) Nội dung: thuộc kiến thức, kĩ năng chương 5, chương 6 hoặc chương 7. - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo bé; - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỡ; - Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn.		
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng**Trưởng khoa****Trưởng bộ môn****Người biên soạn****Vũ Vương Trưởng****Nguyễn Thị Thương****Trần Thị Hòa**

2.5.29. Giáo dục học mầm non (3 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620014
1.2. Tên học phần:	Giáo dục học mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Early childhood Education Pedagogy
1.4. Số tín chỉ:	3 (2LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Trần Thị Kim Loan
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Nguyễn Thị Thương Th.S Vũ Thanh Hòa Th.S Trần Thị Hòa Th.S Nguyễn Thị Điệp
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Tâm lý học mầm non
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về giáo dục mầm non, hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; kỹ năng phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, tổ chức cuộc sống của trẻ mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về giáo dục mầm non.

- CO2: Có kiến thức cơ bản về tổ chức các hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có năng lực tự chủ linh hoạt, sáng tạo trong việc thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non

- CO5: Rèn luyện phẩm chất và nhân cách người giáo viên mầm non

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được các kiến thức cơ bản về giáo dục mầm non	CO1
CLO2	Phân tích được đặc điểm lao động sư phạm, những yêu cầu phẩm chất, năng lực của người giáo viên mầm non.	CO2, CO5
CLO3	Vận dụng kiến thức giáo dục học mầm non vào công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
CLO 4	Thiết kế, tổ chức, đánh giá được các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo độ tuổi.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO5	Rèn luyện được phẩm chất, năng lực của người giáo viên mầm non theo yêu cầu thực tiễn xã hội.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		M								R
CLO2		M		M	M	R			M	R
CLO3		M	R	M	M	M		R	M	R
CLO 4		R	R		M	M		R	M	R
Tổng hợp học phần		M	R		M	M		R	M	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh (2001), *Giáo dục học mầm non*, NXb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Đinh Văn Vang (Chủ biên) (2008), *Giáo dục học mầm non*, NXB. Giáo dục.

5.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Thị Hòa (2015), *Giáo dục học mầm non*, NXB. Đại học Sư phạm.

[4]. Hồ Lam Hồng (2008), *Nghề giáo viên Mầm non*, NXB. Giáo dục.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/buổi x 1 buổi/tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 3 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1. Những vấn đề chung của giáo dục học mầm non. <i>8 tiết (6LT; 2TH)</i> 1.1. Đối tượng của giáo dục học mầm non 1.2. Nhiệm vụ của giáo dục học mầm non 1.3. Mối liên hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác 1.4. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non 1.5. Nguyên tắc giáo dục mầm non 1.5.1. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục mầm non 1.5.2. Một số nguyên tắc giáo dục mầm non	3LT 1TH	Phân tích được đối tượng của giáo dục học, những khái niệm cơ bản của giáo dục học và các phương pháp nghiên cứu cơ bản Trình bày khái niệm nguyên tắc giáo dục mầm non. Phân tích một số nguyên tắc giáo dục mầm non.	CLO1 CLO2	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	1.5.2.1. Giáo dục mầm non cần đảm bảo tính mục đích. 1.5.2.2. Giáo dục mầm non cần đảm bảo cân đối giữa chăm sóc và giáo dục trẻ 1.5.2.3. Giáo dục mầm non tổ chức cuộc sống và hoạt động phù hợp với từng độ tuổi Thực hành: <i>Bài tập thực hành 1,2 [1, tr 22]</i>				trên lớp.
Tuần 2	Chương 1. Những vấn đề chung của giáo dục học mầm non (tiếp theo) 1.5.2.4. Giáo dục mầm non đảm bảo các tác động đồng bộ đến nhân cách trẻ. 1.5.2.5. Giáo dục mầm non đảm bảo tính hệ thống, tính liên tục trong quá trình giáo dục trẻ. 1.5.2.6. Giáo dục mầm non kết hợp vai trò chủ đạo của GV với tính tích cực, chủ động của trẻ. 1.5.2.7. Giáo dục mầm non kết hợp chăm sóc, GD trong nhóm (tập thể) với từng trẻ một. 1.5.2.8. Giáo dục mầm non phối hợp chặt chẽ giữa việc chăm sóc giáo dục trẻ ở nhà trường với ở gia đình 1.5.2.9. Giáo dục trẻ theo hướng tích hợp. Thực hành Quan sát một hoạt động cụ	3LT 1TH	Phân tích hệ thống nguyên tắc giáo dục mầm non. Vận dụng nguyên tắc giáo dục mầm non vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đánh giá việc thực hiện nguyên tắc giáo dục trong chương trình GDMN hiện nay	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	thể của trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non, qua đó đánh giá việc vận dụng các nguyên tắc giáo dục mầm non vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.				
Tuần 3	Chương 2. Nhiệm vụ giáo dục mầm non. <i>20 tiết (10LT; 10TH)</i> 2.1. Giáo dục thể chất 2.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của giáo dục thể chất 2.1.2. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục thể chất cho tuổi nhà trẻ. 2.1.3. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo 2.2. Giáo dục trí tuệ 2.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục trí tuệ 2.2.2. Nhiệm vụ, nội dung giáo dục trí tuệ cho trẻ nhà trẻ 2.2.3. Nhiệm vụ giáo dục trí tuệ cho trẻ mẫu giáo 2.2.4. Các phương tiện giáo dục trí tuệ.	4LT	Phân tích nhiệm vụ, nội dung, giáo dục trí tuệ cho trẻ nhà trẻ. Phân tích nhiệm vụ, nội dung, giáo dục trí tuệ cho trẻ mẫu giáo. Phân tích các phương tiện giáo dục trí tuệ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 4	Chương 2. Nhiệm vụ giáo dục mầm non (tiếp theo) 2.3. Giáo dục đạo đức 2.3.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục đạo đức 2.3.2. Nhiệm vụ, nội dung giáo dục đạo đức cho trẻ nhà trẻ 2.3.3. Nhiệm vụ, nội dung giáo	2LT 2TH	Trình bày nhiệm vụ, nội dung giáo dục đạo đức cho trẻ nhà trẻ Trình bày nhiệm vụ, nội	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	dục đạo đức cho trẻ mẫu giáo 2.3.4. Phương pháp giáo dục đạo đức 2.3.5. Các phương tiện giáo dục đạo đức. Thực hành: <i>Bài tập thực hành 4,5 [1,tr 94]</i>		dung giáo dục đạo đức cho trẻ mẫu giáo Phân tích các phương pháp, phương tiện giáo dục đạo đức Thực hiện được các yêu cầu của bài tập thực hành 4,5 [1,tr 94]		các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 5	Chương 2. Nhiệm vụ giáo dục mầm non (tiếp theo) 2.4. Giáo dục thẩm mỹ 2.4.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục thẩm mỹ 2.4.2. Nhiệm vụ, nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ nhà trẻ 2.4.3. Nhiệm vụ, nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo 2.4.4. Các phương tiện giáo dục thẩm mỹ. Thực hành: Quan sát một số hoạt động của trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non, nhận xét về việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ cho trẻ của các giáo viên mầm non.	2LT 2TH	Phân tích nhiệm vụ, nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ nhà trẻ Phân tích nhiệm vụ, nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo Phân tích các phương tiện giáo dục thẩm mỹ Nhận xét, đánh giá vấn đề thực hiện các nhiệm vụ, nội dung, phương tiện giáo dục thẩm	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			mỹ ở trường mầm non		thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 6	Chương 2. Nhiệm vụ giáo dục mầm non (tiếp theo) 2.5. Giáo dục lao động 2.5.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục lao động 2.5.2. Các nhiệm vụ giáo dục lao động 2.5.3. Nội dung giáo dục lao động 2.5.4. Đặc điểm, hình thức tổ chức lao động cho trẻ mầm non 2.5.5. Yêu cầu tổ chức lao động cho trẻ mầm non. Thực hành Quan sát một hoạt động lao động cụ thể của trẻ mầm non, nhận xét: - Nội dung giáo dục lao động - Hình thức tổ chức lao động cho trẻ mầm non - Các yêu cầu tổ chức lao động cho trẻ mầm non	2LT 2TH	Trình bày các nhiệm vụ, nội dung giáo dục lao động Trình bày đặc điểm, hình thức tổ chức lao động cho trẻ mẫu giáo Phân tích các yêu cầu tổ chức lao động cho trẻ mẫu giáo Đánh giá thực tiễn thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở trường mầm non	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 7	Chương 2. Nhiệm vụ giáo dục mầm non (tiếp theo) Thực hành Quan sát các hoạt động cụ thể trong các cơ sở giáo dục mầm non, nhận xét: - Nhiệm vụ, nội dung giáo dục mầm non - Phương pháp, phương tiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục	3TH 1KT	Đánh giá thực tiễn thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở trường mầm non Phân tích được các kiến thức lí luận chung về	<i>CLO3,</i> <i>CLO4</i>	GV: - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Kiểm tra 1 tiết số 1 -Nội dung: Kiến thức chương 1,2. -Hình thức: Tự luận		giáo dục học mầm non, nhiệm vụ giáo dục mầm non, vận dụng đánh giá thực tiễn thực hiện các nội dung trên.		- Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 8	Chương 3. Những hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ em ở trường mầm non <i>24 tiết(12LT; 12 TH)</i> 3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ em lứa tuổi mầm non 3.1.1. Khái niệm, ý nghĩa chế độ sinh hoạt hàng ngày 3.1.2. Cơ sở khoa học của chế độ sinh hoạt hàng ngày 3.1.3. Nội dung của chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non và tổ chức thực hiện. Thực hành: Đánh giá việc thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ mầm non tại trường mầm non.	2LT 2TH	Trình bày các kiến thức tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non Đánh giá được việc thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ mầm non tại trường mầm non	CLO3, CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận -Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 9	Chương 3. Những hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ em ở trường mầm non (tiếp theo) 3.2. Tổ chức hoạt động với đồ	2LT 2TH	Trình bày tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ mầm non	CLO2, CLO3, CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	vật cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ 3.2.1. Khái niệm, ý nghĩa hoạt động với đồ vật đối với sự phát triển của trẻ 3.2.2. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ mầm non. 3.3. Hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo 3.3.1. Chơi và một số nét đặc thù chơi ở lứa tuổi mẫu giáo 3.3.2. Ý nghĩa của chơi đối với trẻ mẫu giáo 3.3.3. Các loại trò chơi mẫu giáo và hướng dẫn trẻ chơi. Thực hành Thiết kế, tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ nhà trẻ.		Trình bày hoạt động vui chơi của trẻ MG Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động với đồ vật cho trẻ nhà trẻ.		học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học. - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 10	Chương 3. Những hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ em ở trường mầm non (tiếp theo) 3.4. Tổ chức hoạt động học tập 3.4.1. Quá trình dạy học ở mầm non 3.4.2. Nhiệm vụ dạy học ở mầm non 3.4.3. Nội dung dạy học ở mầm non 3.4.4. Nguyên tắc dạy học ở mầm non. Thực hành: Qua quan sát một hoạt động học tập trong các cơ sở giáo dục mầm non mầm non, hãy xác định:	2LT 2TH	Trình bày tổ chức hoạt động học tập ở trường mầm non Đánh giá việc vận dụng các nguyên tắc dạy học ở trường mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Các nhiệm vụ dạy học - Các nội dung dạy học - Các nguyên tắc dạy học của GV.				- Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 11	Chương 3. Những hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ em ở trường mầm non (tiếp theo) 3.4.5. Phương pháp dạy học ở mầm non 3.4.6. Các hình thức dạy học cho trẻ mầm non. 3.4.7. Dạy học tích hợp cho trẻ ở trường mầm non Thực hành Tổ chức một hoạt động học tập vận dụng các kiến thức về hoạt động học tập cho trẻ mầm non	2LT 2TH	Phân tích PP dạy học, hình thức tổ chức dạy học ở trường mầm non. Phân tích dạy học tích hợp cho trẻ ở trường mầm non Tổ chức được một hoạt động học tập phù hợp với độ tuổi Đánh giá được kỹ năng tổ chức một hoạt động học tập	CLO1 CLO2 CLO3	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
12	Chương 3. Những hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ em ở trường mầm non (tiếp theo) 3.5.2. Cách tổ chức ngày hội, ngày lễ trong các cơ sở giáo dục mầm non 3.5.2.1. Ý nghĩa tổ chức ngày hội, ngày lễ	2LT 2TH	Phân tích được ý nghĩa ngày lễ, ngày hội ở trường MN Trình bày cách tổ chức ngày lễ, ngày hội ở	CLO1 CLO2 CLO3	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	3.5.2.2. Cách thức tổ chức ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non Thực hành Quan sát, đánh giá cách thức tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non		trường MN		động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 13	Chương 3. Những hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ em ở trường mầm non (tiếp theo) 3.5.2.2. Cách tổ chức ngày hội, ngày lễ trong các cơ sở giáo dục mầm non Thực hành Thiết kế kế hoạch tổ chức một ngày hội, ngày lễ cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non Kiểm tra 1 tiết số 2 - Nội dung: Chương 3 - Hình thức: Tự luận	2LT 1TH 1KT	Thiết kế được kế hoạch tổ chức một ngày hội, ngày lễ trong các cơ sở giáo dục mầm non Đánh giá được kế hoạch tổ chức hoạt động Trình bày được kiến thức tổ chức đời sống và hoạt động trong các cơ sở giáo dục mầm non, từ đó vận dụng thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ lứa tuổi	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			mầm non		
Tuần 14	Chương 4. Người giáo viên mầm non <i>8 tiết (2;5;1)</i> 4.1. Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non 4.1.1. Mục đích lao động 4.1.2. Đối tượng lao động 4.1.3. Phương tiện lao động 4.1.4. Thời gian lao động 4.1.5. Môi trường lao động 4.1.6. Sản phẩm lao động Thực hành Rút ra kết luận sư phạm từ các đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non. <i>Bài tập thực hành 2,3,4 [4, tr 34]</i>	2LT 2TH	Phân tích đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non	CLO2, CLO3	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.
Tuần 15	Chương 4. Người giáo viên mầm non (tiếp theo) 4.2. Yêu cầu đối với người giáo viên mầm non 4.2.1. Yêu cầu chung 4.2.2. Yêu cầu cụ thể Thực hành Quan sát một hoạt động của giáo viên mầm non, xác định: - Yêu cầu đối với giáo viên mầm non. - Liên hệ bản thân	3TH 1KT	Phân tích yêu cầu đối với người giáo viên mầm non Phân tích được các kiến thức về đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp. GV: - Đánh giá kết quả tự

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Kiểm tra 1 tiết số 3 - Nội dung: Chương 4 - Hình thức: Tự luận		mầm non, các yêu cầu đối với giáo viên mầm non; từ đó liên hệ bản thân		học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên, - Thiết kế đề kiểm tra và tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới Đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra 1 Nội dung kiến thức từ chương 1	30%	x	CLO1, CLO2, CLO3,	Theo rubric bài kiểm tra định kì (bảng 6.1)

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới Đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		đến chương 2 Thực hiện ở tuần thứ 7			CLO4	
		Bài kiểm tra 2 Thực hiện ở tuần thứ 13 Nội dung kiến thức chương 3	30%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Theo rubric bài kiểm tra định kì (bảng 6.2)
		Bài kiểm tra 3 Nội dung kiến thức chương 3, 4 Thực hiện ở tuần thứ 15	40%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Theo rubric bài kiểm tra định kì (bảng 6.3)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kì		x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV thực hiện bài thi cuối kỳ theo quy định.

(*)Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Khôi kiến thức, kỹ năng thuộc chương trình đã nghiên cứu.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 Nguyên tắc giáo dục mầm non	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Liên hệ thực tiễn	2,0 1,0
2	Câu 2 Nhiệm vụ giáo dục mầm non	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Liên hệ thực tiễn	2,0 1,0
3	Câu 3 Nhiệm vụ giáo dục mầm non lứa tuổi mẫu giáo	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Liên hệ thực tiễn	2,5 1,5
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 Hoạt động với đồ vật đối với trẻ nhà trẻ	Người học trình bày, phân tích rõ ràng, đúng vấn đề. Liên hệ thực tiễn	2,0 1,0
2	Câu 2 Tổ chức các hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non	Người học trình bày, phân tích rõ ràng, đúng vấn đề. Liên hệ thực tiễn	2,0 1,0
3	Câu 3 Tổ chức các hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non	Người học trình bày, phân tích rõ ràng, đúng vấn đề. Liên hệ thực tiễn	2,5 1,5
Tổng điểm			10

Bảng 6.3. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 3

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non	Người học trình bày, phân tích rõ ràng, đúng vấn đề. Liên hệ thực tiễn	2,0 1,0
2	Câu 2 Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non	Người học trình bày, phân tích rõ ràng, đúng vấn đề. Liên hệ thực tiễn	2,0 1,0
3	Câu 3 Các yêu cầu đối với giáo viên mầm non. Liên hệ bản thân	Người học trình bày, phân tích rõ ràng, đúng vấn đề. Liên hệ bản thân.	2,5 1,5
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Khối kiến thức, kĩ năng của toàn bộ nội dung học phần.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần: căn cứ vào hướng dẫn chấm

của từng đề thi cụ thể.

Bảng 7: Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Câu 1 (3 điểm) Kiến thức chương 1,2 + Các nguyên tắc giáo dục mầm non + Nhiệm vụ giáo dục mầm non - Câu 2 (3 điểm) Kiến thức chương 3 + Tổ chức các hoạt động giáo dục lứa tuổi mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non Câu 3 (4 điểm) Kiến thức chương 4 + Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên mầm non + Yêu cầu đối với người giáo viên mầm non. Liên hệ bản thân.	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
2	Tổng điểm		10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ VươngTrưởng

Nguyễn ThịThương

Trần Thị KimLoan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành: Giáo dục mầm non

1.1. Mã học phần:	SP620015
1.2. Tên học phần:	Tổ chức hoạt động vui chơi
1.3. Tên tiếng Anh:	Organize play and activities for children
1.4. Số tín chỉ:	2
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Nguyễn Thị Thương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Vũ Thanh Hòa Th.S Trần Thị Hòa Th.S Trần Thị Kim Loan Th.S Nguyễn Thị Diệp
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Tâm lý học mầm non ; Giáo dục học mầm non
- Học phần song hành:	

2.1. Mục tiêu chung

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

- CO1: Có kiến thức về tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

- CO2: Có khả năng thiết kế, tổ chức và đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non

- CO3: Có khả năng thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động vui chơi cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có năng lực tự chủ linh hoạt, sáng tạo trong việc thiết kế, tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ em lứa tuổi mầm non

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Thiết kế được kế hoạch dạy học tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ em lứa tuổi mầm non	CO1, CO2
CLO2	Tổ chức được các hoạt động vui chơi cho trẻ em lứa tuổi mầm non	CO1, CO2, CO3, CO5
CLO3	Đánh giá kết quả thực hiện tổ chức hoạt động vui chơi của bản thân và của người khác	CO1, CO2, CO3, CO5, CO5
CLO4	Xây dựng được các trò chơi mới cho trẻ em	CO1, CO2, CO3, CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		M	M	M	R			R		R
CLO 2		M	M	M	R			R		R
CLO 3		R	M	M	R	R				R
CLO4		M	R	M	R				R	R
Tổng hợp học phần		M	M	M	R	R		R	R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình chính thức

[1]. Đinh Văn Vang (2012). *Tổ chức hoạt động vui chơi*. NXBGD

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Đinh Văn Vang (2008). *Giáo dục học mầm non*. NXBGD

[3]. Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh (2015). *Giáo dục học mầm non*. NXBĐHQG Hà Nội

[4]. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên, 2001). *Giáo dục học*. NXBGD

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần;

- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1. Hoạt động vui chơi của trẻ em ở trường mầm non <i>3 tiết (3LT; 0TH)</i> 1.1. Khái niệm chung về hoạt động vui chơi 1.2. Nguồn gốc và bản chất của hoạt động vui chơi 1.3. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi 1.4. Phân loại trò chơi của trẻ em 1.5. Đồ chơi	3 LT	Trình bày được 1 số kiến thức chung về hoạt động vui chơi như khái niệm, đặc điểm, bản chất, ý nghĩa, phân loại và một số yêu cầu khi sử dụng đồ chơi của trẻ em. .	CLO1 CLO2 CLO4	-GV giới thiệu học phần - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học SV: Thực hiện các nhiệm vụ học tập
Tuần 2	Chương 2. Trò chơi đóng vai theo chủ đề (ĐVTCD) <i>6 tiết (2LT; 4TH)</i> 2.1. Khái niệm trò chơi ĐVTCD 2.2. Đặc điểm trò chơi ĐVTCD 2.3. Ý nghĩa trò chơi ĐVTCD đối với sự phát triển và giáo dục trẻ em 2.4. Sự phát triển của trò chơi ĐVTCD	2 LT 1 TH	-Trình bày được các kiến thức về trò chơi đóng vai theo chủ đề: khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phương pháp hướng dẫn.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.5. Phương pháp hướng dẫn trò chơi ĐVTCD 2.5.1. Phương pháp hướng dẫn TCĐVTCD lứa tuổi nhà trẻ 2.5.2. Phương pháp hướng dẫn TCĐVTCD lứa tuổi mẫu giáo Thực hành: - Thiết kế trò chơi đóng vai theo chủ đề cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ - Thiết kế trò chơi đóng vai theo chủ đề cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo		- Thiết kế được trò chơi đóng vai theo chủ đề phù hợp theo độ tuổi -Đánh giá được kế hoạch bài học		hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên
Tuần 3	Chương 2. Trò chơi đóng vai theo chủ đề (tiếp theo) Thực hành: - Tổ chức trò chơi đóng vai theo chủ đề cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ - Tổ chức trò chơi đóng vai theo chủ đề cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo	3 TH	- Tổ chức được trò chơi đóng vai theo chủ đề phù hợp theo độ tuổi - Đánh giá được kĩ năng tổ chức trò chơi cho trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.
Tuần 4	Chương 3: Trò chơi xây dựng - lắp ghép <i>6 tiết (2LT; 4TH)</i> 3.1. Khái niệm trò chơi xây dựng - lắp ghép 3.2. Đặc điểm trò chơi xây dựng - lắp ghép 3.3. Ý nghĩa trò chơi xây dựng - lắp ghép	2 LT 1TH	-Trình bày được các kiến thức về trò chơi xây dựng lắp ghép: như khái niệm,	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	3.4. Sự hình thành và phát triển của trò chơi xây dựng - lắp ghép 3.5. Phương pháp hướng dẫn trò chơi xây dựng - lắp ghép 3.5.1. Phương pháp hướng dẫn trò chơi xây dựng lắp ghép cho trẻ nhà trẻ 3.5.2. Phương pháp hướng dẫn trò chơi xây dựng lắp ghép cho trẻ mẫu giáo Thực hành: - Thiết kế trò chơi xây dựng lắp ghép cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ - Thiết kế trò chơi xây dựng lắp ghép cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo		đặc điểm, ý nghĩa, phương pháp hướng dẫn. - Thiết kế được trò chơi xây dựng lắp ghép phù hợp theo độ tuổi -Đánh giá được kế hoạch bài học		GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 5	Chương 3: Trò chơi xây dựng - lắp ghép (tiếp theo) Thực hành: - Tổ chức trò chơi xây dựng lắp ghép cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ -Tổ chức trò chơi xây dựng lắp ghép cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo	3TH	- Tổ chức được trò chơi xây dựng lắp ghép phù hợp theo độ tuổi - Đánh giá được kỹ năng tổ chức trò chơi cho trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.
Tuần 6	Chương 4. Trò chơi đóng kịch 6 tiết (2LT; 4TH) 4.1. Khái niệm trò chơi đóng kịch	2LT 1TH	-Trình bày được các kiến thức về trò chơi đóng kịch như:	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	4.2. Đặc điểm trò chơi đóng kịch 4.3. Ý nghĩa trò chơi đóng kịch 4.4. Các bước tiến hành tổ chức trò chơi đóng kịch Thực hành: Thiết kế trò chơi đóng kịch cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo		khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phương pháp hướng dẫn. -XD được kế hoạch hướng dẫn trò chơi đóng kịch cho trẻ mẫu giáo -Đánh giá được kế hoạch bài học		tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 7	Chương 4. Trò chơi đóng kịch (tiếp theo) - Thực hành: Tổ chức trò chơi đóng kịch cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo Kiểm tra 1 tiết (bài số 1) - Hình thức: Tự luận - Nội dung kiểm tra: Kiến thức từ chương 1 đến chương 4	2TH 1KT	- Tổ chức được trò chơi đóng kịch cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo - Đánh giá được kĩ năng tổ chức trò chơi cho trẻ. -Nắm vững những kiến thức lý luận của các trò chơi đóng vai theo chủ đề, xây dựng lắp ghép, đóng kịch, từ đó vận dụng vào thiết kế các kế hoạch bài học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học và bài kiểm tra 1 tiết SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học, thực hiện bài kiểm tra 1 tiết

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
Tuần 8	Chương 5. Trò chơi học tập 6 tiết (2LT; 4TH) 5.1. Khái niệm trò chơi học tập 5.2. Đặc điểm trò chơi học tập 5.3. Ý nghĩa trò chơi học tập. 5.4. Phân loại trò chơi học tập 5.5. Phương pháp hướng dẫn trò chơi học tập 5.5.1. Phương pháp tổ chức trò chơi học tập cho trẻ nhà 5.5.2. Phương pháp tổ chức trò chơi học tập cho trẻ mẫu giáo Thực hành. - Thiết kế trò chơi học tập cho trẻ tuổi nhà trẻ - Thiết kế trò chơi học tập cho trẻ tuổi mẫu giáo	2LT 1TH	-Trình bày được các kiến thức về trò chơi học tập như khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phương pháp hướng dẫn. - Thiết kế được trò chơi học tập theo độ tuổi - Đánh giá được kế hoạch tổ chức trò chơi học tập cho trẻ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 9	Chương 5. Trò chơi học tập (tiếp theo) Thực hành - Tổ chức trò chơi học tập cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ - Tổ chức trò chơi học tập cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo	3 TH	- Tổ chức được trò chơi học tập phù hợp theo độ tuổi - Đánh giá được kỹ năng tổ chức trò chơi cho trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.
Tuần	Chương 6. Trò chơi vận				

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
10	động 6 tiết (2LT; 4TH) 6.1. Khái niệm trò chơi vận động 6.2. Đặc điểm trò chơi vận động 6.3. Ý nghĩa trò chơi vận động 6.4. Phân loại trò chơi vận động 6.5. Phương pháp hướng dẫn trò chơi vận động 6.5.1. Phương pháp hướng dẫn trò chơi vận động cho trẻ nhà trẻ 6.5.2. Phương pháp hướng dẫn trò chơi vận động cho trẻ mẫu giáo Thực hành - Thiết kế trò chơi vận động cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ - Thiết kế trò chơi vận động cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo	2LT 1TH	-Trình bày được các kiến thức về trò chơi vận động như khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phương pháp hướng dẫn. - -Thiết kế được trò chơi vận động theo độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo - Đánh giá được kế hoạch tổ chức trò chơi học tập cho trẻ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 11	Chương 6. Trò chơi vận động (tiếp theo) Thực hành: - Tổ chức trò chơi vận động cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ - Tổ chức trò chơi vận động cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo	3 TH	- Tổ chức được trò chơi vận động phù hợp theo độ tuổi - Đánh giá được kỹ năng tổ chức trò chơi cho trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
Tuần 12	Chương 7. Trò chơi dân gian 6 tiết (2LT; 4TH) 7.1. Khái niệm 7.2. Đặc điểm của trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam 7.3. Ý nghĩa của trò chơi dân gian đối với trẻ em 7.4. Phân loại trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam 7.5. Hướng dẫn trò chơi dân gian cho trẻ em ở trường mầm non 7.5.1. Phương pháp hướng dẫn trò chơi dân gian cho trẻ nhà trẻ 7.5.2. Phương pháp hướng dẫn trò chơi dân gian cho trẻ mẫu giáo Thực hành - Thiết kế trò chơi dân gian cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ - Thiết kế trò chơi dân gian cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo	2 LT 1 TH	- Trình bày được các kiến thức về trò chơi dân gian như: khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phương pháp hướng dẫn. - Thiết kế được trò chơi dân gian phù hợp theo độ tuổi - Đánh giá được kế hoạch tổ chức trò chơi học tập cho trẻ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 13	Chương 7. Trò chơi dân gian (tiếp theo) Thực hành - Tổ chức trò chơi dân gian cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ - Tổ chức trò chơi dân gian cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo	3 TH	- Tổ chức được trò chơi dân gian phù hợp theo độ tuổi - Đánh giá được kỹ năng tổ chức trò chơi cho trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					tự học.
Tuần 14	Chương 8. Tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non <i>6 tiết (2LT; 4TH)</i> 8.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi ở trường mầm non 8.2. Tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non. 8.3. Đánh giá sự phát triển của trẻ trong hoạt động vui chơi Thực hành - Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi theo chủ đề giáo dục - Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi hàng ngày	2 LT 1 TH	- Trình bày được các kiến thức về chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường mầm non - Thiết kế được kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi ở trường mầm non theo chủ đề và vui chơi hàng ngày. - Đánh giá được kế hoạch tổ chức trò chơi học tập cho trẻ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên
Tuần 15	Chương 8. Tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non (tiếp theo) Thực hành - Tổ chức hoạt động vui chơi theo chủ đề giáo dục cho trẻ em trong trường mầm non - Tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ em ở	2TH 1KT	- Tổ chức được kế hoạch tổ chức vui chơi ở trường mầm non theo chủ đề và vui chơi hàng ngày. - Đánh giá được kết quả tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học và bài kiểm tra 1 tiết SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	trường mầm non Kiểm tra 1 tiết (bài số 2) - Hình thức: Tự luận - Nội dung kiểm tra: Kiến thức từ chương 5 đến chương 8.		hàng ngày cho trẻ MN - Nắm vững những kiến thức lý luận về phương pháp tổ chức các trò chơi học tập, vận động, dân gian, tổ chức buổi chơi theo chủ đề, từ đó biết vận dụng vào thiết kế các kế hoạch bài học cụ thể.		nhận nhiệm vụ tự học, thực hiện bài kiểm tra 1 tiết

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO 4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Nội dung kiểm tra từ chương 1 đến chương 4	50%	x	CLO 1 CLO2 CLO3	Rubic đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.1)
		Nội dung kiểm tra	50%	x	CLO 1	Rubic đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		từ chương 1 đến chương 4			CLO 2 CLO 3	bài kiểm tra (bảng 6.2)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ (theo ngân hàng đề thi)		R1	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	SV thực hiện bài thi cuối kỳ theo quy định

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

	dự thi kết thúc học phần		

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Hình thức: Kiểm tra tự luận
- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1,2. - Hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non - Trò chơi đóng vai theo chủ đề	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 3,4. - Trò chơi xây dựng lắp ghép - Trò chơi đóng kịch	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
3	Tổng điểm		10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 5,6. - Trò chơi học tập - Trò chơi vận động	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 7,8. - Trò chơi dân gian - Tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt hàng ngày.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
3	Tổng điểm		10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức trong chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi

Bảng 7: Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Câu 1 (5 điểm) - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1,2,3,4 + Hoạt động vui chơi của trẻ em ở cơ sở giáo dục mầm non + Trò chơi đóng vai theo chủ đề + Trò chơi Xây dựng lắp ghép + Trò chơi đóng kịch	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
	- Câu 2 (5 điểm) - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 5,6,7,8 + Trò chơi học tập + Trò chơi vận động + Trò chơi dân gian + Tổ chức một buổi chơi theo chế độ sinh hoạt hàng ngày.		
2	Tổng điểm		10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng Nguyễn Thị Thương Nguyễn Thị Thương

2.5.31. Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP6200016
1.2. Tên học phần:	Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Inclusive education for children with special needs at preschool age
1.4. Số tín chỉ:	02 (1 LT;1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	25 tiết
- Thảo luận- Thực hành	20 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Nguyễn Thị Hương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Đặng Quang Rinh Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong cơ sở giáo dục mầm non; có kỹ năng tổ chức, điều chỉnh các hoạt động chăm sóc giáo dục, hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt trong các cơ sở Giáo dục Mầm non và tư vấn về giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức chung về trẻ có nhu cầu đặc biệt, giáo dục hòa nhập, các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật và tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong các cơ sở Giáo dục Mầm non.

- CO2: Có kiến thức cơ bản về hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong các cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động chăm sóc giáo dục, hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt trong các cơ sở Giáo dục Mầm non.

- CO4: Có kỹ năng tư vấn về giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, kiên trì, hợp tác trong công tác giáo dục hòa nhập.

3. Chuẩn đầu ra của học phần Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được các nội dung cơ bản về trẻ có nhu cầu đặc biệt, giáo dục hòa nhập, các mô hình giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt và tổ chức giáo dục hòa nhập.	CO1
CLO2	Phân tích được những nội dung cơ bản về hỗ trợ hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt	CO2
CLO3	Đánh giá được nhu cầu và khả năng của trẻ có nhu cầu đặc biệt.	CO3, CO4
CLO4	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động chăm sóc giáo dục, hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt trong các cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO3, CO4
CLO5	Trách nhiệm, chủ động, kiên trì, linh hoạt, hợp tác, chia sẻ trong công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.	CO5

3. Chuẩn đầu ra của học phần Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được các nội dung cơ bản về trẻ có nhu	CO1

	cầu đặc biệt, giáo dục hòa nhập, các mô hình giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt và tổ chức giáo dục hòa nhập.	
CLO2	Phân tích được những nội dung cơ bản về hỗ trợ hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt	CO2
CLO3	Đánh giá được nhu cầu và khả năng của trẻ có nhu cầu đặc biệt.	CO3, CO4
CLO4	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động chăm sóc giáo dục, hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt trong các cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO3, CO4
CLO5	Trách nhiệm, chủ động, kiên trì, linh hoạt, hợp tác, chia sẻ trong công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I	I	I				I	I
CLO 2		I	I	I					R	I
CLO 3		R	R	R	I				R	R
CLO 4		R	R	R	I	I			I	R
CLO5						I			R	I
THHP		R	R	R	I	I			R	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Lã Thị Bắc Lý (chủ biên), Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho (2018), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Thị Thiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thuý Hằng (2008), *Giáo dục hoà nhập*, Nxb GD.

[3]. Bộ GD&ĐT, Viện khoa học giáo dục- Trung tâm tật học, Hà Nội (2000), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tuổi mầm non*.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Ý thức tham gia học tập, thực hiện nhiệm vụ giảng viên giao.

- + Kiểm tra định kì: 2 bài
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần Chương 1: Những vấn đề cơ bản về trẻ có nhu cầu đặc biệt lứa tuổi mầm non (12T: 8LT+ 4TL) 1.1. Trẻ khuyết tật 1.1.1. Khái niệm và phân loại trẻ KT	8LT 4TL 1	- Mô tả được vị trí, vai trò của HP trong CTĐT - Trình bày được khái niệm, phân loại trẻ KT.	CLO1 CLO5	- GV thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn người học tìm hiểu về học phần; - Người học tìm hiểu về học phần. *GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 1. * Người học: nghiên cứu tài liệu [1, từ trang 6- 34], [3, từ trang 34-68] ; - Người học làm bài tập chương 1.
	1.1.2. Nguyên nhân gây khuyết tật ở trẻ em	1	- Giải thích được nguyên nhân gây khuyết tật ở trẻ em.	CLO1 CLO5	- Thảo luận; - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập. * GV: - Tổ chức cho người học trình bày, nhận xét, đánh giá. - GV chính xác hóa nội dung thảo luận. - Giao nhiệm vụ tự
	1.1.3. Đặc điểm một số nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non 1.1.3.1. Khiếm thính	1	- Phân tích được đặc điểm của trẻ khiếm thính,	CLO1 CLO5	- Thảo luận; - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập. * GV: - Tổ chức cho người học trình bày, nhận xét, đánh giá. - GV chính xác hóa nội dung thảo luận. - Giao nhiệm vụ tự

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					học, tự nghiên cứu.
2	1.1.3.2. Khiếm thị 1.1.3.3. Trẻ khuyết tật vận động 1.1.3.4. Trẻ khuyết tật ngôn ngữ và giao tiếp	1 1 1	- Phân tích được đặc điểm của trẻ khiếm thị, trẻ KTVD, KT ngôn ngữ và giao tiếp.	CLO1 CLO5	* GV chia nhóm, tổ chức thảo luận; * Người học: - Thảo luận nhóm; - Báo cáo kết quả thảo luận, lắng nghe các nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung;
3	1.1.3.5. Trẻ chậm phát triển trí tuệ 1.1.3.6. Trẻ rối loạn phổ tự kỉ 1.2. Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật <i>1.2.1. Khái niệm GDHN</i> <i>1.2.2. Đặc điểm của GDHN trẻ khuyết tật lứa tuổi MN</i>	1 1 1	- Phân tích được đặc điểm của trẻ KT trí tuệ, RLPTK. - Trình bày khái niệm GDHN, đặc điểm của GDHN trẻ KT LTMN	CLO1 CLO5	- Thực hiện nhiệm vụ học tập GV giao; * GV: - GV chính xác hóa nội dung bài. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
4	<i>1.2.3. Nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non</i> <i>1.2.4. Vai trò của giáo viên trong giáo dục hòa nhập</i> <i>1.2.5. Tình hình giáo dục hòa nhập trên thế giới và Việt Nam</i>	3	- Phân tích được nhiệm vụ, vai trò của GV trong GDHN. - Trình bày được tình hình GDHN trên thế giới và Việt Nam	CLO1 CLO5	
5	Chương 2: Giáo dục hòa nhập bậc học mầm non 20T:	11 LT 9 TH;		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	*GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	11LT+9TH,TL,KT 2.1. Tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Ý nghĩa của tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật 2.1.3. Nội dung, phương pháp tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật	TL; KT 3	- Trình bày được k/n, ND của tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ KT. - Giải thích được ý nghĩa của tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ KT	CLO5	* Người học: nghiên cứu tài liệu [1, tr 35-68], [3, tr5- 30] ; - Người học làm bài tập chương 2. - Thảo luận về Ý/n, ND của tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ KT - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập. * GV: - Tổ chức cho người học trình bày, nhận xét, đánh giá. - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - Giao nhiệm vụ học, tự nghiên cứu.
6	2.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân 2.3. Thực hiện điều chỉnh chương trình giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ KT 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Mục đích điều chỉnh	2 1	- Trình bày được k/n, quy trình XDKH GD cá nhân. - Trình bày được k/n, mục đích điều chỉnh .	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	*GV: - Giảng giải; - Đặt câu hỏi cho người học; - Tổ chức cho người học thảo luận; - Hướng dẫn cách lập KHGD cá nhân cho trẻ KT trong lớp hòa nhập. - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * Người học: - Trả lời các câu

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân 2.3. Thực hiện điều chỉnh chương trình giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ KT 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Mục đích điều chỉnh				hỏi của GV; - Thảo luận nhóm; - Lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin cần thiết - GV: Giao nhiệm vụ học, tự nghiên cứu.
7	2.3.3. Nội dung điều chỉnh 2.3.4. Phương pháp điều chỉnh 2.4. Đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật 2.4.1. Mục đích đánh giá	2 1	- Trình bày được ND, PP điều chỉnh. - Giải thích được mục đích đánh giá kết quả GDHN trẻ KT.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	* GV: - Giảng giải, phát vấn câu hỏi; - Hướng dẫn người học thảo luận ND, PP điều chỉnh và mục đích đánh giá. - Người học nghe giảng và thực hiện các yêu cầu của GV; - GV đánh giá, chốt lại vấn đề. - GV: Giao nhiệm vụ học, tự nghiên cứu.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
8	2.4.2. Nội dung, tiến trình đánh giá 2.5. Phối hợp các lực lượng trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật 2.5.1. Phối hợp với gia đình trẻ	2 1	- Phân tích được nội dung giá kết quả GDHN trẻ KT. - Trình bày được ND phối hợp với gia đình trẻ KT.		* GV chia nhóm, tổ chức thảo luận; * Người học: - Thảo luận nhóm; - Báo cáo kết quả thảo luận, lắng nghe các nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung; - Thực hiện nhiệm vụ học tập GV giao; * GV: - GV chính xác hóa nội dung bài. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
9-11	2.5.2. Phối hợp với giáo viên hỗ trợ 2.5.3. Phối hợp với các lực lượng khác * Thảo luận, thực hành 1. Tìm hiểu thông tin trẻ KT cụ thể; 2. Từ thông tin trên: + Lập bản tóm tắt khả năng và nhu cầu của trẻ có nhu cầu đặc biệt; + XDKHGD cho trẻ KT trong lớp học hòa nhập – tập dạy.	1 7	- Trình bày được ND phối hợp các lực lượng trong GDHN trẻ KT. - Tìm hiểu được thông tin và lập được bản tóm tắt khả năng, nhu cầu cho trẻ KT.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	GV: - Giảng giải; - Hướng dẫn người học XDKH theo các PP điều chỉnh chương trình trong tổ chức HĐ cho trẻ KT. - Đặt câu hỏi cho người học; - Tổ chức cho người học thảo luận; thực hành. - Người học nghe giảng và thực hiện các yêu cầu của GV; - GV đánh giá, chốt lại vấn đề. - GV giao nhiệm vụ

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	* Đánh giá định kì bài 1 (thực hiện trong quá trình người học tập dạy tuần 10- 11) Chương 3: Hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non hòa nhập 3.1. Một số yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường MN	6LT 7T, TH, KT 1	Đánh giá kiến thức, kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh KHHĐ GD trẻ KT trong lớp học hòa nhập tại CS GDMN. - Trình bày được yêu cầu tổ chức hoạt động GDHN trẻ khuyết tật ở trường MN. Liên hệ thực tiễn giáo dục mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	học, tự nghiên cứu. - Người học tập dạy giả định trên lớp. - GV chấm theo biểu điểm đánh giá. *GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 3. * Người học: nghiên cứu tài liệu [1, tr 74-110]; - Người học làm bài tập chương 3. - Thảo luận; - Thực hành giả định HĐ hỗ trợ trẻ khiếm thính - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
12	3.2. Xây dựng môi trường hoạt động 3.2.1. Các nguyên	2	- Trình bày được các nguyên tắc	CLO2 CLO3 CLO4	*GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>tắc xây dựng môi trường hoạt động cho trẻ khuyết tật học hòa nhập</i> 3.2.2. Các yếu tố cấu thành môi trường hoạt động của trẻ khuyết tật 3.2.3. Hướng dẫn xây dựng môi trường GDHN trẻ khuyết tật 3.3. Quản lý lớp học và phát triển hành vi phù hợp với trẻ khuyết tật 3.3.1. Quản lý lớp học	1	XD môi trường HĐ cho trẻ KT học hòa nhập. - Trình bày được các yếu tố cấu thành môi trường HĐ của trẻ KT. - Trình bày được ND quản lý lớp học	CLO5	- Giao nhiệm vụ học tập. * Người học: nghiên cứu tài liệu [1, tr 74-110]; - Người học thực hiện nhiệm vụ học tập. - Thảo luận; - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
13	3.3.2. Quản lý hành vi trẻ khuyết tật học hòa nhập 3.4. Hỗ trợ các nhóm trẻ KT trong lớp MN hòa nhập 3.4.1. Hỗ trợ trẻ khiếm thính 3.4.2. Hỗ trợ trẻ khiếm thị	1 1 1	- Trình bày được ND quản lý hành vi trẻ KT học hòa nhập - Phân tích được ND, HĐ hỗ trợ trẻ khiếm thính, khiếm thị. - Vận dụng kiến thức được trang bị vào thực hành HĐ hỗ trợ khiếm thính, khiếm thị.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: Hướng dẫn người học thảo luận ND, HĐ hỗ trợ trẻ khiếm thính, khiếm thị; - Thực hành HĐ hỗ trợ trẻ khiếm thính, khiếm thị. - Người học: Thảo luận nhóm ND, HĐ hỗ trợ trẻ khiếm thính, khiếm thị; - Thực hành giả định HĐ hỗ trợ trẻ khiếm thính, khiếm thị.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
14	3.4.3. Hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động 3.4.4. Hỗ trợ trẻ khuyết tật ngôn ngữ 3.4.5. Hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ	1 1 1	- Phân tích được ND, HĐ hỗ trợ trẻ khuyết tật ngôn ngữ. - Vận dụng kiến thức được trang bị vào thực hành HĐ hỗ trợ trẻ KT vận động, ngôn ngữ, trí tuệ.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: Hướng dẫn người học thảo luận ND, HĐ hỗ trợ trẻ KT vận động, ngôn ngữ, trí tuệ; - Thực hành HĐ hỗ trợ trẻ KT vận động, ngôn ngữ, trí tuệ. - Người học: Thảo luận nhóm ND, HĐ hỗ trợ trẻ KT vận động, ngôn ngữ, trí tuệ; - Thực hành giả định HĐ hỗ trợ trẻ KT vận động, ngôn ngữ, trí tuệ.
15	3.4.6. Hỗ trợ trẻ rối loạn phổ tự kỉ 3.4.7. Hỗ trợ trẻ tăng động giảm chú ý	2	- Phân tích được ND, HĐ hỗ trợ trẻ tự kỉ. - Vận dụng kiến thức được trang bị vào thực hành HĐ hỗ trợ trẻ rối loạn phổ tự kỉ, tăng động giảm chú ý trên nhóm.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: Hướng dẫn người học thảo luận ND, HĐ hỗ trợ trẻ RLPTT, tăng động giảm chú ý; - Thực hành HĐ hỗ trợ trẻ RLPTT, tăng động giảm chú ý. - Người học: Thảo luận nhóm ND, HĐ hỗ trợ trẻ RLPTT, tăng động giảm chú ý; - Thực hành giả định HĐ hỗ trợ trẻ RLPTT, tăng động giảm chú ý.
	Đánh giá định kì bài 2 (tuần 15)	1	- Phân tích được các	CLO3 CLO4	* GV giao bài tập, chấm bài tập.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Hỗ trợ trẻ KT trong trường mầm non hòa nhập		ND, HĐ hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt; - Vận dụng được kiến thức hỗ trợ trẻ KT trong CS GD trẻ tại cơ sở CS GDHN.	CLO5	* Người học làm và nộp bài tập.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO5	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giảng viên giao. - Thống kê ngày nghỉ của người học.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	A.2.1. Đánh giá kiến thức, kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động phù hợp với trẻ khuyết tật cụ thể.	50%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Đánh giá kết quả bài kiểm tra chương 1,2

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		(tuần 10- 11)				
		A2.2. Hỗ trợ trẻ khuyết tật trong cơ sở Giáo dục Mầm non (tuần 15)	50%	x	CLO3 CLO4 CLO5	Đánh giá kết quả bài kiểm tra chương 3
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Những vấn đề cơ bản về trẻ KT lứa tuổi mầm non - Tiến trình giáo dục hoà nhập ở trường mầm non. - Hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non hòa nhập	30% 40% 30%		CLO1 CLO3 CLO5 CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thi vấn đáp

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 95\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 100\%$ số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi,	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt	30%

				thảo luận.	câu hỏi.	
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1,2 của học phần.

- Hình thức: thực hành

* Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 3 của học phần.

- Hình thức: bài tập

Bảng 6a. Rubic đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp	20%

		viên trong nhóm.	của nhóm chưa tốt.		làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lí.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày	15%

	đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	sai sót.	dung đúng, ghi chú đầy đủ.	hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	

Bảng 6b. Rubic đánh giá bài tập (Work Assignment)

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu, cầu	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn	50%

		nhiệm vụ.		lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	toàn hợp lý.	

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nội dung: 1,2,3 (mục A3).
- Hình thức: tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

Nội dung		Trọng số%
1	- Những vấn đề cơ bản về trẻ khuyết tật	30
2	- Tiến trình giáo dục hoà nhập ở trường mầm non.	40
3	- Hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non hòa nhập	30

Quảng Ninh, ngày.....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Thị Hương

2.5.32. Phòng bệnh và ĐBAT cho trẻ MN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Sư phạm Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP520017
1.2. Tên học phần:	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Prevention & Safety For Preschool
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT;1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	24 tiết
- Thực hành, thảo luận:	21 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Hương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Mến ThS. Bùi Hằng Nga
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620006
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có kiến thức đại cương về bệnh truyền nhiễm, bệnh thông thường, những tai nạn có thể xảy ra ở trẻ; cách chăm sóc khi trẻ bị bệnh, tai nạn; cách phòng tránh các bệnh, tai nạn cho trẻ; có kiến thức đại cương về thuốc và cách dùng thuốc cho trẻ em; có kiến thức về giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ; có các kỹ năng xử lý các bệnh và tai nạn thường gặp ở trẻ.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức về triệu chứng chính của một số bệnh, tai nạn; cách chăm sóc trẻ khi bị bệnh.

- CO2: Có kiến thức về nguyên nhân gây một số bệnh, tai nạn; biện pháp phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ.

- CO3: Có kiến thức đại cương về thuốc và cách dùng thuốc cho trẻ em

- CO4: Có kiến thức về nội dung, phương pháp và hình thức và tổ chức các hoạt động GD ĐBAT cho trẻ mầm non

2.2.2. Về kỹ năng

- CO5: Có kỹ năng phát hiện và xử lý được một số bệnh, tai nạn thường gặp ở trẻ.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Chủ động trong quá trình tự học; có tinh thần trách nhiệm trong chăm sóc, đảm bảo an toàn cho trẻ khi đến trường; chủ động hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp và cha mẹ và người chăm sóc trong công tác phòng tránh dịch bệnh cho trẻ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Xác định được những triệu chứng chính của một số bệnh, tai nạn; cách chăm sóc trẻ khi bị bệnh, tai nạn.	CO1, CO5
CLO2	Phân tích được những nguyên nhân gây một số bệnh, tai nạn; biện pháp phòng tránh và đảm bảo an toàn cho trẻ.	CO2, CO6
CLO3	Phân biệt được một số loại thuốc thuốc và cách dùng thuốc cho trẻ em	CO3
CLO4	Thực hiện được các hoạt động GD đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	CO4
CLO5	Phát hiện và xử lý được một số bệnh, tai nạn thường gặp ở trẻ	CO5, CO1
CLO6	Có tinh thần tích cực, chủ động trong tự học và sưu tầm tài liệu; Chủ động hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp và cha mẹ, người chăm sóc trẻ trong công tác phòng tránh dịch bệnh cho trẻ.	CO6, CO2

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CLO 1		R	I	I	I	R			I	I
CLO2		R	I	I	I	R			I	I

CLO3		R	I	I	I					
CLO 4			I	I		I			I	I
CLO 5		R	I	I	I					R
CLO6									I	R
Tổng hợp học phần		R	I	I	I	R			I	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Lê Thị Mai Hoa (2013), *Giáo trình Bệnh học trẻ em*, Nxb. Đại học Sư phạm

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Thị Mai Hoa (chủ biên) - Trần Văn Dân (2008), *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non*, Nxb. Giáo dục.

[3] Lại Kim Thúy (2001), *Phòng bệnh trẻ em*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Trần Trọng Thủy, Trần Quy (1998), *Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em*, Nxb. Giáo dục.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết
- Tổng số tuần học: 15 tuần
- Phân bố: 3 tiết/ buổi; 1 buổi/ tuần; 15 buổi
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
1	<i>* Giới thiệu học phần</i> Chương 1: Các bệnh truyền nhiễm và biện pháp phòng chống 1.1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm 1.1.1. Định	8LT 3TL 1KT 1LT	- Trình bày được một số vấn đề đại cương về bệnh truyền nhiễm	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Đàm thoại gợi mở - NH: + Phản hồi tích cực

	nghĩa 1.1.2. Đặc điểm các bệnh truyền nhiễm 1.1.3. Các biện pháp phòng bệnh truyền nhiễm 1.2. Một số bệnh truyền nhiễm thường gặp 1.2.1. Bệnh Sởi 1.2.2. Bệnh Lao 1.2.3. Bệnh Sốt rubella	2LT	- Xác định được triệu chứng khi trẻ bị sởi, lao, sốt rubella - Giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp chăm sóc, điều trị trẻ khi bị bệnh sởi, lao, sốt rubella - Trình bày được các biện pháp phòng bệnh sởi, lao, sốt rubella	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Trình chiếu + Đàm thoại gợi mở + Tổ chức cho NH thảo luận nhóm + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả tự học + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Quan sát + Phản hồi tích cực + Thảo luận nhóm và báo cáo + Báo cáo kết quả tự học + NH ghi chép nội dung tự học
2	1.2.4. Bệnh Quai bị 1.2.5. Bệnh Ho gà 1.2.6. Bệnh Bạch hầu Thảo luận: - Thực trạng các bệnh trên - Cơ sở khoa học của các biện pháp chăm sóc, điều trị và phòng bệnh trên	2LT 1TL	- Xác định được nguyên nhân và đường truyền bệnh quai bị, ho gà, bạch hầu - Phát hiện được triệu chứng chính khi trẻ bị các bệnh trên - Giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp chăm sóc, điều trị và phòng các bệnh trên	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Trình chiếu + Đàm thoại gợi mở + Tổ chức Xemina + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Quan sát + Phản hồi tích cực + Xemina + NH ghi chép nội dung tự học
3	1.2.7. Bệnh Thủy đậu 1.2.8. Bệnh Viêm gan	2LT 1TL	- Xác định được nguyên nhân và đường truyền bệnh thủy đậu,	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Trình chiếu + Đàm thoại gợi mở

	1.2.9. Bệnh Sốt xuất huyết 1.2.10. Bệnh Uốn ván Thảo luận: - Thực trạng các bệnh trên - Cơ sở khoa học của các biện pháp chăm sóc, điều trị và phòng bệnh trên		viêm gan, sốt xuất huyết, uốn ván - Xác định được triệu chứng chính khi trẻ bị các bệnh trên - Giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp chăm sóc, điều trị và phòng các bệnh nêu trên		+ Tổ chức Xemina + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Quan sát + Phản hồi tích cực + Xemina + NH ghi chép nội dung tự học
4	1.2.11. Bệnh Viêm não nhật bản B 1.2.12. Bệnh Bại liệt 1.2.13. Bệnh Chân tay miệng 1.2.14. Bệnh cúm mùa Thảo luận: - Thực trạng các bệnh trên - Cơ sở khoa học của các biện pháp chăm sóc, điều trị và phòng bệnh trên Kiểm tra bài số 1	1LT 1TL 1	- Xác định được nguyên nhân và đường truyền bệnh viêm não nhật bản B, bại liệt, chân tay miệng - Phát hiện được triệu chứng chính của các bệnh trên - Giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp chăm sóc, điều trị và phòng các bệnh nêu trên - Xác định nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh truyền nhiễm. - Giải thích cơ sở khoa học của các biện pháp điều trị, phòng bệnh truyền nhiễm cho	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6 CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Trình chiếu + Đàm thoại gợi mở + Tổ chức Xemina + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Quan sát + Phản hồi tích cực + Xemina + NH ghi chép nội dung tự học - GV: + Giao nhiệm vụ học tập ở nhà chương 2 + Hướng dẫn NH ôn tập chuẩn bị KT - NH ghi chép nhiệm vụ và nội dung ôn tập - GV: + Ra đề, đáp án + Tổ chức cho NH làm bài kiểm tra tự luận

			trẻ.		+ Chấm bài theo tiêu chí - NH: Làm bài kiểm tra
5	Chương 2: Các bệnh thường gặp và cách phòng tránh 2.1. Bệnh thuộc hệ tiêu hóa 2.1.1. Bệnh tiêu chảy 2.1.2. Bệnh giun 2.2. Bệnh thuộc hệ hô hấp 2.2.1. Bệnh viêm tai giữa	9LT 6TL 1LT 1TL 1LT	- Trình bày được nguyên nhân gây bệnh tiêu chảy, bệnh giun, viêm tai giữa. - Xác định được các dấu hiệu khi trẻ bị tiêu chảy, giun, viêm tai giữa. - Giải thích được các biện pháp chăm sóc khi trẻ bị tiêu chảy, giun, viêm tai giữa. - Trình bày được các biện pháp phòng bệnh	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Đàm thoại gợi mở + Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu + Tổ chức cho NH xemina + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Phản hồi tích cực + Nghiên cứu tài liệu + Xemina + NH ghi chép nội dung tự học
6	2.2.2. Bệnh viêm VA 2.2.3. Bệnh viêm amidan 2.2.4. Bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 2.3. Bệnh liên quan đến dinh dưỡng và chuyển hóa 2.3.1. Bệnh suy dinh dưỡng 2.3.2. Bệnh béo phì	1LT 1TL 1LT	- Liệt kê được các triệu chứng khi bị bệnh (chỉ rõ triệu chứng chính) - Trình bày được cách xử lý khi trẻ bị bệnh - Xác định được nguyên nhân gây bệnh NKHHCT - Phân biệt được các dấu hiệu và cách chăm sóc trẻ khi bị bệnh - Trình bày được	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Đàm thoại hệ thống hóa + Tổ chức cho NH xemina - NH: + Phản hồi tích cực và ghi chép + Xemina - GV: + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả tự học + Hướng dẫn NH tự học - NH:

			các biện pháp phòng bệnh - Xác định được nguyên nhân gây bệnh		+ Báo cáo kết quả tự học; + Ghi chép nội dung tự học
7	2.3.3. Bệnh còi xương 2.3.4. Bệnh khô mắt do thiếu vitamin A 2.3.5. Bệnh thiếu máu do thiếu sắt 2.3.6. Bệnh bướu cổ do thiếu i ốt 2.4. Bệnh sâu răng Thảo luận: - Thực trạng các bệnh trên - Kinh nghiệm chăm sóc và phòng bệnh	2LT 1TL	- Xác định được nguyên nhân gây bệnh - Giải thích được cách chăm sóc trẻ khi bị bệnh - Giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp phòng bệnh	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Đàm thoại gợi mở + Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu + Tổ chức xinema + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Phản hồi tích cực + Nghiên cứu tài liệu + Xinema + Ghi chép nội dung tự học
8- 9	2.5. Bệnh đường tiết niệu 2.5.1. Bệnh viêm cầu thận cấp 2.5.2. Bệnh nhiễm khuẩn đường tiết niệu 2.6. Bệnh về mắt 2.6.1. Bệnh đau mắt đỏ 2.6.2. Bệnh đau mắt hột 2.7. Bệnh ngoài da 2.7.1. Bệnh chàm 2.7.2. Bệnh chốc	1LT 1TL 1LT 1TL 1LT 1TL	- Xác định được nguyên nhân gây bệnh - Giải thích được cách chăm sóc trẻ khi bị bệnh - Trình bày được các biện pháp phòng bệnh	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Đàm thoại gợi mở + Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu + Tổ chức cho NH xinema + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Phản hồi tích cực + Nghiên cứu tài liệu + Xinema + Ghi chép nội dung tự học

	1.7.3. Bệnh ghê				
10	Chương 3: Một số tai nạn thường gặp ở trẻ em và giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 3.1. Một số tai nạn thường gặp ở trẻ em 3.1.1. Bỏng 3.1.2. Dị vật đường ăn, đường thở 3.1.3. Đuối nước 3.1.4. Hội chứng sốt cao co giật	5LT 9TL, TH <i>1LT</i> <i>1TL</i> <i>1TH</i>	- Xác định được dấu hiệu khi trẻ tai nạn - Mô tả được cách xử lý khi trẻ bị bệnh - Trình bày được các biện pháp phòng tránh	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Đàm thoại gợi mở + Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Phản hồi tích cực + Nghiên cứu tài liệu + Ghi chép nội dung tự học - GV giao nhiệm vụ học tập ở nhà chương 3 - NH ghi chép
11	3.1.5. Say nắng 3.1.6. Ngộ độc cấp 3.1.7. Chảy máu mũi 3.1.8. Chảy máu động mạch 3.1.9. Bong gân 3.1.10. Gãy xương Thảo luận: - Cách xử lý một số dạng ngộ độc: sắn, dứa, côn trùng đốt, rắn cắn, mèo cào,...	<i>2LT</i> <i>1TL</i>	- Xác định được các dấu hiệu khi bị tai nạn - Mô tả được cách xử lý khi trẻ bị tai nạn - Trình bày được biện pháp phòng tránh	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả tự học + Đàm thoại gợi mở + Tổ chức cho NH xinena + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Báo cáo kết quả tự học; + Phản hồi tích cực + Ximena + Ghi chép nội dung tự học
12	33.2. Giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 3.2.1. Nội dung giáo dục phòng	<i>2LT</i> <i>1TH</i>	- Trình bày được nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục vệ sinh	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV: + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả tự học + Đàm thoại gợi

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn GV và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO5	- Theo dõi ý thức học tập của NH (qua đóng góp ý kiến trong các buổi học) - Kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giao - Thống kê ngày học của NH.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	- Xác định nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh truyền nhiễm.	50%		CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	Kiểm tra tự luận
		- Giải thích cơ sở khoa học của các biện pháp điều trị, phòng bệnh truyền nhiễm cho trẻ.	50%			
		- Xác định nguyên nhân, triệu chứng, cách chăm sóc, điều trị, phòng bệnh thường gặp cho trẻ.	50%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Kiểm tra tự luận
		- Xác định nguyên nhân, triệu chứng, cách xử lý, phòng tránh tai nạn thường gặp ở trẻ em.	50%			

A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Nguyên nhân, triệu chứng, biện pháp chăm sóc, phòng bệnh truyền nhiễm cho trẻ.	30%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO6	Thi tự luận
		Nguyên nhân, triệu chứng, biện pháp chăm sóc, phòng bệnh thường gặp cho trẻ.	40%			
		Nguyên nhân, xử lý, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ.	30%			

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định				
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 – 8,4	Điểm 8.5 - 10
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập GV giao; chủ động chuẩn

					bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Số lượng: 02 bài kiểm tra
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút/bài

Bảng 6.a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Xác định nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh truyền nhiễm.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ.	5.0
2	- Giải thích cơ sở khoa học của các biện pháp điều trị, phòng bệnh truyền nhiễm cho trẻ.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ.	5.0

Bảng 6.b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Xác định nguyên nhân, triệu chứng, cách chăm sóc, điều trị, phòng bệnh thường gặp cho trẻ.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ.	5.0
2	- Xác định nguyên nhân, triệu chứng, cách xử lý, phòng tránh tai nạn thường gặp ở trẻ em.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ.	5.0

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1,2,3,4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nguyên nhân, triệu chứng, biện pháp chăm sóc, phòng bệnh truyền nhiễm cho trẻ.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ.	3.0

2	Nguyên nhân, triệu chứng, biện pháp chăm sóc, phòng bệnh thường gặp cho trẻ.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ.	4.0
3	Nguyên nhân, xử lý, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ.	3.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng Đặng Quang Rinh Nguyễn Thị Hương

2.5.33. Vệ sinh Dinh dưỡng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620018
1.2. Tên học phần:	Vệ sinh dinh dưỡng trẻ em
1.3. Tên tiếng Anh:	Child nutrition hygiene
1.4. Số tín chỉ:	3 LT
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	25 tiết
- Thực hành, thảo luận:	20 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Nguyễn Thị Mến
	Ths. Nguyễn Thị Hương
	Ths Nguyễn Minh Huệ
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	SP620006
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có kiến thức và kỹ năng về vệ sinh phòng bệnh do vi sinh vật, kí sinh trùng gây nên; về vệ sinh môi trường, vệ sinh chăm sóc, theo dõi quản lý sức khỏe của trẻ; kiến thức dinh dưỡng các chất dinh dưỡng, nuôi dưỡng trẻ theo độ tuổi cho trẻ; về công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em và những vấn đề về giáo dục dinh dưỡng trong nhà trường Mầm non. Có kỹ năng giáo dục dinh dưỡng cho trẻ.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức đại cương về vi khuẩn, vi rút, kí sinh trùng, nhiễm khuẩn, truyền nhiễm và các biện pháp vệ sinh phòng bệnh do vi sinh vật, kí sinh trùng gây nên.

- CO2: Có kiến thức về vệ sinh môi trường, vệ sinh chăm sóc trẻ và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong trường Mầm non.

- CO3: Có kiến thức về các chất dinh dưỡng; chế độ dinh dưỡng cho trẻ mầm non và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO4: Có kỹ năng vệ sinh, dinh dưỡng trong chăm sóc trẻ mầm non

- CO5: Có kỹ năng giáo dục dinh dưỡng.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Tích cực, chủ động trong tự học, tìm kiếm tài liệu; Có ý thức, trách nhiệm trong vệ sinh, dinh dưỡng cho trẻ. Hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp và phụ huynh trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Kí hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được một số vấn đề đại cương về vi khuẩn, vi rút, kí sinh trùng, nhiễm khuẩn, truyền nhiễm và các biện pháp vệ sinh phòng bệnh do vi sinh vật, kí sinh trùng gây nên.	CO1
CLO2	Trình bày được những kiến thức cơ bản về vệ sinh môi trường, vệ sinh chăm sóc trẻ và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong trường mầm non.	CO2
CLO3	Trình bày được một số vấn đề đại cương về các chất dinh dưỡng; chế độ dinh dưỡng cho trẻ mầm non.	CO3
CLO4	Thực hiện được các kỹ năng vệ sinh, kỹ năng chăm sóc cho trẻ.	CO2,CO4
CLO5	Tổ chức được hoạt động giáo dục vệ sinh, dinh dưỡng cho trẻ mầm non.	CO3, CO5
CLO6	Tích cực, chủ động tự học; trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp và phụ huynh trong công tác vệ sinh, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.	CO6

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I,R,M,A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CLO 1		I	I			I			I	I
CLO2		I	I			I			I	R
CLO3		R	I	I	I	I			R	R
CLO 4		R	R	I	I	I			I	I
CLO 5		I	I			I		I	I	I
CLO6			I			I			R	I
Tổng hợp học phần		I	I	I	I	I		I	I	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

- [1]. Hoàng Thị Phương (2018), Giáo trình *Vệ sinh trẻ em*, Nxb. Đại học Sư phạm.
- [2]. Lê Thị Mai Hoa (2017), Giáo trình *Dinh dưỡng trẻ em*, Nxb. Đại học Sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).
- [4]. Lê Thị Mai Hoa - Trần Văn Dần (2008), *Vệ sinh dinh dưỡng*, Nxb. Giáo dục.
- [5]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết
- Tổng số tuần học: 15 tuần
- Phân bố: 3 tiết/ buổi; 1 buổi/ tuần; 15 buổi.
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy học
1	* Giới thiệu học phần PHẦN 1. VỆ SINH Chương 1: Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học 1.1. Đại cương về vi sinh vật 1.1.1. Đại cương về vi khuẩn 1.1.2. Đại cương về vi rút 1.2. Dịch tế học và miễn dịch học 1.2.1. Nhiễm khuẩn 1.2.2. Truyền nhiễm 1.2.3. Miễn dịch học 1.3. Kí sinh trùng 1.3.1. Khái niệm 1.3.2. Sinh sản và phát triển của kí	(3LT)	- Phân tích được đặc điểm dinh dưỡng, hô hấp, sinh sản của vi khuẩn. - Trình bày được sự phát triển và sự tồn tại của các vi sinh vật trong môi trường. - Giải thích được cơ chế của các phương pháp diệt khuẩn và ứng dụng của nó trong trường mầm non. - Trình bày được các quá trình nhân lên của vi rút trên tế bào. - Trình bày được các yếu tố gây nhiễm khuẩn. - Giải thích cơ sở khoa học của các biện pháp phòng - Phân biệt được các loại miễn dịch. - Thiết lập được lịch tiêm chủng và các loại vắc	CLO1 CLO6 CLO1 CLO6 CLO1 CLO6	- GV: + Đọc tài liệu [1], [4], lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV báo cáo kết quả tìm hiểu các nội dung nhiệm vụ học tập (NVHT); + Tổ chức thảo luận, phản biện; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến thức; + GV giao bài tập ở nhà chương 1 và NVHT chương 2. - SV : + Đọc tài liệu [1], [4]. + Báo cáo các NVHT được giao; + Nhận xét, trao đổi các nội dung học tập; + Rút kinh nghiệm; chỉnh sửa báo cáo. - Chuẩn bị của

	sinh trùng 1.3.3. Đặc điểm của bệnh KST 1.3.4. Ảnh hưởng của KST đối với cơ thể.		xin. - Trình bày được đặc điểm của bệnh KST. - Phân tích được những ảnh hưởng của KST đối với cơ thể.		SV: laptop, sổ tay, vở ghi chép, giấy A0, bút màu... - SV ghi chép.
2-3	Chương 2: Vệ sinh chăm sóc trẻ 2.1. Vệ sinh sinh hoạt 2.1.1. Tổ chức giấc ngủ 2.1.2. Tổ chức bữa ăn cho trẻ mầm non 2.1.3. Tổ chức hoạt động học tập cho trẻ MN 2.1.4. Tổ chức vệ sinh trong quá trình giáo dục thể chất 2.2. Vệ sinh các cơ quan và hệ cơ quan 2.2.1. Vệ sinh da 2.2.2. Vệ sinh mắt 2.2.3. Vệ sinh răng miệng 2.2.4. Vệ sinh tai mũi họng 2.3. Vệ sinh trang phục 2.3.1. Vệ sinh quần áo 2.3.2. Vệ sinh giày, tất, mũ, yếm 2.4. Giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ	(4T) 3LT 1TL	- Tổ chức được giấc ngủ, bữa ăn, hoạt động học tập cho trẻ ở trường mầm non. - Phân tích được cơ sở khoa học của các biện pháp rèn luyện cơ thể bằng các yếu tố tự nhiên - Thực hiện được các kỹ năng vệ sinh thân thể trẻ em - Trình bày được các biện pháp vệ sinh trang phục cho trẻ. - Xác định được các nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ.	CLO2 CLO4 CLO6 CLO2 CLO4 CLO6	- GV: + Đọc tài liệu [1]; [4], [3], [5], lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV báo cáo kết quả tìm hiểu các nội dung nhiệm vụ học tập (NVHT); + Tổ chức thảo luận, phản biện; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến thức; + GV giao bài tập ở nhà chương 2 và NVHT phần thực hành. - SV : + Đọc tài liệu [1]; [4], [3], [5]. + Báo cáo các NVHT được giao; + Nhận xét, trao đổi các nội dung học tập; + Rút kinh nghiệm; chỉnh sửa báo cáo.

					- Chuẩn bị: laptop, sổ tay, vở ghi chép, giấy A0, bút màu... - SV ghi chép.
	Thảo luận: - Phương pháp tổ chức hoạt động học tập cho trẻ ở trường MN. - Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ.	1TL	Phân tích và vận dụng được các phương pháp tổ chức hoạt động học tập cho trẻ ở trường MN; Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ trong các cơ sở GDMN.	CLO2 CLO4 CLO6	- GV: + Đọc tài liệu [1]; [4], [3], [5], lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV thảo luận, báo cáo kết quả; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến thức. - SV: + Đọc tài liệu [1]; [4], [3], [5]. + Tổ chức thảo luận, báo cáo kết quả; + Ghi lại những TT cần thiết.
3-4	Chương 3. Vệ sinh môi trường 11T(3LT+7TH+1KT) 3.1. Vệ sinh không khí 3.1.1. Yêu cầu không khí trong trường mầm non 3.1.2. Những biện pháp đảm bảo yêu cầu không khí trong trường mầm non 3.2. Vệ sinh nguồn nước	3LT	- Trình bày được các yêu cầu không khí và một số biện pháp đảm bảo yêu cầu không khí trong trường Mầm non. - Xác định được các tiêu chuẩn vệ sinh một nguồn nước.	CLO2 CLO4 CLO6 CLO2 CLO4 CLO6	- GV: + Đọc tài liệu [1]; [4], [3]; lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV báo cáo kết quả tìm hiểu các nội dung nhiệm vụ học tập (NVHT); + Tổ chức thảo luận, phản biện; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt

3.2.1. Các tiêu chuẩn vệ sinh một nguồn nước 3.2.2. Các biện pháp cải tạo nguồn nước 3.3. Vệ sinh mặt đất 3.3.1. Nguyên nhân gây ô nhiễm mặt đất 3.3.2. Những biện pháp vệ sinh mặt đất 3.4. Những yêu cầu vệ sinh ở trường Mầm non 3.4.1. Các yêu cầu về quy hoạch và xây dựng trường mầm non 3.4.2. Yêu cầu về trang thiết bị ở trường Mầm non 3.5. Chế độ vệ sinh ở trường Mầm non		- Trình bày được một số phương pháp cải tạo vệ sinh nguồn nước. - Giải thích được các biện pháp giữ vệ sinh mặt đất ở trường Mầm non. - Giải thích được những yêu cầu về vệ sinh ở trường mầm non và các biện pháp để đảm bảo được yêu cầu đó. - Liệt kê được những công việc trong chế độ vệ sinh ở trường MN.	CLO2 CLO4 CLO6 CLO2 CLO4 CLO6	nội dung kiến thức; + GV giao bài tập ở nhà chương 3 và NVHT thực hành chương 3. - SV : + Đọc tài liệu [1]; [4], [3]. + Báo cáo các NVHT được giao; + Nhận xét, trao đổi các nội dung học tập; + Rút kinh nghiệm; chỉnh sửa báo cáo. - Chuẩn bị của SV: laptop, sổ tay, vở ghi chép, giấy A0, bút màu... - SV ghi chép.
*Thực hành: Thực trạng và biện pháp vệ sinh môi trường tại các cơ sở MN.	1TH	Phân tích, đánh giá được thực trạng và biện pháp vệ sinh môi trường tại các cơ sở MN.	CLO2 CLO4 CLO6	- GV: + Hướng dẫn SV cách thu thập thông tin và đánh giá. + Tổ chức cho SV báo cáo kết quả thảo luận. + Kết luận nội dung. - SV: +Thảo luận NVHT dưới sự hướng dẫn của

					GV. + SV báo cáo kết quả thảo luận. + SV dự ghi chép nội dung TL.
4	*Thực hành: Thực hành các kỹ năng rửa mặt, rửa tay, tắm, gội, cắt móng tay, chân, vệ sinh sau đại tiện cho trẻ.	1TH	Thực hiện được các kỹ năng rửa mặt, rửa tay, cắt móng tay chân, tắm gội, vệ sinh sau đại tiện cho trẻ .	CLO4 CLO6	- GV: + Giao nhiệm vụ cho NH thực hành + Theo dõi, chỉnh sửa và đánh giá kết quả thực hành của NH. - NH thực hành các kỹ năng vệ sinh cho trẻ trên búp bê. - GV hướng dẫn chuẩn bị bài thực hành tiếp. - NH ghi chép nội dung TH.
5	*Thực hành: Thực hành các kỹ năng rửa mặt, rửa tay, tắm, gội, cắt móng tay, chân, vệ sinh sau đại tiện cho trẻ.	2TH	Thực hiện được các kỹ năng rửa mặt, rửa tay, cắt móng tay chân, tắm gội, vệ sinh sau đại tiện cho trẻ .	CLO4 CLO6	- GV: + Giao nhiệm vụ cho NH thực hành + Theo dõi, chỉnh sửa và đánh giá kết quả thực hành của NH - NH thực hành các kỹ năng vệ sinh cho trẻ trên búp bê, đánh giá công tác vệ sinh của một trường MN - GV hướng dẫn chuẩn bị bài thực hành tiếp theo. - NH ghi chép nội dung chuẩn bị bài

	Thực hành: Đánh giá công tác vệ sinh của một trường MN.	1TH	- Biết cách đánh giá công tác vệ sinh của một trường MN.	CLO2 CLO6	thực hành tiếp theo. - GV: + Giao nhiệm vụ cho NH thực hành + Theo dõi và đánh giá kết quả thực hành của NH - NH thực hành - GV hướng dẫn ôn tập KT - NH ghi chép nội dung ôn tập.
6	Thực hành: Thực hành một số kỹ năng vệ sinh môi trường. * Kiểm tra bài số 1	2TH 1	- Thực hiện được các kỹ năng vệ sinh môi trường. Trình bày được một số vấn đề đại cương về vi sinh vật, KST và biện pháp phòng bệnh; kiến thức về vệ sinh môi trường và chăm sóc trẻ.	CLO4 CLO6 CLO1 CLO2 CLO6	- GV: + Hướng dẫn NH cách thu thập thông tin và đánh giá + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả thực hành - NH thực hành dưới sự hướng dẫn của GV GV: + Ra đề, đáp án + Tổ chức cho NH làm bài kiểm tra + Chấm bài theo đáp án NH: - Làm bài kiểm tra
	PHẦN 2. DINH DƯỠNG Chương 1. Dinh dưỡng đại cương 1.1. Năng lượng 1.1.1. Quá trình tiêu	(6T) 3	- Trình bày được các quá trình tiêu hao năng lượng của cơ thể.	CLO3 CLO6	- GV: + Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu

7	hao năng lượng của cơ thể 1.1.2. Nhu cầu năng lượng hằng ngày 1.2. Dinh dưỡng 1.2.1. Protein 1.2.2. Lipit		- Xác định được nhu cầu năng lượng với trẻ em (theo quy định 1996 và 2016). - Trình bày được vai trò, nhu cầu protein; lipit của cơ thể - Trình bày được những thực phẩm giàu protein; lipit - Phân tích được hậu quả khi cơ thể thiếu hoặc thừa protein; lipit. - Giải thích được những chú ý trong nuôi dưỡng trẻ.	CLO3 CLO6	- NH: + Nghiên cứu tài liệu - GV: + Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu + Đàm thoại gợi mở + Tổ chức cho NH thảo luận - NH: + Nghiên cứu tài liệu + Phản hồi tích cực + Thảo luận nhóm và báo cáo
8	1.2.3. Gluxit 1.2.4. Vitamin 1.2.5. Chất khoáng 1.2.6. Nước	3LT	- Trình bày được vai trò, nhu cầu gluxit; vitamin; chất khoáng; nước của cơ thể - Xác định được những thực phẩm giàu gluxit; vitamin; chất khoáng - Phân tích được hậu quả khi cơ thể thiếu hoặc thừa gluxit; vitamin; chất khoáng .	CLO3 CLO6	- GV: + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả tự học + Đàm thoại gợi mở + Tổ chức cho NH thảo luận + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Báo cáo kết quả tự học + Phản hồi tích cực + Thảo luận nhóm và báo cáo + Ghi chép nội dung tự học

					- GV hướng dẫn tự học chương 2 - NH ghi chép nội dung tự học chương 2.
9	Chương 2. Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ, mẫu giáo 2.1. Dinh dưỡng cho trẻ em ở tuổi nhà trẻ, mẫu giáo 2.1.1. Phương pháp dinh dưỡng cho trẻ dưới 12 tháng 2.1.2. Phương pháp dinh dưỡng cho trẻ dưới 12-24 tháng 2.1.3. Phương pháp dinh dưỡng cho trẻ dưới 24-36 tháng 2.1.3. Phương pháp dinh dưỡng cho trẻ dưới 36-72 tháng 2.2. Xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường Mầm non 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần, thực đơn cho trẻ. 2.2.3. Các bước xây dựng khẩu phần, thực đơn cho trẻ 2.2.4. Cách điều tra, đánh giá khẩu phần ăn cho trẻ tại trường MN	(9T) 3LT	- Xác định được chế độ ăn của trẻ phù hợp với lứa tuổi. - Trình bày được cách chế biến món ăn phù hợp cho trẻ theo lứa tuổi. - Xác định được các nguyên tắc, các bước khi xây dựng khẩu phần, thực đơn cho trẻ. - Trình bày được cách điều tra, đánh giá khẩu phần ăn của trẻ tại các trường Mầm non.	CLO3 CLO5 CLO6 CLO3 CLO5 CLO6 CLO3 CLO5 CLO6	- GV: + Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu + Đàm thoại gợi mở + Hướng dẫn NH tự học - NH: + Nghiên cứu tài liệu + Phản hồi tích cực + Ghi chép nội dung tự học

12	Chương 3. Giáo dục dinh dưỡng-sức khỏe theo hướng tích hợp 3.1. Cơ sở lý luận của giáo dục dinh dưỡng (GDDD)-sức khỏe đối với trẻ MN 3.1.1. Vai trò của GDDD-sức khỏe đối với trẻ MN 3.1.2. Cơ sở lý luận của GDDD-sức khỏe đối với trẻ MN 3.2. Mục tiêu và nội dung của GDDD-sức khỏe 3.3. Hình thức tổ chức giáo dục GDDD - sức khỏe cho trẻ MN theo hướng tích hợp 3.4. Phương pháp GDDD - sức khỏe cho trẻ MN	(12T) 3LT	- Xác định được mục tiêu, vai trò, nội dung, hình thức và phương pháp GDDD-sức khỏe cho trẻ MN - Thực hiện được công tác GDDD-sức khỏe cho trẻ lứa tuổi MN.	CLO5 CLO6	- GV: + Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu + Đàm thoại gợi mở + Tổ chức xemina + Hướng dẫn NH nội dung tự học - NH: + Nghiên cứu tài liệu + Phản hồi tích cực + Xemina + Ghi chép nội dung tự học - GV hướng dẫn chuẩn bị bài thực hành. - NH ghi chép nội dung chuẩn bị bài thực hành.
13	* Thực hành tại trường MN - Tham quan bếp ăn một chiều. - Kiến tập cách tổ chức bữa ăn và chăm sóc trẻ khi ăn. * Pha sữa và một số loại nước hoa quả - Pha sữa cho trẻ	3TH	- Vẽ được sơ đồ bếp một chiều. - Trình bày được cách tổ chức bữa ăn cho trẻ - Trình bày được cách pha sữa...	CLO2 CLO4 CLO5 CLO2 CLO3 CLO4	- GV: + Giao nhiệm vụ cho NH + Theo dõi NH thực hành + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả thực hành - NH: + Thực hành theo nhóm

	theo độ tuổi. - Chế biến sữa đậu nành, pha sữa, nước quả.		- Chế biến được sữa đậu nành và một số loại nước hoa quả.	CLO5	+ Báo cáo kết quả - GV hướng dẫn chuẩn bị bài thực hành tiếp theo. - NH ghi chép nội dung chuẩn bị bài thực hành tiếp theo.
14	<i>* Thực hành nấu bột cháo</i> - Nấu một số loại bột. - Nấu một số loại cháo. <i>* Thực hành nấu một số món ăn cho trẻ ăn cơm.</i>	3TH	- Thực hiện được kỹ năng nấu một số loại bột cháo; - Bột cháo đảm bảo yêu cầu thành phẩm - Thực hiện được kỹ năng món ăn cho trẻ ăn cơm - Các món ăn đảm bảo yêu cầu thành phẩm	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: + Giao nhiệm vụ cho NH + Theo dõi NH thực hành + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả thực hành - NH: + Thực hành theo nhóm + Báo cáo kết quả - GV: + Giao nhiệm vụ cho NH + Theo dõi NH thực hành + Tổ chức cho NH báo cáo kết quả thực hành - NH: + Thực hành theo nhóm + Báo cáo kết quả
	Ximena về vấn đề giáo dục dinh dưỡng.	2TH	- Viết được bài tuyên truyền về vấn đề giáo dục dinh dưỡng - Thực hiện việc tuyên truyền vấn đề GDDD.	CLO5 CLO6	- GV: + Tổ chức cho NH thảo luận nhóm về cách viết một bài tuyên truyền + Tổ chức cho

15	<i>* Kiểm tra bài số 2</i>	<i>1</i>	- Trình bày được một số vấn đề đại cương về các chất dinh dưỡng; chế độ dinh dưỡng cho trẻ mầm non và vấn đề giáo dục dinh dưỡng.	CLO3 CLO5	NH thực hành và rút kinh nghiệm - SV: + Thảo luận nhóm về cách viết một bài tuyên truyền + Thực hành GV: - Ra đề, đáp án - Tổ chức cho NH làm bài kiểm tra - Chấm bài theo đáp án NH: - Làm bài kiểm tra

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của GV và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO6	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày học của người học.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Đánh giá kiến thức về vi sinh vật, KST và biện pháp phòng bệnh; kiến thức và kỹ năng vệ sinh môi trường và chăm sóc trẻ	50%		CLO1 CLO2 CLO4 CLO6	Kiểm tra tự luận
		Đánh giá kiến thức đại cương về dinh dưỡng và kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ; giáo dục dinh dưỡng	50%		CLO3 CLO5 CLO6	Kiểm tra tự luận
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Đại cương về vi sinh vật và KST và biện pháp phòng. - Đại cương về vệ sinh môi trường; vệ sinh chăm sóc trẻ. - Đại cương về dinh dưỡng. - Nuôi dưỡng trẻ em theo lứa tuổi và vấn đề giáo dục dinh dưỡng.	20% 30% 20% 30%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thi tự luận.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định				
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8,4	Điểm 8.5 - 10
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập GV giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập GV giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Số lượng: 02 bài kiểm tra
- Nội dung bài kiểm tra số 1: Phần 1
- Nội dung bài kiểm tra số 2: Phần 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian làm mỗi bài: 50 phút

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Vi sinh vật và kí sinh trùng gây bệnh.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác phòng bệnh do vi sinh vật và kí sinh trùng gây nên.	4.0
2	Vệ sinh môi trường.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác vệ sinh môi trường.	3.0
3	Vệ sinh sinh hoạt, chăm sóc trẻ.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác vệ sinh chăm sóc trẻ.	3.0
Tổng			10.0

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Vai trò, nhu cầu, hậu quả khi cơ thể thiếu hoặc thừa các chất dinh dưỡng;	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác nuôi dưỡng trẻ.	5.0
2	Nhu cầu dinh dưỡng của trẻ em theo độ tuổi; cách chế biến thức ăn cho trẻ theo độ tuổi	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác nuôi dưỡng trẻ.	3.0
3	Giáo dục dinh dưỡng- sức khỏe theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác giáo dục dinh dưỡng.	2.0
Tổng			10.0

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Phần 1 và phần 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Đại cương về vi sinh vật và kí sinh trùng và biện pháp phòng.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác vệ sinh phòng bệnh do vi sinh vật và kí sinh trùng.	2.0
2	Đại cương về vệ sinh môi trường; vệ sinh chăm sóc trẻ.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác vệ sinh môi trường và vệ sinh chăm sóc trẻ.	3.0
3	Đại cương về dinh dưỡng.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.	2.0
4	Nuôi dưỡng trẻ em theo lứa tuổi và vấn đề giáo dục dinh dưỡng.	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục dinh dưỡng trẻ.	3.0
Tổng			10.0

Quảng Ninh, ngày... tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng Đặng Quang Rinh

Nguyễn Ngọc Quỳnh

- CO3: Có kỹ năng phân tích, đánh giá, quản lý và phát triển CTGDMN.

- CO4: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ MN.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu; có trách nhiệm và tình cảm nghề nghiệp; chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong thực hiện chương trình GDMN.

3. Chuẩn đầu ra của học phần Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Vận dụng được các nội dung trong chương trình Giáo dục Mầm non; lý luận cơ bản về phát triển chương trình GDMN trong hoạt động nghề nghiệp của GVMN.	CO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức về tổ chức thực hiện chương trình GDMN (lập kế hoạch thực hiện, tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề, xây dựng môi trường giáo dục, đánh giá việc thực hiện CTGDMN) trong hoạt động nghề nghiệp của GVMN.	CO2
CLO3	Phát triển, đánh giá, quản lý được chương trình GDMN phù hợp với sự phát triển của trẻ và bối cảnh của địa phương.	CO3 CLO4
CLO4	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.	CO4
CLO5	Trách nhiệm, gắn bó với nghề; chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hợp tác trong nghiên cứu phát triển và thực hiện chương trình GDMN.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I,R,M,A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	I						I	R
CLO 2		R	R	I		I			I	R
CLO 3			R	I					I	R
CLO 4			M	R	I	I			I	I
CLO5			I			I			I	R
Tổng hợp học phần		R	R	I	I	I			I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

- [1]. Nguyễn Thị Thu Hiền (2008), *Phát triển & tổ chức thực hiện chương trình giáo dục Mầm non*, Nxb. Giáo dục.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

5.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.
- [4]. Lê Thị Thu Hương (chủ biên, 2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 4- 5 tuổi, 5 - 6 tuổi* NXBGD.
- [5]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết
- Tổng số tuần học: 15 tuần
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học
- + Đánh giá định kì: 2 bài
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài (Tự luận)

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
1	* GV giới thiệu học phần Chương 1. Chương trình Giáo dục Mầm non (CTGDMN) (16T= 12LT+ 4TL) 1.1. Khái niệm chương trình giáo dục mầm non và sự cần thiết của việc ban hành chương trình GDMN	4	- Xác định được vị trí, vai trò của HP trong CTĐT. - Giải thích được khái niệm (KN) và sự cần thiết ban hành CTGDMN.	CLO 1 CLO3 CLO5	* GV giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 1. * NH: nghiên cứu tài liệu [2, tr 5-69], làm bài tập chương 1. * GV: - Giới thiệu HP;

	1.2. Quan điểm, nguyên tắc và một số định hướng đổi mới chương trình CSGD MN		- Trình bày được quan điểm, nguyên tắc và định hướng đổi mới CTGDMN.	CLO 1 CLO3 CLO5	- Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ học tập cho NH;
2	1.3. Phân tích cấu trúc, nội dung chương trình Phần 1. Những vấn đề chung	4	- Trình bày được cấu trúc và những vấn đề chung của CTGDMN.	CLO 1 CLO3 CLO5	- Tổ chức cho NH thảo luận (TL); - Đánh giá, chốt lại vấn đề.
	Phần 2. Chương trình Giáo dục Nhà trẻ		- Phân tích được cấu trúc chương trình giáo dục nhà trẻ.	CLO 1 CLO3 CLO5	* NH: - Phản hồi tích cực;
3	Phần 3. Chương trình Giáo dục Mẫu giáo Phần 4: Hướng dẫn thực hiện CTGDMN	4	- Phân tích được cấu trúc chương trình giáo mẫu giáo.	CLO 1 CLO3 CLO5	- HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.
4	* Thảo luận - Những điểm mới của CTGDMN - Ưu điểm và hạn chế của CTGDMN	4	. - Phân tích được những điểm mới của CTGDMN. - Đánh giá được ưu điểm, hạn chế của CT GDMN.	LO 1 CLO3 CLO5	* GV: - Chia nhóm, tổ chức cho NH TL; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - TL nhóm; - Trình bày kết quả TL, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm; - Ghi lại những TT cần thiết. * GV: Cùng cố và giao nhiệm vụ tự học.
	Chương 2. Phát triển chương trình Giáo	4		CLO1 CLO3	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu và

5	dục Mầm non (8T=4LT+4TH) 2.1. Khái niệm về phát triển chương trình giáo dục mầm non 2.2. Cơ sở lý luận của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non 2.3. Cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non 2.4. Phát triển chương trình giáo dục mầm non của các khối lớp 2.5. Quản lý phát triển chương trình giáo dục nhà trường		- Giải thích được KN phát triển chương trình GDMN. - Phân tích được các mức độ phát triển CTGDMN. - Trình bày được cơ sở lý luận của phát triển CTGDMN. - Giải thích được cơ sở thực tiễn của phát triển CTGDMN. - Trình bày được tầm quan trọng, yêu cầu, quy trình phát triển CTGDMN của khối lớp. - Vận dụng quy trình phát triển CTGDMN của khối lớp. - Phân tích được KN, quy trình phát triển CTGD nhà trường.	CLO5 CLO1 CLO3 CLO5 CLO1 CLO3 CLO5 CLO1 CLO3 CLO5 CLO1 CLO3 CLO5	làm bảo tập chương 2. * NH nghiên cứu tài liệu [1]; và làm bài tập chương 2. * GV: - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ tự học NH; - Tổ chức cho NH thảo luận; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.
6	* Thảo luận, thực hành. - Thảo luận thực trạng phát triển CTGDMN ở cơ sở GDMN đã thực hành. - Thực hành xây dựng kế hoạch thực hiện một hoạt động cho một	4	- Phân tích được những ưu điểm, hạn chế của việc phát triển CTGDMN của các cơ sở GDMN đã thực hành. - Xây dựng được kế hoạch một hoạt	CLO1 CLO3 CLO5	* GV: - Chia nhóm, tổ chức TL; - Đánh giá, giải thích, chốt lại vấn đề. * NH: - TL nhóm; - Trình bày kết

	nhóm/lớp cụ thể của cơ sở GDMN.		động cho nhóm/lớp cụ thể của cơ sở GDMN.		quả TL, lắng nghe, các nhóm trình bày, phản biện, trình bày quan điểm;
6					- Ghi lại những TT cần thiết. * GV: Cung cố và giao nhiệm vụ tự học.
	* Đánh giá bài định kì số 1 - Chương trình GDMN, ban hành theo Thông tư 01/VBHN-GDDT ngày 13/4/2021. - Phát triển CTGDMN		- Hệ thống hóa được các nội dung trong chương trình GDMN; lí luận cơ bản về phát triển chương trình GDMN trong hoạt động nghề nghiệp của GVMN.	CLO1 CLO3 CLO5	* GV: Giao bài tập, chấm bài tập * NH: Làm và nộp bài tập.
7	Chương 3. Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDMN (12T=6LT+6TH) 3.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc lập kế hoạch(KH) <i>3.1. Khái niệm</i> <i>3.1.2. Ý nghĩa</i> 3.2. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN <i>3.2.1. Xây dựng KH phải quán triệt mục tiêu GDMN</i> <i>3.2.2. Xây dựng KH phải đảm bảo tính khoa</i>	4	Giải thích được KN, ý nghĩa của lập KH. Áp dụng được các nguyên tắc xây dựng KH thực hiện CTGDMN.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO2 CLO4 CLO5	* GV giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 3. * NH nghiên cứu tài liệu [1-2-3-4-5]; làm bài tập chương 3. * GV: - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ học tập; - Tổ chức TL; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH:

	học và tính thực tiễn. 3.2.3. Xây dựng kế hoạch phải đảm bảo tính phát triển. 3.2.4. Xây dựng KH Phải đảm bảo tính toàn diện 3.2.5. Đảm bảo tính pháp lệnh của KH.				- Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những TT cần thiết.
	3.3. Các loại kế hoạch thực hiện chương trình, cấu trúc và nội dung của từng loại kế hoạch 3.3.1. Lập kế hoạch thực hiện CT theo năm học cho từng độ tuổi		- Phân tích được căn cứ xây dựng, cấu trúc các loại kế hoạch trong các cơ sở GDMN. - Áp dụng được quy trình xây dựng KH trong việc xây dựng các loại KH.	CLO2 CLO4 CLO5	
8	3.3.2. Lập kế hoạch thực hiện CT theo tháng ở lứa tuổi nhà trẻ 3.3.3. Lập kế hoạch thực hiện chủ đề 3.3.4. Lập KH thực hiện các hạt động giáo dục trong ngày 3.3.5. Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ	4			
9	3.4. Thực hành xây dựng các loại kế hoạch thực hiện chương trình 3.4.1. Thực hành xây dựng kế hoạch thực hiện CT theo năm học cho từng độ tuổi 3.3.2. Thực hành xây dựng kế hoạch thực	4	Thiết kế được các loại kế hoạch thực hiện CTGDMN tại cơ sở GDMN.	CLO2 CLO4 CLO5	* GV: - Giao bài cho NH tập xây dựng các loại KH; - Tổ chức NH trình bày, nhận xét, đánh giá; - Chính xác hóa nội dung bài thực hành.

	<i>hiện CT theo tháng ở lứa tuổi nhà trẻ</i> <i>3.3.3. Thực hành xây dựng kế hoạch thực hiện chủ đề</i> <i>3.3.4. Thực hành xây dựng kế hoạch thực hiện các hạt động giáo dục trong ngày</i> <i>3.3.5. Thực hành xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động CSGD trẻ</i>				* NH: - Các nhóm xây dựng và trình bày các loại KH; - Lắng nghe, quan sát các nhóm trình bày; - Nhận xét, góp ý. * GV: Cùng cố và giao nhiệm vụ tự học.
10	Chương 4. Tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề(12T= 6LT+6TH) 4.1. Quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm <i>4.1.1. Quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm</i> <i>4.1.2. Tiêu chí thực hành áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm</i> 4.2. Tổ chức các hoạt động giáo dục chủ đề <i>4.2.1. Khái niệm chủ đề</i> <i>4.2.2. Yêu cầu đối việc lựa chọn chủ đề</i> <i>4.2.3. Các cách lựa chọn chủ đề</i>	4	- Áp dụng được quan điểm lấy trẻ làm trung tâm trong GDMN. - Giải thích được KN, yêu cầu đối với việc lựa chọn chủ đề. - Vận dụng được cách lựa chọn chủ đề. - Vận dụng được quy trình tổ chức thực hiện chủ đề. - Giải thích được những điểm cần chú ý khi tổ chức thực hiện các chủ đề.	CLO2 CLO4 CLO5	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bảo tập chương. * NH: nghiên cứu tài liệu [1];]3-4-5] làm bài tập chương 4. * GV: - Cung cấp minh chứng; - Giảng giải, đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ học tập; - Tổ chức TL; - Đánh giá, chốt lại vấn đề . * NH : - Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại
11	<i>4.2.4. Tổ chức thực hiện chủ đề</i> <i>4.2.5. Một số điểm lưu ý khi thực hiện cách tiếp cận tích hợp theo chủ đề</i>	4			

	4.3. Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình phát sinh 4.3.1. Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chủ đề 4.3.2. Chương trình phát sinh		- Vận dụng tiếp cận sự kiện trong thực hiện CTGDMN. - Áp dụng được chương trình phát sinh trong thực hiện CTGDMN.	CLO2 CLO4 CLO5	những TT cần thiết.
12	4.4. Thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động theo chủ đề 4.4.1. Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ 12-24 tháng 4.4.2. Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động chơi tập có chủ đích cho trẻ 12-24 tháng 4.4.3. Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động chơi cho trẻ ở các độ tuổi 4.4.4. Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động học cho trẻ mẫu giáo	4	- Thiết kế và tổ chức được các hoạt động giáo dục theo chủ đề tại các cơ sở GDMN.	CLO2 CLO4 CLO5	* GV: - Giao nhiệm vụ thiết kế và tổ chức các hoạt động; - Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả của NH. * NH: - Các nhóm thiết kế và tổ chức các hoạt động theo yêu cầu; - NH lắng nghe, quan sát các nhóm tổ chức HĐ - Nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm. * GV: Cùng cố và giao nhiệm vụ tự học.
13	Chương 5. Xây dựng môi trường giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non (8T=4LT+4TLTH) 5.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc xây	4	Giải thích KN, ý nghĩa của việc xây dựng MTGD trong các cơ sở GDMN.	CLO2 CLO4 CLO5	* GV giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương. * NH nghiên cứu tài liệu [1, tr106-135]; làm bài tập

	<i>dựng môi trường giáo dục (MTDG) trong các cơ sở giáo dục mầm non</i> <i>5.1.1. Khái niệm</i> <i>5.1.2. Ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non.</i> <i>5.2. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non</i> <i>5.3. Quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non</i> <i>5.4. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động</i> <i>5.4.1. Hướng dẫn thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động học</i> <i>5.4.2. Hướng dẫn thiết kế môi trường hoạt động ngoài trời</i> <i>5.4.3. Hướng dẫn thiết kế môi trường hoạt động chơi ở các góc</i> <i>5.5. Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục</i>		Áp dụng được các nguyên tắc trong thiết kế MTGD tại các cơ sở GDMN. Vận dụng được quy trình xây dựng MTGD trong các cơ sở GD MN. Vận dụng được cách thiết kế MTGD cho hoạt động (HĐ) học, hoạt động ngoài trời, hoạt động chơi ở các góc. Trình bày được nội dung đánh giá hiệu quả sử dụng MTGD.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO2 CLO4 CLO5 CLO2 CLO4 CLO5	chương 5. * GV: - Cung cấp minh chứng; - Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ học tập; - Tổ chức TL; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những TT cần thiết.
14	<i>5.6. Thực hành thiết kế môi trường hoạt động học và HĐ góc</i>	4	Thiết kế được môi trường HĐ học, HĐ góc	CLO2 CLO4 CLO5	* GV: Giao bài tập cho SV thiết kế môi trường HĐ học + góc.

					- Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả TH của NH. * NH: - Các nhóm thiết kế môi trường HĐ học, HĐ góc (quay video). - Lắng nghe, quan sát các nhóm trình bày; - Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. * GV: Cùng cố và giao nhiệm vụ tự học.
15	Chương 6. Đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục (4T = 2LT + 1TL+1KT) 6.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc đánh giá thực hiện chương trình giáo dục mầm non 6.1.1. Khái niệm về đánh giá thực hiện chương trình giáo dục mầm non 6.1.2. Mục đích, ý nghĩa của việc đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục MN 6.2. Nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá việc thực hiện chương trình	2	- Giải thích được KN đánh giá thực hiện CTGDMN. - Phân tích được mục đích, ý nghĩa của việc đánh giá thực hiện CTGDMN. Áp dụng được nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá thực hiện	CLO2 CLO4 CLO5 CLO2 CLO4 CLO5	* GV giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 6. * NH nghiên cứu tài liệu [1-2]; làm bài tập chương 6. * GV: - Cung cấp minh chứng; - Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ học tập; - Tổ chức TL; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng

	6.2.1. Nội dung đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN 6.2.2. Phương pháp đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN 6.2.2. Hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN		CTGDMN trong hoạt động đánh giá thực hiện CTGDMN.		nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những TT cần thiết.
	* Thảo luận Thực trạng của công tác đánh giá việc thực hiện CTGDMN của các cơ sở GDMN hiện nay.	2	Đánh giá được ưu điểm, hạn chế của việc đánh giá thực hiện CTGDMN ở các cơ sở GDMN đã thực hành.	CLO2 CLO4 CLO5	* GV: - Chia nhóm, tổ chức cho NH TL; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - TL nhóm; - Trình bày kết quả TL, lắng nghe các nhóm trình bày, phản biện, trình bày quan điểm. * GV: Cùng cố và giao nhiệm vụ tự học.
	* Đánh giá bài định kì số 2 - Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình. - Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề. - Xây dựng môi trường giáo dục trong các cơ sở GDMN.		- Xây dựng được các loại kế hoạch thực hiện CTGDMN. - Thiết kế được các hoạt động giáo dục theo chủ đề. - Thiết kế được môi trường giáo dục trong các cơ sở GDMN.	CLO2 CLO4 CLO5	* GV: Giao bài tập, chấm bài tập. * NH: Làm và nộp bài tập.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO 5	- Theo dõi ý thức học tập của NH, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày học của SV.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Đánh giá kiến thức về chương trình GDMN, lí luận về phát triển chương trình GDMN.	40%	x	CLO 1 CLO 5	Đánh giá kết quả bài tập số 1
		- Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDMN và tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề, xây dựng môi trường GD	60%	x	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Đánh giá kết quả bài tập số 2
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	1. Chương trình và Phát triển chương trình GDMN 2. Tổ chức thực hiện chương trình GDMN: Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDMN, tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề, xây dựng môi trường giáo dục và đánh giá việc thực hiện CTGD.	40% 60%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Thi tự luận

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Đánh giá định kỳ

- Nội dung đánh giá định kỳ bài số 1

STT	Nội dung	Trọng số%
1	Chương trình GDMN, (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT), ngày 13/4/2021.	60
2	Phát triển chương trình GDMN	40

- Nội dung đánh giá định kỳ bài số 2

STT	Nội dung	Trọng số%
1	Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDMN.	40
2	Thiết kế hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ mầm non.	40
3	Xây dựng môi trường giáo dục tại các cơ mầm non	20

- Hình thức đánh giá: Đánh giá bài tập

Bảng 6. Rubric 3: Đánh giá bài tập (Work Assignment)

TCĐG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu, cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn	50%

				nội dung chưa chi tiết.	hợp lý.	

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1,2,3 của học phần.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

	Nội dung	Trọng số%
1	Chương trình và Phát triển chương trình GDMN	40
2	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN: Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDMN, tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề, xây dựng môi trường giáo dục và đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN.	60

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí	Điểm
1	Chương trình và Phát triển chương trình GDMN	Chấm theo đáp án: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn phát triển chương trình GDMN.	4
2	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN: Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDMN, tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề, xây dựng môi trường giáo dục và đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN.	Chấm theo đáp án: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, gắn với đổi mới GDMN hiện nay.	6
Tổng			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Đặng Quang Rinh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành: Giáo dục Mầm non

1.1. Mã học phần:	SP620020
1.2. Tên học phần:	Quản lí và đánh giá trong giáo dục mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Management and assessment in early childhood education
1.4. Số tín chỉ:	3 (2TL + 1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	34 tiết
- Thảo luận + Thực hành	26 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Sư Phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Đặng Quang Rinh
- Giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Minh Huệ ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620046
- Học phần song hành:	Không

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có kiến thức và kỹ năng về quản lý và quản lý GDMN. Có kiến thức và kỹ năng về đánh giá cơ sở GDMN, chương trình GDMN, chuẩn nghề nghiệp GVMN, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức chung về: Quản lí, quản lí giáo dục và quản lí GDMN; đánh giá và đánh giá trong GDMN.

- CO2: Có kiến thức về: Quản lý trường mầm non, giáo viên mầm non và quản lý nhóm/ lớp trong các cơ sở giáo dục mầm non, công tác quản lý giáo dục mầm non ở cấp Sở và cấp Phòng GD&ĐT.

- CO3: Có kiến thức về đánh giá: Cơ sở giáo dục mầm non, chương trình GDMN, hoạt động nghề nghiệp của GVMN, đánh giá sự phát triển của trẻ.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO4: Có kỹ năng ban đầu về quản lý GDMN ở cấp Sở, Phòng GD&ĐT và quản lý trường mầm non. Có kỹ năng quản lý nhóm/ lớp trong các cơ sở GDMN.

- CO5: Có kỹ năng đánh giá: Cơ sở GDMN, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, sự phát triển của trẻ.

- CO6: Có kỹ năng làm việc thực hành theo nhóm, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình CSGD trẻ.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO7: Có tình cảm và trách nhiệm nghề nghiệp, trung thực, khách quan, tận tụy, tỉ mỉ, biết kiểm chế trong công tác CSGD trẻ.

3. Chuẩn đầu ra của HP (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được những nội dung cơ bản về quản lý, quản lý giáo dục và quản lý GDMN; đánh giá và đánh giá trong GDMN.	CO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức về quản lý trường mầm non, giáo viên mầm non và quản lý nhóm/ lớp trong các cơ sở giáo dục mầm non, công tác quản lý giáo dục mầm non ở cấp Sở và cấp Phòng GD&ĐT trong hoạt động nghề nghiệp.	CO2
CLO3	Vận dụng được nội dung, phương pháp, quy trình đánh giá chất lượng cơ sở GDMN, hoạt động nghề nghiệp của GVMN, đánh giá sự phát triển của trẻ trong quá trình ĐG.	CO3...
CLO4	Quản lý được các hoạt động của trẻ mầm non và cơ sở vật chất của nhóm/lớp mầm non; hỗ trợ cán bộ quản lý trong hoạt động chỉ đạo, quản lý các cơ sở giáo dục mầm non.	CO3, CLO4
CLO5	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động đánh giá chất lượng cơ sở GDMN, hoạt động nghề nghiệp của GVMN, đánh giá sự phát triển của trẻ.	CO5
CLO6	Phối hợp giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong quá trình CSGD trẻ.	CO6
CLO7	Yêu trẻ; toàn tâm, toàn ý, tận tụy trong công việc; có thái độ khách quan và tự chịu trách nhiệm trong các hoạt động; đối xử công bằng với trẻ; chủ động, linh hoạt, hợp tác trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.	CO7

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		R							I	I
CLO2		R	M	R					I	I
CLO3		R	M	R					I	I
CLO4		R	M	I					I	I
CLO5		R	M	I				I	I	I
CLO6					R	I			I	I
CLO7									R	R
Tổng hợp học phần		R	M	I	R	I		I	I	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Phạm Thị Châu (2012), *Giáo trình quản lý giáo dục Mầm non*, Nxb. Giáo dục.

[2]. Đinh Thị Kim Thoa (2008), *Giáo trình Đánh giá trong GDMN*. Nxb. Giáo dục

5.3. Học liệu tham khảo

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

[4] Bộ GD&ĐT, Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non (*Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

[5] Bộ GD&ĐT, Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (*Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2018/QĐ-BG&ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

[6]. Bộ Chuẩn đánh giá trẻ 5 tuổi. ban hành theo TT 23/2010/TT-BGDĐT Ban hành quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.

[7] Bộ GD&ĐT, QĐ kiểm định chất lượng GD và công nhận đạt Chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non (ban hành theo TT số: 19/2018/TT-BGDĐT, Ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT).

[8] Bộ GD&ĐT Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GD và ĐT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ, Phòng GD và ĐT tgyộc UBND huyện,

quận, thị xã, thành phố trực thuộc TƯ (ban hành theo Số: 12/2020/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 5 năm 2020).

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết.
- Tổng số tuần học: 15 tuần.
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi.
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học, các buổi thực hành.
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài.
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>* Giới thiệu học phần</i>		- GV: Giới thiệu SV tìm hiểu ĐCCT học phần; - SV: nghe, hiểu được cách sử dụng ĐCCT học phần.	CLO7	
	Phần 1: Quản lí giáo dục mầm non (30 tiết) Chương 1. Những vấn đề chung về quản lí mầm non và quản lí trường Mầm non (8 = 5LT+3TL) 1.1. Một số khái niệm cơ bản. 1.2. Mục tiêu quản lí giáo dục mầm non 1.3. Chức năng quản lí giáo dục mầm non 1.4. Nguyên tắc quản lí giáo dục mầm non	4LT	Trình bày được KN QL, QLGD, QLGD MN Trình bày, giải thích được khái niệm, mục tiêu quản lí GDMN. - Trình bày được khái niệm CNQL; Giải thích được các CN trong QL. - Trình bày được khái niệm nguyên tắc QLGD. - Phân tích được nội dung cơ bản NT	CLO1 CLO6 CLO7	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu. - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ cho học tập NH; - Tổ chức cho NH TL; báo cáo kết quả tự học; * NH nghiên cứu tài liệu [1, tr 5-40], - Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm;

	1.5. Phương pháp quản lý giáo dục mầm non 1.6. Quá trình quản lý giáo dục		trong QLGD. - Trình bày được KN PPQL. - Giải thích được bản chất, UĐ, hạn chế và ĐK áp dụng các PP quản lý. - Trình bày được KN, nội dung của các giai đoạn QL.		- Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.
2	1.7. Hình thức quản lý giáo dục 1.8. Thông tin trong quản lý giáo dục * Thảo luận việc sử dụng các phương pháp quản lý	1LT 3TL	- Trình bày được các hình thức QLGD. - Trình bày được KN thông tin và thông tin quản lý. Vận dụng trong đời sống, cv. - Giải thích được cơ sở lựa chọn và kết hợp các phương pháp quản lý. Tìm được minh chứng cho sự lựa chọn đó.	CLO1 CLO6 CLO7	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu. - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ cho học tập NH; - Tổ chức cho NH TL; báo cáo kết quả tự học; * NH nghiên cứu tài liệu [1, tr 5-40], - Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.
3	Chương 2. Quản lý trường mầm non (10 = 7TL+3TL) 2.1. Khái quát chung về trường mầm non 2.1.1. Vị trí của trường	4LT	- Trình bày được vị trí của trường MN. - Xác định được NV của trường MN.	CLO2 CLO4 CLO6 CLO7	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi

	mầm non 2.1.2. Nhiệm vụ và quyền của trường MN 2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của trường MN 2.1.4. Các loại hình trường lớp mầm non. 2.2. Cán bộ quản lý trường mầm non 2.2.1. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng trường mầm non 2.2.2. Yêu cầu đối với cán bộ quản lý trường mầm non. 2.3. Nghiệp vụ quản lý trường mầm non 2.3.1. Lập kế hoạch trong trường mầm non 2.3.2. Quản lý số lượng trẻ trong trường mầm non 2.3.3. Quản lý các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ		- Kể tên và lập sơ đồ biểu đạt cơ cấu TC bộ máy trường MN. - Trình bày được các loại hình trường, lớp mầm non. Trình bày được vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ quản lý trường mầm non. - Giải thích được những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của cán bộ quản lý trường mầm non. - Trình bày được các nội dung của công tác LKH trong trường MN. Giải thích được nội dung quản lý số lượng trẻ trong trường mầm non. - Phân tích được ND, cách thức QL các HĐ CS nuôi dưỡng và GD trẻ.		mở; - Giao nhiệm vụ cho học tập NH; - Tổ chức cho NH TL; báo cáo kết quả tự học; * NH nghiên cứu tài liệu [1, tr41 -115], - Phản hồi tích cực; - HD nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.
4	2.3.4. Quản lý đội ngũ giáo viên và cán bộ công nhân viên. 2.3.5. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất trong trường mầm non 2.3.6. Quản lý công tác hành chính trong trường mầm non	3LT	- Trình bày được ND, biện pháp QL và phát triển đội ngũ GV, NV. - Trình bày được ND và cách thức QL tài chính. - Trình bày được ND và cách thức QL CSVC trong trường MN.	CLO2 CLO4 CLO6 CLO7	* GV: - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ cho học tập NH; - Tổ chức cho NH TL; báo cáo kết quả tự học; * NH:

	2.3.7. Trường mầm non với công tác xã hội hoá giáo dục 2.3.8. Kiểm tra nội bộ trường mầm non 2.3.9. Tổ chức khoa học lao động quản lý của hiệu trưởng trường mầm non 2.4. Kỹ năng hỗ trợ tổ chức và quản lý trường mầm non 2.4.1. Kỹ năng đàm phán và tổ chức cuộc họp 2.4.2. Kỹ năng ra quyết định 2.4.3. Kỹ năng làm việc nhóm 2.4.4. Phong cách của người lãnh đạo 2.5. Thực trạng công tác quản lý của cán bộ quản lý cấp học mầm non	1TL	- Hình thành ý thức tiết kiệm, bảo quản, sử dụng tốt trang thiết bị... Áp dụng được công tác xã hội hóa giáo dục của trường MN. Trình bày được công tác kiểm tra nội bộ trường MN Trình bày được công tác tổ chức KHLĐ QL trong trường MN. Vận dụng được các kỹ năng hỗ trợ trong tổ chức và quản lý trường mầm non. - Có ý thức rèn luyện phong cách của người LĐ - Giải thích và tìm được MC về những ưu điểm và hạn chế của CTQL của các cơ sở GD hiện nay.		- Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.
5	2.5. Thực trạng công tác quản lý của cán bộ quản lý cấp học mầm non Chương 3. Giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm/ lớp tại các cơ sở giáo dục mầm non (8 = 5TL+3TH) 3.1. Người giáo viên	2TL 2LT	- Giải thích và tìm được MC về những ưu điểm và hạn chế của CTQL của các cơ sở GD hiện nay. Giải thích được đặc điểm lao động sư phạm của người	CLO2 CLO4 CLO6 CLO7	* GV giao nhiệm vụ đọc tài liệu. - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ cho học tập NH; - Tổ chức cho NH TL; báo cáo

			công tác trẻ trong các thời điểm hằng ngày.		
7	3.3. Thực hành công tác quản lý trẻ trong nhóm lớp của GVMN Chương 4. Công tác quản lý giáo dục mầm non ở cấp Sở và Phòng giáo dục và đào tạo (4 = 2 LT+ 1 TL) 4.1. Nhiệm vụ của Phòng mầm non Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT 4.2. Nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non ở cấp Sở GD&ĐT và cấp Phòng GD&ĐT	2TH	- Thực hiện được công tác trẻ trong các thời điểm hằng ngày.	CLO2 CLO4 CLO6 CLO7	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu. - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; * NH: nghiên cứu tài liệu [8] - Trình bày ND thực hành. * NH: Phản hồi tích cực; ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.
		2LT	Giải thích được nhiệm vụ của Phòng mầm non- Sở GD&ĐT và chuyên viên phụ trách GDMN Phòng GD&ĐT.		
8	4.3. Thực hành: Tìm hiểu nội dung các văn bản chỉ đạo chuyên môn về giáo dục mầm non của Sở & Phòng GD&ĐT Đánh giá bài định kì số 1. - Những vấn đề chung về quản lý giáo dục mầm non và quản lý trường mầm non - Giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm /lớp tại các cơ sở mầm non - Công tác quản lý giáo dục mầm non ở cấp Sở và Phòng giáo dục và đào tạo	1LT	Hệ thống hóa được các văn bản chỉ đạo chuyên môn về GDMN của Sở & Phòng GD&ĐT.	CLO1 CLO2 CLO4 CLO6 CLO7	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu. - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; * NH: nghiên cứu tài liệu [8] - Trình bày ND TL. - Làm bài kiểm tra * GV giới thiệu tài liệu. - GV tổ chức thảo luận theo nhóm, nhận xét,
		1KT	Hệ thống quá được những vấn đề chung về quản lý GDMN, quản lý trường mầm non; phân tích được nội dung quản lý/nhóm lớp, xây dựng được kế hoạch nhóm/lớp.		
		2LT	Trình bày được khái		

	Phần 2: Đánh giá trong GDMN (30 tiết) Chương 1. Một số vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục mầm non. (4LT) 1.1. Một số khái niệm chung 1.1.1. Đánh giá. 1.1.2. Đo lường. 1.1.3. Định giá trị. 1.2. Vị trí, vai trò của đánh giá trong giáo dục mầm non.		niệm về đánh giá, đo lường, định giá trị trong GDMN. - Phân tích được vị trí, vai trò của đánh giá trong GDMN.		lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. * NH nghiên cứu TL [2], tr 5-29].; [2] tr 37-45; 49-59; [6] - NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết.
9	1.3. Chức năng đánh giá trong giáo dục mầm non 1.4. Những yêu cầu đối với việc đánh giá trong giáo dục mầm non 1.5. Một số quy định về đánh giá trong giáo dục mầm non ở Việt Nam Chương 2. Nội dung, Phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non (12 = (5LT, 7TH) 2.1. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non 2.1.1. Khái niệm cơ bản 2.1.2. Tiêu chí đánh	2LT 2LT	- Phân tích được chức năng của ĐG trong GDMN. - Vận dụng được yêu cầu này vào đánh giá trong GDMN. - Trình bày một số quy định về ĐG trong GDMN ở VN. - Trình bày được những khái niệm cơ bản về ĐG trong GDMN. - Trình bày được tiêu chí đánh giá chất lượng CS GDMN. Vận dụng được quy trình vào ĐG chất lượng CSGDMN.	CLO1 CLO3 CLO5 CLO7	* GV giới thiệu tài liệu. - GV tổ chức thảo luận theo nhóm, nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. * NH nghiên cứu TL [2], tr 5-29].; [2] tr 37-45; 49-59; [6] - NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết.

	<i>giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</i> 2.1.3. Quy trình đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non 2.2. Đánh giá chương trình giáo dục mầm non 2.2.1. Chương trình giáo dục và đánh giá chương trình giáo dục 2.2.2. Chương trình giáo dục mầm non và Tổ chức đánh giá chương trình giáo dục mầm non		- Phân tích được chương trình GD và đánh giá CT GDMN. - Phân tích được chương trình GDMN và cách tổ chức đánh giá CT GDMN.		
10	<i>Thực hành đánh giá CT GDMN</i> 2.3. Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non 2.3.1. Khái niệm liên quan 2.3.2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non 2.3.3. Tổ chức đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN	3TH 1LT	Tổ chức đánh giá được CT GDMN theo các tiêu chí. - Phân tích được khái niệm đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN. - Trình bày được cấu trúc của chuẩn NN GVMN theo thông tư 26/2018 về đánh giá chuẩn NN của GVMN.	CLO1 CLO3 CLO5 CLO7	- GV giới thiệu tài liệu - GV tổ chức thảo luận theo nhóm, nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH nghiên cứu TL số [2], tr 5-29], các quy định về ĐG trong GDMN.; [2] tr 37-45; 49-59; - Thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết.

11	Thực hành đánh giá hoạt động NN của GDMN 2.4. Đánh giá sự phát triển của trẻ ở trường mầm non 2.4.1. Quan điểm về sự phát triển của trẻ 2.4.2. Nguyên tắc đánh giá trẻ ở trường mầm non 2.4.3. Nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ 2.5. Phương pháp đánh giá trong GDMN	2TH 2LT	- Đánh giá được HĐNN của GVMN theo các tiêu chí trong thông tư 26/2018 về đánh giá chuẩn NN của GVMN. - Trình bày được các quan điểm về đánh giá sự phát triển của trẻ. Vận dụng được nguyên tắc vào đánh giá sự phát triển của trẻ - Vận dụng được phương pháp để đánh giá trong GDMN.	CLO1 CLO3 CLO5 CLO7	- GV giới thiệu tài liệu - GV tổ chức thảo luận theo nhóm, nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH nghiên cứu TL số [2], tr 5-29], các quy định về ĐG trong GDMN.; [2] tr 37-45; 49-59; - Thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết.
12	Thực hành đánh giá trẻ theo bộ Chuẩn trẻ 5 tuổi và theo các lĩnh vực trong chương trình GDMN. Chương 3. Công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ (12 = 4LT - 8TH) 3.1. Một số vấn đề cơ bản về công cụ đánh giá 3.1.1. Vai trò của công cụ trong đánh giá thành quả giáo dục 3.1.2. Trắc nghiệm	2TH 2LT	Đánh giá được các tiêu chí theo TT số 23/2010 cho trẻ 5 tuổi. - Phân tích được vai trò của công cụ ĐG. - Trình bày khái niệm về TNKQ. - Vận dụng được các bước thiết kế công cụ vào đánh giá trẻ.	CLO1 CLO3 CLO5 CLO7	- GV giới thiệu tài liệu - GV tổ chức thảo luận theo nhóm, nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH nghiên cứu số [2], tr 124-150]; [4]; [5]. - Thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, lấy ví dụ, ghi

	khách quan 3.1.3. Các bước thiết kế công cụ đánh giá				chép những nội dung cần thiết.
13	3.2. Công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ 3.2.1. Thiết kế công cụ đánh giá trẻ trong các hoạt động học tập, phát triển nhận thức 3.2.2. Thiết kế công cụ Đánh giá kỹ năng của trẻ. - Thực hành thiết kế công cụ đánh giá trẻ trong các hoạt động học tập, phát triển nhận thức.	2LT 2TH	- Vận dụng thiết kế được bộ công cụ đo lường và đánh giá trẻ trong các hoạt động nhận thức. - Vận dụng thiết kế được bộ công cụ đánh giá kỹ năng của trẻ. - Vận dụng thiết kế được các bộ công cụ đánh giá trẻ trong hoạt động nhận thức, học tập.		- GV giới thiệu tài liệu - GV kiểm tra bài tập đã giao, nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung của NH. - NH nghiên cứu số [2], tr 124-150]; [5]. - Trình bày nội dung GV giao, ghi chép những nội dung cần thiết.
14	- Thực hành thiết kế công cụ Đánh giá kỹ năng của trẻ .	4TH	- Vận dụng thiết kế được các bộ công cụ đánh giá kỹ năng ngôn ngữ, trình diễn, sản phẩm của trẻ	CLO5 CLO7	- GV hướng dẫn thiết kế công cụ ĐG trẻ theo nhóm, nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung của NH. - NH trình bày kết quả được giao, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
15	- Thực hành thiết kế công cụ Đánh giá kỹ năng của trẻ . Chương 4.	2TH 1LT	- Vận dụng thiết kế được các bộ công cụ đánh giá sản phẩm của trẻ	CLO1 CLO5 CLO7	- GV giới thiệu tài liệu - GV hướng dẫn

	Một số vấn đề về xử lý số liệu trong đánh giá (2 = 1LT + 1KT) 4.1. Một số thông số trong đo lường 4.2. Phân bố các đại 4.3. Các xử lý một số yêu cầu của bài trắc nghiệm Bài kiểm tra số 2	1KT	- Phân tích được một số thông số trong đo lường. Trình bày được các đại lượng trong quá trình xử lý số liệu. Trình bày được cách xử lý yêu cầu của bài trắc nghiệm. - Nội dung chương 1,2,3,4.		thiết kế công cụ ĐG trẻ theo nhóm, nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung của NH. - NH nghiên cứu tài liệu số [2], tr 157 -181]; [5]. - Trình bày kết quả được giao, ghi chép những nội dung cần thiết. Làm bài kiểm tra.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO 5	- Theo dõi ý thức học tập của NH, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày học của NH.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Đánh giá kiến thức, kỹ năng về quản lý trong GDMN	50%		CLO 1 CLO2 CLO4 CLO6 CLO7	Đánh giá kết quả bài tập số 1
		Đánh giá kiến thức, kỹ năng về đánh giá trong	50%		CLO 1 CLO3 CLO5	Đánh giá kết quả bài tập số 2

		GDMN			CLO6 CLO7	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	- Đánh giá kiến thức, kỹ năng về QL trong GDMN - Đánh giá kiến thức, kỹ năng về đánh giá trong GDMN	50% 50%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO6 CLO7	Thi tự luận

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

TC ĐG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 95\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 100\%$ số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập	Thực hiện 100% các	40%

	giảng viên giao.	giảng viên giao.	viên giao.	giảng viên giao.	nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu TL	

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung

+ Phần 1: Quản lí trong GDMN: Chương 1- 4.

+ Phần 2: Đánh giá trong GDMN: Chương 1-3.

- Hình thức: Thi viết

- Thời gian: 50 phút

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung đánh giá định kỳ bài số 1

ST T	Nội dung	Trọng số%
1	Những vấn đề chung về quản lí mầm non và quản lí trường Mầm non	20
2	Quản lí trường mầm non	30
3	Giáo viên mầm non và công tác quản lí nhóm lớp trong trường mầm non	40
4	Công tác quản lí giáo dục mầm non ở cấp Sở và Phòng giáo dục và đào tạo	10

- Nội dung đánh giá định kỳ bài số 2

ST T	Nội dung	Trọng số%
1	Một số vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục mầm non.	30
2	Nội dung, Phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non	30
3	Công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ	40

8.2.3. Thi kết thúc học phần

Hình thức thi tự luận

Thời gian: 90 phút

Nội dung		Trọng số%
1	Đánh giá kiến thức, kỹ năng về QL trong GDMN	50
2	Đánh giá kiến thức, kỹ năng về đánh giá trong GDMN	50

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

**Đặng Quang Rinh
Nguyễn Minh Huệ**

2.5.36. Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620021
1.2. Tên học phần:	Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Organizing language developement activities for pre-school children.
1.4. Số tín chỉ:	3 (2 LT + 1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Hà Ngọc Yến
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620007, SP620008
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có được những kiến thức cơ bản về phương pháp và các hình thức tổ chức để phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; có kỹ năng thiết kế, tổ chức thực hiện và điều chỉnh các hoạt động phát triển ngôn ngữ ở trường mầm non phù hợp với tình hình thực tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về vai trò, nhiệm vụ, hình thức, phương pháp để tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

- CO2: Vận dụng kiến thức về các phương pháp để tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non theo từng độ tuổi ở các lĩnh vực như: nhận biết- tập nói, giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ, nói đúng ngữ pháp, phát triển lời nói mạch lạc, phát triển lời nói nghệ thuật, làm quen với chữ viết.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO3: Có kĩ năng vận dụng các phương pháp vào thiết kế các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non theo từng độ tuổi.

- CO4: Có kĩ năng tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non theo từng độ tuổi.

- CO5: Có kĩ năng tích hợp hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ với các hoạt động giáo dục khác ở trường mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Có ý thức trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ; linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng các phương pháp vào phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong mọi hoạt động ở trường mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được các vấn đề lí thuyết chung về nhiệm vụ, phương pháp và hình thức để phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	CO1, CO6
CLO2	Vận dụng được đặc điểm, nội dung, nhiệm vụ, hình thức và các phương pháp cụ thể để phát triển các phương diện ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
CLO3	Thiết kế được các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; tích hợp với các hoạt động khác trong trường mầm non để phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
CLO4	Tổ chức được các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong chương trình giáo dục mầm non.	CO4, CO5, CO6
CLO5	Đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong chương trình giáo dục mầm non.	CO3, CO4, CO5, CO6
CLO6	Tích cực, linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ; chủ động hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp và gia đình về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	CO6

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I,R,M,A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		M	R	M	R	I			R	M
CLO2		M	R	M	R	I			R	M
CLO3		A	R	M	M	R			R	M
CLO4		A	R	M	M	R			R	M
CLO5		A	R	A	M	R			R	M
CLO6		M	M	M	M	M			M	A
Tổng hợp học phần		A	R	M	M	R			R	M

5. Học liệu**5.1. Giáo trình**

[1]. Đinh Hồng Thái (2013), *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non* (giáo trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Mầm non), Nxb. Đại học Sư Phạm, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình Giáo dục Mầm non* (ban hành kèm theo Thông tư số 01/VBHN-BGDDT) ngày 13/4/2021.

[3]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Xuân Khoa (2004), *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mẫu giáo*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Đinh Hồng Thái (2008), *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non* (dành cho hệ Cao đẳng Sư phạm Mầm non), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 60 tiết/ 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	<i>Giới thiệu chung*</i>		- Mô tả được vị trí, vai trò, nội dung học phần.		- Giảng viên (GV) thuyết giảng, hướng dẫn người học (NH) tìm hiểu chung về học phần. - NH lắng nghe, trao đổi kết hợp tìm hiểu đề cương chi tiết (ĐCCT).
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON 1.1. Ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ trẻ em tuổi mầm non 1.1.1. Ngôn ngữ 1.1.1.1. Bản chất của ngôn ngữ 1.1.1.2. Hoạt động lời nói 1.1.1.3. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức 1.1.2. Sự phát triển ngôn ngữ trẻ em tuổi mầm non 1.1.2.1. Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển trẻ em 1.1.2.2. Ngôn ngữ	4LT	- Trình bày được các vấn đề chung như: bản chất ngôn ngữ, hoạt động lời nói và vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức. - Phân tích được vai trò của ngôn ngữ và đặc điểm ngôn ngữ trẻ mầm non.	CLO1, CLO6.	+ GV: - Giao nhiệm vụ cho NH nghiên cứu mục 1.1, 1.2. - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 1.1, 1.2. - Giao nhiệm vụ: Tìm hiểu chương 2. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [5]. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Tiến hành thảo luận; báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	của trẻ mầm non				
	1.2. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong chương trình Giáo dục Mầm non 1.2.1. Mục tiêu 1.2.2. Nhiệm vụ 1.2.3. Nội dung 1.2.4. Hình thức 1.2.5. Phương pháp	2LT	- Vận dụng được các vấn đề về: mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp để phát triển ngôn ngữ cho trẻ.		
2	CHƯƠNG 2. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ NHÀ TRẺ 2.1. Một số lưu ý trong việc dạy trẻ nhà trẻ nhận biết - tập nói 2.2. Dạy trẻ dưới 12 tháng nhận biết – tập nói 2.2.1. Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ dưới 12 tháng 2.2.2. Nhiệm vụ, nội dung dạy trẻ dưới 12 tháng nhận biết – tập nói 2.2.3. Hình thức, biện pháp dạy trẻ dưới 12 tháng nhận biết – tập nói 2.3. Dạy trẻ 12-24 tháng nhận biết –	6LT 5T H 4 LT	- Lí giải được một số lưu ý trong việc dạy trẻ nhận biết - tập nói. - Phân tích được đặc điểm ngôn ngữ, nội dung, nhiệm vụ dạy trẻ nhận biết - tập nói trong 3 năm đầu. - Vận dụng được các hình thức, biện pháp để dạy trẻ nhận biết - tập nói trong 3 năm	CLO2, CLO6.	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của NH; - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 2.1-2.4; - Giao nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu các thiết kế dạy học dành cho trẻ nhà trẻ. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [5]; - Báo cáo, trao đổi trước lớp; - Lắng nghe GV chốt kiến thức; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	tập nói 2.3.1. Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ 12-24 tháng 2.3.2. Nhiệm vụ, nội dung dạy trẻ 12-24 tháng nhận biết – tập nói 2.3.3. Hình thức, biện pháp dạy trẻ 12-24 tháng nhận biết – tập nói 2.4. Dạy trẻ 24-36 tháng nhận biết – tập nói 2.4.1. Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ 24-36 tháng 2.4.2. Nhiệm vụ, nội dung dạy trẻ 24-36 tháng nhận biết – tập nói 2.4.3. Hình thức, biện pháp dạy trẻ 24-36 tháng nhận biết – tập nói		đầu. - Đề xuất được biện pháp dạy trẻ nhận biết – tập nói trong 3 năm đầu.		
3	2.5. Hướng dẫn thiết kế (lập kế hoạch) hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ 2.6. Thực hành 2.6.1. Dự giờ/ xem video hoạt động nhận biết - tập nói ở trường mầm non 2.6.2. Lập kế hoạch	2 LT 2TH	- Trình bày được quy trình thiết kế (lập kế hoạch) hoạt động nhận biết - tập nói cho trẻ nhà trẻ. - Phân tích được quy	CLO2, CLO6. CLO3, CLO6	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của NH. - Thuyết giảng, chốt kiến thức mục 2.5. - Hướng dẫn nội dung thực hành 2.6. - Giao nhiệm vụ học tập: Chuẩn bị đồ dùng và thiết kế dạy học để

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	(thiết kế hoạt động) phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ		trình, các phương pháp, kỹ năng được thực hiện trong video/ hoạt động nhận biết- tập nói ở trường mầm non. - Thiết kế được hoạt động nhận biết - tập nói cho trẻ nhà trẻ theo chủ đề, lứa tuổi.		thực hành tập giảng; ôn chương 1,2 để chuẩn bị kiểm tra. + NH: - Báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
4	2.6.3. Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ	3TH	- Tổ chức được hoạt động nhận biết - tập nói cho trẻ nhà trẻ theo kế hoạch. - Đánh giá, điều chỉnh được thiết kế và hoạt động sau khi được nhận xét, góp ý.	CLO4, CLO5, CLO6.	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ ở nhà của NH. - Tổ chức cho NH thực hành nhiệm vụ 2.6.3; - Giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu chương 3. + NH: - Báo cáo, trao đổi trước lớp; - Lắng nghe GV chốt kiến thức; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
	Kiểm tra	1	- Trình bày	CLO1,	- GV tổ chức, nêu yêu

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Một số vấn đề chung về phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. - Phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ.		được một số vấn đề chung về phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. - Thiết kế được hoạt động nhận biết - tập nói cho trẻ nhà trẻ trên cơ sở vận dụng 1 (hoặc 2) phương pháp.	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	câu bài kiểm tra; - NH làm bài kiểm tra.
5	CHƯƠNG 3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẪU GIÁO 3.1. Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt <i>3.1.1. Khái quát về giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt</i> <i>3.1.2. Nhiệm vụ giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt</i> <i>3.1.3. Nội dung và biện pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt</i> <i>3.1.4. Hình thức giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt</i>	20LT-22TH 2LT 2TH	- Phân tích được khái niệm, nhiệm vụ, nội dung giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt. - Vận dụng được các hình thức, biện pháp vào giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt cho trẻ mầm non. - Đề xuất được biện	CLO2, CLO5, CLO6. CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của NH; - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 3.1; - Giao nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu mục 3.2. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]; - Báo cáo, trao đổi trước lớp; - Lắng nghe GV chốt kiến thức; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	3.1.5. Thực hành 3.1.5.1. Tìm hiểu các âm (các cặp âm) trẻ mẫu giáo thường hay mắc lỗi khi phát âm và đề xuất cách rèn phát âm 3.1.5.2. Thiết kế hoạt động rèn phát âm cho trẻ mẫu giáo		pháp rèn phát âm cho trẻ mẫu giáo. - Xác định được các âm trẻ mẫu giáo thường mắc lỗi và đề xuất được cách rèn phát âm đúng. - Thiết kế và điều chỉnh được thiết kế hoạt động rèn phát âm cho trẻ mẫu giáo sau khi được nhận xét, góp ý.		
6	3.2. Hình thành và phát triển vốn từ 3.2.1. Đặc điểm phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 3.2.2. Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 3.2.3. Nội dung phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 3.2.4. Một số biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo	4LT	- Phân tích được đặc điểm, nhiệm vụ và nội dung phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo. - Vận dụng và đề xuất được các biện pháp để phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo.	CLO2, CLO6.	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của NH; - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 3.2; - Giao nhiệm vụ học tập: Chuẩn bị nhiệm vụ 3.2.5. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]; - Báo cáo, trao đổi trước lớp; - Lắng nghe GV chốt

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>câu</i> 3.3.4. Một số biện pháp dạy trẻ mẫu giáo đặt câu 3.3.5. Thực hành - Thiết kế hoạt động dạy trẻ mẫu giáo nói đúng mẫu câu theo độ tuổi, chủ đề.		pháp. - Phân tích được nội dung dạy trẻ mẫu giáo đặt câu. - Vận dụng được các biện pháp dạy trẻ mẫu giáo đặt câu. - Đề xuất được các biện pháp dạy trẻ mẫu giáo đặt câu. - Thiết kế và điều chỉnh được thiết kế hoạt động dạy trẻ mẫu giáo nói đúng mẫu câu sau khi được nhận xét, góp ý.		+ NH: - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]. - Báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
9	3.4. Phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo 3.4.1. Khái niệm ngôn ngữ mạch lạc 3.4.2. Đặc trưng ngôn ngữ mạch lạc của trẻ mẫu giáo 3.4.3. Hình thức, phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch	4LT	- Phân tích được khái niệm, đặc trưng của việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo. - Vận dụng các hình	CLO2, CLO6.	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của NH; - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 3.4; - Giao nhiệm vụ học tập: Chuẩn bị nội dung 3.4.4. + NH:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>lạc cho trẻ mẫu giáo</i> 3.4.3.1. Hình thức 3.4.3.2. Phương pháp		thức, phương pháp vào phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo. - Đề xuất được các biện pháp dạy trẻ mẫu giáo diễn đạt mạch lạc.		- Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]; - Báo cáo, trao đổi trước lớp; - Lắng nghe GV chốt kiến thức; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
10	<i>3.4.4. Thực hành</i> 3.4.4.1. Thiết kế hoạt động phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ qua 4 hình thức: + Dạy trẻ kể chuyện theo tranh. + Dạy trẻ kể chuyện với đồ chơi. + Dạy trẻ kể chuyện theo kinh nghiệm. + Dạy trẻ kể chuyện sáng tạo. 3.4.4.2. Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo qua 4 hình thức đã thiết kế	4TH	- Thiết kế được 4 hoạt động phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo phù hợp với chủ đề, loại bài và đối tượng. - Tổ chức được các hoạt động phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo theo các thiết kế. - Đánh giá, điều chỉnh được thiết kế	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của NH; - Tổ chức thực hành nội dung 3.4.4; - Giao nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu mục 3.5. + SV: - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]; - Báo cáo, trao đổi trước lớp; - Lắng nghe GV chốt kiến thức; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			và hoạt động sau khi được nhận xét, góp ý.		
11	3.5. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo qua thơ và truyện 3.5.1. Vai trò của các tác phẩm văn chương đối với việc giáo dục ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo 3.5.2. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo bé 3.5.3. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo nhỡ 3.5.4. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo lớn 3.5.5. Thực hành - Thiết kế hoạt động phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ theo độ tuổi, chủ đề.	2LT 2TH	- Phân tích được vai trò của tác phẩm văn chương trong việc giáo dục ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo. - Lí giải được nhiệm vụ, yêu cầu và các lưu ý khi phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo ở các lứa tuổi. - Thiết kế và điều chỉnh được các thiết kế hoạt động phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo (theo chủ đề, đối tượng) sau khi được	CLO2, CLO6. CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của NH; - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 3.5; - Hướng dẫn nội dung thực hành 3.5.5; - Giao nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu mục 3.6. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]; - Báo cáo, trao đổi trước lớp, mục 3.5; - Lắng nghe GV chốt kiến thức; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			nhận xét, góp ý.		
12	3.6. Chuẩn bị khả năng tiên đọc - viết cho trẻ mẫu giáo 3.6.1. Khái niệm khả năng tiên đọc – viết tuổi mẫu giáo 3.6.2. Một số biện pháp thúc đẩy khả năng tiên đọc - viết tuổi mẫu giáo 3.6.3. Cho trẻ mẫu giáo làm quen với một số biểu tượng đơn vị ngôn ngữ 3.6.4. Cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết 3.6.4.1. Nội dung dạy trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết 3.6.4.2. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết	4LT	- Trình bày được khái niệm khả năng tiên đọc – viết ở trẻ mẫu giáo. - Vận dụng được một số biện pháp để thúc đẩy khả năng tiên đọc – viết ở trẻ mẫu giáo. - Đề xuất được biện pháp để thúc đẩy khả năng tiên đọc – viết ở trẻ mẫu giáo. - Trình bày được một số biểu tượng đơn vị ngôn ngữ (từ/ nghĩa của từ, cấu trúc tiếng, cấu trúc âm thanh của từ, câu, ...). - Trình bày được các nội dung dạy trẻ mẫu giáo	CLO2, CLO6.	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của NH; - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 3.6. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]; - Báo cáo, trao đổi trước lớp về nội dung mục 3.6; - Lắng nghe GV chốt kiến thức; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			làm quen với chữ viết. - Vận dụng được các phương pháp dạy trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết để tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với chữ viết. - Đề xuất được cách dạy trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết.		
13	3.6.4.3. Hướng dẫn thiết kế hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết 3.6.4.4. Thực hành: Cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết + Dự giờ/ xem video hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết ở trường mầm non. + Thiết kế hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ	1 LT 1TH 2TH	- Trình bày được quy trình thiết kế các hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết như: làm quen với chữ cái mới, trò chơi với chữ cái,... - Phân tích được quy trình, các phương	CLO2, CLO3, CLO6. CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của NH; - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 3.6.4.3; - Hướng dẫn nội dung thực hành mục 3.6.4.4; - Giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu nội dung 3.6.5. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]; - Báo cáo, trao đổi

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	viết theo từng loại bài, chủ đề.		pháp, kỹ năng được thực hiện trong các hoạt động làm quen với chữ viết ở trường mầm non/ video. - Thiết kế và điều chỉnh được các thiết kế hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết phù hợp với loại bài và chủ đề.		trước lớp; - Lắng nghe GV chốt kiến thức; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
14	+ Tổ chức thực hiện các hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết.	4TH	- Tổ chức được các hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết theo thiết kế. - Đánh giá, điều chỉnh được hoạt động sau khi được nhận xét, góp ý.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6.	+ GV: điều khiển việc thực hành của NH. + NH: thực hành theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn của GV.
	3.6.5. Làm quen với ngôn ngữ thứ hai 3.6.5.1. Khái niệm	1LT	- Trình bày được một số vấn đề về	CLO2, CLO6.	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
15	ngôn ngữ thứ hai 3.6.5.2. Lí thuyết về lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai 3.6.5.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới việc lĩnh hội ngôn ngữ 3.6.5.4. Thực hành	1TH	hiện tượng làm quen với ngôn ngữ thứ hai, như: khái niệm, lý thuyết về lĩnh hội ngôn ngữ và các nhân tố ảnh hưởng tới việc lĩnh hội ngôn ngữ. - Phân tích được quy trình, phương pháp dạy ngôn ngữ thứ hai ở trường mầm non cụ thể/ qua video.	CLO2, CLO6.	tập của NH; - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 3.6.5; - Giao nhiệm vụ về nhà: Ôn tập kiểm tra và thi hết học phần. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]; - Báo cáo, trao đổi trước lớp; - Lắng nghe GV chốt kiến thức; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
	Kiểm tra - Thiết kế hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo.	2	Thiết kế được hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo theo chủ đề, đối tượng.	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.	- GV tổ chức, nêu yêu cầu bài kiểm tra. - NH làm bài kiểm tra.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	+ Số buổi đi học đầy đủ. + Tích cực xây dựng bài, trao đổi, thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. + Ý thức tự học.	- 30% - 30% - 40%		CLO6	- Theo dõi ý thức học tập của NH. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày nghỉ của NH.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	- Một số vấn đề chung về phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. - Phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ.	50%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	- Đánh giá bài kiểm tra tự luận trên giấy.
		- Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo.	50%		CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	- Đánh giá bài kiểm tra tự luận trên giấy.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Một số vấn đề chung về phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	20%		CLO1, CLO2, CLO6	- Đánh giá bài thi tự luận trên giấy.
		Phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ.	30%		CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	
		- Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo.	50%		CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, TL	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập GV giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Chương 1, chương 2.
- Hình thức: Tự luận.
- Thời gian: 50 phút.

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1. Một số vấn đề chung về phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (Chọn 1 trong các nội dung sau:) - Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển của trẻ mầm non. - Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. - Các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. - Các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ. - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3,0
2	Chương 2. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ + Nội dung 1: (Chọn 1 trong các nội dung sau) - Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ 12-24 tháng (24-36 tháng). - Nhiệm vụ, nội dung dạy trẻ 12-24 tháng (24-36 tháng) nhận biết-tập nói. - Hình thức- biện pháp dạy trẻ 12-24 tháng (24-36 tháng) nhận biết- tập nói. + Nội dung 2: Thiết kế hoạt động nhận biết - tập nói cho trẻ 12-24 tháng/ 24-36 tháng.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ. - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	7,0 2,5 4,5
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chương 3.
- Hình thức: Tự luận.
- Thời gian: 100 phút.

Bảng 6b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Thiết kế 1 trong các hoạt động sau: - Hoạt động rèn ngữ âm. - Hoạt động hình thành và phát triển vốn từ.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ. - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	4,0
2	Câu 2: Thiết kế 1 trong các hoạt động sau: - Hoạt động dạy trẻ diễn đạt mạch lạc. - Chuẩn bị cho khả năng tiền đọc - viết của trẻ mầm non.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ. - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	6,0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, chương 2, chương 3.
- Hình thức: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1. Một số vấn đề chung về phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (Chọn 1 trong các nội dung sau) - Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển của trẻ mầm non. - Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. - Các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ. - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	2,0
2	Chương 2. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ - Thiết kế hoạt động nhận biết - tập nói để phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ. - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3,0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
3	Chương 3: Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo (Chọn nội dung 1 hoặc nội dung 2) + Nội dung 1: Phát triển ngôn ngữ mạch lạc - Đặc trưng ngôn ngữ mạch lạc/ Các phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc. - Thiết kế hoạt động phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo theo chủ đề và độ tuổi.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ. - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	5,0
			1,5
			3,5
			1,5
	+ Nội dung 2: Chuẩn bị cho khả năng tiền đọc – viết của trẻ mẫu giáo - Các phương pháp dạy trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết/ Quy trình tổ chức các hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết. - Thiết kế hoạt động cho trẻ làm quen với chữ viết.		3,5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Ngọc Lương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngành: Giáo dục Mầm non

1.1. Mã học phần:	SP620022
1.2. Tên học phần:	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học
1.3. Tên tiếng Anh:	Organize activities to familiarize children with literary works
1.4. Số tín chỉ:	3 (2LT + 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Hà Ngọc Yến
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bé Thị Thu Huyền ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lương
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2.1. Mục tiêu chung^{viii}

Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức khoa học về phương pháp, hình thức và cách thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học (LQTPVH) ở trường Mầm non; có năng lực thiết kế, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch tổ chức các hoạt động cho trẻ LQTPVH ở trường Mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)^{ix}

2.2.1. Về kiến thức

- CO 1: Có kiến thức về các nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ LQTPVH ở trường mầm non trên nền tảng cơ sở lí luận chung của bộ môn.

- CO 2: Có kiến thức về tổ chức thực hiện các hoạt động cho trẻ LQTPVH ở trường Mầm non.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO 3: Có năng lực thiết kế, tổ chức thực hiện các hoạt động cho trẻ LQTPVH trong chương trình giáo dục Mầm non.

- CO 4: Có năng lực đánh giá và điều chỉnh kế hoạch tổ chức các hoạt động cho trẻ LQTPVH ở trường Mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 5: Có ý thức rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp để tổ chức tốt hoạt động cho trẻ LQTPVH; linh hoạt, chủ động thích ứng với sự thay đổi từ lí thuyết đến thực tiễn, thường xuyên cập nhật xu thế phát triển trong khu vực và trên thế giới nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động cho trẻ LQTPVH.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Mô tả, lí giải được các vấn đề: - Lí luận chung về khoa học phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ LQTPVH; - Nguyên tắc, phương pháp, hình thức dạy trẻ LQTPVH; - Cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động cho trẻ LQTPVH.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO2	Lựa chọn, sử dụng, phối hợp hiệu quả các phương pháp và hình thức cơ bản khi tổ chức hoạt động cho trẻ LQTPVH.	CO3, CO4, CO5
CLO3	Tổ chức thực hiện, điều chỉnh được các hoạt động cho trẻ LQTPVH trong chương trình giáo dục Mầm non.	CO3, CO4, CO5
CLO4	Nghiêm túc, tích cực trong học tập; nhận thức được vai trò của văn học đối với sự phát triển tâm lí, trí tuệ, ngôn ngữ của trẻ.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		A	M	M		M				A

CLO 2		M	A	A	M	M				M
CLO 3		M	A	A	R	M			R	M
CLO 4		M	M	M	R	M			M	A
Tổng hợp học phần		A	A	A	M	M			M	A

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Hà Nguyễn Kim Giang (2010), *Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Bích Hà (2012), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm.

[3]. Lã Thị Bắc Lý (2008), *Giáo trình phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học*, Dành cho hệ Cao đẳng Sư phạm Mầm non, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Lã Thị Bắc Lý (2013), *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Lã Thị Bắc Lý (2020), *Giáo trình Văn học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[6]. Đinh Thanh Tuyên (2021), *Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tuổi Mầm non*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 04 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	* Giới thiệu học phần Chương 1: Những vấn đề lí luận chung 1.1. Khoa học về		- Xác định được đối	CLO4 CLO1	- GV thuyết giảng, hướng dẫn SV tìm hiểu chung về HP; - SV lắng nghe kết hợp tìm hiểu

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</i> 1.1.1. Đối tượng 1.1.2. Nhiệm vụ 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.1.4. Môi liên hệ với các khoa học khác <i>1.2. Hoạt động làm quen với tác phẩm văn học lứa tuổi mầm non</i> 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Ý nghĩa - nhiệm vụ 1.2.3. Nội dung <i>1.3. Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ em lứa tuổi mầm non</i> 1.3.1. Đặc trưng của tiếp nhận văn học nghệ thuật 1.3.2. Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ em lứa tuổi mầm non	4LT	tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và mối quan hệ của khoa học phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ LQTPVH. - Xác định, phân tích được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ, nội dung của hoạt động LQTPVH lứa tuổi mầm non. - Phân biệt được tiếp nhận văn học của trẻ mầm non với tiếp nhận văn học nghệ thuật nói chung; lí giải được dựa trên đặc điểm tâm lí lứa tuổi.	CLO1 CLO1	đề cương chi tiết (ĐCCT); - SV báo cáo, trao đổi kết quả thực hiện NVHT mục 1.1 trước lớp; - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức. - SV báo cáo, trao đổi kết quả thực hiện NVHT mục 1.2 trước lớp; - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức. - SV báo cáo, trao đổi kết quả thực hiện NVHT mục 1.3 trước lớp; - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức, giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT mục 1.4 và thực hành.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
2	1.4. Đặc điểm (thơ, truyện)/ tác phẩm văn học viết cho trẻ mầm non 1.4.1. Sự hồn nhiên, ngây thơ 1.4.2. Tính ngắn gọn, rõ ràng 1.4.3. Giàu hình ảnh, vần điệu và nhạc điệu 1.4.4. Ngôn ngữ chọn lọc, trong sáng, dễ hiểu 1.4.5. Yếu tố truyện trong thơ và yếu tố thơ trong truyện 1.4.6. Ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng, sâu lắng Thực hành: (1) Từ TPVH cụ thể, hãy: - Xác định ý nghĩa, nhiệm vụ của việc cho trẻ làm quen TPVH đó; - Phân tích đặc điểm thơ/ truyện dành cho trẻ mầm non. (2) Tìm hiểu chương trình hoạt động <i>Cho trẻ làm quen với văn học</i> tại một trường mầm non cụ thể.	2LT	- Phân tích, lí giải được đặc điểm tác phẩm văn học viết cho trẻ mầm non.	CLO1	- SV báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hiện NVHT mục 1.4 trước lớp. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức.
		2TH	- Phân tích được ý nghĩa, nhiệm vụ của việc cho trẻ làm quen TPVH qua TPVH cụ thể. - Bước đầu phân tích, đánh giá được chương trình hoạt động cho trẻ làm quen TPVH ở trường mầm non.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	- Sv báo cáo kết quả thực hiện NVHT, thực hành trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT mục 2.1, 2.2. chương 2
3	Chương 2: Các nguyên tắc, hình				

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	thức, phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non 2.1. Các nguyên tắc tổ chức hoạt động làm quen tác phẩm văn học 2.1.1. Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ mầm non 2.1.2. Các nguyên tắc tổ chức hoạt động làm quen tác phẩm văn học 2.2. Các hình thức tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học 2.2.1. Quan niệm về các hình thức dạy học 2.2.2. Các hình thức tổ chức hoạt động làm quen tác phẩm văn học Thực hành (1) Phân tích giáo án/ tiết dạy để đánh giá sự thể hiện các nguyên tắc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học.	2LT 1LT 1TH	- Phân tích và lí giải được các nguyên tắc tổ chức hoạt động làm quen tác phẩm văn học. - Xác định rõ vai trò, đặc điểm của mỗi hình thức tổ chức cho trẻ LQTPVH. - Phân tích, đánh giá được sự thể hiện các nguyên tắc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học. - Rút ra bài học cá nhân.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO1 CLO2 CLO3 CLO1 CLO2 CLO3	- SV báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hiện NVHT mục 2.1 trước lớp. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức. - SV báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hiện NVHT mục 2.2 trước lớp. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức; - Sv báo cáo kết quả thực hiện NVHT, thực hành trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT mục 2.3.1.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
4	2.3. Các phương pháp cơ bản tổ chức làm quen với tác phẩm văn học 2.3.1. Đọc – kể diễn cảm a. Khái niệm b. Một số kĩ thuật đọc kể diễn cảm Thực hành: (1) Lựa chọn bài thơ/ câu chuyện dành cho trẻ mầm non, sau đó: - Học thuộc TPVH đã lựa chọn. - Xác định các kĩ thuật đọc/ kể nghệ thuật cho TPVH đã lựa chọn. (2) Thiết kế và tổ chức thực hiện hoạt động có sử dụng phương pháp.	2LT 2TH	- Giải thích được khái niệm; xác định rõ một số kĩ thuật (giọng điệu, ngữ điệu, cao độ, cường độ, v.v., yếu tố phi ngôn ngữ, v.v.) và các bước chuẩn bị đọc/ kể có nghệ thuật. - Vận dụng được lí thuyết đọc / kể có nghệ thuật để thiết kế, tổ chức hoạt động đọc/ kể một TPVH cụ thể.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO1 CLO2 CLO3	- SV báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hiện NVHT mục 2.3.1 trước lớp. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức. - Sv báo cáo kết quả thực hiện NVHT, thực hành trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT mục 2.3.2.
5	2.3.2. Trao đổi, gợi mở (hay đàm thoại) a. Khái niệm b. Các yêu cầu khi sử dụng phương pháp đàm thoại c. Các hình thức đàm thoại	2LT 2TH	- Giải thích được khái niệm và các yêu cầu khi sử dụng phương pháp; phân biệt được mục đích, yêu cầu mỗi hình thức đàm thoại;	CLO1 CLO2 CLO3 CLO1	- SV báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hiện NVHT mục 2.3.2 trước lớp. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Thực hành: (1) Lựa chọn bài thơ/truyện dành cho trẻ mầm non, sau đó: - Xây dựng hệ thống câu hỏi theo các hình thức đàm thoại. (2) Thiết kế và tổ chức thực hiện hoạt động có sử dụng phương pháp.		nêu được các bước chuẩn bị khi tiến hành phương pháp. - Vận dụng được lí thuyết phương pháp đàm thoại để thiết kế và tổ chức thực hiện hoạt động trao đổi, đàm thoại theo các hình thức.	CLO2 CLO3	- Sv báo cáo kết quả thực hiện NVHT, thực hành trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT mục 2.3.3.
6	2.3.3. Giải thích từ mới a. Khái niệm b. Một số cách thức giải thích từ mới trong hoạt động cho trẻ làm quen TPVH c. Yêu cầu của phương pháp giải thích từ mới Thực hành: (1) Lựa chọn 1 bài thơ, 1 câu chuyện dành cho trẻ mầm non, sau đó: - Lựa chọn chi tiết, từ mới, từ khó cần giảng giải và dự kiến cách	2LT 2TH	- Giải thích được khái niệm; xác định rõ các biện pháp phân tích – giải thích trong hoạt động cho trẻ làm quen TPVH, yêu cầu khi sử dụng phương pháp và các bước chuẩn bị tiến hành phương pháp. - Vận dụng được phương pháp giảng giải để thiết kế và tổ chức thực	CLO1 CLO2 CLO3 CLO1 CLO2 CLO3	- SV báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hiện NVHT mục 2.3.3 trước lớp. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức. - Sv báo cáo kết quả thực hiện NVHT, thực hành trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	giảng giải. (2) Thiết kế và tổ chức thực hiện hoạt động có sử dụng phương pháp.		hiện hoạt động phân tích, giảng giải theo cách thức khác nhau.		thức; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT mục 2.3.4
7	2.3.4. Sử dụng phương tiện trực quan a. Khái niệm b. Một số phương tiện trực quan thường sử dụng trong hoạt động cho trẻ làm quen TPVH c. Các hình thức sử dụng đồ dùng trực quan trong hoạt động cho trẻ làm quen TPVH d. Yêu cầu của việc sử dụng đồ dùng trực quan. Thực hành: (1) Lựa chọn và mô tả cách sử dụng, thời điểm sử dụng đồ dùng dạy học qua hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH. (2) Thiết kế và tổ chức thực hiện hoạt động có sử dụng phương pháp.	2LT 2TH	- Giải thích được khái niệm; liệt kê và phân tích được ưu điểm, hạn chế của các phương tiện trực quan thường sử dụng trong hoạt động cho trẻ làm quen TPVH; - Xác định được các hình thức khác nhau, yêu cầu khi sử dụng phương pháp và các bước chuẩn bị tiến hành phương pháp. trong hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH. - Vận dụng được phương pháp sử dụng phương tiện trực quan để thiết kế và tổ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO1 CLO2 CLO3	- SV báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hiện NVHT mục 2.3.4 trước lớp. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức. - Sv báo cáo kết quả thực hiện NVHT, thực hành trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT mục 2.3.5

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					xét, rút kinh nghiệm.
	Bài kiểm tra số 1	1	- Hiểu rõ quy chế, nội dung, hình thức kiểm tra. - Điểm đạt yêu cầu: từ 4	CLO1 CLO2 CLO5	- GV phổ biến quy chế, đọc/phát đề kiểm tra. - HS làm bài thi theo đúng quy chế.
9	Chương 3. Tổ chức các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non 3.1. Tổ chức hoạt động kể cho trẻ nghe truyện 3.1.1. Hoạt động kể	4LT	- Xác định được vai trò của hoạt động với giáo dục trẻ em; mô tả, lí giải được cách	CLO1 CLO3	- SV báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hiện NVHT mục 3.1; 3.2; 3.3 trước lớp. - GV nhận xét,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	cho trẻ nghe truyện với giáo dục trẻ em 3.1.2. Cách thức thực hiện 3.2. Tổ chức hoạt động đọc truyện cho trẻ nghe 3.2.1. Hoạt động đọc truyện với giáo dục trẻ em 3.2.2. Cách thức thực hiện 3.3. Tổ chức hoạt động dạy trẻ kể lại truyện 3.3.1. Hoạt động dạy trẻ kể lại truyện với giáo dục trẻ em 3.3.2. Cách thức thực hiện		thức tổ chức hoạt động kể truyện cho trẻ nghe. - Xác định được vai trò của hoạt động với giáo dục trẻ em; mô tả, lí giải được cách thức tổ chức hoạt động đọc truyện cho trẻ nghe. - Xác định được vai trò của hoạt động với giáo dục trẻ em; mô tả, lí giải được cách thức tổ chức hoạt động dạy trẻ kể lại truyện.	CLO1 CLO3 CLO1 CLO3	góp ý, chốt kiến thức; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT mục 3.4, 3.5, 3.6.
10	3.4. Tổ chức hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe 3.4.1. Hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe với giáo dục trẻ em 3.4.2. Cách thức thực hiện 3.5. Tổ chức hoạt động dạy trẻ đọc thơ 3.5.1. Hoạt động đọc	4LT	- Xác định được vai trò của hoạt động với giáo dục trẻ em; mô tả, lí giải được cách thức tổ chức hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe. - Xác định được vai trò	CLO1 CLO3 CLO1 CLO3	- SV báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hiện NVHT mục 3.4; 3.5; 3.6 trước lớp. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT mục 3.7,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	thuộc thơ với giáo dục trẻ em 3.5.2. Cách thức thực hiện 3.6. Tổ chức hoạt động dạy trẻ học thuộc tục ngữ, ca dao, đồng dao 3.6.1. Tục ngữ, ca dao, đồng dao với giáo dục trẻ em 3.6.2. Cách thức thực hiện		của hoạt động với giáo dục trẻ em; mô tả, lí giải được cách thức tổ chức hoạt động dạy trẻ đọc thơ. - Xác định được vai trò của hoạt động với giáo dục trẻ em; mô tả, lí giải được cách thức tổ chức hoạt động dạy trẻ học thuộc tục ngữ, ca dao, đồng dao.	CLO1 CLO3	3.8.
11	3.7. Tổ chức trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học 3.7.1. Trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học 3.7.2. Trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học với giáo dục trẻ em 3.7.3. Quy trình tổ chức trò chơi đóng kịch 3.8. Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động (giáo án)	2LT 2LT	- Xác định được vai trò của hoạt động với giáo dục trẻ em; mô tả, lí giải được cách thức tổ chức hoạt động đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học. - Xác định, phân tích được một số thành tố quan trọng của kế hoạch hoạt động cho trẻ	CLO1 CLO3 CLO2 CLO3 CLO4	- SV báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hiện NVHT mục 3.7, 3.8 trước lớp. - GV nhận xét, góp ý, chốt kiến thức; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT thực hành tuần 12.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			làm quen TPVH ở Mầm non (cấu trúc, hình thức trình bày, các mục cụ thể, v.v.), cách thiết kế các hoạt động dạy học cụ thể.		
12	Thực hành - Thiết kế kế hoạch tổ chức các hoạt động: + Đọc thơ cho trẻ nghe + Dạy trẻ đọc thuộc thơ - Tổ chức thực hiện các hoạt động: + Đọc thơ cho trẻ nghe + Dạy trẻ đọc thuộc thơ	4TH	- Xây dựng và tổ chức thực hiện được tiết học hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe. - Xây dựng và tổ chức thực hiện được tiết học hoạt động dạy trẻ đọc thuộc thơ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- SV báo cáo kết quả thực hiện NVHT, thực hành trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV tổ chức cho SV thực hành, nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT tuần 13.
13	Thực hành (tiếp) - Thiết kế kế hoạch tổ chức các hoạt động: + Kể cho trẻ nghe truyện + Dạy trẻ kể lại truyện - Tổ chức thực hiện các hoạt động: + Kể cho trẻ nghe truyện + Dạy trẻ kể lại truyện	4TH	- Xây dựng và tổ chức thực hiện được tiết học hoạt động kể cho trẻ nghe truyện. - Xây dựng và tổ chức thực hiện được tiết học hoạt động dạy trẻ kể lại truyện.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- SV báo cáo kết quả thực hiện NVHT, thực hành trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV tổ chức cho SV thực hành, nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm; giao NVHT và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT tuần 14.
14	Thực hành (tiếp)	4TH	- Xây dựng và	CLO1	- SV báo cáo kết

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học. - Tổ chức thực hiện hoạt động đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học		tổ chức thực hiện được tiết học hoạt động đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học.	CLO2 CLO3 CLO4	quả thực hiện NVHT, thực hành trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV tổ chức cho SV thực hành, nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm; giao NVHT, hướng dẫn SV thực hiện các NVHT tuần 15 và ôn tập để làm bài kiểm tra số 2.
15	* Thực hành - Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động cùng trẻ sáng tác văn học - Tổ chức thực hiện hoạt động cùng trẻ sáng tác văn học	3TH	- Xây dựng và tổ chức thực hiện được tiết học hoạt động cùng trẻ sáng tác văn học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- SV báo cáo kết quả thực hiện NVHT, thực hành trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV tổ chức cho SV thực hành, nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm; giao NVHT và hướng dẫn SV ôn tập học phần.
	Bài kiểm tra số 2	1	- Hiểu rõ quy chế, nội dung, hình thức kiểm tra.	CLO2 CLO3 CLO4	- GV phổ biến quy chế, đọc/phát đề kiểm tra. - HS làm bài thi

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			- Điểm đạt yêu cầu: từ 4		theo đúng quy chế.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Số buổi đi học; - Ý thức học tập trên lớp. - Ý thức tự học.	- 40% - 30% - 30%	x	CLO4	Rubic đánh giá chuyên cần (Bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra định kì số 01 (tuần 8)	- Câu 1: 40% - Câu 2: 60%		CLO1, CLO2, CLO3	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu và hướng dẫn của GV.
		Bài kiểm tra định kì số 02 (tuần 15)	- Câu 1: 40% - Câu 2: 60%		CLO2, CLO3	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu và hướng dẫn của GV.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kì (theo lịch của Nhà trường)	- 20 % - 30% - 50%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Làm bài thi tự luận .

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá

cho mỗi mục	Thời gian dự lớp (40%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (30%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Chương 1, 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút (01 tiết)

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Các vấn đề lí thuyết về hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học: - Khái niệm, vai trò, nhiệm vụ của hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non; - Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ em; - Đặc điểm tác phẩm văn học viết cho trẻ mầm non. - Các nguyên tắc, hình thức, phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn	- Theo hướng dẫn chấm và biểu điểm.	4

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	học ở trường mầm non;		
2	Vận dụng các vấn đề lí thuyết về nguyên tắc, phương pháp và hình thức dạy học để thiết kế một hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học cụ thể.	- Theo hướng dẫn chấm và biểu điểm.	6
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chương 3
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 100 phút (02 tiết)

Bảng 6b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Các vấn đề lí thuyết về tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học.	- Theo hướng dẫn chấm và biểu điểm.	4
2	Vận dụng các vấn đề lí thuyết để thiết kế hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học cụ thể.	- Theo hướng dẫn chấm và biểu điểm.	6
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, 2, 3.
- Hình thức: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút

Bảng 8. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: Những vấn đề lí luận chung - Phân tích, làm rõ được bằng các dẫn chứng cụ thể các vấn đề: + Vai trò, nhiệm vụ của tổ chức hoạt động làm quen với văn học ở trường mầm non; + Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ em; + Đặc điểm tác phẩm văn học viết cho trẻ mầm non.	- Theo hướng dẫn chấm và biểu điểm.	2,0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
2	Chương 2: Các nguyên tắc, hình thức, phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non - Trình bày nguyên tắc, phương pháp và hình thức dạy học cho trẻ làm quen tác phẩm văn học. - Vận dụng các vấn đề lí thuyết về nguyên tắc, phương pháp và hình thức dạy học để thiết kế hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học cụ thể.	- Theo hướng dẫn chấm và biểu điểm.	3,0
3	Chương 3: Tổ chức các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non - Các vấn đề lí thuyết về tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học. - Vận dụng lí thuyết để thiết kế hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học cụ thể.	- Theo hướng dẫn chấm và biểu điểm.	5,0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

Hà Ngọc Yến

2.5.38. Toán và Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần:	SP620023
1.2 Tên học phần:	Toán và Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán
1.3 Tên tiếng Anh:	Math and Organizing activities for children to get acquainted with math
1.4 Số tín chỉ:	03 (2LT-1TH)
1.5 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6 Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Hoàng Vân
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Vũ Hằng Thư, ThS. Nguyễn Thị Quý Kim, ThS. Bùi Văn Chương
1.7 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Giáo dục học Mầm non
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Người học có các kiến thức toán học cơ bản và kiến thức về nội dung chương trình, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với toán, vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học để tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với toán, bồi dưỡng lòng yêu nghề, yêu trẻ, có trách nhiệm trong rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức học tập, tự rèn tay nghề nâng cao năng lực bản thân.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Sinh viên hiểu được một số khái niệm cơ bản về Tập hợp: Khái niệm về tập hợp, các phép toán trên tập hợp, ánh xạ, số tự nhiên, các phép toán trên tập hợp số tự nhiên.

- CO2: Trình bày và phân tích được các nguyên tắc, các phương pháp, các hình thức hình thành các biểu tượng sơ đẳng về toán cho trẻ mầm non.
- CO3: Trình bày được đặc điểm nhận biết các biểu tượng toán ở mỗi lứa tuổi mầm non, về nội dung chương trình và phương pháp hướng dẫn trẻ hình thành mỗi loại biểu tượng toán cụ thể: tập hợp - số lượng - phép đếm; hình dạng; kích thước; định hướng trong không gian; định hướng thời gian.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO4: Có kỹ năng thiết kế các hoạt động cho trẻ làm quen với các biểu tượng toán.
- CO5: Tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với các biểu tượng sơ đẳng về toán có hiệu quả; Vận dụng linh hoạt các hình thức và phương pháp cho trẻ làm quen với toán.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp để nâng cao năng lực của bản thân. Có tinh thần chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra HP (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được những nội dung, những kiến thức cơ bản về tập hợp, số tự nhiên.	CO1
CLO2	Trình bày được các vấn đề chung: các nguyên tắc, các phương pháp và hình thức cho trẻ làm quen với các biểu tượng toán.	CO2, CO4, CO5
CLO3	Phân tích được nội dung chương trình, phương pháp hình thành các biểu tượng toán cụ thể cần hình thành cho trẻ mầm non như: biểu tượng tập hợp - số lượng - phép đếm; hình dạng; kích thước; định hướng trong không gian; định hướng thời gian.	CO2, CO3 CO4, CO5
CLO4	Thiết kế, tổ chức được các hoạt động cho trẻ làm quen với các biểu tượng toán phù hợp với mỗi lứa tuổi.	CO2, CO3 CO4, CO5
CLO5	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, có trách nhiệm trong rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức học tập, tự rèn tay nghề nâng cao năng lực bản thân. Tự chủ, có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	CO6

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		I								
CLO2		R	R							
CLO3		R	M	R	I					
CLO4		M	M	R	I					
CLO5										M
Tổng hợp học phần		R	M	R	I					M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

5.1. Giáo trình chính thức

[1]. Đỗ Thị Minh Liên (2005), *Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*, NXB ĐHSP.

[2]. Đinh Thị Nhung (2001), *Toán và phương pháp hình thành những biểu tượng ban đầu về toán học cho trẻ mẫu giáo*, NXB ĐHQG Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Đỗ Thị Minh Liên (2008), *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[4]. Trần Diên Hiên - Nguyễn Xuân Liêm (2007), *Cơ sở lý thuyết Tập hợp và logic Toán*, Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học, NXB Giáo dục;

[5]. Bộ GD&ĐT, (2021), *Chương trình giáo dục Mầm non* (ban hành theo Thông tư 01/VBHN-GDDT ngày 13/4/2021).

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 3 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Chương 1: Cơ sở lý thuyết tập hợp – Số tự nhiên (16 tiết) 1.1. Tập hợp 1.1.1. Khái niệm về tập hợp 1.1.2. Cách biểu diễn một tập hợp 1.1.3. Tập hợp con - Hai tập hợp bằng nhau 1.2. Các phép toán trên tập hợp 1.2.1. Phép toán hợp 1.2.2. Phép toán giao 1.2.3. Phép lấy hiệu 1.2.4. Tích Đề các	2LT - 2TH	Hiểu được khái niệm tập hợp, tập hợp con Biết cách thực hiện các phép toán trên tập hợp	CLO1 CLO5	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.
2	1.3. Quan hệ hai ngôi 1.3.1. Định nghĩa quan hệ hai ngôi 1.3.2. Quan hệ tương đương, sự chia lớp tương đương 1.3.3. Quan hệ thứ tự	2LT 2TH	Hiểu được định nghĩa và một số tính chất của quan hệ hai ngôi	CLO1 CLO5	- Thuyết trình, giảng giải nội dung 1.3; - Hướng dẫn SV giải một số bài tập trong tài liệu [2] - Nghiên cứu tài liệu [2]; - Nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ; - Làm bài tập trong tài liệu [2] - Trình bày bài

					tập theo yêu cầu của GV.
3	1.4. Ánh xạ 1.4.1. Tương ứng 1.4.2. Ánh xạ 1.4.3. Đơn ánh, toàn ánh, song ánh 1.5. Tập hợp số tự nhiên 1.4.1. Khái niệm bản số của một tập hợp 1.4.2. Tập hợp hữu hạn, tập hợp vô hạn và định nghĩa số tự nhiên 1.4.3. Tính chất của tập hợp số tự nhiên	2LT 2TH	Trình bày được các khái niệm, tính chất của số tự nhiên	CLO1 CLO5	Thuyết trình, giảng giải nội dung 1.4 - Hướng dẫn SV giải một số bài tập trong tài liệu [2] - Nghiên cứu tài liệu [2]; - Nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ; - Làm bài tập trong tài liệu [2] - Trình bày bài tập theo yêu cầu của GV. .
4	1.5. Các phép toán trên tập hợp số tự nhiên 2.2.1. Phép cộng 2.2.2. Phép trừ 2.2.3. Phép nhân 2.2.4. Phép chia 2.3. Phép đếm và cách ghi số 2.3.1. Phép đếm và hệ đếm (hệ cơ số đếm) 2.3.2. Hệ đếm và cách ghi số theo cơ số 10 2.3.3. Hệ đếm và cách ghi số theo cơ số 2. Bài tập Kiểm tra chương 1.	1LT 2TH 1KT	Thành thạo các phép toán trên tập hợp số tự nhiên. Hiểu được phép đếm và hệ ghi số theo cơ số 10, cơ số 2	CLO1 CLO5	- Thuyết trình, giảng giải, phát vấn nội dung 1.5 - Nghiên cứu tài liệu [2]; - Trả lời câu hỏi phát vấn của GV; - Nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ; - Làm bài tập ở tài liệu [2].
5	Chương 2 . Những vấn đề chung về việc hình thành các biểu tượng	4LT	- Phân tích được vai trò, nhiệm vụ của	CLO2 CLO5	*GV: - Thuyết giảng. - Giao nhiệm

	Toán cho trẻ Mầm non. (9 tiết=8LT+1KT) 2.1. Bộ môn phương pháp cho trẻ làm quen với toán 2.1.1. Đối tượng của môn 2.1.2. Vị trí và nhiệm vụ của môn 2.1.3. Mối quan hệ với các môn học khác 2.2. Những vấn đề cơ bản của chương trình: “Hình thành các biểu tượng ban đầu về toán cho trẻ mầm non” 2.2.1. Vai trò 2.2.2. Nhiệm vụ 2.2.3. Nội dung chương trình		chương trình hình thành các biểu tượng ban đầu về toán cho trẻ Mầm non. - Trình bày được vai trò, nhiệm vụ, nội dung chương trình biểu tượng toán cần hình thành cho trẻ MN.		vụ học tập cho SV. - Tổ chức cho SV thảo luận, hướng dẫn SV học tập. - Giao bài tập tự học. - Kiểm tra bài tập tự học của SV. * SV: - Nghiên cứu tài liệu, giáo trình. - Thảo luận, trao đổi, thuyết trình các nhiệm vụ học tập. - Lắng nghe, phản hồi tích cực. - Hoàn thành các bài tập tự học được giao.
6	2.3. Các nguyên tắc cho trẻ mầm non làm quen với toán 2.3.1. Dạy học đảm bảo tính phát triển 2.3.2. Học đi đôi với hành, giáo dục gắn liền thực tiễn 2.3.3. Đảm bảo tính trực quan 2.3.4. Đảm bảo tính hệ thống và tính trình tự 2.3.5. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và vừa sức riêng	4LT	- Trình bày được nội dung cơ bản của mỗi nguyên tắc cho trẻ mầm non làm quen với toán. Trình bày được khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu và cách tiến hành của mỗi phương	CLO1 CLO5	*GV: - Thuyết giảng. - Giao nhiệm vụ học tập cho SV. - Tổ chức cho SV thảo luận, hướng dẫn SV học tập. - Giao bài tập tự học. - Kiểm tra bài tập tự học của SV.

	2.3.6. <i>Đảm bảo tính khoa học</i> 2.3.7. <i>Đảm bảo tính ý thức và phát huy tính tích cực của trẻ</i> 2.4. Các phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán 2.4.1. <i>Phương pháp hoạt động với đồ vật</i> 2.4.2. <i>Phương pháp dùng lời</i> 2.4.3. <i>Phương pháp trực quan</i> 2.4.4. <i>Phương pháp dùng trò chơi</i> 2.5. Các hình thức tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với toán 2.5.1. <i>Trong hoạt động học toán có chủ đích</i> 2.5.2. <i>Ngoài hoạt động học toán có chủ đích</i> 2.6. Đổi mới phương pháp cho trẻ làm quen với toán nhằm tích cực hóa hoạt động nhận thức của trẻ 2.6.1. <i>Sự cần thiết phải đổi mới phương pháp cho trẻ làm quen với toán ở mầm non</i> 2.6.2. <i>Định hướng đổi mới phương pháp cho trẻ làm quen với toán ở mầm non</i>		pháp. - Trình bày, giải thích được ý nghĩa, tác dụng và đặc điểm của các hình thức tổ chức cho trẻ LQVT. - Trình bày, phân tích được cấu trúc của một hoạt động học toán có chủ đích. - Trình bày, phân tích được cấu trúc giáo án tổ chức hoạt động học LQVT. - Phân tích được mối liên hệ giữa các hình thức. - Trình bày được sự cần thiết phải đổi mới phương pháp cho trẻ mà quen với toán và định hướng đổi mới.		* SV: - Nghiên cứu tài liệu, giáo trình. - Thảo luận, trao đổi, thuyết trình các nhiệm vụ học tập. - Lắng nghe, phản hồi tích cực. - Hoàn thành các bài tập tự học được giao.
7	<i>Bài kiểm tra số 2</i> Chương 3. Nội dung và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học	1KT 3LT	-Trình bày được đặc điểm nhận thức về biểu tượng tập	CLO3 CLO4 CLO5	*GV: - Thuyết giảng. - Giao nhiệm vụ học tập cho

	sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo (35 tiết) 3.1. Nội dung và phương pháp hình thành các biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm <i>3.1.1. Đặc điểm phát triển những biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm của trẻ mẫu giáo</i> <i>3.1.2. Nội dung chương trình</i> <i>3.1.3. Phương pháp hình thành biểu tượng số lượng, con số và phép đếm cho trẻ mẫu giáo</i>		hợp-số lượng - phép đếm ở mỗi lứa tuổi MN. -Trình bày được nội dung chương trình ở mỗi lứa tuổi và phân tích được sự mở rộng về nội dung chương trình từ MGB đến MGL. -Trình bày, giải thích được các nội dung về phương pháp cho trẻ làm quen với biểu tượng số lượng, con số, phép đếm.		SV. - Tổ chức cho SV thảo luận, hướng dẫn SV học tập. - Giao bài tập tự học. - Kiểm tra bài tập tự học của SV. * SV: - Nghiên cứu tài liệu, giáo trình. - Thảo luận, trao đổi, thuyết trình các nhiệm vụ học tập. - Lắng nghe, phản hồi tích cực. - Hoàn thành các bài tập tự học được giao.
8	<i>3.1.3. Phương pháp hình thành biểu tượng số lượng, con số và phép đếm cho trẻ mẫu giáo (Tiếp)</i> 3.2. Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng hình dạng cho trẻ mẫu giáo <i>3.2.1. Đặc điểm phát triển những biểu tượng về hình dạng của trẻ mẫu giáo</i> <i>3.2.2. Nội dung chương trình</i> <i>3.2.3. Phương pháp hình thành biểu tượng hình</i>	1LT 3LT	-Trình bày được đặc điểm nhận thức về biểu tượng hình dạng ở mỗi lứa tuổi MN. -Trình bày được nội dung chương trình ở mỗi lứa tuổi và phân tích được sự mở rộng về nội dung chương trình từ MGB đến	CLO3 CLO4 CLO5	

	<i>dạng cho trẻ mẫu giáo</i>		MGL. -Trình bày được phương pháp dạy trẻ các nội dung cụ thể thuộc biểu tượng hình dạng		
9	Thực hành <i>Soạn giáo án, tập giảng biểu tượng tập hợp-số lượng- phép đếm; hình dạng</i>	4TH	Thiết kế được giáo án và tổ chức được hoạt động học hình thành các biểu tượng về tập hợp, số lượng, phép đếm, hình dạng	CLO3 CLO4 CLO5	*GV:Hướng dẫn SV nội dung thực hành soạn giáo án, tập giảng. *SV: - Xem video bài dạy tham khảo. -Thiết kế kế hoạch bài học.
10	Thực hành <i>Soạn giáo án, tập giảng biểu tượng tập hợp-số lượng- phép đếm; hình dạng</i>	4TH	Thiết kế được giáo án và tổ chức được hoạt động học hình thành các biểu tượng về tập hợp, số lượng, phép đếm, hình dạng	CLO3 CLO4 CLO5	- Quay video tập giảng theo nhóm - Nhận xét video tập giảng.
11	3.2.6. Thực hành <i>Soạn giáo án, tập giảng biểu tượng tập hợp, số lượng, phép đếm, hình dạng</i>	4TH	Thiết kế được giáo án và tổ chức được hoạt động học hình thành các biểu tượng về tập hợp, số lượng, phép đếm, hình dạng	CLO3 CLO4 CLO5	

			không gian và thời gian đối với mỗi lứa tuổi. + Nội dung chương trình đối với từng lứa tuổi.		
14	3.4.3. <i>Phương pháp hình thành biểu tượng định hướng trong không gian, thời gian cho trẻ mẫu giáo</i> 3.4.4. Thực hành <i>Soạn giáo án, tập giảng biểu tượng định hướng kích thước, thời gian, không gian cho trẻ.</i>	2LT 2TH	- Trình bày được phương pháp dạy trẻ các nội dung cụ thể thuộc biểu tượng định hướng không gian, thời gian. -Thiết kế được giáo án và tổ chức được hoạt động học hình thành các biểu tượng kích thước, định hướng trong không gian, thời gian.	CLO3 CLO4 CLO5	GV: Hướng dẫn SV nội dung thực hành soạn giáo án, tập giảng. *SV: - Xem video bài dạy tham khảo. -Thiết kế kế hoạch bài học. - Quay video tập giảng theo nhóm - Nhận xét video tập giảng.
15	3.4.6. Thực hành <i>Soạn giáo án, tập giảng biểu tượng định hướng kích thước, thời gian, không gian cho trẻ.</i>	4TH	Thiết kế được giáo án và tổ chức được hoạt động học hình thành các biểu tượng kích thước, định hướng trong không gian, thời gian.	CLO3 CLO4 CLO5	
	Bài kiểm tra số 3: Thực hiện trong quá trình SV			CLO3 CLO4	

	thực hành soạn giáo án và tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với toán (Tuần 10-11-12-14-15)			CLO5	

8. Đánh giá học phần

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Chuyên cần, ý thức tham gia các hoạt động học tập trên lớp, của nhóm, ý thức tự học.			CLO5	Theo dõi thường xuyên chuyên cần, ý thức học tập của SV.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Kiến thức Toán cơ bản và kiến thức về một số vấn đề chung: Nội dung chương trình, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với Toán.			CLO1 CLO2 CLO5	Bài kiểm tra
		Kỹ năng tổ chức hoạt động học cho trẻ làm quen với các biểu tượng Toán cụ thể.			CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Video tập giảng
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Toàn bộ chương trình học phần.			CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Bài thi kết thúc học phần

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 4.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ**Bài kiểm tra định kỳ số 1**

- Nội dung: chương 1
- Hình thức: Trắc nghiệm
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	Chương 1	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	10
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chương 2.
- Hình thức: Tự luận.
- Thời gian: 50 phút.

Bảng 5.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 2	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	10
Tổng điểm			10

* Bài kiểm tra số 3:

- Nội dung: Kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với các biểu tượng toán

Bảng 5.3. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 3.

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	Kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với các biểu tượng toán cụ thể.	A. Kỹ năng thiết kế kế hoạch hoạt động	4
		- Đáp ứng mục tiêu của hoạt động - Đồ dùng đồ chơi (cô và trẻ): + Phù hợp với mục tiêu bài dạy; + Phù hợp với chủ đề, chủ điểm; + Đủ về số lượng; + Kích thước hợp lý; + Có tính thẩm mỹ	
		B. Kỹ năng tổ chức hoạt động	6
		- <i>Hướng dẫn trẻ hoạt động</i> + Giới thiệu về hoạt động hay, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của trẻ, kích thích hứng thú của trẻ tham gia vào hoạt động; + Hướng dẫn trẻ tham gia hoạt động đúng qui trình của phương thức hoạt động đã xác lập; + Trong quá trình trẻ tham gia vào hoạt động: trẻ luôn đóng vai trò chủ thể của hoạt động, cô giáo chỉ đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn trẻ hoạt động.	2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		- Vận dụng các phương pháp dạy học - Kết hợp linh hoạt, có hiệu quả các phương pháp dạy học phù hợp bài học và nhận thức của trẻ.	2
		- Tác phong + Dĩnh đạc, tự tin, nhẹ nhàng, linh hoạt trong xử lý các tình huống sư phạm; + Giọng nói: rõ ràng, truyền cảm, có ngữ điệu, có điểm nhấn vào những nội dung trọng tâm cần hình thành cho trẻ; + Không khí lớp học thoải mái, nhẹ nhàng, vui vẻ.	2
		Tổng	10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Toàn bộ nội dung học phần thuộc chương 1,2,3.
- Hình thức: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
2	Chương 2 và chương 3	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	8
	Tổng		10

Quảng Ninh, ngày..... tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Quý Kim

Nguyễn Hoàng Vân

2.5.39. Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần	SP620024
1.2. Tên học phần	Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh
1.3. Tên tiếng Anh	Organize activities for children to explore science about the surrounding environment
2. Số tín chỉ	03 (2LT + 1TH)
3. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	33 tiết
- Thực hành, kiểm tra:	27 tiết
- Tự học:	90 giờ
4. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Nguyễn Minh Huệ

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS Nguyễn Ngọc Quỳnh
5. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không.
- Học phần học trước:	SP620014
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có các kiến thức cơ bản về MTXQ và phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về Môi trường xung quanh; có kiến thức, kỹ năng về thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh một cách linh hoạt, sáng tạo tại cơ sở GDMN.

2.2. Mục tiêu học phần cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản về môi trường và phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh.

CO2: Có kiến thức về phương pháp, hình thức, phương tiện cho trẻ KPKH về MTXQ.

2.2.2. Về kỹ năng

CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động cho trẻ KPKH về MTXQ.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Tích cực chủ động trong học tập. Nhiệt tình, trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ trong việc tổ chức cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho MT
CLO1	Giải thích được những kiến thức cơ bản về môi trường tự nhiên, môi trường xã hội; kiến thức cơ bản về PP cho trẻ KPKH về MTXQ.	CO1
CLO2	Vận dụng được nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện cho trẻ mầm non KPKH về MTXQ.	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ mầm non.	CO3
CLO4	Chủ động, trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp, phụ huynh trong việc tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R		I					I	R
CLO 2		R		I					R	I
CLO 3		R	R	R	I	I	I		I	R
CLO 4									I	R
TH HP		R	R	R	I	I	I		I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

- [1]. Hoàng Thị Phương (chủ biên - 2020), *Giáo trình Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*. Nxb ĐHSP
- [2] Bộ GD và ĐT (2007) *Dự án phát triển giáo viên tiểu học Tự nhiên - xã hội và PP dạy học tự nhiên xã hội ở tiểu học tập 1*, Nxb Giáo dục.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Hoàng Thị Oanh (2008) *Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về MTXQ*, Nxb. Giáo dục.
- [4]. Hoàng Thị Phương (2018), *Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non*. Nxb ĐHSP.
- [5]. Ki yếu hội thảo quốc tế (2021), *Thực trạng giáo dục STEAM và thiết kế trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở TP. Hồ Chí Minh theo cách tiếp cận STEAM*.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết.
- Tổng số tuần học: 15 tuần.
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi.
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học, các buổi thực hành.
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài.
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	* Giới thiệu học phần		- Mô tả được vị		

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			trí, vai trò của học phần (HP) trong chương trình đào tạo		
1	Chương 1. Những vấn đề chung (18LT-2TH) 1.1. Một số kiến thức cơ bản về môi trường tự nhiên, môi trường xã hội <i>1.1.1. Môi trường tự nhiên</i>	4LT	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về MTTN.	CLO1 CLO4	- GV giới thiệu TL học tập, TK. [1], [2], [4] - GV tổ chức thảo luận theo nhóm. Nhận xét, minh họa, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
2	<i>1.1.2. Môi trường xã hội</i> Thực hành: Làm bảng tổng hợp tên các loài động vật, thực vật, thiên nhiên	2LT 2TH	- Trình bày được những kiến thức	CLO1 CLO4	- GV kiểm tra kết quả bài tập về nhà. Nhận xét, lấy

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	vô sinh để nuôi, trồng trong khu vực thiên nhiên, góc khoa học của lớp mầm non và sử dụng trong tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.		cơ bản về MTXH. - Vận dụng để làm bảng trình bày theo yêu cầu		ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung đã chuẩn bị trước của NH . - NH Trình bày kết quả đã chuẩn bị. Lắng nghe, phản hồi, ghi chép những thông tin cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
3	1.2. Một số kiến thức chung về môn học <i>1.2.1. Đối tượng môn học</i> <i>1.2.2. Nhiệm vụ môn học</i> <i>1.2.3. Cơ sở khoa học của môn học</i> <i>1.2.4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của môn học</i> <i>1.2.5. Vai trò của tri thức đối với sự phát triển trẻ em</i>	4LT	- Phân tích được một số kiến thức chung về môn học.	CLO1 CLO4	- GV kiểm tra kết quả bài tập về nhà. Nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung đã chuẩn bị trước của NH . - NH Trình bày kết quả đã chuẩn bị. Lắng nghe, phản hồi, ghi chép những thông tin cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					nhiệm vụ học tập tiếp theo.
4	1.2.6. Quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em 1.2.7. Đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em 1.3. Mục đích, nhiệm vụ hướng dẫn trẻ KPKH về MTXQ 1.3.1. Mục đích	4LT	- Phân tích được quá trình lĩnh hội, đặc điểm lĩnh hội tri thức ở trẻ em. Trình bày được mục đích cho trẻ KPKH về MTXQ.	CLO1 CLO4	- GV kiểm tra kết quả bài tập về nhà. Nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung đã chuẩn bị trước của NH . - NH Trình bày kết quả đã chuẩn bị. Lắng nghe, phản hồi, ghi chép những thông tin cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
5	1.3.2. Nhiệm vụ 1.3.3. Nội dung (nguyên tắc xác định ND; ND hướng dẫn...)	4LT	Trình bày được nhiệm vụ cho trẻ KPKH về MTXQ. Trình bày được ND cho trẻ KPKH về MTXQ.	CLO1 CLO2 CLO4	- GV kiểm tra kết quả bài tập về nhà. Nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung đã chuẩn bị trước của NH . - NH Trình bày kết quả đã chuẩn bị. Lắng nghe,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					phản hồi, ghi chép những thông tin cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
6	Chương 2: Phương pháp, hình thức, điều kiện phương tiện cho trẻ KPKH về MTXQ (12LT-3TH, KT) 2.1. Các phương pháp cho trẻ KPKH về MTXQ 2.1.1. Nhóm phương pháp trực quan 2.1.2. Nhóm phương pháp dùng lời 2.1.3. Nhóm phương pháp thực hành 2.1.4. Phương pháp giáo dục trải nghiệm 2.1.5. Phương pháp giáo dục STEAM	2LT 2TH	- Vận dụng được các PP dạy học cho trẻ KPKH về MTXQ.	CLO1 CLO2 CLO4	- GV giới thiệu tài liệu số [1], [3], [4], [5] - GV tổ chức thảo luận theo nhóm, nhận xét, dạy minh họa, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
7	2.1.6. Mối quan hệ giữa các phương pháp 2.2. Các hình thức tổ chức	4LT	- Vận dụng được các	CLO1 CLO2 CLO4	- GV tổ chức thảo luận, thuyết trình,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ 2.2.1. Giờ học 2.2.2. Hoạt động vui chơi 2.2.3. Hoạt động ngoài trời 2.2.4. Hoạt động tham quan 2.2.5. Hoạt động lao động		PP dạy học cho trẻ KPKH về MTXQ. - Vận dụng được các hình thức tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ.		nhận xét, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH Trình bày kết quả thảo luận, tập dạy minh họa, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
8	2.2.6. Mối quan hệ giữa các hình thức tổ chức Thực hành: Chọn các bài thơ, câu đố, câu truyện, bài hát, tranh ảnh có nội dung phù hợp với nội dung cho trẻ KPKH về MTXQ.	2LT 2TH	- Vận dụng được những kiến thức đã học để lựa chọn những bài thơ, câu đố, câu truyện...p hù hợp.... - Vận dụng phối hợp được các hình thức tổ chức cho trẻ KPKH	CLO1 CLO2 CLO4	- GV tổ chức cho NH lựa chọn, nhận xét, đánh giá, chốt lại nội dung đã lựa chọn của NH. - NH Trình bày kết quả thảo luận, lấy VD, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			về MTXQ.		
9	2.3. Các điều kiện, phương tiện tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ <i>2.3.1. Các nguyên tắc lựa chọn</i> <i>2.3.2. Điều kiện</i> <i>2.3.3. Phương tiện</i> <i>2.3.4. Phối hợp sử dụng các phương tiện</i> Bài kiểm tra số 1 Nội dung chương 1,2	3LT 1	- Phân tích được điều kiện, phương tiện cho trẻ KPKH về MTXQ. - Trình bày được những vấn đề chung về PP cho trẻ KPKH về MTXQ. - Phân tích được các PP, hình thức, điều kiện phương tiện cho trẻ KPKH về MTXQ.	CLO1 CLO2 CLO4	- GV thuyết trình, nhận xét, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH Trình bày kết quả thảo luận, lấy VD, ghi chép những nội dung cần thiết. Làm bài tự luận. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
10	Chương 3. Thiết kế và tổ chức hoạt động cho trẻ KPKH về MTXQ (5LT-19TH, KT) 3.1. Lập kế hoạch hoạt động <i>3.1.1. Khái niệm</i>	4LT	- Trình bày được khái niệm KHHĐ - Phân	CLO1 CLO2 CLO4	- GV giới thiệu tài liệu số [1] - GV thuyết trình, nhận xét, đánh giá, chốt lại nội

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	3.1.2. Lập kế hoạch chương trình KPKH về MTXQ 3.1.3. Lập kế hoạch hoạt động KPKH về MTXQ		tích được các bước LKH chương trình; hoạt động KPKH về MTXQ.		dung thảo luận của NH. - NH Trình bày kết quả thảo luận, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
11	3.2. Lập kế hoạch KPKH về MTXQ 3.2.1. Lập kế hoạch giờ học KPKH về MTXQ 3.2.2. Lập kế hoạch giờ học KPKH về MTXQ thông qua HĐVC 3.2.3. Lập kế hoạch giờ học KPKH về MTXQ thông qua HĐ ngoài trời 3.2.4. Lập kế hoạch giờ học KPKH về MTXQ thông qua tham quan 3.2.5. Lập kế hoạch giờ học KPKH về MTXQ thông qua lao động 3.3. Đánh giá hoạt động KPKH về MTXQ 3.3.1. Khái niệm 3.3.2. Những đặc điểm của đánh giá hoạt động KPKH về MTXQ của trẻ 3.3.3. Phương pháp đánh	4	- Vận dụng lập được kế hoạch hoạt động giáo dục cho trẻ MN theo chủ đề. - Vận dụng lập được kế hoạch KPKH về MTXQ cho trẻ MN. Vận dụng kiến thức đã học vào đánh	CLO3 CLO4	- GV nhận xét, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch của NH. - NH trình bày kế hoạch, lắng nghe, ghi chép những thông tin cần thiết. - GV tổng kết, giao nhiệm vụ về nhà.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>giá hoạt động KPKH về MTXQ của trẻ</i>		giá hoạt động cho trẻ KPKH về MTXQ.		
12	Kiến tập tại cơ sở GDMN (Trường MN thực hành SP)	4TH	- Mô tả được các hoạt động của GV và trẻ trong quá trình dự giờ.	CLO3 CLO4	- NH dự giờ tại cơ sở GDMN. (ghi chép tiến trình tổ chức của GVMN và các hoạt động của trẻ). - GV tổ chức nhận xét, rút KN.
13-15	Thực hành tập dạy (Bài kiểm tra số 2 lấy điểm trong quá trình tập dạy).	12TH	Tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được kế hoạch GD cho trẻ MN. - Tổ chức được các hoạt động theo kế hoạch giáo dục.	CLO3 CLO4	- NH tập dạy theo KH đã được duyệt. - GV dự, nhận xét, điều chỉnh. - GV chấm điểm theo phiếu chấm.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức tham gia học tập, thực hiện nhiệm vụ GV giao.		x	CLO4	- Theo dõi ý thức học tập của NH. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày nghỉ của NH
A2 Đánh giá định kỳ	30%	1. Kiến thức chung về PP cho trẻ KPKH về MTXQ; Kiến thức về các PP, hình thức, phương tiện cho trẻ KPKH về MTXQ. (tuần 9).	50%		CLO1 CLO4	Chấm bài kiểm tra tự luận của NH theo đáp án.
		2. Kiến thức, kỹ năng về năng lực thiết kế, tổ chức hoạt động cho trẻ KPKH về MTXQ (tuần 13-15).	50%	x	CLO3 CLO4	Chấm KHBH, tổ chức hoạt động học cho trẻ KPKH về MTXQ của NH.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	1. Những vấn đề chung về PP cho trẻ mầm non khám phá khoa học về MTXQ. 2. Các phương pháp và hình	30% 40% 30%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	NH thi tự luận. GV chấm điểm theo biểu điểm. - Trình bày được những nội dung cơ bản của học

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		thức, phương tiện cho trẻ mầm non khám phá khoa học về MTXQ. 3. Lập KHGD trẻ theo các lứa tuổi.				phần.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

TCĐ G	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 95\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30 %
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30 %
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu	40 %

					hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Bài 1: Nội dung 1: Tự luận (mục A2.1).
- Bài 3: Nội dung 2: Thực hành (mục A2.2).
- Hình thức: Tự luận, thực hành.
- Thời gian: 50 phút.

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những kiến thức chung về PP cho trẻ KPKH về MTXQ.	- Đủ ý, rõ ràng. - Liên hệ với thực tiễn trong GDMN. - Trình bày khoa học, logic	5
2	Kiến thức về các PP, hình thức, phương tiện cho trẻ KPKH về MTXQ.	Đủ ý, rõ ràng, Liên hệ với thực tiễn trong GDMN. Trình bày khoa học, logic	5
Tổng điểm			10

Bảng 6b. Rubic đánh giá thực hành bài kiểm tra định kì 2

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp	20%

		viên trong nhóm.	của nhóm chưa tốt.		làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lí.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng,	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng,	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp,	15%

	chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	còn nhiều sai sót.	bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nội dung: 1,2,3 (mục A3).
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Trọng số %
1	Những vấn đề chung (trình bày được những vấn đề chung của PP cho trẻ KPKH về MTXQ). Phương tiện cho trẻ mầm non khám phá khoa học về MTXQ.	30
2	Các phương pháp và hình thức, phương tiện tổ chức cho trẻ mầm non khám phá khoa học về MTXQ.	40
3	Cách lập kế hoạch hoạt động KPKH về MTXQ.	30
Tổng điểm		100

Quảng Ninh, ngày... tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Minh Huệ

2.5.40. Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620025
1.2. Tên học phần:	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Dance and choreography teaching methods for preschool children
1.4. Số tín chỉ:	03 (2LT+1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	16 tiết
- Thực hành:	44 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Nguyễn Thị Hương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Nguyễn Minh Huệ Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ. Có kỹ năng múa, biên đạo múa và tổ chức hoạt động múa cho trẻ ở trường mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản về múa, biên đạo múa và phương pháp tổ chức hoạt động múa cho trẻ.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO2: Có kỹ năng múa và biên đạo múa

- CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh hoạt động múa cho trẻ.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Yêu thích nghệ thuật múa, nhiệt tình, kiên trì, tự giác trong học tập và truyền cảm hứng nghệ thuật múa cho trẻ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được những nội dung cơ bản về nghệ thuật múa, biên đạo múa và phương pháp tổ chức hoạt động múa cho trẻ.	CO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức múa, biên đạo vào việc dàn dựng, giảng dạy các bài múa phù hợp với từng lứa tuổi của trẻ; phù hợp với các nội dung chương trình GDMN.	CO1, CO2
CLO3	Thực hiện được các chất liệu múa cơ bản, biên đạo được tác phẩm múa.	CO2
CLO4	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được hoạt động dạy múa cho trẻ.	CO3
CLO5	Chủ động, kiên trì, tích cực, chia sẻ, hợp tác, sáng tạo trong tổ chức hoạt động nghệ thuật múa cho trẻ.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R							I	I
CLO 2		R	I	I					I	R
CLO 3		R	I	R	I	I			I	I
CLO 4		I	I	R	R				I	R
CLO5									I	I
THHP		R	I	R	R	I			I	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Lê Trọng Quang (2004), *Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ* (Tài liệu lưu hành nội bộ trường Đại học Sư phạm Hà Nội).

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Thị Hương (2013), *Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc* (tài liệu lưu hành nội bộ trường Đại học Hạ Long), Đề tài nghiên cứu khoa học.

[3]. Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu (2008), *Âm nhạc và múa*. Nxb GD.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học.
 - + Kiểm tra định kì: 3 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	* Giới thiệu học phần Chương 1: Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa (24= 4LT+ 20TH) 1.1. Khái quát chung về nghệ thuật múa 1.1.1. Khái niệm múa 1.1.2. Sơ lược nguồn gốc, sự hình thành và quá trình phát triển nghệ thuật múa 1.1.3. Mối quan hệ của múa với âm nhạc 1.1.4. Phân loại múa 1.1.5. Đặc trưng của nghệ thuật múa	4 LT 20TH 4	- Mô tả được vị trí, vai trò của HP trong CTĐT. - Trình bày được k/n, nguồn gốc, sự hình thành và quá trình phát triển nghệ thuật múa; - Phân tích mối quan hệ của múa với âm nhạc, phân loại múa, đặc	CLO1 CLO5	- GV: Giới thiệu học phần. - Người học lắng nghe, ghi chép. * GV: - giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm báo tập chương. - Tổ chức cho người học thảo luận. * Người học nghiên cứu tài liệu [1, tr 6-25], [5, tr 1-5] ; - Người học làm bài tập chương I. - Trả lời các câu hỏi của GV; - HĐ nhóm. - Quan sát, lắng nghe, phản biện,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>1.1.6. Các kỹ năng múa</i>		trung của nghệ thuật múa. - Giải thích được các kỹ năng múa.		trình bày quan điểm, ghi lại những TT cần thiết. - GV đánh giá, chốt lại vấn đề - Hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu.
2	1.2. Hệ thống các động tác múa cơ bản <i>1.2.1. Một số động tác múa cơ bản của dân tộc Kinh</i> 1.2.1.1. Các tư thế tay, chân cơ bản 1.2.1.2. Nhún mềm, cánh tay dẹt cưỡi 1.2.1.3. Nhún bật, cánh tay mềm 1.2.1.4. Hái đào một tay, hai tay	20TH	- Mô tả và thực hiện được các tư thế tay, chân cơ bản; nhún mềm, cánh tay dẹt cưỡi; nhún bật, cánh tay mềm; hái đào một tay, hai tay.	CLO1 CLO5 CLO1 CLO3 CLO5	* GV: - Làm mẫu kết hợp cho người học xem video; - phân tích, giải thích; - Đặt câu hỏi cho người học; - Tổ chức cho người học thực hành. * Người học: - Đọc tài liệu: [5, tr 6-15], [1, tr 24-35] ; [2, tr 99-111], - Trả lời các câu hỏi của GV; - HĐ nhóm - Quan sát, lắng nghe, thực hành luyện tập các động tác múa, tổ hợp múa. - Báo cáo kết quả thực hành
3	1.2.1.5. Cuộn hoa sen (cuộn đèn) 1.2.1.6. Vuốt guôn đuôi, chân bước quả trám 1.2.1.7. Mõ 1.2.1.8. Rung quạt, vờn quạt, chao quạt.		- Mô tả và thực hiện được các động tác cuộn hoa sen; vuốt guôn đuôi chân bước quả trám; mõ; rung quạt, vờn quạt.	CLO1 CLO3 CLO5	- Trả lời các câu hỏi của GV; - HĐ nhóm - Quan sát, lắng nghe, thực hành luyện tập các động tác múa, tổ hợp múa. - Báo cáo kết quả thực hành
4	1.2.1.9. Đi xiển		- Mô tả và thực hiện	CLO1 CLO3	- Các nhóm nhận xét bổ sung;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>1.2.2. Một số động tác múa cơ bản của dân tộc Thái</i> 1.2.2.1. Xòe thái 1.2.2.2. Bước đi phong thổ <i>1.2.3. Một số động tác múa cơ bản của dân tộc H'Mông</i> 1.2.3.1. Xúng xính 1.2.3.2. Vòng khăn 1.2.3.3. Đi ngang tung khăn		được các động tác chao quạt. - Mô tả và thực hiện được các động tác xòe Thái; bước đi phong thổ. - Mô tả và thực hiện được các động tác xúng xính; vòng khăn, đi ngang tung khăn.	CLO5	- GV đánh giá, chốt lại vấn đề - Hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu. * GV: - Làm mẫu kết hợp cho người học xem video; - phân tích, giải thích; - Đặt câu hỏi cho người học; - Tổ chức cho

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
5	<i>1.2.4. Một số động tác múa cơ bản của dân tộc Tây Nguyên</i> 1.2.4.1. Đi rung 1.2.4.2. Nhún đưa hông 1.2.4.3. Sát cong 1.2.4.4. Đánh cồng <i>1.2.5. Một số động tác múa cơ bản của dân tộc Tày</i> 1.2.5.1. Đi rung nhạc 1.2.5.2. Nhảy rung nhạc 1.2.5.3. Nhảy rải hoa 1.2.5.4. Quay ngang di động rung nhạc - <i>Dựng các tổ hợp các động tác múa cơ bản</i>		- Mô tả và thực hiện được các động tác đi rung; nhún đưa hông; sát cong; đánh cồng. - Mô tả và thực hiện được một số động tác múa cơ bản của dân tộc Tày.	CLO1 CLO3 CLO5	người học thực hành. * Người học: - Trả lời các câu hỏi của GV; - Luyện tập theo nhóm các động tác múa, tổ hợp múa của dân tộc Thái, H'Mông, Tây Nguyên, Tày. - Báo cáo kết quả thực hành - Các nhóm nhận xét bổ sung; - GV đánh giá, chốt lại vấn đề - Hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu.
6	1.3. Một số điệu nhảy phổ thông (3TH) <i>1.3.1. Disco (16 bước)</i> <i>1.3.2. Rumba</i> <i>1.3.3. Cha cha</i>	3 TH	- Mô tả và thực hiện được một số điệu nhảy phổ thông.	CLO1 CLO3 CLO5	* GV: Sử dụng các phương pháp linh hoạt; - Làm mẫu kết hợp xem video; - Tổ chức cho người học thực hành. * Người học: - Trả lời các câu hỏi của GV; - Quan sát, lắng nghe, thực hành

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					luyện tập một số điệu nhảy; - Thảo luận, thực hành luyện tập nhóm; - Báo cáo kết quả thực hành; - Các nhóm nhận xét bổ sung; - GV đánh giá, chốt lại vấn đề. - Luyện tập sửa sai.
	* Đánh giá định kì bài 1 Đánh giá kiến thức, kĩ năng múa các tổ hợp động tác cơ bản		Mô tả và thực hiện được các động tác trong tổ hợp múa cơ bản.	CLO1 CLO3 CLO5	- GV giao bài tập, đánh giá kết quả theo tiêu chí. - Người học luyện tập, thực hiện trả bài tổ hợp múa.
7	Chương 2: Phương pháp biên đạo múa (20T= 5LT+ 15TH) 2.1. Khái quát vài nét về nghệ thuật biên đạo 2.1.1. Khái niệm biên đạo 2.1.2. Một số nguyên tắc biên đạo 2.1.3. Quy trình biên đạo múa cho trẻ mầm non 2.1.4. Nhiệm vụ của công tác biên đạo múa	5LT 14TH 1KT	- Trình bày được khái niệm, nguyên tắc, quy trình, nhiệm vụ của công tác biên đạo.	CLO1 CLO2 CLO5	* GV: - Giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm báo tập chương; - Sử dụng các phương pháp linh hoạt; - Tổ chức cho người học thảo luận. * Người học: - Đọc tài liệu [5 tr 37- 54]; - Người học làm bài tập chương II. - Trả lời các câu hỏi của GV; - Quan sát, lắng

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					ghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin cần thiết. - GV đánh giá, chốt lại vấn đề. - Hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu.
8- 9	<i>2.1.5. Phương pháp biên đạo</i>	7	- Phân tích được phương pháp biên đạo	CLO1 CLO2 CLO5	* GV: - Tổ chức thảo luận, thực hành biên đạo theo nhóm; - Nhận xét; - GV chốt lại; * Người học: - Đọc tài liệu 5 tr 42- 54 - Thảo luận, thực hành luyện tập nhóm; - Báo cáo kết quả thực hành - Các nhóm nhận xét bổ sung;
	<i>2.2. Biên đạo động tác múa cho một số bài hát trong chương trình mầm non (14)</i> <i>2.2.1. Biên đạo và tập luyện các bài múa dành cho trẻ em</i>		- Vận dụng được các chất liệu múa cơ bản để biên đạo, luyện tập các bài múa dành cho trẻ em.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	- GV chốt lại; - Giao bài tập về nhà: + Luyện tập bài múa cho người lớn. + Đọc tài liệu 5 tr 55- 62, 1 tr 48- 56, chuẩn bị bài.
10- 11	<i>2.2.2. Biên đạo và tập luyện các bài múa múa dành cho người lớn</i>	8	- Vận dụng được các chất liệu múa cơ bản để biên đạo, luyện tập các bài múa dành cho người lớn.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	- GV chốt lại. - Giao bài tập về nhà: + Luyện tập bài múa cho người lớn. + Đọc tài liệu 5 tr 55- 62, 1 tr 48- 56, chuẩn bị bài.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	* Đánh giá định kì bài 2 Đánh giá kiến thức, kỹ năng biên đạo bài múa.		- Vận dụng được các chất liệu múa cơ bản để biên đạo bài múa trong chương trình MN.	CLO2 CLO3 CLO5	- GV giao nhiệm vụ, đánh giá kết quả theo tiêu chí. - Người học biên đạo, luyện tập, thực hiện trả bài múa.
12	Chương 3. Phương pháp dạy trẻ múa và vận động theo nhạc (16= 6 LT+ 10TH) 3.1. Phương pháp dạy trẻ múa và vận động theo nhạc (6T) 3.1.1. Mục đích - ý nghĩa của múa và vận động theo nhạc đối với trẻ MN 3.1.2. Vai trò của nghệ thuật múa trong công tác giáo dục trẻ mầm non 3.1.3. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ theo từng độ tuổi	7LT 9TH <i>4LT</i>	- Giải thích được mục đích- ý nghĩa của múa và vận động theo nhạc đối với trẻ MN. - Phân tích được vai trò, đặc điểm phát triển vận động của trẻ ở từng lứa tuổi.	CLO1 CLO5	*GV: Hướng dẫn SV đọc tài liệu [5 tr 55- 65]; [1 tr 48- 56]; làm bài tập chương III. - Sử dụng các phương pháp linh hoạt. * Người học: - Trả lời các câu hỏi của GV; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin cần thiết. - GV chốt lại vấn đề. - Hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
13	3.1.4. Một số phương pháp dạy trẻ múa và vận động theo nhạc	2LT	- Vận dụng được phương pháp dạy trẻ múa và vận động theo nhạc vào dạy múa cho trẻ.	CLO1 CLO5	* GV: - Phân tích, giảng giải, dạy minh họa các phương pháp. - Tổ chức thảo luận; - Nhận xét; - GV chốt lại; - Hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu. * Người học: - Đọc tài liệu 5 tr 63- 63; - Thảo luận theo nhóm. - Báo cáo kết quả thảo luận. - Cho SV dự giờ mẫu qua video; - Tổ chức thảo luận; - Nhận xét; - GV chốt lại; - Hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu: + Thiết kế hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc; + Làm đồ dùng chuẩn bị cho HĐ tập dạy.
	3.2. Hướng dẫn thiết kế, tổ chức hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc (10T) 3.2.1. Hướng dẫn thiết kế hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc 3.2.2. Dự giờ mẫu	1LT 2TH	- Phân tích được cấu trúc hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc. - Vận dụng kiến thức đã học thiết kế được kế hoạch hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc. - Mô tả được tiến trình tổ chức hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc.	CLO1C LO2 CLO3 CLO4 CLO5	
14-15	3.2.3. Tổ chức hoạt động dạy trẻ múa và		Thiết kế và tổ chức	CLO1 CLO2	

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>vận động theo nhạc</i>		được hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc.	CLO3 CLO4 CLO5	chức hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc cho người học; - Tổ chức cho người học tập dạy theo nhóm; - Dự giờ; - Tổ chức thảo luận; nhận xét, rút kinh nghiệm. * Người học: - Thiết kế, điều chỉnh hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc; - Làm đồ dùng cho HĐ tập dạy. - Tập dạy theo nhóm. - Nhận xét rút kinh nghiệm.
	* Đánh giá định kì bài 3 (thực hiện trong quá trình tập dạy tuần 14- 15)		Thiết kế và tổ chức được hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc.	CLO3 CLO4 CLO5	- Người học tập dạy theo kế hoạch đã được duyệt. - GV dự, nhận xét, điều chỉnh và chấm điểm theo phiếu chấm.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO5	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giảng viên giao. - Thống kê ngày nghỉ của người học.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	A2.1. Đánh giá kiến thức, kỹ năng về nghệ thuật múa cơ bản. (tuần 6)	30%		CLO1 CLO3 CLO5	Đánh giá kết quả bài kiểm tra chương 1.
		A2.2. Đánh giá kiến thức, kỹ năng về nghệ thuật biên đạo múa. (tuần 11)	40%		CLO2 CLO3 CLO5	Đánh giá kết quả bài kiểm tra chương 2.
		A2.3. Đánh giá kiến thức, kỹ năng về năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động dạy trẻ múa và vận động theo nhạc. (tuần 14- 15)	30%		CLO3 CLO4 CLO5	Đánh giá kết quả bài kiểm tra chương 3.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa. - Biên đạo động tác múa theo bài	30% 40%		CLO1 CLO3 CLO5 CLO2 CLO3	Thi thực hành, vấn đáp

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		hát. - Phương pháp dạy trẻ múa và vận động theo nhạc.	30%		CLO5 CLO3 CLO4 CLO5	

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 100\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1 của học phần.

- Hình thức: thực hành

* Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 2 của học phần.

- Hình thức: thực hành

* Bài kiểm tra định kì số 3

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 3 của học phần.

- Hình thức: thực hành

- Thời gian: ... phút

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Tổ hợp	1. Múa đúng động tác trong tổ hợp.	5.0
11	động tác múa cơ bản.	2. Động tác múa đúng giai điệu, nhịp điệu của bản nhạc.	2.0
		3. Thể hiện được thái độ, tình cảm, phong thái, dáng dấp, kỹ năng, kỹ xảo múa.	1.5
		4. Giao lưu, phối hợp với bạn múa.	1.5
Tổng điểm			10

Bảng 6b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì 1

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
2	Biên đạo bài múa trong chương trình MN.	1. Động tác đẹp, phù hợp với nội dung, tính chất, giai điệu, nhịp điệu của bài hát.	5.0
1		2. Sử dụng các đội hình, tuyến múa đa dạng phù hợp với nội dung bài múa.	2.0
		3. Thể hiện được thái độ, tình cảm, phong thái, dáng dấp, kỹ năng, kỹ xảo múa.	1.5
		4. Trang phục- đạo cụ đẹp, phù hợp với nội dung bài múa	1.5
Tổng điểm			10

Bảng 6c. Rubric đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ	Nhiệm vụ phân công của mỗi	Mỗi thành viên có nhiệm vụ	Nhiệm vụ của mỗi thành viên	Nhiệm vụ của các thành viên	20%

	của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch	Không có kế hoạch	Kế hoạch giáo dục	Kế hoạch giáo dục	Kế hoạch giáo dục	Kế hoạch giáo dục đầy	15%

giáo dục	giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ, nội dung không đúng.	không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: 1- 3

- Hình thức: vấn đáp - thực hành

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Các tổ hợp múa cơ bản	- Theo đáp án chấm: nội dung đủ ý, rõ ràng.	5.0
2	Biên đạo động tác múa cho bài hát nghe trong chương trình mầm non	- Theo đáp án chấm: nội dung đủ ý, rõ ràng.	5.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày.... tháng 7 năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

**Đặng
Rinh**

Quang Nguyễn Thị Hương

2.2.1. Về kiến thức

- CO 1: Có kiến thức cơ bản về đặc điểm, sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em, vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non;

- CO 2: Có kiến thức về mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, phương pháp, kế hoạch, hình thức tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO 3: Có các kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế giáo án, tổ chức và đánh giá các hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non;

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 4: Có năng lực cảm thụ nghệ thuật tạo hình phù hợp với trẻ mầm non, hình thành năng lực tự chủ và tự học, có sáng tạo; tình cảm trung thực và trách nhiệm với nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được đặc điểm, sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em, vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non.	CO1; CO2
CLO2	Phân tích được mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non; vận dụng được các phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá các hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.	CO2; CO 1 CO3
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh được các hoạt động tạo hình cho trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non.	CO3; CO2
CLO4	Cảm thụ được nghệ thuật tạo hình phù hợp với hoạt động tạo hình của trẻ mầm non, hình thành năng lực tự chủ và tự học, có sáng tạo; tình cảm trung thực và trách nhiệm với nghề nghiệp.	CO4; CO3

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I	R	I	R				I
CLO 2		I	I	I	I			R		I
CLO 3		R	R	R	R	R		R		R
CLO 4		R	I	I	I				R	I
CLO 5		R	R	R	R				R	R
Tổng hợp học phần		R	I	I	I	R		R	R	I

5. Học liệu**5.1. Giáo trình**

[1]. Lê Thanh Thủy, (2014), *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

[4]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.

[5]. Lê Thị Thu Hương (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi*, NXBGD.

[6]. Lê Thu Hương (chủ biên, 2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học trên lớp;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài tự luận.

7. Kế hoạch dạy học**Bảng 3. Kế hoạch dạy học**

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
1	(*) Giới thiệu học phần Chương 1. Đặc điểm về sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình ở trẻ em (4T) 1.1. Nguồn gốc và bản chất hoạt động tạo hình của trẻ em 1.2. Sơ lược về quá trình hình thành phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em 1.3. Một số đặc điểm cơ bản của hoạt động tạo hình ở tuổi mầm non 1.4. Đặc điểm ngôn ngữ tạo hình ở tuổi mầm non	3 LT 1 TL	- Mô tả được vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT. - Phân tích được nội dung học phần, các hình thức, trọng số, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; yêu cầu và phương pháp học tập. - Mô tả khái quát được các quan niệm cơ bản về nguồn gốc, bản chất và quá trình, phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em. - Mô tả, phân tích khái quát được đặc điểm, ngôn ngữ tạo hình ở tuổi mầm non.	CLO1 CLO2	GV giới thiệu học phần, các bài kiểm tra, nội quy quy định học. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. SV: - Nghe giảng, đọc tài liệu [1] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.
2	Chương 2. Vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em (3T) 2.1. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển trí tuệ, nhận thức	2 LT	- Phân tích được vai trò của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển trí tuệ, nhận thức; giáo dục tình cảm, đạo đức, kỹ năng giao tiếp xã	CLO 1 CLO 2 CLO 4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. SV:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.2. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc giáo dục tình cảm, đạo đức, kỹ năng giao tiếp xã hội 2.3. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ 2.4. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển thể chất của trẻ 2.5. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc chuẩn bị cho trẻ đi học ở trường phổ thông Thực hành: Chương 3. Mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (7T) 3.1. Mục đích của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	1TH 1 LT	hội; giáo dục thẩm mỹ cho trẻ; chuẩn bị cho trẻ đi học ở trường phổ thông - Phân tích khái quát được các đặc điểm chính. - Mô tả được mục đích, nhiệm vụ của việc tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non - Phân tích khái quát được các nội dung chính.		- Nghe giảng, đọc tài liệu [1] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.
3	3.2. Các nhiệm vụ của việc tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non 3.3. Nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non Thực hành:	1 LT 3 TH	- Mô tả được nhiệm vụ và những nội dung cơ bản hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non - Phân tích khái quát được các nội	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. SV: - Nghe

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Kiểm tra: ND chương 1-2-3		dung chính. - Vận dụng các nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.		giảng, đọc tài liệu [1]; [2] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; * GV: Giao bài tập, chấm bài tập * NH: Làm và nộp bài tập
4	Thực hành: Chương 4. Phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (8T) <i>4.1. Các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</i>	2TH 2 LT	Mô tả được các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	- Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. SV: - Nghe giảng, đọc tài liệu [1]; [2] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.
5	<i>4.2. Các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình</i> <i>4.2. Các hình thức tổ</i>	2LT 2TH	- Mô tả được các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm	CLO 3 CLO 2 CLO 4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>chức hoạt động tạo hình (tiếp)</i> Thực hành:		non. - Phân tích khái quát được các nội dung chính. - Phân loại các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. - Mô tả cách lập kế hoạch cho chương trình hoạt động tạo hình, tổ chức giờ hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.		dạy học; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. SV: - Nghe giảng, đọc tài liệu [1]; [2] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.
6	Thực hành: Chương 5. Một số yêu cầu về lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (6T) 5.1. Lập kế hoạch cho chương trình hoạt động tạo hình 5.2. Tổ chức giờ hoạt động tạo hình 5.3. Tổ chức môi trường cho hoạt động tạo hình 5.4. Đánh giá hoạt động tạo hình 5.4.1. Quan sát, theo dõi giờ hoạt động tạo hình 5.4.2. Lập bản phân tích,	2TH 2LT	- Phân loại các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. - Mô tả cách lập kế hoạch cho chương trình hoạt động tạo hình, tổ chức giờ hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. Mô tả cách tổ chức môi trường cho hoạt động tạo hình, đánh giá hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. - Lập được bản	CLO 3 CLO 2 CLO 4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. SV: - Nghe giảng, đọc tài liệu [1]; [2]; [3-4-5] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	nhận xét hoạt động		phân tích, nhận xét hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. Phân tích khái quát được các nội dung chính.		cần thiết.
7	Thực hành Bài kiểm tra 2: Nội dung chương 4-5	4TH	Vận dụng được các PP, hình thức, nội dung đề lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.	CLO 3 CLO 2 CLO 4	* GV: Giao bài tập, chấm bài tập * NH: Làm và nộp bài tập
8	Chương 6. Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non 6.1. Tổ chức hoạt động tạo hình vẽ cho trẻ mầm non 6.1.1. Nội dung giáo dục của hoạt động tạo hình vẽ 6.1.2. Điều kiện vật chất cho hoạt động tạo hình vẽ 6.1.3. Tổ chức hoạt động tạo hình vẽ 6.1.4. Các dạng giáo án tham khảo 6.1.5. Thực hành	2 LT 2TH	Phân tích được nội dung, yêu cầu, cơ sở vật chất, giáo án, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình vẽ cho trẻ mầm non. -Phân tích khái quát được các nội dung chính. - Thiết kế được giáo án, đồ dùng dạy học hoạt động vẽ cho trẻ mầm non.	CLO 3 CLO 2 CLO 4	- GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV: Quan sát, tìm hiểu, nhận xét. - GV trao đổi, phân tích, kết luận - GV: Giới thiệu, đặt câu hỏi, bài tập nêu yêu cầu. -SV: Quan sát, tìm hiểu thảo luận nhóm -SV trình bày, nhận xét. - GV trao đổi, phân

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					tích, kết luận
9	6.1.5. Thực hành (tiếp) Tập giảng tạo hình vẽ	4 TH	-Tập giảng tiết dạy tạo hình vẽ. - Nhận xét, đánh giá được được ưu, nhược điểm của tiết tập giảng. - Có kỹ năng làm việc cá nhân và nhóm. - Nhận xét, đánh giá được được ưu, nhược điểm của tiết tập giảng.	CLO 2 CLO 3 CLO 4	-GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV tập giảng -SV thảo luận nhóm -SV trình bày - GV trao đổi, phân tích, kết luận.
10	6.2. Tổ chức hoạt động nặn cho trẻ mầm non 6.2.1. Nội dung giáo dục 6.2.2. Điều kiện vật chất 6.2.3. Tổ chức hoạt động 6.2.4. Các dạng giáo án tham khảo 6.2.5. Thực hành Tập giảng hoạt động tạo hình nặn.	1 LT 3 TH	-Mô tả nội dung, yêu cầu, cơ sở vật chất, giáo án, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình nặn cho trẻ mầm non. -Phân tích khái quát được các nội dung chính.		-GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV thảo luận nhóm -SV trình bày, nhận xét - GV trao đổi, phân tích, kết luận.
9	6.2.5. Thực hành Tập giảng hoạt động tạo hình nặn. 6.3. Tổ chức hoạt động xếp dán tranh cho trẻ mầm non 6.3.1. Nội dung giáo dục 6.3.2. Điều kiện vật chất 6.3.3. Tổ chức hoạt động	3 TH 1LT	- Thiết kế được giáo án, đồ dùng dạy học hoạt động tạo hình vẽ - Tập giảng hoạt động tạo hình vẽ - Nhận xét, đánh giá được được ưu, nhược điểm của	CLO 3 CLO 2 CLO 4	-GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV tập giảng -SV thảo luận nhóm -SV trình bày, nhận xét

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			tiết tập giảng		- GV theo dõi, hỗ trợ.
10	6.3.4. Các dạng giáo án tham khảo 6.3.5. Thực hành soạn giáo án, làm đồ dùng, tập giảng Thực hành soạn giáo án, làm đồ dùng, tập giảng hoạt động tạo hình xếp dán tranh.	4 TH	- Tập giảng hoạt động tạo hình vẽ - Nhận xét, đánh giá được được ưu, nhược điểm của tiết tập giảng - Phân tích khái quát được các nội dung chính. - Thiết kế được giáo án hoạt động xếp dán tranh cho trẻ mầm non.	CLO 3 CLO 2 CLO 4	-GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV tập giảng -SV thảo luận nhóm -SV trình bày, nhận xét - GV trao đổi, phân tích, kết luận GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV thảo luận nhóm -SV trình bày - GV trao đổi, phân tích, kết luận
11	6.1.5. Thực hành soạn giáo án, làm đồ dùng, tập giảng (tiếp) 6.4. Tổ chức hoạt động chấp ghép cho trẻ mầm non 6.3.1. Nội dung giáo dục 6.3.2. Điều kiện vật chất 6.3.3. Tổ chức hoạt động	3TH 1 LT	- Mô tả nội dung, yêu cầu, cơ sở vật chất, giáo án, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình xếp dán tranh cho trẻ mầm non.	CLO 3 CLO 2 CLO 4	-GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV tập giảng -SV thảo luận nhóm -SV trình bày, nhận xét - GV trao đổi, phân tích, kết luận GV: Giới

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					thiệu, nêu yêu cầu. -SV thảo luận nhóm -SV trình bày - GV trao đổi, phân tích, kết luận
12	6.4. Tổ chức hoạt động chấp ghép cho trẻ mầm non 6.3.1. Nội dung giáo dục 6.3.2. Điều kiện vật chất 6.3.3. Tổ chức hoạt động 6.4.5. Thực hành tập giảng (tiếp)	1 LT 4 TH	-Mô tả nội dung, yêu cầu, cơ sở vật chất, giáo án, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình chấp ghép cho trẻ mầm non. - Thiết kế được giáo án hoạt động chấp ghép - Tập giảng hoạt động tạo hình xếp dán tranh. - Nhận xét, đánh giá được được ưu, nhược điểm của tiết tập giảng	CLO 3 CLO 2 CLO 4	-GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV tập giảng -SV thảo luận nhóm, nhận xét, rút kinh nghiệm -SV trình bày, nhận xét - GV trao đổi, phân tích, kết luận -GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV theo dõi, nhận xét -GV trao đổi, phân tích, kết luận
13	6.4.5. Thực hành tập giảng (tiếp)	4 TH	-Phân tích khái quát được các nội dung chính. - Thiết kế được giáo án hoạt động chấp ghép cho trẻ	CLO 3 CLO 2 CLO 4	-GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV thảo luận nhóm -SV trình

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			mầm non. - Tập giảng hoạt động tạo hình chấp ghép - Nhận xét, đánh giá được được ưu, nhược điểm của tiết tập giảng		bày, nhận xét -GV trao đổi, phân tích, kết luận
14	Chương 6) 6.5. Tổ chức cho trẻ làm quen với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình <i>6.5.1. Các tác phẩm nghệ thuật tạo hình và việc giáo dục trẻ mầm non</i> <i>6.5.2. Một số yêu cầu về việc cho trẻ làm quen với nghệ thuật tạo hình</i> Thực hành: Phân tích 1 số TPNT	2LT 2TH	- Mô tả được nội dung, hình thức, của một số tác phẩm nghệ thuật tạo hình và việc giáo dục trẻ mầm non - Mô tả yêu cầu về việc cho trẻ làm quen với nghệ thuật tạo hình tạo hình vẽ cho trẻ mầm non. -Phân tích khái quát được các nội dung chính. -Trình bày được các nội dung chính của học phần	CLO 3 CLO 2 CLO 4	-GV: Giới thiệu, nêu yêu cầu. -SV xem tranh, trình bày, nhận xét - GV trao đổi, phân tích, kết luận. GV: Giới thiệu, phân tích -SV theo dõi quan sát, thảo luận, nhận xét - GV trao đổi, phân tích, kết luận - GV trao đổi, phân tích, kết luận -SV theo dõi, tiếp thu
15	Thực hành: Làm 1 số sp tạo hình Ôn tập	4 TH			
	* Kiểm tra bài số 3		Thiết kế được		- SV tập

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Chăm nội dung thực hành: Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non		giáo án, đồ dùng dạy học hoạt động tạo hình. - Tập giảng hoạt động tạo hình. - Nhận xét, đánh giá được được ưu, nhược điểm của tiết tập giảng.	CLO 3 CLO 2 CLO 4	giảng, nhận xét, rút kinh nghiệm -GV trao đổi, phân tích, kết luận, chăm.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO 5	- Theo dõi ý thức học tập của SV, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày học của SV.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra 1: Nội dung chương 1,2, 3	30%	x	CLO 1 CLO2	Đánh giá bài tập chương 1,2,3
		Bài kiểm tra 2: Nội dung chương 4,5	30%	x	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Đánh giá bài tập chương 4,5
		Bài kiểm tra 3:	40%	x	CLO 2	

		Nội dung chương 6			CLO 3 CLO 4 CLO 5	Đánh giá thực hành chương 6
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	1. Một số đặc điểm cơ bản của hoạt động tạo hình ở tuổi mầm non 2. Vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em 3. Mục đích, và nội dung của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non 4. Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình 5. Thiết kế giáo án một thể loại tạo hình	15% 15% 20% 20% 3x0%	x	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	SV thi vấn đáp. GV chấm điểm theo biểu điểm

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%

Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra định kỳ số 1, số 2

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1,2,3,4,5

- Hình thức: Bài tập

Bảng 6. Rubric Đánh giá bài tập (Work Assignment)

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%

Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

* Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: chương 6

Hình thức: Đánh giá thực hành

Bảng 7. Rubric đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả	

	cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%

	hợp.	tự.				
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 8. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Một số đặc điểm cơ bản của hoạt động tạo hình ở tuổi mầm non	-Mô tả, phân tích được đặc điểm cơ bản của hoạt động tạo hình ở tuổi mầm non. - Có liên hệ, vận dụng.	1.5
2	Vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em	-Mô tả, phân tích được nội dung giáo dục của chương trình hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. -Có liên hệ, vận dụng.	1.5
3	Mục đích, và nội dung của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	-Mô tả, phân tích được những mục đích và nội dung của hoạt động tạo hình của trẻ mầm non. -Có liên hệ, vận dụng.	2.0
4	Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình	-Mô tả, phân tích được các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. -Có liên hệ, vận dụng.	2.0
5	Thiết kế giáo án một thể loại tạo hình	-Thiết kế hoàn thiện giáo án một thể loại tạo hình cho trẻ mầm non. -Có liên hệ, vận dụng.	3.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng**Trưởng khoa****Trưởng bộ môn****Người biên soạn****Vũ Vương Trưởng Đặng Quang Rinh Lê Hải Thanh**

2.5.42. Tổ chức hoạt động Âm nhạc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về HP

1.1. Mã học phần:	SP620027
1.2. Tên học phần:	Tổ chức hoạt động Âm nhạc
1.3. Tên tiếng Anh:	Organize music activities
1.4. Số tín chỉ:	03 (2TL + 1TH)
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	25 tiết
- Thực hành	35 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths Liễu Quỳnh Như
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Phạm Trung Kiên Ths. Vũ Mạnh Hùng
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Âm nhạc cơ bản
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu HP**2.1. Mục tiêu chung**

Người học có các kiến thức chung về lý thuyết âm nhạc, xướng âm, hát; Có kỹ năng thiết kế tiết học âm nhạc, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục âm nhạc chủ động, linh hoạt, sáng tạo.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức:**

- CO1: Có kiến thức cơ bản về giáo dục âm nhạc trong các cơ sở giáo dục mầm non.
- CO2: Có kiến thức cơ bản về tổ chức các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng:

- CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở Giáo dục mầm non.
- CO4: Có kỹ năng xử lý tình huống trong tổ chức các hoạt động âm nhạc.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có trách nhiệm, chủ động, linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc ở các cơ sở Giáo dục Mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Tổ chức hoạt động âm nhạc” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về giáo dục âm nhạc trong các cơ sở giáo dục mầm non.	CO1
CLO2	Vận dụng nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ tại các cơ sở Giáo dục mầm non.	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở Giáo dục mầm non mầm non.	CO3, CO4
CLO4	Xử lý được các tình huống trong quá trình tổ chức các hoạt động âm nhạc.	CO4
CLO5	Tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hợp tác, chia sẻ, kiên trì trong tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ tại các cơ sở Giáo dục mầm non.	CO5

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	R							I
CLO 2		R	M			M			I	I
CLO 3		R	R	R	M				I	I
CLO 4		I	M		M	R			I	I
CLO5		I	R						I	R
Tổng hợp học phần		R	R	R	M	R			I	I

5. Học liệu:

5.1. Giáo trình chính thức:

[1]. Hoàng Long – Hoàng Lân (2016), *Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[2]. Lê Anh Tuấn (2012), *Thiết kế bài giảng âm nhạc 1* Nhà xuất bản Hà Nội.

[2]. Lê Anh Tuấn (2013), *Thiết kế bài giảng âm nhạc 2* Nhà xuất bản Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Hà Thị Hoa (2014), *Nhập môn Âm nhạc cổ truyền*, Nhà xuất bản Âm nhạc.

[2]. Lê Anh Tuấn (2012), *Thiết kế bài giảng âm nhạc 3*, Nhà xuất bản Hà Nội.

[3]. Lê Anh Tuấn (2012), *Thiết kế bài giảng âm nhạc 4*, Nhà xuất bản Hà Nội.

[4]. Lê Anh Tuấn (2012), *Thiết kế bài giảng âm nhạc 5*, Nhà xuất bản Hà Nội.

[5] Vũ Mạnh Hùng (2020), *Phương pháp giảng dạy âm nhạc ở tiểu học* - Đại học Hạ Long.

[6]. Phạm Tú Hương (2004), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2004.

[7]. Nông Thị Ninh - Hồng Thao (2012), *Âm nhạc dân gian một số dân tộc thiểu số phía Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc.

[8]. Phạm Thanh Vân - Nguyễn Hoàng Thông (2011), *Giáo trình Đọc – Ghi nhạc tập 1*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[9]. Nhiều tác giả (2011), *70 ca khúc thường dùng trong sinh hoạt Đoàn - Hội - Đội*, Nhà xuất bản Văn hoá thông tin.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp:
- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 15 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: Thi thực hành vấn đáp.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần/ (3 tiết/ buổi)	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy – học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	CHƯƠNG I: Một số vấn đề về giáo dục âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non. 1.1. Ý nghĩa của Âm nhạc đối với sự phát triển toàn diện nhân cách trẻ 1.1.1. Âm nhạc là một loại hình nghệ thuật 1.1.2. Âm nhạc là phương tiện giao dục thẩm mỹ 1.1.3. Âm nhạc là phương tiện hình thành phẩm chất đạo đức ở trẻ 1.1.4. Âm nhạc là phương tiện thúc đẩy sự phát triển trí tuệ 1.1.5. Âm nhạc là phương tiện góp phần phát triển thể chất 1.2. Đặc điểm và khả năng Âm nhạc của trẻ theo nhóm từng nhóm tuổi 1.2.1. Nhóm trẻ từ 1 tháng đến 12 tháng tuổi 1.2.2. Nhóm trẻ từ 2 - 3 tuổi 1.2.3. Nhóm trẻ từ 3 - 4 tuổi 1.2.4. Nhóm trẻ từ 4 - 5 tuổi 1.2.5. Nhóm trẻ từ 5 - 6	4LT	- Trình bày được được ý nghĩa của âm nhạc đối với sự phát triển toàn diện nhân cách trẻ - Trình bày được đặc điểm và khả năng âm nhạc của trẻ - Trình bày được đặc điểm và khả năng âm nhạc của trẻ - Trình bày được đặc	CLO 1, CLO 5	- NH nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học. - NH nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.

Tuần/ (3 tiết/ buổi)	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>tuổi</i> 1.3. Mục đích và nhiệm vụ giáo dục Âm nhạc <i>1.3.1. Các khái niệm cơ bản</i> <i>1.3.2. Mục đích của giáo dục Âm nhạc</i> <i>1.3.3. Nhiệm vụ giáo dục Âm nhạc</i>		điểm và khả năng âm nhạc của trẻ - Trình bày được mục đích và nhiệm vụ âm nhạc		
2	CHƯƠNG II: Tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường Mầm non 2.1. Phương pháp dạy các hoạt động Âm nhạc <i>2.1.1. Ca hát (các bước tiến hành dạy trẻ hát)</i> <i>2.1.2. Nghe nhạc (các bước tiến hành dạy trẻ nghe nhạc)</i> <i>2.1.3. Trò chơi Âm nhạc. (tổ chức cho trẻ chơi trò chơi)</i>	4 LT	- Vận dụng các bước tiến hành dạy trẻ hát - Phân tích và so sánh được sự giống và khác nhau của dạy hát và dạy nghe nhạc - Vận dụng được các bước tiến hành dạy trẻ nghe nhạc - Vận dụng được các loại trò chơi ở nhà trẻ và mẫu giáo	CLO 1, CLO 2, CLO 5	Giảng bài kết hợp trình chiếu slide bài giảng - Nghiên cứu tài liệu [2]; - Nghe giảng, chi chép bài đầy đủ; - Làm bài tập trong tài liệu [2]
3	2.2. Các hình thức tổ chức hoạt động Âm nhạc trong trường Mầm Non <i>2.2.1. Dạy các hoạt động Âm nhạc trong từng loại</i>	4 LT	Vận dụng được các hoạt	CLO 1, CLO 2, CLO	- NH đọc tài liệu và chuẩn bị bài - GV đặt câu hỏi

Tuần/ (3 tiết/ buổi)	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>tiết</i> 2.2.2. Hoạt động Âm nhạc trong đời sống hàng ngày của trẻ ở trường Mầm non Thực hành– Kiểm tra		động âm nhạc trong từng loại tiết	5	- GV chốt vấn đề thông qua giải thích và trình chiếu nội dung. - GV tổ chức cho sinh viên thực hành - GV tổ chức cho sinh viên nhận xét, đánh giá
4	2.2.3. Hoạt động Âm nhạc trong ngày lễ, hội 2.3. Thực hành soạn giáo án và tập giảng 2.3.1. Soạn giáo án và tập dạy 2.3.2. Soạn giáo án và tập dạy tiết hoàn thiện. Dự giờ mẫu	4 LT	- Trình bày được tầm quan trọng của âm nhạc đối với các ngày lễ hội. - Thực hiện được các bước tiến hành dạy các loại tiết âm nhạc - Thiết kế và tổ chức được các loại tiết âm nhạc trong trường Mầm non. - Tập giảng cá nhân và nhóm.	CLO 1, CLO 2, CLO 5	- NH đọc tài liệu - GV giảng bài kết hợp trình chiếu slide bài giảng - GV đặt câu hỏi cho NH. - GV Tổ chức cho sinh viên thực hành - GV Tổ chức cho sinh viên nhận xét, đánh giá - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành - Đặt câu hỏi cho NH - Hướng dẫn cho NH các bước soạn giáo

Tuần/ (3 tiết/ buổi)	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy – học
					án và các loại tiết âm nhạc
5	2.3.4. Soạn giáo án và tập dạy tiết hoàn thiện. Dự giờ mẫu (tiếp) Ôn tập – Kiểm tra	2TH 2LT	Soạn giáo án và thực hiện dạy được tiết học âm nhạc	CLO 1, CLO 2, CLO 5	- Tổ chức cho sinh viên thảo luận nhóm và tập giảng trên lớp - Tổ chức cho sinh viên nhận xét, đánh giá - GV chính xác hóa nội dung tiết dạy - Đặt câu hỏi nhận xét đánh giá tiết dạy cho NH
6	CHƯƠNG III Học hát các bài hát trong trường mầm non 3.1. Một số vấn đề chung về ca hát 3.1.1. Tư thế ca hát 3.1.2. Hơi thở trong ca hát. 3.1.3. Giới thiệu kỹ thuật hát liền tiếng, nảy tiếng, ngắt tiếng, hát nhanh 3.1.4. Luyện thanh với các mẫu âm trong quãng 3, quãng 5, quãng 6 3.1.5. Đặc điểm giọng hát lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo, chế độ luyện tập.	4LH	- Thực hiện được tư thế khi hát; sử dụng và điều khiển hơi thở khi hát; nắm được và biết cách luyện thanh khi ca hát.	CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5	- NH đọc tài liệu - GV giảng bài kết hợp trình chiếu slide bài giảng - GV đặt câu hỏi cho NH. - GV Tổ chức cho sinh viên thực hành - GV Tổ chức cho sinh viên nhận xét, đánh giá - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành - Đặt câu hỏi

Tuần/ (3 tiết/ buổi)	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy – học
					cho NH - Hướng dẫn cho NH các bước soạn giáo án và các loại tiết âm nhạc
7	3.2. Một số bài hát tiêu biểu cho các tính chất âm nhạc	4TH	- Thực hiện được cách đọc và các bước đọc bài xướng âm. - Thực hiện được cách ghép lời bài hát và các thể hiện bài hát theo tính chất âm nhạc	<i>CLO</i> 2, <i>CLO</i> 3, <i>CLO</i> 4, <i>CLO</i> 5	- Hướng dẫn NH đọc xướng âm và hát. Cho NH tập thể hiện và biểu diễn một số bài bài hát
8	3.2. Một số bài hát tiêu biểu cho các tính chất âm nhạc(tiếp)	4TH	- Thực hiện được cách đọc và các bước đọc bài xướng âm. - Thực hiện được cách ghép lời bài hát và các thể hiện bài hát theo tính chất âm nhạc	<i>CLO</i> 2, <i>CLO</i> 3, <i>CLO</i> 4, <i>CLO</i> 5	- Hướng dẫn NH đọc xướng âm và hát. Cho NH tập thể hiện và biểu diễn một số bài bài hát - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - NH chuẩn bị nội dung ôn tập theo sự hướng dẫn của GV.
9	3.3. Luyện tập hát ru và dân ca	4TH	- Thực hiện được cách đọc và các	<i>CLO</i> 2, <i>CLO</i>	- Hướng dẫn NH đọc xướng âm và hát. Cho

Tuần/ (3 tiết/ buổi)	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			bước đọc bài xướng âm. - Thực hiện được cách ghép lời bài hát và các thể hiện bài hát theo tính chất âm nhạc	3, CLO 4, CLO 5	NH tập thể hiện và biểu diễn một số bài bài hát - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - NH chuẩn bị nội dung ôn tập theo sự hướng dẫn của GV.
10	3.3. Luyện tập hát ru và dân ca(tiếp)	4TH	- Thực hiện được cách đọc và các bước đọc bài xướng âm. Cách ghép lời bài hát và các thể hiện bài hát theo tính chất âm nhạc	CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5	- Hướng dẫn NH đọc xướng âm và hát. Cho NH tập thể hiện và biểu diễn một số bài bài hát - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - NH chuẩn bị nội dung ôn tập theo sự hướng dẫn của GV.
11	3.3. Luyện tập hát ru và dân ca(tiếp) 3.4. Luyện tập bài vận động theo nhạc	4 TH	- Thực hiện được cách đọc và các bước đọc bài xướng âm. - Thực hiện được cách	CLO 2, CLO 3, CLO	- Hướng dẫn NH đọc xướng âm và hát. Cho NH tập thể hiện và biểu diễn một số bài bài hát

Tuần/ (3 tiết/ buổi)	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			ghép lời bài hát và các thể hiện bài hát theo tính chất âm nhạc	4, <i>CLO</i> 5	- GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - NH chuẩn bị nội dung ôn tập theo sự hướng dẫn của GV.
12	3.4. Luyện tập bài vận động theo nhạc (tiếp)	4 TH	- Thực hiện được cách đọc và các bước đọc bài xướng âm. - Thực hiện được cách ghép lời bài hát và các thể hiện bài hát theo tính chất âm nhạc - Thực hiện được các động tác phù hợp với nội dung và tính chất bài hát.	<i>CLO</i> 2, <i>CLO</i> 3, <i>CLO</i> 4, <i>CLO</i> 5	- Hướng dẫn NH đọc xướng âm và hát. Cho NH tập thể hiện và biểu diễn một số bài bài hát - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - NH chuẩn bị nội dung ôn tập theo sự hướng dẫn của GV.
13	3.4. Luyện tập bài vận động theo nhạc (tiếp)	4TH	- Thực hiện được cách đọc và các bước đọc bài xướng âm. - Thực hiện được cách ghép lời bài hát và các thể hiện bài hát	<i>CLO</i> 2, <i>CLO</i> 3, <i>CLO</i> 4, <i>CLO</i> 5	- Hướng dẫn NH đọc xướng âm và hát. Cho NH tập thể hiện và biểu diễn một số bài bài hát - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành.

Tuần/ (3 tiết/ buổi)	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			theo tính chất âm nhạc - Thực hiện được các động tác phù hợp với nội dung và tính chất bài hát.		- NH chuẩn bị nội dung ôn tập theo sự hướng dẫn của GV.
14	3.4. Luyện tập bài vận động theo nhạc (tiếp)	4 TH	- Thực hiện được cách đọc và các bước đọc bài xướng âm. - Thực hiện được cách ghép lời bài hát và các thể hiện bài hát theo tính chất âm nhạc - Thực hiện được các động tác phù hợp với nội dung và tính chất bài hát.	CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5	- Hướng dẫn NH đọc xướng âm và hát. Cho NH tập thể hiện và biểu diễn một số bài bài hát - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - NH chuẩn bị nội dung ôn tập theo sự hướng dẫn của GV.
15	3.4. Luyện tập bài vận động theo nhạc (tiếp) Kiểm tra	2TH 2TH	- Thực hiện được cách đọc và các bước đọc bài xướng âm. Cách ghép lời bài hát và các thể hiện bài hát theo tính chất âm nhạc	CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5	- Giảng bài - Đặt câu hỏi cho NH. - Tổ chức cho NH làm bài kiểm tra

Tuần/ (3 tiết/ buổi)	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			- Thực hiện được các động tác phù hợp với nội dung và tính chất bài hát.		

8. Đánh giá HP

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến	10%	X	CLO 5	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Những vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non	30%	X	CLO 1 CLO 5	Theo rubric (bảng 6.1)
		Thiết kế và tổ chức các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở giáo dục Mầm non.	60%	X	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Theo rubric (bảng 6.2)

A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	- Lý thuyết - Tổ chức hoạt động âm nhạc - Xướng âm và hát	20% 50% 30%	X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Theo rubric (bảng 7)

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5 .Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

8.2.2. Kiểm tra định kỳ:

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Những vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non; Thiết kế hoạt động học của tổ chức hoạt động âm nhạc
- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non	Theo đáp án: - Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng - Có liên hệ với thực tiễn	3
2	Thiết kế hoạt động học của tổ chức hoạt động âm nhạc	Theo đáp án: - Xác định tên hoạt động. - Xác định đúng mục đích yêu cầu. - Xác định nội dung chuẩn bị. - Thiết kế kịch bản: + Mở chủ đề + Nội dung trọng tâm + Nội dung kết hợp - Trình bày rõ ràng, sạch đẹp.	1 1 1 5

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Đọc xướng âm; Hát một bài hát trong chương trình
- Hình thức: Thực hành

Bảng 6.2. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Đọc xướng âm	- Đọc đúng tên nốt nhạc - Đọc đúng cao độ nốt nhạc - Gõ phách, tiết tấu chính xác - Chính xác các trường độ của câu nhạc, nốt nhạc - Đọc to, rõ ràng - Đọc đúng sắc thái, tính chất của tác phẩm	0,5 0,5 1 1 1 1
2	Hát một bài hát trong chương trình	- Hát đúng cao độ - Hát đúng trường độ - Hát đúng sắc thái bài hát - Hát đúng tính chất bài hát - Có vận động phụ họa theo bài hát	1 1 1 1 1

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Những vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non; Tổ chức hoạt động âm nhạc; Xướng âm và hát những bài hát trong chương trình giáo dục mầm non

- Hình thức: Thực hành

Bảng 8. Tiêu chí đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non	Theo đáp án: - Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng - Có liên hệ với thực tiễn	10% 10%
2	Tổ chức hoạt động âm nhạc	Theo đáp án: - Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng - Có liên hệ với thực tiễn	50%
3	Xướng âm và hát những bài hát trong chương trình giáo dục mầm non.	- Đọc đúng tên nốt nhạc, chính xác cao độ, tiết tấu, các trường độ của câu nhạc, nốt nhạc, đọc to, rõ ràng, đọc đúng sắc thái, tính chất của tác phẩm. - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái bài hát, tính chất bài hát, có vận động phụ họa theo bài hát.	20% 10%

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Quý Kim

Liều Quỳnh Như

2.5.43. Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ (3 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620028
1.2. Tên học phần:	Tổ chức hoạt động giáo dục Thể chất cho trẻ
1.3. Tên tiếng Anh:	Organizing physical education to kids
1.4. Số tín chỉ:	3 (2 lí thuyết + 1 thực hành)
1.5. Phân bố thời gian	Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Đào Thị Vương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Minh Huệ
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản về Tổ chức các hoạt động giáo dục Thể chất cho trẻ ở trường mầm non. Có các kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh linh hoạt, sáng tạo các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại cơ sở GDMN.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức chung về hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

- CO2: Có kiến thức cơ bản về thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

- CO4: Có kỹ năng xử lý tình huống trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu. Có trách nhiệm, ý thức trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần Tổ chức hoạt động giáo dục Thể chất cho trẻ (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được những kiến thức về sự phát triển thể chất, tác dụng của các bài tập đối với sự phát triển thể chất của trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức về cấu trúc, mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO1, CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh được các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO2, CO3
CLO4	Giải quyết được các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO4
CLO5	Tích cực chủ động, linh hoạt, hợp tác, chia sẻ trong việc tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I,R,M,A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I							I
CLO 2		I	I						I	I
CLO 3		R	R	R	R	R			I	R
CLO 4		R	R	R	R	R			R	R
CLO 5		R	R	R	R	R			R	R
Tổng hợp học phần		R	R	R	R	R				I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Đặng Hồng Phương (2012), *Giáo trình lý luận và phương pháp GDTC cho trẻ Mầm non*, NXB Đại học Sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Đào Thị Vương, Phùng Đức Hùng (2012), *Phương pháp giáo thể chất cho trẻ mầm non*, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Hạ Long.

[3]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.

[4]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3-4 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[5]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 4-5 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[6]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 5 - 6 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[7]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 giờ/buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài (vấn đáp)

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần Chương 1. Những vấn đề chung về tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm	4LT	Mô tả được vị trí, vai trò của học phần (HP) trong chương trình đào tạo -Trình bày được một	CLO1	*GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH nghiên cứu tài liệu 1.1: tr9-tr16; 1.2: tr67-tr71; 1.3: tr73-95; 1.4: tr96 –

non. 1. Một số khái niệm cơ bản trong lý luận giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 1.1. Phát triển thể chất 1.2. Giáo dục thể chất 1.3. Hoàn thiện thể chất 2. Cơ sở khoa học của lý luận giáo dục thể chất cho trẻ mầm non và mối quan hệ của nó với các môn khoa học khác. 3. Đặc điểm phát triển thể chất cho trẻ tuổi MN 3.1. Đặc điểm phát triển cơ thể của trẻ lứa tuổi mầm non 3.2. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ mầm non 4. Mục đích, nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 4.1 Mục đích giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 4.2. Nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 5. Các phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 5.1. Phương tiện vệ sinh 5.1.1. Chế độ vệ sinh trong tập luyện cho trẻ	số khái niệm cơ bản trong giáo dục thể chất. -Xác định được cơ sở khoa học lý luận giáo dục thể chất cho trẻ mầm non và mối quan hệ của nó với các môn khoa học khác. - Trình bày được đặc điểm phát triển thể chất của trẻ. - Trình bày được mục đích giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. - Xác định được các nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non - Mô tả được phương tiện vệ sinh trong GDTC cho trẻ tuổi mầm non. - Xác định được chế độ vệ sinh trong tập luyện cho trẻ mầm non - Trình bày được vệ sinh thiết bị, dụng cụ thể dục trong tập luyện cho trẻ mầm non - Vận dụng được phương tiện thiên	tr107; 1.5: tr388 – tr410. * GV: - Giới thiệu HP - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ cho học tập NH; - Tổ chức cho NH TL; báo cáo kết quả tự học; * NH: - Phản hồi tích cực; - HD nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết. + Giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu về bài tập ĐHDN cho trẻ MN, tài liệu:tr143-tr158

	mầm non 5.1.2. Vệ sinh thiết bị, dụng cụ thể dục 5.2. Phương tiện thiên nhiên (ánh sáng, không khí, nước)		nhiên (ánh sáng, không khí, nước) trong tập luyện cho trẻ mầm non		
2	Chương 2. Nội dung các bài tập giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 1. Bài tập thể dục 1.1. Khái niệm 1.2. Ý nghĩa 1.3. Phân loại 2. Bài tập đội hình đội ngũ cho trẻ mầm non 2.1. Khái niệm 2.2. Ý nghĩa 2.3. Phân loại 2.4. Nội dung các bài tập ĐHDN cho trẻ MN	4TH	- Phân tích và thực hiện được Bài tập đội hình đội ngũ cho trẻ mầm non	CLO 2	*GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH N/c tài liệu: tr143-tr158; -GV: Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: Chia nhóm NH: Tập các bài tập ĐHDN + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - SV: Thực hiện nhiệm vụ GV giao, hướng dẫn trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu về bài tập BTPTC cho trẻ MN và các BTPTC từ 3 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi N/c tài liệu: tr158-tr168

3	3. Bài tập phát triển chung 3.1. Khái niệm 2.2. Ý nghĩa 3.3. Phân loại 3.4. Nguyên tắc lựa chọn BTPC 3.5. Nội dung các bài tập PTC cho trẻ mầm non (từ 3 tháng tuổi đến 24 tháng tuổi)	4TH	- Phân tích và thực hiện được Bài tập phát triển chung cho trẻ mầm non độ tuổi 3 tháng – 24 tháng tuổi	CLO 2	*GV:giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH N/c tài liệu:tr158-tr168; -GV:Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: Chia nhóm NH: Tập các BTPTC Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - SV: Thực hiện nhiệm vụ GV giao, hướng dẫn trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu về bài tập BTPC cho trẻ từ 3 tuổi đến 6 tuổi N/c tài liệu: tr168-tr173
4	3.5. Nội dung các bài tập PTC cho trẻ mầm non (từ 3 tuổi đến 6 tuổi)	4TH	- Phân tích và thực hiện được Bài tập phát triển chung cho trẻ mầm non từ 3 tuổi – 6 tuổi	CLO 2	GV:giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH N/c tài liệu:tr168-tr173; -GV:Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ:

					Chia nhóm NH: Tập các BTPTC + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - SV: Thực hiện nhiệm vụ GV giao, hướng dẫn trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu về bài tập VĐCB cho trẻ MN N/c tài liệu: tr173- tr197
5	4. Bài tập vận động cơ bản 4.1. Khái niệm 4.2. Ý nghĩa 4.3. Phân loại 4.4. Nội dung các bài tập vận động cơ bản cho trẻ mầm non 4.4.1. Bài tập VĐ đi, chạy, thăng bằng 4.4.2. Các bài tập vận động nhảy – bật	4TH	- Phân tích và thực hiện được Bài tập vận động cơ bản cho trẻ mầm non	CLO 2	GV:giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH N/c tài liệu:tr173-tr197; -GV:Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: Chia nhóm NH: Tập các bài tập VĐCB + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - SV: Thực hiện nhiệm vụ, GV hướng dẫn trước lớp, nhận xét,

					trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.
6	4.4.3. Các bài tập VĐ ném, chuyền, bắt 4.4.4. Các bài tập VĐ bò, trườn, trèo	4TH	- Phân tích và thực hiện được Bài tập vận động cơ bản cho trẻ mầm non	CLO 2	GV:giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH N/c tài liệu:tr173-tr197; -GV:Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: Chia nhóm NH: Tập các bài tập VĐCB + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - SV: Thực hiện nhiệm vụ GV giao nv, hướng dẫn trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu về bài tập TCVĐ cho trẻ MN N/c tài liệu: tr197 - tr211
7	5. Trò chơi vận động 5.1. Khái niệm 5.2. Ý nghĩa 5.3. Phân loại 5.4. Nội dung TCVĐ	4TH	- Phân tích và thực hiện được các bước tổ chức trò chơi vận động cho trẻ mầm non	CLO 2	.GV:giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH N/c tài liệu:tr197-tr211; -GV:Giao nhiệm

	đối với trẻ MN				vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: Chia nhóm NH: tổ chức các TCVĐ + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - SV: Thực hiện nhiệm vụ GV giao nv, hướng dẫn trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Giao nhiệm vụ về nhà: Ôn tập các nội dung bài tập chuẩn bị kiểm tra -Nghiên cứu tài liệu 1: tr107-tr142;
8	Bài kiểm tra số 1 Bài tập đội hình đội ngũ, Bài tập phát triển chung, Bài tập vận động cơ bản Chương 3. Nguyên tắc, phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. 1. Các nguyên tắc Giáo dục thể chất cho trẻ	2TH 2LT	Trình bày được tác dụng, thực hiện, phân tích được Bài tập đội hình đội ngũ, Bài tập phát triển chung, Bài tập vận động cơ bản - Vận dụng được nguyên tắc hệ thống trong giáo dục thể	CLO2 CLO2 CLO3	- Sv lên bốc thăm bài tập GV: Giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH nghiên cứu tài liệu 1: tr107-tr142; - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ

	mầm non 1.1. Nguyên tắc hệ thống 1.2. Nguyên tắc tự giác tích cực 1.3. Nguyên tắc trực quan		chất cho trẻ mầm non - Vận dụng được nguyên tắc tự giác tích cực trong giáo dục thể chất cho trẻ mầm non - Vận dụng được nguyên tắc trực quan trong giáo dục thể chất cho trẻ mầm non		cho NH; - Tổ chức cho NH TL; báo cáo kết quả tự học; * NH: - Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết. + Giao nhiệm vụ về nhà: tiếp tục Nghiên cứu tài liệu 1: tr107-tr142;
9	1.4. Nguyên tắc vừa sức và giáo dục cá biệt 1.5. Nguyên tắc phát triển 1.6. Nguyên tắc đảm bảo an toàn trong tập luyện 1.7. Mối quan hệ giữa các nguyên tắc giáo dục thể chất 3.2. Các phương pháp Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 3.2.1. Nhóm phương pháp trực quan	4LT	- Vận dụng được nguyên tắc vừa sức và giáo dục trẻ cá biệt trong giáo dục thể chất cho trẻ MN - Vận dụng được nguyên tắc phát triển trong giáo dục thể chất cho trẻ MN - Vận dụng được mối quan hệ giữa các nguyên tắc trong giáo dục thể chất cho trẻ MN Vận dụng được nhóm phương pháp trực quan trong giáo dục thể chất trẻ MN	CLO2 CLO3	GV: Giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH nghiên cứu tài liệu 1: tr107-tr142; 3.2. NCTL: tr213 - tr238 - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ cho NH; - Tổ chức cho NH TL; báo cáo kết quả tự học; * NH:- Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan

					điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết. GV: Giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH NCTL: tr238-tr300;
10	3.2.2. Nhóm phương pháp dùng lời 3.2.3. Nhóm phương pháp thực hành 3.2.4. Mối quan hệ của các nhóm phương pháp trong quá trình giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. 3.3. Phương pháp tổ chức các hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non 3.3.1. Phương pháp dạy bài tập đội hình đội ngũ cho trẻ mầm non 3.3.2. Phương pháp dạy bài tập phát triển chung cho trẻ mầm non 3.3.3. Phương pháp dạy bài tập vận động cơ bản cho trẻ mầm non 3.3.4. Phương pháp dạy TCVD cho trẻ mầm non	4LT	Vận dụng được nhóm phương pháp trực quan, nhóm phương pháp dùng lời, nhóm phương pháp thực hành và mối quan hệ của nhóm PP trong giáo dục thể chất trẻ MN Vận dụng Phương pháp tổ chức các hoạt động phát triển thể chất cho trẻ mầm non	CLO2 CLO3	GV: Giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH nghiên cứu tài liệu 1: tr238-tr300 - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ cho NH; - Tổ chức cho NH TL; báo cáo kết quả tự học; * NH:- Phản hồi tích cực; - HD nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết. GV: Giao nhiệm vụ đọc tài liệu *NH NCTL: tr301-tr384;
11	Chương 4. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 4.1. Hình thức tổ chức	4LT	- Phân tích được cấu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	*NH NCTL: tr301-tr384 GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều

	giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 4.1.1. Thẻ dực sáng 4.1.2. Giờ học thẻ dực		trúc TDS của các độ tuổi trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non - Phân tích được cấu trúc giờ học thẻ dực của các độ tuổi trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non		khiển, hướng dẫn SV thảo luận - SV: Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm
12	4.1.3. Thẻ dực chống mệt mỏi 4.1.4. Trò chơi vận động 4.1.5. Đạo chơi	4LT	- Phân tích được cấu trúc bài thẻ dực chống mệt mỏi các độ tuổi trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Phân tích được các bước tổ chức trò chơi vận động các độ tuổi trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Phân tích được các bước tổ chức đạo chơi các độ tuổi trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	*NH NCTL: tr301-tr384 - GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thảo luận nhiệm vụ: - SV: Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm
13	4.1.6. Tham quan 4.1.7. Tổ chức giáo dục thể chất trong thời gian tự hoạt động của trẻ 4.2. Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động thể chất ở trường	4LT	- Phân tích được các bước tổ chức cho trẻ tham quan các độ tuổi trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Phân tích được các bước và Tổ chức giáo dục thể chất trong thời gian tự hoạt động của trẻ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thảo luận nhiệm vụ: + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - SV:

	mầm non		các độ tuổi trẻ tại cơ sở Giáo dục MN Vận dụng được các bước lập kế hoạch tổ chức các hoạt động thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục mầm non.		Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm
14	Thực hành Xem video bài dạy tham khảo 4.3. Thiết kế và tổ chức các hoạt động thể chất cho trẻ mầm non Thực hành (Tập giảng)	2LT 2TH	- Nhận xét theo quan điểm nhận biết cá nhân về video - Phân tích, đánh giá được các nội dung, PP, hình thức thiết kế và tổ chức các hoạt động thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động GD thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục mầm non. - Giảng được từng phần trong giáo án SV tự soạn mà GV đã hướng dẫn và yêu cầu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thảo luận nhiệm vụ: + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - SV: Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm SV: quan sát và nhận xét giờ tập giảng
15	Thực hành (Tập giảng) Bài kiểm tra số 2 Cấu trúc, nội dung, phương pháp, thiết kế tổ chức các hoạt động thể chất cho trẻ mầm	2TH 2TL	Giảng được từng phần trong giáo án SV tự soạn mà GV đã hướng dẫn và yêu cầu Vận dụng được các hình thức tổ chức các hoạt động thể chất cho trẻ tại cơ sở	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	SV: quan sát và nhận xét giờ tập giảng Thực hiện làm bài kiểm tra

	non		Giáo dục mầm non		

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu		x	CLO5	- Theo dõi ý thức học tập của SV. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Điểm danh, thống kê ngày học/ngỉ của SV.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Kiến thức về kỹ năng vận dụng các bài tập vào phát triển thể chất cho trẻ tại cơ sở Giáo dục mầm non	40 %		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Đánh giá trực tiếp Sv thực hiện.
		Kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động GDTC cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	60 %			
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Kiến thức về vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức	50 % 50 %	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	SV thi Thực hành – vấn đáp

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		cho trẻ MN tập luyện kèm liên hệ, vận dụng thực tế. - Kiến thức về vận dụng các bài tập vận động trong chương trình nhằm phát triển thể chất cho HSMN.			CLO5	

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi,	30%

		học tập.	luận trong giờ học.	tập, tập luyện trao đổi, thảo luận.	thảo luận, tập luyện, đặt câu hỏi.	
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi, bài tập, thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Chương 1,2
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian:

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chương 3,4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1,2: Nội dung GDTC cho trẻ MN: BTĐHĐN, BTPTC và các BTVĐCB, TCVĐ	Nêu được bài tập đó có tác dụng và nhằm phát triển tố chất nào cho trẻ MN	3
		Thực hiện đúng đẹp, phân tích rõ ràng động tác, bài tập vận động cho trẻ MN.	7
Tổng điểm			10

Bảng 6b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1			10

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	Cấu trúc, nội dung, phương pháp, thiết kế các hoạt động thể chất cho trẻ mầm non	- Nội dung đủ ý, chính xác, rõ ràng - Có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN	
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, 2, 3.4
- Hình thức: Vấn đáp – Thực hành.
- Thời gian:

Bảng 8. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp, cấu trúc tổ chức hoạt động GDTC cho trẻ Mầm non.	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ thực tiễn về công tác tại cơ sở GDMN	50%
2	Nội dung và thiết kế tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất tại cơ sở GDMN	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ thực tiễn về công tác tại cơ sở GDMN	50%
Tổng điểm			100%

Bảng 7b. Rubric đánh giá vấn đáp

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp hợp tác. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp hợp tác, nhẹ nhàng, hòa nhã. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe.	Thái độ giao tiếp hợp tác, nhẹ nhàng, hòa nhã. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, phù hợp, dễ hiểu, tự tin. Giọng nói lưu loát, vừa phải, rõ ràng, dễ nghe.	Thái độ giao tiếp hợp tác, nhẹ nhàng, hòa nhã. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, phù hợp, dễ hiểu, rất tự tin. Giọng nói lưu loát, vừa phải, rõ ràng, thu hút, có tương tác tốt với người nghe.	20%

Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời đúng trọng tâm, rõ ràng, đúng, đủ, ngắn gọn. Thể hiện sự tự tin hiểu biết trong câu trả lời, nhưng lập luận giải thích một số nội dung chưa thuyết phục.	Các câu trả lời đúng trọng tâm, rõ ràng, đúng, đủ, ngắn gọn. Thể hiện sự tự tin hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích hoàn toàn thuyết phục.	80%

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Đào Thị Vương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành: Giáo dục mầm non

1.1. Mã học phần:	SP620029
1.2. Tên học phần:	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Application of information technology in preschool education
1.4. Số tín chỉ:	01 (1TH)
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	08 tiết
- Thực hành:	22 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Quý Kim
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Ty Văn Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	INT1001
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, người học có các kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non, kỹ năng sử dụng các phần mềm để thiết kế bài giảng điện tử, tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức về vai trò của việc ứng dụng của công nghệ thông tin trong GDMN; xu hướng ứng dụng CNTT trong GDMN hiện nay.
- CO2: Có kiến thức về một số phần mềm tin học ứng dụng cơ bản trong GDMN.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO3: Có kĩ năng sử dụng một số phần mềm phục vụ cho việc thiết kế và tổ chức các hoạt động GDMN.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có ý thức đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong GDMN.

3. Chuẩn đầu ra HP (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được khái niệm công nghệ thông tin, vai trò, nguyên tắc, quy trình thiết kế và yêu cầu sử dụng của công nghệ thông tin trong GDMN.	CO1, CO3, CO4
CLO2	Thực hiện được các thao tác đối với các phần mềm PowerPoint, Paint, Proshow Producer để thiết kế bài giảng điện tử trong GDMN.	CO2, CO3, CO4
CLO3	Thực hiện được các thao tác đối với các phần mềm Kidsmart; Happykid; Nutikid để hỗ trợ các hoạt động GDMN.	CO2, CO3, CO4
CLO4	Tự học, tự nghiên cứu các phần mềm, công cụ CNTT hỗ trợ các hoạt động GDMN.	CO1,CO2,CO3,CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	R	I	I	I		M	I	R
CLO 2		R	R	M	M	I		M	I	R
CLO 3		R	R	M	M	I		M	I	R
CLO 4		R	R	M	M	I		M	I	R
Tổng hợp học phần		R	R	M	M	I		M	I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1] Hoàng Cao Minh, Nguyễn Tất Thắng (chủ biên-, 2020), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non*, NXB Lao động – xã hội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Công Dụng, *Hướng dẫn sử dụng một số phần mềm vui chơi, học tập thông dụng cho trẻ mầm non* (2013), Modul 31, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non, Hà Nội.

[3] Nguyễn Thị Nga (2013), *Thiết kế và sử dụng giáo án điện tử*, Modul 32, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non, Hà Nội.

[4] Nguyễn Thành Trung (2013), *Microsoft PowerPoint 2010: nội dung đào tạo tương thích kỳ thi MOS*, NXB TP Hồ Chí Minh.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 1 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	* Giới thiệu học phần Chương 1. Những vấn đề lí luận về ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non (2 tiết = 2LT) 1.1. CNTT đối với GDMN 1.1.1. Khái niệm “CNTT” 1.1.2. Vai trò của CNTT đối với GDMN 1.2. Xu hướng ứng dụng CNTT trong GDMN hiện nay 1.2.1. Ứng dụng trong soạn thảo giáo án, bài giảng 1.2.2. Ứng dụng trong khai thác, lưu trữ và chia sẻ thông tin 1.2.3. Ứng dụng trong đánh giá giáo dục	2 (2LT)	1.1. Trình bày được khái niệm CNTT, vai trò của CNTT đối với GDMN. 1.2. Trình bày được các xu hướng ứng dụng CNTT trong GDMN hiện nay. 1.3. Trình bày được các nguyên tắc, yêu cầu, quy trình sử dụng CNTT trong GDMN	CLO1, CLO4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[4]; và tìm hiểu thông tin trên mạng internet. - GV thuyết trình, giảng giải nội dung 1.1; 1.2; 1.3; 1.4. - SV nghe giảng, ghi chép.

	1.2.4. Ứng dụng trong hoạt động vui chơi, học tập của trẻ 1.2.5. Ứng dụng trong quản lí 1.3. Nguyên tắc, yêu cầu, quy trình thiết kế và sử dụng CNTT trong GDMN 1.3.1. Nguyên tắc, quy trình thiết kế và yêu cầu sử dụng 1.3.1.1. Nguyên tắc thiết kế 1.3.1.2. Quy trình thiết kế 1.3.2. Những yêu cầu trong sử dụng 1.4. Những yêu cầu về kĩ năng CNTT đối với giáo viên mầm non		1.4. Trình bày được các yêu cầu về kĩ năng CNTT đối với gv mầm non		
2	Chương 2. Ứng dụng một số phần mềm thiết kế bài giảng điện tử trong giáo dục mầm non (18 tiết = 3LT + 15TH) 2.1. Tổng quan về bài giảng điện tử 2.2. Ôn tập phần mềm Microsoft PowerPoint	2 (1LT + 1TH)	2.1. Trình bày được khái niệm, đặc điểm của bài giảng điện tử. 2.2. Thực hiện được các thao tác hỗ trợ thiết kế bài giảng với phần mềm Microsoft PowerPoint	CLO2; CLO4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2],[3],[4]; và tìm hiểu thông tin trên mạng internet. - GV thuyết trình, giảng giải và thực hiện các thao tác cơ bản của phần mềm Microsoft PowerPoint trên máy tính để sinh viên quan sát. - SV nghe giảng, ghi chép, quan sát

					và thực hiện trên máy tính cá nhân.
3	2.3. Hướng dẫn sử dụng phần mềm Paint 2.3.1. Giới thiệu về Paint 2.3.2. Một số thao tác cơ bản với Paint 2.3.3. Thực hành xử lý các hình ảnh với Paint	2 (1LT + 1TH)	2.3. Thực hiện được các thao tác xử lý hình ảnh với Paint.	CLO2; CLO4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2],[3],[4]; và tìm hiểu thông tin trên mạng internet. - GV thuyết trình, giảng giải và thực hiện một số bài tập với phần mềm Paint. - SV nghe giảng, ghi chép, quan sát và thực hiện trên máy tính cá nhân.
4	2.4. Hướng dẫn sử dụng phần mềm Proshow Producer 2.4.1. Giới thiệu về Proshow Producer 2.4.2. Một số thao tác cơ bản với Proshow Producer 2.4.3. Thực hành xử lý các đoạn phim với Proshow Producer	2 (1LT + 1TH)	2.4. Thực hiện được các thao tác xử lý video cơ bản với phần mềm Proshow Producer.	CLO2; CLO4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[3],[4]; và tìm hiểu thông tin trên mạng internet. - GV thuyết trình, giảng giải và thực hiện các thao tác cơ bản của phần mềm Proshow Producer trên máy tính để sinh viên quan sát. - SV nghe giảng, ghi chép, quan sát và thực hiện trên máy tính cá nhân.

5	2.5. Thực hành thiết kế bài giảng 2.5.1. Nội dung: Khám phá khoa học	2 (2T H)	2.5. Sử dụng được phần mềm PowerPoint cùng với các phần mềm hỗ trợ để thiết kế được bài giảng điện tử trong giáo dục mầm non.	CLO2; CLO4	- SV ôn tập lại nội dung đã học trong buổi 2, 3, 4. Lựa chọn chủ đề thiết kế bài giảng. - SV thực hiện thực hành trên phòng máy, lưu, sao chép lại các nội dung đã thực hành để nộp sản phẩm. - GV theo dõi, quan sát, hỗ trợ sinh viên.
6	2.5. Thực hành thiết kế bài giảng 2.5.1. Nội dung: Khám phá khoa học (tiếp)	2 (2T H)	2.5. Sử dụng được phần mềm PowerPoint cùng với các phần mềm hỗ trợ để thiết kế được bài giảng điện tử trong giáo dục mầm non.	CLO2; CLO4	- SV thực hiện thực hành trên phòng máy tiếp nội dung thực hành của buổi 5, lưu, sao chép lại các nội dung đã thực hành để nộp sản phẩm. - GV theo dõi, quan sát, hỗ trợ sinh viên.
7	2.5. Thực hành thiết kế bài giảng 2.5.2. Nội dung: Làm quen về toán	2 (2T H)	2.5. Sử dụng được phần mềm PowerPoint cùng với các phần mềm hỗ trợ để thiết kế được bài giảng điện tử trong giáo dục mầm non.	CLO2; CLO4	- SV ôn tập lại nội dung đã học trong buổi 2, 3, 4. Lựa chọn chủ đề thiết kế bài giảng. - SV thực hiện thực hành trên phòng máy, lưu, sao chép lại các nội dung đã thực hành để nộp sản phẩm.

					- GV theo dõi, quan sát, hỗ trợ sinh viên.
8	2.5. Thực hành thiết kế bài giảng 2.5.2. Nội dung: Làm quen về toán (tiếp)	2 (2T H)	2.5. Sử dụng được phần mềm PowerPoint cùng với các phần mềm hỗ trợ để thiết kế được bài giảng điện tử trong giáo dục mầm non.	CLO2; CLO4	- SV thực hiện thực hành trên phòng máy tiếp nội dung thực hành của buổi 7, lưu, sao chép lại các nội dung đã thực hành để nộp sản phẩm. - GV theo dõi, quan sát, hỗ trợ sinh viên.
9	2.5. Thực hành thiết kế bài giảng 2.5.3. Nội dung: Phát triển ngôn ngữ	2 (2T H)	2.5. Sử dụng được phần mềm PowerPoint cùng với các phần mềm hỗ trợ để thiết kế được bài giảng điện tử trong giáo dục mầm non.	CLO2, CLO4	- SV ôn tập lại nội dung đã học trong buổi 2, 3, 4. Lựa chọn chủ đề thiết kế bài giảng. - SV thực hiện thực hành trên phòng máy, lưu, sao chép lại các nội dung đã thực hành để nộp sản phẩm. - GV theo dõi, quan sát, hỗ trợ sinh viên.
10	2.5. Thực hành thiết kế bài giảng 2.5.3. Nội dung: Phát triển ngôn ngữ (tiếp) Kiểm tra định kì: nội dung bài thực hành.	2 (2T H)	2.5. Sử dụng được phần mềm PowerPoint cùng với các phần mềm hỗ trợ để thiết kế được bài giảng điện tử trong	CLO2, CLO4	- SV thực hiện thực hành trên phòng máy tiếp nội dung thực hành của buổi 9, lưu, sao chép lại các nội dung đã thực hành để nộp sản phẩm.

			giáo dục mầm non.		- GV theo dõi, quan sát, hỗ trợ sinh viên. - SV nộp bài thực hành cho GV qua email, hoặc sao chép qua usb. GV chấm bài thực hành.
11	Chương 3. Một số phần mềm ứng dụng trong giáo dục mầm non (10 tiết = 3LT + 7TH) 3.1. Phần mềm Kismart 3.1.1. Giới thiệu phần mềm Kismart 3.1.2. Ứng dụng Kismart trong giáo dục mầm non	2 (1LT + 1TH)	3.1. Thực hiện được các thao tác với phần mềm Kismart.	CLO3, CLO4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]; và tìm hiểu thông tin trên mạng internet. - GV thuyết trình, giảng giải và thực hiện các thao tác cơ bản của phần mềm Kismart trên máy tính để sinh viên quan sát. - SV nghe giảng, ghi chép, quan sát và thực hiện trên máy tính cá nhân.
12	3.2. Phần mềm Happykid 3.2.1. Giới thiệu phần mềm Happykid 3.2.2. Ứng dụng Happykid trong giáo dục mầm non	2 (1LT + 1TH)	3.2. Thực hiện được các thao tác với phần mềm Happykid.	CLO3, CLO4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]; và tìm hiểu thông tin trên mạng internet. - GV thuyết trình, giảng giải và thực

					hiện các thao tác cơ bản của phần mềm Happykid trên máy tính để sinh viên quan sát. - SV nghe giảng, ghi chép, quan sát và thực hiện trên máy tính cá nhân.
13	3.3. Thực hành ứng dụng phần mềm Kismart và phần mềm Happykid trong giáo dục mầm non	2 (2T H)	3.3. Sử dụng được phần mềm Kismart và Happykid vào trong hoạt động động giáo dục mầm non	CLO3, CLO4	- SV ôn tập lại nội dung đã học trong buổi 11, 12. - SV thực hiện thực hành phần mềm Kismart, Happykid trên phòng máy, - GV theo dõi, quan sát, hỗ trợ sinh viên.
14	3.4. Phần mềm Nutikid 3.4.1. Giới thiệu phần mềm Nutikid 3.4.2. Ứng dụng Nutikid trong giáo dục mầm non	2 (1LT + 1TH)	3.4. Thực hiện được các thao tác với phần mềm Nutikid.	CLO3, CLO4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]; và tìm hiểu thông tin trên mạng internet. - GV thuyết trình, giảng giải và thực hiện các thao tác cơ bản của phần mềm Nutikid trên máy tính để sinh viên quan sát. - SV nghe giảng, ghi chép, quan sát và thực hiện trên

					máy tính cá nhân.
15	3.5. Thực hành ứng dụng phần mềm Nutikid trong giáo dục mầm non	2 (2T H)	3.5. Sử dụng được phần mềm Nutikid vào trong hoạt động động giáo dục mầm non.	CLO3, CLO4	- SV ôn tập lại nội dung đã học trong buổi 14. - SV thực hiện thực hành phần mềm Nutikid trên phòng máy, - GV theo dõi, quan sát, hỗ trợ sinh viên.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.			CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	Theo dõi và đánh giá cả quá trình học tập.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Thiết kế bài giảng điện tử trên phần mềm PowerPoint.			CLO1 CLO2 CLO4	Bài giảng sinh viên thiết kế.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Vận dụng các phần mềm ứng dụng đã học tổ chức hoạt động GDMN.			CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV làm bài thực hành trên máy tính tại phòng máy, GV chấm điểm trên máy tính.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 4.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bảng 4.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Bài giảng điện tử một hoạt động GDMN với chủ đề tự chọn.	Đảm bảo tính chính xác về nội dung kiến thức, đúng chương trình, cô đọng, không quá nhiều slide (không quá 30 slide)	3
		Giao diện thân thiện, có tính thẩm mỹ, phù hợp với lứa tuổi học sinh, tạo cảm giác hứng thú trong học tập; thiết kế kênh chữ, kênh hình, âm thanh phù hợp, khoa học.	2
		Sử dụng đa phương tiện phim (Video), âm thanh (Audio), tranh ảnh	2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		(Image), hoạt hình (Flash), các file EXE, nhúng, liên kết...	
		Tính tương tác giữa giáo viên và học sinh	3
Tổng điểm			10

8.2.3. *Thi kết thúc học phần*

- Hình thức: Trắc nghiệm + thực hành trên máy tính.
- Thời gian: 45 phút

Bảng 8.3. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Tạo bài trình chiếu theo mẫu bằng phần mềm PowerPoint.	Theo biểu điểm, đáp án của đề	7
2	Trắc nghiệm phần mềm ứng dụng Kidsmart; Happykid; Nutikid	Theo biểu điểm, đáp án của đề	3
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Quý Kim

Nguyễn Thị Quý Kim

2.5.45. Một số mô hình giáo dục mầm non trên thế giới (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620030
1.2. Tên học phần:	Một số mô hình giáo dục mầm non trên thế giới
1.3. Tên tiếng Anh:	Some models of preschool education in the world
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT; 1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	21 tiết
- Thực hành, thảo luận:	24 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Nguyễn Thị Hương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh Ths. Đặng Quang Rinh
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620014
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản về xu hướng phát triển giáo dục mầm non trên thế giới và Việt Nam, một số mô hình/ phương pháp giáo dục mầm non

trên thế giới. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, vận dụng phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về xu hướng phát triển giáo dục mầm non trên thế giới và Việt Nam, một số hướng tiếp cận hiện đại.
- CO2: Có kiến thức cơ bản về một số mô hình/phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng phân tích, đánh giá một số mô hình/phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới.
- CO4: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh một số hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo một số mô hình, phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Tích cực chủ động trong học tập, hợp tác, chia sẻ, có tinh thần đổi mới, vận dụng sáng tạo trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần “Một số mô hình giáo dục mầm non trên thế giới” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được những nội dung cơ bản xu hướng phát triển GDMN trên thế giới và Việt Nam, một số hướng tiếp cận hiện đại.	CO1
CLO2	Trình bày được những kiến thức cơ bản về một số mô hình/phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới.	CO2
CLO3	Đánh giá được một số mô hình/phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới.	CO3
CLO4	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được một số hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo một số mô hình/phương pháp GDMN trên thế giới	CO2, CO3, CO4
CLO5	Trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ, chủ động trong đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I					I		I	I

CLO 2		R	I	I			I		I	I
CLO 3		R	R	I	R		I		R	R
CLO 4		I	R	I	R		I	R	I	R
CLO5							I	I		R
Tổng hợp học phần		R	R	I	R		I	I	I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

- [1]. Ngô Hiểu Huy, (2015), *Phương pháp giáo dục Montessori*, NXB Phụ nữ.
 [2]. Nguyễn Thành Hải, (2020), *Giáo dục Stem/Steam: Từ trải nghiệm thực hành đến tư duy sáng tạo*, NXB Trẻ.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Nguyễn Thị Hòa, (2017), *Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Sư phạm.
 [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình GDMN*, (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT), ngày 13.4.2021.
 [5]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.
 [6]. Lê Thu Hương (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi*, NXBGD.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi hết học phần : 1 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) <i>Giới thiệu học phần</i>		- Mô tả được vị trí, vai trò của HP trong CTĐT		- GV thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về học phần;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					- Người học tìm hiểu về học phần.
	Chương 1: Xu hướng giáo dục mầm non trên thế giới và ở Việt Nam (9T= 6LT; 3TL, KT) 1.1. Xu hướng chung của giáo dục mầm non 1.2. Xu hướng giáo dục mầm non của một số nước trên thế giới 1.2.1. Xu hướng giáo dục mầm non mới của Nhật Bản 1.2.2. Xu hướng giáo dục mầm non mới của singapore 1.2.3. Xu hướng giáo dục mầm non mới của Hàn Quốc 1.2.4. Xu hướng giáo dục mầm non mới của Anh 1.2.5 Xu hướng giáo dục mầm non mới của Mỹ 1.2.6. Xu hướng giáo dục mầm non mới New Zealand 1.2.7. Xu hướng giáo dục mầm non mới của Canada 1.2.8. Xu hướng giáo dục mầm non mới của Phần Lan 1.2.9. Xu hướng giáo dục	6LT 3	- Trình bày được xu hướng chung của giáo dục mầm non. - Trình bày được xu hướng giáo dục mầm non trên thế giới.	CLO1 CLO5	*GV: - Hướng dẫn người học đọc tài liệu và làm bài tập chương 1. - Đặt câu hỏi - Tổ chức thảo luận, nhận xét - Chốt lại vấn đề - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. * Người học: - Nghiên cứu tài liệu - Thảo luận, báo cáo: + Xu hướng chung của GDMN; + Xu hướng GDMN của một số nước trên thế giới. - Đặt câu hỏi vấn đề quan tâm; - Thực hiện nhiệm vụ GV giao;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>mầm non mới của Nga</i>				

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
2	1.3. Xu hướng giáo dục mầm non ở Việt Nam 1.3.1. Giáo dục mầm non hiện đại hướng đến việc để trẻ chơi mà học, học mà chơi 1.3.2. Xu hướng áp dụng chương trình giáo dục trải nghiệm 1.3.3. Xu hướng chuyên nghiệp hóa giáo dục mầm non 1.3.4. Xu hướng áp dụng chương trình giáo dục linh hoạt 1.3.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non 1.3.6. Giáo viên mầm non phải trở thành người nghệ sĩ thực thụ	3	- Phân tích được xu hướng giáo dục mầm non ở Việt Nam.	CLO1 CLO5	*GV: - Tổ chức thảo luận: + Xu hướng giáo dục mầm non ở Việt Nam; + Một số hướng tiếp cận hiện đại trong giáo dục mầm non. - Nhận xét; - Chốt lại vấn đề; - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. * Người học: - Thảo luận, báo cáo; - Đặt câu hỏi vấn đề quan tâm; - Thực hiện nhiệm vụ GV giao.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
3	1.4. Một số hướng tiếp cận hiện đại trong giáo dục mầm non 1.4.1. Plton 1.4.2. Aristotle 1.4.3. Thomas More 1.4.4. J.A.Comenxki 1.4.5. J.J. Rousseau 1.4.6. Robert Owen 1.4.7. M.Montessori * Đánh giá định kì bài 1 - Đánh giá kiến thức về xu hướng giáo dục mầm non trên thế giới và ở Việt Nam.	2 1	- Trình bày được một số hướng tiếp cận hiện đại trong giáo dục mầm non. - Phân tích được kiến thức về xu hướng GDMN trên thế giới và ở Việt Nam.	CLO1 CLO5 CLO1 CLO5	- GV tổ chức cho người học làm bài kiểm tra. - Người học làm bài kiểm tra viết.
4	Chương 2: Một số mô hình/phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới (36T:15LT; 21TH,KT) 2.1. Giới thiệu một số mô hình 2.1.1. Phương pháp giáo dục Montessori 2.1.1.1. Lịch sử ra đời 2.1.1.2. Phương pháp giáo dục Montessori 2.1.1.3. Nguyên tắc trong việc thiết lập môi trường giáo dục 2.1.1.4. Quy trình vận dụng phương pháp Montessori trong giáo dục cho trẻ mầm non.	15LT; 21TH ; KT 3	- Trình bày được lịch sử ra đời, nguyên tắc trong việc thiết lập môi trường GD theo PP Montessori. - Vận dụng được quy trình, PP Montessori trong giáo dục mầm non.	CLO2 CLO3 CLO5	* Người học: - Nghiên cứu tài liệu 1,3 - Làm bài tập chương II. * GV: - Lấy ví dụ; - Giảng giải; - Đặt câu hỏi cho người học; - Tổ chức cho người học thảo luận, thực hành; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * Người học: - Trả lời các câu hỏi của GV;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
5	2.1.2. <i>Phương pháp giáo dục Reggio Emilia</i> 2.1.2.1. Lịch sử ra đời 2.1.2.2. Phương pháp GD Reggio Emilia 2.1.2.3. Nguyên tắc vận dụng phương pháp Reggio Emilia trong giáo dục cho trẻ mầm non 2.1.2.4. Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng môi trường giáo dục theo tiếp cận Reggio Emilia. 2.1.2.5. Môi trường hoạt động ở trường Reggio Emilia 2.1.2.6. Quy trình vận dụng phương pháp Reggio Emilia trong giáo dục cho trẻ mầm non	3	-Trình bày được lịch sử ra đời, PP, nguyên tắc vận dụng phương pháp Reggio Emilia trong GD cho trẻ mầm non. - Giải thích được nguyên tắc, yêu cầu xây dựng môi trường GD, môi trường hoạt động theo tiếp cận Reggio Emilia. - Phân tích, vận dụng được PP Reggio Emilia	CLO2 CLO3 CLO5	* GV: - Sử dụng các phương pháp linh hoạt; - Đánh giá, chốt lại vấn đề, trình chiếu. - Nghiên cứu TL theo link GV gửi trong quá trình học * Người học: - Trả lời các câu hỏi của GV; - HĐ nhóm - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại TT cần thiết.
6	2.1.3. <i>Phương pháp giáo dục Waldorf Steiner</i> 2.1.3.1. Lịch sử ra đời 2.1.3.2. Mục tiêu của mô hình giáo dục Waldorf Steiner 2.1.3.3. Phương pháp giáo dục Waldorf Steiner 2.1.3.4. Môi trường giáo dục tại các trường Steiner * Thực hành - Thiết kế hoạt động giáo dục trẻ theo mô hình/phương pháp GD	3	-Trình bày được lịch sử ra đời, mục tiêu của mô hình GD Waldorf Steiner. - Phân tích được Phương pháp và môi trường giáo dục Waldorf Steiner. - Thiết kế được kế hoạch hoạt	CLO2 CLO3 CLO5	* GV: - Sử dụng các phương pháp linh hoạt; - Đánh giá, chốt lại vấn đề, trình chiếu. * Người học: - Trả lời các câu hỏi của GV; - HĐ nhóm - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan

	Waldof Steiner		động chăm sóc, giáo dục trẻ MN.		điểm, ...
7	2.1.4. <i>Phương pháp giáo dục Steam</i> 2.1.4.1. Lịch sử ra đời 2.1.4.2. Phương pháp GD Steam và tầm quan trọng của nghệ thuật trong dạy học 2.1.4.3. Bản chất của phương pháp giáo dục Steam đối với GDMN 2.1.4.4. Quy trình vận dụng phương pháp Steam trong giáo dục mầm non	3	- Trình bày được lịch sử ra đời, PP GD Steam và tầm quan trọng của nghệ thuật trong dạy học; - Phân tích được bản chất của PP GD steam đối với GDMN. - Trình bày được quy trình vận dụng phương pháp Steam trong GDMN.	CLO2 CLO3 CLO5	* GV: - Sử dụng các phương pháp linh hoạt; - Đánh giá, chốt lại vấn đề, trình chiếu. - Nghiên cứu TL 2.3 * Người học: - Trả lời các câu hỏi của GV;
8	2.1.5. <i>Phương pháp giáo dục Shichida</i> 2.1.5.1. Lịch sử ra đời 2.1.5.2. Bản chất của Shichida 2.1.5.3. Vai trò của Shichida 2.1.5.4. Nguyên tắc của Shichida 2.1.5.5. Phương pháp giáo dục Shichida	3	- Trình bày được lịch sử ra đời, bản chất của Shichida. - Phân tích được vai trò, nguyên tắc và PP giáo dục Shichida.	CLO2 CLO3 CLO5	* GV: - Sử dụng các phương pháp linh hoạt; - Đánh giá, chốt lại vấn đề, trình chiếu. - Nghiên cứu TL theo link GV gửi trong quá trình học * Người học: - Trả lời các câu hỏi của GV;

9-10	2.2. Thực hành- thực tế 2.2.1. Dự giờ 2.2.2. Viết nhật kí 2.2.3. Viết báo cáo thu hoạch	21TH ; KT 6TH	- Phân tích được cách tổ chức môi trường, thiết kế, vận dụng các phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới tại các cơ sở Giáo dục Mầm non. - Mô tả được toàn bộ các hoạt động dự trong đợt đi thực hành – thực tế của cô, và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Trình bày được cơ cấu tổ chức nhà trường. - Mô tả được các hoạt động tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Đánh giá được toàn bộ các hoạt động dự giờ trong đợt thực	CLO4 CLO5	* GV: - Tổ chức cho người học tham quan, dự giờ; - Tổ chức cho người học nhận xét, rút kinh nghiệm qua buổi dự giờ. - Hướng dẫn người học viết nhật kí, báo cáo thu hoạch đợt thực hành- thực tế. * Người học: - Dự giờ tại cơ sở Giáo dục Mầm non; - Nghe báo cáo về trường - Dự các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo các mô hình/PP đã học tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Quan sát, lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi về vấn đề

			tế. - Đánh giá, nhận xét, rút ra được bài học cho bản thân. - Đề xuất, kiến nghị.		quan tâm, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin cần thiết trong quá trình đi thực tế. - Viết nhật kí, báo cáo thu hoạch cho đợt thực tế.
11-15	2.2.3. <i>Thực hành:</i> 2.2.3.1. Thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp Montessori 2.2.3.2. Thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp Reggio Emilila 2.2.3.3. Thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp Waldorf Steiner 2.2.3.4. Thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp Steam 2.2.3.5. Thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp Shichida	12 TH	- Vận dụng kiến thức đã học thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động giáo dục trẻ theo các phương pháp đã học.		* GV: - Phân tích, giải thích; - Tổ chức thảo luận nhóm; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * Người học: - HĐ nhóm; - Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ theo các phương pháp đã học. - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin cần thiết. - GV hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu.
15	* Đánh giá định kì bài 2	3KT	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.	CLO4 CLO5	- GV giao bài tập, đánh giá kết quả thiết kế và tổ chức HĐ. - Người học thiết kế và tổ chức HĐ. - Báo cáo tại lớp

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO5	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giảng viên giao. - Thông kê ngày nghỉ của người học.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	A2.1. Đánh giá kiến thức về xu hướng GDMN trên thế giới và ở Việt Nam;	50%	x	CLO1 CLO5	Đánh giá kết quả bài kiểm tra chương 1.
		A2.2. Đánh giá kiến thức, kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh hoạt động giáo dục trẻ theo PP đã học.	50%	x	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Đánh giá kết quả bài kiểm tra chương 2.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Xu hướng giáo dục mầm non trên thế giới và ở Việt Nam - Một số mô hình/ phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới.	50% 50%		CLO1 CLO5 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thi tự luận

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Rubric - đánh giá chuyên cần

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ**8.2.2.1. Đánh giá bài định kỳ số 1**

- Hình thức: Tự luận
- Nội dung: Chương 1
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Đánh giá kiến thức về xu hướng giáo dục mầm non của một số nước trên thế giới.	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	5
2	Đánh giá kiến thức về xu hướng giáo dục mầm non ở Việt Nam.	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	5
Tổng điểm			10

8.2.2.2. Đánh giá bài định kỳ số 2

- Hình thức đánh giá: thực hành
- Nội dung đánh giá: Thiết kế, tổ chức đánh giá, điều chỉnh hoạt động giáo dục trẻ.

Bảng 7. Rubic đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm	20%

	nhóm.	góp ý kiến.	nhóm và đóng góp ý kiến.	và đóng góp ý kiến	và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lí.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/ tập giảng	Không thuyết minh/ thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nội dung Chương 1,2
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 90 phút

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Biểu điểm

1	Những xu hướng mới trong giáo dục mầm non trên thế giới và ở Việt Nam	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	5
2	Một số mô hình/ phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày.... tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

**Đặng
Rinh**

Quang Nguyễn Thị Hương

2.5.46. Tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần	SP620031
1.2. Tên học phần	Tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.
1.3. Tên tiếng Anh	Organizing activities for the development of children's motor skills from the point of view of child-centered education.
1.4. Số tín chỉ	02 (1LT + 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	18 tiết
- Thực hành:	27 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Nguyễn Minh Huệ
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh
	Ths. Nguyễn Thị Hương
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620014
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có kiến thức cơ bản về các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; có

kiến thức, kỹ năng tổ chức các hoạt động phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm một cách linh hoạt, sáng tạo tại cơ sở GDMN.

2.2. Mục tiêu học phần cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản về các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

CO2: Có kiến thức về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

2.2.2. Về kỹ năng

CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, trách nhiệm phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho MT
CLO1	Giải thích được những kiến thức cơ bản về các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.	CO1
CLO2	Vận dụng được nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.	CO2, CO3
CLO4	Chủ động, trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp, phụ huynh trong việc phát triển vận động cho trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R		I					I	I
CLO 2		I	R	I	I				R	R
CLO 3		I		R	I	I			I	I

CLO 4									I	R
Tổng hợp học phần		R	R	R	I	I			I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Đặng Hồng Phương (2014), *Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non*. Nxb. Đại học Sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đặng Hồng Phương (2017), *Phương pháp hình thành kỹ năng vận động cho trẻ mầm non*. Nxb. Đại học Sư phạm.

[3]. Nguyễn Thị Xim (2019), *Xây dựng môi trường GD trong trường mầm non*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết.
- Tổng số tuần học: 15 tuần.
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi.
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học, các buổi thực hành.
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài.
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>* Giới thiệu học phần</i>		- Mô tả được vị trí, vai trò của học phần (HP) trong chương trình đào tạo		
1	Chương 1. Những vấn đề chung (6LT) 1.1. Một số khái niệm 1.1.1. Vận động 1.1.2. Phát triển vận động 1.1.3. Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm 1.2. Ý nghĩa việc tổ chức		- Trình bày được khái niệm vận động, phát triển vận động, GD lấy trẻ làm trung tâm.	CLO1 CLO4	- GV giới thiệu tài liệu số [1, tr 7-10]; [2, tr 148-150]. - GV tổ chức thảo luận theo nhóm. Nhận xét, đánh giá, chốt

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	hoạt động phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm 1.3. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ em lứa tuổi mầm non 1.3.1. Đặc điểm phát triển sinh lí vận động của trẻ MN 1.3.2. Đặc điểm phát triển tâm lí vận động của trẻ MN		- Trình bày được ý nghĩa của việc tổ chức các hoạt động phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm. - Phân tích được đặc điểm phát triển sinh lí vận động của trẻ MN. - Phân tích được đặc điểm phát triển tâm lí vận động của trẻ MN.		lại nội dung thảo luận của NH. - NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
2	1.4. Nguyên tắc phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm 1.5. Nội dung phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm 1.6. Mục tiêu và kết quả mong đợi về PTVĐ của trẻ theo chương trình GDMN. 1.6.1. Lứa tuổi nhà trẻ 1.6.2. Lứa tuổi mẫu giáo		- Vận dụng được nguyên tắc phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm. - Trình bày được những nội dung phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm. - Xây dựng được mục tiêu, kết quả mong đợi về PTVĐ của trẻ theo chương trình	CLO1 CLO4	- GV kiểm tra kết quả bài tập về nhà. Nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung đã chuẩn bị trước của NH . - NH Trình bày kết quả đã chuẩn bị. Lắng nghe, phản hồi, ghi chép những thông tin cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			GDMN của trẻ mầm non.		tập tiếp theo.
3	Chương 2. Quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong phát triển vận động cho trẻ mầm non 9T = 6LT - 3TL + 1KT 2.1. Quan điểm giáo dục phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm 2.2. Các phương pháp phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm 2.3. Các hình thức phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm		- Trình bày được những quan điểm giáo dục phát triển lấy trẻ làm trung tâm. - Vận dụng được các phương pháp dạy phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm. - Vận dụng được các hình thức vào tổ chức phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm.	CLO1 CLO2 CLO4	- GV giới thiệu tài liệu số [1, tr14-20]; [2, tr 159-162]. - GV tổ chức thảo luận theo nhóm, nhận xét, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
4	2.4. Xây dựng môi trường phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm 2.4.1. Môi trường giáo dục 2.4.2. Môi trường vật chất 2.4.3. Môi trường xã hội 2.5. Các điều kiện để tổ		- Vận dụng xây dựng được môi trường giáo dục phát triển vận động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. - Vận dụng xây dựng được	CLO1 CLO2 CLO4	- GV tổ chức thảo luận, thuyết trình, lấy ví dụ, nhận xét, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH Trình bày kết quả thảo luận, ghi chép những nội dung cần thiết.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	chức hoạt động phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm		môi trường giáo dục phát triển vận động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. - Vận dụng xây dựng được môi trường giáo dục phát triển vận động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. - Vận dụng được các điều kiện để tổ chức các hoạt động phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm.		- GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
5	Thực hành xây dựng môi trường GD. Bài kiểm tra số 1 - Những vấn đề cơ bản về giáo dục phát triển vận động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. - Quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong phát triển vận động cho trẻ mầm non		Vận dụng xây dựng được các loại môi trường giáo dục, vật chất, xã hội để tổ chức hoạt động phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm. - Trình bày được những kiến thức cơ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV nhận xét, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch của NH. Chấm bài kiểm tra tự luận. - NH trình bày kế hoạch, lắng nghe, ghi chép những thông tin cần thiết. GV - Ra đề, đáp án - Tổ chức cho

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			bản về giáo dục phát triển vận động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. - Phân tích được những kiến thức cơ bản về Quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong phát triển vận động cho trẻ mầm non.		NH làm bài kiểm tra - Chấm bài theo đáp án NH: - Làm bài kiểm tra
6	Chương 3. Hướng dẫn tổ chức giáo dục vận động theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm 29T = 4LT + 25TH, KT 3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non 3.1.1. Vai trò của việc lập kế hoạch 3.1.2. Những căn cứ để lập kế hoạch 3.1.3. Lập kế hoạch giáo dục vận động cho trẻ mầm non	4LT	- Phân tích được vai trò của việc lập kế hoạch. - Phân tích những căn cứ để lập kế hoạch - Vận dụng xây dựng được kế hoạch phát triển vận động cho trẻ mầm non.	CLO3 CLO4	- GV giới thiệu tài liệu số [2, tr 102-118]. - GV tổ chức thảo luận theo nhóm, nhận xét, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					tập tiếp theo.
7,8	Thực hành lập kế hoạch giáo dục phát triển vận động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.	5	- Vận dụng lập được kế hoạch giáo dục phát triển vận động theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.	CLO3 CLO4	- GV nhận xét, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch của NH. - NH trình bày kế hoạch, lắng nghe, ghi chép những thông tin cần thiết. - GV tổng kết, giao nhiệm vụ về nhà.
9,10	Kiến tập tại cơ sở GDMN	6	- Mô tả được các hoạt động của GV và trẻ trong quá trình dự giờ.	CLO3 CLO4	- NH dự giờ tại cơ sở GDMN. (ghi chép tiến trình tổ chức của GVMN và các hoạt động của trẻ). - GV tổ chức nhận xét, rút KN.
11-15	Thực hành tập dạy (Bài kiểm tra số 2 lấy điểm trong quá trình tập dạy).	14	Tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được kế hoạch GD cho trẻ MN. - Tổ chức được các hoạt động theo kế hoạch giáo dục.	CLO3 CLO4	- NH tập dạy theo KH đã được duyệt. - GV dự, nhận xét, điều chỉnh. - GV chấm điểm theo phiếu chấm.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức tham gia học tập, thực hiện nhiệm vụ GV giao.		x	CLO4	- Theo dõi ý thức học tập của NH. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày nghỉ của NH
A2 Đánh giá định kỳ	30%	1. Đánh giá được những nội dung cơ bản về PTVĐ lấy trẻ làm TT (tuần 5).	50%		CLO1 CLO4	Chấm bài kiểm tra tự luận của NH.
		2. Đánh giá kiến thức, kỹ năng của NH về năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động vận động lấy trẻ làm trung tâm (tuần 12-15).	50%	x	CLO2 CLO3 CLO4	Chấm thực hành tập giảng
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	1. Những vấn đề chung về phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm. 2. Các quan điểm, phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm. 3. Lập KHPTVĐ lấy trẻ làm TT	30% 40% 30%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Thi tự luận

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		theo các lứa tuổi.				

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Rubric đánh giá chuyên cần

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1-2 của học phần.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

* Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 3 của học phần.
- Hình thức: thực hành
- Thời gian: phút.

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm của việc phát triển vận động lấy trẻ làm trung tâm; đặc điểm phát triển tâm-sinh lý vận động của trẻ mầm non.	Nội dung đủ ý, rõ ràng. Liên hệ với thực tiễn. Trình bày logic, khoa học.	5
2	Quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong phát triển vận động cho trẻ mầm non	Nội dung đủ ý, rõ ràng. Liên hệ với thực tiễn. Trình bày logic, khoa học.	5
Tổng điểm			10

Bảng 6b. Rubric thực hành đánh giá bài kiểm tra định kì 2

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc	

		nhóm.	chưa tốt.		của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/ tập giảng	Không thuyết minh/ thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng,	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp	15%

	chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	còn nhiều sai sót.	trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1,2,3
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Trọng số
1	Những vấn đề chung về hoạt động phát triển vận động theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.	3
2	Các hoạt động phát triển vận động theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.	4
3	Lập KH hoạt động phát triển vận động trẻ theo các lứa tuổi.	3
	Tổng số	10

Quảng Ninh, ngày... tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Minh Huệ

- CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục tích hợp cho trẻ tại các cơ sở GDMN;

- CO4: Có kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN;

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có trách nhiệm, chủ động trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp cho trẻ tại các cơ sở GDMN.

3. Chuẩn đầu ra của học phần “Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được kiến thức chung về giáo dục tích hợp và giáo dục tích hợp trong Giáo dục Mầm non.	CO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN.	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động giáo dục thích hợp theo chủ đề tại các cơ sở GDMN.	CO3, CO4
CLO4	Giải quyết được các tình huống phát sinh trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.	CO4
CLO5	Tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hợp tác, kiên trì, trong tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp cho trẻ tại các cơ sở GDMN.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	I	I					I	I
CLO 2		M	M	I	I	I	I		I	I
CLO 3			M	I	I	I	I	I	I	I
CLO 4					R	I	I		I	I
CLO 5						I	R	I	I	R
Tổng hợp học phần		R	M		R	I	I	I	I	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thị Hòa, (2013), Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình GDMN, (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT), ngày 13.4.2021.
- [3]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.
- [4]. Lê Thu Hương (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi*, NXBGD.
- [5]. Lê Thu Hương (chủ biên, 2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi ;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	<i>Giới thiệu học phần (*)</i> Chương 1. Giáo dục tích hợp và giáo dục tích hợp ở cấp học mầm non (15 tiết) <i>1.1. Giáo dục tích hợp</i> <i>1.1.1. Sự cần thiết phải tiếp cận với giáo dục tích hợp</i>		- Mô tả được vị trí, vai trò của HP trong CTĐT. - Trình bày được sự cần thiết phải tiếp	CLO1	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 1. * NH: nghiên cứu tài liệu 1, Làm bài tập chương 1.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>1.1.2. Khái niệm về giáo dục tích hợp và những nét đặc trưng của nó</i> <i>1.1.3. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục tích hợp</i> <i>1.1.4. Những cơ sở tiếp cận giáo dục tích hợp</i> <i>1.1.5. Một số cách tích hợp các môn học</i>	3	cận với giáo dục tích hợp. - Phân tích được khái niệm, đặc trưng của giáo dục tích hợp. - Trình bày được một số khái niệm cơ bản của giáo dục tích hợp. - Phân tích được cơ sở tiếp cận giáo dục tích hợp. - Trình bày được một số cách tích hợp các môn học.		* GV: - Giới thiệu HP; - Cung cấp minh chứng; - Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ học tập cho NH; - Tổ chức cho NH thảo luận (TL); - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.
2	<i>1.2. Giáo dục tích hợp ở cấp học mầm non</i> <i>1.2.1. Ý nghĩa và mục tiêu của việc tích hợp trong giáo dục mầm non</i> <i>1.2.2. Quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non</i>	3	- Trình bày được ý nghĩa và mục tiêu của tích hợp của tích hợp trong GDMN. - Phân tích được quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non.	CLO1 CLO2 CLO5 CLO2	* GV: - Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ học tập cho NH; - Tổ chức cho NH thảo luận (TL); - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
3	1.2.3. Cơ sở khoa học của giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non 1.2.4. Chương trình giáo dục mầm non theo hướng tích hợp	3	- Giải thích được cơ sở khoa học của giáo dục tích hợp ở cấp học mầm non. - Trình bày được các cách thức soạn thảo chương trình GDMN theo quan điểm tích hợp.	CLO3 CLO4	- Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những TT cần thiết.
4	1.3. Thảo luận, thực hành (6 tiết) 1.3.1. Thảo luận Quan điểm tích hợp trong GDMN	3	- Phân tích được bản chất của quan điểm tích hợp trong GDMN.	CLO2 CLO3 CLO4	* GV: - Chia nhóm, tổ chức cho NH thảo luận; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - Thảo luận nhóm; - Báo cáo kết quả, phản biện.
5	1.3.2. Thực hành Lựa chọn các chủ đề; xây dựng mạng nội dung, mạng hoạt động của chủ đề	3	- Xây dựng được mạng nội dung, mạng hoạt động của chủ đề.		* GV: giao bài tập cho NH, tổ chức cho NH báo cáo sản phẩm, đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: Thực hành xây dựng mạng nội dung và mạng hoạt động, báo cáo sản phẩm, đánh giá sản phẩm của nhóm bạn. * GV: Cùng cố và giao nhiệm vụ tự học.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
6	Chương 2. Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở cơ sở mầm non 2.1. Một số vấn đề chung về tổ chức hoạt động tích hợp theo chủ đề ở cơ sở GDMN <i>2.1.1. Sự cần thiết của việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN</i> <i>2.1.2. Khái niệm về tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN</i> <i>2.1.3. Một số yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN</i> <i>2.1.4. Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN</i>	3	- Giải thích được sự cần thiết của việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN. - Phân tích được khái niệm về tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN. - Trình bày được một số yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN. - Vận dụng được phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* GV giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 2. * NH: nghiên cứu tài liệu 1, làm bài tập chương 2. * GV: - Đặt vấn đề nghiên cứu; - Tổ chức cho NH thảo luận nhóm; - Đánh giá chốt vấn đề. * NH: - Phản hồi tích cực; - Xem video về tổ chức hoạt động học theo quan điểm tích hợp; - Các nhóm nghiên cứu, TL, trình bày; - NH lắng nghe, quan sát các nhóm trình bày; - Nhận xét, đánh giá.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
7	2.1.5. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN 2.1.6. Các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN 2.1.7. Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề	3	- Vận dụng được hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN. - Vận dụng được các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo CD cho trẻ ở các cơ sở GDMN. - Giải thích được vai trò của giáo viên trong việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề.		* GV giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 2. * NH: nghiên cứu tài liệu * GV: - Đặt vấn đề nghiên cứu; - Đánh giá chốt vấn đề. * NH: - Phản hồi tích cực; - Các nhóm nghiên cứu, TL, trình bày; - NH lắng nghe, quan sát các nhóm trình bày; - Nhận xét, đánh giá.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
8	2.2. Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở cơ sở GD MN (6 tiết) 2.2.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày 2.2.2. Tổ chức hoạt động với đồ vật 2.2.3. Tổ chức hoạt động học. 2.2.4. Tổ chức hoạt động vui chơi. 2.2.5. Tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở các cơ sở GDMN.	3	- Vận dụng được lí luận về giáo dục tích hợp trong tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ. - Vận dụng được lí luận về giáo dục trong tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ. - Áp dụng được lí luận về giáo dục trong tổ chức hoạt động học cho trẻ.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* GV: - Đặt vấn đề nghiên cứu; thảo luận - Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Tổ chức cho NH thảo luận nhóm; - Đánh giá chốt lại vấn đề. * NH: - Phản hồi tích cực; - Nghe giảng; - Xem video về tổ chức hoạt động theo quan điểm tích hợp - Nghiên cứu, TL nhóm; - NH lắng nghe, quan sát, nhận xét các nhóm trình bày.
9	* Thảo luận về sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động tích hợp	3	Giải thích, chứng minh được sự kết hợp linh hoạt, hợp lí các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động tích hợp cho trẻ mầm non.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* GV: - Chia nhóm, tổ chức cho NH thảo luận; - Đánh giá, giải thích, chốt lại vấn đề. * NH: - Thảo luận nhóm; - Trình bày kết quả TL, phản biện, trình bày quan điểm; - Ghi lại những

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
					TT cần thiết.
	Đánh giá định kì bài số 1 Những vấn đề lý luận về giáo dục tích hợp và giáo dục tích hợp ở cấp học mầm non, tổ chức các hoạt động tích hợp.		Phân tích, khái quát những vấn đề chung về giáo dục tích hợp và giáo dục tích hợp ở cấp học MN.	CLO1 CLO2 CLO5	- GV giao bài tập, đánh giá kết quả theo tiêu chí. - NH làm bài, nộp bài.
10-14	2.3. Thực hành: Thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động CSGD cho trẻ theo hướng tích hợp (Tại trường MGTH và lớp học) <i>2.3.1. Thực hành: Thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động CSGD cho trẻ nhà trẻ theo hướng tích hợp</i> <i>2.3.2. Thực hành: Thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động CSGD cho trẻ 3-4 tuổi theo hướng tích hợp</i> <i>2.3.3. Thực hành: Thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động CSGD cho trẻ 4-5 tuổi theo hướng tích hợp</i> <i>2.3.4. Thực hành: Thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động CSGD cho trẻ 5-6 tuổi theo hướng tích hợp</i>	15	- Thực hiện được: chế độ sinh hoạt hàng ngày, tổ chức các hoạt động với đồ vật, tổ chức hoạt động học, tổ chức hoạt động vui chơi, tổ chức ngày hội, ngày lễ theo hướng tích hợp cho trẻ ở các cơ sở GDMN. - Thiết kế và tổ chức được các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ tại các cơ sở GDMN.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* GV: - Giao bài tập thực hành cho NH; - Tổ chức cho NH thực hành; - Tổ chức cho NH nhận xét, đánh giá bài thực hành; - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. * NH: - Các nhóm thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động theo hướng tích hợp; - NH lắng nghe, quan sát các nhóm tổ chức hoạt động; - Nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của nhóm bạn.
15	Đánh giá định kì bài số 2 Thiết kế, tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở các cơ sở GDMN.	3		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO 5	- Theo dõi ý thức học tập của NH, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày học của NH.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Đánh kiến thức lý luận về giáo dục tích hợp cho trẻ mầm non.	40%	x	CLO 1 CLO2 CLO5	Đánh giá bài tập chương 1,2.
		Đánh kiến thức lý luận về Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non và thực hành thiết kế hoạt động GD tích hợp cho trẻ ở trường Mầm non.	60%		CLO 3 CLO 4 CLO 5	Đánh giá thực hành chương 2. Chia nhóm và thực hiện các nội dung thực hành
A3. Đánh giá cuối kì	60%	1. Giáo dục tích hợp 2. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non 2. Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non.	20% 30% 50%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Thi tự luận

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Rubic đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1,2 của học phần.

- Hình thức: Bài tập

Bảng 6. Rubric đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu về thể thức nhưng còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

				tiết.		

* Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: chương 1,2

- Hình thức đánh giá: thực hành

Bảng 7. Rubric đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%

Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nội dung Chương 1,2 của học phần
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Biểu điểm
1	Lí luận về giáo dục tích hợp và giáo dục tích hợp ở cấp học mầm	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có	5

	non	minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	
2	Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở cơ sở mầm non	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Đặng Quang Rinh

2.2.2. Về kĩ năng

- CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non.

- CO4: Có kỹ năng đánh giá, điều chỉnh các hoạt động phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có ý thức trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ; linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần^{xi}

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO 1	Mô tả, lí giải được các vấn đề: - Phát triển năng lực đọc - viết nhằm hoàn thiện phát triển ngôn ngữ toàn diện cho trẻ mầm non. - Các giai đoạn để phát triển tiền đọc -viết cho trẻ mầm non. - Vai trò, ý nghĩa của việc phát triển năng lực đọc - viết, chuẩn bị tiền đề để cho trẻ mầm non bước vào lớp 1. - Các phương pháp, các tiêu chí đánh giá năng lực đọc - viết của trẻ mầm non.	CO1, CO2, CO5
CLO 2	Thiết kế được các hoạt động phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non dựa trên cơ sở vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp.	CO3, CO4, CO5
CLO 3	Tổ chức được các hoạt động phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non; tích hợp với các hoạt động khác trong trường mầm non để tăng cường năng lực tiếng Việt cho trẻ.	CO2, CO3, CO4, CO5
CLO 4	Nghiêm túc, tích cực trong học tập; nhận thức được vai trò của việc đọc - viết đối với sự phát triển ngôn ngữ, tâm lý, trí tuệ của trẻ mầm non; chuẩn bị hành trang cho trẻ vào lớp 1.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I,R,M,A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		M	M	M	R	M				
CLO2		M	M	M	R	M				
CLO3		M	M	M	R	M			R	M
CLO4		M	M	M	R	M			R	M
CLO5		M	M	M	R	M			R	M
CLO6		M	M	M	R	M			A	M
Tổng hợp		M	M	M	R	M			R	M

học phần										

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Đinh Thanh Tuyền (2021), *Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, Nxb Đại học Sư Phạm, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình Giáo dục Mầm non*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Lã Thị Bắc Lý (2017), *Giáo trình Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[4]. Đinh Hồng Thái (2013), *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, giáo trình dành cho hệ cử nhân GDMN, Nxb ĐH sư phạm.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 4 tiết/ 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	<i>Giới thiệu chung*</i>		- Mô tả được vị trí, vai trò, nội dung học phần.		- Giảng viên (GV) thuyết giảng, hướng dẫn người học (NH) tìm hiểu chung về học phần. - NH lắng nghe, trao đổi kết hợp tìm hiểu đề cương chi tiết (ĐCCT).
	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VIỆC	3LT – 3TH			

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC - VIẾT CHO TRẺ MẦM NON				
	1.1. Một số văn bản pháp lý liên quan đến việc phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non 1.2. Khái niệm năng lực đọc - viết của trẻ mầm non 1.3. Các giai đoạn phát triển tiền đọc - viết cho trẻ mầm non 1.4. Ý nghĩa của việc cho trẻ làm quen với việc học đọc, học viết	3LT	- Xác định được một số văn bản pháp lý liên quan đến việc đọc - viết cho trẻ mầm non. - Phân tích được khái niệm, các giai đoạn phát triển và ý nghĩa của việc đọc - viết đối với trẻ mầm non.	CLO1 CLO4	+ GV: - Giao nhiệm vụ cho NH. - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4. - Giao nhiệm vụ học tập: chuẩn bị các nội dung thực hành chương 1. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,2,3]. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Tiến hành thảo luận; báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức.
2	* Thực hành: - Tìm hiểu chương trình dạy đọc - viết và khả năng đọc - viết của trẻ mầm non tại cơ sở giáo dục.	3TH	- Trình bày, mô tả được chương trình dạy đọc - viết của cơ sở giáo dục mầm non. - Phân tích được khả năng đọc - viết của trẻ tại	CLO1 CLO4	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ ở nhà của NH. - Giao nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu Chương 2, mục 2.1. + NH: - Nghiên cứu tài

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			cơ sở giáo dục mầm non.		liệu [1,2,3]. - Báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
3	CHƯƠNG 2. CÁC HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC - VIẾT CHO TRẺ MẦM NON	10L T – 10T H			
	2.1. Các hình thức phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non 2.1.1. Cho trẻ “đọc truyện tranh” 2.1.2. Cho trẻ mô tả và tạo ra câu chuyện từ các bức vẽ 2.1.3. Tạo môi trường chữ viết 2.1.4. Dạy trẻ làm quen với chữ viết ở mọi lúc, mọi nơi	3LT	- Mô tả được các hình thức phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non.	CLO2 CLO3 CLO4	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ ở nhà của NH. - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4. - Giao nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu mục 2.2. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,2,3]. - Báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức. - Thực hiện các

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					nhiệm vụ học tập do GV giao.
4	2.2. Các phương pháp phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non 2.2.1. Phương pháp phát triển năng lực đọc cho trẻ mầm non 2.2.2. Phương pháp phát triển năng lực viết cho trẻ mầm non	3LT	- Mô tả được các phương pháp để phát triển năng lực đọc và năng lực viết cho trẻ mầm non.	CLO2 CLO3 CLO4	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ ở nhà của NH. - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 2.2.1, 2.2.2. - Giao nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu mục 2.3. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,2,3]. - Báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
5	2.3. Các tiêu chí đánh giá năng lực đọc - viết của trẻ mầm non 2.3.1. Ngôn ngữ nói 2.3.2. Năng lực ngữ âm, âm vị 2.3.3. Nhận thức về chữ cái	3LT	- Phân tích và áp dụng được các tiêu chí để đánh giá năng lực đọc - viết của trẻ mầm non.	CLO2 CLO3 CLO4	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ ở nhà của NH. - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3. - Giao nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu mục 2.3.4, 2.3.5 và

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					thực hành. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,2,3]. - Báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
6,7,8, 9	2.3.4. Nhận thức về sách, ấn phẩm 2.3.5. Viết và gắn nghĩa sáng tạo	1LT	- Phân tích và áp dụng được các tiêu chí để đánh giá năng lực đọc - viết của trẻ mầm non.	CLO2 CLO3 CLO4	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ ở nhà của NH. - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 2.3.4, 2.3.5.
	* Thực hành: - Lập kế hoạch phát triển năng lực đọc - viết theo từng giai đoạn phát triển của trẻ mầm non. - Đánh giá năng lực đọc - viết của trẻ mầm non trên cơ sở các tiêu chí được học. - Đề xuất tiêu chí đánh giá năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non.	10 TH	- Thiết kế được các kế hoạch phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp. - Đề xuất được các tiêu chí đánh giá năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non.	CLO2 CLO3 CLO4	- Giao nhiệm vụ học tập: thực hiện các nội dung thực hành theo yêu cầu. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,2,3]. - Báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
	KIỂM TRA	1		CLO2 CLO3	- GV tổ chức, hướng dẫn kiểm

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
				CLO4	tra. - NH làm bài kiểm tra.
10	CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC - VIẾT CHO TRẺ MẦM NON	3LT – 14TH			+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ ở nhà của NH. - Thuyết giảng, tổ chức thảo luận, chốt kiến thức mục 3.1 - Giao nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu mục 3.2. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,2,3]. - Báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
	3.1. Thiết kế các hoạt động phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non	3LT		CLO2 CLO3 CLO4	
11,12	* Thực hành: - Thiết kế các hoạt động phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non.	6TH		CLO2 CLO3 CLO4	
13,14,15	3.2. Tổ chức các hoạt động phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non *Thực hành: - Tổ chức các hoạt	8TH		CLO2 CLO3 CLO4	+ GV: - Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ ở nhà của NH. - Cho NH thực

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	động phát triển năng lực đọc cho trẻ mầm non. - Tổ chức các hoạt động phát triển năng lực viết cho trẻ mầm non.				hành các nội dung Chương 3. - Giao nhiệm vụ học tập: Tìm hiểu mục 2.3. + NH: - Nghiên cứu tài liệu [1,2,3]. - Báo cáo, trao đổi trước lớp. - Lắng nghe GV chốt kiến thức. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao.
	Kiểm tra	1		CLO2, CLO3, CLO4	- GV tổ chức, hướng dẫn kiểm tra. - NH làm bài kiểm tra.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	+ Số buổi đi học đầy đủ. + Tích cực xây dựng bài, trao đổi,	- 30% - 30% - 40%		CLO6	- Theo dõi ý thức học tập của NH. Kiểm tra việc thực

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. + Ý thức tự học.				hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày nghỉ của NH.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Nội dung kiến thức Chương 1, Chương 2.	50%		CLO1, CLO4	- Đánh giá bài kiểm tra tự luận trên giấy.
		Nội dung kiến thức Chương 3.	50%		CLO2, CLO3, CLO4	- Đánh giá bài kiểm tra tự luận trên giấy.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Nội dung kiến thức Chương 1, Chương 2, Chương 3.	40% 60%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	- Đánh giá bài thi tự luận trên giấy.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 95\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 100\%$ số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo	30%

			giờ học.	tập, trao đổi, TL	luận, đặt câu hỏi.	
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập GV giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Chương 1, chương 2.
- Hình thức: Tự luận.
- Thời gian: 50 phút.

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1^{xii}

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: Những vấn đề lý luận về việc phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non.	Theo đáp án, biểu điểm chấm.	4,0
2	Chương 2: Các hình thức, phương pháp phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non	Theo đáp án, biểu điểm chấm.	6,0
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chương 3.
- Hình thức: Tự luận.
- Thời gian: 50 phút.

Bảng 6b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2^{xiii}

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 3. Tổ chức các hoạt động phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non	Theo đáp án, biểu điểm chấm.	10
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1,2,3.
- Hình thức: Tự luận.

- Thời gian: 90 phút.

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần^{xiv}

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: Những vấn đề lý luận về việc phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non. Chương 2: Các hình thức, phương pháp phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non	Theo đáp án, biểu điểm chấm.	4.0
2	Chương 3. Tổ chức các hoạt động phát triển năng lực đọc - viết cho trẻ mầm non	Theo đáp án, biểu điểm chấm.	6.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

Hà Ngọc Yến

**2.5.49. Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non
(2 tín chỉ)**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620034
1.2. Tên học phần:	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Organizing social and emotional development activities for preschool children
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT+1TH)
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành, kiểm tra:	30 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	TS Vũ Vương Trường
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS Nguyễn Thị Điệp ThS Trần Thị Hòa
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không.
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có các kiến thức và kỹ năng cơ bản về các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non

2.2. Mục tiêu học phần cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản về phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

CO2: Có kiến thức về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức trách nhiệm giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho MT
CLO1	Giải thích được những kiến thức cơ bản về tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.	CO1
CLO2	Vận dụng được nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.	CO3
CLO4	Chủ động, trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp, cha mẹ/ người chăm sóc trẻ trong việc phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I				R			I	I
CLO 2			R						R	R
CLO 3				R	I	I			I	I
CLO 4									R	I
Tổng hợp học phần		I	R	R	I	I			R	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Lương Thị Bình, Phan Lan Anh (2020), *Các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), *Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non Số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021*

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

[4]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.

[5]. Lê Thu Hương (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi*, NXBGD.

[6]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết.
- Tổng số tuần học: 15 tuần.
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi.
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học, các buổi thực hành.
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài.
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>* Giới thiệu học phần</i>		- Mô tả được vị trí, vai trò của học phần (HP) trong chương trình đào tạo		
1	Chương 1. Một số vấn đề chung về phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non (6LT +3TH, TH) 1.1. Một số khái niệm 1.1.1. Tình cảm 1.1.2. Kỹ năng xã hội 1.1.3. Tình cảm kỹ năng xã hội 1.2. Ý nghĩa, vai trò của sự phát triển tình cảm, kỹ năng		- Trình bày được khái niệm Tình cảm đối với việc phát triển tình cảm KNXH. - Trình bày được khái niệm kỹ năng xã hội đối với việc phát triển	CLO1 CLO4	- GV giới thiệu tài liệu số [1, tr 7-10]; [2, tr 148-150] - GV tổ chức thảo luận theo nhóm. Nhận xét, minh họa, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	xã hội 1.2.1. Ý nghĩa 1.2.1.1. Đối với trẻ em 1.2.1.2. Đối với nhà trường và giáo viên 1.2.1.3. Đối với gia đình trẻ và cộng đồng 1.2.2. Vai trò 1.2.2.1. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội thúc đẩy sự phát triển tích cực của cá nhân trẻ và xã hội 1.2.2.2. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội là tiền đề cho sự phát triển toàn diện của trẻ 1.3. Đặc điểm phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội của trẻ mầm non 1.3.1. Đặc điểm phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội của trẻ nhà trẻ 1.3.2. Đặc điểm phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo		tình cảm KNXH cho trẻ mầm non. - Trình bày được khái niệm tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non - Phân được ý nghĩa của việc phát triển TCKXH cho trẻ MN. - Phân tích được vai trò của việc phát triển TCKNXH của trẻ mầm non. - Trình bày được đặc điểm phát triển TCKNXH của trẻ nhà trẻ. - Trình bày được đặc điểm phát triển TCKNXH của trẻ mẫu giáo.		- NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
2	1.4. Những yêu cầu đối với phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ 1.4.1. Yêu cầu chung 1.4.1.1. Lấy trẻ làm trung tâm		- Phân tích được yêu cầu chung đối với việc phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội	CLO1 CLO4	- GV kiểm tra kết quả bài tập về nhà. Nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung đã

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	1.4.1.2. Đảm bảo về nhạy cảm giới 1.4.2. Yêu cầu cụ thể 1.4.2.1. Đối với việc lập kế hoạch phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội 1.4.2.2. Đối với xây dựng môi trường giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội 1.4.2.3. Đối với việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		cho trẻ Mầm non. - Phân tích được những yêu cầu khi lập kế hoạch phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ MN. - Phân tích được những yêu cầu khi lập kế hoạch phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ MN. - Phân tích được những yêu cầu khi tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ MN.		chuẩn bị trước của NH . - NH Trình bày kết quả đã chuẩn bị. Lắng nghe, phản hồi, ghi chép những thông tin cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
3	1.5. Nội dung dạy trẻ phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội 1 1.5.1. Nội dung phát triển TCKNXH cho trẻ nhà trẻ 1.5.2. Nội dung phát triển TCKNXH cho trẻ mẫu giáo Thực hành: Liệt kê các nội dung hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ các lứa tuổi.		- Vận dụng được những nội dung để giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ nhà trẻ. - Vận dụng được những nội dung giáo dục, phát triển tình cảm, kỹ	CLO1 CLO2 CLO4	- GV kiểm tra kết quả bài tập về nhà. Nhận xét, lấy ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung đã chuẩn bị trước của NH . - NH Trình bày kết quả đã chuẩn bị. Lắng nghe, phản hồi, ghi

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			năng xã hội cho trẻ nhà mẫu giáo. - So sánh được sự giống và khác nhau nội dung phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho các lứa tuổi.		chép những thông tin cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
4	Chương 2. Phương pháp, hình thức phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non (12LT – 24TH, KT) 2.1. Phương pháp giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ 2.1.1. Phương pháp dùng tình cảm 2.1.2. Phương pháp làm mẫu cho trẻ noi theo 2.1.3. Phương pháp dùng trò chơi 2.1.4. Phương pháp đàm thoại, trò chuyện với trẻ 2.1.5. Phương pháp dùng nghệ thuật 2.1.6. Phương pháp luyện tập hành vi ứng xử thường xuyên trong sinh hoạt hằng ngày 2.1.7. Phương pháp khuyến khích, động viên 2.1.8. Tạo môi trường cảm	3	- Vận dụng được các phương pháp trong giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.	CLO2 CLO4	- GV giới thiệu tài liệu số [1, tr 10-11]; [2, tr 158-164] - GV tổ chức thảo luận theo nhóm. Nhận xét, minh họa ví dụ, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.3.1.1. Lựa chọn nội dung 2.3.1.2 Hướng dẫn tổ chức các hoạt động có chủ đích 2.3.1.3. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động ở mọi lúc mọi nơi		động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội trong hoạt động có chủ đích cho trẻ nhà trẻ. - Tổ chức được các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội trong hoạt động mọi lúc mọi nơi cho trẻ nhà trẻ.		nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
7	2.3.2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 2.3.2.1. Hướng dẫn lựa chọn nội dung 2.3.2.1. Hướng dẫn tích hợp giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ trong chế độ sinh hoạt hằng ngày 2.3.2.2. Tích hợp nội dung giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội trong hoạt động học 2.3.2.3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động học phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		- Vận dụng được nội dung phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non. - Tổ chức được các hoạt động tích hợp giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ trong chế độ sinh hoạt hằng ngày. - Vận dụng được tích hợp nội dung giáo	CLO3 CLO4	- GV tổ chức thảo luận theo nhóm. Nhận xét, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội trong hoạt động học. - Vận dụng tổ chức được hoạt động học phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội.		
8	2.4. Xây dựng kế hoạch tổ chức giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 3 2.4.1. Lứa tuổi nhà trẻ 2.4.2. Lứa tuổi mẫu giáo	3	- Vận dụng lập được kế hoạch hoạt động giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ MN.	CLO3 CLO4	- GV hướng dẫn xây dựng kế hoạch theo nhóm. Nhận xét, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH. - NH thảo luận nội dung GV giao. Trình bày kết quả thảo luận, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
9,10	Thực hành: Lập kế hoạch giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ Mầm non	3	- Vận dụng lập được kế hoạch <i>giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo</i>		- GV nhận xét, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch của NH. - NH trình bày kế hoạch, lắng nghe, ghi chép

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					những thông tin cần thiết. - GV tổng kết, giao nhiệm vụ về nhà.
11	Kiến tập tại cơ sở GDMN	3	- Mô tả được các hoạt động của GV và trẻ trong quá trình dự giờ.	CLO3 CLO4	- NH dự giờ tại cơ sở GDMN. (ghi chép tiến trình tổ chức của GVMN và các hoạt động của trẻ). - GV tổ chức nhận xét, rút KN.
12-15	Thực hành tập dạy (Bài kiểm tra số 2 lấy điểm trong quá trình tập dạy).	12	Tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được kế hoạch GD cho trẻ MN. - Tổ chức được các hoạt động theo kế hoạch giáo dục.	CLO3 CLO4	- NH tập dạy theo KH đã được duyệt. - GV dự, nhận xét, điều chỉnh. - GV chấm điểm theo phiếu chấm.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức tham gia học tập, thực hiện nhiệm vụ GV giao.		x	CLO4	- Theo dõi ý thức học tập của NH. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày nghỉ của NH.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	- Những kiến thức cơ bản về phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non - Những kiến thức cơ bản về các phương pháp, hình thức phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non. (tuần 5)	40%		CLO1 CLO4	- NH làm bài tự luận. - GV Chấm bài kiểm tra tự luận của NH theo đáp án.
		2. Đánh giá kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm KNXH cho trẻ tại các cơ sở GDMN. (tuần 11-15).	60%	x	CLO2 CLO3 CLO4	- NH thực hiện hoạt động. GV Chấm KHBH, tổ chức hoạt động học phát triển tình cảm, kỹ KNXH cho trẻ MN của NH.

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	1. Những kiến thức cơ bản về phát triển tình cảm KNXH cho trẻ MN. 2. Những kiến thức cơ bản về phương pháp, hình thức phát triển tình cảm KNXH cho trẻ MN. 3. Lập KH phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ theo các lứa tuổi.	40% 40% 20%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- NH thi vấn đáp. - GV chấm điểm theo biểu điểm.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp. - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 95\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%

Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq$ 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq$ 75% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Bài 1: Nội dung 1 (mục A2). Tự luận
- Bài 2: Nội dung 2 (mục A2). Thực hành
- Hình thức: Tự luận, thực hành.
- Thời gian: phút.

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ 1

Đánh giá kiểm tra viết (written exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những kiến thức cơ bản về phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	- Nội dung đủ ý, rõ ràng. - Liên hệ với thực tiễn. - Trình bày khoa học, logic.	2 2 1
2	Những kiến thức cơ bản về các phương pháp, hình thức phát triển tình cảm KNXH cho trẻ MN.	- Nội dung đủ ý, rõ ràng. - Liên hệ với thực tiễn. - Trình bày khoa học, logic.	2 2 1
Tổng điểm			10

Bảng 6b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ 2

Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ MN thông qua các hoạt động	A. Phần chuẩn bị	
	- Soạn giáo án tốt.	1,0
	- Chuẩn bị đồ dùng đồ chơi cho HĐ phát triển TCKNXH, môi trường giáo dục tốt.	0,5
	- Chuẩn bị địa điểm hợp lý, khoa học.	0,5
	B. Đảm bảo tốt nội dung của hoạt động học	
	- Giới thiệu bài hay, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của trẻ.	0,5
	- Nội dung kiến thức đúng, đủ, đảm bảo được yêu cầu của bài học, phù hợp với nhận thức của trẻ.	3,0
	- Nội dung kiến thức phù hợp với điều kiện và khả năng tiếp thu của trẻ ở từng độ tuổi và hoàn cảnh cụ thể của địa phương.	1,0

	C. Phần phương pháp dạy trẻ	
	- Đảm bảo các nguyên tắc và các bước lên lớp.	0,5
	- Vận dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học và nhận thức, tình cảm xã hội cho trẻ.	1,5
	- Có sự sáng tạo trong việc sử dụng các phương pháp dạy học, kích thích được tính tích cực, chủ động...của trẻ trong quá trình học tập.	0,5
	D. Tác phong	
	- Tác phong đĩnh đạc, nhẹ nhàng, linh hoạt.	0,5
	- Không khí lớp học thoải mái, nhẹ nhàng, vui vẻ, MTGD đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi của trẻ.	0,5
	Tổng điểm	10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nội dung: 1,2 (mục A3).
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

ST T	Nội dung	Trọng số %
1	Những vấn đề chung về phát triển tình cảm KNXH cho trẻ MN.	40
2	Những kiến thức cơ bản về các phương pháp, hình thức phát triển tình cảm KNXH cho trẻ MN.	40
3	Lập KH phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội cho trẻ theo các lứa tuổi.	20
Tổng		10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thị Diệp

- CO1: Có kiến thức chung về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.
- CO2: Có kiến thức về đặc điểm, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức, quy trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO3: Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có trách nhiệm, nhiệt huyết trong việc giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần “Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Vận dụng được kiến thức chung về giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non trong quá trình CSGD trẻ.	CO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức về đặc điểm, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức, quy trình giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non trong quá trình CSGD trẻ.	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non.	CO3
CLO4	Tích cực, chủ động, linh hoạt, hợp tác, chia sẻ trong việc giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R					R		I	I
CLO 2		M	R		I	I	R		I	I
CLO 3			M	I	I	R	I	I	I	I
CLO 4						R	R	I	I	R
Tổng hợp học phần		R	R	I	R	R	R	I	I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Công Khanh, (2014) *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Thanh Bình, (2017), *Chuyên đề giáo dục kĩ năng sống*. NXB ĐHSP.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01/VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

[4]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.

[5]. Lê Thu Hương (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi*, NXBGD.

[6]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 10 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài – Tự luận

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	* GV giới thiệu học phần Chương 1. Một số vấn đề chung về kĩ năng sống và giáo dục kĩ năng sống 1.1. Khái niệm kĩ năng sống và giáo dục kĩ năng sống 1.1.1. Khái niệm kĩ năng sống 1.1.2. Khái giáo dục kĩ năng sống 1.2. Phân loại kĩ năng sống 1.3. Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non 1.3.1. Khái niệm 1.3.2. Tầm quan trọng	3	- Xác định được vị trí, vai trò của học phần trong chương trình đào tạo. - Giải thích được khái niệm kĩ năng sống (KNS) và giáo dục KNS. - Trình bày được các KNS cần thiết trong cuộc sống. - Phân tích được tầm	CLO1 CLO4	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 1. * NH: nghiên cứu tài liệu 1 - Cung cấp minh chứng; - Giảng giải; - Giao nhiệm vụ học tập cho NH; - Tổ chức cho NH thảo luận (TL); - Đánh giá, chốt lại vấn đề.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	và sự cần thiết của giáo dục kỹ năng sống 1.3.3. Mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN		quan trọng của KNS và sự cần thiết của giáo dục KNS. - Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ GD KNS cho trẻ MN.		* NH: - Trả lời các câu hỏi của GV; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.
2	* Thảo luận: Tính tất yếu, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục KNS cho trẻ trong trong thời kì cách mạng công nghệ 4.0 và hội nhập quốc tế.	3	- Phân tích được tác động của kinh tế thị trường, của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0, của hội nhập quốc tế đối với việc giáo dục KNS cho trẻ. - Định hướng được mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục KNS cho trẻ trong thời kì mới.	CLO1 CLO4	* GV: - Chia nhóm, tổ chức cho NH TL; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - TL nhóm; - Trình bày kết quả TL, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm; - Ghi lại những TT cần thiết. * GV: Cùng cổ và giao nhiệm vụ tự học.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
3	Chương 2. Đặc điểm, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức, quy trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.1. Đặc điểm giáo dục kỹ năng sống của trẻ mầm non 2.2. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.2.1. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ nhà trẻ 2.2.2. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo.	3	- Khái quát được đặc điểm giáo dục KNS cho trẻ mầm non. - Xác định được nội dung giáo dục KNS cho trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo.	CLO2 CLO4	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 2. * NH: nghiên cứu tài liệu 1,2
4	2.3. Các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.3.1. Nguyên tắc bảo đảm tính mục đích của giáo dục kỹ năng sống 2.3.2. Nguyên tắc phù hợp với đối tượng giáo dục kỹ năng sống 2.3.3. Nguyên tắc cung cấp thông tin cơ bản 2.3.4. Nguyên tắc khuyến khích động viên, cổ vũ người học và hướng họ đến tương lai sáng hơn 2.3.5. Nguyên tắc hình thành kỹ năng để có	3	Áp dụng được các nguyên tắc giáo dục KNS cho mầm non.	CLO2 CLO4	* GV: - Cung cấp minh chứng; - Giảng giải; - Cung cấp minh chứng; - Tổ chức cho NH thảo luận (TL); - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - Phản hồi tích cực; - HĐ nhóm; - Quan sát, lắng nghe,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>hành vi lành mạnh</i> 2.3.6. Nguyên tắc phát huy óc phê phán và khả năng lựa chọn phương án phù hợp của người học 2.3.7. Nguyên tắc phối hợp các lực lượng giáo dục kỹ năng sống 2.3.8. Nguyên tắc giáo dục đồng đẳng 2.3.9. Nguyên tắc thực hiện giáo dục kỹ năng sống kiên trì, thường xuyên và lâu dài				phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những TT cần thiết.
5	2.4. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.4.1. Phương pháp trực quan 2.4.2. Phương pháp dùng lời 2.4.3. Phương pháp thực hành 2.4.4. Phương pháp đóng vai 2.4.5. Phương pháp thảo luận nhóm	3	- Vận dụng được các phương pháp giáo dục KNS cho trẻ mầm non một hợp lý, linh hoạt.	CLO2 CLO4	* GV: - Tổ chức cho NH quan sát hoạt động mẫu; - Giao nhiệm vụ tự học cho NH; - Giảng giải, đàm thoại, gợi mở; - Tổ chức cho NH thảo luận (TL); - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - Xem video - Phản hồi tích cực;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
					- HD nhóm; - Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những TT cần thiết.
6	2.5. Hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.5.1. Giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày 2.5.2. Giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động vui chơi 2.5.3. Giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động học 2.5.4. Giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động ngày hội, ngày lễ 2.5.5. Giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động lao động 2.5.6. Giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động chuyên đề 2.6. Quy trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	3	- Vận dụng hợp lý, linh hoạt các hình thức giáo dục KNS cho trẻ mầm non. - Vận dụng được quy trình GDKNS cho trẻ MN.	CLO2 CLO4	
7	* Thảo luận: Sử dụng các phương pháp giáo dục KNS cho trẻ	3	- Giải thích và chứng minh được cơ sở của việc sử	CLO2 CLO4	* GV: - Chia nhóm, tổ chức cho NH TL;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>* Thảo luận: Sử dụng các hình thức giáo dục KNS cho trẻ</i>		dụng phối hợp các phương pháp và giáo dục KNS cho trẻ. - Lựa chọn được các phương pháp giáo dục KNS phù hợp với nội dung. - Giải thích và chứng minh được cơ sở của việc sử dụng phối hợp các hình thức giáo dục KNS cho trẻ. - Lựa chọn được các hình thức giáo dục phù hợp với nội dung.		- Đánh giá, giải thích, chốt lại vấn đề. * NH: - TL nhóm; - Trình bày kết quả TL, lắng nghe, các nhóm trình bày, phản biện, trình bày quan điểm. - Ghi lại những TT cần thiết. * GV: Cùng cổ và giao nhiệm vụ tự học.
8	- Thực hành một số nội dung giáo dục kỹ năng sống, mô phỏng tại lớp - Đánh giá định kỳ bài 1	3	- Thực hành - Hệ thống hóa được những vấn đề chung về: kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống. - Phân tích được đặc điểm, nội dung, nguyên	CLO1 CLO2 CLO4	- Thực hành - GV giao bài tập, đánh giá kết quả theo tiêu chí.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			tắc, phương pháp, hình thức, quy trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.		
9	Chương 3. Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 3.1. Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non <i>3.1.1. Vai trò của lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i> <i>3.1.2. Căn cứ lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i> <i>3.1.3. Các bước lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i>	3	- Trình bày được vai trò của lập kế hoạch giáo dục KNS cho trẻ mầm non. - Xác định được căn cứ xây dựng KH. - Vận dụng được các bước lập KHGDKNS cho trẻ.	CLO3 CLO4	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương. - Đàm thoại gợi mở; - Tổ chức cho NH thảo luận nhóm; - Tổ chức cho NH nhận xét, đánh giá; - GV chính xác hóa nội dung bài. * NH: - Nghiên cứu tài liệu 1,2. - Nghiên cứu kế hoạch mẫu; - Thảo luận nhóm; - NH lắng nghe, quan sát các nhóm trình bày; - Phản biện

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
					và bổ sung ý kiến.
10	3.2. Thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 3.2.1. Kiến tập – Tham quan dự lớp quan sát	3	- Mô tả lại được các hoạt động giáo dục KNS cho trẻ.	CLO3 CLO4	* GV: Tổ chức cho NH dự giờ, rút kinh nghiệm các hoạt động giáo dục KNS cho trẻ. * NH: Dự giờ, tham dự rút kinh nghiệm việc tổ chức các hoạt động giáo dục KNS.
11-15	3.3.2. Thực hành Thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ nhà trẻ 3.3.3. Thực hành Thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 3-4 tuổi 3.3.4. Thực hành: Thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 4-5 tuổi 3.3.5. Thực hành: Thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục	15	Thiết kế và tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non ở các độ tuổi.	CLO3 CLO4	* GV: - Giao bài tập thực hành cho NH; - Tổ chức cho NH tập dạy, nhận xét đánh giá; - Đánh giá, rút kinh nghiệm hoạt động thực hành của NH; * NH: - Làm bài tập GV giao; - Thực hành thiết kế và tổ

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi</i> * Đánh giá định kì bài 2		Thiết kế thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục KNS cho trẻ.		chức hoạt động giáo dục KNS theo sự phân công; - Tham gia nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. NH thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục KNS.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO 4	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra việc thực hiện vụ GV giao. - Thống kê ngày học của người học.
A2. Đánh giá định	30%	- Lí luận chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng	50%	x	CLO 1 CLO2 CLO4	Đánh giá kết quả bài tập

kỳ		sống - Đặc điểm, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức, quy trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non trong quá trình CSGD trẻ.				
		Đánh giá thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động GD KNS cho trẻ	50%		CLO1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Đánh giá TH
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	- Lí luận chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống - Đặc điểm, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức, quy trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non trong quá trình CSGD trẻ. - Thiết kế hoạt động GD KNS cho trẻ	20% 50% 30%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Thi tự luận

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	

Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Đánh giá định kỳ

8.2.2.1. Đánh giá bài định kỳ số 1

- Hình thức: Đánh giá bài tập
- Nội dung: Chương 1, 2

Bảng 6. Rubric đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài	Không nộp bài	Nộp chưa đúng thời	Nộp bài tập đúng thời	Nộp bài tập đúng thời	Nộp bài tập đầy đủ	20%

tập	tập.	gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định	
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu về thể thức nhưng còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

8.2.2.2. Đánh giá bài định kỳ số 2

- Hình thức: đánh giá thực hành
- Nội dung: Thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống

Bảng 7. Rubric đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	

Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng,	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự	20%

			còn một số nhầm lẫn, sai sót.	có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót.	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nội dung Chương 1,2,3 của học phần
- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian thi: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Biểu điểm
1	Khái niệm, qui trình, vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	2

2	Khái niệm mô hình, căn cứ, nguyên tắc, cấu trúc hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường Mầm non	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	3
3	Nội dung và thiết kế tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường Mầm non	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày.....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đặng Quang Rinh

Đặng Quang Rinh

2.5.51. Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA SƯ PHẠM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620036
1.2. Tên học phần:	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm
1.3. Tên tiếng Anh:	Building an educational environment in preschool in a child-centered direction
1.4. Số tín chỉ:	02 (1LT + 1TH)
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	16 tiết
- Thực hành, kiểm tra:	29 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Nguyễn Minh Huệ
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS Nguyễn Thị Hương ThS Nguyễn Ngọc Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không.
- Học phần học trước:	SP620014
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có kiến thức cơ bản về xây dựng môi trường giáo dục; có kiến thức, kỹ năng xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm một cách linh hoạt, sáng tạo.

2.2. Mục tiêu học phần cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản về môi trường giáo dục trong trường mầm non.

CO2: Có kiến thức về xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.

2.2.2. Về kĩ năng

CO3: Có kĩ năng xây dựng, sử dụng, đánh giá, điều chỉnh môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm; Làm đồ dùng, đồ chơi từ nguyên vật liệu thiên nhiên và nguyên vật liệu đã qua sử dụng.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Có ý thức trách nhiệm hợp tác, chia sẻ xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho MT
CLO1	Giải thích được những kiến thức cơ bản về môi trường giáo dục trong trường mầm non.	CO1
CLO2	Vận dụng được các kiến thức về xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục, học liệu trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.	CO2
CLO3	Thiết kế, đánh giá, điều chỉnh được môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm; Thiết kế được đồ dùng, đồ chơi từ nguyên liệu thiên nhiên và nguyên vật liệu đã qua sử dụng.	CO3
CLO4	Chủ động, trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp, phụ huynh trong việc xây dựng môi trường giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R							I	I
CLO 2		R			I				I	I
CLO 3			R	R	I				R	R
CLO 4						I			R	R
TH HP		R	R	R	I	I			R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Trịnh Thị Xim (chủ biên - 2019), *Xây dựng môi trường GD trong trường mầm non theo định hướng lấy trẻ làm trung tâm*. Nxb. ĐHQG Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình GDMN*, (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT), ngày 13.4.2021.

[3] Hoàng Thị Phương (Chủ biên, 2018), *Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non*. Nxb ĐHSP.

[4]. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân, (2008), *Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về MTXQ*, NXB Giáo dục.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết.
- Tổng số tuần học: 15 tuần.
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi.
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học, các buổi thực hành.
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài.
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>Giới thiệu học phần (*)</i>		- Nắm được vị trí là học phần chuyên ngành, trong CTĐT.		
1	Chương 1: Môi trường giáo dục trong trường mầm non (3LT) 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1t 1.1.1. Môi trường 1.1.2. Môi trường giáo dục 1.1.3. Môi trường giáo dục trong trường mầm non 1.1.4. Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm 1.1.5. Môi trường GD theo	3	- Phân tích được những khái niệm cơ bản về môi trường, môi trường giáo dục, giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, môi trường giáo dục theo hướng lấy trẻ	CLO1 CLO4	- GV giới thiệu tài liệu số [1, tr 11-35]. [5]. Giao nhiệm vụ thảo luận cho NH. - GV thuyết trình, nhận xét, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận của NH.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>hướng lấy trẻ làm trung tâm</i> 1.2. Phân loại môi trường giáo dục <i>1.2.1. Môi trường vật chất</i> <i>1.2.2. Môi trường tinh thần</i> 1.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của môi trường giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm <i>1.3.1. Ý nghĩa</i> <i>1.3.2. Tầm quan trọng của môi trường giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm</i> <i>1.3.1. Môi trường giáo dục đối với sự phát triển của trẻ</i> <i>1.3.2. Môi trường giáo dục đối với các đối tượng liên quan đến công tác chăm sóc, giáo dục trẻ</i>		làm trung tâm. - Trình bày được cách phân loại môi trường giáo dục trong trường mầm non. - Phân tích được tầm quan trọng của môi trường giáo dục đối với sự phát triển của trẻ.		- Người học Trình bày kết quả thảo luận, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
2	Chương 2: Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm 9LT – 12TH, KT 2.1. Nguyên tắc xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non <i>2.1.1. Đảm bảo tính mục đích</i> <i>2.1.2. Phù hợp với điều</i>	3	- Vận dụng được các nguyên tắc xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục trong trường MN.	CLO1 CLO4	- GV giới thiệu tài liệu số [1], tr 41 - 88]. Giao nhiệm vụ thảo luận cho người học. - GV thuyết trình, nhận xét, đánh giá, chốt lại nội dung thảo luận được giao của

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>kiến thực tiễn</i> 2.1.3. Phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ ở từng giai đoạn lứa tuổi 2.1.4. Tôn trọng ý tưởng của trẻ và đặc điểm phát triển của mỗi cá nhân 2.1.5. Đảm bảo tính linh hoạt và phát triển 2.1.6. Đảm bảo phong phú, hấp dẫn, an toàn và tiện lợi 2.1.7. Đảm bảo môi trường tâm lý – xã hội ấm áp, thân thiện 2.2. Mục đích - Yêu cầu về xây dựng môi trường giáo dục 2.3. Xây dựng môi trường giáo dục 2.3.1. Xây dựng môi trường vật chất		- Phân tích được mục đích, yêu cầu về xây dựng môi trường giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.		người học. - Người học Trình bày kết quả thảo luận, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
3	2.3.2. Xây dựng môi trường tâm lý 2.4. Quy trình xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm 1t 2.4.1. Xác định mục tiêu 2.4.2. Xác định nội dung	3	Vận dụng được các bước xác định: mục tiêu, nội dung, lựa chọn nguyên vật liệu, lập hồ sơ xây dựng và sử dụng môi trường GD trong trường MN.	CLO1 CLO2 CLO4	
4	2.4.3. Lựa chọn nguyên vật	3		CLO2	- GV thuyết

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	liệu, học liệu 2.4.4. Lập hồ sơ 2.4.5. Hiện thực hóa môi trường giáo dục 2.4.6. Đánh giá và điều chỉnh 2.5. Hướng dẫn xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục tại nhóm/lớp mầm non 2.5.1. Xây dựng môi trường giáo dục trong hoạt động học 2.5.2. Xây dựng môi trường giáo dục trong hoạt động ngoài trời 2.5.3. Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục trong hoạt động góc		- Vận dụng xây dựng được môi trường giáo dục trong hoạt động học.	CLO3 CLO4	trình, nhận xét, đánh giá, điều chỉnh, chốt lại nội dung trình bày của người học. - Người học Trình bày các bước xây dựng MTGD đã được giao, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
5,6	Thực hành xây dựng môi trường trong hoạt động học.	6	- Vận dụng xây dựng được môi trường giáo dục trong hoạt động học.	CLO3 CLO4	- GV hướng dẫn xây dựng MTGD trong HĐH. - Người học Trình bày nội dung đã được giao, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
7	- Thực hành xây dựng môi trường hoạt động ngoài trời.	3	- Vận dụng xây dựng được môi trường	CLO3 CLO4	- GV hướng dẫn xây dựng MTGD hoạt

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			giáo dục trong hoạt động ngoài trời.		động ngoài trời. - Người học Trình bày nội dung đã được giao, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
8	Thực hành xây dựng và sử dụng môi trường hoạt động góc. Bài kiểm tra số 1 Đánh giá được những kiến thức, kỹ năng của NH về môi trường giáo dục, xây dựng môi trường GD trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.	2 1	- Vận dụng xây dựng được môi trường giáo dục trong hoạt động góc ở trường MN. - Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng môi trường và xây dựng môi trường GD trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV hướng dẫn xây dựng MTGD hoạt động góc. - Người học Trình bày nội dung đã được giao, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo. Chấm bài kiểm tra của người học.
9	Chương 3: Hướng dẫn làm và sử dụng một số đồ dùng, học liệu 3LT-12TH, KT 3.1. Hướng dẫn sử dụng các nguyên vật liệu thiên	3	- Phân tích	CLO1 CLO2 CLO4	- GV giới thiệu tài liệu số [1], tr 91 – 95]. Giao nhiệm vụ thảo luận cho

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>nhiên trong học tập, vui chơi của trẻ</i> <i>3.1.1. Vai trò của nguyên vật liệu thiên nhiên trong giáo dục lấy trẻ làm trung tâm</i> <i>3.1.2. Sử dụng một số nguyên vật liệu thiên nhiên trong học tập, vui chơi cho trẻ</i> <i>3.2. Hướng dẫn sử dụng các nguyên vật liệu đã qua sử dụng làm một số đồ dùng, đồ chơi cho trẻ mầm non</i> <i>3.2.1. Vai trò của đồ dùng, đồ chơi trong giáo dục trẻ mầm non</i> <i>3.2.2. Hướng dẫn làm đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu đã qua sử dụng</i> <i>3.2.3. Sử dụng số đồ dùng, đồ chơi trong lớp mầm non</i>		được vai trò của nguyên vật liệu thiên nhiên trong giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. - Vận dụng được các nguyên vật liệu đã qua sử dụng làm một số đồ dùng, đồ chơi cho trẻ MN.		người học. - GV thuyết trình, nhận xét, đánh giá, điều chỉnh, chốt lại nội dung trình bày của người học. - Người học nội dung thảo luận được giao, lấy ví dụ, ghi chép những nội dung cần thiết. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
10,11	- Thực hành làm, sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên trong học tập, vui chơi.	6	- Vận dụng làm được các con vật từ lá cây; Vận dụng được sỏi, lá cây trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.	CLO3 CLO4	- GV hướng dẫn làm ĐDDC. - Người học thuyết trình sản phẩm ứng dụng trong các hoạt động CSGD. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
12-14	Thực hành làm đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu đã qua sử dụng Bài kiểm tra số 2 (Lấy điểm các sản phẩm của sinh viên trong quá trình làm bài thực hành).	9	- Làm được các con vật từ lá cây; Vận dụng được sỏi, lá cây trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.	CLO3 CLO4	- GV hướng dẫn làm ĐDDC - Người học thuyết trình sản phẩm ứng dụng trong các hoạt động CSGD. - GV tổng kết, đánh giá, giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.
15	Kiến tập tại cơ sở GDMN	3	Mô tả được môi trường giáo dục tại cơ sở GDMN (MT vật chất, MT tâm lý trong lớp, ngoài trời).	CLO2 CLO3 CLO4	- Người học tham quan tại cơ sở GDMN, ghi chép những nội dung quan sát. - GV tổ chức trao đổi, thảo luận, rút KN khi xây dựng MTGD cho NH.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức tham gia học tập, thực hiện nhiệm vụ GV giao.		x	CLO4	- Theo dõi ý thức học tập của người học. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày nghỉ của người học
A2 Đánh giá định kỳ	30%	1. Đánh giá được những kiến thức, kỹ năng của NH về môi trường giáo dục; xây dựng môi trường GD trong trường mầm non. (chương 1,2; tuần 8).	50%		CLO1 CLO4	Chấm bài kiểm tra tự luận của người học theo đáp án.
		2. Đánh giá kiến thức, kỹ năng của NH về năng lực làm các loại đồ dùng, đồ chơi trong trường MN. Chương 3. (tuần 12 - 14).	50%		CLO2 CLO3 CLO4	- Đánh giá sản phẩm của người học.

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	1. Những vấn đề chung về XDMTGD lấy trẻ làm TT. 2. Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục, học liệu trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm. 3. Hướng dẫn làm và sử dụng một số đồ dùng học liệu trong XDMTGD lấy trẻ làm trung tâm.	20% 40% 40%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Người học thi tự luận.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%

Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq$ 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq$ 75% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Bài 1: Nội dung 1 (mục A2).
- Hình thức: Tự luận, thực hành.
- Thời gian: 50' đối với phút.

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Đánh giá kiến thức cơ bản về môi trường trong giáo dục.	- Theo hướng dẫn chấm. - Trình bày khoa học, logic.	5
2	Xây dựng, sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non.	- Theo hướng dẫn chấm. - Trình bày khoa học, logic.	5
Tổng			10

* Bài kiểm tra số 2

Nội dung: Chương 3

Hình thức: Bài tập

Thời gian: phút.

Bảng 6b. Rubric đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định	20%
Trình bày bài	Không có bài	Bài tập trình bày, không	Bài tập trình bày	Bài tập trình bày	Bài tập trình bày	30%

tập	tập	đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	đúng yêu cầu về thể thức nhưng còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nội dung: 1,2,3 (mục A3).
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 60 phút.

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Trọng số %
1	Những vấn đề chung về XDMTGD lấy trẻ làm TT.	20
2	Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.	40
3	Hướng dẫn sử dụng một số đồ dùng học liệu trong XDMTGD lấy trẻ làm trung tâm.	40
	Tổng	100

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường Đặng Quang Rinh Nguyễn Minh Huệ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

2. Mục tiêu học phần

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

- CO1: Có các kiến thức cơ bản về tâm bệnh học trẻ em.

-CO2: Có khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề tâm lý của trẻ em.

- CO2: Có kĩ năng tư vấn cha mẹ trẻ và cộng đồng.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có ý thức tích cực, tự giác, thường xuyên trau dồi, vận dụng tri thức vào học tập, nghề nghiệp; luôn tôn trọng trẻ; thể hiện tính trách nhiệm trong hoạt động hỗ trợ và tư vấn các nội dung liên quan đến tâm bệnh trẻ em; chủ động học tập, cập nhập kiến thức mới nhằm nâng cao năng lực làm việc của bản thân.

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được những kiến thức cơ bản về tâm bệnh học trẻ em	CO1, CO4
CLO2	Nhận diện những biểu hiện của các loại bệnh tâm lý và mức độ ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ.	CO1, CO2
CLO3	Lựa chọn được các biện pháp xử trí tâm bệnh của trẻ	CO1, CO2, CO4
CLO4	Tư vấn, hỗ trợ gia đình về các khó khăn tâm lý thường gặp ở trẻ mầm non và biện pháp ứng xử với những khó khăn đó.	CO3, CO4
CLO5	Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào việc rèn luyện năng lực nghề nghiệp của bản thân.	CO1, CO2, CO3, CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I	I	I	M			I	I
CLO 2		I	M	I	M	M			I	I
CLO 3		M	M	I	M	M			I	I
CLO 4		M	M	M	M	R				I
CLO5		M	M	M	M	M			M	M
Tổng hợp học phần		M	M	I	M	M			I	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1] Nguyễn Thị Như Mai (2021), *Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐH Sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Toàn (2020), *Tâm bệnh học*, NXB Trẻ.

[3] Nguyễn Ánh Tuyết – Nguyễn Thị Như Mai (2019), *Giáo trình Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Giáo dục.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1	* Giới thiệu học phần Chương 1. Khái quát về tâm bệnh học trẻ em 1.1. Khái niệm về tâm bệnh học trẻ em 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển tâm bệnh học trẻ em Thực hành Nhận diện sự phát triển bất thường của trẻ mầm non trong trường hợp cụ thể.	2LT 1TH	- Phân tích được kiến thức cơ bản về tâm bệnh học; - Mô tả được lịch sử hình thành và phát triển tâm bệnh trẻ em.	CLO1, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Giới thiệu học phần; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 2	Tiếp chương 1 1.3. Phân biệt trẻ bình thường và trẻ bệnh lí 1.4. Phân loại bệnh trong tâm bệnh học trẻ em Thực hành	1LT 2TH	- Nhận diện được những khó khăn tâm lí của trẻ. - Phân loại	CLO1, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Tìm hiểu 01 trường hợp trẻ có biểu hiện bệnh lí và phân tích trường hợp đó.		được các bệnh trong tâm bệnh học trẻ em.		dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 3	Tiếp chương 1 1.5. Những lí thuyết cơ bản của tâm bệnh học trẻ em 1.6. Phương pháp đánh giá tình trạng tâm bệnh lí của trẻ em. Thực hành: Suir tầm một số câu chuyện, tình huống trong cuộc sống và sách báo về trường hợp trẻ mắc tâm bệnh: - Phân tích những hệ quả của việc không xử lý các vấn đề về tâm bệnh của trẻ. - Các phương pháp xác định tình trạng bệnh tâm lí của trẻ.	1LT 2TH	- Trình bày được những lí thuyết cơ bản của tâm bệnh học trẻ em; - Phân tích được các phương pháp xác định tâm bệnh của trẻ; - Vận dụng kiến thức đã học trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.	CLO1, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 4	Chương 2. Các rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non 2.1. Rối loạn triệu chứng và chức năng 2.1.1. Rối loạn tâm vận động 2.1.2. Rối loạn ngôn ngữ Thực hành Phân tích biểu hiện, nguyên nhân và cách	1LT 2TH	- Phân tích được biểu hiện, nguyên nhân của các rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non. - Nhận diện được các rối	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	can thiệp các rối loạn tâm lí của các trường hợp sau: - Rối loạn tâm vận động - Rối loạn ngôn ngữ		loạn tâm lí thường gặp ở trẻ.		- Giao bài tập về nhà
Tuần 5	Tiếp chương 2 2.1.3. Rối loạn nhận thức 2.1.4. Rối loạn biểu hiện hành vi Thực hành: Mô tả một trường hợp trẻ: - Rối loạn nhận thức - Rối loạn biểu hiện hành vi - Phân tích biểu hiện, nguyên nhân và cách can thiệp các rối loạn tâm lí nói trên.	1LT 2TH	- Phân tích được biểu hiện, nguyên nhân của các rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non. - Nhận diện được các rối loạn tâm lí thường gặp ở trẻ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 6	Tiếp chương 2 2.1.5. Rối loạn cơ thắt 2.1.6. Rối loạn giấc ngủ 2.1.7. Rối loạn chức năng tiêu hóa- ăn uống Thực hành: Phân tích biểu hiện, nguyên nhân và cách can thiệp các rối loạn tâm lí của các trường hợp sau: - Rối loạn cơ thắt - Rối loạn giấc ngủ - Rối loạn chức năng tiêu hóa	1LT 2TH	- Phân tích được biểu hiện, nguyên nhân của các rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non. - Nhận diện được các rối loạn tâm lí thường gặp ở trẻ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 7	Tiếp chương 2 2.1.8. Rối loạn chức năng thở: bệnh hen	1LT 2TH	- Phân tích được biểu	CLO1, CLO2,	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	suyễn 2.1.9. Rối loạn biểu hiện ở da 2.1.10. Trẻ bị ngược đãi Thực hành: Phân tích biểu hiện, nguyên nhân và cách can thiệp các rối loạn tâm lí của các trường hợp sau: - Rối loạn chức năng thờ - Rối loạn biểu hiện ở da - Trẻ bị ngược đãi		hiện, nguyên nhân của các rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non. - Nhận diện được các rối loạn tâm lí thường gặp ở trẻ.	CLO3, CLO5.	- Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 8	Tiếp chương 2 2.2. Các hội chứng 2.2.1. Chậm phát triển trí tuệ 2.2.2. Những biểu hiện nhiễu tâm Thực hành: Phân tích biểu hiện, nguyên nhân và cách can thiệp các rối loạn tâm lí của các trường hợp sau: - Chậm phát triển trí tuệ - Trẻ có biểu hiện nhiễu tâm	1LT 2TH	- Phân tích được biểu hiện, nguyên nhân của các rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non. - Nhận diện được các rối loạn tâm lí thường gặp ở trẻ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 9	Tiếp chương 2 2.2.3. Trầm cảm ở trẻ em 2.2.4. Tự kỉ Thực hành: Phân tích biểu hiện, nguyên nhân và cách can thiệp các rối loạn tâm lí của các trường hợp sau: - Trầm cảm	1LT 2TH	- Phân tích được biểu hiện, nguyên nhân của các rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non. - Nhận diện	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Tự kỉ.		được các rối loạn tâm lí thường gặp ở trẻ.		tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 10	Tiếp chương 2 2.2.5. Loạn tâm cộng sinh 2.2.6. Bệnh ranh giới Thực hành: Phân tích biểu hiện, nguyên nhân và cách can thiệp các rối loạn tâm lí của các trường hợp sau: - Loạn tâm cộng sinh - Bệnh ranh giới	1LT 2TH	- Phân tích được biểu hiện, nguyên nhân của các rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non. - Nhận diện được các rối loạn tâm lí thường gặp ở trẻ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 11	Tiếp chương 2 Thực hành - Tìm hiểu tại cơ sở mầm non về tình trạng trẻ mầm non có bất thường về tâm lí (số lượng trẻ, độ tuổi, vấn đề gặp phải). - Thiết kế 1 hoạt động nhằm nâng cao nhận thức của cha mẹ, giáo viên về nguy cơ rối loạn tâm lý của trẻ mầm non và vai trò của sức khỏe tâm thần đối với sự phát triển của trẻ. Kiểm tra 1 tiết - Hình thức: tự luận	2TH 1KT	- Phân tích được biểu hiện, nguyên nhân của các rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non. - Nhận diện được các rối loạn tâm lí thường gặp ở trẻ. - Đề xuất được biện pháp can thiệp rối	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Hoàn thành bài kiểm tra. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Nội dung: thuộc khối kiến thức, kĩ năng chương 1 và chương 2.		loạn tâm lí của trẻ		
Tuần 12	Chương 3. Phòng ngừa và chữa trị rối loạn tâm lí cho trẻ em lứa tuổi mầm non 3.1. Phòng ngừa rối loạn tâm lí ở trẻ em lứa tuổi mầm non 3.1.1. Các yếu tố, nguy cơ dẫn đến rối loạn tâm lí ở trẻ em 3.1.2. Cách phòng ngừa rối loạn Thực hành - Tình huống: Bạn quan sát thấy trong lớp của mình có 1 bé có dấu hiệu của trẻ tự kỉ. Nhưng gia đình không chấp nhận điều này. Bạn sẽ hỗ trợ, tư vấn gia đình như thế nào? - Xây dựng các biện pháp phòng ngừa nguy cơ rối loạn tâm lí ở trẻ em.	1LT 2TH	- Phân tích được các kiến thức cơ bản về phòng ngừa rối loạn tâm lí trẻ em.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 13	Tiếp chương 3 3.2. Chữa trị rối loạn tâm lí ở trẻ em 3.2.1. Chữa trị rối loạn tâm lí trẻ em cần kết hợp với lĩnh vực nhi khoa, thai nhi và người mẹ 3.2.2. Quy trình chữa trị	2LT 1TH	- Phân tích được qui trình can thiệp tâm bệnh cho trẻ em. - Xây dựng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	tâm bệnh trẻ em 3.2.3. Các cách chữa trị rối loạn tâm lý trẻ em Thực hành - Phân tích các nguy cơ dẫn đến rối loạn tâm lý ở trẻ em. Lấy ví dụ minh họa. - Phân tích 01 tình huống trẻ mắc tâm bệnh, xác định các biện pháp để hỗ trợ trẻ đó.		được các biện pháp phòng ngừa rối loạn tâm lý cho trẻ tại cơ sở giáo dục. - Vận dụng kiến thức để xử trí các rối loạn tâm lý xảy ra ở trẻ.		- Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 14	Tiếp chương 3 3.3. Một số cách xử lý rối nhiễu tâm lý ở trẻ em lứa tuổi mầm non Thực hành - Trong chữa trị tâm bệnh cần có sự tham gia của các lực lượng nào? Vai trò của các lực lượng đó? - Xác định 01 trường hợp trẻ có rối loạn tâm lý. Thông qua trao đổi với cha mẹ, giáo viên xác định các yếu tố dẫn đến rối loạn của trẻ.	1LT 2TH	- Vận dụng kiến thức để xử trí các rối loạn tâm lý xảy ra ở trẻ. - Tư vấn và hỗ trợ gia đình về xử trí rối loạn tâm lý.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 15	Tiếp chương 3 Thực hành Thiết kế 1 hoạt động tư vấn cho cha mẹ/ giáo viên cách phòng ngừa những rối loạn tâm lý có thể xảy ra đối với trẻ. Kiểm tra 1 tiết	2TH 1KT	- Vận dụng kiến thức để xử trí các rối loạn tâm lý xảy ra ở trẻ. - Xây dựng được các	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Hoàn thành bài kiểm tra. GV: - Sử dụng linh hoạt

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Hình thức: tự luận - Nội dung: thuộc khối kiến thức, kỹ năng chương 3.		hoạt động nâng cao nhận thức về bảo vệ sức khỏe tinh thần cho trẻ em.		các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Hướng dẫn ôn tập, đánh giá học phần.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		X	CLO5	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra 1 (thực hiện vào tuần 11)	50%	X	CLO1, CLO2, CLO5	Theo rubric (bảng 6.1)
		Bài kiểm tra 2 (thực hiện vào tuần 15)	50%	X	CLO3, CLO4, CLO5	Theo rubric (bảng 6.2)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ (theo ngân hàng đề thi)		X	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Theo rubric (bảng 7)

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: khối lượng kiến thức, kỹ năng thuộc nội dung chương trình đã nghiên cứu.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1. (3 điểm) Nội dung thuộc kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1 - Tâm bệnh học trẻ em - Phân biệt trẻ bình thường và trẻ bệnh lý - Lý thuyết cơ bản của tâm bệnh học - Phương pháp đánh giá tình trạng tâm bệnh lý trẻ em.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	2.0 0.5 0.5
2	Câu 2 (7 điểm) Nội dung thuộc kiến thức, kỹ năng thuộc chương 2 - Rối loạn triệu chứng và chức năng; - Các hội chứng.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	4.5 0.5 2.0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 Nội dung: kiến thức thuộc chương 3 - Phòng ngừa rối loạn tâm lý ở trẻ em lứa tuổi mầm non - Chữa trị rối loạn tâm lý ở trẻ em	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2 Nội dung: kỹ năng thuộc chương 3. Cách xử trí rối nhiễu tâm lý ở trẻ em tuổi mầm non	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Toàn bộ kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1 đến chương 3.
- Hình thức: Bài thi tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi

Bảng 7. Rubric đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (2 điểm) Nội dung: Thuộc kiến thức, kỹ năng chương 1 - Tâm bệnh học trẻ em - Phân biệt trẻ bình thường và trẻ bệnh lí - Lý thuyết cơ bản của tâm bệnh học trẻ em - Phương pháp đánh giá tình trạng tâm bệnh lí trẻ em.	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi
2	Câu 2 (4 điểm) Nội dung: Thuộc kiến thức, kỹ năng chương 2 - Rối loạn triệu chứng và chức năng; - Các hội chứng.		
3	Câu 3 (4 điểm) Nội dung: Thuộc kiến thức, kỹ năng chương 3. - Phòng ngừa rối loạn tâm lí ở trẻ em lứa tuổi mầm non - Chữa trị rối loạn tâm lí ở trẻ em - Cách xử trí rối nhiễu tâm lí ở trẻ em tuổi mầm non.		
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Trần Thị Hòa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành: Giáo dục Mầm non

1.1. Mã học phần:	SP620038
1.2. Tên học phần:	Giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Educating skills in preventing sexual abuse for preschool children
1.4. Số tín chỉ:	02(1LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Vũ Thanh Hòa
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Thị Thương Trần Thị Kim Loan Trần Thị Hòa Nguyễn Thị Điệp
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Tâm lý học mầm non; Giáo dục học mầm non
- Học phần song hành:	Không

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức lý luận cơ bản về phòng chống xâm hại trẻ em, giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để thiết kế, tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về phòng chống xâm hại trẻ em.
- CO2: Có kiến thức cơ bản về giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có khả năng thiết kế các hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non.
- CO4: Có khả năng tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non.
- CO5: Đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Có ý thức nâng cao nhận thức, rèn luyện kỹ năng phòng chống xâm hại trẻ em; chịu trách nhiệm và phát huy vai trò chủ đạo trong việc phối hợp với gia đình trẻ và cộng đồng để thực hiện tốt hoạt động phòng chống xâm hại trẻ em nói chung, trẻ mầm non nói riêng.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được các kiến thức cơ bản về phòng chống xâm hại trẻ em và giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em.	CO1, CO2
CLO2	Nhận biết được dấu hiệu của trẻ em bị xâm hại;	CO2, CO5
CLO3	Thiết kế và tổ chức được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non.	CO2, CO5, CO6
CLO4	Đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non; Phát huy vai trò chủ đạo trong việc phối hợp với gia đình trẻ và cộng đồng phòng chống xâm hại trẻ em nói chung, trẻ mầm non nói riêng.	CO1, CO2, CO5, CO6

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	M	I	I	M	R			R	R
CLO 2		M	R	I	M	M			R	R
CLO 3	R	M	R	R	M	M			R	R
CLO 4		M	R	M	M	M			R	R
Tổng hợp học phần	R	M	R	R	M	M			R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

- [1]. Nguyễn Thanh Bình (2010), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại Học Sư Phạm.
- [2]. Vũ Thanh Hòa, Phí Thị Hiếu (2020), *Phòng chống xâm hại trẻ em và giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Lao động-Xã hội.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Vũ Thanh Hòa, Dương Thị Nga, Phí Thị Hiếu (2020), *Giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non - Sách hướng dẫn giáo viên*, NXB Lao động-Xã hội.
- [4]. Trần Ngọc Thúy, Vũ Thanh Hòa (2020), *Cha mẹ dạy con cách phòng chống xâm hại*, NXB Lao động-Xã hội.
- [5]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật trẻ em*, số 102/2016/QH 13.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kỳ: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học^{xv}

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1	<i>* Giới thiệu học phần</i> Chương 1. Một số vấn đề lý luận về xâm hại trẻ em và giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non 1.1. Khái niệm về xâm hại trẻ em 1.2. Phân loại xâm hại trẻ em 1.3. Dấu hiệu của trẻ em bị xâm hại	2LT 1TH	- Phân tích được các khái niệm cơ bản về xâm hại trẻ em, kỹ năng phòng chống xâm hại, giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em. - Xác định	CLO 1CL O2	GV: - Giới thiệu học phần; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ học tập. Người học:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Thực hành: Nghiên cứu bài tập tình huống và xác định các loại xâm hại trẻ em, thủ phạm xâm hại trẻ em theo các loại hành vi xâm hại.		được các loại xâm hại trẻ em, thủ phạm xâm hại trẻ em theo các loại hành vi xâm hại.		- Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.
Tuần 2	Tiếp chương 1 1.4. Đặc điểm chung của trẻ em lứa tuổi mầm non và những nguy cơ bị xâm hại ở lứa tuổi này 1.4.1. Đặc điểm phát triển thể chất 1.4.2. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non 1.5. Giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non 1.5.1. Khái niệm 1.5.2. Mục tiêu giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non 1.5.3. Nội dung giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non Thực hành: Trình bày các biểu hiện của những hành vi xâm hại và những kỹ năng tương ứng cần giáo dục cho trẻ mầm non.	2LT 1TH	- Lí giải được tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. - Tóm tắt được các biểu hiện của những hành vi xâm hại và những kỹ năng tương ứng cần giáo dục cho trẻ mầm non.	CLO 1CL O2C LO3	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ học tập.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
Tuần 3	Tiếp chương 1 1.5.4. Phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non 1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non 1.6.1. Các yếu tố khách quan 1.6.2. Các yếu tố chủ quan Kiểm tra: 1 tiết - Hình thức: tự luận - Nội dung: thuộc khối kiến thức, kỹ năng chương 1.	2LT 1TH	- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non	CLO 2CL O3C LO4	Người học: - Báo cáo kết quả tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Thực hiện bài kiểm tra số 1 theo quy định. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động dạy học - Giao nhiệm vụ tự học.
Tuần 4	Chương 2. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non 2.1. Mục đích, yêu cầu của việc thiết kế các hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non 2.2. Các bước thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	1LT 2TH	- Trình bày được mục đích, yêu cầu giáo dục trong thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ mầm non. - Phân tích được các bước thiết kế	CLO 2CL O3C LO4	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập thực hành trên lớp; - Giao nhiệm vụ học tập.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Thực hành: - Hãy phân tích vai trò quan trọng của bước <i>Đánh giá kết quả hoạt động và kỹ năng của trẻ</i> trong thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non.		hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non.		
Tuần 5	Tiếp chương 2 2.3. Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. 2.3.1. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non. 2.3.1.1. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Thực hành: Nghiên cứu các tình huống/khai thác các câu chuyện để thiết kế giáo án giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho trẻ mầm non.	1LT 2TH	- Thiết kế được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	CLO 2CL O3	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.
Tuần 6	Tiếp chương 2 2.3.1.2. Tổ chức hoạt	3TH	- Tổ chức,	CLO	Người học:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Thực hành: Tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho trẻ mầm non.		đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	3CL O4	- Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV:- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.
Tuần 7	Tiếp chương 2 2.3.2. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non. 2.3.2.1. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Thực hành: Nghiên cứu các tình huống/khai thác các câu chuyện để thiết kế giáo án giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ mầm non.	1LT 2TH	- Thiết kế được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	CLO 2CL O3	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.
Tuần 8	Tiếp chương 2 2.3.2.2. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng	3TH	- Tổ chức, đánh giá được	CLO 3CL	Người học: - Báo cáo thực

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Thực hành: Tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ mầm non.		hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	O4	hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.
Tuần 9	Tiếp chương 2 2.3.3. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho trẻ em lứa tuổi mầm non. 2.3.3.1. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Thực hành: Nghiên cứu các tình huống/khai thác các câu chuyện để thiết kế giáo án giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho trẻ mầm non.	1LT 2TH	- Thiết kế được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	CLO 2CL O3	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.
Tuần 10	Tiếp chương 2 2.3.3.2. Tổ chức hoạt	3TH	- Tổ chức,	CLO	Người học: - Báo cáo thực

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Thực hành: Tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho trẻ mầm non.		đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	3CL O4	hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.
Tuần 11	Tiếp chương 2 2.3.4. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho trẻ em lứa tuổi mầm non. 2.3.4.1. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Thực hành: Nghiên cứu các tình huống/khai thác các câu chuyện để thiết kế giáo án giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho trẻ mầm non.	1LT 2TH	- Thiết kế được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	CLO 2CL O3	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.
Tuần 12	Tiếp chương 2 2.3.4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng	3TH	- Tổ chức, đánh giá được	CLO 2CL	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Thực hành: Tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho trẻ em lứa tuổi mầm non.		hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	O3 CLO 4	thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.
Tuần 13	Chương 3. Phối hợp gia đình, nhà trường và xã hội trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non 3.1. Nhà trường phối hợp với gia đình trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. 3.1.1. Ý nghĩa 3.1.2. Nội dung và cách thực hiện Thực hành: Xây dựng kế hoạch phối hợp giáo dục nhà trường và gia đình trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non trên cơ sở các biện pháp cụ thể.	2LT 1TH	- Phân tích được ý nghĩa, nội dung và cách tiến hành công tác phối hợp nhà trường và gia đình trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. - Thiết kế được kế hoạch phối hợp giáo dục nhà trường và gia đình trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa	CLO 2CL O3 CLO 4	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			tuổi mầm non.		
Tuần 14	Tiếp chương 3 3.2. Phối hợp giữa các tổ chức giáo dục trong nhà trường phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. 3.2.1. Ý nghĩa 3.2.2. Nội dung và cách thực hiện Thực hành: Xây dựng kế hoạch phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong nhà trường để phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non trên cơ sở các biện pháp cụ thể.	1LT 2TH	- Thiết kế được kế hoạch phối hợp giữa các tổ chức giáo dục trong nhà trường phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	CLO 1CL O2C LO3 CLO 4	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập thực hành trên lớp; - Giao nhiệm vụ học tập.
Tuần 15	Tiếp chương 3 3.3. Phối hợp các lực lượng xã hội trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. 3.3.1. Ý nghĩa 3.3.2. Nội dung và cách thực hiện Thực hành: -Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng xã hội trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non trên cơ sở các biện pháp cụ thể.	1LT 2TH	- Thiết kế được kế hoạch phối hợp các lực lượng xã hội trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	CLO 1CL O2C LO3 CLO 4	Người học: - Báo cáo kết quả tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Thực hiện bài kiểm tra số 2 theo quy định. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	Kiểm tra: 1 tiết - Hình thức: tự luận - Nội dung: thuộc khối kiến thức, kỹ năng chương 2, 3.				- Tổng kết nội dung, hướng dẫn ôn tập, đánh giá môn học. - Tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO 4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1.	50%	x	CLO 1 CLO 2	Rubric đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.1)
		Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 2, 3.	50%	x	CLO 2 CLO 3 CLO 4	Rubric đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.2)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ (theo ngân hàng đề thi)		x	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Rubric đánh giá bài thi cuối kỳ (bảng 7)

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Hình thức: Kiểm tra tự luận.
- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1) - Khái niệm, phân loại xâm hại trẻ em; - Dấu hiệu của trẻ em bị xâm hại; - Thủ phạm xâm hại trẻ em theo các loại hành vi xâm hại.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2(Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1) - Khái niệm, mục tiêu giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non; - Nội dung giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non; - Phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non; - Các biểu hiện của những hành vi xâm hại và những kỹ năng tương ứng cần giáo dục cho trẻ mầm non.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm:			10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1(Nội dung kiến thức, kĩ năng thuộc chương 2) - Mục đích-yêu cầu của việc thiết kế các hoạt động giáo dục kĩ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non; - Các bước thiết kế hoạt động giáo dục kĩ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. - Thiết kế giáo án tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non, theo các loại hành vi xâm hại: Xâm hại về thể chất; Xâm hại tình dục; Xâm hại tinh thần và sao nhãng; Bắt cóc, mua bán, bóc lột.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2(Nội dung kiến thức, kĩ năng thuộc chương 3) - Nhà trườngphối hợp với gia đìnhtrong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. - Phối hợp giữa các tổ chức giáo dục trong nhà trường phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. - Phối hợp các lực lượng xã hội trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm:			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: kiến thức, kĩ năng thuộc chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15.
- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi.

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (5 điểm) Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1, chương 3: - Khái niệm, phân loại xâm hại trẻ em; - Khái niệm, mục tiêu giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non; - Nội dung giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non; - Các biểu hiện của những hành vi xâm hại và những kỹ năng tương ứng cần giáo dục cho trẻ mầm non. - Nhà trường phối hợp với gia đình trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. - Phối hợp giữa các tổ chức giáo dục trong nhà trường phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. - Phối hợp các lực lượng xã hội trong phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
2	Câu 2 (5 điểm) Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 2: - Các bước thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non. - Thiết kế giáo án tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em lứa tuổi mầm non, theo các loại hành vi xâm hại: Xâm hại về thể chất; Xâm hại tình dục; Xâm hại tinh thần và sao nhãng; Bắt cóc, mua bán, bóc lột.		
Tổng điểm:			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Vũ Thanh Hòa

2.5.54. Ứng dụng phương pháp dạy học dự án (Project-Method) trong giáo dục mầm non (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620039
1.2. Tên học phần:	Ứng dụng phương pháp dạy học dự án (Project method) trong giáo dục mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Application of Project method in early childhood education
1.4. Số tín chỉ:	2
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Bùi Thị Hằng Nga
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS Nguyễn Thị Hương ThS Nguyễn Minh Huệ
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620030
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức chung về phương pháp dạy học dự án trong giáo dục mầm non (GDMN) và triển khai phương pháp dạy học dự án ở cơ sở GDMN; Vận dụng những kiến thức về phương pháp dạy học dự án để thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh hoạt động giáo dục theo phương pháp dạy học dự án cho trẻ ở cơ sở GDMN.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

CO1: Có kiến thức chung phương pháp dạy học dự án trong GDMN

CO2: Có kiến thức về triển khai phương pháp dạy học dự án trong tổ chức hoạt động giáo dục ở cơ sở GDMN.

2.2.2. Về kĩ năng

CO3: Có kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá điều chỉnh hoạt động giáo dục theo phương pháp dạy học dự án ở cơ sở GDMN.

- CO4: Có kĩ năng xử lý tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động theo phương pháp dạy học dự án ở cơ sở GDMN.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có trách nhiệm, chủ động, tích cực, hợp tác, chia sẻ với cộng đồng trong việc tổ chức các hoạt động theo phương pháp dạy học dự án ở cơ sở GDMN.

3. Chuẩn đầu ra của học phần “Ứng dụng phương pháp dạy học dự án (Project method) trong giáo dục mầm non” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được những kiến thức lí luận về phương pháp dạy học dự án trong giáo dục mầm non	CO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức về quá trình triển khai phương pháp dạy học dự án vào việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp dạy học dự án ở cơ sở GDMN.	CO2
CLO3	Lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh hoạt động giáo dục theo phương pháp dạy học dự án ở cơ sở GDMN.	CO3
CLO4	Giải quyết được các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ ở cơ sở GDMN theo phương pháp dạy học dự án	CO4
CLO5	Trách nhiệm, chủ động, tích cực, hợp tác, chia sẻ với cộng đồng trong việc tổ chức hoạt động cho trẻ ở cơ sở GDMN theo phương pháp dạy học dự án	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		R	I	I					I	I
CLO2		M	M	I	I	I			I	I

CLO3			M	I	I	I			I	I
CLO4					R	I			I	I
CLO5						I			I	R
Tổng hợp học phần		R	M		R	I			I	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. [Hoàng Anh Đức, Tô Thị Diễm Quỳnh (2019), *Học tập qua dự án*. NXB Giáo dục Việt Nam.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt bĩ, (2010) *Dạy và học tích cực, một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm

[3]. Bộ GD&ĐT, (2021), *Chương trình giáo dục Mầm non* (ban hành theo Thông tư 01/VBHN-GDDT ngày 13/4/2021).

[4]. Đinh Văn Vang (Chủ biên, 2008). *Giáo dục học mầm non*. NXB Giáo dục.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học.
- + Kiểm tra định kì: 2 bài.
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1: Một số vấn đề lí luận về phương pháp dạy học dự án trong giáo dục mầm non 1.1. Vài nét về phương pháp dạy học dạy và học tích cực 1.1.1. Sự cần thiết đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực	2LT 1TH	Hiểu, phân tích được Sự cần thiết đổi mới PP dạy và học tích cực;	CLO1 CLO2 CLO5	GV.Giao nhiệm vụ, gợi ý, hướng dẫn, chốt lại vấn đề, giao bài tập tự học NH nghiên cứu tài liệu [2,tr11], phân tích, đưa ra nhận xét

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>1.1.2. Sự khác nhau giữa dạy học thụ động và dạy học tích cực</i> 1.2. Khái niệm phương pháp dạy học dự án <i>1.2.1. Dự án và vấn đề</i> <i>1.2.2. Khái niệm phương pháp dạy học dự án và phương pháp dạy học dự án trong giáo dục mầm non</i> 1.3. Ý nghĩa của phương pháp dạy học dự án đối với giáo dục trẻ mầm non		Giải thích được sự khác nhau giữa dạy học tích cực và dạy học thụ động Phân tích được khái niệm PP dạy học dự án, Phân tích được sự khác nhau giữa dự án và vấn đề Giải thích được ý nghĩa của PPDH dự án	CLO1 CLO2 CLO5 CLO1 CLO5 CLO1 CLO2 CLO5	NH nghiên cứu tài liệu [2,tr31], lập bảng so sánh, nhận xét - NH tìm kiếm các nguồn tư liệu [1,tr14] ; [2,tr125]; [3,tr34] và nhận xét, đánh giá, đề xuất ý kiến của cá nhân - NH tìm kiếm các nguồn tư liệu [1,tr] ; [2,tr]; [3,tr] và tìm hiểu ý nghĩa trong Chương trình Giáo dục mầm non
	Thảo luận: Quan điểm cá nhân về PPDH tích cực và phương pháp dạy học dự án trong giáo dục mầm non		Trình bày được quan điểm cá nhân về PPDH tích cực và PPDH theo dự án	CLO1 CLO2 CLO5	NH: Chia nhóm tìm hiểu đưa ra quan điểm cá nhân
2	1.4. Phân loại phương pháp dạy học dự án <i>1.4.1. Phân loại theo chuyên môn</i> <i>1.4.2. Phân loại theo sự tham gia của người học</i>	3LT	Giải thích, phân loại Phương pháp dạy học dự án theo các tiêu	CLO1 CLO2 CLO5	- NH tìm kiếm các nguồn tư liệu [1,tr] ; [2,tr]; [3,tr] Chia nhóm nghiên cứu, tìm hiểu một số các phân loại

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	1.4.3. Phân loại theo sự tham gia của giáo viên 1.4.4. Phân loại theo quỹ thời gian 1.4.5. Phân loại theo nhiệm vụ 1.5. Đặc điểm phương pháp dạy học dự án 1.5.1. Sự khác nhau giữa phương pháp dạy học dự án và các dự án thực tế 1.5.2. Đặc điểm phương pháp dạy học dự án trong giáo dục mầm non Tính định hướng thực tiễn; Tính định hướng hứng thú người học; Tính định hướng hành động; Tính định hướng sản phẩm; Tính tự lực cao của người học; Tính phức hợp; Tính cộng tác làm việc		chí khác nhau. Phân tích, so sánh được sự khác nhau giữa Phương pháp dạy học dự án và các dự án thực tế Giải thích, phân tích đặc điểm của Phương pháp dạy học dự án	CLO1 CLO5 CLO1 CLO5	(Thể hiện thông sơ đồ...) GV. Hướng dẫn, chốt lại vấn đề NH làm việc theo nhóm, lập bảng phân biệt phương pháp dạy học dự án và các dự án thực tế Các nhóm nhận xét, đánh giá GV. Hướng dẫn, chốt lại vấn đề - NH tìm kiếm các nguồn tư liệu [1,tr32] ; [3,tr] Hoạt động nhóm: tìm hiểu thực trạng, quay phim, chụp ảnh quá trình thực hiện báo cáo kết quả (video, thuyết trình) - GV hỗ trợ hướng dẫn và nhận xét, đánh giá kết quả
	1.6. Ưu điểm của dạy học theo dự án và những khó khăn khi dạy học theo phương pháp dạy học dự án ở cơ sở giáo dục mầm non 1.6.1. Ưu điểm		Tổng hợp được ưu điểm, tồn tại của Phương pháp dạy học dự án cho trẻ mầm	CLO2 CLO3	- NH tìm kiếm các nguồn tư liệu [2,tr150]; [3,tr47]; và các tài liệu trong dạy học mầm non và nhận xét, đánh giá thông tin tư liệu

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	1.6.2. Khó khăn 1.7. Điều kiện ứng dụng phương pháp dạy học dự án ở cơ sở giáo dục mầm non 1.7.1. Điều kiện trẻ và tập thể trẻ 1.7.2. Điều kiện về giáo viên 1.7.3. Điều kiện về nội dung dạy học, phương pháp dạy học 1.7.4. Điều kiện về cơ sở vật chất 1.7.5. Điều kiện về môi trường và thời gian thực hiện		non - Phân tích được các điều kiện ứng dụng phương pháp dạy học dự án cho trẻ MN.	CLO2 CLO3	thu được, từ đó đề xuất quan điểm cá nhân. - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại. NH: Chia nhóm, thảo luận, làm rõ điều kiện ứng dụng phương pháp dạy học dự án cho trẻ MN GV: Nhận xét, chốt lại.
3	Thực hành: Trên cơ sở lí luận về dạy học dự án, phân tích, đánh giá và đưa ra quan điểm cá nhân về một số vấn đề lí luận của PPDH dự án	3TH	Vận dụng được lí luận về PPDH dự án đưa ra quan điểm cá nhân về lí luận PPDH dự án		NH: Chia nhóm, thảo luận, làm rõ lí luận và đưa ra quan điểm cá nhân về phương pháp dạy học dự án cho trẻ MN GV: Nhận xét, chốt lại.
4	Chương 2: Ứng dụng triển khai thực hiện phương pháp dạy học dự án trong tổ chức hoạt động giáo dục ở cơ sở	3LT	Giải thích được các bước triển khai phương pháp dạy	CLO2 CLO3 CLO5	- NH nghiên cứu tài liệu [3,tr39], [2,tr132], phân tích, đưa ra quan điểm của cá nhân

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	giáo dục mầm non 2.1. Các bước triển khai dạy học dự án ở cơ sở giáo dục mầm non 2.1.1. Giai đoạn 1: Xác định hứng thú và nhu cầu của trẻ 2.1.2. Giai đoạn 2: Khám phá, tìm hiểu, đi thực tế, gặp chuyên gia 2.1.3. Giai đoạn 3. Kết thúc dự án		học dự án trong trường MN.		- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại.
	2.2. Đặc trưng trong thiết kế hoạt động theo phương pháp dạy học dự án 2.2.1. Đề tài thiết yếu 2.2.2. Điều cần được biết 2.2.3. Câu hỏi chủ đạo 2.2.4. Khuyến khích chủ động và lựa chọn 2.2.5. Vận dụng nhiều kỹ năng thế kỷ XXI 2.2.6. Thảo luận 2.2.7. Phê phán và cải tiến 2.2.8. Thiết lập cộng đồng		Hình thành được hiểu biết về điểm cần lưu ý trong thiết kế hoạt động dạy học dự án	CLO2 CLO3 CLO5	- NH nghiên cứu tài liệu [1,tr35], về đặc trưng thiết kế hoạt động theo Phương pháp dạy học dự án trên thực tế và trên mạng Internet và đề xuất quan điểm của cá nhân - GV hỗ trợ hướng dẫn, nhận xét, đánh giá kết quả và chốt nội dung
5,6	2.3. Xây dựng nội dung phương pháp dạy học dự án theo chủ đề	4LT 2TH	Xây dựng được nội dung phương pháp dạy học dự án cho trẻ MN.	CLO2 CLO3 CLO5	- NH Khai thác nội dung Phương pháp dạy học dự án theo chủ đề - GV đánh giá, chốt lại.
	2.4. Tư duy STEAM trong phương pháp dự		Phân tích được các	CLO2C LO3CL	NH nghiên cứu tài liệu [1,tr130], [NH

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	án		thành phần STEAM trong phương pháp dạy học dự án	O5	tìm kiếm các nguồn tư liệu trên mạng Internet và đề xuất quan điểm của cá nhân - GV hỗ trợ hướng dẫn, nhận xét, đánh giá kết quả và chốt nội dung
	<i>Thực hành:</i> - Sơ tư tâm, đánh giá ví dụ minh họa về tư duy STEAM trong phương pháp dự án - Xác định nội dung dạy học theo phương pháp dạy học dự án từ các chủ đề cụ thể trong chương trình giáo dục mầm non 2.5. Một số lưu ý <i>2.5.1 Một số lưu ý khi hướng dẫn trẻ hoạt động theo phương pháp dạy học dự án</i> <i>2.5.2. Các vấn đề thường gặp và hướng dẫn xử lý</i> Dự án đang diễn ra quá dài, Dự án có thời lượng quá ngắn; Các nguồn lực không có sẵn; Trẻ không làm việc nhóm tốt; Khối lượng kiến thức quá lớn		<i>Sơ tư tâm, phân tích được các ví dụ minh họa (kế hoạch, video)</i> Giải thích, được một số vấn đề thường gặp và cách xử lý trong triển khai phương pháp dạy học dự án và kỹ năng xử lý	CLO2C LO3CL O4CLO 5 CLO3C LO5	NH tìm kiếm các nguồn tư liệu [2,tr46] và trên mạng Internet và đề xuất quan điểm của cá nhân - GV hỗ trợ hướng dẫn, nhận xét, đánh giá kết quả và chốt nội dung NH nghiên cứu tài liệu [1,tr132], [2,tr145], Hoạt động nhóm/cá nhân: Tìm hiểu một số vấn đề thường gặp và đề xuất cách xử lý - GV hỗ trợ hướng dẫn và nhận xét, đánh giá kết quả và chốt nội dung
7,8	2.6. Một số kỹ thuật tổ chức hoạt động trong dạy học dự án <i>2.6.1. Động não</i>	2LT 4TH	Thực hiện được được các kỹ thuật trong Giải	CLO2C LO3CL O5	NH nghiên cứu tài liệu [1,tr135-150], [2,tr134] - GV hỗ trợ hướng

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.6.2. Sơ đồ tư duy 2.6.3. Kỹ thuật đặt câu hỏi 5W1H 2.6.4. Kỹ thuật KWL (Những điều đã biết, muốn biết, đã học được) 2.6.5. Kỹ thuật khăn trải bàn 2.6.6. 6 chiếc mũ tư duy Thực hành Thực hành: Sử dụng các kỹ thuật trong dạy học dự án và hướng dẫn NH sử dụng kỹ năng cần trong dạy học theo dự án.		thích được một số kỹ thuật trong dạy học theo dự án Thực hiện được các kỹ thuật trong dạy học dự án	CLO2 CLO3 CLO5	dẫn và nhận xét, đánh giá kết quả và chốt nội dung - Sử dụng Sơ đồ tư duy, báo cáo, thuyết trình về các kỹ thuật trong dạy học dự án - GV hỗ trợ hướng dẫn và nhận xét, đánh giá kết quả và chốt nội dung
9	2.7. Một số kỹ năng cần hướng dẫn cho trẻ trong tổ chức hoạt động theo phương pháp dạy học dự án Thảo luận: Quan điểm của cá nhân về một số kỹ năng cần hướng dẫn trẻ trong tổ chức hoạt động theo PPDH dự án Bài kiểm tra số 1 - Đánh giá những kiến thức lí luận về phương pháp dạy học dự án trong GDMN và Ứng dụng triển khai phương pháp dạy	1LT 1TH 1KT	Phân tích, được một số kỹ năng cần hướng dẫn cho trẻ Tổng hợp được quan điểm của cá nhân về một số kỹ năng cần hướng dẫn cho trẻ Phân tích được Phương pháp dạy học dự án trong	CLO2C LO3CL O5 CLO2C LO3CL O4 CLO5 CLO2 CLO3 CLO5	NH nghiên cứu tài liệu [2,tr140] GV hướng dẫn một số kỹ năng - GV hỗ trợ hướng dẫn và nhận xét, đánh giá kết quả và chốt nội dung GV: + Ra đề, đáp án + Tổ chức cho NH làm bài kiểm tra + Chấm bài theo đáp án

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	học dự án trong tổ chức hoạt động giáo dục trong trường MN.		GDMN Vận dụng, triển khai được Phương pháp dạy học dự án trong tổ chức hoạt động giáo dục ở cơ sở GDMN		NH: - Làm bài kiểm tra
10	Chương 3. Tổ chức hoạt động theo phương pháp dạy học dự án cho trẻ ở cơ sở GDMN 3.1. Hướng dẫn lập kế hoạch tổ chức hoạt động theo phương pháp dạy học dự án cho trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non Các bước lập kế hoạch sử dụng phương pháp dạy học dự án theo chủ đề theo từng giai đoạn.	3LT	- Phân tích được các bước lập kế hoạch phương pháp dạy học dự án cho trẻ ở cơ sở GDMN	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	- NH nghiên cứu tài liệu [3,tr39], [2,tr132], Hoạt động theo nhóm: Lựa chọn nội dung, lên ý tưởng và lập kế hoạch sử dụng phương pháp dạy học dự án theo chủ đề. - GV: Phân nhóm, hướng dẫn, nhận xét, rút kinh nghiệm cho NH.
11-13	3.2. Thực hành 3.2.1. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động theo phương pháp dạy học dự án cho trẻ mầm non ở cơ sở giáo dục mầm non 3.2.2. Tổ chức hoạt động theo phương pháp dạy học dự án cho trẻ ở cơ sở	9TH	Vận dụng lập được kế hoạch và tổ chức được hoạt động theo phương pháp dạy học dự án cho trẻ MN.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- NH: Lập kế hoạch, tổ chức hoạt động Phương pháp dạy học dự án theo chủ đề (Kết hợp nhóm/cá nhân). - GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho NH.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
14-15	<i>giáo dục mầm non</i> 3.2.3. Nhận xét, đánh giá 3.2.2. Bài kiểm tra số 2 <i>Báo cáo kết quả:</i> Đánh giá kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động theo phương pháp dạy học dự án cho trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	6TH	Lập được kế hoạch và tổ chức được hoạt động theo phương pháp dạy học dự án cho trẻ mầm non	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV lựa chọn hoạt động để thực hiện trước lớp; đánh giá nhóm/cá nhân - NH: Báo cáo kết quả thực hành và Nộp Video clips và kế hoạch (giáo án)

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Kiểm tra	- Câu hỏi - Liên hệ	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5	
A2.2	Thực hành	- Câu hỏi - Thực hành	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5	
A3.2 (Thực hành)				
Công thức tính điểm tổng kết:				

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

8.2.2. Kiểm tra định kì

* *Bài kiểm tra số 1*

- Nội dung: Phần 1: chương 1, chương 2

- Hình thức: Kiểm tra

Bảng 5.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những vấn đề lí luận cơ bản về dạy học tích cực và phương pháp dạy học dự án trong giáo dục mầm non	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	4
2	Ứng dụng triển khai Phương pháp dạy học dự án trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ ở cơ sở GDMN	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	6
Tổng điểm			10

* Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: chương 3

Hình thức: Đánh giá thực hành

Bảng 5.2. Rubic đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo	Không	Ít khi tham	Thỉnh	Thường	Luôn luôn	20%

luận, nhận xét	tham gia thảo luận trong nhóm.	gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lí.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/ tập giảng	Không thuyết minh/ thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

	đúng.					

9.2.3. Thi kết thúc học phần:

- Thi cuối kỳ: Hình thức tự luận
- Nội dung thi: chương 1-2
- Thời gian: 90 phút
- Biểu điểm: Theo hướng dẫn chấm bài thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những vấn đề lí luận về phương pháp dạy học dự án trong GDMN	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	3
2	Ứng dụng triển khai PPDH dự án trong tổ chức hoạt động giáo dục ở cơ sở GDMN.	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	3
3	Thiết kế kế hoạch hoạt động theo PPDH dự án cho trẻ ở cơ sở GDMN	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	4
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Bùi Thị Hằng Nga

2.5.55. Tổ chức hoạt động giáo dục Stem trong trường mầm non (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần	SP620040
1.2. Tên học phần	Tổ chức hoạt động giáo dục Stem trong trường mầm non
1.3. Tên tiếng Anh	Organizing Stem educational activities in preschools
1.4. Số tín chỉ	02 (1LT+1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	21 tiết
- Thực hành:	24 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Bùi Thị Hằng Nga
	Ths. Nguyễn Thị Hương
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620047
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu HP**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong, người học có kiến thức, kỹ năng cơ bản về hoạt động giáo dục Stem. Có kiến thức và kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục Stem tại các cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức cơ bản chung về hoạt động giáo dục Stem, Steam; các thành tố, đặc điểm, mục tiêu, kỹ năng, đặc trưng, nguyên tắc, quy trình, mô hình dạy học 5E, 6E, EDP trong giáo dục Stem.
- CO2: Có kiến thức cơ bản để ứng dụng, thiết kế và tổ chức các dự án/hoạt động giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các dự án/ hoạt động giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.
- CO4: Có kỹ năng xử lý tình huống trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có tinh thần chủ động, tích cực trong học tập. Có tinh thần, trách nhiệm trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Tổ chức hoạt động giáo dục Stem trong trường mầm non” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được khái niệm, thành tố, đặc điểm, mục tiêu, kỹ năng, đặc trưng, nguyên tắc, quy trình dạy học 5E, 6E, EDP, các chủ đề trong giáo dục Stem.	CO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về thiết kế hoạt động/quy trình/ dự án giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động/ dự án giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO2, CO3
CLO4	Xử lý được các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động/ dự án giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO4, CO5
CLO5	Tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động/ dự án giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I	R	I	R				I
CLO 2		I	I	I	I			R		I
CLO 3		R	R	R	R	R		R		R
CLO 4		R	I	I	I				R	I
CLO5		R	R	R	R				R	R
Tổng hợp học phần		R	I	I	I	R		R	R	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thành Hải, (2020), *Giáo dục Stem/Steam*, NXB trẻ.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

[4]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.

[5]. Lê Thu Hương (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi*, NXBGD.

[6]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài (tự luận)

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1 - 2	* Giới thiệu học phần		Trình bày được vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành		- GV thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về học phần; - SV tìm hiểu về học phần.
	Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục Stem	5LT	- Trình bày	CLO 1	GV: - Sử dụng linh

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	7T = 5LT+ 2TL 1.1. Giáo dục STEM <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Các thành tố của STEM</i> <i>1.1.3. Đặc điểm cơ bản trong giáo dục STEM</i> <i>1.1.4. Mục tiêu của giáo dục STEM</i> <i>1.1.5. Các kỹ năng STEM</i> <i>1.1.6. Phân loại STEM</i> <i>1.1.7. Cách đưa yếu tố nghệ thuật vào trong giáo dục STEM để STEM trở thành STEAM</i> <i>1.1.8. Vai trò của giáo dục STEM</i> 1.2. Áp dụng giáo dục STEM <i>1.2.1. Áp dụng giáo dục STEM trên thế giới</i> <i>1.2.2. Áp dụng giáo dục STEM tại Việt Nam</i> <u>Thảo luận</u> - Các đặc điểm, chủ đề, cách đưa yếu tố nghệ thuật vào STEM và áp dụng STEM tại Việt Nam.	1TL	khái quát được các quan điểm, khái niệm, thành tố, đặc điểm về giáo dục Stem. - Phân tích được các kỹ năng trong giáo dục stem. - Trình bày được các cách phân loại và lựa chọn Stem trong GDMN. Phân tích được vai trò của giáo dục STEM. Biết các cách áp dụng GD Stem trên TG và trong nước. Phân tích, vận dụng được đặc điểm, chủ đề, cách đưa yếu tố nghệ thuật vào STEM và áp dụng STEM tại	CLO5	hoạt các phương pháp dạy học. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. SV: - Nghe giảng, đọc tài liệu [1] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập. GV + Tổ chức, điều khiển SV thảo luận, báo cáo kết quả; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến thức. - SV: + Đọc tài liệu [1], + Thảo luận, báo cáo kết quả; + Ghi lại những TT cần thiết.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			Việt Nam.		
2	<u>Thảo luận</u> - Các đặc điểm, chủ đề, cách đưa yếu tố nghệ thuật vào STEM và áp dụng STEM tại Việt Nam.	1TL	Phân tích, vận dụng được đặc điểm, chủ đề, cách đưa yếu tố nghệ thuật vào STEM và áp dụng STEM tại Việt Nam.	CLO 1 CLO5	GV + Tổ chức, điều khiển SV thảo luận, báo cáo kết quả; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến thức. - SV: + Đọc tài liệu [1], + Thảo luận, báo cáo kết quả; + Ghi lại những TT cần thiết.
3	Chương 2. Tổ chức hoạt động giáo dục Stem trong trường mầm non 18T= 10LT+ 8TH 2.1. Đặc trưng của giáo dục STEM trong GDMN <i>2.1.1. Tính thực tiễn</i> <i>2.1.2. Tính tích hợp</i> <i>2.1.3. Tính thực hành - trải nghiệm</i> <i>2.1.4. Khám phá tích cực</i> <i>2.1.5. Tôn trọng, không phán xét, kết mở</i> 2.2. Nguyên tắc thiết kế và tổ chức hoạt	3LT	Phân tích được các đặc trưng của giáo dục STEM trong GDMN. Phân tích được các nguyên tắc, vận dụng được trong giáo dục STEM trong GDMN.	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - GV chính xác hóa nội dung thảo luận. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu SV: - Các nhóm thảo luận và báo cáo. - SV: Nghe giảng, đọc tài liệu

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	động giáo dục Stem cho trẻ mầm non 2.2.1. <i>Đảm bảo mục tiêu giáo dục</i> 2.2.2. <i>Đảm bảo tính khoa học</i> 2.2.3. <i>Đảm bảo tính khả thi</i> 2.2.4. <i>Lấy trẻ làm trung tâm</i> 2.2.5. <i>Đảm bảo tính thực tiễn và cuộc sống thực của trẻ</i> 2.3. Quy trình thực hiện giáo dục STEM 2.1.1. <i>Quy trình xây dựng bài học STEM</i>		Phân tích được quy trình xây dựng bài học STEM. Vận dụng quy trình trong tiếp cận và ứng dụng trong TK HĐ GD trong CT GDMN.		[1]; thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.
4	2.1.2. <i>Quy trình dạy học 5E</i> 2.4. Các mức độ ứng dụng giáo dục STEM trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non 2.4.1. <i>Mức độ 1. đưa các yếu tố Stem vào các hoạt động giáo dục ở trường MN</i> 2.4.2. <i>Mức độ 2. xây dựng các dự án giáo dục theo mô hình Stem nhằm hỗ trợ cho chương trình GDMN của nhà trường</i> 2.4.3. <i>Mức độ 3. Phát triển chương trình nhà</i>	3LT	Phân tích và vận dụng được quy trình 5E, các mức độ ứng dụng trong dạy học stem và trong GDMN.		GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - GV chính xác hóa nội dung thảo luận. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu SV: - Các nhóm thảo luận và báo cáo. - SV: Nghe giảng, đọc tài liệu [1]; thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>trường theo định hướng GD Stem đáp ứng mục tiêu, kết quả mong đợi và các yêu cầu GD trẻ trong chương trình GDMN</i>				
5-6	2.5. Các điều kiện ứng dụng giáo dục STEM trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non 2.5.1. Nguồn nhân lực 2.5.2. Môi trường vật chất 2.5.3. Môi trường TL - XH 2.5.4. Chương trình GD 2.5.5. Đánh giá 2.5.6. Những yêu cầu khi ứng dụng GD Stem trong xây dựng và tổ chức kế hoạch giáo dục cho trẻ MN 2.6. Đánh giá kết quả giáo dục Stem trong trường Mầm non 2.6.1. Mục tiêu đánh giá 2.6.2. Nội dung đánh giá 2.6.3. Phương pháp ĐG 2.6.4. Chỉ số đánh giá 2.6.5. Quy trình đánh giá	5LT			GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - GV chính xác hóa nội dung thảo luận. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu SV: - Các nhóm thảo luận và báo cáo. - SV: Nghe giảng, đọc tài liệu [1]; thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
6	<u>Thực hành</u> 1. Quy trình thiết kế hoạt động giáo dục STEM cho trẻ Mầm non 5E, EDP, 6E-EDP.	1TH	Vận dụng các quy trình thiết kế hoạt động giáo dục STEM cho trẻ Mầm non 5E, EDP, 6E-EDP. Thiết kế và đánh giá kết quả hoạt động giáo dục STEM trong các cơ sở Giáo dục mầm non.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; [5], - Phân nhóm và Giao nội dung thực hành cho SV. - Tổ chức SV trình bày, nhận xét, đánh giá; - Chính xác hóa nội dung bài thực hành. - SV : + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; [5], - Các nhóm xây dựng và trình bày các mô hình; - Lắng nghe, quan sát các nhóm trình bày; - Nhận xét, góp ý. - SV ghi chép.
7-8-9	<u>Thực hành</u> 1. Quy trình thiết kế hoạt động giáo dục STEM cho trẻ Mầm non 5E, EDP, 6E-EDP 2. Thiết kế bộ công cụ đánh giá kết quả hoạt động giáo dục STEM trong các cơ sở Giáo	8TH	Vận dụng các quy trình thiết kế hoạt động giáo dục STEM cho trẻ Mầm non 5E, EDP, 6E-EDP.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; [5], - Phân nhóm và Giao nội dung thực hành cho SV. - Tổ chức SV

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	dục mầm non 3. Đánh giá thực trạng ứng dụng STEM trong thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non tại các cơ sở MN.		Thiết kế và đánh giá kết quả hoạt động giáo dục STEM trong các cơ sở Giáo dục mầm non.		trình bày, nhận xét, đánh giá; - Chính xác hóa nội dung bài thực hành. - SV : + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; [5], - Các nhóm xây dựng và trình bày các mô hình; - Lắng nghe, quan sát các nhóm trình bày; - Nhận xét, góp ý. - SV ghi chép. * GV: Cùng cố và giao nhiệm vụ tự học.
	* Đánh giá bài định kì số 1 - Quy trình/ vai trò đặc trưng, mức độ GD Stem đối với việc GD trẻ mầm non - Cấu trúc/nội dung mô hình tổ chức hoạt động giáo dục Stem cho trẻ Mầm non.		Phân tích và vận dụng được quy trình, vai trò, cấu trúc, nội dung	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	* GV: Giao bài tập, chấm bài tập * NH: Làm và nộp bài tập
9	Chương 3. Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục ứng dụng Stem trong chương trình giáo	2LT	Phân tích và ứng dụng	CLO2 CLO3	- GV: + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; [5], - Phân nhóm và

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	dục mầm non $20T = 4LT + 16TH$ 3.1. Xây dựng kế hoạch và dự án giáo dục STEM trong chương trình GDMN <i>3.1.1. Ứng dụng giáo dục STEM trong xây dựng kế hoạch giáo dục năm học</i> <i>3.1.2. Xây dựng kế hoạch dự án giáo dục STEM cho trẻ mầm non</i> 3.2. Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục STEM trong chương trình GDMN <i>3.2.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động khám phá khoa học theo quy trình 5E</i> <i>3.2.2. Một số mẫu kế hoạch hoạt động giáo dục STEM theo quy trình 5E</i>		giáo dục STEM trong thực hiện CT GDMN. Vận dụng thiết kế được các kế hoạch hoạt động giáo dục STEM trong chương trình GDMN.	CLO4 CLO5	Giao nội dung thực hành cho SV. - Tổ chức SV trình bày, nhận xét, đánh giá; - Chính xác hóa nội dung bài thực hành. - SV : + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; [5], - Các nhóm xây dựng và trình bày các mô hình; - Lắng nghe, quan sát các nhóm trình bày; - Nhận xét, góp ý. - SV ghi chép. * GV: Cùng cố và giao nhiệm vụ tự học.
10	<i>3.2.3. Xây dựng kế hoạch hoạt động theo quy trình EDP</i> <i>3.2.4. Một số mẫu kế hoạch theo quy trình EDP</i> <i>3.2.5. Xây dựng kế hoạch hoạt động/ dự án theo quy trình</i>	2LT	Vận dụng thiết kế được các kế hoạch hoạt động giáo dục STEM trong chương trình GDMN.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; [5], - Phân nhóm và Giao nội dung thực hành cho SV. - Tổ chức SV

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>EDP-5E</i> 3.2.6. Một số mẫu kế hoạch dự án theo quy trình EDP-5E 3.3. Một số lưu ý khi thực hiện GD STEM				trình bày, nhận xét, đánh giá; - Chính xác hóa nội dung bài thực hành. - SV : + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; [5], - Các nhóm xây dựng và trình bày các mô hình; - Lắng nghe, quan sát các nhóm trình bày; - Nhận xét, góp ý. - SV ghi chép. * GV: Cùng cố và giao nhiệm vụ tự học.
	<u>Thực hành</u> Xem video bài dạy tham khảo. 1. Thiết kế, các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	1TH	Phân tích được quy trình thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non qua video được xem.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: - Giao nhiệm vụ cho các nhóm Thiết kế, các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Tổ chức cho các nhóm xem video báo cáo, nhận xét, đánh giá; - Chính xác hóa nội dung bài thực

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
					hành. - SV : + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; [5] - Các nhóm Thiết kế, các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Lắng nghe, quan sát các nhóm báo cáo; - Nhận xét, góp ý. - SV ghi chép.
11-15	<u>Thực hành</u> Xem video bài dạy tham khảo. 1. Thiết kế, các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo tại cơ sở Giáo dục Mầm non. 2. Tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	15 TH	- Phân tích được cách tổ chức các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: - Giao nhiệm vụ cho các nhóm Thiết kế, các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Tổ chức cho SV báo cáo, nhận xét, đánh giá; - Chính xác hóa nội dung bài thực hành. - SV : + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; [5]

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
					- Các nhóm Thiết kế, các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Lắng nghe, quan sát các nhóm báo cáo; - Nhận xét, góp ý. - SV ghi chép.
11-15	Kiểm tra bài số 2 Chấm nội dung thực hành: thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: Giao nội dung thực hành, tổ chức cho SV báo cáo và chấm. - SV: Chia nhóm thực hành, thiết kế và báo cáo kết quả.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO 5	- Theo dõi ý thức học tập của SV, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày

						học của SV.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Đánh kiến thức lý luận chung về giáo dục STEM trong trường MN (tuần 5)	40%	x	CLO 1 CLO5	Đánh giá kết quả bài tập chương 1,2.
		Đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học về năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ Mầm non (tuần 15).	60%	x	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Đánh giá kết quả thực hành chương 3
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	1. Lý luận về phương pháp giáo dục Stem 2. Thiết kế các hoạt động giáo dục Stem cho trẻ Mầm non.	40% 60%	x	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	SV thi tự luận. GV chấm điểm theo biểu điểm

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5.1 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học	Thực hiện 100% các nhiệm vụ	40%

học	học tập giảng viên giao.	học tập giảng viên giao.	tập giáo viên giao.	tập giáo viên giao.	học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1-2 của học phần.

- Hình thức: Bài tập

* Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 3 của học phần.

- Hình thức: Thực hành

Bảng 5.2. Rubic đánh giá bài tập (Work Assignment)

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ,	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết	50%

		theo yêu, cầu nhiệm vụ.	nhưng chưa hợp lý.	rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	

Bảng 5.3. Rubric đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lí.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình	Không	Trình bày	Thuyết	Thuyết	Thuyết minh	15%

bày thuyết minh/tập giảng	thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1,2,3
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Đặc điểm, ý nghĩa, kỹ năng, mô hình và cách vận dụng trong giáo dục stem cho trẻ Mầm non.	- Nội dung đủ ý, chính xác, rõ ràng	2
		- Có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	1,5
		- Trình bày khoa học, logic.	0.5
2	Quy trình thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục Stem cho trẻ Mầm non.	- Nội dung đủ ý, chính xác, rõ ràng	3
		- Có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	2,5
		- Trình bày khoa học, logic.	0,5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng .năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Ngọc Quỳnh

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức chung về phương pháp giáo dục Montessori.
- CO2: Có kiến thức cơ bản về nguyên tắc và phương pháp giáo dục Montessori cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, thiết kế, sử dụng giáo cụ trong tổ chức, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori.
- CO4: Có kỹ năng xử lý tình huống trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ theo tinh thần giáo dục Montessori.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có tinh thần chủ động, tích cực trong học tập. Có tình yêu, tinh thần và trách nhiệm trong việc ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori vào tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Ứng dụng phương pháp Montessori trong tổ chức hoạt động giáo dục trong trường Mầm non” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được đặc điểm, ý nghĩa, triết lý nền tảng, sự phát triển của trẻ, các nguyên tắc sư phạm, các lĩnh vực, nguyên tắc vận dụng phương pháp giáo dục Montessori vào tổ chức hoạt động giáo dục tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO1
CLO2	Vận dụng được nguyên tắc và phương pháp giáo dục Montessori cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO1, CO2
CLO3	Xây dựng kế hoạch, thiết kế và sử dụng được giáo cụ trong tổ chức, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO2, CO3, CO5
CLO4	Xử lý được các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO3, CO4
CLO5	Tích cực, chủ động, linh hoạt, hợp tác, chia sẻ trong việc tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO4, CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I	I		I				I
CLO 2		I	I	I						I
CLO 3		R	R	R				R		R
CLO 4		R	I	R	R	I			R	R
CLO5		R	R	R		R			R	R
Tổng hợp học phần		R	I	R	R	I		R	R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Minh, (2014), *Phương pháp Montessori*, NXB Lao động.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

[3]. Ngô Hiểu Huy, (2015) *Phương pháp giáo dục Montessori – Dành cho trẻ từ 0-6 tuổi*, NXB Phụ Nữ.

[4]. Maria Montessori- người dịch Bùi Nga (2015), *Phương pháp giáo dục Montessori- Phát hiện mới về trẻ thơ*, NXB Đại học sư phạm.

[5]. Maria Montessori- người dịch Lê Nhật Minh, (2015) *Phương pháp giáo dục Montessori – Sự thâm thấu của tâm hồn*, NXB Đại học sư phạm.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi.
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài (vấn đáp).

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	* Giới thiệu học phần		Trình bày được vị trí, vai trò của		- GV thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn sinh

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
1	Chương 1. Những vấn đề chung về phương pháp giáo dục Montessori 1.1. Khái quát về phương pháp giáo dục Montessori <i>1.1.1. Khái quát về Nhà Giáo dục Maria Montessori</i> <i>1.1.2. Đặc điểm và ý nghĩa của phương pháp giáo dục Montessori</i> <i>1.1.3. Triết lý nền tảng của phương pháp giáo dục Montessori</i> 1.2. Giới thiệu thuật ngữ Montessori thường dùng <i>1.2.1. Phôi thai tinh</i>	6T 3	học phần trong CTĐT của ngành. - Trình bày khái quát được về nhà GD Maria Montessori - Phân tích được đặc điểm và ý nghĩa của phương pháp giáo dục Montessori - Phân tích được triết lý nền tảng của phương pháp giáo dục Montessori. Phân tích	CLO 1 CLO5 CLO 1 CLO5 CLO 1 CLO5	viên tìm hiểu về học phần; - SV tìm hiểu về học phần. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - SV: Nghe giảng, đọc tài liệu [1, tr 17-24]; [2, tr8-14] [3, tr13-38] và thực hiện các yêu cầu của GV. GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - GV chính xác hóa nội dung thảo luận. SV: các nhóm thảo luận và báo cáo - Ghi lại những TT cần thiết. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>thần</i>		được thuật ngữ phôi thai tinh thần theo phương pháp giáo dục Montessori.		- Nghe giảng, đọc tài liệu [1, tr21-34], [2, tr21-34]; [3] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu
2	1.2. Giới thiệu thuật ngữ Montessori thường dùng 1.2.2. Trí tuệ thẩm thấu 1.2.3. Các giai đoạn nhạy cảm		Phân tích được thuật ngữ Trí tuệ thẩm thấu theo phương pháp giáo dục Montessori. Phân tích được các giai đoạn nhạy cảm của cơ thể trẻ theo phương pháp Giáo dục Montessori.	CLO 1 CLO5	GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - GV chính xác hóa nội dung thảo luận. SV: thảo luận và báo cáo nội dung thảo luận. - Nghe giảng, đọc tài liệu [6, tr24-185] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
2	<u>Thảo luận:</u> Phương pháp giáo dục Montessori	1	Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa phương pháp giáo	CLO 1 CLO5	GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - Tổ chức cho sinh viên thảo luận, nhận xét, đánh giá.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			dục Montessori và giáo dục truyền thống Việt Nam.		- GV chính xác hóa nội dung thảo luận. - SV: các nhóm thảo luận và báo cáo - Nghe giảng, đọc tài liệu [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu
3-4	Chương 2. Các nguyên tắc sư phạm và các lĩnh vực cơ bản của phương pháp Montessori 15T= 10LT +5TH 2.1. Các nguyên tắc sư phạm 2.1.1. Nguyên tắc trộn độ tuổi 2.1.2. Nguyên tắc phân lập khó khăn 2.1.3. Nguyên tắc giáo dục bằng môi trường được chuẩn bị: giáo cụ kiểm soát lỗi 2.1.4. Nguyên tắc “Người lớn được chuẩn bị” 2.1.5. Tự do, kỷ luật	5	Vận dụng nguyên tắc sư phạm theo quan điểm giáo dục của Montessori vào các hoạt động giáo dục trong thực hiện CT giáo dục mầm non.	CLO1 CLO3 CLO5	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - Tổ chức cho sinh viên thảo luận, nhận xét, đánh giá. - chính xác hóa nội dung thảo luận. SV: - các nhóm thảo luận và báo cáo - SV: Nghe giảng, đọc tài liệu

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	và ba bước của sự vắng lời 2.1.6. “Sự bình thường hóa” 2.1.7. Vai trò của quan sát				[1], [2, tr14-32]; [5, tr28-46] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
4-5-6	2.2. Các lĩnh vực cơ bản trong giáo dục Montessori 2.2.1. Thực hành cuộc sống 2.2.2. Phát triển giác quan 2.2.3. Toán học 2.2.4. Ngôn ngữ 2.2.5. Thực hành địa lý - lịch sử - văn hóa	5	- Vận dụng được nội dung thực hành cuộc sống; phát triển các giác quan; toán; ngôn ngữ; địa lí – lịch sử - văn hoá vào các hoạt động GD cho trẻ mầm non theo quan điểm GD của Montessori	CLO1 CLO3 CLO5	GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - Tổ chức cho sinh viên thảo luận, nhận xét, đánh giá. - GV chính xác hóa nội dung thảo luận. SV: các nhóm thảo luận và báo cáo - Nghe giảng, đọc tài liệu [1, tr89-171]; [2]; và thực hiện các yêu cầu của GV.
6-7	<u>Thực hành</u> Kiến tập các hoạt động vận dụng các luận điểm và lĩnh vực cơ bản trong giáo dục Montessori vào các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.	5TH	- Mô tả được cách vận dụng các luận điểm và lĩnh vực cơ bản trong giáo dục Montessori vào trong các	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	GV: - Tổ chức cho SV tham quan, dự giờ ghi chép các hoạt động tại các cơ sở giáo dục mầm non vận dụng phương pháp giáo dục Montessori;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			hoạt động giáo dục mầm non.		trường Montessori Uông Bí. - GV rút ra kết luận sự phạm. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. SV: - Quan sát, ghi chép. - Tổ chức cho sinh viên nhận xét, đánh giá.
	Bài kiểm tra số 1 - Lý luận về phương pháp giáo dục Montessori. - Nguyên tắc và các lĩnh vực cơ bản trong giáo dục Montessori vào các hoạt động giáo dục mầm non.		Vận dụng được các nguyên tắc và lĩnh vực cơ bản trong giáo dục Montessori vào các hoạt động giáo dục mầm non.	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	* GV: Giao bài tập, chấm bài tập * NH: Làm và nộp bài tập
8-9	Chương 3. Ứng dụng phương pháp Montessori vào tổ chức các hoạt động Giáo dục mầm non 3.1. Nguyên tắc vận dụng phương pháp Montessori trong giáo dục mầm non	24T 4	- Phân tích được nguyên tắc vận dụng phương pháp giáo dục Montessori trong giáo dục mầm non.	CLO3 CLO4 CLO5	- GV thuyết trình - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - SV: Nghe giảng, đọc tài liệu [1], [2]. [3] và thực hiện các yêu cầu của GV.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	3.2. Quy trình vận dụng phương pháp Montessori trong giáo dục mầm non 3.3. Thiết kế và sử dụng giáo cụ trong phương pháp giáo dục Montessori		- Vận dụng được quy trình phương pháp giáo dục Montessori trong giáo dục mầm non - Vận dụng cách thiết kế và sử dụng được các giáo cụ trong phương pháp giáo dục Montessori	CLO3 CLO4 CLO5 CLO3 CLO4 CLO5	- GV thuyết trình - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Nghe giảng, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu của GV. - GV thuyết trình - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - GV thuyết trình - Nghe giảng, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu
9-10	3.4. Thực hành vận dụng Thực hành: Kiến tập các hoạt động giáo dục, theo phương pháp giáo dục Montessori; thiết kế và sử dụng giáo cụ Montessori.	20 6TH	- Phân tích được cách tổ chức môi trường, thiết kế, vận dụng các nguyên tắc sư phạm của phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở Giáo dục Mầm non	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV: - Tổ chức cho sinh viên đến cơ sở giáo dục mầm non áp dụng phương pháp giáo dục montessori để quan sát, học tập. (cơ sở tại Ưông Bí hoặc cơ sở Hạ Long) - GV kết luận. - GV: tổ chức

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			- Mô tả được cách thiết kế và sử dụng các giáo cụ Montessori.		quan sát cách thiết kế và sử dụng giáo cụ Montessori vào các hoạt động giáo dục tại cơ sở Giáo dục Mầm non - Sinh viên: quan sát, ghi chép, phân tích, đánh giá các hoạt động. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu
11	<u>Thực hành</u> Thiết kế giáo cụ theo phương pháp giáo dục Montessori cho các hoạt động giáo dục tại cơ sở Giáo dục Mầm non	3TH	- Vận dụng Thiết kế được giáo cụ theo phương pháp giáo dục Montessori cho các hoạt động giáo dục tại cơ sở Giáo dục Mầm non	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: - Giao nhiệm vụ cho các nhóm kiến tập, thiết kế, các hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori và tập sử dụng giáo cụ Montessori. - Tổ chức cho SV báo cáo, nhận xét, đánh giá;
12	<u>Thực hành:</u> thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp Montessori cho trẻ nhà trẻ tại các cơ sở Giáo dục Mầm non	3TH	- Thiết kế được các hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Chính xác hóa nội dung bài thực hành. - SV : + Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4];

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			tại cơ sở Giáo dục Mầm non,		[5], [6], [7] - Các nhóm kiến tập, thiết kế, các hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori và tập sử dụng giáo cụ Montessori.
13-15	Thực hành: thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp Montessori cho trẻ mẫu giáo tại các cơ sở Giáo dục Mầm non	8TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động giáo dục theo phương pháp Montessori tại các cơ sở Giáo dục Mầm non	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Lắng nghe, quan sát các nhóm báo cáo;
	* Kiểm tra bài số 2 Chấm nội dung thực hành: thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori và sử dụng giáo cụ Montessori.		- Vận dụng các nguyên tắc, quy trình vào thiết kế kế hoạch các hoạt động giáo dục theo phương pháp Montessori trong giáo dục mầm non. - Vận dụng Thiết kế được giáo cụ theo phương pháp giáo dục Montessori cho các hoạt động giáo dục tại cơ sở Giáo dục	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV: Giao nội dung thực hành, tổ chức cho SV báo cáo và chấm. - SV: Chia nhóm thực hành, thiết kế và báo cáo kết quả.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			Mầm non		

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO 5	- Theo dõi ý thức học tập của SV, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày học của SV.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	- Lý luận về phương pháp giáo dục Montessori. - Nguyên tắc và ứng dụng các lĩnh vực cơ bản của PP giáo dục Montessori vào các hoạt động giáo dục trong thực hiện chương trình GDMN. (tuần 7)	40%	x	CLO 1 CLO5	Đánh giá kết quả bài tập chương 1,2.
		Đánh giá nội dung thực hành: thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori và sử dụng giáo cụ Montessori. (tuần 15)	60%	x	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO6	Đánh giá nội dung thực hành chương 3
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	1. Lí luận về phương pháp giáo dục Montessori 2. Các nguyên tắc sư phạm và các lĩnh vực cơ bản của phương pháp giáo dục	30% 30% 40%	x	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO6	SV thi Tự luận. GV chấm điểm theo biểu điểm

		Montessori 3. Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori vào tổ chức các hoạt động Giáo dục mầm non.				

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu	40%

					tài liệu.	

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1,2 của học phần.

- Hình thức: bài tập

Bảng 6. Rubric Đánh giá bài tập (Work Assignment)

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

* Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: chương 3

- Hình thức: Đánh giá thực hành

Bảng 5.2. Rubric đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội	Không có	Nội dung	Nội dung	Nội dung	Nội dung	20%

dung kiến thức	nội dung hoạt động.	không đầy đủ <50% kết quả.	đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	
Trình bày thuyết minh/ tập giảng	Không thuyết minh/ thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1,2, 3 của học phần.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Đặc điểm, ý nghĩa, triết lý nền tảng, các thuật ngữ của phương pháp giáo dục Montessori .	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác	3

		GDMN.	
2	Các nguyên tắc sư phạm và các lĩnh vực cơ bản trong phương pháp giáo dục Montessori	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	3
3	Nguyên tắc, quy trình thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp Montessori cho trẻ ở trường mầm non	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	4
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Ngọc Quỳnh

2.5.57. Thực hành sư phạm thường xuyên 1 (THSPTX1) (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620043
1.2. Tên học phần:	Thực hành sư phạm thường xuyên 1
1.3. Tên tiếng Anh:	Practice – pedagogical practice 1
1.4. Số tín chỉ:	2 TH
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	6 tiết
- Thực hành:	84 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Hương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Minh Huệ ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi kết thúc Thực hành sư phạm thường xuyên 1, người học có những kiến thức thực tiễn về cơ cấu tổ chức; tìm hiểu, làm quen với các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. Có kỹ năng quan sát, nhận biết, thao tác được một số hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức thực tiễn về cơ cấu tổ chức tại cơ sở Giáo dục Mầm non.
- CO2: Có kiến thức thực tiễn về sự phát triển tâm sinh lý, thể chất của trẻ mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng quan sát, nhận biết các hoạt động của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

- CO4: Có kỹ năng thao tác được một số hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có tình cảm và trách nhiệm, nhiệt tình, hợp tác trong việc chăm sóc trẻ mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần Thực hành sư phạm thường xuyên 1 (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được các công việc của giáo viên, nhân viên tại cơ sở Giáo dục Mầm non; biết công việc của cán bộ quản lý.	CO1
CLO2	Quan sát được các biểu hiện về tâm sinh lý của trẻ mầm non.	CO2
CLO3	Liệt kê/ trình bày được các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của giáo viên, nhân viên và trẻ mầm non.	CO3, CO4
CLO4	Thao tác, đánh giá được một số hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ dưới sự hướng dẫn của giáo viên Mầm non.	CO3, CO4
CLO5	Yêu nghề, yêu trẻ, trách nhiệm, chủ động, hợp tác, chia sẻ trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I							I	I
CLO 2		I	R	I		R			I	R
CLO 3		R	I	R		R			R	I
CLO 4		I	R	I	R	I			I	R
CLO5									I	R
Tổng hợp HP		I	R	I	R	R			I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình GDMN*, (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT), ngày 13.4.2021.
- [2]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.
- [3]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3-4 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [4]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 4-5 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [5]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 5 - 6 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết thực hành: 60 tiết.
- Tổng số tuần thực hành: 2 tuần.
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 10 buổi/ tuần x 2 tuần = 60 tiết
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học, các buổi thực hành tại cơ sở Giáo dục Mầm non.
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài.
 - + Thi kết thúc học phần: 0

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	(*) Giới thiệu học phần	6LT	- Mô tả được vị trí, vai trò của học phần trong chương trình đào tạo.	CLO1 CLO5	- GV: Giới thiệu học phần. - Người học lắng nghe, ghi chép
	Ngày 1 1. Nội quy, quy chế thực hành		- Trình bày được nội quy, quy chế thực hành.	CLO1 CLO5	*GV: - Phân nhóm thực hành theo nhóm lớp trẻ tại cơ sở GDMN. - Giao kế hoạch giáo dục tuần cho người học. - Hướng dẫn người học nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4],

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					[5], - Hướng dẫn người học thiết kế hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, ghi nhật kí, viết thu hoạch cuối đợt thực hành. - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * Người học - Nghiên cứu tài liệu, kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV chỉ đạo.
	2. Hướng dẫn thiết kế hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ (Đón trẻ; thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết; ăn, ngủ, vệ sinh; trả trẻ) tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Vận dụng thiết kế được hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ (Đón trẻ; thể dục sáng; điểm danh, dự báo thời tiết, ăn, ngủ, vệ sinh; trả trẻ) tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		* Người học: - Thiết kế hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã được phân công. - Chuẩn bị đồ dùng cho các hoạt động được phân công. - Người học dự giờ, ghi chép tiến trình tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của GVMN. - Tham gia nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.
	3. Hướng dẫn cách ghi chép nhật kí thực hành.		- Vận dụng ghi chép được nhật kí hằng ngày, logic, khoa học.		* GV - Duyệt, điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của người học theo kế hoạch đã phân công.
	4. Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch cuối đợt thực hành.		- Vận dụng viết được báo cáo bài thu hoạch đầy đủ, hợp lí, khoa		- Tham gia dự giờ cùng người học.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			học.		- Theo dõi ý thức tổ chức, kỉ luật của người học trong các hoạt động.
	5. Nghe báo cáo về cơ cấu tổ chức nhà trường tại cơ sở Giáo dục Mầm non		- Ghi chép được nội dung báo cáo tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		
	Ngày 2,3,4,5 1. Dự các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non	24 TH	- Quan sát, nhận biết được các hoạt động của GVMN trong ngày.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	
	2. Ghi chép nhật ký		- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		
3. Nhận xét cuối ngày	- Rút ra được bài học kinh nghiệm trong tổ chức các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.				
2	Ngày 6,7,8,9,10 1. Thực hành công tác chăm sóc giáo dục trẻ - Tổ chức hoạt động đón- trả trẻ	30 TH	- Thực hiện được công tác đón- trả trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* Người học: - Tiếp tục thiết kế, điều chỉnh hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã được phân công. - Chuẩn bị đồ dùng cho các hoạt động
	- Tổ chức hoạt động thể dục sáng; điểm		- Thiết kế, tổ chức được		

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết.		hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết.		được phân công.
	- Tổ chức hoạt động vệ sinh.		- Thực hiện được công tác vệ sinh trong và ngoài lớp mầm non.		- Người học dự giờ, ghi chép tiến trình tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của GVMN, các thành viên trong nhóm.
	- Tổ chức hoạt động cho trẻ ăn.		- Tổ chức được bữa ăn cho trẻ (trước, trong, sau khi ăn).		- Thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã phân công.
	- Tổ chức hoạt động cho trẻ ngủ.		- Tổ chức được hoạt động cho trẻ ngủ (trước, trong, sau khi ngủ).		- Tham gia nhận xét, đánh giá việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của các thành viên trong nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.
	2. Dự các hoạt động học của giáo viên tại cơ sở Giáo dục Mầm non (Tổ chức hoạt động âm nhạc, tạo hình, làm quen với toán, văn học, ngôn ngữ, Môi trường xung quanh, thể dục)		- Mô tả được tiến trình hoạt động của GVMN.		- Viết bài thu hoạch sau khi kết thúc đợt thực hành. * GV
	3. Nhận xét, rút kinh nghiệm		- Đánh giá được kết quả hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của bản thân, các bạn trong nhóm và của		- Tiếp tục duyệt, điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của người học theo kế hoạch đã phân công. - Tham gia dự giờ các hoạt động chăm sóc giáo dục của người học. - Theo dõi ý thức tổ chức, kỉ luật của người học trong các hoạt động. - Chấm bài tập của người học.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			GVMN. - Rút được kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN.		
	4. Ghi nhật kí		- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô, các bạn trong nhóm và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		
	5. Viết bài thu hoạch		- Trình bày được cơ cấu tổ chức nhà trường. - Đánh giá được toàn bộ các hoạt động dự giờ, thực hiện trong đợt thực hành. - Đánh giá, nhận xét, rút ra bài học cho bản thân. - Đề xuất, kiến nghị.		

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	30%	Ý thức tham gia học tập, thực hành, thực hiện các yêu cầu của giảng viên, giáo viên tại cơ sở thực hành.		x	CLO5	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giáo. - Thống kê ngày học của người học.
A2 Đánh giá định kỳ	70%	1. Bài thu hoạch cuối đợt thực hành (tuần 2).	50%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Đánh giá kết quả bài thu hoạch cuối đợt thực hành theo Rubric
		2. Thực hành thiết kế, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ (Đón trẻ; thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng; ăn, ngủ, vệ sinh; trả trẻ) tại cơ sở	50%	x	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Đánh giá kết quả hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN. - GV chấm theo biểu điểm.

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		GDMN.				

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp tại cơ sở thực hành, ý thức học trên lớp thực hành, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

TCD G	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 95\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30 %
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30 %
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu	40 %

					tài liệu.	

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra số 1

- Nội dung: Viết thu hoạch cuối đợt thực hành
- Hình thức: Bài tập.

Bảng 6a. Rubric đánh giá bài tập

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu, cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

				tiết.		

* Bài kiểm tra số 2

- Nội dung: thực hành chăm sóc giáo dục trẻ
- Hình thức: thực hành tại nhóm lớp mầm non.

Bảng 6b. Rubic đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và	20%

					giữa các nhóm.	
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/ tập giảng	Không thuyết minh/ thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót.	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

Ghi chú: Bài 2: Điểm chấm sóc giáo dục trẻ = trung bình cộng các hoạt động thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ trong tuần.

8.2.3. Thi kết thúc học phần (không)

Quảng Ninh, ngày.... tháng 7 năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Thị Hương

2.5.58. Thực hành sư phạm thường xuyên 2 (THSPTX2) (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620044
1.2. Tên học phần:	Thực hành sư phạm thường xuyên 2
1.3. Tên tiếng Anh:	Practice – pedagogical practice 2
1.4. Số tín chỉ:	2 TH
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	0
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Nguyễn Minh Huệ
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS Nguyễn Thị Hương ThS Nguyễn Ngọc Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không.
- Học phần học trước:	SP620043
- Học phần song hành:	Không.

2. Mục tiêu HP**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi kết thúc Thực hành sư phạm thường xuyên 2, người học có những kiến thức thực tiễn về cơ cấu tổ chức, tìm hiểu vị trí việc làm của các thành viên tại cơ sở Giáo dục Mầm non; thực hành các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ. Có kỹ năng quan sát, thiết kế, tổ chức, đánh giá được các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức thực tiễn về vị trí việc làm của giáo viên Mầm non, cán bộ quản lý, nhân viên,... tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

- CO2: Có kiến thức thực tiễn về thiết kế, tổ chức một số hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non; xây dựng kế hoạch một ngày cho trẻ.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng phân tích, đánh giá vị trí việc làm của các thành viên trong nhà trường, hoạt động của bản thân, các thành viên trong nhóm và của trẻ.

- CO4: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có tình cảm và trách nhiệm, nhiệt tình, hợp tác trong việc chăm sóc trẻ mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Thực hành sư phạm thường xuyên 2” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được các vị trí việc làm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO1
CLO2	Phân tích được các hình thức, phương pháp tổ chức một số hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.	CO3, CO4
CLO4	Phân tích, đánh giá được việc thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của giáo viên Mầm non, bản thân, các thành viên trong nhóm và trẻ.	CO3, CO4
CLO5	Yêu nghề, yêu trẻ, trách nhiệm, chủ động, hợp tác, chia sẻ trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I			R			I	R
CLO 2		I	R	I		I			I	R
CLO 3		R	R	I		R		I	R	R
CLO 4			R	I	I	R			R	R

CLO5									I	R
THHP		I	R	I	I	R		I	R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình GDMN*, (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT), ngày 13.4.2021.
- [2]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.
- [3]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3-4 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [4]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 4-5 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [5]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 5 - 6 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết thực hành: 60 tiết.
- Tổng số tuần thực hành: 2 tuần.
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 10 buổi/ tuần x 2 tuần = 60 tiết
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học, các buổi thực hành tại cơ sở Giáo dục Mầm non.
 - + Kiểm tra định kỳ: 2 bài.
 - + Thi kết thúc học phần: 0

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần	30T H	- Mô tả được vị trí, vai trò của học phần trong chương trình đào tạo.	CLO1 CLO5	- GV: Giới thiệu học phần. - Người học lắng nghe, ghi chép
	Ngày 1 1. Dự các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô và trẻ tại cơ		- Quan sát, nhận biết được các hoạt	CLO1 CLO5	Trước khi đi thực hành *GV: - Phân nhóm sinh viên theo nhóm lớp trẻ tại

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	sở Giáo dục Mầm non		động của GVMN trong ngày.		cơ sở GDMN. - Giao kế hoạch giáo dục tuần cho sinh viên.
	2. Ghi chép nhật ký		- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Hướng dẫn người học nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5], [6]; - Hướng dẫn người học thiết kế hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, ghi nhật kí, viết thu hoạch cuối đợt thực hành.
	3. Nhận xét cuối ngày		- Rút ra được bài học kinh nghiệm trong tổ chức các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Đánh giá, chốt lại vấn đề. * Người học - Nghiên cứu tài liệu, kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV chỉ đạo.
	Ngày 2,3,4,5 1. Thực hành công tác chăm sóc giáo dục trẻ - Hoạt động đón- trả trẻ		- Thực hiện được công tác đón- trả trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* Người học: - Thiết kế, điều chỉnh hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã được phân công.
	- Tổ chức hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		- Thiết kế, tổ chức được hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		- Chuẩn bị đồ dùng cho các hoạt động được phân công. - Thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã phân công. - Người học dự giờ, ghi chép tiến trình tổ chức

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Tổ chức Hoạt động vui chơi cho trẻ.		- Thiết kế, tổ chức được HĐVC (hoạt động góc, vui chơi ngoài trời) cho trẻ.		các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của GVMN, các thành viên trong nhóm. - Tham gia nhận xét, đánh giá việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của các thành viên trong nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân. - Viết bài thu hoạch sau khi kết thúc đợt thực hành. * GV
	- Hoạt động vệ sinh.		- Thực hiện được công tác vệ sinh trong và ngoài lớp mầm non.		- Duyệt, điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của sinh viên theo kế hoạch đã phân công. - Tham gia dự giờ các hoạt động chăm sóc giáo dục của người học.
	- Hoạt động cho trẻ ăn.		- Tổ chức được bữa ăn cho trẻ (trước, trong, sau khi ăn).		- Theo dõi ý thức tổ chức, kỉ luật của Người học trong các hoạt động.
	- Hoạt động cho trẻ ngủ.		- Tổ chức được hoạt động cho trẻ ngủ (trước, trong, sau khi ngủ).		
	- Tổ chức sinh hoạt chiều.		- Thiết kế, tổ chức được hoạt động sinh hoạt chiều cho trẻ.		
	2. Hoạt động học 2.1. Dự giờ tổ chức các hoạt động học (Tổ chức hoạt động tạo hình, làm quen với toán, văn học, ngôn ngữ, Môi trường xung quanh,		- Mô tả được tiến trình hoạt động của GVMN. - Thiết kế, tổ		

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	thể dục, phát triển ngôn ngữ). 2.2. Tập dạy hoạt động học: Tổ chức hoạt động âm nhạc.		chức, đánh giá, điều chỉnh được hoạt động giáo dục cho trẻ tại cơ sở GDMN.		
	3. Đánh giá trẻ		- Đánh giá được kết quả hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.		
	4. Ghi nhật kí		- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô, các bạn trong nhóm và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		
	5. Nhận xét cuối ngày		- Rút được kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN.		
2	Ngày 6,7,8,9,10 1. Thực hành công tác chăm sóc giáo dục trẻ	30T H	- Thực hiện được công tác	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	* Người học: - Tiếp tục thiết kế, điều chỉnh hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Hoạt động đón- trả trẻ		đón- trả trẻ.	CLO5	hoạch đã được phân công. - Chuẩn bị đồ dùng cho các hoạt động được phân công. - Người học dự giờ, ghi chép tiến trình tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của GVMN, các thành viên trong nhóm. - Tiếp tục thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã phân công. - Tham gia nhận xét, đánh giá việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của các thành viên trong nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân. - Viết bài thu hoạch sau khi kết thúc đợt thực hành. * GV - Tiếp tục duyệt, điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của người học theo kế hoạch đã phân công. - Tham gia dự giờ các hoạt động chăm sóc giáo dục của người học.
	- Tổ chức hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		- Thiết kế, tổ chức được hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		
	- Tổ chức Hoạt động vui chơi cho trẻ.		- Thiết kế, tổ chức được HĐVC (hoạt động góc, vui chơi ngoài trời) cho trẻ.		
	- Hoạt động vệ sinh.		- Thực hiện được công tác vệ sinh trong và ngoài lớp mầm non.		
	- Hoạt động cho trẻ ăn.		- Tổ chức được bữa ăn cho trẻ (trước, trong, sau khi ăn).		
	- Hoạt động cho trẻ ngủ.		- Tổ chức được hoạt động cho trẻ ngủ (trước, trong, sau khi ngủ).		
	- Tổ chức sinh hoạt chiều.		- Thiết kế, tổ chức được		

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			hoạt động sinh hoạt chiều cho trẻ.		- Theo dõi ý thức tổ chức, kỉ luật của người học trong các hoạt động.
	2. Hoạt động học 2.1. Dự giờ tổ chức các hoạt động học (Tổ chức hoạt động tạo hình, làm quen với toán, văn học, ngôn ngữ, Môi trường xung quanh, thể dục, phát triển ngôn ngữ). 2.2. Tập dạy hoạt động học: Tổ chức hoạt động âm nhạc.		- Mô tả được tiến trình hoạt động của GVMN. - Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được hoạt động giáo dục cho trẻ tại cơ sở GDMN.		- Chấm bài tập của người học.
	3. Đánh giá trẻ		- Đánh giá được kết quả hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của bản thân, các bạn trong nhóm và của GVMN.		
	4. Nhận xét rút kinh nghiệm		- Rút được kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở		

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			GDMN		
	5. Xây dựng kế hoạch ngày		. - Thiết kế được kế hoạch hoạt động một ngày cho trẻ		
	6. Ghi nhật kí		.- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô, các bạn trong nhóm và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		
	7. Viết bài thu hoạch		- Trình bày được cơ cấu tổ chức nhà trường. - Đánh giá được toàn bộ các hoạt động dự giờ, thực hiện trong đợt thực hành. - Đánh giá, nhận xét rút ra bài học cho bản thân. - Đề xuất, kiến nghị.		

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	30%	Ý thức tham gia học tập, thực hành, thực hiện các yêu cầu của giảng viên, giáo viên tại cơ sở thực hành.		x	CLO5	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giáo. - Thống kê ngày học của người học.
A2 Đánh giá định kỳ	70%	1. Bài thu hoạch cuối đợt thực hành (tuần 2).	20%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đánh giá kết quả bài thu hoạch cuối đợt thực hành.
		2 Thực hành tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ (tuần 1,2).	20%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, GV chấm theo biểu điểm.
		3 Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục trẻ (hoạt động học). (tuần 1,2).	30%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục trẻ, GV chấm theo biểu điểm.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp tại cơ sở thực hành, ý thức học trên lớp thực hành, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

TCĐ G	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 95\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30 %
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30 %
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40 %

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra số 1

- Nội dung: Viết thu hoạch cuối đợt thực hành
- Hình thức: Bài tập.

Bảng 6a. Rubric đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nội dung bài tập	Không nộp bài tập.	Nội dung chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nội dung bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nội dung bài tập đúng thời gian đầy đủ < 90% số lượng được giao.	Nội dung bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu về thể thức nhưng còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

** Bài kiểm tra số 2*

- Nội dung: thực hành chăm sóc giáo dục trẻ

** Bài kiểm tra số 3*

- Nội dung: tổ chức tiết học (hoạt động giáo dục)

- Hình thức: thực hành tại nhóm lớp mầm non.

Bảng 6b. Rubric đánh giá thực hành số 2, số 3

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các	20%

					nhóm.	
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/ tập giảng	Không thuyết minh/ thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót.	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

- Bài 2: Điểm chăm sóc giáo dục = trung bình cộng các hoạt động thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong tuần.

- Mỗi sinh viên thực hiện 01 hoạt động học/ đợt.

8.2.3. Thi kết thúc học phần (không).

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Minh Huệ

2.5.59. Thực hành sư phạm thường xuyên 3 (THSPTX3) (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620045
1.2. Tên học phần:	Thực hành sư phạm thường xuyên 3
1.3. Tên tiếng Anh:	Practice – pedagogical practice 3
1.4. Số tín chỉ:	2 TH
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Nguyễn Minh Huệ
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS Nguyễn Thị Hương ThS Nguyễn Ngọc Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không.
- Học phần học trước:	SP620044
- Học phần song hành:	Không.

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi kết thúc Thực hành sư phạm thường xuyên 3, người học có những kiến thức thực tiễn về chương trình GDMN. Thực hành các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ. Có kỹ năng quan sát, thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức thực tiễn về chương trình Giáo dục Mầm non.
- CO2: Có kiến thức thực tiễn về xây dựng kế hoạch chăm sóc- giáo dục trẻ một tuần.

Tổng hợp học phần		R	R	R	M	R		I	R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình GDMN*, (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT), ngày 13.4.2021.
- [2]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.
- [3]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3-4 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [4]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 4-5 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [5]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 5 - 6 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết thực hành: 60 tiết.
- Tổng số tuần thực hành: 2 tuần.
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 10 buổi/ tuần x 2 tuần = 60 tiết
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học, các buổi thực hành tại cơ sở Giáo dục Mầm non.
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài.
 - + Thi kết thúc học phần: 0

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần	30T H	- Mô tả được vị trí, vai trò của học phần trong chương trình đào tạo.	CLO1 CLO5	- GV: Giới thiệu học phần. - Người học lắng nghe, ghi chép
	Ngày 1 1. Dự các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô và trẻ tại cơ		- Quan sát, nhận biết được các hoạt	CLO1 CLO5	Trước khi đi thực hành *GV: - Phân nhóm sinh viên theo nhóm lớp trẻ tại

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	sở Giáo dục Mầm non		động của GVMN trong ngày.		cơ sở GDMN. - Giao kế hoạch giáo dục tuần cho sinh viên.
	2. Ghi chép nhật ký		- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Hướng dẫn Người học nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5], [6]; - Hướng dẫn sinh viên thiết kế hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, ghi nhật kí, viết thu hoạch cuối đợt thực hành.
	3. Nhận xét cuối ngày		- Rút ra được bài học kinh nghiệm trong tổ chức các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Đánh giá, chốt lại vấn đề. * Người học - Nghiên cứu tài liệu, kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV chỉ đạo.
	Ngày 2,3,4,5 1. Thực hành công tác chăm sóc giáo dục trẻ - Hoạt động đón- trả trẻ		- Thực hiện được công tác đón- trả trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* Người học: - Thiết kế, điều chỉnh hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã được phân công.
	- Tổ chức hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		- Thiết kế, tổ chức được hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		- Chuẩn bị đồ dùng cho các hoạt động được phân công. - Thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã phân công. - Người học dự giờ, ghi chép tiến trình tổ chức

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	- Tổ chức Hoạt động vui chơi cho trẻ.		- Thiết kế, tổ chức được HĐVC (hoạt động góc, vui chơi ngoài trời) cho trẻ.		các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của GVMN, các thành viên trong nhóm. - Tham gia nhận xét, đánh giá việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của các thành viên trong nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân. - Viết bài thu hoạch sau khi kết thúc đợt thực hành. * GV
	- Hoạt động vệ sinh.		- Thực hiện được công tác vệ sinh trong và ngoài lớp mầm non.		- Duyệt, điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của sinh viên theo kế hoạch đã phân công. - Tham gia dự giờ các hoạt động chăm sóc giáo dục của Người học.
	- Hoạt động cho trẻ ăn.		- Tổ chức được bữa ăn cho trẻ (trước, trong, sau khi ăn).		- Theo dõi ý thức tổ chức, kỉ luật của Người học trong các hoạt động.
	- Hoạt động cho trẻ ngủ.		- Tổ chức được hoạt động cho trẻ ngủ (trước, trong, sau khi ngủ).		
	- Tổ chức sinh hoạt chiều.		- Thiết kế, tổ chức được hoạt động sinh hoạt chiều cho trẻ.		
	2. Hoạt động học 2.1. Dự giờ tổ chức các hoạt động học (PP cho trẻ KPKH về MTXQ, LQ tác phẩm văn học, LQ với Toán). 2.2. Tập dạy hoạt		- Mô tả được tiến trình hoạt động của GVMN. - Thiết kế, tổ chức, đánh		

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	động học: (Tổ chức hoạt động âm nhạc, Tạo hình, Múa và PP biên dạy múa cho trẻ mầm non, phát triển ngôn ngữ).		giá, điều chỉnh được hoạt động giáo dục cho trẻ tại cơ sở GDMN.		
	3. Đánh giá trẻ		- Đánh giá được kết quả hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.		
	4. Ghi nhật kí		- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô, các bạn trong nhóm và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		
	5. Nhận xét cuối ngày		- Rút được kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN.		
2	Ngày 6,7,8,9,10 1. Thực hành công tác chăm sóc giáo	30T H	- Thực hiện	CLO1 CLO2 CLO3	* Người học: - Tiếp tục thiết kế, điều chỉnh hoạt động chăm

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	dục trẻ - Hoạt động đón- trả trẻ		được công tác đón- trả trẻ.	CLO4 CLO5	sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã được phân công.
	- Tổ chức hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		- Thiết kế, tổ chức được hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		- Chuẩn bị đồ dùng cho các hoạt động được phân công. - Người học dự giờ, ghi chép tiến trình tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của GVMN, các thành viên trong nhóm.
	- Tổ chức Hoạt động vui chơi cho trẻ.		- Thiết kế, tổ chức được HĐVC (hoạt động góc, vui chơi ngoài trời) cho trẻ.		- Tiếp tục thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã phân công. - Tham gia nhận xét, đánh giá việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của các thành viên trong nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.
	- Hoạt động vệ sinh.		- Thực hiện được công tác vệ sinh trong và ngoài lớp mầm non.		- Viết bài thu hoạch sau khi kết thúc đợt thực hành.
	- Hoạt động cho trẻ ăn.		- Tổ chức được bữa ăn cho trẻ (trước, trong, sau khi ăn).		* GV
	- Hoạt động cho trẻ ngủ.		- Tổ chức được hoạt động cho trẻ ngủ (trước, trong, sau khi ngủ).		- Tiếp tục duyệt, điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của sinh viên theo kế hoạch đã phân công.
	- Tổ chức sinh hoạt		- Thiết kế, tổ		- Tham gia dự giờ các hoạt động chăm sóc giáo dục của Người

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	chiều.		chức được hoạt động sinh hoạt chiều cho trẻ.		học. - Theo dõi ý thức tổ chức, kỉ luật của Người học trong các hoạt động.
	2. Hoạt động học 2.1. Dự giờ tổ chức các hoạt động học (PP cho trẻ KPKH về MTXQ, LQ tác phẩm văn học, LQ với Toán). 2.2. Tập dạy hoạt động học: (Tổ chức hoạt động âm nhạc, Tạo hình, Múa và PP biên dạy múa cho trẻ mầm non, phát triển ngôn ngữ).		- Mô tả được tiến trình hoạt động của GVMN. - Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được hoạt động giáo dục cho trẻ tại cơ sở GDMN.		- Chấm bài tập của sinh viên.
	3. Đánh giá trẻ		- Đánh giá được kết quả hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của bản thân, các bạn trong nhóm và của GVMN.		
	4. Ghi nhật kí		- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô, các bạn trong nhóm và trẻ tại cơ sở Giáo		

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			dục Mầm non.		
	5. Xây dựng kế hoạch tuần		- Thiết kế được kế hoạch hoạt động một tuần cho trẻ.		
	6. Ghi nhật kí		.- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô, các bạn trong nhóm và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		
	7. Viết bài thu hoạch		- Trình bày được cơ cấu tổ chức nhà trường. - Đánh giá được toàn bộ các hoạt động dự giờ, thực hiện trong đợt thực hành. - Đánh giá, nhận xét rút ra bài học cho bản thân. - Đề xuất, kiến nghị.		

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	30%	Ý thức tham gia học tập, thực hành, thực hiện các yêu cầu của giảng viên, giáo viên tại cơ sở thực hành.		x	CLO5	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giáo. - Thống kê ngày học của người học.
A2 Đánh giá định kỳ	70%	A2.1. Bài thu hoạch cuối đợt thực hành (tuần 2).	20%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đánh giá kết quả bài thu hoạch cuối đợt thực hành.
		A2.2.2 Thực hành tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ (tuần 1,2).	20%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, GV chấm theo biểu điểm.
		A2.3 Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục trẻ (hoạt động học). (tuần 1,2).	30%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục trẻ, GV chấm theo biểu điểm.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp tại cơ sở thực hành, ý thức học trên lớp thực hành, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

TCĐ G	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	

Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 95\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30 %
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30 %
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40 %

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra số 1

- Nội dung: Viết thu hoạch cuối đợt thực hành
- Hình thức: Bài tập.

Bảng 6a. Rubric đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy	20%

		lượng bài tập được giao.	bài tập được giao		định	
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu về thể thức nhưng còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

* Bài kiểm tra số 2

- Nội dung: thực hành chăm sóc giáo dục trẻ

* Bài kiểm tra số 3

- Nội dung: tổ chức tiết học (hoạt động giáo dục)

- Hình thức: thực hành tại nhóm lớp mầm non.

Bảng 6b. Rubric đánh giá thực hành số 1, số 2

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng	20%

	trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%

Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

Ghi chú:

- Bài 2: Điểm chăm sóc giáo dục = trung bình cộng các hoạt động thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong tuần.

- Mỗi sinh viên thực hiện 01 hoạt động học/ đợt.

8.2.3. Thi kết thúc học phần (không).

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Minh Huệ

2.5.60. Thực hành sư phạm thường xuyên 4 (THSPTX4) (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620046
1.2. Tên học phần:	Thực hành sư phạm thường xuyên 4
1.3. Tên tiếng Anh:	Practice – pedagogical practice 4
1.4. Số tín chỉ:	2 TH
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	60
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Hương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Minh Huệ ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620045
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi kết thúc Thực hành sư phạm thường xuyên 4, người học có những kiến thức thực tiễn về tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ, hoạt động lễ, hội. Có kỹ năng quan sát, đánh giá các điều kiện thực hiện chương trình GDMN và thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức thực tiễn về tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ, các ngày lễ, hội; các điều kiện thực hiện chương trình GDMN tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

- CO2: Có kiến thức về xây dựng kế hoạch chăm sóc- giáo dục tháng/ chủ đề; tổ chức các ngày hội ngày lễ cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO3: Có kĩ năng xây dựng các loại kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ.
- CO4: Có kĩ năng phân tích, đánh giá các điều kiện thực hiện chương trình; hoạt động của bản thân, thành viên trong nhóm và của trẻ.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có tình cảm, trách nhiệm, nhiệt tình, kiên trì, hợp tác trong việc chăm sóc trẻ mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần Thực hành sư phạm thường xuyên 4 (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được quy trình tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ, các ngày lễ, hội; các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chương trình GDMN.	CO1
CLO2	Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ theo tháng/chủ đề; các hoạt động lễ hội tại cơ sở GDMN.	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Xây dựng kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ theo tháng/ chủ đề.	CO3, CO4
CLO4	Phân tích, đánh giá được các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện chương trình; các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của giáo viên Mầm non, bản thân, các thành viên trong nhóm và trẻ.	CO3, CO4
CLO5	Yêu nghề, yêu trẻ, trách nhiệm, chủ động, hợp tác, chia sẻ trong việc chăm sóc trẻ.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	R			R			R	R
CLO 2		R	R	M					R	R
CLO 3		R	R	M	R	M			R	R
CLO 4		R	R	R	I	M			R	R
CLO5		R							R	R

Tổng hợp học phần		R	R	M	R	M			R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình GDMN*, (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT), ngày 13.4.2021.
- [2]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.
- [3]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3-4 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [4]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 4-5 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [5]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 5 - 6 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết thực hành: 60 tiết.
- Tổng số tuần thực hành: 2 tuần.
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 10 buổi/ tuần x 2 tuần = 60 tiết
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học, các buổi thực hành tại cơ sở Giáo dục Mầm non.
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài.
 - + Thi kết thúc học phần: 0

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần	30 TH	- Mô tả được vị trí, vai trò của học phần trong chương trình đào tạo.	CLO1 CLO5	- GV: Giới thiệu học phần. - Người học lắng nghe, ghi chép
	Ngày 1 1. Dự các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm		- Quan sát, nhận biết được các hoạt động của GVMN trong	CLO1 CLO5	Trước khi đi thực hành *GV: - Phân nhóm thực hành theo nhóm lớp trẻ tại cơ sở GDMN.

non		ngày.		- Giao kế hoạch giáo dục tuần cho người học.
2. Ghi chép nhật ký		- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Hướng dẫn người học nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4], [5], - Hướng dẫn sinh viên thiết kế hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, ghi nhật kí, viết thu hoạch cuối đợt thực hành.
3. Nhận xét cuối ngày		- Rút ra được bài học kinh nghiệm trong tổ chức các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Đánh giá, chốt lại vấn đề. * Người học - Nghiên cứu tài liệu, kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV chỉ đạo.
Ngày 2,3,4,5 1. Thực hành công tác chăm sóc giáo dục trẻ - Hoạt động đón- trả trẻ		- Thực hiện được công tác đón- trả trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* Người học: - Thiết kế, điều chỉnh hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã được phân công.
- Tổ chức hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		- Thiết kế, tổ chức được hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		- Chuẩn bị đồ dùng cho các hoạt động được phân công. - Thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã phân công.
- Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ.		- Thiết kế, tổ chức được HĐVC (hoạt động góc, vui chơi ngoài trời) cho trẻ.		- Người học dự giờ, ghi chép tiến trình tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của GVMN, các thành viên trong nhóm.

- Tổ chức hoạt động vệ sinh.		- Thực hiện được công tác vệ sinh trong và ngoài lớp mầm non.		- Tham gia nhận xét, đánh giá việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của các thành viên trong nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.
- Hoạt động cho trẻ ăn.		- Tổ chức được bữa ăn cho trẻ (trước, trong, sau khi ăn).		- Viết bài thu hoạch sau khi kết thúc đợt thực hành.
- Hoạt động cho trẻ ngủ.		- Tổ chức được hoạt động cho trẻ ngủ (trước, trong, sau khi ngủ).		* GV
- Tổ chức sinh hoạt chiều.		- Thiết kế, tổ chức được hoạt động sinh hoạt chiều cho trẻ.		- Duyệt, điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của người học theo kế hoạch đã phân công.
2. Hoạt động học Tập dạy hoạt động học ở nhóm lớp (các hoạt động đã học xong phương pháp).		- Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được hoạt động giáo dục cho trẻ tại cơ sở GDMN.		- Tham gia dự giờ các hoạt động chăm sóc giáo dục của người học.
3. Ghi nhật kí		- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô, các bạn trong nhóm và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Theo dõi ý thức tổ chức, kỉ luật của người học trong các hoạt động.
4. Đánh giá trẻ 5. Nhận xét, rút kinh nghiệm		- Đánh giá được kết quả hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của bản thân, các bạn trong nhóm và của		

			GVMN. - Rút được kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN.		
	Ngày 6,7,8,9,10 1. Thực hành công tác chăm sóc giáo dục trẻ - Hoạt động đón- trả trẻ	30 TH	- Thực hiện được công tác đón- trả trẻ.		* Người học: - Tiếp tục thiết kế, điều chỉnh hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã được phân công.
	- Tổ chức hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.		- Thiết kế, tổ chức được hoạt động thể dục sáng; điểm danh, kiểm tra vệ sinh, dự báo thời tiết, trò chuyện sáng.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Chuẩn bị đồ dùng cho các hoạt động được phân công.
	- Tổ chức Hoạt động vui chơi cho trẻ.		- Thiết kế, tổ chức được HĐVC (hoạt động góc, vui chơi ngoài trời) cho trẻ.		- Người học dự giờ, ghi chép tiến trình tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của GVMN, các thành viên trong nhóm.
	- Hoạt động vệ sinh.		- Thực hiện được công tác vệ sinh trong và ngoài lớp mầm non.		- Tiếp tục thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch đã phân công.
	- Hoạt động cho trẻ ăn.		- Tổ chức được bữa ăn cho trẻ (trước, trong, sau khi ăn).		- Thực hiện các hoạt động lễ, hội tại cơ sở GDMN.
	- Hoạt động cho trẻ ngủ.		- Tổ chức được hoạt động cho trẻ		- Tham gia nhận xét, đánh giá việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của các thành viên trong nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.
					- Viết bài thu hoạch sau

		ngủ (trước, trong, sau khi ngủ).		khi kết thúc đợt thực hành.
	- Tổ chức sinh hoạt chiều.	- Thiết kế, tổ chức được hoạt động sinh hoạt chiều cho trẻ.		* GV
	2. Tập dạy hoạt động học (các môn PP).	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được hoạt động giáo dục cho trẻ tại cơ sở GDMN.		- Tiếp tục duyệt, điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của người học theo kế hoạch đã phân công.
	3. Nhận xét, rút kinh nghiệm	- Đánh giá được kết quả hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của bản thân, các bạn trong nhóm và của GVMN. - Rút được kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN.		- Tham gia dự giờ các hoạt động chăm sóc giáo dục của người học.
	4. Hoạt động ngày lễ, hội	- Thiết kế, tổ chức được các hoạt động ngày lễ, hội tại cơ sở GDMN.		- Theo dõi ý thức tổ chức, kỉ luật của người học trong các hoạt động.
	5. Ghi nhật kí	- Mô tả được các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cô, các bạn trong		- Chấm bài tập của người học.

			nhóm và trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		
	6. Xây dựng kế hoạch tháng/chủ đề		- Thiết kế được kế hoạch hoạt động một tháng/chủ đề cho trẻ.		
	7. Viết bài thu hoạch		- Trình bày được cơ cấu tổ chức nhà trường. - Đánh giá cơ sở vật chất tại cơ sở GDMN. - Đánh giá được toàn bộ các hoạt động dự giờ, thực hiện trong đợt thực hành. - Đánh giá, nhận xét rút ra bài học cho bản thân. - Đề xuất, kiến nghị.		

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên	30%	Ý thức tham gia học tập, thực hành,		x	CLO5	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra việc

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
cần		thực hiện các yêu cầu của giảng viên, giáo viên tại cơ sở thực hành.				thực nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày học của người học.
A2 Đánh giá định kỳ	70%	1. Bài thu hoạch cuối đợt thực hành (tuần 2).	30%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đánh giá kết quả bài thu hoạch cuối đợt thực hành.
		2. Thực hành tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ (tuần 1,2).	30%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, GV chấm theo biểu điểm.
		A2.3 Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục trẻ (hoạt động học). (tuần 1,2).	40%	x	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục trẻ, GV chấm theo biểu điểm.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp tại cơ sở thực hành, ý thức thực hành trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

TCĐ G	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 95\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30 %

	điều kiện dự thi kết thúc học phần	lớp.				
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30 %
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập GV giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức NC tài liệu.	40 %

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra số 1

- Nội dung: Viết thu hoạch cuối đợt thực hành
- Hình thức: Bài tập.

Bảng 6a. Rubric đánh giá bài tập

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%

Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

* Bài kiểm tra số 2

- Nội dung: thực hành chăm sóc giáo dục trẻ

* Bài kiểm tra số 3

- Nội dung: tổ chức tiết học (hoạt động giáo dục)
- Hình thức: thực hành tại nhóm lớp mầm non.

Bảng 6b. Rubic đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể,	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát	20%

	không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	làm việc của nhóm khá tốt.	huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng,	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp	15%

	dung không đúng.		đầy đủ.	chi tiết.	thực tiễn.	

Ghi chú:

- Bài 2: Điểm chăm sóc giáo dục = trung bình cộng các hoạt động thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong tuần.

- Mỗi người học thực hiện 01 hoạt động học/ đợt.

8.2.3. Thi kết thúc học phần (không)

Quảng Ninh, ngày.... tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Thị Hương

2.5.61. Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620047
1.2. Tên học phần:	Thực tập sư phạm 1
1.3. Tên tiếng Anh:	Pedagogical internship 1
1.4. Số tín chỉ:	2 TC
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	0
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Đơn vị phụ trách chính:	Phòng Đào tạo; Khoa Sư phạm
- Các bộ môn:	Giáo dục Mầm non; Tâm lý Giáo dục.
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620046
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu HP**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần, người học củng cố, phát triển các kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục tích hợp theo chủ đề; xây dựng các loại kế hoạch; thực hành quản lý nhóm lớp; đánh giá trẻ và đánh giá các hoạt động tại các cơ sở GDMN. Tập nghiên cứu khoa học.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức thực tiễn về xây dựng và tổ chức kế hoạch chăm sóc- giáo dục trẻ theo hướng tích hợp theo chủ đề tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO2: Có kĩ năng xây dựng các loại kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN. Có kĩ năng tổ chức, quản lí, đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ.
- CO3: Bước đầu hình thành kĩ năng nghiên cứu khoa học.
- CO4: Có kĩ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ. Có kĩ năng xử lí các tình huống trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có tình cảm và trách nhiệm, ý thức tự tìm hiểu, tự nghiên cứu; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học của các nước tiên tiến vào chương trình GDMN.

3. Chuẩn đầu ra của học phần: Thực tập sư phạm 1 (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được quy trình tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ theo hướng tích hợp tại cơ sở giáo dục mầm non.	CO1
CLO2	Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ theo năm học, theo chủ đề; quy trình tổ chức ngày hội ngày lễ tại cơ sở giáo dục mầm non;	CO2
CLO3	Xây dựng tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN.	CO3, CO4
CLO4	Vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học vào hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ trong chương trình GDMN.	CO3, CO4
CLO5	Phân tích, đánh giá, tự đánh giá bản thân, các thành viên trong nhóm và trẻ. Bước đầu biết khảo sát, thu thập, phân tích số liệu về đặc điểm tâm - sinh lí của trẻ trong nhóm lớp thực hành để vận dụng vào công tác nghiên cứu khoa học.	CO2,CO3,CO5
CLO6	Thực hiện thành thạo giao tiếp ứng xử với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ. Có kĩ năng xử lí các tình huống phát sinh trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ.	CO4,CO5
CLO7	Yêu nghề, yêu trẻ, trách nhiệm, chủ động trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	M	R	R	R	R			R
CLO 2		M	R	R	R	R	R		I	R
CLO 3		R	R	R	R	R	R	I	I	R
CLO 4		R	M	M	R	R	R	I	I	R
CLO5		R	R	M	M	M	R		R	R
CLO6		M	R	R	M	M	R		R	R
CLO7		M	M	M	M	M	R		M	M
Tổng hợp học phần		R	R	R	R	R	R	I	I	R

5. Tài liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

5.2. Tài liệu tham khảo

- [2]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.
- [3]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3-4 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [4]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 4-5 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [5]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 5 - 6 tuổi*, Nxb. Giáo dục.
- [6]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số thời gian đi thực tập: 2 tín chỉ thực hành, (tương đương 4 tuần)
- Tổng số tuần học: 4 tuần

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Chuẩn bị, họp nhóm, phân công nhiệm vụ.
- Tìm hiểu thực tế giáo dục.
- Hoàn thành soạn giáo án, chuẩn bị môi trường.

6.2. Phần thí nghiệm, thực hành

- Dự lớp 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Các hoạt động thực hành chăm sóc – giáo dục trẻ;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành.

6.3. *Phân bài tập lớn, tiểu luận:*

- Đánh giá vị trí, vai trò của giáo viên mầm non với công tác chăm sóc – giáo dục trẻ của người GV trên quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm và quan điểm tích hợp.

- Viết báo cáo thu hoạch.

7. **Kế hoạch dạy học**

Theo kế hoạch thực tập sư phạm của nhà trường, cụ thể theo từng năm học.

8. **Đánh giá học phần**

Theo hướng dẫn và theo quy chế đào tạo, quy chế thực tập hiện hành.

Điểm tổng hợp thực tập sư phạm là trung bình các nội dung thực tập: Báo cáo thu hoạch (BCTH) (hệ số 1), Ý thức tổ chức kỷ luật (TCKL) (hệ số 1), TT chủ nhiệm lớp (CNL) (hệ số 2), TT giảng dạy (GD) (hệ số 3):

$$\text{Điểm TTSP} = \frac{\text{BCTH} + \text{TCKL} + \text{CNL} \times 2 + \text{GD} \times 3}{7}$$

(làm tròn đến một chữ số sau dấu phẩy)

9. **Thi kết thúc học phần (không)**

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Ngọc Quỳnh

2.5.62. Thực tập sư phạm 2 (5 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620048
1.2. Tên học phần:	Thực tập sư phạm 2
1.3. Tên tiếng Anh:	Pedagogical internship 2
1.4. Số tín chỉ:	5 TC
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	0
- Thực hành:	150 tiết
- Tự học:	150 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.s Nguyễn Ngọc Quỳnh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.s Nguyễn Minh Huệ Th.s Nguyễn Thị Hương
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	không
- Học phần học trước:	SP620047
- Học phần song hành:	không

2. Mục tiêu HP**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần, người học vận dụng các kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở cơ sở GDMN. Nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên mầm non. Xây dựng các loại kế hoạch; quản lý nhóm lớp và đánh giá trẻ, đánh giá các hoạt động tại cơ sở GDMN. Tập nghiên cứu khoa học.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

- CO1: Có kiến thức tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ theo hướng tích hợp tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

- CO2: Nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp xây dựng đất nước, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng xây dựng các loại kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN. Có kỹ năng tổ chức, quản lý, đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ.
- CO4: Bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học.
- CO5: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ. Có kỹ năng xử lý các tình huống trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Có tình cảm và trách nhiệm, ý thức tự tìm hiểu, tự nghiên cứu; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học của các nước tiên tiến vào chương trình Giáo dục Mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần Thực tập sư phạm² (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có năng lực:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được quy trình tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ theo hướng tích hợp tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO1
CLO2	Phân tích được vai trò của giáo dục trong sự nghiệp xây dựng đất nước; những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên mầm non.	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học và các mô hình giáo dục nước ngoài vào hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ trong chương trình GDMN.	CO3, CO4
CLO4	Phân tích, đánh giá, tự đánh giá về các hoạt động của bản thân, của các thành viên trong nhóm và trẻ.	CO3, CO4
CLO5	Khảo sát, thu thập, phân tích số liệu về đặc điểm tâm - sinh lý của trẻ trong nhóm/lớp thực tập để vận dụng vào công tác nghiên cứu khoa học.	CO2, CO3, CO5
CLO6	Thực hiện thành thạo giao tiếp ứng xử với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ. Có kỹ năng xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ.	CO4, CO5
CLO7	Yêu nghề, yêu trẻ, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	R	R	R	R			R	R
CLO 2		R	R	R	R	R			I	R
CLO 3		R	M	M	M	M		R	R	R
CLO 4		M	M	M	M	M		R	R	M
CLO5		R	R	R	R	M			R	M
CLO6		M	R	R	M	R			R	M
CLO7		M	M	M	M	M			M	M
Tổng hợp học phần		R	R	R	M	R		R	R	M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình chính thức

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.

[3]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3-4 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[4]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 4-5 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[5]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 5 - 6 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[6]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số thời gian đi thực tập: 5 tín chỉ thực hành, (tương đương 6 tuần)

- Tổng số tuần học: 6 tuần.

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Chuẩn bị, họp nhóm, phân công nhiệm vụ.
- Tìm hiểu thực tế giáo dục.
- Soạn giáo án, chuẩn bị môi trường.

6.2. Phần thí nghiệm, thực hành

- Dự lớp 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Các hoạt động thực hành chăm sóc – giáo dục trẻ;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành.

6.3. *Phân bài tập lớn, tiểu luận:*

- Đánh giá vị trí, vai trò của giáo viên mầm non với công tác chăm sóc – giáo dục trẻ của người GV trên quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm và quan điểm tích hợp.

- Viết báo cáo thu hoạch.

7. **Kế hoạch dạy học**

Theo kế hoạch thực tập sư phạm của Nhà trường, cụ thể theo từng năm học.

8. **Đánh giá học phần**

Theo hướng dẫn và theo quy chế đào tạo, quy chế thực tập hiện hành.

Điểm tổng hợp thực tập sư phạm là trung bình các nội dung thực tập: Báo cáo thu hoạch (BCTH) (hệ số 1), Ý thức tổ chức kỷ luật (TCKL) (hệ số 1), TT chủ nhiệm lớp (CNL) (hệ số 2), TT giảng dạy (GD) (hệ số 3):

$$\text{Điểm TTSP} = \frac{\text{BCTH} + \text{TCKL} + \text{CNL} \times 2 + \text{GD} \times 3}{7}$$

(làm tròn đến một chữ số sau dấu phẩy)

9. **Thi kết thúc học phần (không)**

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Ngọc Quỳnh

Khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

2.5.63. Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần	SP620049
1.2. Tên học phần	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non
1.3. Tên tiếng Anh	Organizing experiential educational activities for preschool children
1.4. Số tín chỉ	02 (1LT-1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	22 tiết
- Thực hành:	23 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths Nguyễn Minh Huệ
	Ths. Đặng Quang Rinh
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620047
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non; có kiến thức và kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức chung về hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.
- CO2: Có kiến thức cơ bản về thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.
- CO4: Có kỹ năng xử lý tình huống trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu. Có trách nhiệm, ý thức trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được khái niệm, qui trình, vai trò, các hình thức, nguyên tắc, cấu trúc, mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức về cấu trúc, mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO1, CO2,
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh được các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO2,CO3
CLO4	Giải quyết được các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO4
CLO5	Tích cực, chủ động, linh hoạt, hợp tác, chia sẻ trong việc tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO6

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I							I
CLO 2		I	I	I	I	I			I	I
CLO 3		R	R	R	R	R			I	R
CLO5		R	R	R	R	R			R	R
CLO6		R	R	R	R	R			R	R
Tổng hợp học phần		R	R	R	R	R			I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Hoàng Thị Phương (chủ biên, 2018, *Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường Mầm non*, NXB Đại học Sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

[3]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.

[4]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3-4 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[5]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 4-5 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[6]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 5 - 6 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[7]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	* Giới thiệu học phần Chương 1. Lí luận về giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non 1.1. Khái niệm “Giáo dục theo hướng trải nghiệm” cho trẻ Mầm non 1.1.1. Khái niệm trải nghiệm 1.1.2. Khái niệm “giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non 1.2. Quy trình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non 1.3. Vai trò của trải nghiệm đối với việc giáo dục trẻ Mầm non 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non 1.4.1. Trẻ Mầm non 1.4.2. Môi trường Giáo dục	6T 3LT	Trình bày vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; - Trình bày được khái niệm, giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. - Trình bày được quy trình, vai trò, giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. - Phân tích được các yếu tố trẻ, môi trường, nhà giáo dục ảnh hưởng đến quá trình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non.	CLO 1 CLO2 CLO5 CLO 1 CLO2 CLO5	- GV thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về học phần; - SV tìm hiểu về học phần. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Nghe giảng, đọc tài liệu [1, tr 2-7], thực hiện các yêu cầu của GV

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>1.4.3. Nhà Giáo dục</i>				
2	1.5. Các hình thức hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường Mầm non 5.1.1. Hoạt động chơi 5.1.2. Hoạt động học 5.1.3. Hoạt động lao động 5.1.4. Hoạt động tham quan 5.1.5. Hoạt động lễ hội <u>Thảo luận</u> Những đặc trưng và ưu thế của các hình thức hoạt động giáo dục để tổ chức theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non có hiệu quả.	2LT 1TL	- Vận dụng được các hình thức giáo dục và ưu thế của các hình thức đối với việc giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. Giải thích được những đặc trưng và ưu thế của các hình thức hoạt động giáo dục để tổ chức theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non có hiệu quả.	CLO1 CLO2 CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO6	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. SV: các nhóm thảo luận cách vận dụng các hình thức và trình bày. - SV Nghe giảng, đọc tài liệu [1, tr 16 - 24]; tài liệu [3] và thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết. GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - Tổ chức cho sinh viên trình bày, nhận xét, đánh giá. - Chính xác hóa nội dung thảo luận. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. - SV: thảo luận và trình bày theo nhóm.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
					- Ghi lại những TT cần thiết.
3	Chương 2. Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non 2.1. Khái niệm “Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm” 2.2. Căn cứ và nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non 2.2.1. Căn cứ xây dựng mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non 2.2.2. Các nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ MN 2.3. Cấu trúc và nội dung của mô hình tổ	15T 3LT	- Trình bày được khái niệm mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. - Xác định được các căn cứ xây dựng mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. - Vận dụng được các nguyên tắc xây dựng mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ MN	CLO1 CLO2 CLO1 CLO2 CLO1 CLO2	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Nghe giảng, đọc tài liệu [1, tr 31-32] thực hiện các yêu cầu của GV - Ghi lại những TT cần thiết. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - SV Nghe giảng, đọc tài liệu [1, tr 8 - 16]; thực hiện các yêu cầu của GV. GV: - Đặt câu hỏi cho

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non</i> <i>2.3.1. Chương trình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non</i> <i>2.3.2. Xây dựng môi trường hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non</i>		- Phân tích được chương trình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Trình bày được yêu cầu và cách xây dựng môi trường vật chất và tâm lí, xã hội trong hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		SV; - Tổ chức cho SV trả lời; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. - SV: Đọc tài liệu [1, tr 35-48] thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết. GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - chính xác hóa nội dung thảo luận. SV: các nhóm thảo luận cách xây dựng MT trải nghiệm và trình bày. - Ghi lại những TT cần thiết. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
3-4	<i>2.3. Cấu trúc và nội dung của mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non</i> <i>2.3.3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải</i>	3	- Vận dụng được quy trình tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục theo	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - GV chính xác hóa nội dung bài. SV:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<i>nghiệm cho trẻ Mầm non</i> <i>2.3.4. Đánh giá hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non</i>		hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; SV: các nhóm thảo luận và trình bày. - SV Nghe giảng, đọc tài liệu [1, tr50-64] thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.
5	2.4. Hướng dẫn sử dụng mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non <i>2.4.1. Sử dụng mô hình trải nghiệm trong các hoạt động giáo dục trẻ mầm non</i> <i>2.4.2. Sử dụng mô hình trải nghiệm cho trẻ các lứa tuổi</i> <i>2.4.3. Sử dụng mô hình trải nghiệm trong các loại hình cơ sở giáo dục Mầm non</i> <u>Thực hành</u> Xây dựng mô hình trải nghiệm cho trẻ nhà trẻ tại các cơ sở Giáo dục	2 1TH	Vận dụng được cấu trúc, nội dung mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Xây dựng được mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ nhà	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - GV chính xác hóa nội dung bài. SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Nhận xét, đánh giá. - SV Nghe giảng, đọc tài liệu [1, tr70-82] thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết. GV: - Giao nhiệm vụ thực hành.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	Mầm non		trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		- Tổ chức cho sinh viên trình bày, nhận xét, đánh giá. - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. - SV làm bài thực hành và trình bày kết quả hoạt động thực hành.
6-7	<u>Thực hành</u> Xây dựng mô hình trải nghiệm cho trẻ nhà trẻ tại các cơ sở Giáo dục Mầm non Xây dựng mô hình trải nghiệm cho trẻ mẫu giáo tại các cơ sở Giáo dục Mầm non <u>Thực hành</u> Xây dựng mô hình trải nghiệm trong các loại hình cơ sở giáo dục Mầm non	6	- Xây dựng được mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ nhà trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Xây dựng được mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mẫu giáo tại cơ sở Giáo dục Mầm non - Xây dựng được mô hình giáo dục theo hướng	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Giao nhiệm vụ thực hành. - Tổ chức cho sinh viên trình bày, nhận xét, đánh giá. - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. - SV: đọc tài liệu [1] chương 2 từ trang 70 đến trang 82; nghiên cứu tài liệu số 3 và số 5. - SV làm bài thực hành. - Sinh viên trình

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
			trải nghiệm trong các loại hình cơ sở giáo dục Mầm non		bày, nhận xét, đánh giá.
	Bài kiểm tra số 1 - Quy trình/ vai trò của trải nghiệm đối với việc GD trẻ mầm non - Cấu trúc/nội dung mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non.		Vận dụng được các mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại các cơ sở giáo dục Mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* GV: Giao bài tập, chấm bài tập * NH: Làm và nộp bài tập
8	Chương 3. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở giáo dục Mầm non 3.1. Tổ chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở giáo dục Mầm non 3.1.1. Xác định chủ đề hoạt động học 3.1.2. Xác định mục tiêu hoạt động học 3.1.3. Xác định cấu trúc và nội dung hoạt động học 3.1.4. Chuẩn bị hoạt động học 3.1.5. Cách tiến hành hoạt động học	24T 2LT	- Vận dụng các bước lập được kế hoạch hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Hướng dẫn cách lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - SV: nghe giảng và đọc tài liệu [1, tr83-114], thực hiện các yêu cầu của GV. SV: - vận dụng các bước lập KH theo hướng dẫn.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	<u>Thực hành</u> Xem video bài dạy tham khảo. Lập kế hoạch chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non.	1TH	- Đánh giá được các nội dung, phương pháp, hình thức thiết kế và tổ chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non theo nội dung video được xem.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV: - Tổ chức cho SV xem video bài dạy. - GV chính xác hóa nội dung bài dạy tham khảo SV: - Quan sát, đánh giá video bài dạy tham khảo. - SV đọc tài liệu [1, tr83-114] thực hiện các yêu cầu của GV; nghiên cứu tài liệu [3] và [5]. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
9	<u>Thực hành</u> Tổ chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non.	3TH	- Tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được kế hoạch hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.		SV: - Tập dạy giả định trên lớp. - Quay video tập giảng trích đoạn. GV: - Nhận xét, đánh giá, rút ra kết luận SP. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
10	<i>3.2. Tổ chức hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở giáo dục</i>	6T 2LT	- Vận dụng	CLO1	GV: - Hướng dẫn cách

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	Mầm non 3.2.1. Xác định chủ đề hoạt động chơi 3.2.2. Xác định mục tiêu hoạt động chơi 3.2.3. Xác định cấu trúc và nội dung hoạt động chơi 3.2.4. Chuẩn bị hoạt động chơi 3.2.5. Cách tiến hành hoạt động chơi <u>Thực hành</u> Xem video bài dạy tham khảo.	1	các bước lập kế hoạch hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Đánh giá được các nội dung, phương pháp, hình thức thiết kế và tổ chức hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non theo băng hình.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	lập kế hoạch và tổ chức hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - SV: nghe giảng và đọc tài liệu [1, tr114-133], thực hiện các yêu cầu của GV. SV: - vận dụng các bước lập KH theo hướng dẫn. GV: - Tổ chức cho SV xem video bài dạy. - GV chính xác hóa nội dung bài dạy tham khảo SV: - Quan sát, đánh giá video bài dạy tham khảo. - SV đọc tài liệu [1, tr114-133] thực hiện các yêu cầu của GV; nghiên cứu tài liệu [3] và [5]. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
	Lập kế hoạch chức năng hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non.		- Thiết kế được kế hoạch hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV: - Giao nhiệm vụ thực hành. - Tổ chức cho sinh viên trình bày, nhận xét, đánh giá. - GV chính xác hóa nội dung bài thực hành. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. - SV: đọc tài liệu [1, tr114-133] nghiên cứu tài liệu số 3 và số 5. - SV làm bài thực hành và báo cáo.
11	Tổ chức hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non	2TH	- Tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được kế hoạch hoạt động chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	SV: - Tập dạy giả định trên lớp. - Quay video tập giảng trích đoạn. GV: - Nhận xét, đánh giá, rút ra kết luận SP. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
11	<i>3.3. Tổ chức hoạt động lao động theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở giáo dục Mầm non</i>	3T 1LT	- Vận dụng các bước lập kế hoạch	CLO1 CLO2 CLO3	GV: - Hướng dẫn cách lập kế hoạch và tổ chức hoạt

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
12	3.3.1. Xác định chủ đề hoạt động lao động 3.3.2. Xác định mục tiêu hoạt động lao động 3.3.3. Xác định cấu trúc và nội dung hoạt động lao động 3.3.4. Chuẩn bị hoạt động lao động 3.3.5. Cách tiến hành hoạt động lao động <u>Thực hành</u> Tổ chức hoạt động lao động theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non.	2TH	hoạt động lao động theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được kế hoạch hoạt động lao động theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CLO4 CLO5 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	động lao động theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. - SV: nghe giảng và đọc tài liệu [1, tr133-158], thực hiện các yêu cầu của GV. SV: - vận dụng các bước lập KH theo hướng dẫn. - Tập dạy giả định trên lớp. - Quay video tập giảng trích đoạn. - Nhận xét, đánh giá. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
12	3.4. Tổ chức hoạt động tham quan theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở giáo dục Mầm non 3.4.1. Xác định chủ đề hoạt động tham quan 3.4.2. Xác định mục tiêu hoạt động tham quan 3.4.3. Xác định cấu	3T 1LT	- Vận dụng được các bước lập kế hoạch hoạt động tham quan theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV: - Hướng dẫn cách lập kế hoạch và tổ chức hoạt động tham quan theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. - SV: nghe giảng và đọc tài liệu [1, tr159-172], thực

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
13	trúc và nội dung hoạt động tham quan 3.4.4. Chuẩn bị hoạt động tham quan 3.4.5. Cách tiến hành hoạt động tham quan <u>Thực hành</u> - Xem video bài dạy tham khảo.	2TH	Giáo dục Mầm non. - Phân tích, đánh giá được các nội dung, phương pháp, hình thức thiết kế và tổ chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non theo video	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	hiện các yêu cầu của GV. SV: - vận dụng các bước lập KH theo hướng dẫn. - SV quan sát, đánh giá video bài dạy tham khảo. - GV chính xác hóa nội dung bài dạy tham khảo. - Các nhóm lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động tham quan theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non.
	- Tổ chức hoạt động tham quan theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non.		- Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được kế hoạch hoạt động tham quan theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	SV: - Tập dạy giả định trên lớp. - Quay video tập giảng trích đoạn. GV: - Nhận xét, đánh giá. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
13-14	3.5. Tổ chức hoạt động lễ - hội theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở giáo dục Mầm non 3.5.1. Xác định chủ đề hoạt động lễ - hội 3.5.2. Xác định mục tiêu hoạt động lễ - hội 3.5.3. Xác định cấu trúc và nội dung hoạt động lễ - hội 3.5.4. Chuẩn bị hoạt động lễ - hội 3.5.5. Cách tiến hành hoạt động lễ - hội <u>Thực hành</u> Thiết kế và tổ chức hoạt động lễ - hội theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non.	3T 1LT 2	- Phân tích các bước lập kế hoạch hoạt động lễ - hội theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Thiết kế tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được kế hoạch hoạt động lễ - hội theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV: - Hướng dẫn cách lập kế hoạch và tổ chức hoạt động lễ hội theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. - SV: nghe giảng và đọc tài liệu [1, tr172-190], thực hiện các yêu cầu của GV. SV: - vận dụng các bước lập KH theo hướng dẫn. - Tập dạy giả định trên lớp. - Quay video tập giảng trích đoạn. - Nhận xét, đánh giá. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.
15	3.6. Tổ chức hoạt động giao lưu theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở giáo dục Mầm non 3.6.1. Xác định chủ đề	1LT	- Vận dụng được các bước lập kế hoạch hoạt	CLO1 CLO2 CLO3	GV: - Hướng dẫn cách lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giao lưu theo hướng trải

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
15	<i>hoạt động giao lưu</i> 3.6.2. <i>Xác định mục tiêu hoạt động giao lưu</i> 3.6.3. <i>Xác định cấu trúc và nội dung hoạt động giao lưu</i> 3.6.4. <i>Chuẩn bị hoạt động giao lưu</i> 3.6.5. <i>Cách tiến hành hoạt động giao lưu</i> <u>Thực hành</u> Tổ chức hoạt động giao lưu theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. Bài kiểm tra số 2 Chấm nội dung thực hành: Thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. (thực hiện từ tuần 8 đến tuần 15).	2TH	động giao lưu theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. - Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được kế hoạch hoạt động giao lưu theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. Thiết kế tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CLO4 CLO5 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	nghiệm cho trẻ Mầm non. - SV: nghe giảng và đọc tài liệu [1, tr190-200], thực hiện các yêu cầu của GV. SV: - vận dụng các bước lập KH theo hướng dẫn. - Tập dạy giả định trên lớp. - Quay video tập giảng trích đoạn. - SV lắng nghe, quan sát các nhóm trình bày. - Nhận xét, đánh giá. SV: - Tập dạy giả định trên lớp. GV: - Chấm theo biểu điểm đánh giá. - Hướng dẫn sinh viên ôn tập.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO 5	- Theo dõi ý thức học tập của SV, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày học của SV.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Quy trình và vai trò của trải nghiệm đối với việc GD trẻ mầm non. Cấu trúc và nội dung mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non. (tuần 7)	40%	x	CLO 1 CLO2	Đánh giá kết quả bài tập chương 1,2.
		Kĩ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non (từ tuần 8-tuần 15)	60%	x	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Đánh giá kết quả bài thực hành chương 3.
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	1. Lí luận về giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non. 2. Mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non. 3. Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non.	20% 30% 50%	x	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	SV thi tự luận. GV chấm điểm theo biểu điểm

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1,2 của học phần.

- Hình thức: Bài tập

Bảng 6. Rubric đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu về thể thức nhưng còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu, cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

* Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: chương 3

- Hình thức: Đánh giá thực hành

Bảng 7. Rubric đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%

Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót.	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nội dung Chương 1,2,3 của học phần
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Biểu điểm
1	Khái niệm, qui trình, vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có	2

	dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non	minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	
2	Khái niệm mô hình, căn cứ, nguyên tắc, cấu trúc hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường Mầm non	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	3
3	Nội dung và thiết kế tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường Mầm non	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đặng Quang Rinh

**Nguyễn
Quỳnh**

Ngọc

2.5.64. Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non (2 tín chỉ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Mầm non

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620050
1.2. Tên học phần:	Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	Environment and environmental protection education in preschools
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành, kiểm tra:	30 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Bùi Thị Hằng Nga
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS Nguyễn Minh Huệ ThS Nguyễn Ngọc Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620047
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức về môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường (GDBVMT) ở cơ sở mầm non (MN). Vận dụng những kiến thức về môi trường và GDBVMT để thiết kế, tổ chức hoạt động GDBVMT cho trẻ ở cơ sở GDMN.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)**2.2.1. Về kiến thức**

CO1: Có kiến thức chung về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường hiện nay.

CO2: Có kiến thức về cơ sở khoa học của GDBVMT và quá trình GDBVMT ở cơ sở GDMN.

2.2.2. Về kỹ năng

CO3: Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá điều chỉnh hoạt động GDBVMT theo hướng tích hợp trong các hoạt động ở cơ sở mầm non

CO4: Có kỹ năng xử lý tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động GDBVMT cho trẻ tại cơ sở GDMN.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có trách nhiệm, chủ động, tích cực, hợp tác, chia sẻ với cộng đồng trong việc tổ chức các hoạt động GDBVMT cho trẻ tại cơ sở GDMN

3. Chuẩn đầu ra của học phần “Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường ở cơ sở mầm non” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được kiến thức về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường hiện nay.	CO1
CLO2	Phân tích được kiến thức cơ sở khoa học của GDBVMT và quá trình GDBVMT ở cơ sở GDMN	CO2
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được kế hoạch hoạt động GDBVMT theo hướng tích hợp trong các hoạt động ở cơ sở GDMN	CO3
CLO4	Giải quyết được các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động GDBVMT cho trẻ tại các cơ sở GDMN	CO4
CLO5	Trách nhiệm, chủ động, tích cực, hợp tác, chia sẻ với cộng đồng trong việc tổ chức hoạt động GDBVMT cho trẻ ở cơ sở GDMN	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO) Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	I	I					I	I
CLO 2		M	M	I	I	I			I	I
CLO 3			M	I	I	I			I	I
CLO 4					R	I			I	I

CLO 5						I			I	R
Tổng hợp học phần		R	M		R	I			I	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Hoàng Thị Phương (2019), *Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non*, Nxb. ĐHSP.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Thanh Vân (2019), *Con người và môi trường*, Nxb. ĐHSP.

[3]. Hoàng Thị Phương (2020), *Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*. Nxb. Giáo dục.

[4]. Bộ GD&ĐT, *Chương trình giáo dục Mầm non* (ban hành theo Thông tư 01/VBHN-GDDT ngày 13/4/2021).

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học.
- + Kiểm tra định kì: 2 bài.
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1-2	Giới thiệu học phần (*) Chương 1: Một số vấn đề chung về môi trường và tài nguyên thiên nhiên 1.1. Môi trường 1.1.1. Khái niệm môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường	3LT 3TH	Phân tích được khái niệm môi trường, cách phân loại môi trường	CLO1 CLO5	* GV: + Đàm thoại gợi mở + Tổ chức cho NH thảo luận nhóm + Hướng dẫn NH tự học * NH: - NH Nghiên cứu tài liệu [1,tr12], [2,tr5], Tìm hiểu khái niệm môi trường và phân loại môi trường. Lấy ví

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	1.2. Tài nguyên thiên nhiên 1.2.1. Khái niệm tài nguyên thiên nhiên 1.2.2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên 1.3. Tài nguyên thiên nhiên và vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường 1.3.1. Tài nguyên nước và sự ô nhiễm môi trường nước 1.3.2. Tài nguyên đất sự ô nhiễm môi trường đất 1.3.3. Không khí và ô nhiễm không khí 1.3.4. Tài nguyên rừng và sự phá hủy rừng Thảo luận: Đánh giá vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường hiện nay		Phân tích khái niệm tài nguyên thiên nhiên, phân loại tài nguyên thiên nhiên Phân tích được khái niệm, vai trò, nguyên nhân, hậu quả vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường Đánh giá được vấn đề	CLO1 CLO5 CLO1 CLO5	dự minh họa - NH Nghiên cứu tài liệu [2,tr79], Phân tích, lấy ví dụ về khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên. - - NH Nghiên cứu tài liệu [2,tr79-96], NH Sưu tầm tranh ảnh, video clips về tài nguyên, vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường. Nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường; - Các nhóm nhận xét, đánh giá
3	1.3. Thực hành: Thực trạng tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở địa phương Thực hành tìm hiểu thực trạng tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở địa phương	3TH	Phân tích được thực trạng tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở địa phương,	CLO1 CLO5	* GV: + Tổ chức cho NH thực hành theo nhóm - Hướng dẫn, nhận xét, đánh giá kết quả + Hướng dẫn NH

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>và hành động vì môi trường</i>		Thực hiện được một số hành động góp phần BVMT		tự học *NH - NH làm theo nhóm: Thu thập thông tin; nhận xét đánh giá và báo cáo kết quả (ghi chép, quay phim, chụp ảnh, quay clips)
4	Chương 2: Cơ sở khoa học của giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non 2.1. Khái niệm giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non 2.1.1. Giáo dục môi trường 2.1.2. Giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non 2.2. Ý nghĩa của giáo dục bảo vệ môi trường đối với sự phát triển của trẻ mầm non 2.2.1. Giáo dục bảo vệ môi trường góp phần phát triển nhận thức cho trẻ 2.2.2. Giáo dục bảo vệ	3LT	Phân tích được khái niệm GDBVMT cho trẻ ở cơ sở mầm non. Phân tích được ý nghĩa của GDBVMT đối với sự phát triển nhận thức, tình cảm đạo đức, thể chất	CLO2 CLO5 CLO2 CLO5	* GV: - Đặt vấn đề nghiên cứu; Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Tổ chức cho NH thảo luận nhóm; - củng cố và giao nhiệm vụ tự học. *NH: - Nghiên cứu tài liệu [1, tr12,tr30]. Phân tích, đưa ra quan điểm của cá nhân về khái niệm GDBVMT, ý nghĩa, bản chất của GDBVMT - NH Nghiên cứu tài liệu [1,tr31], Tìm kiếm các nguồn tư liệu trong dạy học MN về ý nghĩa giáo dục môi trường đối với sự phát triển của trẻ (Lấy ví dụ về ý

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>môi trường góp phần phát triển tình cảm đạo đức cho trẻ</i> 2.2.3. Giáo dục bảo vệ môi trường góp phần phát triển thể chất và lao động 2.2.4. Giáo dục bảo vệ môi trường góp phần phát triển thẩm mỹ 2.3. Bản chất của việc giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non		và lao động; thẩm mỹ của trẻ MN. Giải thích bản chất của việc GDBVMT cho trẻ MN	CLO2 CLO5	nghĩa đối với các lĩnh vực phát triển nhận thức, tình cảm đạo đức, phát triển thể chất và lao động; và phát triển thẩm mỹ) - NH Nhận xét tư liệu thu được đưa ra quan điểm cá nhân * NH: Nghiên cứu tài liệu [1, tr33]; Giải thích bản chất của việc giáo dục bảo vệ môi trường;
	2.4. Đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non		Phân tích được đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ MN	CLO2 CLO5	NH Nghiên cứu tài liệu [1, tr36]; Phân tích đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non - NH nghiên cứu tài liệu [1, tr39];
	2.5. Quan điểm cơ bản trong GDBVMT cho trẻ MN hiện nay 2.5.1 Phương thức tiếp cận trong giáo dục bảo vệ môi trường 2.5.2. Quan điểm tích hợp trong giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non		Giải thích được một số phương thức tiếp cận trong GDBVMT. Phân tích được quan điểm tích hợp trong GDBVMT	CLO2 CLO5	Tìm hiểu các phương thức tiếp cận trong giáo dục môi trường cho trẻ mầm non, tập trung phân tích quan điểm tích hợp và đề xuất quan điểm của cá nhân.
5,6	Chương 3. Tổ chức				

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non</i>				
	3.1. Nhiệm vụ giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non 3.2. Nội dung giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non 3.2.1. Cơ sở xác định nội dung giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non 3.2.2. Nội dung giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non 3.2.3. Thực hành: Khai thác nội dung giáo dục môi trường trong chương trình giáo dục mầm non	3LT 3TH	Phân tích được nhiệm vụ của việc GDBVMT ở cơ sở GDMN. - Giải thích được cơ sở xác định nội dung; Phân tích được các nội dung GDBVMT; vận dụng khai thác được nội dung GDBVMT trong chương trình GDMN	CLO2 CLO3 CLO5 CLO2 CLO3 CLO5	* GV: - Đặt vấn đề nghiên cứu; - Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Tổ chức cho NH thảo luận nhóm; - Đánh giá chốt lại vấn đề và giao nhiệm vụ tự học. * NH - Nghiên cứu tài liệu [1, 42-54]; Tìm hiểu, lấy ví dụ về cơ sở xác định nội dung và nội dung GDMVMT; - Xác định nội dung giáo dục môi trường từ các chủ đề cụ thể trong chương trình giáo dục mầm non
7	3.3. Phương pháp giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non 3.3.1. Các phương pháp giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non 3.3.2. Phối hợp sử	3LT	- Phân tích được các phương pháp GDBVMT cho trẻ MN; Vận dụng phối hợp sử	CLO2 CLO3 CLO5	* GV: - Đặt vấn đề nghiên cứu; Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Tổ chức cho NH thảo luận nhóm; - Đánh giá chốt lại vấn đề và giao

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<i>dụng các phương pháp giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non</i>		dụng được các phương pháp GDBVMT cho trẻ MN		nhiệm vụ tự học. NH: Nghiên cứu tài liệu [1, tr55-63]; Phân tích đặc điểm sử dụng ưu thế của phương pháp GDBVMT trong quá trình tổ chức một hoạt động cụ thể
8	3.3.3. Thực hành: Sử dụng một số phương pháp giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ ở cơ sở mầm non Bài kiểm tra (Tuần 8) - Những kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên thiên nhiên; vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường. - Cơ sở khoa học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp GDBVMT cho trẻ MN	2TH 1KT	Vận dụng thực hiện được một số phương pháp GDBVMT cho trẻ MN Phân tích, tổng hợp, được các kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên và môi trường Phân tích được cơ sở	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* GV: - Tổ chức thực hành, đánh giá chốt lại vấn đề - Xây dựng đề kiểm tra * NH Thiết kế và thực hành sử dụng các phương pháp GDBVMT: Trò chơi, nghệ thuật, trải nghiệm, dự án, giải quyết vấn đề thảo luận nhóm. GV: + Ra đề, đáp án + Tổ chức cho NH làm bài kiểm tra + Chấm bài theo đáp án NH: - Làm bài kiểm tra

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			khoa học		
9	3.4. Hình thức GDBVMT cho trẻ MN 3.4.1. GDBVMT thông qua hoạt động học 3.4.2. GDBVMT thông qua hoạt động vui chơi 3.4.3. GDBVMT thông qua hoạt động ngoài trời 3.4.4. GDBVMT thông qua hoạt động tham quan 3.4.5. Giáo dục bảo vệ môi trường thông qua sinh hoạt hàng ngày 3.5. Điều kiện GDBVMT cho trẻ MN 3.5.1. Điều kiện về trẻ và tập thể trẻ 3.5.2. Điều kiện về giáo viên 3.5.3. Điều kiện về cơ sở vật chất 3.5.4. Điều kiện về gia đình	3 LT	- Phân tích được các hình thức GDBVMT cho trẻ MN. - Phân tích, được các điều kiện GDBVMT cho trẻ MN.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* GV: - Đặt vấn đề - Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Tổ chức cho NH thảo luận nhóm; - Đánh giá chốt lại vấn đề và giao nhiệm vụ tự học. * NH: Nghiên cứu tài liệu [1, Tr64-90]; Chia nhóm, thảo luận về các hình thức: Hoạt động học, hoạt động vui chơi; hoạt động ngoài trời, tham quan, sinh hoạt hằng ngày Nghiên cứu tài liệu [1, tr91]; Tìm hiểu các điều kiện GDBVMT cho trẻ MN, Nghiên cứu, phân tích điều kiện em thấy quan trọng nhất trong GDBVMT cho trẻ MN
10	3.6. Thực hành: Tìm hiểu thực trạng giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ ở trường mầm non hiện nay	3TH	Thu thập được thông tin về thực trạng và đánh giá	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	* GV: - Tổ chức cho NH thực hành; nhận xét, đánh giá kết quả thực hành;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	3.6.1. Thu thập thông tin 3.6.2. Nhận xét, đánh giá thực trạng		được thực trạng GDBVMT ở cơ sở mầm non hiện nay (thực tế ở địa phương và thông tin trên mạng Internet);		* NH: - Thu thập thông tin; tìm hiểu, đánh giá thực trạng về GDBVMT hiện nay bằng nhiều kênh thông tin. - Trình bày quan điểm của cá nhân/nhóm - GV đánh giá chốt lại vấn đề và giao nhiệm vụ tự học.
11	Chương 4. Tổ chức hoạt động GDBVMT cho trẻ ở cơ sở mầm non 4.1. Hướng dẫn thiết kế hoạt động GDBVMT cho trẻ MN 4.1.1. Cấu trúc chung 4.1.2. Hướng dẫn thiết kế hoạt động GDBVMT cho trẻ MN 4.2. Thực hành thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non 4.2.1. Thực hành thiết kế hoạt động GDBVMT cho trẻ mầm non	1LT 2TH	- Phân tích được cấu trúc kế hoạch, cách thiết kế hoạt động GDBVMT cho trẻ ở cơ sở mầm non; Thiết kế được kế hoạch hoạt động GDBVMT cho trẻ MN	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	* GV: - Cung cấp cấu trúc chung và hướng dẫn thiết kế các hoạt động - Tổ chức cho NH thực hành; nhận xét, đánh giá bài thực hành; - Củng cố và giao nhiệm vụ tự học. * NH: - Thiết kế hoạt động GDBVMT theo hướng tích hợp - Nhận xét, đánh giá kết quả - GV đánh giá chốt lại vấn đề và giao nhiệm vụ tự học.
12 đến	4.2.2. Thực hành tổ chức, đánh giá, điều	6TH	Tổ chức đánh giá,	CLO2 CLO3	* GV: Nhận xét, rút kinh nghiệm

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
13	<i>chỉnh hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non</i>		điều chỉnh được hoạt động GDBVMT cho trẻ MN.	CLO4 CLO5	cho NH; củng cố và giao nhiệm vụ chuẩn bị bài kiểm tra. * NH: Thực hành tổ chức, đánh giá, điều chỉnh hoạt động GDBVMT các lứa tuổi theo chủ đề
14 đến 15	Bài kiểm tra số 2 Đánh giá kết quả thực hành tổ chức các hoạt động GDBVMT cho trẻ mầm non của NH	6TH	Đánh giá được kết quả tổ chức hoạt động GDBVMT của NH	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- NH: Báo cáo kết quả thực hành - GV chấm theo phiếu điểm.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

8.2.2. Kiểm tra định kì

* Bài kiểm tra số 1

- Nội dung: Phần 1: chương 1, chương 2, chương 3
- Hình thức: Kiểm tra

Bảng 5.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên thiên nhiên; vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường.	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	4
2	Cơ sở khoa học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp GDBVMT cho trẻ MN	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	6
Tổng điểm			10

* Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: chương 4

Hình thức: Đánh giá thực hành

Bảng 5.2. Rubic đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ <50% kết quả.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng,	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý,	20%

			còn một số nhầm lẫn, sai sót.	có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý.	kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự.	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi.	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn.	15%

8.2.3. Thi kết thúc học phần:

- Thi cuối kỳ: Hình thức tự luận
- Nội dung thi: chương 1-2-3
- Thời gian: 90 phút
- Biểu điểm: Theo hướng dẫn chấm bài thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những vấn đề chung về môi trường và tài nguyên thiên nhiên	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	3
2	Cơ sở khoa học và quá trình GDBVMT ở cơ sở GDMN	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	4
3	Thiết kế hoạt động GDBVMT cho trẻ theo hướng tích hợp trong các hoạt động theo hướng tích hợp hoạt động ở cơ sở GDMN	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	3
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Đặng Quang Rinh

Bùi Thị Hằng Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành: Giáo dục Mầm non

1.1. Mã học phần:	SP620051
1.2. Tên học phần:	Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ trẻ
1.3. Tên tiếng Anh:	Communication and positive behavior of preschool teachers with children and young parents
1.4. Số tín chỉ:	02 (1LT+1TH)
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	16 tiết
- Thực hành:	29 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Đặng Quang Rinh
	Ths. Nguyễn Minh Huệ
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620047
- Học phần song hành:	Không

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức, kỹ năng cơ bản về giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non đối với trẻ, cha mẹ/ người chăm sóc trẻ trong các hoạt động chăm sóc - giáo dục. Xử lý, điều chỉnh, được các tình huống giao tiếp tích cực, ứng xử phù hợp với trẻ và cha mẹ trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức chung về giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO2: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử tích cực đối với trẻ, cha mẹ/ người chăm sóc trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

- CO3: Có kỹ năng xử lý tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ trong quá trình tổ chức hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Tích cực, chủ động trong học tập. Có trách nhiệm, ý thức, kiên trì, dịu dàng, hợp tác trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

3. Chuẩn đầu ra của học phần “Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ trẻ” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được kiến thức về kỹ năng giao tiếp, ứng xử, các nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương tiện.... giao tiếp và ứng xử sư phạm của GVMN đối với trẻ, cha mẹ/ người chăm sóc trẻ trong các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO1, CO2
CLO3	Có kỹ năng giao tiếp ứng xử tích cực, xử lý tình huống đối với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ trong quá trình chăm sóc giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non.	CO2, CO3
CLO4	Tích cực, chủ động, linh hoạt, hợp tác, chia sẻ trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I			R			R	I
CLO 2		R	R		R	M	R		R	R
CLO 3		R	R	R	R	M	R		R	R
CLO 4		I	R	R	R	M	R		R	R
Tổng hợp học phần		R	R	R	R	M	R		R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình chính thức

[1] Nguyễn Văn Lũy, *Giáo trình giao tiếp sư phạm*, Nxb. ĐHSP, (2015)

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).

[3]. Trần Thị Ngọc Trâm (2012), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi*, NXBGD Việt Nam.

[4]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3-4 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[5]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 4-5 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[6]. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thị Ánh Tuyết (2017), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 5 - 6 tuổi*, Nxb. Giáo dục.

[7]. Lê Thu Hương (chủ biên, (2020), *Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề 3-4; 4-5; 5-6 tuổi*. NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướn g tới CLOS	Hoạt động dạy – học
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	* Giới thiệu học phần	3	Biết vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành.		- GV thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về học phần; - Người học tìm hiểu về học phần, tài liệu.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOS	Hoạt động dạy – học
	Chương 1. Một số vấn đề chung về giao tiếp, ứng xử tích cực 1.1. Một số khái niệm 1.1.1. <i>Giao tiếp - ứng xử</i> 1.1.2. <i>Giao tiếp, ứng xử sư phạm</i> 1.2. Vai trò của giao tiếp, ứng xử 1.3. Đặc trưng cơ bản của giao tiếp - ứng xử 1.4. Nguyên tắc giao tiếp, ứng xử sư phạm 1.4.1. <i>Mô phạm trong giao tiếp, ứng xử sư phạm</i> 1.4.2. <i>Tôn trọng nhân cách của đối tượng giao tiếp, ứng xử</i> 1.4.3. <i>Thiện chí trong giao tiếp, ứng xử sư phạm</i> 1.4.4. <i>Đồng cảm trong giao tiếp, ứng xử sư phạm</i> 1.4.5. <i>Niềm tin trong giao tiếp, ứng xử sư phạm</i>		- Trình bày được khái niệm, của giao tiếp - ứng xử, giao tiếp - ứng xử sư phạm. - Phân tích được vai trò của giao tiếp, ứng xử. - Phân tích được các đặc trưng cơ bản của giao tiếp - ứng xử - Vận dụng được các nguyên tắc của giao tiếp, ứng xử sư phạm.	CLO1 CLO4	- GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu - Người học: + Trình bày + Nghe giảng, đọc tài liệu 1 thực hiện các yêu cầu của GV.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOS	Hoạt động dạy – học
2	1.5. Nội dung giao tiếp ứng xử tích cực 1.5.1. Nội dung tâm lý 1.5.1.1. Nhận thức 1.5.1.2. Thái độ cảm xúc 1.5.1.3. Hành vi 1.5.2. Nội dung công việc trong giao tiếp 1.6. Các hình thức giao tiếp, ứng xử 1.6.1. Theo phương tiện giao tiếp 1.6.2. Theo khoảng cách giao tiếp 1.6.3. Theo quy cách giao tiếp	3	- Phân tích được các nội dung nhận thức, thái độ cảm xúc, hành vi của giao tiếp, ứng xử. - Vận dụng được các hình thức giao tiếp, ứng xử trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ Mầm non.	CLO 1 CLO4 CLO1 CLO2 CLO4	- GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu - Người học: + Trình bày + Nghe giảng, đọc tài liệu 1; thực hiện các yêu cầu của GV.
3	1.7. Các phương tiện giao tiếp, ứng xử 1.7.1. Giao tiếp bằng phương tiện ngôn ngữ 1.7.2. Giao tiếp bằng phương tiện phi ngôn ngữ Thảo luận: Phân tích các nội dung, phương tiện, hình thức giao tiếp, ứng xử qua các tình huống.	3	- Vận dụng được các phương tiện giao tiếp trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ Mầm non. - Phân tích được các nội dung, phương tiện, hình thức giao tiếp, ứng xử qua các tình huống.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - Chính xác hóa nội dung thảo luận. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu Người học: - Các nhóm thảo luận và báo cáo. - Nghe giảng, đọc tài liệu 1, thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOS	Hoạt động dạy – học
4	Chương 2. Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ/người chăm sóc trẻ 2.1. Một số khái niệm 2.1.1. Tính tích cực 2.1.2. Tính tích cực trong tâm lý 2.1.3. Tính tích cực giao tiếp, ứng xử 2.1.4. Giao tiếp tích cực của giáo viên mầm non 2.2. Một số đặc trưng giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ 2.2.1. Đáp ứng nhu cầu giao tiếp của trẻ 2.2.2. Chủ động trong giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ 2.2.3. Sự hòa nhập trong giao tiếp với trẻ	3	- Phân tích được các khái niệm: Tính tích cực, tính tích cực trong tâm lý, tính tích cực giao tiếp, ứng xử; giao tiếp tích cực của GVMN. - Giải thích được một số đặc trưng giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ. - Chính xác hóa nội dung thảo luận. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu Người học: - Các nhóm thảo luận và báo cáo. - Nghe giảng thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOS	Hoạt động dạy – học
5	2.3. Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ trong các hoạt động 2.3.1. Hoạt động đón trẻ 2.3.2. Hoạt động chơi tập/ hoạt động học có chủ đích 2.3.3. Hoạt động vui chơi 2.3.4. Hoạt động ăn/ ngủ 2.3.5. Hoạt động trả trẻ 2.3.6. Hoạt động trải nghiệm 2.4. Giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non với cha mẹ/ người chăm sóc trẻ 2.4.1. Giao tiếp trực tiếp 2.4.2. Giao tiếp gián tiếp	3	- Áp dụng được nội dung, hình thức, phương tiện giao tiếp của GVMN với trẻ trong các hoạt động đón trả trẻ, hoạt động chơi tập/ hoạt động học, hoạt động vui chơi, ăn ngủ, trải nghiệm . - Phân tích được các hoạt động giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non với cha mẹ/ người chăm sóc trẻ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Chia nhóm thảo luận. - Giao nhiệm vụ. - Đánh giá, rút ra kết luận SP. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. Người học: - Thảo luận theo nhóm các hoạt động giao tiếp, ứng xử với trẻ; cha mẹ/ người chăm sóc trẻ trong một số hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non. - Nghe giảng, đọc tài liệu 1, 2,3 thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.
6	2.5. Thực hành Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ/ người nuôi dưỡng trẻ trong các hoạt động 2.5.1. Thực hành Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ/ người nuôi dưỡng trẻ	3	- Áp dụng được nội dung, hình thức, phương tiện giao tiếp của GVMN với trẻ và cha mẹ/ người nuôi dưỡng trẻ nhà trẻ tại cơ sở GDMN.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: Nghiên cứu tài liệu 1,2,3 - Chia lớp thành 4 nhóm và phân về các nhóm/lớp mầm non nhà trẻ, 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi để thực hiện công tác thực hành. - Trong thời gian

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOS	Hoạt động dạy – học
	<i>nhà trẻ tại cơ sở GDMN</i>				thực hành sẽ đảo nhóm: mỗi tuần một nhóm sẽ thực hành tại một độ tuổi.
7	2.5.2. Thực hành Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ/người nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi tại cơ sở GDMN	3	Áp dụng được nội dung, hình thức, phương tiện giao tiếp của GVMN với trẻ và cha mẹ/người nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi tại cơ sở GDMN.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Dự giờ, đánh giá, rút kinh nghiệm. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. Người học: -Thực hành giải quyết các tình huống giao tiếp,
8	2.5.3. Thực hành Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ/người nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi tại cơ sở GDMN	3	Áp dụng được nội dung, hình thức, phương tiện giao tiếp của GVMN với trẻ và cha mẹ/người nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi tại cơ sở GDMN.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	ứng xử sư phạm với trẻ, cha mẹ/người chăm sóc trẻ nhà trẻ tại các nhóm/ lớp ở cơ sở giáo dục mầm non. - Đánh giá và rút ra kết luận sư phạm phản quan sát thực hành.
9	2.5.4. Thực hành Giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên mầm non với trẻ và cha mẹ/người nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại cơ sở GDMN	3	- Áp dụng được nội dung, hình thức, phương tiện giao tiếp của GVMN với trẻ và cha mẹ/người nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại cơ sở GDMN.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Ghi chép các thông tin cần thiết.
10	<u>Thảo luận</u> - Thực trạng giao tiếp của giáo viên mầm non	3	- Đánh giá được ưu điểm, hạn chế của GVMN	CLO1 CLO2 CLO3	GV: - Chia nhóm thảo luận.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOS	Hoạt động dạy – học
	với trẻ, và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ. - Các biện pháp điều chỉnh giao tiếp theo hướng tích cực hơn giữa giáo viên mầm non với trẻ, và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ		trong giao tiếp với trẻ, và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ. - Đề xuất, thực hiện được các biện pháp giao tiếp tích cực..	CLO4	- Giao nhiệm vụ. - Đánh giá, rút ra kết luận SP. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. Người học: - Thảo luận theo nhóm và báo cáo nội dung thảo luận. - Nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn. - Ghi chép các thông tin cần thiết.
	Bài kiểm tra số 1 Các nội dung, hình thức, phương tiện, đặc trưng giao tiếp, ứng xử sư phạm của giáo viên trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.		- Vận dụng được nội dung, hình thức, phương tiện, đặc trưng giao tiếp, ứng xử sư phạm của giáo viên trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	* GV: Giao bài tập, chấm bài tập * Người học: Làm và nộp bài tập. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOS	Hoạt động dạy – học
11	Chương 3. Kỹ năng giao tiếp tích cực và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non 3.1. Khái niệm chung 3.1.1. Khái niệm tình huống có vấn đề 3.1.2. Khái niệm tình huống giao tiếp sư phạm 3.1.3. Các loại tình huống giao tiếp sư phạm 3.1.4. Quy trình giải quyết tình huống giao tiếp sư phạm	3	- Trình bày được khái niệm tình huống có vấn đề và tình huống giao tiếp sư phạm. - Trình bày được các loại tình huống giao tiếp sư phạm. - Vận dụng được quy trình giải quyết tình huống giao tiếp sư phạm.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu - Người học: + Trình bày, ghi chép. - Nghe giảng, đọc tài liệu 1 thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi chép các thông tin.
12	3.2. Các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non đối với trẻ	3	Vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp, ứng	CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Chia nhóm, giao nhiệm vụ.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOS	Hoạt động dạy – học
	3.3. Các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non đối với cha mẹ/người chăm sóc trẻ 3.4. Một số tình huống giao tiếp, ứng xử sư phạm 3.4.1. Một số tình huống giao tiếp, ứng xử thường gặp giữa giáo viên mầm non với trẻ 3.4.2. Một số tình huống giao tiếp, ứng xử thường gặp giữa giáo viên mầm non với cha mẹ/người chăm sóc trẻ		xử của giáo viên Mầm non đối với trẻ. Vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử của giáo viên Mầm non đối với cha mẹ/người chăm sóc trẻ. Phân tích được các tình huống giao tiếp, ứng xử thường gặp giữa giáo viên Mầm non với trẻ. Phân tích được các tình huống giao tiếp, ứng xử thường gặp giữa giáo viên Mầm non với cha mẹ/người chăm sóc trẻ.		- Chính xác hóa nội dung thảo luận. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu Người học: - Các nhóm thảo luận và báo cáo. - Nghe giảng, đọc tài liệu 1 thực hiện các yêu cầu của GV. - Ghi lại những TT cần thiết.
13	3.5. Thực hành giải quyết các tình huống giao tiếp, ứng xử sư phạm Thực hành xử lý các tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ; cha mẹ/người chăm sóc trẻ nhà trẻ tại cơ sở GDMN	3	Xử lý được các tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ; cha mẹ/người chăm sóc trẻ nhà trẻ tại cơ sở GDMN	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Chia lớp thành 4 nhóm và phân về các nhóm/lớp mầm non nhà trẻ, 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi để thực hiện công tác thực hành. - Trong thời gian thực hành sẽ đảo
14	- Thực hành xử lý các	3	Xử lý được các		

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOS	Hoạt động dạy – học
	tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ; cha mẹ/ người chăm sóc trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi tại cơ sở GDMN.		tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ; cha mẹ/ người chăm sóc trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi tại cơ sở GDMN.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	nhóm mỗi tuần một nhóm sẽ thực hành tại một độ tuổi. - Dự giờ, đánh giá, rút kinh nghiệm. - Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. Người học:
15	- Thực hành xử lý các tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ; cha mẹ/ người chăm sóc trẻ 4-5 tuổi tại cơ sở GDMN.	3	Xử lý được các tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ; cha mẹ/ người chăm sóc trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi tại cơ sở GDMN	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	-Thực hành giải quyết các tình huống giao tiếp, ứng xử sư phạm với trẻ, cha mẹ/ người chăm sóc trẻ nhà trẻ tại các nhóm/ lớp ở cơ sở giáo dục mầm non. - Đánh giá và rút ra kết luận sư phạm phản quan sát thực hành.
	- Thực hành xử lý các tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ; cha mẹ/ người chăm sóc trẻ 5-6 tuổi tại cơ sở GDMN		Xử lý được các tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ; cha mẹ/ người chăm sóc trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại cơ sở GDMN.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
	Bài kiểm tra số 2 Thực hiện trong quá trình người học thực hành xử lý các tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ tại cơ sở mầm non. (thực hiện từ tuần 10 đến tuần 15).		Có kỹ năng xử lý các tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ tại các cơ sở mầm non.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Người học: Thực hành giải quyết các tình huống giao tiếp, ứng xử sư phạm với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non. - GV đánh giá và rút ra kết luận sư phạm.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOS	Hoạt động dạy – học
	Ôn tập các chương				

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.	100%	x	CLO 4	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giao. - Thông kê ngày học của SV.
A2. Đánh giá định kỳ (2 bài)	30%	Đánh giá kiến thức về vai trò, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương tiện, quy trình, kỹ năng giao tiếp, ứng xử của GVMN với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ	50%	x	CLO 1 CLO3 CLO4	Đánh giá kết quả bài kiểm tra chương 1,2
		Đánh giá thực hành xử lý các tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non.	50%		CLO1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Đánh giá kết quả bài thực hành chương 2,3 Chia nhóm đưa về các lớp mầm non thực hành và tổng kết báo cáo nội dung đã thực hành tại lớp (Chấm điểm xử lý tình

						huống khi báo cáo và thực tế quá trình giao tiếp xử lý tình huống)
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	1. Lí luận về giao tiếp, ứng xử sư phạm của giáo viên với trẻ và cha mẹ trẻ/ người chăm sóc trẻ 2. Vận dụng lí luận về giao tiếp, ứng xử của giáo viên với trẻ và cha mẹ trẻ/ người chăm sóc trẻ vào các tình huống chăm sóc giáo dục trẻ.	40% 60%		CLO1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Người học thi tự luận. GV chấm điểm theo biểu điểm

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học, cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5 : Rubric - Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%

Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

8.2.2.1. Đánh giá bài định kỳ số 1

- Hình thức: Bài tập
- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1,2 của học phần.
- Thời gian: 60'

Bảng 6 - Rubric Đánh giá bài tập (Work Assignment)

TCDG	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn	30%

			nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

8.2.2.2. Đánh giá bài định kỳ số 2

- Hình thức: Thực hành

- Nội dung đánh giá: Xử lý các tình huống giao tiếp, ứng xử với trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc trẻ tại các cơ sở mầm non.

Bảng 7: Rubrik Đánh giá thực hành (project attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của cả nhóm, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%

Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ (<50%), kết quả sai, trình tự các bước không hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh các tình huống đã xử lý tại nhóm	Không thuyết minh/ thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng, logic, đầy đủ.	15%
Bản báo cáo	Bản báo cáo chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	Bản báo cáo không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	Bản báo cáo đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	Bản báo cáo đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	Bản báo cáo đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn	15%

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Các nội dung thuộc chương 1,2,3 của học phần
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Biểu điểm
1	Khái niệm, vai trò, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương tiện về giao tiếp, ứng xử tích cực của giáo viên với trẻ và cha mẹ trẻ/người chăm sóc trẻ	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	5
2	Vận dụng các kỹ năng, hình thức, nguyên tắc, phương tiện trong giao tiếp, ứng xử tích cực với trẻ và cha mẹ trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác GDMN.	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Ngọc Quỳnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành: Sư phạm Mầm non

1.1. Mã học phần:	SP620052
1.2. Tên học phần:	Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục mầm non
1.3. Tên tiếng Anh:	The moral of principles in Early Childhood Education
1.4. Số tín chỉ:	02 (2LT)
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	18 tiết
- Thực hành + TL	12 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Nguyễn Thị Hương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Nguyễn Minh Huệ Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620046
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có các kiến thức về đạo đức và đạo đức nghiệp của GVMN, thực hiện tốt các quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp của GVMN.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức chung đạo đức và đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non, các quy định pháp luật về đạo đức nghề nghiệp của GVMN.

- CO2: Có kiến thức về các quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp của GVMN.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng ứng xử và xử lý tình huống liên quan đến đạo đức nghề nghiệp của GVMN.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có tình cảm nghề nghiệp. Có ý thức tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức nghề nghiệp của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra của HP “Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Khái quát hóa, hệ thống hóa được các nội dung về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non, các quy định pháp luật về đạo đức nghề nghiệp của GVMN.	CO1
CLO2	Phân tích được các quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non.	CO2, CO4
CLO3	Thực hiện được các hành vi ứng xử và xử lý các tình huống trong quan hệ với trẻ, với nghề, với bản thân, với đồng nghiệp, với cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ, với cộng đồng.	CO3, CO2, CO4
CLO4	Yêu trẻ, gắn bó với nghề. Chủ động, tích cực tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức nghề nghiệp của bản thân và chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R							I	I
CLO 2		R				R				I
CLO 3					R	M			R	I
CLO 4					R	R			M	I
Tổng hợp học phần		R			R	R			R	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Trường Đại học Hạ Long, (2021), Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên module 1 *"Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non"* ban hành theo Thông tư số:12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 (Lưu hành nội bộ).
- [2]. Bộ giáo dục và Đào tạo, (2008), *"Quy định về đạo đức nhà giáo ban hành theo"* Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/ 4/2008".
- [3]. Bộ giáo dục và Đào tạo, (2018), *"Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non"* ban hành theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/ 10/2018.
- [4]. Bộ giáo dục và Đào tạo, (2019), *"Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên"* ban hành theo Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/ 4/2019.
- [5]. Bộ giáo dục và Đào tạo, (2019), *"Tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo"* ban hành theo Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/ 5/2018"
- [6]. Bộ giáo dục và Đào tạo, (2017), *"Chương trình hành động phòng chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên giai đoạn 2017 – 2021"* ban hành theo Quyết định số5886/QĐ-BGDĐT ngày 28/ 12/2017.
- [7]. Bộ giáo dục & Đào tạo, (2021), *"Quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục mầm non công lập"* ban hành theo Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/ 02/2021.
- [8]. Chính phủ, (2017), *"Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường"* ban hành theo Nghị định số 80/2017/NĐ- CP ngày 17/ 7/2017.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 8 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 8 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Đánh giá định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài (Tự luận)

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy – học
1	* Giới thiệu học phần Chương 1. Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp và các quy định pháp luật về đạo đức nghề của giáo viên mầm non. (15 tiết: 9TL + 6TL) 1.1. Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non 1.1.1. Đạo đức và vai trò của đạo đức 1.1.1.1. Khái niệm đạo đức 1.1.1.2. Vai trò của đạo đức	4	- Mô tả được vị trí, vai trò của HP trong CTĐT. Trình bày được khái niệm (KN) đạo đức. Phân tích được vai trò của đạo đức.	CLO1 CLO4	* GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu và làm bài tập chương 1. * NH nghiên cứu tài liệu [1, tr 2- 25], [2, 3,4,5,6,7,8], làm bài tập chương 1. * GV: - Giới thiệu HP; - Cung cấp minh chứng; - Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ học tập; - Tổ chức cho SV thảo luận (TL); - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - Phản hồi tích cực; - TL nhóm; - Lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.
	1.1.2. Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non 1.1.2.1. Khái niệm và các thành tố của đạo đức nghề nghiệp 1.1.1.2. Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non		Phân tích được KN và các thành tố của đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN). - Giải thích được khái niệm ĐĐNN của GVMN.		
2	1.1.2.3. Vai trò của đạo đức nghề nghiệp đối với GVMN 1.2. Các quy định pháp luật về đạo đức nghề nghiệp của người GVMN	1 3	- Phân tích được yêu cầu phẩm chất ĐĐNN của GVMN. Phân tích được vai trò của ĐĐNN đối với GVMN. Trình bày được các quy định về ĐĐNN của GVMN trong các văn bản.	CLO1 CLO4	

3	* Thảo luận: Thực trạng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non hiện nay	4	Phân tích được những ưu điểm, hạn chế về phẩm chất ĐĐNN của GVMN hiện nay.	CLO1 CLO4	* GV: Giao nhiệm vụ cho nhóm SV nghiên cứu các văn bản có liên quan đến ĐĐNN. * NH: - Nghiên cứu các văn bản, báo cáo kết quả nghiên cứu. - Lắng nghe các trình bày và góp ý. * GV: Chốt lại vấn đề.
4	* Thảo luận: Thực trạng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non hiện nay Đánh giá bài định kì số 1 Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp và các quy định pháp luật về đạo đức của GVMN Chương 2. Quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non. (15 tiết: 9LT +6 TL) 2.1. Đặc thù lao động của giáo viên mầm non	2 1 1	Phân tích được những ưu điểm, hạn chế về phẩm chất ĐĐNN của GVMN hiện nay. Khái quát hóa, hệ thống hóa được các nội dung về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp của GVMN. - Giải thích được đặc thù lao động của giáo viên mầm non.	CLO1 CLO4 CLO1 CLO4	* GV: - Chia nhóm, tổ chức TL; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: nghiên cứu TL [1, tr 25- 45], - Thảo luận nhóm - Trình bày kết quả TL, lắng nghe, các nhóm trình bày, góp ý, bổ sung. * GV: Giao bài tập, chấm bài tập. * NH: Làm và nộp bài tập.
5	2.2. Quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non 2.2.1. Các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non trong quan hệ với	4	- Giải thích được đặc thù lao động của giáo viên mầm non. - Áp dụng được các chuẩn mực ĐĐNN của GVMN trong quan hệ với trẻ.	CLO2 CLO3 CLO4	* GV: Giao nhiệm vụ đọc tài liệu và bài tập chương 2. * NH nghiên cứu tài liệu [1, tr 25- 45], làm bài tập chương 2. * GV: - Cung cấp minh chứng; - Giảng giải; đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ học

	trẻ. 2.2.2. Các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non trong quan hệ với nghề 2.2.3. Các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non trong quan hệ với bản thân 2.2.4. Các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non trong quan hệ với đồng nghiệp		- Áp dụng được các chuẩn mực ĐĐNN của GVMN trong quan hệ với nghề. Áp dụng được các chuẩn mực ĐĐNN của GVMN trong quan hệ với bản thân. Áp dụng được các chuẩn mực ĐĐNN của GVMN trong quan hệ với đồng nghiệp.		tập; - Tổ chức TL; - Đánh giá, chốt lại vấn đề . * NH: - Trả lời các câu hỏi của GV; - TL nhóm; - Lắng ghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những TT cần thiết.
6	2.2.5. Các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non trong quan hệ với cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ và cộng đồng 2.3. Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ của người GVMN 2.3.1. Sự cần thiết phải rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non 2.3.2. Các yếu tố tác động đến đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non 2.3.3. Các biện pháp bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao đạo đức nghề nghiệp	4	- Áp dụng được các chuẩn mực ĐĐNN của GVMN trong quan hệ với cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ và cộng đồng. Trình bày được sự cần thiết phải rèn luyện ĐĐNN đối với GVMN Phân tích được các yếu tố tác động đến ĐĐNN của GVMN. - Áp dụng được các biện pháp bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao ĐĐNN.	CLO2 CLO3 CLO4	

7	2.4. Thực hành thực hiện quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp	4	- Tích cực, chủ động tự tu dưỡng, rèn luyện các chuẩn mực ĐĐNN của bản thân.	CLO2 CLO3 CLO4	* GV: - Giao nhiệm vụ học tập; - Đàm thoại, gợi mở; - Tổ chức cho NH TL; - Đánh giá, chốt lại vấn đề. * NH: - Phản hồi tích cực; - TL nhóm; - Quan sát, lắng nghe, ghi lại những TT cần thiết.
8	2.4. Thực hành thực hiện quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp	2	- Thực hiện được các quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức đối với trẻ, với đồng nghiệp, với bản thân, với cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ.	CLO2 CLO3 CLO4	* GV: - Phân NH vào lớp thực hành; - Dự hoạt động giao tiếp ứng xử của NH; - Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm hoạt động giao tiếp ứng xử của NH. * NH:

					- Thực hành giao tiếp ứng xử với: trẻ, đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ; - Tự đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện quy tắc và chuẩn mực ứng xử ĐĐNN của bản thân và của các thành viên trong nhóm.
	* Đánh giá bài định kì số 2 Quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non.		- Phân tích được các quy tắc và chuẩn mực ứng xử ĐĐNN của GVMN. - Xử lý được tình huống ứng xử trong quan hệ với trẻ, với đồng nghiệp, với cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ.	CLO2 CLO3 CLO4	* GV: Giao bài tập, chấm bài tập. * NH: Làm và nộp bài tập.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến.		x	CLO 4	- Theo dõi ý thức học tập của người học, kiểm tra việc thực nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày học của người học.
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Đánh giá kiến thức về: Tổng quan đạo đức nhà giáo và các	50%	x	CLO 1 CLO4	Bài tập

		quy định PL về đạo đức của GVMN (tuần 5)				
		Đánh giá về: Quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non. (Tuần 10)	50%	x	CLO 2 CLO3 CLO 4	Bài tập
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	- Đánh giá kiến thức về: Tổng quan đạo đức nhà giáo và các quy định PL về đạo đức của GVMN - Đánh giá về: Quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non.	50% 50%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Thi tự luận

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 95\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%

Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, TL	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập GV giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Đánh giá định kỳ

* Bài kiểm tra số 1

- Nội dung: Chương 1
- Hình thức: Bài tập Nội dung đánh giá định kỳ bài số 1

* Bài kiểm tra số 2

- Nội dung: Chương 2 Nội dung đánh giá định kỳ bài số 2
- Hình thức: Bài tập

Bảng 5b. Rubic đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ < 90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu	Bài tập trình bày đúng yêu	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ,	Bài tập trình bày đẹp, đầy	30%

		câu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	câu về thể thức nhưng còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1-2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 60 phút

8.2.3. Thi kết thúc học phần

	Nội dung	Trọng số%
1	Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp của GVMN và các quy định pháp luật về đạo đức của GVMN.	50
2	Quy tắc và chuẩn mực ứng xử đạo đức nghề nghiệp của GVMN.	50

Quảng Ninh, ngày....tháng năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đặng Quang Rinh

Nguyễn Thị Hương
